

# SỨ VỤ CỦA GIÁO HỘI

Trong Kỷ Nguyên Kỹ Thuật Số

LM Anthony Lê Đức, SVD



**SỨ VỤ CỦA GIÁO HỘI**  
**Trong Kỷ Nguyên Kỹ Thuật Số**

**LM Anthony Lê Đức, SVD**

**Asian Research Center for Religion and Social Communication**  
**Bangkok**  
**2022**

*Thiết kế bìa:*

**Paul Pronpol Rakboonyuang**

**Luca Nguyễn Thiên Vinh**

---

***Mission of the Church in the Digital Age***

Copyright © 2022 Trung tâm Nghiên cứu Á Châu về Tôn giáo và Truyền thông Xã hội (Asian Research Center for Religion and Social Communication, St. John's University, Bangkok, Thailand)  
Email: arcstjohns.bkk@gmail.com

All rights reserved.

Manufactured in Bangkok, Thailand

ISBN 978-974-487-163-3



# LỜI NÓI ĐẦU

Trong cuộc đời của mỗi người đều có những cột mốc quan trọng đánh dấu những thay đổi lớn trong cuộc hành trình của chính mình. Riêng với tôi, năm 1994 là một thời điểm đáng nhớ, đó là năm tôi tốt nghiệp cấp III và bước vào đại học, bắt đầu cuộc sống tự lập xa mái ấm và sự chăm sóc của gia đình. Nhà tôi ở miền Nam California, còn trường Đại học California tại Berkeley (UC Berkeley) nơi tôi theo học thì ở vùng Vịnh San Francisco, miền Bắc của tiểu bang. Tuy không xa lắm, chỉ mất một tiếng đồng hồ đi máy bay, nhưng cũng đủ cho tôi cảm thấy như mình đang bước vào một cuộc sống và một thế giới hoàn toàn mới lạ so với những gì tôi đã từng trải nghiệm trước đây.

Vì là con út trong gia đình có nhiều anh chị em nên mãi đến khi vào đại học tôi mới lần đầu tiên tự đi chợ nấu cơm, tự mình tính toán chi phí sinh hoạt cho mỗi kỳ học để không bị thiếu hụt. Tôi vẫn nhớ khi lần đầu tiên nấu cơm, tôi phải gọi điện hỏi mẹ nên đổ bao nhiêu nước cho vừa. Khác với hầu hết các bạn sinh viên năm I, tôi không lưu trú trong ký túc xá của trường đại học, nhưng chọn thuê một căn hộ để ở chung với một người quen. Anh ấy là sinh viên năm thứ III, cũng là người gốc Việt đang theo học ngành Kỹ sư vi tính.

Cuộc sống tự lập của tôi không chỉ bao gồm những công việc mới mà tôi phải tự đảm trách hằng ngày, những kiến thức mới mà tôi được học trong môi trường đại học, hoặc những mối quan hệ mới mà tôi có được, mà còn liên quan rất nhiều đến việc tiếp cận với công nghệ kỹ thuật số ở các khía cạnh hoàn toàn mới lạ đối với tôi. Năm 1994, khi bước vào đại học cũng là lần đầu tiên tôi được sở hữu một tài khoản email do trường cấp riêng cho mỗi sinh viên. Qua địa chỉ email đó, tôi có thể liên lạc dễ dàng với các giáo sư, các bạn học cùng trường cũng như những người bạn

đang học ở các trường đại học khác. Khi ở trường tôi có thể vào các thư viện hoặc các phòng vi tính để kiểm tra và gửi email đi đến những người thân quen. Khi ở căn hộ, tôi có thể dùng điện thoại bàn và modem để nối kết internet. Vì thế, việc liên lạc với người thân và bạn bè rất thuận lợi, giúp cho tôi có cái cảm giác “tuy xa mà gần,” nên không mấy nhớ nhà hay những người bạn cũ.

Năm 1994 cũng là một cột mốc quan trọng trong lịch sử của công nghệ internet, vì đó là thời điểm trình duyệt web Netscape Navigator được ra đời. Mặc dù Mạng lưới toàn cầu (World Wide Web) đã xuất hiện từ năm 1990, nhưng mãi đến cuối năm 1994 mới có một trình duyệt web được phổ biến rộng rãi với những công nghệ mới, nhờ đó mà việc duyệt web hiệu quả và thú vị hơn. Thời gian đầu, các sản phẩm của Netscape đã thống trị thị trường trình duyệt web tại Hoa Kỳ. Tuy nhiên, sau khi công ty Microsoft trình làng phần mềm Internet Explorer với những phát minh mới, Netscape bắt đầu mất đi thị phần và tiếp tục giảm dần khi thị trường trình duyệt web ngày càng cạnh tranh khốc liệt hơn do có nhiều sản phẩm mới ra đời. Đỉnh cao của Netscape là năm 1995, khi nó chiếm lĩnh 90% thị trường. Một số nhà xã hội học lấy năm 1995 là năm đầu tiên của thế hệ “Igen” (sinh từ năm 1995-2012) vì họ cho rằng sự ra đời của Netscape đã khởi đầu một kỷ nguyên mới với nhiều tác động mạnh mẽ trên đời sống, tính cách và tâm sinh lý của thế hệ sinh ra vào những năm đó, đặc biệt ở các quốc gia có ngành công nghệ phát triển.

Tôi không thuộc thế hệ sinh năm 1995, nhưng tôi đã làm quen với Netscape ngay khi nó được giới thiệu cho các cơ sở giáo dục trên toàn quốc. Thời gian đầu, phần mềm này cũng được công ty sản xuất cho người dùng tải miễn phí. Vì thế, mặc dù tôi theo học khoa Sinh học phân tử tế bào (*Molecular Cell Biology*), nhưng nhờ có người bạn ở cùng phòng học chuyên ngành Kỹ sư vi tính nên anh đã chỉ cho tôi cách sử dụng Netscape. Thậm chí anh ấy còn giúp tôi tạo một trang web cá nhân để tôi tự giới thiệu về mình. Kể từ đó, tôi đã nhanh chóng “nhập cư” vào thế giới mạng và ngày càng hòa nhập sâu hơn vào thế giới kỹ thuật số. Các sinh hoạt và

mối tương quan của tôi ngày càng được định hình, hỗ trợ và duy trì bởi thứ công nghệ hiện đại và vô cùng hấp dẫn này.

Vào những năm giữa thập niên 1990, lúc đó công nghệ kỹ thuật số đã đưa tôi đến với rất nhiều thứ mà trước đó tôi chưa bao giờ nghĩ sẽ được trải nghiệm. Công nghệ thông tin và truyền thông đã tạo điều kiện cho tôi có thể tham gia vào nhiều cuộc thảo luận sôi nổi trên các diễn đàn *newsgroup* mà tôi quan tâm. Nó đã giới thiệu đến tôi nhiều cuốn sách cũng như tài liệu học tập quan trọng có sẵn trong thư viện của trường UC Berkeley hoặc ở các trường đại học khác trên toàn nước Mỹ. CNTT-TT cũng đã mang lại cho tôi nhiều mối tương quan thú vị với những người gặp gỡ trên mạng dù chúng tôi chưa bao giờ một lần nhìn thấy mặt nhau ở đời thực. Nhưng trên hết, công nghệ kỹ thuật số chính là công cụ đã đưa tôi đến với Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời. Lần đầu tiên tôi biết đến Dòng Ngôi Lời là vào năm 1995, khi tôi đọc được một bài giới thiệu về Dòng trên diễn đàn *soc.culture.vietnamese*. Đây là một trong những hàng nghìn *newsgroup* được tạo nên để bàn thảo về mọi đề tài mà người ta quan tâm. Vốn là một người trẻ lớn lên tại Hoa Kỳ nhưng phần nào có “tâm hồn” Việt Nam nên tôi thường xuyên vào diễn đàn này để đọc các tin tức cũng như theo dõi và tham gia vào các đề tài được các thành viên bàn luận.

Nội dung của bài viết về Dòng Ngôi Lời trên diễn đàn *soc.culture.vietnamese* khi đó có đề cập đến một trường đại học tại bang Iowa, Hoa Kỳ đang có rất nhiều sinh viên người Việt Nam theo học. Bài viết mô tả, trên thực tế sinh viên gốc Việt chiếm phần đa số sinh viên của trường. Thông tin này khiến cho tôi khá bất ngờ và hiếu kỳ vì ở UC Berkeley cũng có nhiều sinh viên Việt Nam, nhưng chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong toàn bộ sinh viên của trường. Tôi quyết định gửi email đến văn phòng của trường để tìm hiểu thêm thông tin, không phải vì tôi có nhu cầu muốn chuyển nơi học, nhưng đơn giản vì muốn biết tại sao một trường đại học ở Mỹ mà lại có nhiều sinh viên Việt Nam đến như vậy.

Không lâu sau khi gửi email, tôi nhận được phản hồi từ văn phòng của trường. Người gửi điện thư xin địa chỉ để gửi các tài liệu về trường đến cho tôi qua đường bưu điện. Nhận được các tài liệu và sau khi đọc qua, tôi

mới được biết đó không phải là một trường đại học thông thường, nhưng là một cơ sở chuyên đào tạo các chủng sinh thuộc một dòng tu có tên là Dòng Ngôi Lời (Society of the Divine Word). Sau này tìm hiểu thêm tôi cũng biết lý do trong trường đa số người theo học là người Việt vì vào thời điểm đó, Dòng Ngôi Lời tích cực tuyển ơn gọi trong cộng đồng Việt Nam, vốn có nhiều ơn gọi tu trì.

Ngoài việc gửi tài liệu về trường cho tôi thì Cha Gus Wall, linh mục đặc trách Văn phòng Ôn gọi của Dòng Ngôi Lời, cũng đã liên lạc và hẹn gặp tôi ở Berkeley để làm quen. Cha Gus mới trở lại Hoa Kỳ sau một thời gian truyền giáo tại Kenya và được bề trên bổ nhiệm phụ trách Văn phòng Ôn gọi. Sau khi nhận được email của tôi, ngài đã liên lạc và hẹn tới gặp tôi trong một chuyến đi đến California. Tôi sẵn sàng nhận lời và hẹn gặp ngài ở một quán cà phê gần trường mà tôi thường xuyên đến uống cà phê và học bài. Trong lần gặp gỡ đó, ngài đã chia sẻ cho tôi biết nhiều hơn về Dòng Ngôi Lời, sứ mạng và hoạt động của dòng trên thế giới cũng như linh đạo của dòng. Ngài cũng kể cho tôi nghe kinh nghiệm truyền giáo của ngài tại châu Phi. Mặc dù tôi rất ấn tượng và thích thú về những gì Cha Gus chia sẻ, nhưng tôi cũng thẳng thắn trình bày với ngài rằng, hiện tôi đang học năm thứ II đại học, khoa Sinh học phân tử tế bào. Người ta hay gọi khoa này là khoa “*pre-med*” (tiền y khoa) vì nó chuẩn bị sinh viên cho việc xin vào trường y sau khi tốt nghiệp. Kế hoạch của tôi (cũng như của gia đình tôi) là sau khi tốt nghiệp chương trình cử nhân, tôi sẽ xin vào trường y, làm những gì cần thiết để trở thành một bác sĩ y khoa trong tương lai. Trước những trình bày của tôi, Cha Gus không có những lời khuyên thay đổi kế hoạch hay chuyển hướng. Ngài khuyên tôi cầu nguyện, tìm hiểu thêm về những gì Chúa muốn cho tôi và hãy tiếp tục học theo chương trình mà tôi đã đề ra.

Tôi đã làm theo lời khuyên của Cha Gus. Tôi vẫn theo học khoa Sinh học phân tử tế bào, vẫn tham gia vào các hoạt động, đặc biệt là những thứ mà tôi nghĩ sẽ giúp cho đơn xin vào trường y của tôi nổi trội hơn. Ngoài ra, tôi còn đăng ký học thêm khoa thứ hai là Á châu học, một phần vì tôi thích thú với lĩnh vực này. Bởi lẽ, tôi tự nghĩ tốt nghiệp với hai bằng cử



nhân sẽ giúp cho hồ sơ của tôi sáng giá hơn trong hàng nghìn bộ hồ sơ mà các trường y nhận được. Phần Cha Gus, ngài vẫn làm công việc của ngài được hội đồng đã trao phó. Ngài vẫn thực hiện các chuyến đi dài hàng ngàn cây số khắp các bang của nước Mỹ rộng lớn để gặp gỡ và đồng hành với những người trẻ đang tìm hiểu về ơn gọi của mình. Mỗi lần ngài có chuyến đi California, ngài lại gọi điện thoại lấy hẹn để đến thăm tôi. Tôi luôn gặp ngài ở một trong hàng chục quán cà phê gần trường để nói chuyện cho tự nhiên.

Mọi thứ cứ diễn ra như vậy suốt thời gian tôi theo học đại học. Đến kỳ học cuối trước khi tốt nghiệp, có lẽ vì sự kiên trì của Cha Gus và có lẽ một phần vì tôi không thực sự hứng thú với ngành y cũng như quá trình đầy căng thẳng để xin vào được một trường y; phần khác vì trong tôi có những thao thức hoài bão mới cho cuộc sống nên tôi quyết định thực hiện một việc là bỏ ra một cuối tuần để đi thăm ngôi trường mà đa số người theo học là người Việt Nam như từng được đăng trên mạng. Kết quả của chuyến đi bất ngờ đó là bây giờ tôi đã trở thành tu sĩ của Dòng Ngôi Lời với hơn 20 năm sống trong dòng và trải qua 15 năm truyền giáo tại Thái Lan. Mọi thứ dường như bắt đầu với một email được gửi đi vì sự hiếu kỳ, nhưng chính sự hiếu kỳ đó đã dẫn tôi tới một cuộc hành trình hoàn toàn khác với những gì tôi đã từng tưởng tượng về cuộc sống và tương lai của mình. Sau này, tôi cũng được cho biết rằng tôi là người đầu tiên liên lạc với Dòng Ngôi Lời tại Hoa Kỳ qua phương tiện email. Công nghệ này chính là cầu nối đưa tôi tới với ơn gọi truyền giáo, và nó cũng chính là một trong những phương tiện mà Dòng Ngôi Lời cũng như tất cả các hội dòng khác ngày nay đang sử dụng để quảng bá ơn gọi tu trì đến những người mang thao thức tìm cho mình một lối đi trong cuộc sống.

Công nghệ kỹ thuật số không chỉ đã đưa tôi đến với đời sống tu trì mà nó còn đóng vai trò quan trọng trong mục vụ truyền giáo của tôi suốt thời gian qua. Từ năm 2006 tôi bắt đầu viết blog để chia sẻ kinh nghiệm truyền giáo của mình. Năm 2010 tôi bắt đầu sử dụng truyền thông mạng xã hội khi nhận thấy nền tảng này bổ ích cho sứ vụ của mình tại Thái Lan. Bất kể trong mục vụ giáo xứ tại vùng quê ở Đông bắc Thái Lan, hay mục vụ di

dân Việt Nam tại Bangkok, mạng xã hội đã trở nên một công cụ không thể thiếu để quảng bá sứ vụ, truyền tải các thông tin bổ ích cho cộng đồng, nối kết các tâm lòng với nhau và xây dựng tình tương thân tương ái giữa người với người. Nếu chia sẻ về hết những câu chuyện liên quan đến blog và mạng xã hội trong mục vụ truyền giáo suốt 15 năm qua, tôi có thể viết ra được thành nhiều tập sách dày hàng trăm trang.

Ở đây tôi không muốn làm mất thời giờ của độc giả với những trải nghiệm dài dòng, tôi chỉ muốn chia sẻ mục đích tại sao tôi thực hiện tập sách có tựa đề “*Sứ vụ của Giáo hội trong kỷ nguyên kỹ thuật số*” mà quý vị đang cầm trong tay. Từ đâu mà tôi có ý tưởng cho ra đời tập sách với những bài viết xoay quanh đề tài Công nghệ Thông tin và Truyền thông Kỹ thuật số. Nếu tôi chỉ là người luôn sử dụng CNTT-TT trong đời sống và trong công việc mục vụ thì chắc hẳn tôi cũng sẽ không khác bao nhiêu người trên thế giới ngày nay. Công nghệ kỹ thuật số đã trở thành một thứ không thể thiếu được trong cuộc sống hàng ngày vì nó đã đi vào mọi ngõ ngách của đời sống cá nhân và xã hội. Tuy nhiên, việc sử dụng một cái gì đó và việc bàn luận về nó một cách khoa học là hai hoạt động hoàn toàn khác nhau. Không phải cứ biết nói một ngôn ngữ nào đó là có thể dạy cho người khác cũng nói được ngôn ngữ đó, bởi vì việc sử dụng ngôn ngữ cách thành thạo và việc truyền đạt kiến thức cho người khác để họ cũng có thể nói, nghe, đọc và viết được đòi hỏi những kỹ năng khác nhau.

Lý do tôi thực hiện tập sách này bắt đầu từ năm 2014 khi tôi tình cờ gặp được Cha Franz-Josef Eilers, SVD – một chuyên gia kỳ cựu trong lĩnh vực truyền thông xã hội – tại một chương trình hội thảo được Tỉnh dòng Ngôi Lời Úc châu tổ chức tại Melbourne. Vốn là người Đức, nhưng Cha Eilers đã có thời gian dài giảng dạy trong Học viện Hoàng gia và Giáo hoàng Học viện Santo Tomas tại Philippines. Ngài cũng đã từng dạy học tại Đại học Giáo Hoàng Gregorian và Salesian tại Rôma, và có nhiều năm là thư ký Văn phòng Truyền thông Xã hội của Hội đồng Giám mục Á châu (FABC-OSC). Vào năm 1999, khi đang là thư ký của FABC-OSC, Cha Eilers đã thành lập Trung tâm Nghiên cứu Á châu về Tôn giáo và Truyền thông Xã hội (Asian Research Center for Religion and Social

Communication - ARC) với mục đích cổ võ và phổ biến các công trình nghiên cứu và đối thoại liên tôn trong lĩnh vực tôn giáo và truyền thông xã hội tại Á châu. Thời gian đầu, ARC hoạt động như một phần của FABC-OSC; nhưng sau đó, Trung tâm đã được tách ra khỏi FABC-OSC và trở nên một tổ chức độc lập, có văn phòng tại trường Đại học St. John's, Bangkok, Thái Lan và tại Manila, Philippines.

Trong cuộc hội thảo tại Úc, Cha Eilers được mời để thuyết trình về vai trò của truyền thông xã hội trong sứ mạng truyền giáo của Giáo hội ngày nay. Vào giờ giải lao của cuộc hội thảo, tôi tình cờ đứng gần ngài nên chào và bắt chuyện với ngài. Ngài cho tôi biết Trung tâm ARC đang chuẩn bị tổ chức một chương trình hội thảo tại Bangkok vào tháng 10/2014 về đề tài “Truyền thông Tôn giáo tại Á châu trong kỷ nguyên kỹ thuật số”. Ngài mời tôi tham gia hội thảo và thuyết trình vì tôi ở Bangkok nên thuận tiện đi lại. Tôi nhận lời mời của ngài nhưng cũng nói rằng, tôi không biết sẽ thuyết trình đề tài gì vì lĩnh vực truyền thông kỹ thuật số không thuộc chuyên môn của tôi. Tới thời điểm đó, hầu hết những gì tôi nghiên cứu chỉ xoay quanh lãnh vực đạo đức môi trường sinh thái trong các hệ thống tôn giáo. Luận án tiến sĩ của tôi với tựa đề *“Theravada Buddhist Environmental Spirituality: Relational and Developmental Dimensions in Promoting Environmental Well-Being”* (Các chiều kích tương quan và phát triển trong lĩnh đạo về môi trường sinh thái trong Phật giáo Nam Tông) cũng rơi vào lãnh vực như đã nói trên mà tôi đặc biệt quan tâm và muốn dẫn thân nghiên cứu.

Cha Eilers gợi ý cho tôi đề tài *“Suy tư thần học trong bối cảnh kỹ thuật số”*. Ngài nói đây là một đề tài rất mới, chưa có nhiều người nghiên cứu, nhưng lại chứa đựng nhiều điều cần phải được tìm hiểu trong thời đại mà công nghệ kỹ thuật số ngày càng thâm nhập vào mọi khía cạnh của đời sống con người – kể cả đời sống tâm linh. Tôi lại thêm bối rối khi nghe gợi ý của Cha Eilers vì chuyên môn của tôi không phải là Thần học mà là Tôn giáo học. Ngoài những môn thần học mà tôi từng học ở Catholic Theological Union (Chicago, IL, USA) trước khi chịu chức linh mục thì tôi chưa có gì chuyên sâu về thần học để có thể thuyết trình về đề tài này,

đặc biệt là trong bối cảnh của công nghệ kỹ thuật số. Mặc dù rất do dự, nhưng vì không muốn từ chối lời mời của một vị linh mục và một chuyên gia đáng kính 82 tuổi, nên tôi hứa sẽ tìm hiểu thêm về đề tài mà Cha Eilers đưa ra.

Sau khi trở lại Thái Lan từ cuộc hội thảo tại Úc, tôi đã bắt đầu tìm đọc các tài liệu về truyền thông kỹ thuật số cũng như các tài liệu của Giáo hội về truyền thông xã hội, đặc biệt về truyền thông mới, nhằm tiếp thu thêm kiến thức về đề tài nghiên cứu. Sau một thời gian tìm hiểu và suy tư về đề tài tôn giáo trong bối cảnh công nghệ kỹ thuật số, tôi cảm thấy ngày càng quan tâm về những cơ hội và thách đố mà thực trạng mới đặt ra cho xã hội cũng như Giáo hội Công giáo. Càng đi sâu vào vấn đề tôi càng nhận ra những phát triển trong công nghệ kỹ thuật số không đơn thuần chỉ là những gì mang đến những thay đổi trong đời sống kinh tế - xã hội mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến tất cả các chiều kích của cuộc sống con người; tác động mạnh mẽ đến cách chúng ta tương quan với những người xung quanh, với môi trường, ngay cả đối với Thiên Chúa nữa.

Sau lần tham dự chương trình hội thảo quốc tế của ARC, tôi được Cha Eilers mời cộng tác lâu dài với Trung tâm trong vai trò là Phó giám đốc điều hành. Trong công việc mới, tôi có cơ hội tiếp xúc nhiều hơn với các chuyên gia đến từ các tôn giáo bạn. Qua các cuộc hội thảo và bài viết của các học giả từ Ấn giáo, Hồi giáo, Phật giáo, Kỳ Na giáo... tôi có thể nhận thấy những tác động trên các tôn giáo từ công nghệ kỹ thuật số là mối quan tâm lớn đối với tất cả các truyền thống tôn giáo trên thế giới, không chỉ riêng Kitô giáo. Từ ngày tôi được bổ nhiệm vào vị trí Tổng biên tập của Tạp chí học thuật “Tôn giáo và Truyền thông Xã hội” (*Religion and Social Communication*) thuộc Trung tâm ARC, các bài viết mà các tác giả gửi đến cho Ban biên tập cũng chứng minh rằng, đề tài tôn giáo và công nghệ kỹ thuật số tiếp tục chiếm rất nhiều thời gian và chất xám của những người làm công tác nghiên cứu hiện nay trên toàn cầu.

Tương lai của xã hội và Giáo hội trước sự tiến triển vô định của công nghệ hiện đại cũng đã trở thành một trong những đề tài mà tôi dành sự quan tâm lớn và nhiều thời gian để tìm hiểu trong những năm gần đây.

Tập sách mà quý vị cầm trong tay bao gồm một số bài viết mà tôi đã thực hiện thời gian qua. Tất cả những bài viết trong sách đã được lược dịch và biên soạn lại từ những bài viết bằng tiếng Anh. Chương 1-3 được biên soạn lại từ một bài viết mà tôi đã cộng tác với hai linh mục Mi Shen (Trung Quốc) và Joshy Xavier, SJ (Ấn Độ) để thực hiện cho Ban Kỹ thuật số của Tổ chức Truyền thông Công giáo SIGNIS mà chúng tôi là thành viên của ban. Riêng những bài viết còn lại trong tập sách đã từng được phát hành trong các tạp chí học thuật hoặc các tập sách nghiên cứu chuyên đề đã được phát hành thời gian qua. Tuy nhiên, tôi đã cố gắng biên tập và chỉnh chữa lại sao cho phù hợp hơn với đối tượng độc giả người Việt Nam.

Như tôi đã chia sẻ ở trên, tôi lớn lên tại Hoa Kỳ nên khả năng tiếng Việt gặp nhiều hạn chế. Vì thế có được tập sách này, tôi đã phải nhờ vào sự giúp đỡ của một số linh mục và tu sĩ trong việc dịch thuật và chỉnh sửa bài viết. Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc và chân thành đến tất cả những người đã hy sinh thời giờ và công sức hỗ trợ tôi trong quá trình thực hiện tập sách này. Đọc qua tựa đề của mỗi chương trong phần Mục lục, quý vị có thể dễ dàng nhận thấy các bài viết xoay quanh chủ đề của tập sách. Ngoài ra, các bài viết này có thể được xem như là những mảnh ghép trong rất nhiều mảnh ghép liên quan đến đề tài về Giáo hội và bối cảnh kỹ thuật số. Vì thế, tôi không dám khẳng định rằng những bài viết này đã khai thác và trình bày về chủ đề của tập sách một cách đầy đủ. Đúng hơn, những bài viết cho thấy rằng đề tài mà tập sách muốn tìm hiểu và bàn luận còn có quá nhiều điều cần được nghiên cứu, đào sâu suy tư và phân tích cặn kẽ hơn nữa.

Tôi đang viết những dòng chữ này vào những ngày cuối Mùa Vọng năm 2021, trong khi thế giới đang hoang mang vì có thêm biến chủng mới của vi-rút corona. Biến chủng mới với tên gọi Omicron xuất phát từ Nam Phi và hiện nay nó đã được phát hiện tại nhiều quốc gia trên thế giới. Vừa qua, Bộ Y tế Thái Lan thông báo đã có trường hợp nhiễm chủng mới đầu tiên tại nước này. Trước thông tin chủng Omicron đã du nhập đến đất nước nơi tôi đang phục vụ, tôi đón nhận sự việc này một cách bình thản,

bởi lẽ tâm tình của Mùa Vọng đã giúp tôi trầm tĩnh hơn trước những biến cố trong cuộc sống. Mặt khác, có lẽ vì người ta chưa có bằng chứng rõ rệt cho thấy chủng mới này sẽ tàn phá nhiều hơn các chủng trước đây; hoặc cũng có thể mỗi ngày tôi nghiệm cảm ra rằng chữ “đại” trong thuật ngữ “đại dịch” phần nào phụ thuộc vào thái độ, tâm lý, và phản ứng của mỗi cá nhân và tập thể trước những gì đang diễn ra cho nhân loại. Nếu chúng ta bình tĩnh hơn trước những biến cố lớn nhỏ xảy đến mỗi ngày, dành thời giờ để suy tư và phân định về những sự việc ấy một cách có hệ thống, chắc hẳn chúng ta sẽ nhận ra tính chất của vấn đề một cách toàn diện hơn và biết tìm ra phương cách ứng phó khôn ngoan hơn.

Những thay đổi nhanh chóng trong khoa học công nghệ cũng đòi hỏi nơi chúng ta một thái độ bình thản để cân nhắc những cơ hội và thách đố cho đời sống vật chất cũng như tinh thần của mỗi người chúng ta. Đối với Giáo hội, các vị lãnh đạo, thần học gia và chuyên gia trong Hội Thánh cũng có trách nhiệm phải nhìn vào những biến chuyển trong xã hội như những dấu chỉ thời đại cần được tìm hiểu và phân định dưới ánh sáng của Tin Mừng, nhằm nắm bắt tất cả những cơ hội mà sự sáng tạo của trí tuệ con người mang đến cho chúng ta; đồng thời, đáp ứng một cách kịp thời và phù hợp với những thách đố mà Giáo hội phải đối phó trong kỷ nguyên mới.

Bangkok, Thái Lan, ngày 20.12.2021

## Chương 1

# BỐI CẢNH XÃ HỘI VÀ MỤC VỤ

Tôi sống trong một cộng đoàn nhỏ tại Bangkok bao gồm năm thành viên – ba linh mục, một thanh sinh và một bạn trẻ đang tìm hiểu ơn gọi truyền giáo Dòng Ngôi Lời. Ba anh em linh mục chúng tôi đều là người gốc Việt. Chúng tôi đã tham gia sứ vụ truyền giáo của hội dòng ở Thái Lan vào các giai đoạn khác nhau. Tôi là người phục vụ tại Thái Lan lâu nhất, tính đến nay đã 15 năm, riêng hai thành viên còn lại thì đến Thái Lan khoảng 10 năm.

Một trong ba anh em linh mục chúng tôi là Cha Đaminh Nguyễn Đức Linh. Khi đến xứ Chùa Vàng để phục vụ, Cha Linh đã được hội dòng sai đi làm mục vụ tại một giáo xứ ở tỉnh Udon Thani, thuộc vùng Đông Bắc Thái Lan. Ở đó giáo dân chủ yếu là người Thái có nền văn hóa địa phương mà người ta gọi là “Isan” với giọng nói có nhiều điểm tương đồng với người Lào. Sau một thời gian làm mục vụ giáo xứ, năm 2019 Cha Linh làm đơn xin phép bề trên cho đi học về mục vụ truyền thông vì ngài có sở thích về mảng mục vụ này, đặc biệt trong lĩnh vực gọi là “truyền thông mới” (*new media*). Hội đồng Bề trên Dòng đã chấp thuận cho Cha Linh đi học tại Philippines. Tuy nhiên, vừa khi ngài bàn giao lại giáo xứ cho Giáo phận Udon Thani thì tình hình dịch Covid-19 bắt đầu bùng phát tại Thái Lan cũng như trên toàn thế giới. Vì cả Thái Lan lẫn Philippines đều đóng cửa toàn quốc và hủy bỏ hoàn toàn các chuyến bay giữa hai nước, Cha Linh buộc phải lưu lại Bangkok một thời gian dài để chờ tình hình đại dịch cải thiện, các nước nối lại các chuyến bay để thực hiện dự tính ban đầu.

Ảnh hưởng của đại dịch trên Giáo hội Thái Lan cũng không khác ở những nơi khác trên thế giới. Các nhà thờ phải đóng cửa ở nhiều thời điểm kéo dài hàng tháng. Mọi sinh hoạt bị hạn chế và nhiều lúc bị tạm ngưng để tuân thủ các biện pháp ứng phó với dịch bệnh của chính quyền địa phương. Vì thế, các sinh hoạt trong cộng đoàn nhỏ bé của anh em Ngồi Lờ ở Bangkok cũng phải chịu chung một hoàn cảnh. Tuy nhiên, Cha Linh vẫn tìm nhiều cách để làm mục vụ, tránh tình trạng nhàn rỗi chờ ngày hết dịch. Một ngày nọ giữa mùa dịch, tôi nhận được cuộc điện thoại trên ứng dụng LINE từ Sơ Kanlaya thuộc Dòng Thánh Tâm Nữ tại Bangkok. Sơ nói với tôi rằng, hội dòng có kế hoạch qua Việt Nam để thiết lập cộng đoàn, đồng thời tìm kiếm ơn gọi cho hội dòng, vì ơn gọi ở Thái Lan ngày càng khan hiếm. Để chuẩn bị cho sứ vụ này, có một sơ cần phải học tiếng Việt, đó là sơ Băng-on hiện đang là tổng thư ký của Liên hiệp tu sĩ nam nữ tại Thái Lan. Sơ nhờ tôi giúp dạy tiếng Việt cho Sơ Băng-on hoặc giúp tìm người để làm công việc này. Vì các sinh hoạt của tôi cũng đã khá đầy, hơn nữa khả năng tiếng Việt của tôi cũng không giỏi cho lắm, đặc biệt ở phần phát âm các dấu, cho nên tôi đã giới thiệu Cha Linh với Sơ Băng-on. Tôi nói rằng, Cha Linh sẽ làm việc này tốt hơn tôi rất nhiều vì ngài sinh ra và lớn lên tại Việt Nam, nên sẽ nắm chắc các quy tắc về Việt ngữ hơn tôi. May cho Sơ Băng-on, Cha Linh đã đồng ý dạy tiếng Việt cho sơ để giúp hội dòng sớm có thể bắt đầu sứ vụ mới tại Việt Nam. Vì thời gian đại dịch đòi hỏi mọi người hạn chế đi lại và tụ tập, nên Cha Linh đã không dạy Sơ Băng-on trực tiếp, nhưng qua hệ thống Zoom đang thịnh hành hiện nay. Sau một thời gian học tiếng Việt đều đặn và chăm chỉ, Sơ Băng-on đã bắt đầu nói và đọc được tiếng Việt căn bản, thậm chí còn đọc kinh và tự đàn hát được những bài thánh ca tiếng Việt mà Cha Linh dạy cho sơ.

Đó không phải là việc duy nhất mà Cha Linh làm một cách ngẫu nhiên trong mùa dịch. Mỗi ngày, vào 3 giờ chiều, Cha Linh “quy tụ” một số anh chị em giáo dân từ nhiều nơi khác nhau – Thái Lan, Úc, Việt Nam – để cầu nguyện và suy niệm Lời Chúa. Một số tham gia qua Zoom, có nhóm tham gia qua Facebook Messenger. Trong số người tham gia có người là lao động di dân tại Thái Lan, có người thuộc tầng lớp tri thức hoặc là các



tu sĩ, nhưng mọi người nối kết với nhau trong tâm tình cầu nguyện dưới sự hướng dẫn của Cha Linh. Cha Linh rất gần gũi với nhóm cầu nguyện online của ngài. Thậm chí có ngày cộng đoàn tổ chức đi dã ngoại, trên đường về, đến giờ sinh hoạt của nhóm, ngài xin dừng lại ở trạm xăng 30 phút để hiện diện với mọi người trong giờ cầu nguyện ban chiều.

Một sinh hoạt nữa mà Cha Linh đã làm rất đều đặn trong thời gian lưu lại Bangkok trong mùa dịch là phát sóng trực tuyến các Thánh Lễ Chúa Nhật. Vào những thời điểm tình hình kiểm soát dịch của chính phủ được nói lỏng hơn thì có một số nhỏ anh chị em Việt Nam đến tham dự nghi thức phụng vụ, đồng thời tham gia tích cực qua việc thực hiện các phận vụ dành cho giáo dân trong Thánh lễ. Tuy nhiên, vào những thời gian mà tình hình dịch căng thẳng, mọi người được khuyến cáo không nên tụ tập, thành phần “giáo dân” chỉ là những thành viên trong cộng đoàn. Ngay cả anh chàng thanh sinh người Thái, nhờ được cha Linh dạy cho đọc tiếng Việt cũng tham gia thưa đáp và hát trong Thánh lễ cho thêm phần “xôm tụ”. Thánh lễ trực tuyến được phát đi từ nhà nguyện nhỏ bé của cộng đoàn Ngôi Lờì tại Bangkok. Vì mục đích của Thánh lễ là để phục vụ các anh chị em lao động di dân nên Cha Linh phát trên trang Facebook “Di dân Việt Nam tại Á châu,” rồi chia sẻ vào trang “Liên hiệp Công giáo Việt Nam tại Thái Lan”.

Chính vì những sinh hoạt mục vụ này mà Cha Linh đã có những trải nghiệm mới trong sứ vụ, sau khi rời khỏi giáo xứ ở vùng quê mà ngài đã gần gũi một thời gian dài. Tuy nhiên, những gì chia sẻ ở trên chỉ mô tả một khía cạnh rất nhỏ về những biến chuyển to lớn đã và đang diễn ra trên toàn thế giới, liên quan đến bối cảnh xã hội với những tác động sâu xa do công nghệ kỹ thuật số mang lại cho chúng ta. Nhân loại đang trong quá trình tạo ra và sống theo một khuôn mẫu mới của truyền thông xã hội, có khả năng tác động mạnh mẽ đến mục vụ và sứ mạng Phúc Âm hóa của Giáo hội trong hiện tại và tương lai. Kỷ nguyên số ra đời cách đây vài thập kỷ đã mang lại bước tiến bội phần trong việc phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT-TT) mà nó đang tràn ngập mọi khía cạnh của đời sống con người. CNTT-TT với vô số ứng dụng làm thay

đổi cách làm việc và giải trí của chúng ta cũng như cách chúng ta tương quan với gia đình, bạn bè và những người hoàn toàn xa lạ. Công nghệ kỹ thuật số hiện đại thay đổi cách chúng ta mua sắm và tham gia vào các trách nhiệm dân sự. Nó cũng tác động không ít đến cách chúng ta sống đời sống thiêng liêng và tôn giáo, và thậm chí thay đổi cả cách chúng ta nhìn nhận vị trí của mình trên thế giới.

Với việc CNTT-TT tác động đến nhiều khía cạnh trong đời sống cá nhân và tập thể, chúng ta không ngạc nhiên khi bối cảnh mới này đưa Giáo hội đến những thách đố mục vụ chưa từng có trong quá khứ, hoặc có những đặc điểm riêng biệt chưa được biết đến trước khi thời đại kỹ thuật số ra đời. Để thấu hiểu bối cảnh mới một cách tường tận hơn, chúng ta cần tìm hiểu về những thách đố mục vụ đến từ việc sử dụng phổ biến CNTT-TT trong xã hội ngày nay, nhằm có đủ cơ sở để đề xuất các đường hướng mục vụ phù hợp dưới ánh sáng của thần học và giáo huấn mục vụ truyền thông của Giáo hội. Đây là việc làm cần thiết trong quá trình phân định những dấu chỉ thời đại mà Giáo hội luôn kêu gọi các vị lãnh đạo trong Giáo hội và những người làm mục vụ phải thực hiện một cách chuyên cần và đầy ý thức.

Trong phạm vi của tập sách này, chúng ta không thể đào sâu vào tất cả các khía cạnh của bối cảnh kỹ thuật số hiện đại cách chi tiết. Tuy nhiên, những gì được đề cập ở đây cũng phần nào mô tả được những tác động lớn lao mà công nghệ kỹ thuật số đang mang đến cho xã hội con người ở khắp các châu lục và vùng miền khác nhau trên thế giới.

## **Bối cảnh kỹ thuật số**

Sự phát triển công nghệ thông tin và truyền thông đã mang đến cho nhân loại một công cụ hữu ích mang tên *Internet*. Tính đến nay chúng ta đã có 4 thế hệ Internet gọi là Web 1.0, Web 2.0, Web 3.0, và đến Web 4.0.<sup>1</sup> Thời gian đầu, công nghệ internet<sup>2</sup> chỉ mang hình thức trang web tĩnh

---

<sup>1</sup> Sareh Aghaei, Mohammad Ali Nematbakhsh and Hadi Khosravi Farsani, “Evolution

với các siêu liên kết (*hyperlinks*), người dùng chỉ đơn thuần lướt qua các trang thông tin dưới dạng truyền thông một chiều. Tuy nhiên, hiện nay internet đã chuyển sang hình thức truyền thông tự trị, chủ động, khám phá nội dung, tự học hỏi cũng như cộng tác. Trong hình thức mới, các công cụ dùng để tạo nội dung được hỗ trợ một cách hiệu quả bởi học máy (*machine learning*) và Trí tuệ nhân tạo (AI).<sup>3</sup> Chúng ta có thể truy cập internet thông qua các thiết bị máy tính khác nhau, như máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh và đồng hồ thông minh, v.v. Các thiết bị điện tử này không chỉ làm trung gian cho chúng ta giao tiếp mà còn hỗ trợ nhiều hoạt động như chuyển khoản qua điện thoại (*mobile banking*), dịch vụ chăm sóc sức khỏe từ xa (*telehealth services*), hội nghị trực tuyến (*video conferencing*), v.v.

Ngày càng có nhiều người, ngay cả những người sống ở những vùng sâu vùng xa có thể học cách sử dụng công nghệ trong các sinh hoạt hằng ngày, cho phép họ tận hưởng những lợi ích mà nó mang lại. Bởi vì CNTT-TT có tính tức thời, linh hoạt, chi phí phải chăng và dễ sử dụng, nên bất kỳ ai tiếp cận nó đều có thể tận dụng công nghệ không chỉ để phục vụ nhu cầu cá nhân, mà còn tạo ảnh hưởng đến suy nghĩ và hành vi của người khác. Các số liệu thống kê sau đây cho thấy tốc độ thâm nhập của CNTT-TT trên thế giới ngày càng gia tăng:<sup>4</sup>

- Vào tháng 1 năm 2021, có khoảng 5,22 tỷ người sử dụng điện thoại di động trên thế giới, tăng thêm 93 triệu (1,8%) so với số liệu

of the World Wide Web: From Web 1.0 to Web 4.0,” *International Journal of Web & Semantic Technology* 3, no. 1 (2012): 1– 10.

<sup>2</sup> Ngày nay từ “internet” khi dùng để nói về công nghệ truyền thông, tương đương với radio, truyền hình, điện thoại, v.v. không còn phải viết hoa, nhưng được xem là một danh từ chung. X. “Capitalization of Internet,” [https://en.wikipedia.org/wiki/Capitalization\\_of\\_Internet](https://en.wikipedia.org/wiki/Capitalization_of_Internet).

<sup>3</sup> “What is Web 4.0?” *IGI Global*, <https://www.igi-global.com/dictionary/overview-differentiation-evolutionary-steps-web/35103>

<sup>4</sup> “Digital 2021 Global Overview Report,” *DataReportal* (27/01/2021), <https://www.slideshare.net/DataReportal/digital-2021-global-overview-report-january-2021-v01>

của tháng 1 năm 2020, chiếm 66,6% dân số toàn cầu.

- Người dùng internet đạt 4,66 tỷ hoặc 59,5% dân số toàn cầu vào năm 2021; đánh dấu mức tăng 316 triệu, hoặc 7,3% so với tháng 1 năm 2020.
- Người dùng mạng xã hội đạt con số 4,20 tỷ hoặc 53,6% dân số toàn cầu vào năm 2021, tăng 490 triệu (13,2%) trên toàn thế giới so với con số của năm trước.
- Trung bình người dùng internet trên thế giới dành 6 giờ 54 phút trực tuyến mỗi ngày.
- Lượng thời gian mà mọi người dành cho các mạng xã hội tăng lên mức trung bình là 2 giờ 25 phút mỗi ngày. Tuy nhiên, có những khác biệt đáng chú ý giữa các quốc gia; ví dụ, người dùng ở Nhật Bản chỉ dành trung bình 51 phút trên mạng xã hội mỗi ngày trong khi người Philippines sử dụng mạng xã hội trung bình khoảng 4 giờ 15 phút mỗi ngày.

## **Các thách đố mục vụ**

### **1. Khía cạnh xã hội**

Tác động của CNTT-TT đối với đời sống xã hội của con người nhìn chung được đánh giá là tích cực. Trong quá trình phát triển CNTT-TT, đã xuất hiện nhiều nền tảng truyền thông (email, tin nhắn, hội nghị trực tuyến, v.v.) cũng như các trang mạng xã hội cho phép kết nối xuyên thời gian và không gian. Các ứng dụng như WhatsApp, Facetime và Viber cho phép chúng ta giao tiếp và kết nối với nhau trên toàn cầu cách nhanh chóng và hiệu quả với chi phí rẻ. Mặc dù không hoàn hảo, nhưng các công cụ chuyển ngữ giúp cho chúng ta có thể giao tiếp và cộng tác với những người thuộc các nền văn hóa và ngôn ngữ khác một cách dễ dàng hơn. Các nền tảng có tính năng gọi điện video mang lại lợi ích cho nhiều người,

đặc biệt là những người cao tuổi mà phần lớn thời gian ở trong nhà và không dễ dàng đến thăm người thân ở các thành phố hoặc quốc gia khác.

Phương tiện mạng xã hội cũng giúp chúng ta kết nối lại với những người bạn đã mất liên lạc từ lâu, giúp tìm kiếm các đối tác kinh doanh tiềm năng, và tìm kiếm các cộng sự mới cho những dự án của mình. Internet cũng đã trở thành một nền tảng phổ biến để thực hiện các dự án nhân đạo và các hoạt động từ thiện do cộng đồng tài trợ. Ở quy mô lớn hơn, internet có thể giúp thúc đẩy nhận thức về một gia đình nhân loại và tình huynh đệ của con người. Các cộng đồng được thiết lập trực tuyến cũng tạo cơ hội cho những cuộc gặp gỡ với những cá nhân có nền tảng văn hóa và địa vị xã hội khác với mình, các mối tương quan mới có thể chỉ được duy trì trên không gian mạng, hoặc được vun đắp bằng những buổi gặp gỡ ngoại tuyến, diện đối diện.

Tuy CNTT-TT mang lại rất nhiều lợi ích cho chúng ta, nhưng cũng có không ít những biểu hiện tiêu cực đáng quan ngại. Việc lạm dụng CNTT-TT và dành quá nhiều thời giờ để tiêu khiển trên mạng xã hội có thể gây nên những tác động nguy hại đến các mối tương quan hàng ngày trong đời sống của chúng ta. Mặc dù CNTT-TT mang lại sự dễ dàng trong việc làm quen với người khác và tham gia vào cuộc trò chuyện thông qua các phương tiện kỹ thuật số, nhưng công nghệ không đảm bảo một tình bạn lâu dài và có ý nghĩa. Chúng ta thấy rằng việc tương tác trực tuyến rất phổ biến, nhưng nhiều người, đặc biệt là giới trẻ thuộc thế hệ Y (hoặc *Igen*) cho biết: họ không có một người bạn thực sự thân thiết nào và thường xuyên rơi vào trạng thái cảm thấy cô đơn.<sup>5</sup> Một phần nguyên nhân là giao tiếp trực tuyến có xu hướng không phản ánh suy nghĩ và cảm xúc thực sự của cá nhân, nhất là khi người ta thường xuyên diễn đạt ý tưởng với các biểu tượng cảm xúc (*emoji*) tuy thú vị nhưng cũng mơ hồ ý nghĩa, như biểu tượng mặt cười, mặt buồn, mặt khóc... Hơn nữa, vì tương tác trực tuyến mang lại cho nhiều người cảm giác như đang ẩn danh, họ tỏ ra ít kiềm chế hơn trong việc sử dụng ngôn ngữ và hình ảnh khi giao tiếp với

---

<sup>5</sup> “The terrible problem afflicting millennials,” *Aleteia* (22/10/2019), <https://aleteia.org/2019/10/22/the-terrible-problem-afflicting-millennials/?print=1>

người khác, dẫn đến việc họ dễ dàng xúc phạm và gây tổn thương cho nhau trên không gian trực tuyến. Ngay cả trên diễn đàn báo chí thời sự mà người ta thường cho là thuộc về tầng lớp có học, có nhiều lời bình luận từ độc giả mang tính đả kích, chia rẽ, thiếu văn hóa.

Việc ít giao tiếp trực tiếp có thể dẫn đến sự “ngắt kết nối xã hội” (*social disconnect*), khiến cho các mối tương quan nhân vị trong đời sống trở nên hời hợt, thiếu sự liên đới và mật thiết. Trong một số trường hợp cực đoan, có người chuyển sang xây dựng mối tương quan với những đối tượng kỹ thuật số như chó, mèo, người điện tử thay vì vun đắp mối tương quan với người thật, và trải nghiệm các tình huống và cảm xúc trong đời thực.

Năm 2019, một người đàn ông tại Nhật Bản tên Akihiko Kondo đã “kết hôn” với một “hologram” của một thần tượng ảo (*virtual idol*) có tên Hatsume Miko, và coi đó là vợ của mình.<sup>6</sup> Trong nghi lễ kết hôn còn có sự tham dự của 39 khách mời là bà con và bạn bè. Tuy nhiên, bố mẹ của nhà trai đã không đến tham dự. Chắc hẳn hai ông bà từng mơ ước con mình sẽ cưới một cô gái xinh đẹp và sinh ra cho họ những đứa cháu dễ thương làm vui nhà vui cửa, chứ không phải cưới một nhân vật điện tử. Chúng ta không cần phải đặt vấn đề “bố mẹ nhà gái” là ai; chắc hẳn, “bố mẹ” là những anh chàng kỹ sư phần mềm với trí tưởng tượng phong phú và khả năng lập trình thuộc hạng giỏi. Một điều đáng quan ngại khác nữa về hiện tượng này là ngoài Akihiko Kondo ra, còn có thêm 3.700 người Nhật khác nữa cũng đã đăng ký với công ty phát triển công nghệ Gatebox vào năm 2017 để “kết hôn” với những nhân vật ảo mà họ hâm mộ.

Đối với những người vẫn còn trò chuyện với người thật, nghiên cứu cho thấy rằng việc dùng mạng xã hội trực tuyến để liên lạc với gia đình và bạn bè không phải là một giải pháp hiệu quả nhằm làm giảm cảm giác cô

---

<sup>6</sup> “Japanese man marries hologram of virtual idol Hatsume Miko,” *South China Morning Post* (03/12/2019), <https://www.scmp.com/yp/discover/lifestyle/features/article/3069257/japanese-man-marries-hologram-virtual-idol-hatsune>.

đơn.<sup>7</sup> Trong các gia đình ở thành thị, các thành viên ngày càng cô lập mình trong phòng riêng nhiều hơn. Ở đó, họ chủ yếu tiêu khiển thời giờ với các thiết bị điện tử. Mặc dù có sự giao tiếp với người khác diễn ra liên tục thông qua việc nhắn tin, đăng bài và trò chuyện, nhưng tất cả những phương thức này đều thiếu yếu tố giao tiếp giữa người với người cách trực tiếp. Thói quen sử dụng các thiết bị vi tính trong việc giao tiếp với gia đình, đồng nghiệp, người yêu... khiến nhiều người cảm thấy thoải mái hơn khi liên hệ qua trung gian CNTT-TT thay vì trực tiếp đến với nhau. Trớ trêu thay, mặc dù chúng ta nhốt mình trong phòng riêng nhiều hơn, nhưng dường như chúng ta ít được nghỉ ngơi hơn trước đây. Điện thoại thông minh đã có tác động tiêu cực đáng kể đến thời gian nghỉ ngơi, gây ra sự suy giảm chất lượng cũng như thời lượng giấc ngủ trên toàn cầu.<sup>8</sup>

Phải thừa nhận CNTT-TT mang lại cho chúng ta nhiều cơ hội để kết nối với người khác, đặc biệt khi chúng ta biết sử dụng công nghệ cách phù hợp và thận trọng. Tuy nhiên, nó cũng gây nên vô số các tác động tiêu cực do sự lạm dụng bởi những cá nhân và tổ chức với mục đích xấu. Lạm dụng internet bao gồm các hành vi như: đánh cắp thông tin và tấn công bằng vi-rút, các nhóm cực đoan sử dụng internet để tuyên truyền, chiêu mộ thành viên mới và lên kế hoạch tấn công khủng bố. Việc sử dụng các thuật toán tích hợp (*algorithms*) và các công cụ khác khiến cho việc tiếp cận thông tin ngày càng có xu hướng một chiều, dẫn đến tình trạng chia rẽ và phân cực trong xã hội.<sup>9</sup> Ảnh hưởng này càng mạnh hơn khi người ta có xu hướng chia sẻ những nội dung tiêu cực về cá nhân hoặc nhóm khác, góp phần làm gia tăng sự thù hận, thành kiến và bất hòa xã hội.

Trên thực tế, có một phần nhân loại đáng kể chưa thể tiếp cận được với CNTT-TT. Nếu như tỷ lệ sử dụng internet trên toàn cầu hiện nay được cho là ở mức 60%, thì vẫn còn 40% chưa tiếp cận được với công nghệ này. Sự chênh lệch kỹ thuật số (*digital divide*) được thấy trong các nhóm

---

<sup>7</sup> Mike Z. Yao and Zhong Zhi-jin, "Loneliness, social contacts and Internet addiction: A cross-lagged panel study," *Computers in Human Behavior* 30 (2014): 164-170.

<sup>8</sup> Katherine Ormerod, *Why Social Media is Ruining Your Life* (UK: Hachette, 2018).

<sup>9</sup> Vấn đề này sẽ được bàn luận chi tiết hơn trong những chương kế tiếp.

khác nhau tùy theo giới tính, địa vị kinh tế - xã hội, địa lý cũng như bối cảnh chính trị.<sup>10</sup> Ngay cả ở Hàn Quốc, một trong những quốc gia được kết nối mạng cao nhất thế giới, việc sử dụng mạng internet của nhóm người trên 75 tuổi thấp hơn đáng kể so với các thế hệ trẻ hơn; các thế hệ dưới 75 tuổi này thường chiếm gần mức 100%. Mặc dù internet có tiềm năng to lớn để đạt được lý tưởng về một xã hội bình đẳng, nhưng khả năng tiếp cận công nghệ và điều kiện kinh tế trở thành những trở ngại để đạt được lý tưởng này. Ở các quốc gia có sự phân biệt đối xử về giới tính, phụ nữ ít được tiếp cận với công nghệ hơn. Sự thống trị của nam giới trong việc sử dụng CNTT-TT được thể hiện rõ qua thực tế là ở nhiều quốc gia, nam giới sở hữu điện thoại thông minh nhiều hơn so với nữ giới. Ngoài giới tính thì sự nghèo đói cũng hạn chế khả năng tiếp cận internet và các dịch vụ xã hội khác. Cuối cùng, khoảng cách kỹ thuật số cũng được nhận thấy trong sự chênh lệch giữa nông thôn và thành thị; thường người dân thành phố có lợi thế tiếp cận với CNTT-TT nhiều hơn.

## **2. Khía cạnh văn hóa**

Khi các nhà khoa học công nghệ phát minh ra internet, họ đã mơ ước một viễn tượng cao đẹp về một thế giới hòa bình và bình đẳng được xây dựng trên nền tảng của công nghệ kỹ thuật số. Trong thế giới này, mọi người bất kể tôn giáo, văn hóa, xã hội và địa lý khác nhau có thể tương tác, trao đổi ý tưởng và hưởng lợi từ sự đa dạng mà mỗi người mang đến cho nhau qua những cuộc gặp gỡ nhờ trung gian mạng. Người ta tin rằng các tương tác trực tuyến vượt qua ranh giới quốc gia và văn hóa sẽ giúp mọi người tiếp thu những gì tốt đẹp trong nền văn hóa khác, giúp cho họ có tầm nhìn cởi mở và cuộc sống trở nên phong phú hơn. Rất tiếc viễn tượng cao cả này vẫn chưa trở nên hiện thực như mong muốn. Dĩ nhiên, CNTT-TT đã mang lại rất nhiều lợi ích cho nhân loại. Nó đã giúp nhiều cộng đồng thiệt thòi và yếu thế nâng cao vị thế của mình, tạo dấu ấn và hội nhập vào xã hội chính thống, trở thành một phần của cộng đồng toàn

---

<sup>10</sup> “Digital Divide,” *Wikipedia*, [https://en.wikipedia.org/wiki/Digital\\_divide](https://en.wikipedia.org/wiki/Digital_divide)



cầu. Các cộng đồng thiếu nguồn lực giáo dục tại địa phương có thể dựa vào những gì sẵn có ở những nơi khác để bổ sung những gì họ còn thiếu hoặc chưa có. Các nhóm ở vùng xa và bất lợi không có đủ điều kiện để sản xuất các chương trình giải trí có thể truy cập vào vô số nội dung một cách dễ dàng thông qua CNTT-TT. Với sự hỗ trợ của công nghệ truyền thông kỹ thuật số, toàn cầu hóa đã đi vào mọi ngõ ngách của cuộc sống con người hơn bao giờ hết, ngay ở những khu vực hẻo lánh nhất trên thế giới. Tiềm năng giao lưu văn hóa dường như vô hạn.

Mặc dù có nhiều người đã hành động không mệt mỏi để phát triển và thúc đẩy công nghệ kỹ thuật số với khát vọng cao cả, nhưng thật không may, sự trao đổi văn hóa vẫn còn rất xa với lý tưởng bình đẳng và hỗ trợ. Những tương tác này không phải lúc nào cũng mang lại lợi ích cho những người tham gia trong quá trình giao lưu. Khi tiếp xúc với các nền văn hóa khác, chúng ta có xu hướng bị thu hút và đồng hóa các khía cạnh hào nhoáng bên ngoài của các nền văn hóa mà chúng ta gặp gỡ hơn là các giá trị nhân văn mà nó có nguồn gốc sâu xa và được chấp nhận phổ quát. Xu hướng này xảy ra thường xuyên hơn nơi người trẻ vì thành phần này ít có khả năng nhận thức sâu sắc về ý nghĩa của việc tiếp cận và đón nhận những gì từ các nền văn hóa khác. Việc chấp nhận một cách mù quáng các yếu tố văn hóa nước ngoài có thể dẫn đến sự xói mòn văn hóa địa phương và tạo ra những căng thẳng xã hội trong chính cộng đồng của chúng ta. Hiện tượng này có xu hướng gia tăng do lĩnh vực truyền thông ngày càng rơi vào quyền kiểm soát của một số hãng truyền thông và công nghệ lớn trên toàn cầu.<sup>11</sup> Đôi lúc việc áp dụng một giá trị, một quan điểm hoặc một lối sống mới có thể mâu thuẫn với các khía cạnh của văn hóa địa phương. Những bộ phim và chương trình giải trí trên mạng có thể giới thiệu những mốt thời trang, cách ăn nói cũng như lối suy nghĩ không phù hợp với các giá trị truyền thống lâu đời của các nền văn hóa.

Tại Thái Lan, người Thái ngày càng đưa những từ ngữ tiếng Anh vào trong những câu nói của mình (tuy nhiên phát âm theo giọng điệu đặc

---

<sup>11</sup> “Reading: Media Globalization,” *Lumen*, <https://courses.lumenlearning.com/atd-bhcc-introsoc/chapter/reading-global-implications-of-media-and-technology/>.

trung của người Thái làm cho nhiều khi người ta không còn nhận ra từ gốc trong tiếng Anh là gì). Điều này xảy ra không chỉ khi người ta giao tiếp ngoài đời mà ngay cả trong những chương trình thời sự, hội thảo, văn nghệ được phát sóng trên truyền hình. Điều đáng nói ở đây là nhiều từ tiếng Anh được dùng không phải vì trong ngôn ngữ Thái không có những từ ngữ có thể diễn đạt ý tưởng của người nói, mà dường như việc đưa từ tiếng Anh vào câu nói chỉ là để thể hiện sự thời thượng và sành điệu của cá nhân. Tại Việt Nam chúng ta cũng đã chứng kiến xu hướng này phần nào trong thời gian qua. Tuy nhiên, ở chiều ngược lại thì việc người Mỹ sử dụng một từ tiếng Việt hay tiếng Thái trong câu nói của họ không phải là điều dễ dàng. Phải mất rất nhiều năm từ “phở” (*pho*) mới được nhiều người Mỹ quen tai và sử dụng như một danh từ chỉ về một món ăn thuần túy Việt Nam. Từ “bánh mì” (*banh mi*) cũng ngày càng được biết đến nhiều hơn. Nhưng ngoài những từ chỉ về món ăn Việt Nam thì có lẽ khó để cho những thuật ngữ Việt khác được người Mỹ hay người Anh “mượn” để diễn tả những suy nghĩ của họ.

Do có tình trạng trao đổi văn hóa không mang tính hỗ tương, nên có hiện tượng phổ biến xảy ra mà Cees Hamelink gọi là “*Disneyfication*”, theo đó những nét văn hóa phương Tây hiện đại trở thành “lối sống” thống trị trên toàn cầu và các nền văn hóa địa phương buộc phải đồng hóa.<sup>12</sup> Nhờ sự phát triển CNTT-TT mà quá trình toàn cầu hóa diễn ra nhanh chóng, nhưng nó có thể gây ra hậu quả là làm mất đi bản sắc văn hóa địa phương. Vì internet chỉ sử dụng một số ít ngôn ngữ cách phổ biến, người ta phải học các ngôn ngữ này để có thể sử dụng đầy đủ các tính năng của công nghệ. Trong quá trình học các ngôn ngữ khác và tiếp xúc với các nền văn hóa thống trị toàn cầu, người dùng sẽ tiếp xúc nhiều hơn với các yếu tố văn hóa nước ngoài và có khả năng đồng hóa chúng một cách hỗn loạn, dẫn đến việc xem thường và đánh mất văn hóa bản địa.

---

<sup>12</sup> Cees J. Hamelink, *The Ethics of Cyberspace* (UK: SAGE Publications, 2000).

### **3. Khía cạnh tôn giáo**

CNTT-TT cung cấp một kho lưu trữ khổng lồ các nội dung tâm linh và tôn giáo trên mạng. Bất kể chúng ta theo tôn giáo nào, chúng ta có thể tận dụng kho tài liệu vô tận này để nghiên cứu hoặc nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng. Khi còn theo học chương trình tiến sĩ về Tôn giáo học, tôi chọn đề tài nghiên cứu là “Linh đạo về môi trường trong Phật giáo Nam tông”. Một phần quan trọng của công trình nghiên cứu này là phải đọc các cuốn sách kinh điển của Phật giáo để tìm ra những nội dung có liên quan đến vấn đề môi trường sinh thái. Rất may cho tôi, tất cả những cuốn sách kinh điển đó đều có bản dịch tiếng Anh và được tải lên các thư viện điện tử dưới dạng pdf. Vì thế, tôi có thể tải các tài liệu đó xuống, lưu lại trên máy tính bảng để phục vụ cho công việc nghiên cứu của mình.

Ngoài việc tìm hiểu, nghiên cứu thì mục đích chính của internet trong lĩnh vực tôn giáo là để truyền bá đạo. Nhiều vị lãnh đạo Giáo hội Công giáo, các giáo xứ và các tổ chức cũng đã sử dụng internet và các công cụ truyền thông mạng xã hội để tiếp cận với các tín hữu và phổ biến thông tin trên mạng. Các diễn đàn trực tuyến cũng được sử dụng rộng rãi để thảo luận các vấn đề liên quan đến Giáo hội và đức tin, và nó cũng được sử dụng làm nền tảng để hỗ trợ về mặt xã hội và tư vấn tâm linh. Nhờ sự phổ biến của CNTT-TT, những người sống xa nhà thờ và những người cư trú ở nước ngoài dễ dàng đến với các buổi cử hành Thánh Thể và các bài chia sẻ thiêng liêng bằng ngôn ngữ của họ. Một số người thậm chí có thể “tham gia” vào các Thánh lễ được truyền trực tiếp từ giáo xứ quê hương của họ dù sống ở bên kia địa cầu. Trong đại dịch Covid-19, qua phương thức ghi hình video hoặc phát trực tiếp, các chương trình tôn giáo được đưa lên internet và được nhiều người xem. Tuy nhiên, ngay cả khi không có đại dịch, các tài liệu tôn giáo vẫn rất dồi dào nhờ các trang web và ứng dụng tôn giáo ngày càng thịnh hành.

Dẫu rằng những lợi ích của CNTT-TT đối với sứ vụ của Giáo hội là rất nhiều, nhưng có một số thách thức mục vụ đáng phải nêu lên. Vấn đề đầu tiên cần quan tâm là sự mơ hồ và nhầm lẫn liên quan đến thẩm quyền

tôn giáo và luân lý. Vì môi trường internet cho phép bất kỳ ai cũng có thể làm ra và xuất bản nội dung tôn giáo trên mạng, các tài liệu được xuất bản thường không được kiểm tra kỹ lưỡng, dẫn đến khả năng gây sự hiểu lầm về đức tin trong nội bộ cũng như giữa các tôn giáo. Chúng ta có thể nhận thấy có không ít blog tôn giáo không chính thức nhưng lại thu hút nhiều độc giả hơn các trang web chính thức của Giáo hội, nơi chia sẻ những giáo huấn đúng đắn về các vấn đề liên quan đến đời sống đức tin. Khi các tín hữu không thể phân biệt các giáo huấn hay các quan điểm chính thức của Giáo hội với các trình bày sai lạc đức tin hoặc ý kiến cá nhân, thì họ có thể hiểu sai quan điểm của Giáo hội đối với các vấn đề như phá thai, ngừa thai, di dân, môi trường, đồng tính, v.v. Hơn nữa, sự xuyên tạc một cách cố ý hoặc vô ý các giáo huấn chính thức của các tôn giáo cũng có thể cản trở đối thoại liên tôn và kích động hoặc làm gia tăng xung đột giữa các tôn giáo.

Sự hiểu lầm còn xảy ra do mạng xã hội còn có những người thuộc các giáo phái khác cố tình mạo danh là linh mục, tu sĩ, giáo dân Công giáo nhằm mục đích lôi kéo người Công giáo vào các nhóm của họ. Thời gian qua, đã có nhiều bạn trẻ nhắn tin cho tôi qua Facebook hỏi về những người tự xưng mình là linh mục hay tu sĩ. Những người này có đăng hình ảnh Chúa, Mẹ, Đức Giáo Hoàng, nhà thờ Công giáo trên trang Facebook cá nhân, nhưng họ lại dạy một giáo lý “lạ”; giáo lý này toàn nói về Đức Chúa Cha Toàn Năng, không bao giờ đề cập đến Chúa Giêsu. Sau khi thực hiện một cuộc điều tra nhỏ thì tôi phát hiện ra, những nhân vật tự xưng và xuất hiện như là những linh mục, tu sĩ và giáo dân Công giáo, trên thực tế thuộc về một phái “tà đạo” mang tên Tia Chớp Phương Đông, xuất phát từ Trung Quốc. Họ đang hoạt động rất tích cực trên mạng không chỉ để chiêu mộ tín hữu Công giáo Việt Nam mà còn ở các quốc gia khác tại Á châu. Một trong những “tín điều” của nhóm này là Chúa Giêsu đã trở lại thế gian trong hình dạng một phụ nữ người Hoa. Một tài liệu bằng tiếng Việt của nhóm này trên mạng ghi rằng:

Tia Chớp Phương Đông đã công khai làm chứng rằng Đức Chúa Giêsu đã tái lâm rồi – nghĩa là Đức Chúa Trời Toàn Năng, hiện

thân của những ngày sau rốt – và rằng Ngài đã thành toàn công cuộc phán xét của Ngài bắt đầu với nhà của Đức Chúa Trời. Sự xuất hiện của Tia Chớp Phương Đông đã làm rung chuyển toàn bộ giới tôn giáo cũng như những ai chân thành tin vào Đức Chúa Trời và khát khao lẽ thật. Qua việc tìm kiếm và tìm hiểu những lời và công cuộc của Đức Chúa Trời Toàn Năng, nhiều người xác nhận rằng Đức Chúa Trời Toàn Năng là Đức Chúa Jêsus tái lâm, và từng người họ tiến đến trước Đức Chúa Trời Toàn Năng.<sup>13</sup>

Việc xuất hiện nhiều tôn giáo hoặc giáo phái trên thế giới không phải là một điều bất thường. Chúng ta có thể chấp nhận những tôn giáo và giáo phái có niềm tin đi ngược với niềm tin của chúng ta. Nhưng việc các thành viên của một giáo phái nào đó mạo danh các linh mục, tu sĩ Công giáo để chiêu mộ tín đồ là một sự lừa đảo vô lương tâm của những người tự xưng mình là có đạo. Điều đáng báo động ở đây là có rất nhiều giáo dân Công giáo đã tin vào lời mời mọc của những kẻ lừa đảo này, nên đã gia nhập những nhóm học giáo lý trực tuyến của họ. Có người phát hiện ra mình bị lừa nên đã rời khỏi nhóm sau vài ngày, vài tuần, thậm chí vài tháng. Nhưng chắc chắn có những con chiên khác của Giáo hội đã bị những tiên tri giả đưa đi mà không biết có tìm ra được lối về hay không.

Khi CNTT-TT ngày càng làm cho không gian kỹ thuật số mở rộng vào cuộc sống con người thuận lợi hơn, nó cũng tác động đến cách chúng ta nhìn nhận về bản thân cũng như tương quan với Thiên Chúa và người thân cận. Là một tôn giáo được thiết lập dựa trên niềm tin rằng Thiên Chúa mang bản tính con người qua biến cố Nhập Thể, việc chúng ta ngày càng quan tâm đến không gian và hoạt động kỹ thuật số đặt ra một thách đố về việc thực hành niềm tin của chúng ta trong tư cách cá nhân cũng như cộng đồng các môn đệ của Đức Kitô. Trong đại dịch Covid-19, nhiều vị lãnh đạo Giáo hội đã duy trì sự hiệp thông với các tín hữu qua phương tiện CNTT-TT bằng các nghi thức phụng vụ trực tuyến hoặc các sinh hoạt khác trên mạng. Tuy nhiên, việc sử dụng tràn lan CNTT-TT trong hoàn

---

<sup>13</sup> <https://vi.kingdomsalvation.org/eastern-lightning-come-from.html>

cảnh đặc biệt này đặt ra câu hỏi: liệu thái độ của mọi người đối với các Bí tích được cử hành trực tiếp do cộng đồng phụng vụ sẽ thay đổi ra sao hậu đại dịch? Có một lo ngại chính đáng rằng việc xem Thánh lễ ở nhà trong thời kỳ dịch bệnh sẽ làm gia tăng xu hướng cá nhân hóa linh đạo (*privatization of spirituality*) đang ngày càng phổ biến trong một số thành phần các tín hữu.

Sự biến tướng của tôn giáo cũng là một mối lo lắng trong kỷ nguyên CNTT-TT. Với sự sẵn có của một lượng lớn nội dung tôn giáo trên mạng (phụng vụ trực tuyến, bài giảng, bài chia sẻ nghiên cứu Kinh Thánh, thuyết trình về thần học, suy tư tâm linh, v.v.), mọi người học thói quen “mua sắm” và “chọn lựa” nội dung phù hợp với thị hiếu của họ. Với rất nhiều Thánh lễ online được phát trực tiếp hoặc tải lên vào bất kỳ thời điểm nào, chúng ta không cần phải dự Thánh lễ từ duy nhất một giáo xứ hoặc giáo phận. Chúng ta có thể chuyển sang một Thánh lễ khác mà chất lượng video, tính thẩm mỹ, ánh sáng và âm thanh, hoặc ngoại hình và tính cách của vị chủ tế nhìn thu hút hơn. Với một Thánh lễ được thâu trước, chúng ta có thể chọn bỏ qua một phần hoặc toàn bộ bài giảng nếu không quan tâm đến những gì người giảng thuyết đang nói. Và giống như một chương trình truyền hình, chúng ta có thể xem nửa đầu của Thánh lễ trước bữa tối và nửa còn lại sau bữa tối, hoặc thậm chí tệ hơn, xem Thánh lễ trong khi đang ăn tối.

Như đã đề cập trong tập sách này, nếu sự phân cực xã hội trở nên nghiêm trọng hơn do CNTT-TT mà nay đã trở thành hiện thực trong thời đại kỹ thuật số, thì sự phân cực tôn giáo cũng có thể gặp điều tương tự. Những động lực thúc đẩy lối tư duy “bầy đàn” tạo ra các “phòng cách âm” (*echo chambers*), nó đã làm gia tăng sự phân chia xã hội thì chính nó cũng có thể áp dụng cho cộng đồng tôn giáo. Trong Giáo hội cũng có những phe phái có thể bị dán nhãn là “cấp tiến” hoặc “bảo thủ”. Sự phân chia này đặc biệt rõ ràng trên không gian mạng, nơi mà việc chỉ trích những người có quan điểm đối lập thường được thể hiện không mấy do dự. Chúng ta chỉ cần đọc các bình luận bên dưới một số bản tin tức do các trang Công giáo tiếng Anh đăng tải sẽ có thể chứng kiến sự phân cực nội bộ này. Điều

có thể nhận thấy là có những tín hữu cho mình là “thuộc về” Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI, trong khi có những tín hữu khác lại cho mình là “thuộc về” Đức Giáo Hoàng Phanxicô. Nếu như sự phân chia bè phái giữa các tín hữu trong giáo đoàn Corintô thời Hội Thánh sơ khai chỉ nằm trong phạm vi của một cộng đoàn nhỏ bé, thì ngày nay, với CNTT-TT, người ta có thể gây nên sự chia rẽ mạnh mẽ trong Giáo hội trên toàn cầu. Hơn nữa, vì chúng ta có xu hướng thích truy cập vào các nội dung và nghe các ý kiến phản ánh cách nhìn của mình, nên quá trình này lâu dần dẫn đến việc tạo ra hoặc đào sâu các hố ngăn cách giữa chúng ta với các tín hữu không đồng quan điểm.

Cuối cùng, việc chúng ta quá bận tâm đến các thiết bị CNTT-TT và nội dung trực tuyến có thể tốn nhiều thời gian mà lẽ ra nên dành cho các sinh hoạt thiêng liêng như đọc Kinh Thánh, lần chuỗi Mân Côi, hoặc im lặng suy tư và chiêm niệm. Sự lớn lên trong đời sống thiêng liêng phụ thuộc rất nhiều vào khả năng dành thời gian cá nhân cho Thiên Chúa, ở trong cô tịch cầu nguyện để cảm nhận sự hiện diện của Người. Do CNTT-TT đang tràn ngập trong cuộc sống của chúng ta, nhiều người đã thay đổi lòng đạo đức cá nhân; thay vì cầu nguyện Kinh Mân Côi, họ chỉ việc nhấn nút “Like” cho các nội dung tôn giáo xuất hiện trên tường Facebook của mình; thay thế việc thỉnh nguyện cầu nguyện bằng việc liên tục lướt qua một trang tôn giáo; hoặc thay thế việc đọc Kinh Thánh bằng việc đăng video hoặc hình ảnh tôn giáo lên trang cá nhân.

Nhiều người mỗi khi đi nhà thờ thích check-in hoặc phát trực tiếp việc mình đang tham dự Thánh lễ. Trong các nhóm lao động di dân Công giáo Việt Nam tại Thái Lan, mỗi khi có một Thánh lễ lớn như Lễ Giáng Sinh, Phục Sinh, hoặc mừng quan thầy, ban phụng vụ luôn tổ chức nghi thức dâng của lễ một cách long trọng. Những người được chọn cho nghi thức này thường là các cô gái, chàng trai có ngoại hình ưa nhìn, vóc dáng cao ráo. Vì thế, khi nghi thức tín hữu trao dâng của lễ diễn ra, nhiều khi nó trở thành như một tiết mục trình diễn thời trang với hàng chục giáo dân dùng điện thoại di động để chụp hình, quay phim, *live stream* không khác gì một sự kiện văn nghệ. Không riêng gì giáo dân Việt Nam, nhiều giáo dân

người Thái cũng thích thú với việc quay phim chụp hình hơn là đặt tâm hồn vào nghi thức phụng vụ đang diễn ra. Trong các nghi lễ long trọng như rước kiệu Đức Mẹ, họ bận tâm đến việc chụp ảnh và quay video để chia sẻ lên mạng xã hội hơn là tham dự vào các bài hát, lời cầu nguyện và các cử hành phụng vụ. Những hành động này phản ánh một kiểu sùng đạo hời hợt, không dẫn đến sự tăng trưởng thiêng liêng hay biến đổi cá nhân sâu sắc và có ý nghĩa.

#### **4. Khía cạnh chính trị**

Sự phát triển của CNTT-TT đã tác động sâu sắc đến đời sống chính trị ở các quốc gia trên thế giới, đặc biệt vì nó giúp cho người dân hiểu biết và tham gia nhiều hơn trong các hoạt động dân sự. Trong thế giới ngày nay, CNTT-TT đã trở nên một công cụ không thể thiếu trong lĩnh vực chính trị. Các đảng phái chính trị đều sử dụng internet để phổ biến các hệ tư tưởng và chính sách của mình, đồng thời vận động người dân bầu cử. Nhiều chính trị gia, ngay cả ở các nước độc tài, có tài khoản mạng xã hội để kết nối với quần chúng rộng rãi hơn. Tương tự, nhiều người dân cũng truy cập các trang web, blog và tài khoản mạng xã hội của các nhà lãnh đạo và tổ chức chính trị để trực tiếp nêu lên những vấn đề mà họ muốn lãnh đạo đất nước phải quan tâm đến.

Dễ dàng tiếp cận thông tin chính trị giúp mọi người nhận thức rõ hơn về khung cảnh chính trị ở địa phương lẫn toàn cầu. Khi quân đội Myanmar thực hiện cuộc đảo chính vào tháng 2 năm 2021, người dân Myanmar lập tức lên mạng xã hội để phản đối việc tiếp quản và kêu gọi thế giới ủng hộ cuộc đấu tranh vì dân chủ. Trên khắp thế giới, những người trẻ mà có sự hiểu biết về mạng xã hội đang tổ chức những hoạt động trực tuyến và ngoại tuyến để thực hiện trách nhiệm cộng đồng, đồng thời kêu gọi những cơ quan thẩm quyền thay đổi cơ chế và phương cách thực thi quyền lực. Các blog và diễn đàn thảo luận cung cấp cho mọi người một không gian để công khai nêu quan điểm trong khi các thẻ Twitter (*hashtag*) giúp đẩy mạnh và khuyến khích công chúng hành động vì những nỗ lực chung.



Tóm lại, CNTT-TT đã giúp tạo điều kiện cho công chúng tham gia nhiều hơn vào đời sống chính trị; lĩnh vực này không còn chỉ dành riêng cho tầng lớp tri thức. Về mặt CNTT-TT, mạng xã hội đã nổi lên như một phương tiện truyền thông quan trọng giữa các nhà lãnh đạo địa phương và quốc gia với người dân. Đồng thời, công dân được trao quyền nhiều hơn để biến mình thành những nhà lãnh đạo dân sự bằng cách sử dụng các nền tảng kỹ thuật số để cổ vũ đối thoại và kêu gọi hành động vì cộng đồng.<sup>14</sup>

Tuy nhiên, những thách thức liên quan đến CNTT-TT và chính trị rất đa dạng, được phản ánh qua tình trạng chia rẽ trong đời sống chính trị quốc gia và toàn cầu vào những năm gần đây. Có thể quy một phần trách nhiệm cho mạng xã hội khi nó gây ra sự chia rẽ chính trị trên khắp thế giới, điển hình ở các quốc gia như Hoa Kỳ, Anh và Braxin. Phương tiện truyền thông mới này đã trở nên công cụ chính cho các cá nhân và tổ chức thực hiện những chiến dịch phổ biến thông tin sai lệch, gây ảnh hưởng đến dư luận và nhận thức của người dân. Một trong những yếu tố đặc trưng của truyền thông mới là cung cấp các lựa chọn phong phú. Tuy nhiên, sự phong phú ấy có thể dẫn đến quá tải thông tin.<sup>15</sup> Mạng xã hội được sử dụng để thông tri và tiếp cận tin tức là một con dao hai lưỡi. Một mặt, nó tạo điều kiện cho chúng ta tiếp cận và phổ biến thông tin cách nhanh chóng, dễ dàng và với chi phí rất thấp. Mặt khác, nó cho phép những kẻ xấu tuyên truyền thông tin sai lạc cách nhanh chóng và trên diện rộng dưới các hình thức thông tin gây hiểu lầm (*misinformation*), thông tin cố tình thù địch (*disinformation*) và thông tin độc hại (*malinformation*)... nhằm đạt được lợi ích chính trị. Sự lan truyền rộng rãi của tin giả đã được chứng minh là nguyên do gây ra những tác động vô cùng tiêu cực đến cá nhân và xã hội.<sup>16</sup>

---

<sup>14</sup> A. Navas, C. Sabino, C. Ricuarte, and I. Márquez, *Social Media, Citizenship and Politics: Keys to the New Public Sphere* (Guatemala, Guatemala: Gráfica ETC., 2017), 10.

<sup>15</sup> "Information overload" *Wikipedia*, [https://en.wikipedia.org/wiki/Information\\_overload](https://en.wikipedia.org/wiki/Information_overload).

<sup>16</sup> Kai Shu, Amy Sliva, Suhang Wang, Jiliang Tang and Huan Liu, "Fake news detection on social media: A data mining perspective," *ACM SIGKDD Explorations Newsletter* 19, no. 1 (2017): 22-36.

Trong kỷ nguyên kỹ thuật số, mạng xã hội trở thành một công cụ để phát tán tin giả và thông tin sai lạc. Sự kết hợp chết người giữa mạng xã hội và tin giả dưới dạng một tin đồn lan truyền ví như một vụ cháy rừng, vượt qua ranh giới các nền văn hóa, ngôn ngữ, quốc gia cũng như tôn giáo. Trong Quyển IV của *Aeneid*, nhà thơ Virgil đã đề cập đến tin đồn như là “tệ nạn nhanh nhất trong tất cả các tệ nạn”; “Tốc độ cho nó sức mạnh và tin đồn càng lan đi thì càng có sức sống.”<sup>17</sup> Thật vậy, mạng xã hội và tin giả có thể khiến một người vô tội bị đấm đông cáo buộc sai phạm và xét xử ngay tại chỗ, cũng như khiến một đối thủ chính trị có thể bị tiêu diệt bằng những lời vu cáo, chụp mũ. Trong đại dịch Covid-19, sự lan tràn của tin giả đã góp phần làm cho cuộc khủng hoảng càng trầm trọng hơn ở nhiều quốc gia. Thông tin sai sự thật và sự quá tải thông tin đã tạo ra một thứ “ô dịch” đặc biệt trong thời kỳ đại dịch. Nó gây ra những trở ngại to lớn trong việc đi sâu vào nền tảng của vấn đề nhằm giải quyết tình trạng sức khỏe cộng đồng, đồng thời gây ra sự hoang mang và mất lòng tin nơi người dân.<sup>18</sup>

Sự hiện diện tràn lan của thông tin sai lạc là một đặc điểm cụ thể của cái gọi là chính trị hậu sự thật (*post-truth politics*). Trong một thế giới hậu sự thật, sự thật và thực tế trở nên như cái thứ yếu so với cảm nhận và cảm xúc cá nhân. Một điều gì đó thật là bởi vì tôi “cảm thấy” nó thật, nó đúng bởi vì trong lòng tôi muốn nó là đúng – bất chấp bằng chứng khoa học. Do đó, người ta sản xuất và phổ biến thông tin chủ yếu nhằm mục đích thuyết phục người nghe tin vào quan điểm được nêu lên bất kể quan điểm đó có dựa trên sự thật hay không. Điều đáng quan ngại là các hướng phát triển của CNTT-TT hiện nay đã tạo điều kiện cho sự trỗi dậy và thống trị của thứ chính trị hậu sự thật trên phạm vi toàn cầu.<sup>19</sup>

CNTT-TT đã biến văn hóa toàn cầu thành văn hóa thông tin. Thật không may, nền văn hóa thông tin này thường bị lèo lái bởi các lợi ích

---

<sup>17</sup> Frederick Ahl, *Aeneid* (UK: Oxford University Press, 2007).

<sup>18</sup> “UN tackles ‘infodemic’ of misinformation and cybercrime in COVID-19 crisis,” *United Nations*, <https://www.un.org/en/un-coronavirus-communications-team/un-tackling-%E2%80%98infodemic%E2%80%99-misinformation-and-cybercrime-COVID-19>

<sup>19</sup> Đề tài “hậu sự thật” sẽ được bàn luận cách chi tiết trong chương 5.

chính trị. Hậu quả là CNTT-TT, đặc biệt dưới hình thức mạng xã hội, trở nên công cụ cho các cá nhân và tổ chức sử dụng nhằm mục đích tuyên truyền, xây dựng hình ảnh giả tạo, che giấu sự thật, đàn áp những người nói sự thật, và thao túng dư luận. Khi việc phát hành thông tin bị điều khiển bởi các mục đích chính trị, tất nhiên sẽ liên quan đến các vấn đề quyền lực, lợi ích kinh tế, và lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm. Không có gì lạ vì sao cho đến nay thực trạng biến đổi khí hậu vẫn còn là một vấn đề gây tranh cãi – có người cho rằng đây chỉ là một tin giả hoặc bị phóng đại quá mức. Tương tự, trong thời kỳ đại dịch, trong khi ở các quốc gia giàu có, người ta từ chối tiêm chủng, thì ở các quốc gia khác, cuộc khủng hoảng tiếp tục gây tử vong hàng loạt do thiếu vắc-xin cho người dân. Đó cũng là lý do tại sao ở một số quốc gia, người ta không thống nhất được về một hành động đơn giản là có nên đeo khẩu trang để phòng ngừa lây nhiễm vi-rút corona hay không.

## 5. Khía cạnh kinh tế

Việc áp dụng công nghệ kỹ thuật số có tác động sâu sắc đến nền kinh tế, cách riêng đối với sự gia tăng năng suất và hiệu quả công nghiệp. Các hoạt động kinh tế ngày càng được tự động hóa đặt ra những lo ngại chính đáng rằng máy tính sẽ lấy mất việc làm, nhất là những công việc liên quan đến lao động chân tay, vì thế sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của những người lao động phổ thông. Trên thực tế, công nghệ kỹ thuật số đã, đang và sẽ làm cho một số công việc không còn cần thiết nữa do quá trình tự động hóa (*automation*) hoặc robot hóa (*robotization*), nhưng đồng thời nó cũng mang lại những cơ hội việc làm mới. Ngày nay chúng ta thấy một số việc mới, ví dụ như phát triển web, quản trị mạng, lập trình, quản lý dự án và kiểm tra hệ thống. Kỹ năng công nghệ số được săn đón trên toàn cầu với nhu cầu ngày càng tăng. Những công việc này thường mang tính linh hoạt, có thể làm ở bất kỳ đâu và bất kỳ lúc nào. Sự phát triển và áp dụng công nghệ robot và trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực như y học, vận tải, sản xuất và nông nghiệp tác động sâu sắc vào nền kinh tế toàn cầu. Tương tự

như vậy, các ứng dụng trong việc phát triển vũ khí cũng có tác động khủng khiếp không chỉ đối với nền kinh tế toàn cầu mà còn đối với nền hòa bình thế giới.

Mặc dù CNTT-TT được dùng nhằm phát triển kinh tế trên toàn thế giới, nhưng trên thực tế, lợi ích chưa được chia đều giữa các quốc gia và dân tộc. Bất chấp những cơ hội do tiến bộ công nghệ tạo ra, bất bình đẳng toàn cầu đang có xu hướng gia tăng. Tổ chức Oxfam báo cáo rằng trong khi số lượng tỷ phú trên thế giới ngày càng gia tăng, gần một nửa nhân loại phải sống qua ngày với mức dưới 5,50 USD/ngày.<sup>20</sup> Trong thời kỳ đại dịch, khủng hoảng kinh tế, thất việc và bệnh tật cũng đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến thu nhập của hầu hết tầng lớp trung lưu và hạ lưu trên thế giới. Chúng ta lo ngại rằng tiến bộ công nghệ, thay vì giảm bớt sự bất bình đẳng, lại làm cho nó thêm trầm trọng hơn vì phần lớn tài sản và quyền lực tập trung vào các tập đoàn công nghệ khổng lồ như Microsoft, Apple, Tencent và Amazon. Sự phát triển về trí tuệ nhân tạo và tự động hóa đem lại lợi nhuận vô cùng to lớn cho các công ty này trong khi những người bình thường chỉ nhận được phần chia sẻ ít ỏi từ những lợi ích trên. Ngoài ra, chúng ta không thể gạt đi mối quan ngại rằng, các công ty đang đua nhau phát triển trí tuệ nhân tạo, chỉ sẽ chọn giải quyết các vấn đề mà họ thấy thuận tiện, có nghĩa chỉ giải quyết các vấn nạn hoặc theo phương pháp mà không đụng chạm đến tỷ suất lợi nhuận của họ. Như thế, vấn nạn khoảng cách giàu nghèo đang hoành hành trên thế giới sẽ không bao giờ được giải quyết cách thỏa đáng.

Ngoài bất bình đẳng về kinh tế, khả năng tiếp cận các thiết bị công nghệ cũng không đồng đều. Ở các nước nghèo, việc tiếp cận với CNTT-TT bị hạn chế do người dân không đủ khả năng để mua những món đồ công nghệ đắt tiền. Người dân ở các nước có hệ thống internet kém phát triển không thể tiếp cận những lợi ích từ các dịch vụ trực tuyến. Mặt khác, những người sống ở các quốc gia nơi CNTT-TT phát triển cao lại mắc

---

<sup>20</sup> “5 shocking facts about extreme global inequality and how to even it up,” *Oxfam*, <https://www.oxfam.org/en/5-shocking-facts-about-extreme-global-inequality-and-how-even-it>

phải nào trạng tiêu thụ khiến họ luôn tìm cách nâng cấp bằng các thiết bị mới nhất và hợp thị hiếu nhất hiện có trên thị trường. Nhiều người đang đứng ở ranh giới giữa tình trạng am hiểu và đam mê quá mức về công nghệ. Mặc dù trong thế giới hiện đại, người ta thường phụ thuộc vào các thiết bị điện tử để vận hành cuộc sống, nhưng sự thèm muốn các thiết bị mới nhất, trong đó có nhiều cái rất đắt tiền, cho thấy một nào trạng tiêu thụ và quy công nghệ không lành mạnh. Thật vậy, hầu hết các mô hình thương mại điện tử đều khuyến khích tiêu dùng quá mức. Để có doanh số bán hàng lớn, người bán phải đưa ra mức giá cạnh tranh. Không may là điều này dẫn đến việc mọi người mua nhiều thứ đơn giản vì chúng có giá cả phải chăng, dẫn đến chủ nghĩa tiêu thụ và tình trạng bóc lột môi trường. Điều này không chỉ nhận thấy trong việc mua sắm các thiết bị điện tử, mà còn thấy ở thói quen mua sắm mọi thứ đồ như áo quần, đồ chơi, đồ dùng hằng ngày, v.v.

Với việc sử dụng rộng rãi CNTT-TT của hàng tỷ người trên toàn cầu, bản thân người dùng cũng trở thành thứ hàng hóa. Trong thời đại của “thánh Google” và mạng xã hội, chúng ta buộc phải chấp nhận sự trao đổi để có thể sử dụng các dịch vụ miễn phí và tiện lợi do các công ty công nghệ cung cấp. Nhiều người trong chúng ta không ý thức rằng, các dịch vụ email, ứng dụng trò chuyện video, và nền tảng mạng xã hội được cho là “miễn phí” đều có giá của nó. Mỗi hành động của chúng ta trên internet như nhấp vào trang web nào đó, thích trạng thái trên Facebook của ai đó, đăng nhận xét về video nào đó trên YouTube, check-in tại nhà hàng nào đó, xem một cuốn sách nào đó trên Amazon – tất cả đều được các thuật toán máy tính ghi nhận. Sau đó, dựa trên tất cả dữ liệu thu thập được về chúng ta, các thuật toán sẽ cung cấp cho chúng ta các quảng cáo sản phẩm và nội dung nhằm thu hút sở thích và thị hiếu của chúng ta. Ngoài ra, các công ty công nghệ còn bán cho các công ty khác những dữ liệu mà họ thu thập được về chúng ta nhằm trục lợi. Việc các công ty công nghệ thu thập và bán dữ liệu rộng rãi về người tiêu dùng là một vấn đề đạo đức bởi nó ảnh hưởng đến quyền riêng tư của mỗi người chúng ta.

Một vài câu hỏi đang được đặt ra là: Nếu dữ liệu chính là thứ có giá trị về mặt kinh tế, được ví như “xăng dầu” của kỷ nguyên kỹ thuật số, vậy làm thế nào để mọi người có vai trò đóng góp xây dựng khối dữ liệu khổng lồ trên thế giới được lãnh nhận một phần của lợi nhuận mà những dữ liệu đó mang lại? Toàn bộ dữ liệu trên thế giới phải được quản lý như thế nào để kiểm chế các công ty công nghệ lớn một mình trục lợi từ những dữ liệu mà chúng ta cung cấp cho họ? Đến nay các chuyên gia chưa nghĩ ra được cách thức nào có thể giải quyết những khúc mắc này cho thỏa đáng.

## **6. Khía cạnh thăng tiến con người**

Sự phát triển của CNTT-TT tạo điều kiện cho chúng ta tiếp cận kiến thức theo cấp số nhân. Nó mang lại cho chúng ta nhiều cơ hội để học tập và chia sẻ kiến thức nhờ có các phương tiện như công cụ tìm kiếm, các diễn đàn học thuật, thậm chí mạng xã hội dành riêng cho các nhà nghiên cứu. Đối với nhiều người, khi nói đến mạng xã hội, người ta chỉ nghĩ tới những nền tảng lớn như Facebook, YouTube, Instagram, Twitter, v.v. Tuy nhiên, đối với tôi là một người làm nghiên cứu, một mạng xã hội rất quan trọng có tên Researchgate. Qua mạng xã hội này, tôi có thể đăng tải những bài viết nghiên cứu của mình, cả những bài đã được phát hành trên các tạp chí cũng như những bài chưa được phát hành. Ngoài ra, tôi cũng có thể tiếp cận được vô số bài tham luận của các nhà nghiên cứu khác trên toàn thế giới. Nhờ vào diễn đàn này mà tôi đã có cơ hội kết nối với nhiều chuyên gia cũng như từng được mời cộng tác vào những dự án viết sách mang tính học thuật trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

Học tập trực tuyến và hội thảo trên mạng là những sinh hoạt trí tuệ đặc biệt phổ biến trong thời đại dịch Covid-19 do các cơ sở giáo dục phải đóng cửa và việc đi lại bị hạn chế cách trầm trọng. Zoom và Google Meet trở thành những nền tảng phổ biến cho mục đích này và được hàng triệu người trên khắp thế giới sử dụng hằng ngày. Tính từ tháng 3 năm 2020 tới nay, tôi đã tổ chức 4 chương trình hội thảo trên hệ thống Zoom, đồng thời

tham gia thuyết trình trong 6 chương trình hội thảo quốc tế trực tuyến khác. Ngoài ra tôi cũng tham dự lắng nghe thuyết trình nhiều chương trình hội thảo webinar khác mà tôi quan tâm.

E-learning dự kiến sẽ trở nên rộng rãi hơn khi công nghệ CNTT-TT trong lĩnh vực này tiếp tục phát triển. Với E-learning, học sinh có thể học bằng cách xem video, đọc các tài liệu điện tử, tham gia vào các nhóm thảo luận trực tuyến, gửi bài tập qua mạng... Với các nền tảng như Google Meet và Zoom, việc hỏi đáp giữa sinh viên và giáo viên có thể diễn ra tức thời. Các nền tảng học tập trực tuyến như Coursera và Udemy cho phép sinh viên theo các khóa học do các trường đại học hàng đầu trên toàn cầu cung cấp. Hơn nữa, CNTT-TT hỗ trợ học tập tích cực và tương tác bằng cách sử dụng môi trường học tập thông minh. Về lý thuyết, sự phát triển của CNTT-TT mang lại những cơ hội vô hạn để thăng tiến bản thân.

Không phủ nhận tiềm năng và thực tế vô cùng lớn lao của CNTT-TT trong việc thăng tiến cá nhân, chúng ta không thể bỏ qua những thách thức nghiêm trọng mà công nghệ số đặt ra cho sự phát triển toàn diện của con người. Sự phát triển đích thực và toàn diện của con người là điều mà tất cả các vị Giáo Hoàng, bắt đầu với Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã nhấn mạnh trong thời gian hàng chục năm qua. Trong Thông điệp *Populorum Progressio* (*Phát Triển Các Dân Tộc*), Đức Thánh Cha Phaolô VI khẳng định rằng, “sự phát triển đích thực là sự phát triển toàn diện, nghĩa là thăng tiến tất cả mọi người và toàn thể con người.”<sup>21</sup>

Đáng ra CNTT-TT có tiềm năng vô hạn để giúp con người phát triển cách toàn diện; nhưng trên thực tế, những tiềm năng đó lại không được thực hiện, thay vào đó là những thứ nguy hại đến sức khỏe thể chất, tinh thần và tâm lý. Ngày nay, nhiều người không còn đọc sách để giải trí mà chỉ đọc lướt những nội dung ngắn gọn trên internet. Giới trẻ ngày càng có ít khả năng tiếp thu và ghi nhớ kiến thức. Khả năng viết chính tả, dùng từ vựng, ngữ pháp... cũng bị ảnh hưởng nhiều do thói quen dùng máy tính. Nhiều câu từ trong quá trình đánh máy đã được thuật toán gợi ý cho trước, nên người viết không còn phải nghĩ ra từ hoặc nhớ cách đánh vần các chữ.

---

<sup>21</sup> Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio*, số 14.

Do kiến thức dường như trở thành thứ nằm trong các thiết bị điện tử và hệ thống bên ngoài tâm trí con người, nên người ta không còn dựa vào trí nhớ của chính mình để suy tư và tổng hợp thông tin hay để trình bày một ý tưởng hợp lý. Hơn nữa, do lượng thông tin quá dồi dào, để thu hút người xem, người đăng bài trên mạng có xu hướng rút gọn nội dung, bù lại tìm cách gây chú ý với các hình ảnh và tiêu đề giật gân. Điều này phục vụ nhu cầu xem nhanh và hỗ trợ thói quen đọc lướt. Hậu quả của hành vi này là chúng ta trở nên người thiếu khả năng tư duy phản biện và phân định, dẫn đến sự hiểu biết hời hợt và đơn giản các vấn đề quan trọng trong đời sống.

Phát triển con người cách toàn diện đòi hỏi sự hình thành đúng đắn về kiến thức cũng như nhân cách. Tuy nhiên, sự thâm nhập của công nghệ kỹ thuật số vào đời sống người trẻ đã khiến nhiều người trẻ xây dựng cảm thức về căn tính và giá trị bản thân dựa trên những tương tác trực tuyến. Đối với nhiều người trẻ, sự ái mộ và chấp nhận từ cộng đồng mạng trở nên yếu tố quyết định mức độ tự trọng của chính mình. Vì thế, khi đăng một bức hình hoặc một dòng trạng thái trên mạng xã hội mà không đạt được số lượng người theo dõi và lượt thích như mong muốn, nhiều người trẻ trở nên buồn sầu, trầm cảm, có người thậm chí tự vẫn. Được chấp nhận từ đồng bạn luôn là một vấn đề quan trọng trong cuộc sống của người trẻ; tuy nhiên, CNTT-TT và thế giới mạng xã hội đã khuếch đại tình trạng này bằng cách tạo điều kiện so sánh và cạnh tranh giữa những người trẻ, chỉ qua một vài phép đo đơn giản: *lượng người thích, lượng người theo dõi, lượng người chia sẻ*.

Để đạt được thành tích cao trong ba chỉ số này, nhiều người trẻ dùng đến cách phát trực tiếp những hành vi thái quá, đăng ảnh và video không phù hợp với thuần phong mỹ tục, và dành rất nhiều thời gian chụp và chỉnh sửa ảnh “tự sướng”. Đối với nhiều người, hành vi ăn một món ăn đặc biệt, đi đến một địa điểm đẹp, hoặc gặp gỡ một người nào đó không còn là những hoạt động phục vụ nhu cầu tinh thần và thể lý nữa, nhưng là những hành động được lên kế hoạch và dàn dựng kỹ lưỡng dành cho bài sẽ đăng trên tài khoản Facebook, Instagram, hoặc Twitter nhằm câu “like”. Thay vì đăng những kinh nghiệm đã trải qua như một cách để chia



sẽ với người khác (*share what you lived*), nhiều người trẻ phù phép ra những kinh nghiệm chỉ để chia sẻ (*live just to share*). Những trải nghiệm này dường như chỉ có giá trị cho một bài đăng thú vị trên mạng xã hội. Sau đó, họ phải tìm những nội dung mới để tiếp tục thu hút sự chú ý của mọi người.

Theo các chuyên gia, tác động tiêu cực của mạng xã hội trên giới trẻ nữ nhiều hơn giới trẻ nam. Tình trạng trầm cảm khi không thu hút được nhiều like, cảm thấy bị loại trừ vì thấy bạn bè đăng hình đi dã ngoại mà mình không được mời, cảm thấy thiệt thòi vì những người khác nhìn đẹp hơn, sang chảnh hơn, nổi tiếng hơn, v.v. nó diễn ra một cách nghiêm trọng hơn ở người trẻ nữ so với giới trẻ nam. Vì thế, có người cho rằng nếu tất cả các người trẻ trên thế giới được trao cho một chiếc súng có sẵn đạn, thì sẽ có nhiều thanh niên bị thương hoặc tử vong hơn các cô gái, vì súng ống thu hút sự chú ý của phái nam hơn. Tuy nhiên, nếu tất cả giới trẻ trên thế giới được trao cho một chiếc điện thoại thông minh có kết nối mạng xã hội thì sẽ có nhiều cô gái bị thương hoặc tử vong hơn nam giới, do ảnh hưởng tiêu cực của mạng xã hội trên các bạn gái nhiều hơn.

Sự phát triển toàn diện cũng bị cản trở khi internet được sử dụng thiếu khôn ngoan, ảnh hưởng tiêu cực đến thể lý, tinh thần và tâm linh. Dành quá nhiều thời gian trên internet để chơi trò chơi, xem video và lướt các trang mạng xã hội cách vô định có thể dẫn đến việc tách ra khỏi xã hội, bỏ bê bản thân, ăn uống không điều độ cũng như ảnh hưởng đến đời sống gia đình.<sup>22</sup> Đối với người lớn, sử dụng internet quá nhiều có thể dẫn đến mất việc làm và đổ vỡ hôn nhân. Những vấn đề khác liên quan đến việc sử dụng internet vô độ bao gồm trầm cảm, ngủ nghỉ không điều độ và sức khỏe thể chất kém.

Đối với nhiều người, phần lớn thời gian dành cho internet liên quan đến việc xem nội dung khiêu dâm. Ngày nay, khoảng 30% tất cả dữ liệu được truyền trên web mang nội dung khiêu dâm với băng thông hàng tháng dễ dàng vượt qua băng thông của Netflix, Amazon và Twitter cộng

---

<sup>22</sup> *Ibid.*

lại.<sup>23</sup> Chưa bàn đến vấn đề đạo đức và luân lý trong việc sản xuất và tiêu thụ nội dung khiêu dâm, hành vi tìm kiếm và xem nội dung khiêu dâm thường đi liền với mức độ thiếu trung thực và giấu giếm cao. Những người bị cuốn vào đó thường cảm thấy bị cô lập, xấu hổ, chán nản, giả tạo, tổn hại về mặt đạo đức, và đôi lúc muốn tự tử. Đáng buồn là những người nghiện nội dung khiêu dâm trên internet thường thấy mình bị rơi vào cạm bẫy này do chúng quá dễ dàng tiếp cận và có số lượng lớn.

## 7. Khía cạnh sinh thái

Sự phát triển công nghệ, đặc biệt là kể từ cuộc cách mạng công nghiệp, đã tác động mạnh vào cuộc khủng hoảng sinh thái ngày càng leo thang, và đang đe dọa đến sự an sinh của hàng tỷ người trên thế giới, đặc biệt ở các quốc gia nghèo. Ngày nay, các nhà khoa học trên thế giới đã cùng lên tiếng xác định rằng cuộc khủng hoảng sinh thái là do con người gây ra, với nhiều hiện tượng như thay đổi mô hình thời tiết, trái đất ấm dần lên, nhiều thiên tai dữ dội, bất thường và mất sự đa dạng sinh học. Trong thời đại mới, cuộc sống con người ngày càng gắn liền với công nghệ kỹ thuật số. Điều này có thể dễ dàng nhận thấy qua nhiều thiết bị mà chúng ta sở hữu – điện thoại di động, máy tính bảng, máy tính xách tay, tivi thông minh, máy điều khiển trò chơi, máy theo dõi thể chất, đồng hồ thông minh, v.v. Thống kê cũng cho thấy chúng ta dùng phần lớn thời gian thức trên không gian mạng, nhiều khi làm hai ba công việc cùng một lúc (*multi-task*). Bất kể trong một khoảnh khắc nào, chúng ta có thể thấy một người vừa nghe nhạc online, vừa chỉnh sửa một bức hình tự chụp bằng một ứng dụng nào đó để tải lên Twitter, đồng thời trả lời các tin nhắn trên Snapchat hay Facebook Messenger. Trong khi sự phát triển công nghệ và việc lạm dụng nó góp phần tạo ra cuộc khủng hoảng sinh thái, các nhà khoa học công nghệ hy vọng rằng công nghệ kỹ thuật số có thể giúp

---

<sup>23</sup> “Porn takes up 30% of total Internet bandwidth,” *Digit* (7/5/2013), <https://www.digit.in/news/internet/porn-takes-up-30-of-total-internet-bandwidth-infographic-14540.html>

tìm ra giải pháp thúc đẩy tính bền vững và bảo tồn môi trường. Với sự trợ giúp của trí tuệ nhân tạo, người ta hy vọng rằng công nghệ sẽ tìm ra cách sử dụng tối ưu các nguồn tài nguyên cũng như giảm lãng phí năng lượng, từ đó đảo ngược các xu hướng gây thảm họa sinh thái.

Ngày nay một khái niệm được gọi là “sự bền vững kỹ thuật số” (*digital sustainability*) đang được nhiều người quan tâm. Khái niệm này mô tả cách phát triển và sử dụng công nghệ kỹ thuật số một cách phù hợp để không chỉ tránh gây tác hại đến môi trường thiên nhiên, mà còn cải thiện tình trạng hệ sinh thái đang bị hủy hoại hiện nay. “Sự bền vững kỹ thuật số” nhắm vào việc cung cấp cho con người những nhu cầu về mặt công nghệ, nhưng không để cho Trái đất phải trả giá. Bài toán khó cho các chuyên gia là tìm ra sự cân bằng giữa việc sử dụng các tài nguyên để phục vụ cho một thế giới được vận hành bằng công nghệ, đồng thời sử dụng những hiểu biết từ chính “cơ cấu kiến thức” (*knowledge structure*) của công nghệ trong thế kỷ XXI để kiểm soát mức độ sử dụng tài nguyên và bảo đảm sự bền vững cho xã hội loài người.<sup>24</sup>

Chúng ta không rõ công nghệ có thể giúp được bao nhiêu trong việc giải quyết vấn đề khủng hoảng sinh thái, đặc biệt là khi cuộc sống của con người ngày càng xa rời tự nhiên, và mối tương quan của chúng ta với thiên nhiên thường là qua trung gian công nghệ. Internet có đầy các nội dung liên quan đến thiên nhiên như các máy livestream cảnh thiên nhiên, vô số hình ảnh, phim tài liệu và clip ngẫu nhiên về các khung cảnh và hiện tượng thiên nhiên ngoạn mục, gây ấn tượng lớn cho người xem. So với nội dung này thì trên internet có rất ít báo cáo mạch lạc về tình trạng thực sự của cuộc khủng hoảng, mà có đi chăng nữa thì cũng không mấy thu hút sự chú ý của người truy cập mạng. Trên thực tế, đời sống thường nhật của chúng ta ngày càng ít tiếp xúc với thiên nhiên. Không lạ gì khi đề cập đến “môi trường” (*environment*) ngày nay, người ta phải dùng thêm từ bổ túc

---

<sup>24</sup> Cybercom Group, “Digital Sustainability: Global sustainability as a driver of innovation and growth,”

<https://static1.squarespace.com/static/59dc930532601e9d148e3c25/t/5a2c97b5e4966be66fae2716/1512871882345/Cybercom-Digital-Sustainability-full+report.pdf>

“thiên nhiên” để phân biệt môi trường thiên nhiên với các loại môi trường khác mà chúng ta quen thuộc, như môi trường làm việc, môi trường internet, môi trường kỹ thuật số. Nhà văn người Anh và nhà hoạt động môi trường George Monbiot gọi hiện tượng này là "sự xa rời khỏi hệ sinh thái" (*estrangement from the ecosystem*), trong đó chúng ta "mất dần sự gắn bó thân mật" với thiên nhiên là nguồn nuôi dưỡng sự sống cho chúng ta.<sup>25</sup>

Trong quá khứ, trẻ em trên khắp thế giới giải trí bằng cách vui chơi trên cánh đồng và dòng suối, thi cưỡi ngựa làm từ cành cây. Ở Thái Lan, tôi tiếp xúc với nhiều lao động di dân Việt Nam. Họ cho hay thời còn nhỏ mỗi lần đi chăn trâu với bạn bè, họ thường cùng nhau tắm sông, đá bóng trên các đồng lúa đã gặt. Những người ở gần biển thì ra biển đá bóng trên bãi cát. Bây giờ, trẻ em dường như chỉ biết giải phóng adrenaline, tìm sự phấn khích bằng cách đua xe trên máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh. Trước đây, con người sắp xếp lịch làm việc và ngủ nghỉ về cơ bản theo chu kỳ tự nhiên trong ngày. Tuy nhiên, với công nghệ kỹ thuật số tạo ra những thứ gây xao nhãng như các chương trình giải trí theo yêu cầu, trò chơi điện tử trực tuyến và mạng xã hội cho phép kết nối liên tục với nhiều người thuộc các múi giờ khác nhau, nhịp điệu cơ thể tự nhiên cho công việc và nghỉ ngơi đã tiến hóa qua hàng triệu năm dường như thay đổi đáng kể.<sup>26</sup>

Một lối sống quy công nghệ quá mức đặt ra một thách thức mục vụ trong việc thúc đẩy sự phát triển toàn diện con người. Sự phát triển này cần thiết để chúng ta sống mỗi tương quan tam diện với Thiên Chúa, với đồng loại và với thụ tạo một cách lành mạnh và bổ ích. Việc chúng ta quá bận tâm đến không gian kỹ thuật số dẫn đến việc thờ ơ với hệ sinh thái tự nhiên và thụ tạo mà Đức Thánh Cha Phanxicô gọi là “Ngôi nhà chung” của chúng ta. Nếu không có sự cân bằng trong các mối tương quan này, sự

---

<sup>25</sup> George Monbiot, “The hunters and the hunted,” *The Guardian* (3/3/1995), <http://www.monbiot.com/archives/1999/03/03/thehunters-and-the-hunted>.

<sup>26</sup> Anthony Le Duc, *Religion and Society in the Digital Age* (Moldova: Eliva Press, 2020), 37.

tàn phá sinh thái sẽ tiếp tục diễn ra, gây tổn hại không chỉ cho mọi loài thụ tạo mà còn cho toàn thể nhân loại.

\*\*\*

Trong chương này, chúng ta chỉ liệt kê một số vấn đề nổi cộm liên quan đến sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số trên các khía cạnh của xã hội loài người. Từ những gì đã trình bày một cách vắn tắt cũng đủ cho thấy bối cảnh xã hội mới gây nên nhiều vấn nạn cho con người và nhiều vấn đề mục vụ mới cho Giáo hội. Việc sử dụng internet gia tăng một cách đáng kể bởi toàn thế giới trong mọi lĩnh vực trong thời gian đại dịch Covid-19 cũng làm thêm nổi bật cả tiềm năng lẫn nguy hại mà CNTT-TT có thể đưa đến cho Giáo hội và xã hội. Việc suy tư và phân định về bối cảnh kỹ thuật số hiện đại này chính là điều mà các chuyên gia về xã hội học cũng như các nhà thần học, các vị lãnh đạo và người làm mục vụ trong Giáo hội phải thực hiện một cách khẩn cấp nhằm ứng phó kịp thời với những thách đố mà bối cảnh mới này đặt ra. Để thực hiện việc phân định nhằm vạch ra những đường hướng ứng phó với thực trạng, chúng ta cần đào sâu về thần học Giáo hội liên quan đến mục vụ truyền thông, cũng như cách nhìn của Giáo hội về vai trò của công nghệ trong đời sống con người. Đây là đề tài của chương tiếp theo trong tập sách này.

## Chương 2

# THẦN HỌC VÀ MỤC VỤ TRUYỀN THÔNG

### Dấu chỉ của thời đại

Trước những cơ hội và thách đố mục vụ trong bối cảnh kỹ thuật số ngày nay, Giáo hội có nhiệm vụ phân định và giải thích các dấu chỉ thời đại dưới ánh sáng của Tin Mừng. Hiến Chế Mục vụ về Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay, *Gaudium et Spes*, đã khẳng định:

Lúc nào Giáo hội cũng có bổn phận tìm hiểu tường tận những dấu chỉ của thời đại và giải thích chúng dưới ánh sáng Phúc Âm; như vậy mới có thể giải đáp một cách dễ hiểu với từng thế hệ những thắc mắc muôn thuở của con người về ý nghĩa cuộc sống hiện tại và mai sau cũng như về mối tương quan giữa hai cuộc sống ấy. Do đó, cần phải nhận biết và thấu hiểu thế giới chúng ta đang sống với những giải nghĩa, mong chờ và cả tính chất thường là kịch tính của nó.<sup>1</sup>

Quả thực, chúng ta không những chỉ xem xét các dấu chỉ thời đại bằng các phương pháp khoa học và học thuyết xã hội, mà còn phải suy tư dưới sự soi dẫn và tác động của Chúa Thánh Thần. Nhờ đó, chúng ta có thể tìm ra cách thức xứng hợp, hầu giúp con người khám phá ra chân tính cao cả mà Thiên Chúa đã ban tặng và đáp trả lại ân điển ấy bằng cả con tim.<sup>2</sup> Vì

---

<sup>1</sup> Vatican II, Hiến chế mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay *Gaudium et Spes*, 1965, [https://www.vatican.va/archive/hist\\_councils/ii\\_vatican\\_council/documents/vat-ii\\_const\\_19651207\\_gaudium-et-spes\\_en.html](https://www.vatican.va/archive/hist_councils/ii_vatican_council/documents/vat-ii_const_19651207_gaudium-et-spes_en.html), số 4

<sup>2</sup> *Ibid.*, số 10

thể, việc đầu tư thời gian và nỗ lực để suy tư và phân định về các dấu chỉ của thời đại là điều khẩn thiết nhằm thích ứng với những thách đố mục vụ trong thời kỳ không ngừng đổi thay này.

Trong chương này chúng ta chỉ đề cập đến một số dấu chỉ liên quan đến sự phát triển công nghệ nói chung và việc phổ biến CNTT-TT nói riêng mà Hội Thánh cần phải phân định. Hội Thánh cần phải xét xem làm cách nào mà những tiện ích này có thể dẫn đưa nhân loại đến sự sống và chân lý thay vì hướng tới sự gian dối và hủy hoại. Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã chỉ ra rằng việc tạo ra và phổ biến thông tin sai lạc chưa từng có trong thời đại CNTT-TT đang làm ô nhiễm đời sống nội tâm của chúng ta vì chúng chứa đựng sự lừa dối.<sup>3</sup> Những trò gian lận này khiến cho lòng tham vô độ tiềm ẩn nơi con người trở dậy mạnh mẽ.<sup>4</sup> Chúng được sử dụng như một phương thức để làm lu mờ hình ảnh Thiên Chúa nơi con người, hạ thấp căn tính mà Thiên Chúa đã đặt để nơi mỗi người từ thuở tạo dựng. Do đó, chúng ta phải cảnh giác và khẩn trương bảo vệ mình khỏi sự ô uế này.

Các dấu chỉ này cũng cần được xem xét kỹ lưỡng để tận dụng những khả năng của chúng ta để thúc đẩy sự phát triển toàn diện nơi con người. Tài liệu “*Đạo Đức Trên Internet*” do Hội đồng Giáo Hoàng về Truyền thông Xã hội phát hành năm 2002 mời gọi tất cả mọi người nhận thức về những tác động tiêu cực của việc sử dụng internet. Thật vậy, Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II diễn tả: “Giáo hội không thể đơn giản chỉ là khán giả trước những hậu quả xã hội của tiến bộ công nghệ vốn ảnh hưởng quyết định đến đời sống con người.”<sup>5</sup> Các vấn nạn và cơ hội do công nghệ mới tạo ra, được tăng cường bởi toàn cầu hóa cũng như việc xóa bỏ điều tiết và cá nhân hóa của truyền thông đặt ra những thách đố

---

<sup>3</sup> Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Sứ điệp Ngày Truyền thông Thế giới 2018, [https://www.vatican.va/archive/hist\\_councils/ii\\_vatican\\_council/documents/vat-ii\\_const\\_19651207\\_gaudium-et-spes\\_en.html](https://www.vatican.va/archive/hist_councils/ii_vatican_council/documents/vat-ii_const_19651207_gaudium-et-spes_en.html), số 4

<sup>4</sup> Pontifical Council for Social Communications, “Ethics in Internet,” 2002, [http://www.vatican.va/roman\\_curia/pontifical\\_councils/pccs/documents/rc\\_pc\\_pccs\\_doc\\_20020228\\_ethics-internet\\_en.html](http://www.vatican.va/roman_curia/pontifical_councils/pccs/documents/rc_pc_pccs_doc_20020228_ethics-internet_en.html).

<sup>5</sup> “Vatican preparing ‘Ethics in Internet’ document,” *Zenit.org* (12/3/2001), [https://www.zeitun-eg.org/zenit\\_ethics.htm](https://www.zeitun-eg.org/zenit_ethics.htm)

mới về đạo đức và tâm linh, đặc biệt với những người làm việc trong lĩnh vực truyền thông xã hội. Những thách đố này sẽ được hưởng ứng cách hiệu quả bởi những người cam kết hết lòng phục vụ “con người, xây dựng cộng đồng dựa trên tinh thần liên đới, công lý và tình yêu, lên tiếng cho sự thật và sự thành toàn chung cuộc của đời sống con người trong Thiên Chúa.”<sup>6</sup> Như vậy, văn kiện “*Đạo Đức Trên Internet*” tái khẳng định nguyên tắc được nêu trong tài liệu “*Đạo Đức Trong Truyền Thông*” đã phát hành trước đó rằng:

Con người và cộng đồng con người là cùng đích và thước đo của việc sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội; truyền thông phải được thực hiện bởi con người, với con người, vì sự phát triển toàn diện của con người.<sup>7</sup>

Các dấu chỉ thời đại cũng phải được kiểm tra nghiêm túc để nhận ra những tác hại như nguy cơ gieo xung đột thay vì hợp nhất, hiểu lầm thay vì hòa giải, hận thù thay vì bác ái. Các vấn nạn như khoảng cách kỹ thuật số, bất bình đẳng kinh tế và xã hội đi ngược lại với giá trị của tình liên đới, là điều thiết yếu trong sự thăng tiến của cá nhân và cộng đồng. Thông điệp *Populorum Progressio* (*Phát Triển Các Dân Tộc*) đã khẳng định về vấn đề này: “Không thể có sự tiến bộ đối với sự phát triển toàn vẹn của mỗi cá nhân nếu không có sự phát triển đồng thời của toàn thể nhân loại trong tinh thần liên đới.”<sup>8</sup> Có thể nói rằng, Giáo hội nhìn nhận liên đới như là một nhân đức và nguyên tắc xã hội nhằm mục đích thăng tiến phẩm giá cao cả của con người. Vì vậy, Giáo hội bắt buộc phải chỉ ra các khía cạnh của việc phát triển, truyền bá và sử dụng CNTT-TT vốn chống lại tinh thần liên đới và cản trở sự tiến bộ của người nghèo và người yếu thế chỉ bởi vì họ thiếu khả năng và cơ hội tiếp cận với các phát minh tân tiến.

---

<sup>6</sup> *Ibid.*

<sup>7</sup> Pontifical Council for Communications, “Ethics in Social Communications,” 2002, [http://www.vatican.va/roman\\_curia/pontifical\\_councils/pccs/documents/rc\\_pc\\_pccs\\_doc\\_20000530\\_ethics-communications\\_en.html](http://www.vatican.va/roman_curia/pontifical_councils/pccs/documents/rc_pc_pccs_doc_20000530_ethics-communications_en.html),

<sup>8</sup> Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio*, 1967, [http://www.vatican.va/content/paul-vi/en/encyclicals/documents/hf\\_p-vi\\_enc\\_26031967\\_populorum.html](http://www.vatican.va/content/paul-vi/en/encyclicals/documents/hf_p-vi_enc_26031967_populorum.html), số 43.



Các dấu chỉ trên cũng phải được xem xét về khả năng hỗ trợ việc đào tạo thế hệ trẻ cách thích hợp. Quá trình này có thể gây ra tác hại tiêu cực nghiêm trọng nếu các nhà đào tạo thiếu cẩn trọng khi sử dụng CNTT-TT trong việc huấn luyện người trẻ, hoặc để cho trẻ em sử dụng các thiết bị kỹ thuật số quá tự do. Hậu quả là có nhiều người trẻ bị đắm chìm trong thế giới mạng xã hội, các trò chơi trực tuyến, phim ảnh khiêu dâm trên internet, “alô-sex” qua mạng và nhiều tệ nạn khác. Việc người trẻ được tiếp xúc với nhiều kiến thức có thể có lợi cho sự phát triển tâm sinh lý nếu chúng được hướng dẫn và kiểm soát đúng đắn từ người lớn. Sự thiếu cảnh giác của các bậc cha mẹ, thầy cô và những người có trách nhiệm trong công tác truyền thông xã hội có thể gây hại khôn lường đối với sự phát triển của người trẻ.

Các dấu chỉ liên quan đến phát triển công nghệ cũng cần phải được biện phân về tác động của chúng đối với hệ sinh thái tự nhiên. Thiên Chúa ban cho con người khả năng sáng tạo các sản phẩm công nghệ để chúng trở nên những công cụ hữu ích cho sự phát triển của toàn thể nhân loại. Tuy nhiên, nếu bị sử dụng sai mục đích, chúng có thể gây ra các vấn đề nghiêm trọng về môi trường, xã hội, kinh tế và chính trị. Trong Thông điệp về môi trường *Laudato Si*, Đức Thánh Cha Phanxicô bình luận rằng, “Các khuôn mẫu và dạng thức quyền lực mới xuất phát từ công nghệ” góp phần gây ra bất bình đẳng xã hội và tình thế tiến thoái lưỡng nan về môi trường ngày nay.<sup>9</sup> Thật vậy, công nghệ có thể được sử dụng để giải quyết một nhu cầu cụ thể của con người, nhưng cuối cùng lại làm nảy sinh một loạt vấn đề hoàn toàn mới. Đức Thánh Cha Phanxicô đã chỉ ra rằng:

Công nghệ, thứ gắn liền với lợi ích kinh doanh, được xem là cách duy nhất để giải quyết những vấn đề này, nhưng thực ra chúng ta không thấy hết được mạng lưới bí ẩn thâm sâu trong các mối

---

<sup>9</sup> Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si*, 2015, [http://www.vatican.va/content/francesco/en/encyclicals/documents/papa-francesco\\_20150524\\_enciclica-laudato-si.html](http://www.vatican.va/content/francesco/en/encyclicals/documents/papa-francesco_20150524_enciclica-laudato-si.html), số 16.

tương quan, và vì thế, giải quyết một vấn đề này lại tạo ra nhiều vấn đề khác.<sup>10</sup>

Sử dụng công nghệ cách thiếu khôn ngoan là một phần của mô hình kỹ trị đang được áp dụng rộng rãi trong sự phát triển kinh tế và xã hội đã và đang tạo nên những hậu quả tiêu cực nghiêm trọng cho hệ sinh thái nhân bản và tự nhiên. Đức Thánh Cha Phanxicô nhận định mô hình kỹ trị là “một mô hình không phân biệt và một chiều”, hướng đến “sự tiến bộ vô biên và vô hạn” bằng cách làm chủ, sở hữu, điều khiển, thao túng và biến đổi những đối tượng khác.<sup>11</sup> “Điều đó đặt trên nền tảng sự gian dối là có một nguồn cung cấp vô biên các tài sản của trái đất, và điều này dẫn đến việc hành tinh đang bị vắt cạn vượt quá khỏi mọi giới hạn.”<sup>12</sup> Đức Thánh Cha Phanxicô kêu gọi nhân loại phải có một cái nhìn mới, một lối tiếp cận mới với cuộc sống, giáo dục, thiết lập chính sách và một linh đạo mới để đương đầu với sự thống trị ngày càng nhiều của mô hình kỹ trị.

Chúng ta không cần mô hình kỹ trị để giải quyết các vấn đề môi trường, nhưng chúng ta cần đưa ra những phương cách để cổ võ cho “sự toàn vẹn sinh thái và phát triển trọn vẹn con người.”<sup>13</sup> Để đạt được một nền sinh thái toàn diện, chúng ta trước hết cần quan tâm đến sự thăng tiến nhân bản đích thực và công ích, và điều này cuối cùng sẽ ảnh hưởng đến tình trạng của sinh thái tự nhiên. Thật vậy, “ngôi nhà chung” của chúng ta được chăm sóc tốt hay không phần lớn phụ thuộc vào cách nhân loại phát triển như thế nào trong các chiều kích kinh tế, xã hội, chính trị và tâm linh. Khi mất đi sự cân bằng trong “hệ sinh thái nhân bản” giữa người với người, chúng ta cũng có thể dự đoán được sự phá hủy và bóc lột môi trường tự nhiên.<sup>14</sup>

---

<sup>10</sup> *Laudato Si*, số 20

<sup>11</sup> *Laudato Si*, số 106.

<sup>12</sup> *Laudato Si*, số 106.

<sup>13</sup> *Laudato Si*, số 62.

<sup>14</sup> *Laudato Si*, no. 225.

## Nền văn hóa mới

Như đã trình bày trong Chương 1, môi trường kỹ thuật số với nhiều khía cạnh khác nhau không những mang lại nhiều cơ hội do sự phát triển và lan truyền của công nghệ thông tin và truyền thông hiện đại (CNTT-TT), nhưng đồng thời cũng tạo ra nhiều thách thức cho xã hội và Giáo hội. Về phần mình, Giáo hội luôn tỏ ra rất nhạy bén với những điều đang diễn ra trên thế giới, cân nhắc kỹ lưỡng những tác động tích cực cũng như tiêu cực của nó đến hạnh phúc của nhân loại trong “nền văn hóa mới” được hình thành bởi công nghệ truyền thông hiện đại.

Hiện nay, có hai trường phái tư tưởng cơ bản liên quan đến nền văn hóa mới nảy sinh trong thời đại kỹ thuật số. Quan điểm đầu tiên cho rằng nền văn hóa hiện tại có thể được tái tạo dưới dạng kỹ thuật số khi con người có nhiều trải nghiệm cuộc sống kết nối với không gian kỹ thuật số hơn. Trường phái tư tưởng thứ hai cho rằng nền văn hóa kỹ thuật số có tính thống trị đang nổi lên là một nền văn hóa tách biệt.<sup>15</sup> Khi các nền tảng kỹ thuật số hiển hiện rõ ràng hơn trong xã hội, có lẽ mô hình thứ hai – vốn đến từ trường phái tán thành ý tưởng về một nền văn hóa kỹ thuật số mới – sẽ là mô hình phổ biến về văn hóa truyền thông trong hiện tại và tương lai.

Thời đại kỹ thuật số với nền văn hóa và ngôn ngữ riêng của nó, mở ra cho loài người những cách thức giao tiếp mới và khác biệt. Những phương thức giao tiếp mới truyền cảm hứng cho những lối suy nghĩ, hành vi và mối tương quan mới, từ đó dẫn đến các kết quả khác nhau, cả tích cực lẫn tiêu cực. CNTT-TT từng được xem như là một công cụ của truyền thông, giờ đây đã biến thành một lãnh thổ mới, một “ngôi làng toàn cầu”, một nơi cư mang những giá trị và nét văn hóa riêng. Nền văn hóa mới này ngày càng thâm nhập vào cuộc sống của con người thời hiện đại và ảnh hưởng đến cách họ nhìn nhận và cảm nghiệm về chính bản thân mình. Khi hiện trên mạng xã hội, cách chúng ta định giá qua lượt thích (*like*), bình luận

---

<sup>15</sup> Mark Poepsel, “Digital Culture and Social Media,” <https://press.rebus.community/mscy/chapter/chapter-2-digital-culture/>

(comment), chia sẻ (share) và những thứ khác có xu hướng xác định ý thức của chúng ta về căn tính của mình. Một người nào đó càng có nhiều người theo dõi thì vị thế xã hội của họ càng cao. Tương tự như vậy, hình ảnh của chúng ta trên mạng xã hội nếu lôi cuốn được nhiều người, thì chúng ta càng dễ dàng đánh giá cao về bản thân. Điều này cổ vũ mạnh mẽ cho chủ nghĩa cá nhân vốn tập trung vào các ưu tiên và quyết định của “Tôi”: điều gì làm tôi hài lòng, điều gì làm tôi hạnh phúc, điều gì khiến tôi thoải mái, v. và v.v. Có thể nói rằng, nền văn hóa mới này ủng hộ mạnh mẽ cho những gì nhanh chóng, dễ dàng và thoải mái. Chủ trương tìm ra cách để rút gọn các tiến trình nhằm gia tăng năng suất dẫn con người thời nay đến nỗi trạng luôn muốn nhận được sự thỏa mãn ngay lập tức. Chúng ta ưa chuộng sự kết nối nhanh, giao dịch nhanh và nhận được kết quả nhanh.

Trong thời gian đại dịch Covid-19, tôi đã làm quen với việc mua hàng online qua nền tảng Lazada. Thời gian đầu tôi mua một số món hàng cần thiết như kem đánh răng, dầu gội đầu, sữa tắm vì tôi ngại đi tới những nơi đông người. Tuy nhiên, sau khi tình hình dịch đã được cải thiện, mặc dù tôi đã được tiêm đầy đủ hai mũi vaccine và có thể đi lại khá thoải mái, tôi vẫn có thói quen tìm đến Lazada để mua những món đồ khác vốn có bán trong các trung tâm mua sắm gần nhà. Trước khi chọn mua một món hàng nào đó, tôi thường đọc qua những bình luận mà các khách hàng để lại. Một điều có thể thấy được là đa số các khách hàng lưu tâm đến tốc độ gửi hàng của người bán. Nhiều người chỉ mới nhận được hàng, chưa kịp sử dụng, nhưng đã để lại phản hồi chỉ để bình luận về tốc độ gửi hàng. Họ cảm thấy hài lòng nếu họ nhận được hàng trong vòng một vài ngày sau khi đặt hàng. Việc các trang web thương mại như Lazada, Shopee và hàng loạt nền tảng mua sắm trực tuyến mọc lên liên tục là những ví dụ điển hình nói lên nỗ lực đáp ứng nhu cầu thỏa mãn tức thời của con người ngày nay. Giờ đây, bất kỳ ai cũng có thể nhận được những thứ mình cần có thông qua các trang web hoặc ứng dụng giao dịch, mua bán.

Mạng xã hội cũng vượt qua không gian và thời gian với khả năng cung cấp các công cụ truyền thông có tỷ lệ hiệu quả vượt trội. Thật không

may, những lợi ích này lại đi kèm với một cái giá khá đắt phải trả. Nó làm chúng ta ngày càng thiếu kiên nhẫn, mất tập trung cũng như khó xây dựng các mối tương quan thực sự. Khi chúng ta ngày càng đầu tư vào việc xây dựng các mối tương quan ảo hoặc trực tuyến, việc trò chuyện trực tiếp dường như khó hơn đối với chúng ta. Hơn nữa, nền văn hóa do CNTT-TT định hướng còn vượt ra ngoài lĩnh vực truyền thông, mở rộng đến các khía cạnh chính trị, kinh tế và văn hóa, tạo nên một "ngôi làng toàn cầu" như là một thực thể sống động. Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã chỉ ra sự xuất hiện không thể chối bỏ của "nền văn hóa mới" do truyền thông kỹ thuật số tạo ra trong Thông điệp *Redemptoris Missio* (*Sứ Vụ Đáng Cứu Thế*). Văn kiện khuyến khích hội nhập việc Phúc Âm hóa hoặc sứ điệp Kitô giáo vào "Nền văn hóa mới" do truyền thông hiện đại tạo ra.<sup>16</sup> Đức Giáo Hoàng tuyên bố rằng "những cách thức truyền thông mới, với ngôn ngữ mới, kỹ thuật mới và tâm lý mới"<sup>17</sup> đánh dấu bối cảnh truyền thông mới lạ ảnh hưởng đến các khía cạnh khác nhau của đời sống con người đương đại.

## Nền tảng thần học cho mục vụ truyền thông

### 1. Khái niệm về Truyền thông

Để hiểu được nền văn hóa truyền thông mới này và phân định một cách hiệu quả các dấu chỉ của thời đại, chúng ta buộc phải tìm hiểu sâu hơn về thần học của Giáo hội về truyền thông. Khái niệm thần học về truyền thông, bao gồm cả CNTT-TT, dựa trên khái niệm cơ bản của Thần học Kitô giáo là một Chúa Ba Ngôi – Cha, Con và Thánh Thần. Khi dẫn giải dựa trên mẫu nhiệm Chúa Ba Ngôi như là nền tảng của thần học

---

<sup>16</sup> Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *Redemptoris Missio*, 1990, [http://www.vatican.va/content/john-paul-ii/en/encyclicals/documents/hf\\_jp-ii\\_enc\\_07121990\\_redemptoris-missio.html](http://www.vatican.va/content/john-paul-ii/en/encyclicals/documents/hf_jp-ii_enc_07121990_redemptoris-missio.html).

<sup>17</sup> *Redemptoris Missio*, số 37c.

truyền thông, nhà thần học người Đức Gisbert Greshake phát biểu rằng: “Truyền thông (*communication*) từ nguyên thủy là một ý tưởng thần học nhất định dựa trên sự mặc khải của Kitô giáo, đề cập đến các nhận thức trọng tâm của Kitô giáo về Thiên Chúa và thế giới”.<sup>18</sup>

Greshake tiếp tục giải thích từ “*communication*” trong cách sử dụng phổ biến và cả trong quan điểm triết học. Theo Greshake, từ “*communication*” (truyền thông) có nguồn gốc trong từ “*mun*”, có nghĩa là một cái gì đó giống như một ngưỡng cửa hoặc một khuôn viên. Nguyên nghĩa này có thể được áp dụng cho một phòng chung hoặc một nơi sinh hoạt mà ở đó mọi người đều nương tựa vào nhau.

Quan điểm triết học dựa trên từ “*munus*” trong tiếng Latinh, có nghĩa là quà tặng. Như vậy, truyền thông muốn nói đến giao tiếp giữa người với người như một hành vi phục vụ tha nhân và trao tặng cho nhau một món quà mà nhờ đó cả hai được hiệp thông với nhau. Nguyên ngữ này hàm ý truyền thông là một quá trình trao tặng lẫn nhau, dẫn đến kết quả cuối cùng là “sự hiệp thông”. Greshake lập luận rằng khái niệm này được xây dựng trên nền tảng “Thiên Chúa Ba Ngôi, Đấng đi vào trần gian và thông ban chính Ngài cho con người trong Đức Giêsu Kitô và trong Quyền năng của Thánh Thần”.<sup>19</sup>

Theo ý niệm này, Thiên Chúa không truyền thông một điều gì đó xa lạ với con người, nhưng là truyền thông chính Ngài qua Đức Giêsu Kitô – Đấng đã mặc lấy xác phàm để trực tiếp gặp gỡ con người và truyền thông về chính Thiên Chúa. Tuy nhiên, sự truyền thông chính mình của Thiên Chúa trước hết xảy ra trong nội tại Ba Ngôi, sau đó là đến việc truyền thông cho con người. Vì thế, sự truyền thông chính mình của Thiên Chúa chính là cơ sở cho một nền thần học truyền thông đặc biệt.

---

<sup>18</sup> Gisbert Greshake, “Der Ursprung der Kommunikationsidee,” trong Anh Vu Ta và Franz-Josef Eilers, *Social Communication in Theological Perspective: Communication Theology* (Manila: Logos Publications, Inc., 2015), 47.

<sup>19</sup> *Ibid.*, 48.

## 2. Những yếu tố của thần học truyền thông

Bernard J. F. Lonergan khẳng định rằng truyền thông là một mối quan tâm thần học.<sup>20</sup> Cùng cách hiểu đó, Karl Rahner nói về khái niệm tự truyền thông của Thiên Chúa khi bàn luận thần học. Theo Rahner, như sự nhân cách hóa của tình yêu, Thiên Chúa mặc khải chính mình như một ngôi vị, vừa là quà tặng vừa là người tặng quà (*Deus Caritas Est*, 1Ga 4,8). Khái niệm này được Đức Cố Hồng y Avery Dulles phát triển thêm khi ngài cho rằng thần học luôn quan tâm đến các thực tại của truyền thông. ĐHY Dulles gọi Kitô giáo là một tôn giáo của truyền thông, vì bản chất sâu xa nhất của Thiên Chúa là một mẫu nhiệm tự truyền thông.<sup>21</sup> Mẫu nhiệm này bao gồm nhiều yếu tố khác nhau, đặc biệt là mẫu nhiệm Chúa Ba Ngôi, Mặc Khải và Nhập Thể.

Thứ nhất là mẫu nhiệm Ba Ngôi. Hiểu biết của Kitô giáo về Thiên Chúa thông ban chính mình dựa trên bản tính của Thiên Chúa là Đấng có tương quan và hiệp thông với các thụ tạo. Greshake trình bày rõ khái niệm này như sau: “Thiên Chúa không phải là một người du mục đứng yên và đơn độc. Đúng hơn, Thiên Chúa là Đấng ở trong chính Ngài số nhiều: Sự sống, Tình yêu và Truyền thông”.<sup>22</sup>

Trong mối tương quan này, Chúa Cha sai Chúa Con và Thánh Thần của Ngài là những ngôi vị có cùng một thiên tính. Ở điểm này, Franz-Josef Eilers, SVD phân tích rằng: “Chúa Cha ‘nói’ với Chúa Con và khi làm như vậy, Người tạo ra và thông ban mọi sự Người là và Người có”. Rồi đến lượt mình, “Chúa Con kêu lên Chúa Cha và dâng hiến trọn vẹn chính mình cho Cha với sự vâng phục hoàn hảo.”<sup>23</sup> Theo cách hiểu tương tự, thần học gia Dòng Tên Carlo Maria Martini bình luận: “Sự sống của

<sup>20</sup> Bernard Lonergan, *Method in Theology* (Toronto: University of Toronto Press, 1972), 255.

<sup>21</sup> Avery Dulles, *The Craft of Theology: From Symbol to System* (Dublin: Crossroad, 1992), 22.

<sup>22</sup> Anh Vu Ta and Franz-Josef Eilers, *Social Communication in Theological Perspective: Communication Theology* (Manila: Logos Publications, Inc., 2015), 48.

<sup>23</sup> Franz-Josef Eilers, *Communicating in Community: An Introduction to Social Communication* (Manila: Logos Publications, Inc., 2009), 46.

Thiên Chúa thân tình tới mức mà chúng ta có thể hiểu được là sự truyền thông sâu xa và liên tục không ngừng giữa các Ngôi Vị”.<sup>24</sup> Nói cách ngắn gọn, ba Ngôi Vị thần linh không ngừng đối thoại với nhau từ thuở vĩnh hằng.

Thứ hai là Mặc Khải. Toàn bộ Kinh Thánh nói về Thiên Chúa là một Thiên Chúa truyền thông – Ngài không ngừng thông truyền với các thụ tạo của mình. Cựu Ước cho thấy sự truyền thông nội tại của Ba Ngôi Thiên Chúa liên quan đến việc tạo dựng loài người cũng như cuộc đối thoại của Thiên Chúa với Adam và Evà trong Vườn Địa Đàng. Hành động truyền thông này của Thiên Chúa cũng âm vang trong Tân Ước. Chủ đề xoay quanh sự kiện Lễ Ngũ Tuần với biến cố Chúa Thánh Thần ngự đến (Cv 2,1-47) được xem là Thiên Chúa đang truyền thông một lần nữa với con người. Hành động truyền thông trong Lễ Hiện Xuống phát xuất cách tự nhiên từ sự hiệp thông tình yêu của Ba Ngôi. Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần hợp nhất trong phạm vi truyền thông thần linh. Như Martini đã đề cập, sự tinh túy của Thượng Đế bao gồm cả “sự hiệp thông và truyền thông”.<sup>25</sup>

Vì vậy, biến cố Hiện Xuống biểu lộ khoảnh khắc quý giá khi Thiên Chúa tuôn đổ Thánh Thần xuống trên con người nhằm biến đổi họ trở nên những con người có khả năng truyền thông xuất sắc. Đó cũng chính là thời điểm Thiên Chúa tái khởi xướng và phục hồi mối tương quan thần linh với con người, được đánh dấu bằng sự tuôn đổ Thánh Thần cách nhưng không. Vào ngày Lễ Ngũ Tuần, Thánh Linh được trao ban tràn trề cho các Tông Đồ với ơn nói tiếng lạ, khả năng hiểu được những ngôn ngữ khác nhau mà mọi người trên thế giới sử dụng. Lễ Ngũ Tuần chính là sự truyền thông, và do đó, sứ mạng chính của Giáo hội là truyền đạt Sứ điệp ở đây và lúc này của mọi thời đại.

Thiên Chúa tác động bằng việc tuôn đổ Thánh Linh vào Lễ Ngũ Tuần biểu trưng cho việc Hội Thánh được thiết lập bởi chính Thiên Chúa và

---

<sup>24</sup> *Ibid.*

<sup>25</sup> Carlo Maria Martini, *Communicating Christ to the World* (Diliman: Claretian Publications, 1994), 21



Thánh Linh. Thánh Linh là Đấng đã sai các Tông Đồ ra đi, ban cho Hội Thánh khả năng thông truyền và làm chứng cho Tin Mừng cho đến ngày tận thế. Hồng ân Thánh Thần sẽ mang đến cho Hội Thánh ngày nay một trái tim mới, một ngôn ngữ mới và một khả năng truyền thông mới. Như thế, chúng ta hoàn tất sự hiện diện của Thiên Chúa ở giữa loài người qua đời sống chúng ta và rao giảng Tin Mừng.

Cuối cùng là Nhập Thể. Nền tảng Kinh Thánh của truyền thông Kitô giáo là sự truyền thông Ba Ngôi. Sự hiệp thông Ba Ngôi cho thấy một sự truyền thông thường xuyên và liên tục giữa Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Chúa Cha không ngừng truyền thông với Chúa Con, và Chúa Con truyền thông mọi điều Ngài đã nghe từ Chúa Cha cho thế gian trong sự vâng phục hoàn toàn. *Logos* (Ngôi Lời – Chúa Con) đã truyền đạt một cách hoàn hảo và thành công sứ điệp của Chúa Cha cho thế giới và con người. Thế nên, Chúa Giêsu được biết đến như là Người Truyền Thông Hoàn Hảo (*Perfect Communicator*) của Thiên Chúa.

Sứ mạng cơ bản của Chúa Giêsu trên trần gian là mặc khải dung mạo của Chúa Cha, hay nói cách khác, là Ngài bày tỏ cho nhân loại tình yêu của Thiên Chúa dành cho trần gian. Tác giả của Phúc Âm thứ tư khẳng định nền tảng Kinh Thánh về việc Chúa Giêsu là Đấng mặc khải duy nhất về Chúa Cha: “Không ai đã thấy Thiên Chúa bao giờ; nhưng Con Một là Thiên Chúa và là Đấng hằng ở nơi cung lòng Chúa Cha đã tỏ cho chúng ta biết” (Ga 1,18). Nguồn mạch tình yêu của Chúa Giêsu dành cho nhân loại đến từ tình yêu của Chúa Cha thông qua mối tương quan Ba Ngôi. Vì thế, tình yêu của Chúa Cha trở nên máu thịt trong biến cố Nhập Thể của Chúa Con. Chúa Cha – Đấng là tình yêu – đã gửi Ngôi Lời đến, Lời thông ban tình yêu và chính bản thân Thiên Chúa. Với tư cách là Đấng mặc khải trọn hảo về Chúa Cha, Chúa Giêsu không chỉ truyền đạt các khái niệm, ý tưởng và chỉ dẫn cho các thánh giả của Ngài. Thật ra, như được mô tả một cách hùng hồn trong Huấn thị Mục vụ *Communio et Progressio*, sự truyền thông của Chúa Giêsu “không chỉ là sự thể hiện ý

tưởng và chỉ ra cảm xúc, nhưng ở mức độ sâu sắc nhất là sự hiến thân trong tình yêu”.<sup>26</sup>

Chúa Giêsu, với tư cách là Đấng mặc khải hoàn hảo về Chúa Cha, đã thông truyền sự “hiến thân vì tình yêu” trong sứ mạng của Ngài ra sao? Tin Mừng Máccô cho chúng ta biết về đời sống thiêng liêng của Chúa Giêsu, trong đó và qua đó, Ngài bày tỏ tình yêu của Chúa Cha. “Sáng sớm, lúc trời còn tối mịt, Người đã dậy, đi ra một nơi hoang vắng và cầu nguyện ở đó” (Mc 1,35). Các trình thuật Phúc Âm khác cũng kể lại rằng Chúa Giêsu đã cầu nguyện liên li trước khi đưa ra những quyết định quan trọng trong cuộc đời của Ngài. Vì thế, mọi hành động của Chúa Giêsu luôn thể hiện sự hiệp nhất giữa Chúa Cha và Ngài. Chúa Giêsu cũng dạy cho các môn đệ cách nguyện cầu với Chúa Cha (Mt 6,9-15) để họ có thể kết hợp với Chúa Cha cách mật thiết hơn. Với niềm tín thác sâu sắc và với thái độ cầu nguyện không ngừng, Chúa Giêsu đón nhận tình yêu của Chúa Cha và đắm mình trong suối nguồn thiêng liêng ấy để bổ sức cho sứ mệnh truyền thông Tin Mừng đến cho mọi người.

### 3. Truyền thông mục vụ và truyền thông loan báo Tin Mừng

Khái niệm thần học truyền thông theo cách hiểu toàn diện tương ứng chặt chẽ với các lĩnh vực khác, bao gồm cả truyền thông xã hội. Điều này không nhất thiết có nghĩa là trong các cuộc thảo luận về thần học truyền thông, thì chủ đề chỉ đề cập đến các phương tiện truyền thông. Theo Franz-Josef Eilers, khái niệm thần học truyền thông “không bắt đầu với phương tiện truyền thông hoặc phương tiện kỹ thuật, nhưng hơn thế, nó bắt đầu với trung tâm của thần học là chính Thiên Chúa. Truyền thông trở thành con mắt để nhìn thấy toàn bộ thần học vì Thiên Chúa của Kitô giáo

---

<sup>26</sup> Vatican II, *Communio et Progressio*, 1971, [http://www.vatican.va/roman\\_curia/pontifical\\_councils/pcacs/documents/rc\\_pc\\_pccs\\_doc\\_23051971\\_communio\\_en.html](http://www.vatican.va/roman_curia/pontifical_councils/pcacs/documents/rc_pc_pccs_doc_23051971_communio_en.html), số 11.

là một Thiên Chúa truyền thông.”<sup>27</sup> Khái niệm này ngụ ý rằng truyền thông được đưa vào trung tâm của thần học, trở thành một nguyên lý thần học. Ở đây, Thiên Chúa được nhận biết là Thiên Chúa đang thông truyền, trong khi sự mặc khải và công trình cứu độ của Thiên Chúa được xem là những diễn biến truyền thông. Một suy luận hợp lý trong cách hiểu này là “thần học truyền thông xem xét toàn bộ thần học dưới lăng kính truyền thông.”<sup>28</sup>

Để giải thích khái niệm trên mức độ thực tế hơn, có hai cách tiếp cận của thần học truyền thông là truyền thông mục vụ (*pastoral communication*) và loan báo Tin Mừng (*evangelizing communication*). Truyền thông mục vụ là hình thức truyền thông nội bộ trong cộng đoàn Kitô giáo và Hội Thánh. Truyền thông mục vụ được hiểu như một phần của thần học mục vụ đề cập đến việc áp dụng thần học vào đời sống con người và xã hội. Điều này được thể hiện trong việc rao giảng, dạy giáo lý, suy niệm Kinh Thánh cũng như các cử hành phụng vụ của Giáo hội. Thực ra, khái niệm truyền thông mục vụ bắt nguồn với hạn từ “*pastor*” hay mục tử. Mục tử là người chia sẻ và liên hệ với đàn chiên theo phương cách và nội dung khác nhau trong quá trình giao tiếp.

Theo cách hiểu này, “truyền thông mục vụ là thông truyền để chăm sóc mục vụ, dẫn dắt, xây dựng, duy trì và đào sâu đức tin.”<sup>29</sup> Theo nghĩa hẹp, truyền thông mục vụ là truyền thông cho và với các thành viên trong Giáo hội. Theo nghĩa rộng, kiểu thức mục vụ này đề cập đến mọi hoạt động của Giáo hội và các Kitô hữu.<sup>30</sup>

Truyền thông loan báo Tin Mừng lại là sự truyền thông ngoại tại hướng đến những người bên ngoài Giáo hội, đặc biệt là những người chưa được rửa tội hoặc chưa biết Đức Kitô. Giáo hội không chỉ tồn tại vì cộng

<sup>27</sup> Franz-Josef Eilers, “Communication Theology: Some Considerations,” trong Franz Josef Eilers, ed. *Church and Social Communication in Asia: Documents, Analysis Experiences*. 2nd ed. (Manila: Logos Publications, Inc., 2008), 174.

<sup>28</sup> Virgilio F. Ciudadano, Jr, *Social Communication Formation in Seminaries and Schools of Theology: An Investigation* (Manila: Logos Publications, Inc., 2015), 107.

<sup>29</sup> *Ibid.*, 14.

<sup>30</sup> Franz-Josef Eilers, *Communicating in Ministry and Mission: An Introduction to Pastoral and Evangelizing Communication* (Manila: Logos Publications, Inc., 2003), 34.

đồng tín hữu, mà còn được sai đi để chia sẻ và loan báo Tin Mừng cho toàn thế giới. Trong Cẩm nang cho Thượng Hội đồng Giám mục về tính hiệp hành có đề cập đến sứ mạng loan báo Tin Mừng như sau:

Hội Thánh hiện hữu để loan báo Tin Mừng. Chúng ta không bao giờ được phép tập trung vào chính mình. Sứ mạng của chúng ta là làm chứng cho tình yêu Thiên Chúa giữa toàn thể gia đình nhân loại. Tiến trình hiệp hành mang chiều kích truyền giáo rõ nét. Mục đích của tiến trình này là giúp Hội Thánh làm chứng cho Tin Mừng cách hữu hiệu hơn, đặc biệt với những người sống ở vùng ngoại vi của thế giới chúng ta xét về mặt tâm linh, xã hội, kinh tế, chính trị, địa lý và hiện sinh. Theo cách này, hiệp hành là con đường qua đó Hội Thánh có thể hoàn thành cách hiệu quả hơn sứ mạng loan báo Tin Mừng cho thế giới, như nắm men làm cho Nước Thiên Chúa mau đến.<sup>31</sup>

Như vậy, cách thức Giáo hội thi hành sứ mạng của mình với những người bên ngoài hoặc bên lề Giáo hội phản ánh nỗ lực thông truyền Nước Thiên Chúa vượt ra ngoài ranh giới hạn hẹp của Giáo hội. Khái niệm cơ bản của nó dựa trên “*Kerygma*, loan báo hoặc truyền giáo”,<sup>32</sup> trong đó đối thoại được coi là một phần thiết yếu. Đối thoại dưới ánh sáng của truyền thông loan báo Tin Mừng là “cách thức chuẩn mực và cần thiết cho mọi hình thức truyền giáo của sứ mệnh Kitô giáo, cũng như mọi khía cạnh của nó, cho dù người ta nói về sự hiện diện đơn giản và làm chứng, phục vụ hay rao giảng trực tiếp. Bất kỳ cảm thức truyền giáo nào không được thấm nhuần bởi tinh thần đối thoại như vậy sẽ đi ngược lại những đòi hỏi của nhân bản đích thực và chống lại giáo huấn của Phúc Âm.”<sup>33</sup>

---

<sup>31</sup> Hội đồng Giám mục Việt Nam, “Cẩm nang cho Thượng Hội đồng Giám mục về tính hiệp hành,” <https://hdgmvietnam.com/chi-tiet/cam-nang-cho-thuong-hoi-dong-giam-muc-ve-tinh-hiep-hanh-42941>

<sup>32</sup> *Ibid.*, 210.

<sup>33</sup> Secretariat for Non-Christians, “The Attitude of the Church towards the Followers of Other Religions: Reflection and Orientations on Dialogue and Mission,” quoted in Stephen B. Bevans and Roger P. Schroeder, *Constants in Context: A Theology of Mission For Today* (Quezon City: Claretian Publications, 2004), 378.

Văn kiện mang tính bước ngoặt *Nostra Aetate* khẳng định tầm quan trọng của việc đối thoại với các tôn giáo khác như một cách truyền thông loan báo Tin Mừng. Tuyên ngôn này cung cấp cho người Công giáo một ý thức mới về lệnh truyền mang tính ngôn sứ cần được thực hiện để phát huy các giá trị tâm linh trong các truyền thống tôn giáo khác như Do Thái giáo, Hồi giáo, Ấn giáo và Phật giáo. Tài liệu cũng khơi dậy một cách thể khiêm tốn hơn nhưng có tính sáng tạo để trình bày một cách toàn vẹn những gì Thiên Chúa đã mặc khải cho con người. Mặc dù *Nostra Aetate* không bỏ qua những khác biệt cơ bản giữa Công giáo và các tôn giáo khác, nhưng bản tuyên ngôn cố gắng chú ý đúng mức đến những đặc điểm chung của các truyền thống tôn giáo khác nhau.

## Ý nghĩa thần học

### 1. Định hướng

Định hướng của Giáo hội đối với những tiến bộ công nghệ sẽ có tác động đáng kể đến cách nhìn và sử dụng công nghệ kỹ thuật số của các bậc vị vọng thuộc phẩm trật Giáo hội và các thành viên ở mọi cấp độ. Về vấn đề này, ba vị Giáo Hoàng gần đây đã đưa ra rất nhiều hướng dẫn thông qua các văn kiện, bài phát biểu và bài giảng khác nhau. Về cơ bản, các ngài có cách nhìn tích cực đối với công nghệ kỹ thuật số, mặc dù có những cảnh báo về những mảng tối rất thực đi liền với tiến bộ công nghệ. Những phần thảo luận ở chương trước cho thấy rõ ràng rằng những nhắc nhở này không mang tính báo động và phản ứng thái quá. Ngay từ lúc đầu của thiên niên kỷ mới, Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã thể hiện một quan điểm có tính thực tiễn về internet. Trong sứ điệp ngày Truyền thông Thế giới lần thứ 36, ngài đã viết về internet như sau: “Giáo hội tiếp cận phương tiện mới này với chủ nghĩa hiện thực và sự tự tin. Giống như các phương tiện truyền thông khác, nó chỉ là một phương tiện, không phải là cùng đích. Internet có thể mang lại những cơ hội lớn lao cho việc truyền

giáo nếu biết sử dụng và nhận thức rõ ràng điểm mạnh và điểm yếu của nó.”<sup>34</sup> Đức Bênêđictô XVI cũng có quan điểm tương tự về công nghệ kỹ thuật số như được phản ánh trong sứ điệp của ngài cho Ngày Truyền thông Thế giới lần thứ 45 gần một thập kỷ sau đó: “Như với mọi thành quả khác của tài trí nhân loại, các công nghệ truyền thông mới phải được dùng để phục vụ cho thiện ích toàn diện của cá nhân và toàn thể nhân loại. Nếu được sử dụng cách khôn ngoan, chúng có thể góp phần thỏa mãn khát vọng về ý nghĩa, chân lý và sự hiệp nhất vốn vẫn là khát vọng sâu xa nhất của mỗi con người.”<sup>35</sup>

Trong Tông huấn *Evangelii Gaudium (Niềm Vui Của Tin Mừng)*, Đức Thánh Cha Phanxicô nhấn mạnh tầm quan trọng cần có định hướng đúng đắn cho bất kỳ ai tham gia vào sứ mạng Phúc Âm hóa trong kỷ nguyên kỹ thuật số.<sup>36</sup> Đối với ngài, việc truyền giáo và truyền thông mục vụ trong môi trường kỹ thuật số không lệ thuộc vào các công cụ truyền thông nhưng cần phải phụ thuộc nhiều vào sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần. Toàn bộ mục vụ truyền thông của Giáo hội về cơ bản được hiểu là công việc của Chúa Thánh Thần; dưới lăng kính này, loan báo Tin Mừng được xem là sự cộng tác với Chúa Thánh Thần. Khi nhìn nhận vai trò thiết yếu của Chúa Thánh Thần, Đức Thánh Cha Phanxicô mời gọi sự trở dậy của “những người truyền giáo đầy Thánh Thần”, những người “can đảm mở rộng tâm hồn trước hoạt động của Chúa Thánh Thần.”<sup>37</sup> Hơn nữa, Đức Thánh Cha khẳng định rằng, “Phúc Âm hóa đầy tràn Thánh Linh là một công cuộc được Chúa Thánh Thần hướng dẫn, vì Ngài là linh hồn của

---

<sup>34</sup> Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, Sứ điệp Ngày Truyền thông Thế giới 2002, [http://www.vatican.va/content/john-paul-ii/en/messages/communications/documents/hf\\_jp-ii\\_mes\\_20020122\\_world-communications-day.html](http://www.vatican.va/content/john-paul-ii/en/messages/communications/documents/hf_jp-ii_mes_20020122_world-communications-day.html).

<sup>35</sup> Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI, Sứ điệp Ngày Truyền thông Thế giới, 2011, [http://www.vatican.va/content/benedict-xvi/en/messages/communications/documents/hf\\_ben-xvi\\_mes\\_20110124\\_45th-world-communications-day.html](http://www.vatican.va/content/benedict-xvi/en/messages/communications/documents/hf_ben-xvi_mes_20110124_45th-world-communications-day.html).

<sup>36</sup> Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Tổng huấn *Evangelii Gaudium* (Makati: Word & Life Publications, 2014), 1.

<sup>37</sup> Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium*, 2013, [https://www.vatican.va/content/francesco/en/apost\\_exhortations/documents/papa-francesco\\_esortazione-ap\\_20131124\\_evangelii-gaudium.html](https://www.vatican.va/content/francesco/en/apost_exhortations/documents/papa-francesco_esortazione-ap_20131124_evangelii-gaudium.html), số 259, số 261.

Giáo hội và chính Ngài công bố Tin Mừng”.<sup>38</sup> Chúa Thánh Thần không chỉ trao quyền mà còn làm cho người rao giảng Tin Mừng trở nên mạnh mẽ trước những thách đố, khủng hoảng và cám dỗ gây ra bởi các công nghệ truyền thông mới trong kỷ nguyên kỹ thuật số.

## **2. Linh đạo truyền thông**

Một trong những yếu tố quan trọng trong thần học truyền thông và là một phần thiết yếu trong mọi hoạt động truyền thông mục vụ và truyền giáo của Giáo hội là linh đạo truyền thông. Linh đạo này chủ yếu dựa trên tác động của Chúa Thánh Thần. Việc có một linh đạo truyền thông ý nghĩa là điều cần thiết đối với những người làm truyền thông Kitô giáo. Linh đạo truyền thông mang ba chiều kích: (1) mở ra với Thiên Chúa, (2) mở ra với bản thân, và (3) mở ra với tha nhân.<sup>39</sup> Tinh thần cởi mở, có thể trở thành một loại linh đạo cá nhân, giúp những người làm truyền thông Kitô giáo kiện cường nỗ lực mục vụ truyền thông của mình. Tinh thần này giúp xây dựng mối tương quan mật thiết và cá vị với Thiên Chúa, được nuôi dưỡng và duy trì qua việc thường xuyên cầu nguyện, đọc Kinh Thánh cũng như suy tư cá nhân. Một linh đạo như thế sẽ dẫn dắt những người làm truyền thông kín múc được sức mạnh thiêng liêng và gia tăng năng lượng cho công việc mục vụ của mình.

Nói một cách triệt để hơn, linh đạo truyền thông thể hiện được vị trí trung tâm của Chúa Giêsu Kitô trong truyền thông kỹ thuật số. Những người làm truyền thông nhất thiết phải hiểu biết một cách toàn diện về Chúa Giêsu như là trung tâm của toàn bộ nỗ lực truyền giáo. Trọng tâm và ưu tiên của sứ mạng của Chúa Giêsu bắt nguồn từ thực tế Ngài là người kiến tạo duy nhất của sứ mạng của Giáo hội. Đức Thánh Cha Phanxicô nhắc nhở chúng ta rằng: “Không thể có việc Phúc Âm hóa thực sự nếu không công bố minh nhiên Chúa Giêsu là Chúa và không có sự ưu tiên

---

<sup>38</sup> *Evangelii Gaudium*, số 261.

<sup>39</sup> *Evangelii Gaudium*, số 261.

công bố Chúa Giêsu trong mọi công cuộc Phúc Âm hóa.”<sup>40</sup> Sứ điệp nền tảng phải được công bố qua bất kỳ hình thức công nghệ truyền thông mới nào đều là “tình yêu cá vị của Thiên Chúa làm người, Đấng đã hiến thân vì chúng ta, Đấng đang sống và ban cho chúng ta ơn cứu độ và tình bạn của Ngài.”<sup>41</sup>

### 3. Đón nhận toàn thể con người

Trong thời đại kỹ thuật số, những thách đố mục vụ của chúng ta có thể có những hình thức và chiều kích mới, nhưng ưu tiên vẫn không hề thay đổi, đó là *con người*. Với lòng quan tâm tuyệt đối đến hạnh phúc của nhân loại, các Đức Thánh Cha đã có tầm nhìn xa trông rộng để cảnh báo về những nguy cơ lớn lao trong xã hội do việc lạm dụng, sử dụng không đúng hay thiếu ý thức các phương tiện truyền thông mới. Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II nhấn mạnh rằng việc phát triển CNTT-TT nên tập trung nhiều vào con người hơn là các phần mềm hay phần cứng của các phương tiện truyền thông. Giáo hội phải bảo vệ căn tính của con người, sự tự do, quyền lợi và trách nhiệm của họ.<sup>42</sup> Ngài cũng kêu gọi mọi người quan tâm đặc biệt đến việc bảo vệ trẻ em vốn là những nạn nhân dễ bị tổn thương nhất trong việc sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội một cách thiếu hiểu biết và kinh nghiệm. Việc sử dụng khôn ngoan các công cụ kỹ thuật số và truy cập vào nội dung phù hợp sẽ giúp trẻ phát triển tinh thần và thể chất cũng như huấn luyện lương tâm. Vì thế, chúng ta cần phải cảnh giác khi hướng dẫn trẻ sử dụng CNTT-TT, hầu mang lại một tương lai tốt đẹp cho thế hệ mới. Để đạt được điều này, điều tối quan trọng là cha mẹ, giáo viên, những người làm truyền thông xã hội và tất cả các Kitô hữu phải nghiêm túc thực hiện vai trò của mình trong lãnh vực này. Giáo hội mong mỗi các nhà lãnh đạo mục vụ, những người lớn có nhiệm vụ chăm

---

<sup>40</sup> *Evangelii Gaudium*, số 110.

<sup>41</sup> *Evangelii Gaudium*, số 128.

<sup>42</sup> Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, Sứ điệp Ngày Truyền thông Thế giới năm 1981, [http://www.vatican.va/content/john-paul-ii/en/messages/communications/documents/hf\\_jp-ii\\_mes\\_10051981\\_world-communications-day.html](http://www.vatican.va/content/john-paul-ii/en/messages/communications/documents/hf_jp-ii_mes_10051981_world-communications-day.html).



sóc người trẻ và các nhà giáo dục phải thận trọng hơn trong việc lựa chọn, giải thích và chất vấn về nội dung mà giới trẻ truy cập trên internet. Khi giới trẻ được huấn luyện để có một lương tâm tốt và nền tảng đức tin vững chắc, họ sẽ có khả năng vận hành trong không gian kỹ thuật số mà không bị trôi dạt giữa những dòng chảy phù phiếm.

#### 4. Sức mạnh của Chúa Thánh Thần

Dấu hiệu truyền thông trong Lễ Ngũ Tuần được biểu lộ cách tỏ tường qua sự tuôn đổ Chúa Thánh Thần trên các Tông Đồ.<sup>43</sup> Việc Chúa Thánh Thần ngự đến đi kèm với hai hiện tượng đáng chú ý: âm thanh từ trời như gió thổi mạnh và sự xuất hiện của hình lưỡi lửa ngự trên mỗi người và tách biệt họ khỏi những người khác. Những sự kiện kỳ lạ này chỉ đến sự tỏ hiện thần linh - một biểu hiện trực quan về sự hiện diện của Thiên Chúa. Những âm thanh từ trời cao ở ngay bên chứng tỏ rằng sự hiện diện đầy quyền năng của Thiên Chúa đến ngay lập tức cho những người có mặt ở đó.<sup>44</sup> Carlo Maria Martini lập luận rằng cấu trúc hình lưỡi lửa có thể được coi là “biểu tượng truyền thông của con người”.<sup>45</sup> Được thúc giục và đảm bảo về quyền năng của Chúa Thánh Thần, các môn đệ được Thiên Chúa sai đi để can đảm làm chứng cho Nước Trời, công bố sứ điệp Phúc Âm trong vai trò những người thông truyền thực sự của Thiên Chúa.

Một trong những tác động của việc Chúa Thánh Thần hiện xuống trên các môn đệ là họ được tham gia vào mối tương quan hiệp thông thần linh với Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Tình trạng hiệp thông này kiện cường sứ vụ truyền thông rao giảng Tin Mừng với tư cách là chứng tá ngôn sứ của Thiên Chúa “tại Giêrusalem, khắp xứ Giuđê và Samari, và cho đến tận cùng trái đất” (Cv 1,8). Mục tiêu của

<sup>43</sup> Ben Witherington III, *The Acts of The Apostles: A Socio-Rhetorical Commentary* (Michigan: W.B. Eerdmans Publishing Co, 1998), 130.

<sup>44</sup> Denzil R. Miller, *The Spirit of God in Mission* (Springfield, Missouri: Pneumal Life Publication, 2011), 40.

<sup>45</sup> Carlo Maria Martini, *Communicating Christ to the World*, 22.

Giáo hội khi tiếp tục sứ mệnh loan báo trong kỷ nguyên kỹ thuật số ngày nay vẫn không hề thay đổi: đó chính là truyền thông về tình yêu của Thiên Chúa và các giá trị của Vương Quốc Nước Trời, cổ võ “sự hiểu biết lẫn nhau và chia sẻ ước vọng” giữa nhân loại, thúc đẩy họ “đến với công lý và hòa bình, thiện chí và đức ái năng động, giúp đỡ lẫn nhau, yêu thương và cuối cùng là hiệp thông”.<sup>46</sup> Vì vậy, việc rao giảng được thực hiện bởi những người được Chúa Thánh Thần hướng dẫn trong sự hiệp thông với Thiên Chúa Ba Ngôi sẽ “thúc đẩy các hình thức tiến bộ của con người và tăng cường sự hợp tác giữa con người với nhau cho đến khi có một sự hiệp thông đích thực giữa họ.”<sup>47</sup>

## 5. Chúa Giêsu – Nhà Truyền Thông Hoàn Hảo

“Trong khi ở trần gian, Đức Kitô bày tỏ chính Ngài là Đấng Truyền Thông Hoàn Hảo” (*Perfect Communicator*).<sup>48</sup> Điều này được thể hiện cách đặc biệt trong lối rao giảng của Chúa Giêsu. Ngài có phương cách truyền thông đến từ con tim, thể hiện qua việc thấu suốt tâm tư và ước muốn của con người, để rồi Ngài đáp lại nhu cầu cụ thể của những ai mà Ngài gặp gỡ trên đường sứ vụ. Chúa Giêsu công nhận và tôn trọng thế giới quan, văn hóa, kiến thức và kinh nghiệm sống của từng cá nhân có cơ hội tiếp xúc với Ngài. Ngài nói chuyện với mọi người bằng ngôn ngữ mà họ có quen thuộc, Ngài sử dụng các từ ngữ và hình ảnh thông thường để giải thích về Nước Trời và truyền đạt Tin Mừng của Thiên Chúa. Trong cách giao tiếp có chủ đích và được thiết kế riêng cho từng cuộc gặp gỡ cụ thể, Chúa Giêsu đã tạo cơ hội cho những người tiếp xúc với Ngài kín múc được suối nguồn nuôi dưỡng thiêng liêng. Đồng thời, Chúa Giêsu cũng dùng lời giáo huấn của Ngài để chất vấn về cuộc sống riêng tư của họ, khơi dậy những suy tư thầm kín trong lòng họ. Sau khi đi trên mặt nước và làm cho sóng yên biển lặng, Chúa Giêsu hỏi các môn đệ khi các ông

---

<sup>46</sup> *Communio et Progressio*, số 12.

<sup>47</sup> *Communio et Progressio*, số 73.

<sup>48</sup> *Communio et Progressio*, số 11.

vẫn còn đang trong tình trạng hoảng sợ: “Đức tin của anh em ở đâu?” (Lc 8,25). Đối với người thanh niên giàu có, bị của cải vật chất ngăn cản anh đến với Chúa, Đức Giêsu khuyến dụ: “Anh chỉ còn thiếu có một điều, là hãy bán tất cả những gì anh có mà phân phát cho người nghèo, và anh sẽ được một kho tàng trên trời. Rồi hãy đến theo tôi” (Lc 18,22).

Thật vậy, Chúa Giêsu đã chứng tỏ mình là Người Thông Truyền Hoàn Hảo vì Ngài nói với uy quyền thực sự đến từ Thiên Chúa. Ngài không những có quyền năng làm người khác kinh ngạc và thán phục mà còn chất vấn những ai đến nghe lời Ngài. Theo Thánh Máttêu, “Khi Đức Giêsu giảng dạy những điều ấy xong, dân chúng sững sốt về lời giảng dạy của Người, vì Người giảng dạy như một Đấng có uy quyền, chứ không như các kinh sư của họ” (Mt 7,28-29). Lời của Thiên Chúa là nguyên lý tối hậu, đó là lý do cho thấy tại sao những lời dạy của Chúa Giêsu lại có sức mạnh như vậy. Tuy nhiên, tư cách là Đấng Truyền Thông Hoàn Hảo của Chúa Giêsu trong các sách Phúc Âm không những được phản ánh trong lời của Ngài, mà còn trong hành động của Ngài, chẳng hạn như rất nhiều lần Chúa chữa lành những người mắc các chứng bệnh khác nhau. Chúa Giêsu hết lòng chăm sóc người bệnh bằng cách âu yếm chạm vào tay họ, qua đó Ngài thông truyền quyền năng yêu thương của Ngài. Thuật ngữ Hy Lạp *haptesthai* (đụng chạm), chứng tỏ rằng cái chạm của Chúa Giêsu có quyền năng chữa lành những người bị bệnh và phục hồi sự sống cho người chết. Chúa Giêsu đã chứng minh rằng truyền thông hiệu quả không chỉ có sức mạnh soi sáng, gây ấn tượng và thách đố, mà còn có khả năng an ủi, chữa lành và ban sự sống. “Truyền thông không chỉ là thể hiện ý tưởng và bày tỏ cảm xúc. Truyền thông ở mức độ sâu sắc nhất là sự cho đi chính bản thân trong tình yêu. Quả thật, truyền thông của Chúa Giêsu là thần khí và sự sống.”<sup>49</sup>

---

<sup>49</sup> *Communio et Progressio*, no. 11b.

## Lời và hành động trong truyền thông mục vụ và loan báo Tin Mừng

Cho dù trong không gian vật lý hay kỹ thuật số, những người truyền thông đức tin phải rập khuôn việc truyền thông của mình theo gương mẫu của Chúa Giêsu là nhà truyền thông xuất sắc nhất của mọi thời đại. Chúa Giêsu, Nhà Truyền Thông Hoàn Hảo, đã đưa ra một khuôn mẫu cho việc thực hành truyền thông khi khẳng định rằng Ngài chính là Đường, là Sự thật và là Sự sống. Trong ba chiều kích này, chúng ta tìm thấy ý nghĩa và mục tiêu của truyền thông thực sự. Trước hết, khi Chúa Giêsu công bố chính Ngài là con đường dẫn đến Thiên Chúa, nguồn sống đích thực, Ngài đang nói về một lối hiện hữu và hành động mới trên trần gian. Đối với người Kitô hữu, đường lối của Đức Kitô bao gồm thái độ sám hối tội lỗi, yêu thương Thiên Chúa và người thân cận (ngay cả kẻ thù), công bố Nước Trời – nơi mà các giá trị tốt lành như sự hòa hợp, hòa bình và công lý hiện diện một cách chan chứa đầy tràn. Truyền thông của chúng ta phải đóng vai trò như GPS (hệ thống định vị toàn cầu) dẫn người khác đi đúng đường, và đưa họ đến đích cuối cùng là Nhà Cha toàn năng trên trời.

Tiếp đến, khi Chúa Giêsu tuyên bố chính Ngài là Sự Thật, Ngài đã bày tỏ cho các môn đệ biết điều cần phải có để mang lại sự tự do (Ga 8,32) và sự sống sung mãn đích thực. Chúa Giêsu khẳng định rằng Ngài đến thế gian này không có mục đích nào khác hơn là “để làm chứng cho sự thật” (Ga 18,37). Sự thật không phải là xuôi theo cảm xúc và sở thích cá nhân, không phụ thuộc vào xu hướng nhất thời hay những nội dung lan truyền mạnh mẽ (*viral content*) và các thẻ (*hashtags*) phổ biến. Các nhà truyền thông Kitô giáo sẽ thực hiện trách nhiệm của mình tốt nhất và phù hợp nhất khi họ can đảm nói lên sự thật mà Chúa Giêsu và Hội Thánh đã truyền dạy. Thông tin không đúng và sai sự thật bắt nguồn từ ma quỷ (Mt 5,37) và cản trở chúng ta bước đi trên nẻo đường chân chính.

Cuối cùng, Chúa Giêsu tuyên bố rằng “Ta đã đến để chúng được sống và sống dồi dào” (Ga 10,10). Để có sự sống sung mãn, chúng ta phải đi trên nẻo chính đường ngay được soi sáng bởi chân lý. Chúa Giêsu khẳng

định Ngài là hiện thân của Đường, Sự Thật, và Sự Sống. Thánh Phêrô hiểu và đã công bố rằng Chúa Giêsu có lời ban sự sống đời đời (Ga 6,68). Lời ban sự sống đời đời là Lời của Sự Thật, ngay cả khi đối mặt với quyền lực và nguy hiểm. Truyền thông sự sống không chỉ là nói những lời tốt đẹp để động viên, cảm thông và an ủi, nhưng còn đòi hỏi phải có những hành động cụ thể phản ánh tình liên đới, sự tin tưởng và đỡ nâng. Truyền thông mang lại sự sống đòi hỏi phải có những hành động như người Samari nhân hậu khi ông thể hiện lòng bác ái cách rõ ràng với nạn nhân người Do Thái bị cướp và hành hung trên đường. Người Samari không chỉ nhìn nạn nhân với ánh mắt thương hại, nói vài lời an ủi, hứa sẽ cầu nguyện cho người xấu số rồi tiếp tục cuộc hành trình của mình, nhưng ông đã có những hành động cụ thể và cần thiết để cứu giúp người bị nạn. Người Samari tốt lành vẫn thực hiện chuyến đi của mình như đã dự định, nhưng ông sẵn sàng bị chậm trễ và bị chi phối bởi một người anh em đồng loại (cho dù không cùng tín ngưỡng) đang gặp nguy kịch.

Do đó, truyền thông không chỉ là tạo kết nối thông qua từ ngữ, âm thanh, biểu tượng cảm xúc..., mà còn thông qua các hành động giúp xoa dịu những nỗi đau và làm hoan hỷ cõi lòng.<sup>50</sup> Thông điệp *Fratelli Tutti* (*Tất Cả Là Anh Em*) của Đức Thánh Cha Phanxicô nhắc nhở chúng ta tái khám phá ý nghĩa thực sự của tương quan mà đôi khi bị bóp méo bởi công nghệ kỹ thuật số hiện đại. Đức Thánh Cha phân tích rằng các mối tương quan qua trung gian kỹ thuật số “thiếu những cử chỉ thể lý, những biểu cảm trên khuôn mặt, những khoảnh khắc thỉnh lặng, ngôn ngữ cơ thể, kể cả mùi hương, tay run, mặt đỏ, mồ hôi đỏ, là những thứ nói lên điều gì đó và là một phần trong giao tiếp giữa con người với nhau.”<sup>51</sup> Trong thời đại kỹ thuật số, truyền thông mục vụ phải noi gương dung mạo tam diện của Chúa Giêsu là “Đường”, “Sự thật” và “Sự sống”. Thế nên, người làm

---

<sup>50</sup> Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Sứ điệp Ngày Truyền thông Thế giới năm 2014, [http://w2.vatican.va/content/francesco/en/messages/communications/documents/papa-francesco\\_20140124\\_messaggio-comunicazioni-sociali.html](http://w2.vatican.va/content/francesco/en/messages/communications/documents/papa-francesco_20140124_messaggio-comunicazioni-sociali.html)

<sup>51</sup> Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti*, 2020, [http://www.vatican.va/content/francesco/en/encyclicals/documents/papa-francesco\\_20201003\\_enciclica-fratelli-tutti.html](http://www.vatican.va/content/francesco/en/encyclicals/documents/papa-francesco_20201003_enciclica-fratelli-tutti.html), số 43.

truyền thông phải mặc lấy họa ảnh của Chúa Kitô khi loan truyền sứ điệp Kitô giáo bằng cả lời nói và việc làm.

Trong đại dịch Covid-19, mặc dù có vô số hạn chế, những người làm mục vụ ở các cấp bậc khác nhau trong Giáo hội vẫn cố gắng hết sức để kết nối với các tín hữu nhằm giúp họ vững tâm rằng Thiên Chúa vẫn luôn hiện diện với họ giữa nỗi sợ hãi và đau khổ. Các tín hữu cũng cảm thấy yên tâm về sự hiện diện và đồng hành của các vị mục tử, dẫu có sự xa cách thể lý do tình trạng vi-rút lây lan nhanh. Ngoài sự hiện diện thiêng liêng và cá nhân, các nhà lãnh đạo mục vụ cũng cố gắng giúp giải thích những thắc mắc và nghi vấn về thần học mà hoàn cảnh đại dịch đã gọi lên cho nhiều người.

Những trao đổi qua lại trên đã giúp cho nhiều người tránh khỏi những quan niệm sai lầm cho rằng, đại dịch là sự trừng phạt của Thiên Chúa đối với thế giới hay đối với một thành phần nhân loại, hoặc là dấu hiệu ngày tận thế đang đến gần. Trong khả năng của mình, các nhà lãnh đạo mục vụ cũng truyền đạt những thông tin hữu ích và chính xác về bệnh Covid-19 nhằm giúp các tín hữu chăm sóc sức khỏe thể lý. Về khía cạnh này, những người làm mục vụ không những phải có nền tảng tốt về các vấn đề thần học và tâm linh, mà họ còn phải bám sát các thông tin khoa học đáng tin cậy do các chuyên gia cung cấp để truyền đạt lại cho những người họ chăm sóc.

Cuối cùng, các mục tử cũng truyền thông qua cách làm gương sáng như đeo khẩu trang khi xuất hiện trước công chúng hoặc khi cử hành phụng vụ. Đối với các mục tử, những hành động này không phải là cách thể hiện lập trường chính trị mà là cách thực thi các biện pháp phòng ngừa cơ bản và thiết yếu để đối phó với dịch bệnh. Các mục tử cũng khởi xướng các chương trình trực tuyến và ngoại tuyến để giúp đỡ các nạn nhân của đại dịch về vật chất lẫn tinh thần. Nhờ đó, các ngài giúp mọi người nhận ra câu hỏi quan trọng nhất cần đặt ra trong đại dịch không phải là "Tại sao điều này lại xảy ra?" nhưng phải hỏi là "Chúng ta có thể làm gì để trợ giúp?". Với tư cách là Nhiệm Thể của Chúa Kitô, Giáo hội có nhiệm vụ lên tiếng nhân danh Chúa Kitô, đồng thời noi gương Chúa Kitô trong các

hành động của mình. Cho dù thế giới đang ở trong bất cứ hoàn cảnh nào, con người thời nay không thể đánh giá thấp giá trị truyền thông thể hiện qua hành động và lời nói có tính nâng đỡ của các nhà lãnh đạo và các thành viên trong Giáo hội. Thật vậy, nếu mọi người tin vào những gì họ nghe, đó là vì họ đã quan sát thấy rằng những lời đó đã được chuyển thành hành động rõ ràng, trung thực và mang lại sự sống. Thế nên, truyền thông mục vụ trong thời đại kỹ thuật số phải bao gồm cả hai chiều kích, đó là *lời nói và việc làm*.

## Chương 3

# ỨNG PHÓ MỤC VỤ

Tháng 11 năm 2020, trong khi đại dịch Covid-19 đang tiếp tục hoành hành trên khắp thế giới, Thánh Bộ Truyền thông của Tòa Thánh Vatican đã khởi động dự án mang tên “Truyền thông đức tin trong thế giới kỹ thuật số” (*Faith Communication in the Digital World*). Mục đích của dự án là để huấn luyện một số nhà truyền thông Công giáo trẻ trở nên những người làm truyền thông hiệu quả trong thời đại mới qua các chương trình học hỏi trực tuyến cũng như ngoại tuyến. Trong tài liệu “tuyển sinh” của Bộ Truyền thông trình bày về mục đích như sau:

Giáo hội Công giáo đang sống trong kỷ nguyên kỹ thuật số và nhận thấy sự cần thiết tăng tiến việc truyền thông của Giáo hội và cung cấp sự giáo dục thiêng liêng qua các nền tảng trực tuyến, đặc biệt truyền thông mạng xã hội và các ứng dụng di động. Cuộc khủng hoảng Covid-19 gần đây đã gia tăng cảm nhận về sự cấp bách đối phó với câu hỏi về cách nào Giáo hội có thể và nên hiện diện trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu tâm linh của người dân một cách thỏa đáng. Giáo hội nhận thấy cần phải học hỏi các phương cách truyền thông hiệu quả, bảo đảm lối hiện diện trên mạng xã hội phản ánh “phong cách” của Tin Mừng.<sup>1</sup>

Mặc dù trong tài liệu tuyển sinh cho hay sẽ có 10 người trẻ được chọn tham gia chương trình, nhưng cuối cùng 16 người đã được chọn cho dự án kéo dài một năm. Những người được chọn đa số trong lứa tuổi từ 25-35,

---

<sup>1</sup> Thánh Bộ Truyền thông, “‘Faith communication in the digital world,’ a training initiative to bring faith to digital media,” (19/11/2020), <https://www.comunicazione.va/en/eventi/2020/faith-communication-in-the-digital-world-iniziativa-di-formazione.html>.



đến từ các quốc gia như Hoa Kỳ, Tây Ban Nha, Hàn Quốc, Campuchia, v.v. Hầu hết đang hoạt động trong lĩnh vực truyền thông cho các giáo phận hoặc các tổ chức Công giáo ở quốc gia họ đang sinh sống. Trong quá trình huấn luyện, các học viên đã có cơ hội gặp gỡ nhau trực tiếp tại Vatican vào tháng 6 năm 2021 để tiếp tục học hỏi cũng như bàn thảo về dự án truyền thông mà họ sẽ thực hiện để tổng kết chương trình huấn luyện đặc biệt này.

Khi Bộ Truyền thông khởi động dự án này, tôi đã được mời vào ban cố vấn của dự án để gặp gỡ, chia sẻ và góp ý cho những hoạt động của các tham dự viên. Ban cố vấn bao gồm các chuyên gia trong lĩnh vực truyền thông đến từ các quốc gia khác nhau như Đức và Ý. Do được mời tham gia trong ban cố vấn nên tôi có cơ hội để theo dõi tiến trình huấn luyện cũng như các hoạt động của các học viên qua các buổi họp được tổ chức trên hệ thống Zoom, cũng như qua các bản tin mà Bộ Truyền thông gửi đến tôi bằng email. Sau một năm khởi động dự án và nhận thấy có kết quả tốt, tháng 10 năm 2021, Bộ Truyền thông của Tòa Thánh cũng đã thông báo tuyển sinh cho khóa 2 diễn ra vào năm 2022. Trong năm này, dự án sẽ đặc biệt chú tâm đến tiến trình hiệp hành đang diễn ra trong Giáo hội trên toàn thế giới và quan tâm đến tiếng nói của những thành phần dễ bị lãng quên trong xã hội và Giáo hội.

Dự án “Truyền thông đức tin trong thế giới kỹ thuật số” của Bộ Truyền thông để tận dụng sự năng động, kiến thức và sự sáng tạo của các nhà truyền thông Công giáo trẻ trên thế giới là một nỗ lực vô cùng thiết thực và phù hợp cho bối cảnh xã hội ngày nay. Chính Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã nhận thấy sự cần thiết phải đối thoại với người trẻ và đưa tiếng nói của người trẻ vào chương trình hoạt động của Giáo hội trong kỷ nguyên mới. Tháng 3 năm 2018, để chuẩn bị cho Thượng Hội đồng về giới trẻ vào tháng 10 năm 2018, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã gặp gỡ với 300 người trẻ đến từ khắp nơi trên thế giới tại Vatican. Trong cuộc gặp gỡ này, Đức Thánh Cha kêu gọi giới trẻ giúp Giáo hội loại bỏ thứ nã trạng

độc hại, như được phản ánh qua câu nói: “Chúng ta luôn làm như thế”.<sup>2</sup> Đức Thánh Cha nhận xét, một Giáo hội thấm nhuần tư tưởng này sẽ mau trở nên già nua. Lời phát biểu của Đức Thánh Cha Phanxicô với giới trẻ tại Tòa Thánh Vatican trùng khớp với lời khuyến dụ của ngài trong Tông huấn *Evangelii Gaudium* (*Niềm Vui Tin Mừng*):

Sứ mệnh mục vụ hướng đến việc truyền giáo tìm cách bỏ đi thái độ tự mãn cho rằng: ‘Chúng ta luôn làm như thế’. Tôi mời tất cả mọi người hãy mạnh dạn và sáng tạo trong nhiệm vụ suy nghĩ lại về các mục tiêu, cấu trúc, phong cách và phương pháp loan báo Tin Mừng trong các cộng đồng.<sup>3</sup>

Trước những thách đố mục vụ trong kỷ nguyên kỹ thuật số được đề cập trong chương 1, chúng ta thấy rằng lời cảnh báo và khuyến dụ của Đức Thánh Cha rất phù hợp với thực trạng mục vụ ngày nay. Vì công nghệ thông tin – truyền thông đang phổ biến trong môi trường xã hội mới và sẽ tiếp tục thâm nhập vào mọi khía cạnh của đời sống con người, bao gồm cả đời sống tôn giáo, Giáo hội cần sử dụng các nguồn lực cần thiết để giải quyết các vấn đề mục vụ đang xảy ra trong bối cảnh mới này.

Các đáp ứng mục vụ không những giải quyết các nhu cầu mục vụ thực tế của các tín hữu mà còn đóng vai trò quan trọng nhằm giúp giáo dân hiểu biết sâu sắc hơn về bản chất của CNTT-TT. Kiến thức này sẽ giúp các tín hữu sử dụng công nghệ số một cách thích hợp để đạt được sự thăng tiến về mặt cá nhân cũng như xã hội. Về vấn đề này, lời khuyến dụ của Đức Thánh Cha Phanxicô là lời hướng dẫn mà các vị lãnh đạo Giáo hội ở các cấp cũng như những người làm mục vụ cần lưu tâm khi vạch ra đường lối mục vụ của họ.

Lời kêu gọi phải nhạy bén trước những biến chuyển nhanh chóng trong thế giới không chỉ đã được Đức Thánh Cha Phanxicô nhấn mạnh, mà chính vị Giáo Hoàng tiền nhiệm cũng đã nhiều lần nhắc nhở về điều

---

<sup>2</sup> M. Michela Nicholais, “Pope Francis: With the logic ‘we have always done this way’ the Church ages,” *SIR Agenzia* (19/03/2018), <https://www.agensir.it/chiesa/2018/03/19/pope-francis-with-the-logic-of-we-have-always-done-this-way-the-church-ages/>

<sup>3</sup> Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium*, số 33

này. Đức Bênêđictô XVI trong bài giảng Thánh lễ kết thúc Thượng hội đồng Giám mục năm 2012 cũng đã kêu gọi các vị lãnh đạo Giáo hội địa phương triển khai những đường lối mục vụ sáng tạo nhằm đáp ứng những nhu cầu đa dạng trong thời đại mới:

Bên cạnh những phương pháp mục vụ truyền thống và có giá trị lâu đời, Giáo hội tìm cách áp dụng những phương pháp mới, phát triển ngôn ngữ mới phù hợp với các nền văn hóa thế giới khác nhau, đề xuất chân lý của Chúa Kitô với thái độ đối thoại và tình bạn bắt nguồn từ Thiên Chúa là Tình yêu. Tại nhiều nơi khác nhau trên thế giới, Giáo hội đã bắt đầu đi theo con đường sáng tạo mục vụ này, để đưa về những người đã xa lạc hoặc đang tìm kiếm ý nghĩa của cuộc sống, hạnh phúc và trên hết là Thiên Chúa.<sup>4</sup>

Do đó, dựa trên quan điểm của Giáo hội về truyền thông và những thách đố mục vụ mà Giáo hội phải đối diện trong kỷ nguyên kỹ thuật số, chúng tôi muốn trình bày một số khuyến nghị để đáp ứng cho bối cảnh mục vụ hiện nay. Những khuyến nghị này không nêu lên hết mọi khía cạnh, mà chỉ phản ánh một số ưu tiên trong kế hoạch mục vụ tổng quát.

### **Sự lãnh đạo kỹ thuật số**

Bối cảnh mục vụ mới đòi hỏi các vị mục tử phải có khả năng lãnh đạo trong việc sử dụng CNTT-TT để phục vụ sứ mạng của Giáo hội, đồng thời làm gương cho các tín hữu cách sử dụng công nghệ một cách đúng đắn, có ý thức. Khi có kiến thức và kỹ năng sử dụng CNTT-TT trong mục vụ của mình, các mục tử có thể thực hiện công tác mục vụ ở cả thế giới vật lý lẫn “lục địa kỹ thuật số”. Các ngài sẽ mở rộng phạm vi tiếp cận các tín hữu, vượt qua những giới hạn về thời gian, không gian và hoàn cảnh. Đại dịch Covid-19 đã chứng minh rằng bất chấp sự phong tỏa và cách ly, các vị

---

<sup>4</sup> Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI, Homily in the Mass for the Closing of the Synod of Bishops, 2012, [http://www.vatican.va/content/benedict-xvi/en/homilies/2012/documents/hf\\_ben-xvi\\_hom\\_20121028\\_conclusionone-sinodo.html](http://www.vatican.va/content/benedict-xvi/en/homilies/2012/documents/hf_ben-xvi_hom_20121028_conclusionone-sinodo.html)

lãnh đạo Giáo hội vẫn có thể hiện diện với các tín hữu thông qua phương tiện CNTT-TT để duy trì đời sống của Giáo hội vốn đang bị hạn chế nghiêm trọng.

Đức Thánh Cha Phanxicô trong triều đại giáo hoàng của ngài đã thể hiện gương mẫu trong sự lãnh đạo kỹ thuật số, tạo nguồn cảm hứng cho các vị mục tử trong Giáo hội ở các địa phương. Chỉ vài ngày sau khi nhậm chức, Đức Thánh Cha Phanxicô đã bắt đầu chia sẻ trên nền tảng Twitter. Hiện tại, kênh Twitter bằng tiếng Anh của Đức Thánh Cha cho biết ngài đã tweet hơn 3.000 lần và đã thu hút được gần 19 triệu người theo dõi. Tuy nhiên, Đức Thánh Cha Phanxicô không chỉ tweet bằng tiếng Anh, mà còn bằng các thứ tiếng khác, tổng cộng chín ngôn ngữ khác nhau. Tính chung lại Đức Phanxicô có hàng chục triệu người theo dõi trên Twitter khắp thế giới.

Ngoài Twitter, ngài cũng hiện diện trên các nền tảng mạng xã hội khác như Facebook và Instagram. Khi tài khoản Instagram của Đức Thánh Cha được ra mắt vào năm 2016, nó đã thu hút được một triệu người theo dõi chỉ trong vòng 12 tiếng đầu tiên kể từ khi kích hoạt. Vào năm 2019, Đức Thánh Cha Phanxicô cũng tung ra ứng dụng của riêng mình “Click to pray” (Nhấp để cầu nguyện) để giúp các tín hữu có thể “đồng hành cùng Đức Giáo Hoàng trong sứ vụ của lòng thương xót cho thế giới”.<sup>5</sup> “Click to pray” là một phần của Mạng lưới cầu nguyện trên toàn thế giới của Đức Thánh Cha Phanxicô. Thông qua ứng dụng này, người dùng sẽ biết Đức Thánh Cha đang cầu nguyện điều gì trong từng ngày và có thể cùng với ngài cầu nguyện theo ý chỉ đó. Ứng dụng cầu nguyện này là một trong nhiều ví dụ về cách Đức Giáo Hoàng Phanxicô đang cố gắng khai thác sức mạnh của công nghệ nhằm tạo ra một cộng đồng cầu nguyện và mở rộng sứ mạng Phúc Âm hóa của Giáo hội.

Mặc dù thực tế mạng xã hội là một công cụ quan trọng đối với Đức Giáo Hoàng và nhiều nhà lãnh đạo tôn giáo khác trên thế giới, nhưng tiềm năng thực sự của nó không phải lúc nào cũng được các vị lãnh đạo tận

---

<sup>5</sup> “Pope launches his Click to Pray app profile,” *Vatican News* (19/1/ 2019), <https://www.vaticannews.va/en/pope/news/2019-01/pope-launches-click-to-pray-app.html>.

dụng. Nhiều mục tử không sử dụng nhiều công nghệ số vì thiếu kiến thức và khả năng để vận hành các ứng dụng khác nhau. Có người tránh xa mạng xã hội vì sợ rằng nó sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống cá nhân và quyền riêng tư. Một số người chỉ sử dụng nền tảng mạng xã hội mình yêu thích hay quen thuộc, mà từ chối tiếp cận những nền tảng mới có tiềm năng hiệu quả và sâu rộng hơn cái đã quen dùng. Trong đại dịch Covid-19, khi các mục tử buộc phải giao tiếp trực tuyến với đàn chiên, lúc đầu nhiều người cảm thấy áp lực vì phải đối mặt với một cái máy quay phim vô cảm để giao tiếp với một khán giả vô hình. Vì vậy, để các mục tử có thể tận dụng không gian mạng nhằm thi hành tốt sứ vụ, xin đề xuất một số khuyến nghị sau:

*Tìm hiểu về thần học truyền thông.* Thực tế cho thấy không phải mọi mục tử đang sử dụng CNTT-TT trong công việc đều có hiểu biết cơ bản về thần học truyền thông. Trong nhiều giáo xứ, dòng tu và giáo phận, các cá nhân phụ trách công việc truyền thông có khuynh hướng tập trung vào khía cạnh công nghệ với các thiết bị khác nhau hơn là dành thời gian để nghiên cứu và suy tư về các nguyên lý thần học thúc đẩy việc truyền thông. Để thực sự đạt hiệu quả, các nhà lãnh đạo mục vụ kỹ thuật số không phải chỉ có khả năng sử dụng công nghệ mà còn phải có đầy đủ hiểu biết thần học để thực hiện tốt công việc truyền thông của mình.

*Hiểu biết quan điểm của Giáo hội về công nghệ và CNTT-TT.* Tòa Thánh Vatican đã xuất bản nhiều tài liệu về truyền thông xã hội và mục vụ có nêu lên quan điểm của Giáo hội về công nghệ và các phương tiện truyền thông. Kể từ thời Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, các tài liệu liên quan cụ thể đến internet cũng đã được ban hành để trình bày cái nhìn và hướng dẫn của Giáo hội về phương tiện truyền thông mới này. Hai vị giáo hoàng kế tiếp cũng đề cập nhiều về những lợi thế cũng như chạm bẫy của truyền thông mạng xã hội, đặc biệt trong các sứ điệp cho Ngày Truyền thông Thế giới. Do đó, sẽ rất hữu ích cho các nhà lãnh đạo mục vụ khi nghiên cứu các tài liệu này để nắm chắc cách Giáo hội nhìn nhận CNTT-

TT. Việc nghiên cứu kỹ lưỡng các tài liệu của Giáo hội sẽ giúp các mục tử định hướng công việc truyền thông phù hợp hơn với đường hướng chung của Giáo hội.

*Phân biệt giữa truyền thông mục vụ và truyền thông loan báo Tin Mừng trong công việc truyền thông trực tuyến.* Trong các môi trường truyền thông với các cuộc họp mặt trực tiếp chẳng hạn như tại nhà thờ, hội trường giáo xứ hay các diễn đàn công cộng khác, người ta thường có thể xác định đối tượng khán giả và chọn hình thức truyền thông thích hợp cho mỗi dịp. Tuy nhiên, trong không gian mạng thì không có ranh giới rõ ràng. Những người không Công giáo có thể dễ dàng truy cập các trang web và các chương trình nhắm vào các tín hữu, trong khi người Công giáo cũng có thể truy cập vào những nội dung dành cho việc loan báo Tin Mừng. Trên thực tế, hai việc truyền thông này sử dụng các “ngôn ngữ” và cách thức giao tiếp khác nhau; khi thông tin đến với một khán giả không thuộc đối tượng được nhắm vào có thể nảy sinh hiểu lầm và nhận thức tiêu cực. Ví dụ, khi một người ngoài Công giáo truy cập một số bài giảng và bài viết trên các trang web của giáo xứ hoặc giáo phận với nội dung chủ yếu dành cho các tín hữu, họ có thể hiểu những gì họ nghe hoặc đọc một cách tiêu cực do thiếu hiểu biết về ngữ cảnh. Thực tế là khi truyền thông, chúng ta không thể luôn làm cho nhiều loại khán giả đón nhận nội dung theo cùng một cách thức. Đây cũng là một vấn đề nan giải mà các nhà lãnh đạo mục vụ truyền thông trực tuyến cần lưu ý và tìm cách giải quyết.

*Đăng tải nội dung thích hợp.* Ngày nay ai cũng biết rằng nội dung là cực kỳ quan trọng đối với môi trường internet. Nếu không có nội dung thú vị và có ý nghĩa, chúng ta rất khó thu hút sự chú ý đến trang mạng của mình hoặc tích lũy lượng theo dõi đáng kể. Tuy nhiên, nội dung thu hút được sự chú ý của nhiều người hoặc có khả năng lan truyền không hẳn thích hợp cho truyền thông mục vụ và loan báo Tin Mừng. Đối với các vị lãnh đạo Giáo hội, có nội dung thích hợp là điều thiết yếu cho sứ vụ. Nội dung phải tuân thủ không chỉ các tiêu chuẩn tôn giáo và đạo đức, những gì

được đăng tải còn phải thể hiện sự phù hợp với các chuẩn mực văn hóa và xã hội. Các nhà lãnh đạo tôn giáo không thể tùy tiện đăng bất kỳ bức ảnh nào mà họ muốn, nhất là khi nó có thể gây ra sự hiểu lầm về lối sống và các tương quan của họ. Do đó, thận trọng là đức tính cần có đối với nhà lãnh đạo mục vụ kỹ thuật số trong việc quyết định đăng tải bất kỳ nội dung nào cách công khai. Một bức ảnh có thể nói lên hàng nghìn chữ, nhưng những chữ đó thường phụ thuộc vào người xem bức ảnh và gọi ra những từ ngữ đó trong tâm trí của họ. Mỗi bức ảnh hoặc thông điệp xuất hiện trên trang web hoặc tài khoản mạng xã hội của một nhà lãnh đạo tôn giáo phải có chủ đích hướng đến một nội dung cụ thể. Việc tải lên các thông điệp và hình ảnh không phù hợp có thể gây ấn tượng tiêu cực về cá nhân người lãnh đạo mục vụ, và điều này cũng phản ánh xấu về Giáo hội. Có rất nhiều ví dụ về các nhà lãnh đạo tôn giáo - cả Công giáo và không Công giáo - đã đăng nội dung không thích hợp rồi xóa đi ngay sau đó; tuy nhiên, hậu quả nhanh chóng xảy ra cho họ bất chấp nỗ lực sửa chữa. Trên thực tế, thông tin đăng tải có thể đến với hàng triệu người chỉ trong vài phút.

*Phối hợp các hoạt động mục vụ trực tuyến và ngoại tuyến thành một kế hoạch truyền thông mục vụ thống nhất, trong đó các hoạt động này hỗ trợ và bổ sung cho nhau.* Điều này là cần thiết vì không còn dễ dàng phân chia giữa không gian kỹ thuật số với vật lý. Không chỉ bởi vì những gì xảy ra trong môi trường này được tiếp tục trong môi trường khác, nhưng cả vì đôi khi những gì xảy ra trong lĩnh vực vật lý là kết quả trực tiếp của những gì đã diễn ra trên mạng. Chúng ta có thể thấy rằng, không thể giới hạn các hoạt động mục vụ trong không gian vật lý như thể môi trường trực tuyến của cuộc sống hiện đại không tồn tại. Mặt khác, môi trường trực tuyến cũng chỉ có thể đáp ứng nhu cầu mục vụ ở một mức độ nào đó. Vì vậy, các nhà lãnh đạo mục vụ phải học cách điều tiết và xác định nên dành bao nhiêu thời gian và năng lượng cho các hoạt động trực tuyến và ngoại tuyến. Quan trọng hơn, họ phải có khả năng gắn kết chúng với nhau như là các khía cạnh của cùng một kế hoạch truyền thông mục vụ thống nhất.

## **Kiến thức và sự khôn ngoan**

Bất kể là người “bản địa kỹ thuật số” hay người “nhập cư kỹ thuật số”, chúng ta phải có kiến thức kỹ thuật số nếu chúng ta muốn thấu hiểu những lợi ích và nguy hiểm tiềm ẩn của internet, đồng thời có thể sử dụng internet như một công cụ và một nơi gặp gỡ hiệu quả. Bởi vì internet đan xen vào cấu trúc của cuộc sống hiện đại, không ai có thể tránh khỏi những tác động của nó, dù trực tiếp hay gián tiếp. Tuy nhiên, sự hiểu biết phải đi kèm với sự khôn ngoan, đòi hỏi khả năng sử dụng CNTT-TT để phục vụ cho việc thăng tiến bản thân và thúc đẩy công ích. Vì thế, người dùng công nghệ phải tránh những hành động có tác động tiêu cực trên cá nhân và cộng đồng. Do đó, Giáo hội cần thúc đẩy việc xây dựng các chương trình mục vụ và huấn luyện nhằm phát triển kiến thức và sự khôn ngoan trong lĩnh vực kỹ thuật số nơi mọi thành phần của Hội Thánh. Phần này nhấn mạnh đến các mục tử, những người làm mục vụ, những người trong vai trò giáo dục người trẻ, và giới trẻ; dĩ nhiên, đây không phải là những đối tượng duy nhất cần được đào tạo và huấn luyện trong lĩnh vực kỹ thuật số.

### **1. Các nhà lãnh đạo mục vụ**

Các nhà lãnh đạo mục vụ cần đạt được kiến thức và sự khôn ngoan kỹ thuật số để hòa nhập với các sự kiện đang diễn ra trên thế giới. Ngày nay, những điều xảy ra trên mạng xã hội thường trở thành nguồn tin tức trên các phương tiện truyền thông chính thống. Có nhiều trường hợp các video clip và các hoạt động phát trực tiếp lan truyền trên mạng xã hội, sau đó được các hãng tin chính thống tường thuật. Vì vậy, nếu các nhà lãnh đạo mục vụ hòa nhập được với cuộc sống của mọi người, họ không thể xa lánh các kênh thông tin của CNTT-TT. Chỉ khi các nhà lãnh đạo mục vụ nắm bắt được những điều đang diễn ra trên thế giới, họ mới có thể giải quyết vấn đề đó trong các chương trình mục vụ hoặc đề cập đến trong các bài giảng trong Thánh lễ. Nếu như trước đây, hai thứ mà một cha xứ cần phải



có khi chuẩn bị bài giảng Chúa nhật là Kinh Thánh và một tờ nhật báo, thì trong thời đại hiện nay, tờ báo có thể được thay thế bằng chiếc điện thoại thông minh. Trong thời đại hội tụ công nghệ (*technological conversion*), có thể nói, linh mục chỉ cần có một máy tính bảng có kết nối internet để có thể truy cập cả Kinh Thánh cũng như các thời sự trong cùng một thiết bị. Như Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI đã nhấn mạnh trong sứ điệp Ngày Truyền thông Thế giới lần thứ 44, tập trung vào linh mục và mục vụ trong lĩnh vực kỹ thuật số:

Sử dụng các công nghệ truyền thông mới, các linh mục có thể giới thiệu với mọi người về đời sống của Giáo hội và giúp những người đang thời khám phá khuôn mặt của Chúa Kitô. Các mục tử sẽ đạt được mục đích này cách tốt nhất nếu ngay từ trong thời gian huấn luyện, họ học cách sử dụng những công nghệ này một cách hiệu quả và thích hợp, hình thành từ những hiểu biết thần học đúng đắn và phản ánh một linh đạo mục tử mạnh mẽ có nền tảng là việc đối thoại liên tục với Chúa.<sup>6</sup>

Đối với các nhà lãnh đạo mục vụ, sự hiểu biết và sự khôn ngoan kỹ thuật số đòi hỏi những điều sau đây:

*Khả năng sử dụng CNTT-TT, các ứng dụng và nền tảng mạng xã hội cách khôn ngoan.* Mỗi ứng dụng và nền tảng được tạo ra với mục đích sử dụng cụ thể, vì thế các nhà lãnh đạo mục vụ nên quen thuộc với một số ứng dụng và nền tảng phổ biến nhất để giúp thực hiện sứ vụ. Mỗi nền tảng/ứng dụng không chỉ có các chức năng khác nhau, nhưng một nền tảng có thể phổ biến ở một nơi này mà không phổ biến ở nơi khác. Ví dụ, trong khi WhatsApp được sử dụng rộng rãi ở Ấn Độ và Singapore, LINE có các chức năng tương tự như WhatsApp lại phổ biến hơn ở Thái Lan và Nhật Bản. Zalo lại được ưa chuộng tại Việt Nam, nhưng không được biết

---

<sup>6</sup> Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI, Sứ điệp Ngày Truyền thông Thế giới năm 2010, [http://www.vatican.va/content/benedict-xvi/en/messages/communications/documents/hf\\_ben-xvi\\_mes\\_20100124\\_44th-world-communications-day.html](http://www.vatican.va/content/benedict-xvi/en/messages/communications/documents/hf_ben-xvi_mes_20100124_44th-world-communications-day.html)

tới ở nước ngoài. Ngoài ra, mỗi nền tảng cũng nhắm đến các đối tượng khác nhau; một số phổ biến hơn ở thanh thiếu niên trong khi nền tảng khác lại thu hút người lớn nhiều hơn. Do đó, các nhà lãnh đạo mục vụ phải học cách sử dụng các ứng dụng/nền tảng CNTT-TT khác nhau để tiếp cận đối tượng mong muốn.

*Khả năng sử dụng CNTT-TT một cách có đạo đức và phù hợp.* Trong Giáo hội cũng như trong mọi bối cảnh xã hội, có những tiêu chuẩn pháp lý, đạo đức và văn hóa mà người sử dụng phải ý thức và tuân theo. Các nhà lãnh đạo mục vụ tham gia truyền thông trực tuyến dù công khai hay “ẩn danh” đều phải thể hiện kỷ luật và sự thận trọng trong việc đăng các nội dung cho phù hợp với các tiêu chuẩn của Giáo hội và xã hội. Trong thời đại kỹ thuật số, một bài đăng có thể lan truyền trong thời gian rất ngắn. Ngay cả khi một bài đăng thiếu khôn ngoan được người đăng xóa đi nhanh chóng, thì rất có thể ai đó đã nhìn thấy và chụp ảnh màn hình để làm bằng chứng. Vì vậy, một sai sót nhỏ trong phán đoán có thể dẫn đến hậu quả to lớn không chỉ cho cá nhân mà còn cho cả Giáo hội.

*Hiểu biết về những lợi ích và lạm dụng của CNTT-TT.* Các nhà lãnh đạo mục vụ cũng là con người và cũng dễ bị rơi vào tình trạng tán gẫu vô bổ, nghiện ngập, lạm dụng và tự đề cao mình như bất kỳ ai khác. Họ không miễn nhiễm trước những lạm dụng của CNTT-TT. Tham gia vào các cuộc tranh cãi trực tuyến không chỉ lãng phí thời gian và năng lượng quý báu dành cho sứ vụ, mà còn có thể làm hao mòn tinh thần và thể chất.

*Biết thận trọng trong các hoạt động trực tuyến để bảo vệ quyền riêng tư của mình.* Trên thực tế, nhiều nhà lãnh đạo mục vụ hoạt động tích cực trên mạng xã hội thường nhận được những tin nhắn từ những người xin lời khuyên về mọi vấn đề bao gồm cả công việc, gia đình, tình yêu, v.v. Biết cách giải quyết những yêu cầu tư vấn này cách thích hợp là điều cần thiết cho lợi ích của vị mục tử cũng như cho những cá nhân đang tìm kiếm sự trợ giúp.

*Tránh xa việc tung tin giả và thông tin sai sự thật.* Những người lãnh đạo mục vụ là những người được tôn trọng trong cộng đồng và được các tín hữu hết sức tin tưởng. Do đó, nội dung được các nhà lãnh đạo mục vụ chia sẻ thường được nhiều người theo dõi đón nhận và chia sẻ tiếp. Khi các nhà lãnh đạo mục vụ tham gia truyền bá tin tức giả, thông tin sai lệch, hoặc thông tin độc hại, họ gây thiệt hại lớn cho sự ổn định của Giáo hội và xã hội. Họ cũng làm cho bản thân và Giáo hội mất uy tín trong ánh mắt của người khác.

*Hướng dẫn cho đàn chiên biết cách sử dụng nội dung tôn giáo trên mạng một cách bổ ích.* Việc các tín hữu hiểu biết về bản chất, những ưu điểm và nhược điểm của các phụng vụ trực tuyến và các nội dung tôn giáo khác trên mạng là điều quan trọng đối với việc hình thành và duy trì đời sống đức tin. Các mục tử phải có khả năng giúp đàn chiên thấu hiểu sự khác biệt giữa những phụng vụ trực tuyến và trực tiếp về mặt thần học và tâm linh. Ngoài ra, các nhà lãnh đạo mục vụ phải biết hướng dẫn giáo dân cách “tham dự” các buổi phụng vụ trực tuyến cách đúng đắn và bổ ích. Quan trọng hơn nữa, các nhà lãnh đạo mục vụ cần biết truyền cho các tín hữu niềm ước ao không chỉ nuôi dưỡng tâm hồn bằng những nội dung tôn giáo trên mạng, mà còn khao khát được nuôi dưỡng thiêng liêng qua các hành động thờ phượng cộng đồng mà chỉ có được khi các chi thể trong Thân thể Đức Kitô quy tụ lại với nhau cách trực tiếp.

## **2. Người lớn và người cao niên**

Mặc dù là những người “nhập cư kỹ thuật số”, nhưng nhiều người lớn vẫn thành thạo về CNTT-TT. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận lớn những người trưởng thành, đặc biệt là người cao tuổi sống ở các nước đang phát triển có ít kiến thức kỹ thuật số, ngăn trở họ truy cập vào những nội dung có giá trị trên mạng mà họ quan tâm. Ngoài ra, việc hiểu biết hạn chế về các kiến thức kỹ thuật số khiến họ không thể thực hiện hiệu quả vai trò chăm sóc, giáo dục trong gia đình. Vì ông bà và nhiều bậc cha mẹ thiếu

hiểu biết về kỹ thuật số, nên thường xảy ra trường hợp trẻ em “dạy” người lớn cách sử dụng internet và các ứng dụng khác. Sự đảo ngược vai trò này rất đáng lo ngại vì người lớn sẽ bị hạn chế trong khả năng kiểm soát người trẻ trong việc sử dụng internet cũng như theo dõi các hoạt động trực tuyến của chúng. Khi những người trẻ chỉ cho ông bà cha mẹ cách sử dụng internet, chúng thường không nói hết những gì mình biết, đặc biệt là những điều chúng cố tình giấu giếm người lớn. Nếu như trước đây, các bậc cha mẹ thường lo lắng về những gì con cái xem trên tivi, thì lượng nội dung nguy hiểm mà giới trẻ có thể tiếp cận qua các thiết bị di động ngày nay nhiều gấp bội lần so với truyền hình. Do đó, cha mẹ và những người lớn có nhiệm vụ giáo dục phải đối mặt với thách thức rất lớn trong việc kiểm soát những gì người trẻ truy cập. Thách đố này càng lớn hơn bội phần khi những người gánh vác trách nhiệm làm cha mẹ lại không biết gì về các trang web, các ứng dụng, phòng trò chuyện, v.v. mà những người trẻ có thể truy cập mọi nơi, mọi lúc.

Ở nhiều quốc gia, đặc biệt là vùng nông thôn, nhiều bậc cha mẹ để con cái cho ông bà hoặc người thân chăm sóc trong khi họ di cư đến thành phố hoặc thậm chí ra nước ngoài để mưu sinh. Bởi vì những người cao tuổi thường biết rất ít về internet, nên những đứa trẻ này hầu như được toàn quyền tự do sử dụng nó. Mặc dù sự phát triển của CNTT-TT, đặc biệt là ứng dụng *chat* bằng video, giúp các bậc cha mẹ làm việc xa có thể giữ liên lạc với con cái hằng ngày, giúp họ duy trì đáng kể mối tương quan gia đình, nhưng khoảng cách xa giữa cha mẹ và con cái cũng có nghĩa là phần lớn trách nhiệm nuôi dạy con cái được giao cho những người lớn tuổi vốn có ít kiến thức kỹ thuật số. Hậu quả là người trẻ dễ dàng bị rơi vào những cạm bẫy đang giăng đầy trên internet, như bị bắt nạt trên mạng, bị tuyển mộ vào các nhóm cực đoan, thường xuyên truy cập nội dung khiêu dâm v.v. vốn không thể được người lớn ngăn chặn và can thiệp kịp thời. Trước thực tế này, các chương trình truyền thông mục vụ phải quan tâm đúng mức đến việc truyền đạt kiến thức kỹ thuật số cho các bậc cha mẹ, ông bà và những người lớn có nhiệm vụ chăm sóc người trẻ, hầu giúp họ thực

hiện trách nhiệm một cách có hiệu quả hơn. Các chương trình mục vụ cho các đối tượng trên nên giúp họ những điều sau đây:

*Hiểu biết cơ bản về CNTT-TT và các ứng dụng để sử dụng internet và giao tiếp với những người khác.* Ngoài việc giúp họ có kỹ năng kết nối với gia đình, khả năng sử dụng CNTT-TT sẽ giúp người cao tuổi tiếp cận với các nguồn thông tin phong phú trên mạng. Thật vậy, trong đại dịch Covid-19, lần đầu tiên nhiều người cao tuổi trên khắp thế giới đã học cách sử dụng điện thoại thông minh để tham dự Thánh lễ trực tuyến. Hoàn cảnh của đại dịch cho thấy việc người cao tuổi có thể dùng CNTT-TT là điều quan trọng, vì các phương tiện này giúp họ nhận được sự nuôi dưỡng thiêng liêng khi họ không thể đến nhà thờ do sức khỏe kém hoặc những trở ngại khác.

*Hiểu được những nguy cơ của việc sử dụng sai các thiết bị kỹ thuật số và CNTT-TT.* Các tác động và hệ quả tiêu cực đến xã hội và cá nhân do lạm dụng các thiết bị kỹ thuật số và CNTT-TT đã được thảo luận trong phần phía trên. Vì vậy, những người lớn có trách nhiệm nuôi dạy trẻ em phải nhận thức được những cam bẫy này để kiểm soát và điều chỉnh cách người trẻ sử dụng internet. Hơn nữa, họ phải có khả năng nhạy bén trong việc nhận biết các dấu hiệu lạm dụng internet của người trẻ như: nghiện trò chơi trực tuyến và nội dung khiêu dâm, bắt nạt trên mạng, tải lên nội dung không phù hợp, trầm cảm... để can thiệp kịp thời.

*Trở nên những tấm gương sáng trong việc sử dụng CNTT-TT trong cuộc sống.* Ngày nay, chúng ta thường thấy xung quanh bàn ăn của gia đình không chỉ có những đứa trẻ chăm chú vào màn hình điện thoại hay máy tính bảng, mà những người lớn nhiều khi cũng làm như vậy. Nhiều người lớn cũng lên mạng hoặc dùng điện thoại để nhắn tin cho người khác ngay giữa Thánh lễ trước mặt con cái. Khi người lớn không thực hiện hành vi tốt trong việc sử dụng CNTT-TT thì họ không thể nêu gương tốt cho người trẻ noi theo.

### 3. Giới trẻ

Mặc dù giới trẻ đã rất quen thuộc với internet, nhưng việc sử dụng internet thành thục không hẳn là sử dụng cách khôn ngoan. Những người trẻ tuổi có thể lãng phí nhiều thời gian lướt mạng một cách vô bổ. Nhiều bạn trẻ, ngay cả giới sinh viên đại học không thể phân biệt được đâu là tin thật, đâu là tin giả. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng mặc dù người trẻ ngày nay rất thành thạo khi làm nhiều việc cùng một lúc với các thiết bị (*multi-task*), nhưng họ vẫn dễ dàng bị lừa khi đánh giá thông tin trên mạng xã hội.<sup>7</sup> Các nghiên cứu khác về giới trẻ và internet cho thấy nhiều vấn đề đáng lo ngại liên quan đến đời sống tâm sinh lý của chúng, như đã trình bày phía trên. Các chuyên gia đang lên tiếng báo động ngày càng nhiều về mối nguy hiểm của internet đối với khả năng nhận thức, chẳng hạn như khả năng tư duy phân tích, khả năng tập trung, ghi nhớ và sáng tạo. Vì vậy, các chương trình mục vụ cho giới trẻ cần nhấn mạnh đến những điểm sau đây:

*Biết dùng CNTT-TT cho việc phát triển cá nhân.* Người trẻ cần thấm nhuần ý thức rằng CNTT-TT được coi là công cụ hỗ trợ phát triển trí tuệ và xã hội. Là nguồn thông tin, tin tức và giải trí, những nội dung trên internet có thể mang lại lợi ích to lớn cho sự phát triển của giới trẻ nếu biết tiếp nhận một cách khôn ngoan. Ngoài ra, các mối tương quan trực tuyến khi được cân bằng với những mối tương quan diễn ra trong môi trường vật lý có thể nâng cao tầm nhìn của những người trẻ tuổi, đặc biệt khi các mối tương quan trực tuyến đến từ những người thuộc nhiều nền văn hóa khác.

---

<sup>7</sup> Carrie Spector, “High school students are unprepared to judge the credibility of information on the internet, according to Stanford researchers,” *Stanford News* (18 November 2019), <https://news.stanford.edu/2019/11/18/high-school-students-unequipped-spot-fake-news/>.

*Biết nhận định đúng đắn về thông tin trên mạng.* Những người trẻ cũng dễ dàng bị lừa bởi những thông tin sai lệch và độc hại như người lớn. Khi họ không được dạy để đánh giá thông tin một cách khôn ngoan và sáng suốt, họ có thể bị tiêm nhiễm các tư duy giả dối, thậm chí bị dẫn dắt vào các nhóm cực đoan. Những nhóm như vậy thường nhắm đến những người trẻ, đặc biệt những người ao ước có được một nơi để hòa nhập. Vì vậy, người trẻ cần biết cách đề phòng những cám dỗ có thể phá hủy đường đời của họ. Ngoài ra, những người trẻ cũng cần học biết kiềm chế, lịch sự và trung thực trong những gì họ đăng tải trên mạng. Nhiều người không nhận ra rằng những gì đăng tùy hứng có thể tồn tại trên internet trong nhiều năm sau đó, và có thể mang lại những hậu quả đáng tiếc trong đời sống học tập và công việc sau này. Ví dụ, trường đại học Harvard ở Mỹ đã từng rút lui lời nhận cho nhập học đối với một số sinh viên sau khi phát hiện trên tài khoản mạng xã hội của họ từng đăng những lời phát biểu phản cảm về sắc tộc hoặc giới tính.

*Biết cách phát triển lối tư duy toàn cầu.* Sự phát triển của CNTT-TT đã loại bỏ rất nhiều rào cản về không gian, thời gian, điều kiện kinh tế và các chuẩn mực văn hóa xã hội cổ hủ. Những người trẻ có khả năng phân định tốt sẽ vượt qua những rào cản, tận dụng những điểm tích cực mà internet mang lại để tạo lập cho bản thân một lối tư duy mang tính toàn cầu. Tương tự như vậy, nếu biết cách sử dụng CNTT-TT, người trẻ tuổi có thể dễ dàng phát triển tâm thức toàn cầu mà không nhất thiết phải đi khắp thế giới. CNTT-TT cho phép mọi người trở thành công dân toàn cầu và có ý thức về gia đình nhân loại với trái đất là ngôi nhà chung cần được tất cả mọi người chăm sóc. Vì vậy, CNTT-TT không chỉ đơn giản là để giải trí và trò chuyện lúc nhàn rỗi mà còn là một phương tiện tuyệt vời để tham gia vào các hoạt động xã hội và dân sự, tạo ảnh hưởng tích cực đến sự thay đổi trên toàn thế giới.

## Các chương trình mục vụ tiếp cận cộng đồng

Các chương trình tiếp cận mục vụ là một phần quan trọng của sứ vụ của Giáo hội, đáp ứng những nhu cầu tinh thần của tín hữu, đặc biệt trong lúc khủng hoảng, bệnh tật, túng thiếu. Mục vụ tiếp cận cộng đồng là cơ hội cho Hội Thánh vươn ra khỏi phạm vi sứ vụ Bí tích quen thuộc để mở rộng sang các lĩnh vực khác liên quan đến cuộc sống toàn diện của con người. Các chương trình tiếp cận mục vụ truyền thống bao gồm các hoạt động bác ái xã hội như chăm sóc người cao niên, thăm viếng người bệnh và đến với những người vô gia cư trong cộng đồng. Trong kỷ nguyên kỹ thuật số, mặc dù các hoạt động truyền thống vẫn tiếp tục cần thiết, nhưng trong bối cảnh mới, các chương trình mục vụ tiếp cận cộng đồng cần được mở rộng phạm vi, và hướng đến các vấn đề nảy sinh từ tác động của CNTT-TT đối với đời sống cá nhân, gia đình và xã hội.

Để đáp ứng bối cảnh mục vụ mới đòi hỏi sự sáng tạo nơi người làm mục vụ. Đức Thánh Cha Phanxicô đã khẳng định trong Tông huấn *Evangelii Gaudium (Niềm Vui Của Tin Mừng)* rằng có rất nhiều cơ hội để sáng tạo, đặc biệt là trong môi trường giáo xứ. Ngài nói:

Giáo xứ không phải là một thể chế lỗi thời; chính xác vì nó có tính linh hoạt cao. Nó có thể mang những đường nét khá khác nhau tùy thuộc vào sự cởi mở và khả năng sáng tạo truyền giáo của vị mục tử và cộng đoàn. Mặc dù chắc chắn giáo xứ không phải là cơ sở truyền giáo duy nhất, nhưng nếu giáo xứ chứng tỏ có khả năng tự canh tân và thích nghi liên tục, thì giáo xứ vẫn tiếp tục là ‘Giáo hội sống động giữa thế giới của những người con của mình’.<sup>8</sup>

Hơn nữa, Đức Thánh Cha khuyến khích những người tham gia vào công việc mục vụ loại bỏ những cách nghĩ và cách làm xưa cũ, sẵn sàng xem xét lại các cơ cấu, phong cách và phương pháp để đáp ứng tốt hơn với từng hoàn cảnh cụ thể.<sup>9</sup> Vì thế, Đức Thánh Cha Phanxicô nhấn mạnh:

---

<sup>8</sup> *Evangelii Gaudium*, số 28.

<sup>9</sup> *Evangelii Gaudium*, số 33



Bất kỳ cộng đồng Giáo hội nào, nếu họ nghĩ rằng họ có thể thoải mái đi theo con đường riêng của mình mà không có sự quan tâm sáng tạo và sự hợp tác hữu hiệu trong việc giúp người nghèo sống đúng phẩm giá và tiếp cận với mọi người, thì họ sẽ có nguy cơ tan vỡ, dù họ có thể nói nhiều về các vấn đề xã hội hoặc phê bình các chính phủ. Nó sẽ dễ dàng trôi vào một sự thể tục tâm linh được ngụy trang bằng những thực hành tôn giáo, những cuộc gặp gỡ không hiệu quả và những lời nói trống rỗng.<sup>10</sup>

Trong tinh thần của lời mời gọi khơi dậy tính sáng tạo trong mục vụ và truyền giáo, những đề xuất sau đây có thể phần nào đáp ứng những thách thức mục vụ ngày nay.

## **1. Mục vụ tư vấn**

Mục vụ tư vấn về các vấn đề liên quan đến đời sống cá nhân và gia đình là một chương trình mục vụ ổn định của nhiều giáo xứ, đặc biệt là ở Hoa Kỳ. Tuy nhiên, mục vụ tư vấn không hẳn được tổ chức ở mọi nơi trên thế giới. Ở nhiều quốc gia, đặc biệt những nơi mà lĩnh vực tư vấn và trị liệu tâm lý chưa phát triển, ý tưởng thiết lập các chương trình tư vấn của giáo xứ là một khái niệm xa lạ. Ở nhiều nước châu Á, tư vấn không phổ biến trong xã hội và thường không được quan tâm đến trong kế hoạch mục vụ chính thức của giáo xứ. Khi cần phải tư vấn, thường thường các linh mục hoặc tu sĩ được các giáo dân tìm tới để xin được giúp đỡ trong những vấn đề mà họ gặp phải.

Bối cảnh kỹ thuật số đặt ra một thách thức với Giáo hội, đó là nhu cầu có các chương trình tư vấn chính thức ở các giáo xứ để phục vụ giáo dân trong những khó khăn của cuộc sống thời đại kỹ thuật số. Theo đó, các giáo xứ phải nghĩ đến việc thành lập hoặc mở rộng các chương trình tư vấn hiện có để giải quyết các vấn đề liên quan đến CNTT-TT. Những vấn nạn mà CNTT-TT gây ra đã được thảo luận trong bài viết này chứng tỏ rằng các chương trình mục vụ tư vấn cần được cập nhật và điều chỉnh cho

---

<sup>10</sup> *Evangelii Gaudium*, số 207.

phù hợp với bối cảnh kỹ thuật số. Các ảnh hưởng trên đời sống tâm linh, tinh thần, gia đình và xã hội đòi hỏi những hướng dẫn mục vụ cụ thể từ phía Giáo hội. Về mặt này, các vị lãnh đạo giáo xứ và những người làm mục vụ cần được đào tạo chính thức để hỗ trợ giáo dân một cách có hệ thống và bài bản bằng những kiến thức đầy đủ và mang tính khả thi.

## **2. Mục vụ giúp người nghiện**

Ngoài nạn nghiện ma túy và rượu, thì nạn nghiện trò chơi trực tuyến, tình dục và nội dung khiêu dâm trên internet là một vấn đề nghiêm trọng đối với nhiều người trong thời đại kỹ thuật số. Đức Thánh Cha Phanxicô đã than thở rằng việc nội dung khiêu dâm được phổ biến quá rộng rãi trên mạng, có thể truy cập một cách dễ dàng, khiến người trẻ nghiện ngập nghiêm trọng, dẫn đến hành vi bạo lực và các mối quan hệ tình cảm và tình dục rắc rối.<sup>11</sup>

Đức Thánh Cha nhận xét rằng, nghiện internet có thể gây hại cho tâm hồn và tước đi tự do đích thực của mỗi cá nhân. Do đó, các chương trình tiếp cận mục vụ nên quan tâm đến việc tìm kiếm và giới thiệu cho những người đang phải đối mặt với các rối loạn hành vi liên quan đến việc sử dụng internet đến các chương trình có thể giúp họ phục hồi sức khỏe thể lý và tinh thần. Hơn nữa, ban mục vụ có thể tổ chức các chương trình giáo dục nhằm ngăn ngừa các vấn nạn liên quan đến CNTT-TT, cũng như tổ chức các nhóm tương trợ cho những cá nhân đang gặp phải vấn đề hoặc đang trong quá trình hồi phục.

---

<sup>11</sup> Robin Gomes, "Pope urges concrete, urgent action to prevent abuse of minors in digital world," *Vatican News* (14/11/2019), <https://www.vaticannews.va/en/pope/news/2019-11/pope-francis-digital-child-abuse-congress-vatican.html>

### 3. Ý thức về môi trường

Trong thời đại kỹ thuật số, con người ngày càng bị chi phối bởi không gian mạng, vì hoạt động và tương tác hằng ngày phần lớn diễn ra trong môi trường trực tuyến. Tình trạng này nhiều ít ảnh hưởng đến cách chúng ta ý thức về và tương tác với không gian vật lý xung quanh mình. Các quan sát thực nghiệm cho thấy trẻ em dường như bị cuốn hút bởi những gì chúng thấy trên video YouTube hơn là môi trường xung quanh chúng. Điều này càng trở nên trầm trọng hơn khi trẻ em, kể cả các em nhỏ chưa đầy một tuổi, được người lớn đưa cho các thiết bị điện tử để chơi. Một khi chúng ta trở nên quá bận tâm với không gian mạng, thì chúng ta ngày càng có thái độ và lối sống xa lạ và thờ ơ với môi trường thiên nhiên. Điều này khiến cho chúng ta ít quan tâm đến không gian vật lý, thờ hững trong việc tương tác với những người khác và những sự kiện đang diễn ra xung quanh chúng ta. Tình trạng xa rời thiên nhiên có thể làm cho chúng ta lãng quên và thiếu ý thức về tầm quan trọng của thiên nhiên đối với sức khỏe thể lý cũng như tinh thần.

Tuy nhiên, chúng ta có thể ngăn cản được điều này nếu sử dụng cách đúng đắn các phương tiện công nghệ trong các chương trình mục vụ nhằm nâng cao nhận thức thần học và khoa học về bổn phận chăm sóc môi trường. Các chương trình mục vụ có thể thúc đẩy việc chăm sóc muôn loài Chúa dựng nên bằng cách:

*Truyền đạt cho các tín hữu giáo huấn của Hội Thánh về việc chăm sóc “Ngôi nhà chung”.* Ba vị Giáo hoàng gần đây nhất đã viết và nói nhiều về vấn đề chăm sóc trái đất. Việc thể hiện những thái độ và hành động quan tâm đến Ngôi nhà chung của chúng ta không phải chỉ dành cho một số nhóm hoặc cá nhân nào đó, mà là trách nhiệm của Giáo hội và toàn thể xã hội. Tiếc thay, nhiều tín hữu vẫn không được huấn luyện đầy đủ về giáo huấn của Hội Thánh liên quan đến việc chăm sóc muôn loài, dẫn đến thái độ dửng dưng trước nạn phá hoại môi trường đang tiếp tục diễn ra. Do đó, chủ đề chăm sóc muôn loài thụ tạo nên được đề cập đến trong các buổi hội

thảo, tinh tâm của giáo xứ, cũng như trong các bản thông tin của giáo xứ. Các bài giảng trong Thánh lễ cũng nên nói lên vấn đề này khi thích hợp.

*Thúc đẩy ý thức về môi trường thông qua các hoạt động của giáo xứ.* Ban mục vụ giáo xứ thỉnh thoảng có thể tổ chức các buổi tinh tâm cho giới trẻ, các buổi chia sẻ Kinh Thánh, hoặc tổ chức các giờ học giáo lý trong khung cảnh tự nhiên thay vì trong phòng học hoặc trong hội trường của giáo xứ. Nhờ đó, các tín hữu, đặc biệt là giới trẻ, có cơ hội được trải nghiệm thiên nhiên và khám phá ra giá trị cũng như vẻ đẹp của nó. Chủ đề chăm sóc “Ngôi nhà chung của chúng ta” có thể được đưa vào giờ học tập Kinh Thánh và giáo lý để làm nổi bật tầm quan trọng của nó trong việc phát triển đời sống đức tin toàn diện.

#### **4. Giáo lý**

Sách *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo* là một cẩm nang giúp người Công giáo khám phá chân lý đức tin và hiểu biết sâu hơn về giáo huấn của Hội Thánh. Theo Đức Thánh Cha Phanxicô, giáo lý không chỉ giúp các tín hữu hiểu về đức tin Công giáo, mà còn giúp họ khám phá ra những câu trả lời thực tế cho những thách đố của thời hiện đại. Mặc dù sách giáo lý Công giáo đã được dịch ra hàng chục thứ tiếng và được phổ biến rộng rãi trên khắp thế giới, nhưng trong thời đại mà thông tin được phát hành một cách vô hạn và hầu như không thể kiểm soát được, giáo huấn của Hội Thánh có thể dễ dàng bị xuyên tạc, truyền đạt không đầy đủ hoặc hoàn toàn bị lấn át bởi các thứ thông tin khác. Trong hoàn cảnh xã hội ngày nay, lĩnh vực tôn giáo đang bị thách thức bởi một “con đại dịch thông tin” có nguy cơ phủ nhận, bóp méo hoặc nhấn chìm những giáo lý cơ bản quan trọng của Hội Thánh. Vì thế, việc dạy giáo lý trong thời đại kỹ thuật số cần lưu ý những vấn đề sau:

*Việc dạy giáo lý không nên đơn giản chỉ là một quá trình một chiều từ trên xuống, đặc biệt là trong thời đại mạng xã hội.* Mặc dù Giáo hội đã kết

hợp các phương tiện mạng xã hội vào các kế hoạch truyền thông, nhưng nhiều thách thức lớn vẫn đang còn tồn tại. Chúng ta thường nghĩ truyền thông là một quá trình qua lại. Tuy nhiên, truyền thông trong Hội Thánh chủ yếu mang tính phẩm trật, một chiều và không có nhiều điều kiện cho sự tương tác giữa các bên. Giáo hội đã áp dụng các công nghệ mới để cải thiện lối truyền thông của mình, chẳng hạn như kết hợp truyền thông như một kênh chiến lược để loan báo Tin Mừng. Điều này cũng phải được đưa vào chương trình giáo lý cho người Công giáo thuộc nhiều lứa tuổi và tầng lớp khác nhau.

*Phương thức truyền đạt phải thích ứng với bối cảnh mới.* Giáo hội là một tổ chức toàn cầu và đa văn hóa, nhắm đến nhiều đối tượng. Vì vậy, Giáo hội phải bắt kịp các xu hướng tường thuật để có thể thích ứng tốt nhất với những bối cảnh mới. Việc truyền thông không chỉ truyền đạt những gì Giáo hội muốn nói, nhưng còn phải đáp ứng những gì người dân muốn nghe và chia sẻ. Trong thực tế hiện nay, một số lượng lớn người dân tiếp thu kiến thức về tôn giáo thông qua các nền tảng trực tuyến. Vì thế, các giáo huấn của Hội Thánh cần phải được truyền đạt đến nhiều người trên thế giới, qua những phương cách có tính tương tác, đồng thời đáp ứng được các nhu cầu tâm linh sâu xa của họ. Tuy nhiên, nếu các phương thức truyền thông của Giáo hội không đủ linh hoạt để đáp ứng được với thực tế hiện nay, thì tất cả sẽ bị mất hút giữa biển thông tin bao la rộng lớn trong thời đại mới.

*Cần có sự sáng tạo trong việc dạy giáo lý.* Trong sứ điệp gửi đến các giáo lý viên trong Hội nghị quốc tế đầu tiên về Huấn giáo tại Buenos Aires năm 2017, Đức Thánh Cha Phanxicô viết: “Giáo lý viên là người sáng tạo; họ tìm kiếm các phương tiện và hình thức khác nhau để loan báo về Đức Kitô... Nhiệm vụ làm cho mọi người nhận biết Chúa Giêsu là vẻ đẹp tối cao dẫn chúng ta đến việc tìm ra những dấu chỉ và cách thức mới để truyền bá đức tin.” Để việc dạy giáo lý thu hút nhiều người hơn trong thời đại kỹ thuật số, chương trình dạy giáo lý của Giáo hội nên thoát ra

khỏi khuôn mẫu truyền thống để khám phá những cách giảng dạy mới hấp dẫn hơn. Tại nhiều quốc gia, trẻ em vẫn được yêu cầu học giáo lý bằng cách học thuộc lòng các câu hỏi đáp và những kinh truyền thống. Các chương trình giáo lý của giáo xứ phải tìm cách đưa các công nghệ đa phương tiện (*multimedia*) vào chương trình dạy giáo lý, giúp cho học sinh chủ động hơn trong việc học giáo lý, thay vì chỉ tiếp thu kiến thức và trả bài một cách thụ động.

*Sử dụng đa dạng các phương tiện trong việc dạy giáo lý.* Trong việc đào tạo tâm linh, ngoài kiến thức nằm ở nơi con chữ, các phương tiện khác như nghệ thuật, âm nhạc, kiến trúc, vũ đạo,... luôn là những công cụ quan trọng để truyền đạt niềm tin tôn giáo cách sâu sắc và hiệu quả. Trong thời đại của CNTT-TT, chúng ta nên phối hợp sử dụng các công cụ truyền thông này để truyền tải những sứ điệp mạnh mẽ và có tính biến đổi mà Hội Thánh muốn chia sẻ. Việc sử dụng khéo léo các hình ảnh có thể truyền đạt được nhiều thông điệp hơn mà đôi khi chữ nghĩa không hẳn làm được. Vì thế, việc dạy giáo lý và truyền bá đức tin trong thời đại kỹ thuật số không phải chỉ tận dụng các phương cách truyền thông đã có sẵn trong truyền thống của Giáo hội, mà còn phải tận dụng tiềm năng sự phạm trực quan của những hình ảnh thu được từ các sự kiện xảy ra trong đời sống con người trên thế giới và trong Giáo hội.

*Trình bày nội dung cách phù hợp với các nhóm tuổi khác nhau.* Việc dạy giáo lý sáng tạo cũng đòi hỏi phải có những bài trình bày phù hợp với trình độ trí tuệ của từng lứa tuổi, trả lời được những câu hỏi của từng người, tùy thuộc vào giai đoạn trong quá trình phát triển tâm linh của họ. Những bài học về đức tin nếu được trình bày cách đơn giản, mặc dù có thể được một số người trẻ đón nhận cách dễ dàng, nhưng có thể lại khiến số khác cảm thấy chưa thỏa mãn hoặc hụt hẫng. Lý do đó là những người trẻ này đang tìm kiếm và chờ đợi những câu trả lời sâu sắc hơn từ phía người giảng dạy. Theo lời của Giám mục Robert Barron: “Chúng ta sẽ không kể câu chuyện của mình cách hiệu quả nếu chúng ta quay lưng lại với sự phong phú [trong đức tin Công giáo]. Chúng ta phải ngừng đơn giản hóa

truyền thông của mình nếu chúng ta muốn làm cho câu chuyện này trở nên hấp dẫn.”<sup>12</sup>

## 5. Truyền thông loan báo Tin Mừng

Khi đài phát thanh *Radio Veritas* (Chân lý Á châu) ra đời vào năm 1969 để phục vụ các Giáo hội Á châu qua các chương trình phát thanh làn sóng ngắn, đặc biệt cho những nơi đang gặp cản trở nghiêm trọng về tự do tôn giáo, thì một trong những hiệu quả thấy được là ngay cả những người không Công giáo cũng có thể nghe đài và biết về Tin Mừng. Trong thời đại CNTT-TT, cơ hội truyền thông loan báo Tin Mừng càng tăng gấp bội khi Giáo hội có thể tiếp cận được với khán thính giả toàn cầu. Điều này chưa từng xảy ra tại bất kỳ thời điểm nào trong quá khứ. Tuy nhiên, truyền thông loan báo Tin Mừng phải đối mặt với vô số thách thức, đến từ rất nhiều tiếng nói cạnh tranh của thế giới trần tục, cũng như tình trạng quá tải về nội dung và thông tin sai lạc. Trước những thách đố này, Giáo hội phải thực hiện truyền thông loan báo Tin Mừng bằng thứ “ngôn ngữ” có thể bắt nhịp với thực trạng của cuộc sống ngày nay, đồng thời phải chạm được vào chiều sâu tâm tư và nỗi thao thức của con người. Trong nền văn hóa kỹ thuật số, các phương thức và nội dung truyền thông trước đây có thể sẽ không còn hấp dẫn cũng như khó hiểu đối với những người bên ngoài Giáo hội.

Trong vấn đề này, chúng ta có thể rút ra bài học từ mẫu gương mà Chúa Giêsu đã thực hiện, đó là lối “truyền thông tùy vào từng đối tượng” để tiếp cận các thính giả của Ngài. Trong thời đại CNTT-TT, Giáo hội cũng cần khám phá các chiến lược truyền thông mới để tiếp cận được khán giả mới trên toàn cầu. Tuy nhiên, nỗ lực này không nên được triển khai một chiều. Nhờ tính chất tương tác của Web 4.0, các chiến lược truyền thông mới có thể được khám phá và hình thành sau khi đã tham khảo và đối thoại với những người trong nhóm đối tượng mà chúng ta

---

<sup>12</sup> “How to stop the spread of dumber-down Catholicism,” *Leaders that Follow*, <https://leadersthatfollow.com/stop-spread-dumber-down-catholicism/>

hướng tới. Thông qua quá trình đối thoại và tìm hiểu kinh nghiệm, linh đạo, thách đố và mong muốn của họ, người làm truyền thông loan báo đức tin có thể khám phá ra những phương cách giới thiệu và công bố sứ điệp Phúc Âm cho người nghe khiến cho họ dễ được đánh động và sẵn sàng đón nhận.

## **6. “Nghe” tiếng nói của những người khác**

Một trong những lợi ích của CNTT-TT là tạo điều kiện cho việc hình thành các cộng đồng trực tuyến mà trước đây điều này không thể dễ dàng thực hiện được. Các nhà hoạt động chính trị và xã hội phải đối mặt với những hạn chế nghiêm ngặt từ chính quyền có thể sử dụng CNTT-TT để liên lạc và lập kế hoạch cho hoạt động của họ. Người lao động nhập cư không có giấy tờ chứng minh, thường gặp hạn chế về tài chính, thời gian và việc di chuyển, có thể tham gia các diễn đàn trực tuyến để thảo luận, tìm kiếm thông tin và xin trợ giúp khi gặp khó khăn. Nếu chủ động tìm kiếm, chúng ta sẽ ngạc nhiên khi phát hiện ra có vô số người thuộc các nhóm bên lề xã hội đang “tụ tập” và trò chuyện trên các diễn đàn tự tạo. Bên cạnh những nhóm yếu thế tìm đến CNTT-TT để thiết lập “góc” hỗ trợ xã hội và tinh thần, nhiều người khác, đặc biệt là giới trẻ, sử dụng mạng xã hội để bày tỏ cảm xúc, kinh nghiệm và quan điểm của họ. Những nhà truyền thông mục vụ nếu chú ý sẽ tìm thấy trong những tiếng nói và trải nghiệm này những cơ hội vô giá để “nghe” tiếng nói tận trong trái tim và tâm trí của nhiều người và nhiều nhóm. Lắng nghe cách những người bị gạt ra bên lề thông tri kinh nghiệm của họ trong không gian kỹ thuật số sẽ giúp các nhà lãnh đạo mục vụ hiểu rõ hơn để lên tiếng cũng như đáp ứng hiệu quả hơn các nhu cầu mục vụ cụ thể cho từng nhóm. Đặc biệt, khi Giáo hội chọn lựa “tiến trình hiệp hành” để tham vấn và đối thoại với dân Chúa nhằm phân định cảm thức đức tin, thì các tiếng nói, kể cả tiếng nói của những nhóm chịu thiệt thòi phát biểu trên trường trực tuyến, nếu Giáo hội biết tiếp cận và lắng nghe những tiếng nói này, sẽ mang lại lợi ích lớn lao cho tiến trình công nghị đang diễn ra. Thật vậy, tầm nhìn về một Giáo



hội mang tính đồng nghị có thể được nâng cao khi chúng ta biết cách tận dụng CNTT-TT như một công cụ để tạo điều kiện và thúc đẩy giao tiếp, tham gia và đối thoại.

### **Xây dựng một nền nhân bản kỹ thuật số dựa trên nền nhân bản Kitô giáo**

Các nhà phê bình truyền thông cho rằng các công ty công nghệ như Google và Facebook thường sử dụng các thuật ngữ mang tính tôn giáo để thúc đẩy một thế giới quan đặc trưng bởi chủ nghĩa công nghệ làm trung tâm (*techno-centrism*), chủ nghĩa đề cao dữ liệu (*data fundamentalism*) và chủ nghĩa thông tin (*informationism*). Thế giới quan này cho rằng sự phát triển công nghệ là tất yếu và tối ưu, là quá trình có lợi cho sự phát triển con người. Sự phát triển công nghệ chính là phương cách để giải quyết các vấn đề của xã hội, bảo vệ môi trường, thậm chí cứu nhân loại khỏi một cái kết bi đát. Mô hình kỹ trị (*technocratic paradigm*) này cũng mô tả thông tin như một phương tiện cho chúng ta đạt tới sự khôn ngoan, minh bạch và cuộc sống đích thực. Vì vậy, các nhân đức nhân bản có thể được phát triển bằng công nghệ, mà khi đạt đến trình độ “chuẩn” tiên bộ có thể làm cho con người thậm chí vượt lên “hơn cả con người”.

Theo cách nhìn của Giáo hội, quan điểm lấy công nghệ làm trung tâm này có hại cho sự phát triển toàn diện của con người. Chúng ta cần nhớ rằng con người phải có quyền kiểm soát công nghệ hơn là để công nghệ chi phối cuộc sống con người. Công nghệ, giống như những món quà khác mà Chúa ban tặng cho chúng ta, phải được đặt dưới sự quản lý chặt chẽ của con người. Trong thông điệp *Caritas in Veritate* (*Bác Ái Trong Chân Lý*), Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI phát biểu: “Công nghệ cho phép chúng ta chế ngự vật chất nhằm giảm bớt rủi ro, tiết kiệm sức lao động, cải thiện điều kiện sống của chúng ta. Công nghệ đụng chạm đến ơn gọi của lao động: nhờ công nghệ vốn là công trình của trí tuệ con người, con

người nhận ra chính mình và rèn luyện nhân tính của mình.”<sup>13</sup> Khi công nghệ chi phối cuộc sống con người, những hậu quả tiêu cực có thể hiện lên rõ mồn một. Đức Thánh Cha Phanxicô khẳng định:

Khi thế giới truyền thông và kỹ thuật số có mặt ở khắp nơi, sức ảnh hưởng của nó có thể làm cho con người không còn học cách sống khôn ngoan, suy nghĩ sâu sắc và yêu thương cách quảng đại nữa. Trong bối cảnh này, các bậc tiền bối vĩ đại có nguy cơ không được lắng nghe giữa những ồn ào và phân tâm của sự quá tải thông tin. Cần phải nỗ lực để làm cho các phương tiện truyền thông trở thành những nguồn lực của sự tiến bộ văn hoá mới cho nhân loại chứ không phải là mối đe dọa cho sự phong phú sâu sắc của chúng ta. Sự khôn ngoan đích thực, là hoa trái của việc xét mình, đối thoại và gỡ gỡ phong phú giữa các ngôi vị, không đạt được bởi sự tích lũy thuần túy về dữ liệu, sau cùng sẽ dẫn đến tình trạng quá tải và hỗn độn, một kiểu ô nhiễm về tinh thần. Mỗi tương quan đích thực với người khác cùng với tất cả những thách đố của nó, giờ đây có khuynh hướng bị thay thế bởi một kiểu giao tiếp trên mạng khiến chúng ta lựa chọn hay loại bỏ tương quan ngay lập tức, do đó nổi lên một kiểu tình cảm giả tạo, là thứ tình cảm tương tác với thiết bị và màn hình nhiều hơn là với con người và thiên nhiên. Truyền thông ngày nay có thể giúp chúng ta giao tiếp, chia sẻ kiến thức và tình cảm với nhau. Tuy nhiên chúng cũng tách lia chúng ta khỏi mối liên hệ trực tiếp với nỗi đau, nỗi sợ hãi, niềm vui và những kinh nghiệm cá nhân phức tạp của người khác. Vì lý do này, chúng ta phải lưu ý rằng, bên cạnh những thứ đầy phấn khích mà truyền thông có thể mang lại, cũng có thể xuất hiện một sự bất mãn sâu sắc và đáng buồn với mối tương quan liên vị, hay một cảm thức bị cô lập nguy hại.<sup>14</sup>

Đối mặt với làn sóng kỹ thuật số này, truyền thông mục vụ trong Giáo hội ngày nay cần tập trung vào việc thúc đẩy sự cân bằng lành mạnh và

---

<sup>13</sup> Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate*, số 69.

<sup>14</sup> Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si*, số 47.

nhận thức đúng đắn về vị trí của công nghệ đối với cuộc sống con người. Giáo hội thời nay cần lên tiếng kêu gọi một “chủ nghĩa nhân bản kỹ thuật số”, đó là chủ nghĩa nhân bản dựa trên chủ nghĩa nhân bản Kitô giáo. Trong Hiến Chế Mục Vụ Về Giáo Hội Trong Thế Giới Hiện Nay *Gaudium et Spes*, các Nghị phụ Công đồng nhấn mạnh rằng Chủ nghĩa nhân bản Kitô giáo được đặt trên nền tảng tiền đề thực tế là “chỉ trong mẫu nhiệm Ngôi Lời làm người thì mẫu nhiệm về con người mới thực sự trở nên rõ ràng. Vì... Đức Kitô là Chúa... trong mặc khải thâm sâu về mẫu nhiệm của Chúa Cha và tình yêu của Người, đã bày tỏ trọn vẹn về chính con người và tỏ cho họ biết thiên chức rất cao cả của họ.”<sup>15</sup> Ông gọi của con người thuộc mọi thời đại và trong mọi không gian vẫn là yêu thương, bởi lẽ “con người chỉ có thể khám phá trọn vẹn chính mình trong sự hiến trao bản thân cách chân thành.”<sup>16</sup> Vì chủ nghĩa nhân bản Kitô giáo lấy Đức Kitô làm trung tâm, nên chủ nghĩa này không thể tách rời khỏi biến cố Nhập Thể. Sự kiện này cho thấy Thiên Chúa quyết định “mặc lấy xác phàm” và sống, làm việc, thậm chí chết giữa chúng ta trong con người của Đức Giêsu Kitô. Chủ nghĩa nhân bản Kitô giáo khẳng định rằng thước đo sự trưởng thành của con người là “đạt tới tầm vóc viên mãn của Đức Kitô” (Ep 4,13). Thật vậy, chủ nghĩa nhân bản Kitô giáo bác bỏ quan điểm cho rằng con người là sản phẩm được hình thành từ một chuỗi các quá trình sinh hóa ngẫu nhiên, nhưng có khả năng thể hiện ý chí, cảm xúc và ước muốn. Phải khẳng định rằng hoạt động bên trong tâm trí con người không thể được xem tương tự như một mạng lưới dây rợ phức tạp trong các hệ thống máy tính.

Do đó, truyền thông mục vụ và loan báo Tin Mừng trong thời đại kỹ thuật số đòi hỏi những tiếng nói ngôn sứ để chống lại mô hình kỹ trị và bác bỏ các giả định gắn liền với văn hóa kỹ thuật số. Thay vào đó là sự ủng hộ chủ nghĩa nhân bản kỹ thuật số, thúc đẩy niềm tin vào Thiên Chúa chứ không phải niềm tin vào công nghệ, chống lại việc đặt “mô hình kỹ

---

<sup>15</sup> Vatican II, Hiến Chế Mục Vụ Về Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay *Gaudium et Spes*, số 22.

<sup>16</sup> *Gaudium et Spes*, số 24.

trị” ở vị trí tối ưu trong sự phát triển của con người. Điều này có nghĩa là việc thúc đẩy sự phát triển toàn diện nhằm đạt đến năng lực thực sự và thẩm quyền đích thực của con người đòi hỏi phải có những lựa chọn đúng đắn trong việc sử dụng công nghệ, cũng như xử lý và đánh giá cách thận trọng các thông tin nhằm hướng đến lợi ích chung. Điều này cũng đòi hỏi nhân loại phải đặt phẩm giá con người lên trên lợi nhuận và hiệu quả công suất. Cuối cùng, cách nhìn này kêu gọi mọi người ý thức và ước muốn lưu lại dấu chân kỹ thuật số (*digital footprint*) tốt lành trong các không gian kỹ thuật số mà chúng ta ghé thăm, hội họp hoặc thậm chí “làm nhà” ở đó.

Chủ nghĩa nhân bản kỹ thuật số đặt nền vững chắc trên chủ nghĩa nhân bản Kitô giáo có thể chống lại các thế lực tiêu cực của các thuật toán mạo danh và lừa đảo nhằm xâm nhập và kiếm lợi. Nó cũng có thể giúp khắc phục và hạn chế các khuynh hướng tiêu cực như lan truyền sự giả dối, xúi giục xung đột xã hội, chính trị và tôn giáo, gia tăng thành kiến và sự chia rẽ. Vì thế, các nhà truyền thông đức tin trong thời đại CNTT-TT phải nhấn mạnh vào tầm nhìn triết học và thần học về con người với tư cách là những cá thể hiện thân toàn diện. CNTT-TT và các công nghệ kỹ thuật số khác chỉ có thể thực sự có giá trị khi chúng giúp chúng ta trở thành những chi thể gương mẫu và sống động của Hội Thánh là Nhiệm thể Chúa Kitô, và những thành viên ưu tú trong gia đình nhân loại.

\*\*\*

Khi nghiên cứu về những thách đố mục vụ nảy sinh từ sự phổ biến ngày càng gia tăng của công nghệ thông tin và truyền thông trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta khẳng định điều mà Giáo hội đã thấu hiểu và cảnh báo từ lâu: những tiến bộ công nghệ có thể phá hủy hoặc hỗ trợ sự phát triển của con người. Những gì đã được trình bày trong bài viết này không đi chệch khỏi tiền đề trên. Thay vào đó, những bàn luận giúp làm rõ và xác định những lợi ích tiềm năng lẫn thách đố mục vụ đặc trưng đối với bối cảnh kỹ thuật số. Nhờ vào kinh nghiệm lâu năm và sự khôn ngoan Chúa ban, các nhà lãnh đạo Giáo hội nhận biết rằng, việc xem thường và

từ chối những tiến bộ công nghệ là không thực tế và cuối cùng không có lợi cho Giáo hội. Thông qua các thành viên của mình ở mọi cấp độ, Giáo hội không chỉ kết hợp công nghệ vào cuộc sống hằng ngày mà còn dùng công nghệ cho chính sứ mạng tông đồ và Phúc Âm hóa của mình. Do đó, các vị lãnh đạo trong Giáo hội sẽ đánh mất đi tính trung thực nếu thái độ và lời nói của các ngài đi ngược lại với cách mà các ngài sử dụng công nghệ trong sứ vụ và đời sống thực tế. Những gì Giáo hội có thể và cần làm là truyền đạt sự khôn ngoan của mình, nhằm giúp các tín hữu và mọi người hiểu được bản chất, giá trị và vai trò đích thực của công nghệ trong sự phát triển con người. Đồng thời, Giáo hội cũng thực hiện vai trò ngôn sứ của mình trong việc sẵn sàng chỉ ra các xu hướng nghiên cứu và ứng dụng công nghệ có hại cho sự phát triển toàn diện con người, đi ngược lại với các giá trị Tin Mừng về công lý, hòa bình, tình yêu và sự hòa hợp.

Về những thách đố mục vụ liên quan đến CNTT-TT, các bàn luận trong sách này cho thấy Giáo hội, cách riêng là các nhà lãnh đạo mục vụ của Giáo hội, cần phải điều hướng một cách khéo léo và kịp thời các phát minh công nghệ để sử dụng món quà mà Thiên Chúa ban tặng một cách hữu hiệu nhất. Điều này đòi hỏi các nhà lãnh đạo mục vụ và các nhà truyền thông đức tin phải nắm bắt tốt các khía cạnh khác nhau của CNTT-TT, bao gồm các tác động xã hội, kinh tế, chính trị, sinh thái và tâm linh, ngắn hạn cũng dài hạn, đối với Giáo hội và thế giới. Mặc dù phạm vi của chương sách này không cho phép thảo luận chi tiết về nhiều vấn đề được nêu ra, nhưng các cơ hội, thách đố và hướng giải quyết các vấn đề đã được đề cập cho thấy Giáo hội ở cấp hoàn vũ cũng như địa phương cần thi hành nhiệm vụ cách nghiêm túc, liên tục và mang tính phối hợp. Chỉ khi nào Giáo hội tạo ra được những ảnh hưởng tích cực trên thế giới một cách hiệu quả bằng sự khôn ngoan và chiều sâu thiêng liêng, can đảm chất vấn các chuyên gia công nghệ và công chúng bằng tiếng nói ngôn sứ, và thận trọng sử dụng CNTT-TT trong việc truyền thông mục vụ và loan báo Tin Mừng của mình, thì Giáo hội mới thực sự phục vụ và thúc đẩy cho sự phát triển Vương quốc của Thiên Chúa hiển trị trên trần gian.

## Chương 4

# HƯỚNG ĐẾN THẦN HỌC MẠNG

Sống và phục vụ Giáo hội tại Bangkok, tôi có nhiều phương tiện giao thông để lựa chọn khi đi lại – ô tô, xe buýt, tàu điện, xe tuktuk, xe ôm... Một trong những phương tiện đi lại phổ biến nhất đối với người dân bản xứ là xe ôm truyền thống. Cách tổ chức xe ôm tại Thái Lan khá bài bản. Tài xế xe ôm phải có giấy phép hành nghề, và chỉ được đón khách ở “trạm xe ôm” mà họ được cấp phép, không được đón dọc đường hoặc ở các trạm khác. Các trạm xe ôm thường được đặt ở trước các trung tâm mua sắm, gần các trạm xe điện, ở đầu và cuối những con hẻm dài để thuận tiện cho người dân đi lại và chuyển từ phương tiện giao thông này qua phương tiện giao thông khác. Mỗi khi khách tới trạm để kêu xe thì tài xế nào đứng đầu hàng là người thực hiện cuộc xe. Ngược lại, nếu khách đến sau thì phải chờ cho khách đến trước lên xe rồi mới được phục vụ. Hệ thống này giúp cho các trạm xe ôm trật tự hơn, đặc biệt là vào các giờ cao điểm buổi sáng khi người dân đi làm, đi học, và buổi chiều khi tan ca.

Để tạo nên được một “văn hóa xe ôm” tốt cần có “văn hóa xếp hàng”, và người Thái Lan cũng làm được điều này rất tốt. Mỗi chiều tối, khi lượng khách áp đảo lượng xe ôm thì khách buộc phải xếp hàng dọc lối đi để chờ được phục vụ. Có khi người ta phải đứng chờ 10-15 phút mới được lên xe. Cũng may, phải đứng chờ ngày nay không còn là một việc quá nặng nề đối với người dân, vì mọi người đã có điện thoại thông minh để truy cập internet trong lúc chờ tới phiên mình. Hình ảnh những hàng người chờ xe ôm dài hàng chục mét, mọi người đều nhìn chăm chăm vào điện thoại của mình đã trở thành một hình ảnh quen thuộc trong lối sống của người dân thành phố thủ đô Bangkok. Hình ảnh này cũng được lập đi

lập lại ở những nơi khác như xếp hàng chờ lên xe điện, xe buýt, chờ thanh toán tiền tại các siêu thị, chờ lên máy bay.... Ngoài trừ xe ôm, thì khi đã lên xe buýt, xe điện, máy bay, người ta vẫn tiếp tục dán mắt vào điện thoại của mình để chơi game, lướt mạng xã hội, và nhắn tin cho nhau... Cuộc sống của con người ở thế kỷ XXI, bất kể ở châu Mỹ, châu Âu hay châu Á, là một sự nối liền giữa hai thế giới – vật lý và kỹ thuật số.

Ngày 23/11/2021, trong một sứ điệp bằng video gửi đến Hội đồng Giáo hoàng về Văn hóa, Đức Giáo Hoàng Phanxicô nói rằng: “Ngày nay, một cuộc cách mạng đang diễn ra – đúng vậy, một cuộc cách mạng – nó đụng chạm đến mọi điểm nút thiết yếu trong đời sống con người và đòi hỏi một nỗ lực sáng tạo về tư tưởng và hành động. Cả hai chiều kích. Có một sự thay đổi về cơ cấu trong cách chúng ta thấu hiểu về sự sinh ra, sự ra đời, và sự chết.”<sup>1</sup> Trong sứ điệp, Đức Thánh Cha cho rằng trong thế kỷ XXI, chúng ta đang đối diện với các câu hỏi về căn tính của con người: Ý nghĩa của những khái niệm như cương vị làm cha, cương vị làm mẹ là gì? Những tính chất gì phân biệt con người với máy móc với các loài vật khác? Ôn gọi siêu nhiên của con người là gì? Từ đâu mà chúng ta được kêu gọi xây dựng những mối tương quan xã hội với người khác? Những vấn đề mà Đức Thánh Cha đặt ra rất thiết thực và cấp thiết cho bối cảnh thế giới ngày càng bị chi phối bởi khoa học công nghệ.

Khi công nghệ kỹ thuật số xâm nhập vào mọi khía cạnh của xã hội loài người, vào cả đời sống tôn giáo và tâm linh, đã có một số thuật ngữ nghe có vẻ không quen thuộc được đề cập đến trong các cuộc thảo luận thần học mà ý nghĩa của chúng không được rõ ràng ngay với người nghe. Những thuật ngữ như “thần học kỹ thuật số” (*digital theology*), “thần học trong thời đại kỹ thuật số” (*theology in the digital age*), “thần học mạng” (*cybertheology*), “thần học về internet” (*theology of the internet*) và một

---

<sup>1</sup> Courtney Mares, “Pope Francis: Digital revolution forces us to rethink what it means to be human,” *Catholic News Agency* (24/11/2021), <https://www.catholicnewsagency.com/news/249692/pope-francis-the-digital-revolution-forces-us-to-rethink-what-it-means-to-be-human>.

số thuật ngữ khác. Trong khi chưa có thuật ngữ nào được công nhận chính thức là truyền đạt đầy đủ ý nghĩa, chúng lại chỉ ra một thực tại quan trọng đang thu hút sự quan tâm đáng kể là mối tương quan giữa thần học và công nghệ thông tin kỹ thuật số (CNTT-TT). Ở đây tôi không chủ trương đưa ra hoặc cổ võ một thuật ngữ cụ thể nào, bởi lẽ sự đồng thuận sẽ đến vào đúng thời của nó. Mục tiêu đầu tiên của bài viết này là suy tư về một số vấn đề thần học phát sinh trong bối cảnh kỹ thuật số, trong đó những từ ngữ như “thời đại kỹ thuật số” và “không gian mạng” trước đây nghe có vẻ xa lạ và viễn vông thì ngày nay lại phản ánh một thực tại cụ thể đang lan tỏa trong đời sống con người. Thần học Kitô giáo vốn đụng chạm đến những vấn đề và khát vọng tâm linh sâu xa nhất của nhân loại không thể làm ngơ trước những ảnh hưởng của công nghệ kỹ thuật số đến những chiều kích quan trọng của đời sống con người, đặc biệt là mối tương quan của con người với Thiên Chúa và với anh em đồng loại.

Ngay từ đầu, cần phải nói rõ rằng những suy tư dưới đây chỉ là một nỗ lực khiêm tốn để đóng góp vào các nghiên cứu có hệ thống và chuyên môn hơn trong lãnh vực vẫn còn khá mới này. Mặc dù trong những năm gần đây, sau khi cuốn sách *Cybertheology: Thinking Christianity in the Era of the Internet*<sup>2</sup> (Thần học mạng: Kitô giáo trong thời đại Internet) của Antonio Spadaro xuất bản năm 2014, người ta đã quan tâm nhiều hơn đến việc xem xét sự giao thoa giữa thần học và kỷ nguyên kỹ thuật số. Đây là một bước tiến theo thời gian kể từ khi Spadaro bắt đầu xem xét chủ đề này. Trong cuốn sách của mình, chính Spadaro đã than thở về việc thiếu nguồn tài liệu và phải nhìn chằm chằm vào “màn hình máy tính trống rỗng mà không biết bắt đầu từ đâu hoặc viết gì”<sup>3</sup> khi được yêu cầu trình bày nội dung thần học về tôn giáo và internet. Vị linh mục và tác giả Dòng Tên này đã tìm thấy rất nhiều thông tin liên quan đến chiều kích mục vụ của

---

<sup>2</sup> Antonio Spadaro, *Cybertheology: Thinking Christianity in the Era of the Internet* [*Thần học mạng: Kitô giáo trong thời đại Internet*] (New York: Fordham University Press, 2014)

<sup>3</sup> Spadaro, *Cybertheology*, viii.



internet – những lợi ích và rủi ro của nó, việc sử dụng nó như một công cụ truyền giáo, v.v. – nhưng những suy tư thần học có hệ thống lại rất ít.<sup>4</sup>

Mặc dù thừa nhận đã có nhiều cuộc thảo luận hơn về thần học kỹ thuật số trong các cuộc đối thoại tri thức và trên các tạp chí học thuật trong những năm gần đây, nhưng Heidi Campbell nhận thấy rằng cho đến nay vẫn chưa có cuốn sách nào chỉ tập trung vào chủ đề thần học kỹ thuật số.<sup>5</sup> Cũng cần thiết phải nêu những lý do tại sao cần có một *thần học mạng*, đồng thời xem xét thuật ngữ này căn bản nói đến điều gì. Cho đến nay chúng ta vẫn chưa có định nghĩa chính thức về thần học mạng hay thần học kỹ thuật số. Vì thế, tác giả hy vọng rằng những suy tư được trình bày ở đây có thể đóng góp vào quá trình phát triển một khái niệm rõ ràng hơn trong tương lai.

### Cần có một nền thần học mạng

Việc có những bước tiến trong nền thần học là một tiến trình tự nhiên trong đời sống của Giáo hội. Đôi khi đó là kết quả do những biến cố bên ngoài thể chế của Giáo hội thúc đẩy. Những biến đổi có thể do khám phá khoa học đem đến, như trong trường hợp khám phá về vũ trụ của Copernic và thuyết tiến hóa của Darwin. Hai sự kiện to lớn này giúp cho Giáo hội hiểu được rằng, chúng ta không thể đọc Kinh Thánh như một nguồn dữ liệu khoa học. Những tiến bộ trong lĩnh vực công nghệ cũng ảnh hưởng đáng kể đến thần học. Trong thời Cựu Ước, các bản văn Kinh Thánh được viết và truyền lại trên những cuộn da. Tuy nhiên, mỗi cuộn chỉ chứa đựng được một số nội dung, vì thế cần phải có rất nhiều cuộn giấy da để ghi lại các phần khác nhau của Kinh Thánh. Cho đến thế kỷ IV, sau khi phát minh ra cuốn *codex* (sách chép tay), toàn bộ quy điển Kinh Thánh có thể

---

<sup>4</sup> Spadaro, *Cybertheology*, ix.

<sup>5</sup> Heidi A. Campbell, “An Introduction to Digital Ecclesiology: What Does a Conversation on Digital Ecclesiology Look Like?” trong *Digital Ecclesiology: A Global Conversation*, ed. Heidi A. Campbell (Digital Religion Publications, 2020), 6.

đưa vào chung trong một bộ sách duy nhất với sự sắp xếp và liên hệ cụ thể với nhau. Không giống trước đó, khi mà ý tưởng quy điển Kinh Thánh như một thực thể duy nhất chỉ là một khái niệm, thì việc phát minh sách chép tay giúp cho độc giả nhận biết quy điển là một thể thống nhất. Nếu như việc phát hành cuốn *Kinh Kim Cang* tại Trung Hoa vào thế kỷ IX được xem là bản in đầu tiên giúp cho Phật giáo mở rộng khắp châu Á, thì sự phát triển công nghệ gây chấn động là việc phát minh ra máy in của Gutenberg đã làm nảy sinh nền văn hóa văn bản và việc phổ biến thông tin chưa từng có trong suốt 500 năm qua.<sup>6</sup>

Công nghệ máy tính phát triển vào cuối thế kỷ XX và đầu thiên niên kỷ mới này đưa truyền thông đến một tầm cao chưa bao giờ thấy trong lịch sử của nhân loại. Việc số hóa thông tin và truyền tải thông tin dưới hình thức này là một sự phát triển độc đáo, ảnh hưởng đến cách thức thông tin được xuất bản, phổ biến và tiêu thụ. Trong bối cảnh mới hiện nay, sách báo có thể xuất bản hoàn toàn trực tuyến. “Báo chí” không cần có mặt ở các sạp báo hoặc thậm chí không cần phải in ra.<sup>7</sup> Các tài liệu nghiên cứu học thuật có sẵn khá nhiều trên internet, và về mặt lý thuyết, các luận án tiến sĩ cũng có thể được hoàn thành bằng cách nghiên cứu trực tuyến, sau đó viết bài trên máy tính, lưu trữ dưới dạng kỹ thuật số và gửi đến hội đồng đánh giá qua thư điện tử.<sup>8</sup>

Internet là một phương tiện truyền thông mới và độc đáo, nhưng đối với xã hội loài người và thần học Công giáo, nó còn mang nhiều tác động hơn. Trong tài liệu “*Giáo hội và Internet*” của Ủy ban Giáo hoàng về Truyền thông xã hội ban hành năm 2002, Giáo hội Công giáo nhìn nhận sức mạnh của internet trong việc đem lại “những thay đổi mang tính cách mạng trong lãnh vực thương mại, giáo dục, chính trị, báo chí, tương quan giữa các quốc gia, tương quan giữa các nền văn hóa – không chỉ thay đổi

---

<sup>6</sup> Ched Spellman, “The Canon after Google: Implications of a Digitized and Destabilized Codex” *Princeton Theological Review* 17, no. 2 (2010): 39-40.

<sup>7</sup> Trong những năm gần đây, có hàng nghìn tờ báo tại Hoa Kỳ đã ngừng hoạt động, hoặc buộc phải đổi qua hình thức số để tồn tại.

<sup>8</sup> Bài nghiên cứu và việc viết tài liệu này được thực hiện 90% trực tuyến với sự hỗ trợ của máy tính sách tay, thiết bị đọc sách Kindle và Ipad.

trong cách mọi người giao tiếp nhưng cả trong cách họ hiểu về cuộc sống nữa.”<sup>9</sup> Thật vậy, với sự ra đời của các mạng xã hội, giao tiếp trên mạng không đơn thuần chỉ là chia sẻ thông tin, mà còn là việc tra dồi các mối tương quan với những người quen biết thực sự và cả những người chỉ quen trên mạng mà thôi. Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI nhận định về các mạng xã hội như sau:

Mọi người tham gia xây dựng các mối tương quan, kết bạn, tìm kiếm câu trả lời cho những thắc mắc của mình và giải trí, nhưng họ cũng tìm kiếm sự kích thích trí tuệ, chia sẻ kiến thức và các bí quyết. Các mạng xã hội ngày càng trở nên một thành phần của xã hội, đến nỗi chúng đem mọi người đến với nhau dựa trên những nhu cầu căn bản. Do đó, mạng xã hội được nuôi dưỡng bằng những khát vọng bắt nguồn từ trái tim con người.<sup>10</sup>

Thực tế là internet với nhiều hình thức và ứng dụng đa dạng (thư điện tử, trò chuyện, phát trực tiếp giọng nói và video, World Wide Web, trò chơi điện tử, mạng xã hội...) đã thâm nhập vào mọi khía cạnh của xã hội hiện đại của loài người. Điều ấy có nghĩa là cần phải suy tư về hình thức truyền thông này không chỉ về mặt xã hội học mà còn về mặt thiêng liêng và thần học nữa. Cũng cần phải phân biệt giữa internet và không gian mạng (*cyberspace*). Internet là một hệ thống mạng kết nối hàng tỷ máy tính trên thế giới lại với nhau, là nơi thông tin được trao đổi qua những ứng dụng đa dạng của World Wide Web, thư điện tử, điện thoại và mạng ngang hàng (*peer-to-peer networks*) để chia sẻ dữ liệu.<sup>11</sup> Trong khi định nghĩa về internet khá dễ, thì nói chính xác về không gian mạng (*cyberspace*) lại phức tạp hơn. Nhiều người không hiểu sự khác biệt giữa “internet” và “cyberspace” nên dùng hai thuật ngữ này lẫn lộn với nhau.

---

<sup>9</sup> Ủy ban Giáo hoàng về Truyền thông, “Giáo hội và Internet,” [http://www.vatican.va/roman\\_curia/pontifical\\_councils/pccs/documents/rc\\_pc\\_pccs\\_doc\\_20020228\\_church-internet\\_en.html](http://www.vatican.va/roman_curia/pontifical_councils/pccs/documents/rc_pc_pccs_doc_20020228_church-internet_en.html).

<sup>10</sup> Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI, “Sứ điệp ngày Thế giới Truyền thông 2013,” [http://w2.vatican.va/content/benedict-xvi/en/messages/communications/documents/hf\\_ben-xvi\\_mes\\_20130124\\_47th-world-communications-day.pdf](http://w2.vatican.va/content/benedict-xvi/en/messages/communications/documents/hf_ben-xvi_mes_20130124_47th-world-communications-day.pdf).

<sup>11</sup> Wikipedia, “Internet,” <https://en.wikipedia.org/wiki/Internet>.

Oxford Languages và Google định nghĩa không gian mạng là một “môi trường ý niệm (*notional environment*) trong đó diễn ra việc truyền thông qua mạng máy tính.”<sup>12</sup> Từ ý niệm được dùng vì không gian mạng thực tế không tồn tại theo vật lý. Nó là một không gian ẩn dụ (*metaphorical space*) chỉ tồn tại trong tâm trí của chúng ta, đặc biệt khi chúng ta nói chuyện với bạn bè và cảm nhận như thể chúng ta gặp họ tại một không gian cụ thể. Theo Neil Postman, “Không gian mạng là một ý tưởng ẩn dụ (*metaphorical idea*) nơi đó ý thức của bạn được định vị khi bạn sử dụng kỹ thuật máy tính trên internet.”<sup>13</sup> Trong ngôn ngữ hằng ngày, không gian mạng được xem như là một thuật ngữ chung để nói về vô số thứ diễn ra trong môi trường trực tuyến – nơi người ta có thể tìm kiếm thông tin, giải trí hoặc tương tác với những người dùng internet khác.

Một khái niệm nảy sinh gắn liền nhưng không giống hệt với không gian mạng là thực tế ảo (*virtual reality*), một thuật ngữ đôi khi xuất hiện trong giao tiếp hằng ngày nhưng không luôn được hiểu đúng.<sup>14</sup> Trong lãnh vực công nghệ máy tính, thực tế ảo đề cập đến việc mô phỏng hoặc sao chép thực tế vật lý bằng cách sử dụng đồ họa tương tác 3D thời gian thực (*real-time*) và các thiết bị kỹ thuật nhằm tạo nên môi trường giúp người dùng nhập vai và tương tác trong chính môi trường đó.<sup>15</sup> Có thể thấy rằng thực tế ảo là một công nghệ rất đặc thù liên quan đến nhiều công cụ khác nhau để đạt được trải nghiệm nhất định cho người dùng. Bất cứ cái gì được xem là thực tế ảo đều phải đáng tin cậy, có tính tương tác, thao tác trên máy tính, có thể khám phá và nhập vai.<sup>16</sup> Tuy nhiên, thực tế ảo lại

---

<sup>12</sup> Oxford Languages and Google, “Cyberspace,” <https://languages.oup.com/google-dictionary-en/>.

<sup>13</sup> Sunshine Recorder, “Neil Postman on Cyberspace,” <http://sunrec.tumblr.com/post/73223445766/neil-postman-on-cyberspace-1995>.

<sup>14</sup> Tomasz Mazuryk and Michael Gervautz, “Virtual Reality: History, Applications, Technology and Future,” <https://www.cg.tuwien.ac.at/research/publications/1996/mazuryk-1996-VRH/TR-186-2-96-06Paper.pdf> : 3.

<sup>15</sup> Mazuryk and Gervautz, “Virtual Reality,” 4.

<sup>16</sup> Chris Woodford, “Virtual Reality,” <http://www.explainthatstuff.com/virtualreality.html>.

thường bị hiểu lầm và được dùng để nói đến những môi trường trực tuyến hay thế giới các mạng xã hội.

Thật ra, công nghệ thực tế ảo không nhất thiết phải liên quan đến internet, truyền thông kỹ thuật số hay không gian mạng, cái mà theo một nghĩa nào đó, không phải là ảo mà lại rất thật. Như Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI khẳng định: “Môi trường kỹ thuật số không phải là một thế giới song song hay thuần túy ảo, nhưng nó là một phần trải nghiệm hằng ngày của rất nhiều người, đặc biệt người trẻ.”<sup>17</sup> Quả thực, ngày nay người ta không còn nói về việc lên mạng như thể là thực hiện một cuộc dạo chơi trong thế giới thần tiên kỹ thuật số, rồi sau đó trở về với đời thực với những vấn đề và trách nhiệm của nó. Trong thế giới kỹ thuật số toàn cầu hiện nay, internet là nơi chúng ta giữ liên lạc với gia đình và bạn hữu, gặp gỡ người mới và kiến tạo những mối tương quan, làm ăn kinh doanh và cập nhật tin tức địa phương lẫn quốc tế, tìm kiếm đủ loại thông tin từ cách để thất cà vạt đến phương thức nấu món canh *tom yum kung* nổi tiếng của Thái Lan, rồi đến chia sẻ hình ảnh, ý tưởng, cảm xúc với người khác trên mạng xã hội, blog hay các diễn đàn.

Chính vì thế mà Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II so sánh không gian mạng với công trường La mã cổ đại “nơi chính trị và kinh doanh giao du, nơi thực thi các bổn phận tôn giáo, nơi diễn ra phần lớn đời sống xã hội, là nơi bản chất cao quý nhất cũng như tệ hại nhất của con người thể hiện ra.”<sup>18</sup> Ở Thái Lan, một hình ảnh có thể dùng để so sánh như thế là các quảng trường trong thành phố lớn hay các khu chợ tỉnh, nơi đó người ta tụ tập để làm việc, giao lưu và buôn chuyện, ngay cả để làm công quả cho các nhà sư khất thực.<sup>19</sup> Một cách nào đó, không gian mạng là biểu tượng của những khu chợ vô cùng sầm uất ở các thị trấn với tất cả khung cảnh nhộn nhịp, âm thanh, và màu sắc xen lẫn vào nhau.

<sup>17</sup> Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI, “Sứ điệp ngày Thế giới Truyền thông 2013”.

<sup>18</sup> Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, “Sứ điệp ngày Thế giới Truyền thông 2002,” [http://w2.vatican.va/content/john-paul-ii/en/messages/communications/documents/hf\\_jp-ii\\_mes\\_20020122\\_world-communications-day.html](http://w2.vatican.va/content/john-paul-ii/en/messages/communications/documents/hf_jp-ii_mes_20020122_world-communications-day.html).

<sup>19</sup> Trong các quốc gia Phật giáo Nam Tông của Đông Nam Á, hình ảnh các nhà sư đi khất thực ở các khu chợ mỗi buổi sáng là bình thường.

Vì thế không gian mạng không còn là một nơi tách biệt đâu đó nhưng nối kết mật thiết với đời sống chúng ta, đến nỗi chúng ta gắn bó với môi trường kỹ thuật số nhiều như không gian vật lý vậy. Nhiều người không còn coi internet là điều mới lạ nữa, nhưng là một phần của đời sống hằng ngày.<sup>20</sup> Cầm trên tay điện thoại thông minh hay máy tính bảng với kết nối 4G/5G, chúng ta có thể check-in và cho người khác biết mình đang ở đâu vào bất cứ lúc nào, dù là ở sân bay, rạp chiếu phim hay xếp hàng tính tiền ở siêu thị. Chỉ cần thoáng nhìn hàng dài các nhân viên văn phòng ở Bangkok đang kiên nhẫn xếp hàng đợi xe ô mỗ mỗi tối hay các hành khách ở Hàn Quốc tiêu khiển thời gian trên tàu điện thì cũng có thể thấy internet thịnh hành ra sao trong đời sống con người. Với làn sóng dịch vi-rút corona từ đầu năm 2020, internet trở thành lớp học thay thế cho học sinh trên toàn thế giới không thể đến trường vì lệnh đóng cửa để chống dịch. Vì vậy, theo Antonio Spadaro,

Internet... không chỉ là một phương tiện truyền thông để người ta chọn sử dụng, nhưng nó còn mở ra một “môi trường” văn hóa quyết định một lối tư duy, tạo nên những vùng đất mới, những hình thức giáo dục mới, góp phần hình thành khái niệm về cách kích thích trí thông minh và thắt chặt các mối tương quan. Đó là lối sống và tổ chức thế giới của chúng ta. Nó không phải là một thế giới tách rời, nhưng ngày càng hội nhập sâu hơn trong đời sống hằng ngày của chúng ta.<sup>21</sup>

Tuy nhiên, khẳng định của Spadaro không phải mới mẻ và bất ngờ. Thậm chí vào năm 1990, khi internet còn chưa được dùng rộng rãi trong giới không chuyên thì Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã thấy trước tiềm năng làm thay đổi mô hình văn hóa của các công nghệ truyền thông mới trong thời hiện đại. Trong Thông điệp *Redemptoris Missio* (*Sứ Vụ Đấng Cứu Chuộc*), ngài ví môi trường truyền thông mới như một “nền văn hóa mới” với “những cách thức giao tiếp mới, ngôn ngữ mới, kỹ thuật mới và

---

<sup>20</sup> Sam Han and Kamaludeen Mohadmed, *Digital Culture and Religion in Asia* (London: Routledge, 2016), Kindle edition.

<sup>21</sup> Spadaro, *Cybertheology*, 2-3.

tâm lý mới.”<sup>22</sup> Vì thế, cũng không lạ khi Domenico Pompili lập luận rằng internet là một nơi có sự hiện diện thực sự của con người và có phẩm chất như một không gian nhân học.<sup>23</sup> Nhận thức này buộc chúng ta phải tin vào sự tồn tại và vai trò của nó trong việc hình thành suy nghĩ và cảm xúc của chúng ta, và cuối cùng tác động đến sự nhạy bén tâm linh và thần học của chúng ta nữa.

Vậy cần phải hỏi xem thần học kỹ thuật số hay thần học mạng là gì? Tại Đại học Durham ở Anh quốc, ban quản trị trung tâm Thần học Kỹ thuật số trả lời như sau:

Thần học kỹ thuật số suy tư về quá trình số hóa của xã hội và sự liên quan của nó đến đức tin và việc thực hành Kitô giáo. Những đổi mới công nghệ tạo ra một loạt thay đổi xã hội trong nhiều lãnh vực đời sống của thế kỷ XXI. Kitô giáo và nhiều tôn giáo khác cũng đang thay đổi khi tham gia vào truyền thông xã hội, giao tiếp qua các trang web và gia tăng việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số trong việc phụng tự, trong hoạt động mục vụ và Phúc âm hóa. Tiền đề cơ bản của Thần học Kỹ thuật số là nền văn hóa mới nảy sinh tạo nên điều kiện mới cho Giáo hội tìm được chính mình trong đó. Cần có những cuộc đối thoại thần học mới mẻ và những cách tiếp cận phù hợp.<sup>24</sup>

Debbie Herring quản trị một trang web về thần học mạng, trong đó nội dung được chia thành ba mục – thần học trong, thần học của, và thần học

---

<sup>22</sup> Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sứ vụ Đấng Cứu Chuộc*, 37c, [http://w2.vatican.va/content/john-paul-ii/en/encyclicals/documents/hf\\_jp-ii\\_enc\\_07121990\\_redemptoris-missio.pdf](http://w2.vatican.va/content/john-paul-ii/en/encyclicals/documents/hf_jp-ii_enc_07121990_redemptoris-missio.pdf). Cũng trong năm đó, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã đề cập đến sự quan trọng của truyền thông vi tính và văn hóa vi tính đối với sứ mệnh loan báo Tin Mừng của Giáo hội trong “Sứ điệp ngày Thế giới Truyền thông”. [http://w2.vatican.va/content/john-paul-ii/en/messages/communications/documents/hf\\_jp-ii\\_mes\\_24011990\\_world-communications-day.html](http://w2.vatican.va/content/john-paul-ii/en/messages/communications/documents/hf_jp-ii_mes_24011990_world-communications-day.html).

<sup>23</sup> Domenico Pompili, *Il nuovo ell'antico. Comunicazione e testimonianza nell'era digitale* [Cái mới trong cái cũ: Truyền thông và Chứng tá trong kỷ nguyên kỹ thuật số] (San Paolo, Italy: Cinisello Balsamo, 2011): 62.

<sup>24</sup> Center for Digital Theology, “What is digital theology,” (11/05/ 2020), <https://www.dur.ac.uk/digitaltheology/>.

cho mạng xã hội.<sup>25</sup> Peter Singh khẳng định: “Thần học mạng phải được hiểu như là trí tuệ của đức tin trong kỷ nguyên số ảnh hưởng đến cách chúng ta suy nghĩ, học tập, giao tiếp và sống.”<sup>26</sup> Spadaro cũng tham chiếu khái niệm truyền thống về thần học để lập luận về những ý nghĩa thần học của internet. Vị linh mục viết:

Suy tư thần học mạng luôn là một tri thức phản xạ bắt đầu từ kinh nghiệm của đức tin... Do đó, Thần học mạng không phải là sự phản ánh xã hội học về tôn giáo trên internet, mà là kết quả của đức tin làm phát sinh một động lực nhận thức vào thời điểm mà logic của Web tác động đến cách suy nghĩ, cách hiểu biết, cách giao tiếp và cách sống.<sup>27</sup>

Thần học mạng cũng được phân biệt với các thần học khác tập trung vào hoặc ưu tiên cho những lãnh vực/nhóm người đặc thù trong xã hội, ví dụ như thần học giải phóng (người nghèo và giới lao động), thần học nữ quyền (người nữ) và thần học châu Á (người dân châu Á). Hơn nữa, thần học mạng cũng không phải là một loại thần học nào đó chỉ nằm trong không gian mạng, xa rời với đời sống cụ thể hằng ngày. Quả thật, môi trường kỹ thuật số ngày càng bao trùm lên cuộc sống của chúng ta và có nhiều ảnh hưởng đến mọi khía cạnh của đời sống. Do đó, *thần học mạng là một sự suy tư có hệ thống về tác động biến đổi của thời đại kỹ thuật số trên các khía cạnh của đời sống đức tin và sự đáp trả của con người trước sự thay đổi không ngừng này.*<sup>28</sup>

Thần học dưới bất kỳ hình thái nào đều quy chiếu về Thiên Chúa và mối tương quan của Người với con người như chủ đề chính. Tuy nhiên, thần học mạng lấy thông tin, nguồn cảm hứng cũng như các khám phá từ môi trường kỹ thuật số. Phần sau của chương này sẽ trình bày những suy

<sup>25</sup> Debbie Herring, <http://www.cybertheology.net/>.

<sup>26</sup> M. Peter Singh, “An Overview of Cybertheology” (Paper presented at Seminar on Ekklesiology in Cyber Age, Bangalore, June 26-27, 2014). Kindle edition.

<sup>27</sup> Spadaro, *Cybertheology*, 17.

<sup>28</sup> Đây là một định nghĩa tạm thời của tác giả. Định nghĩa này cần được điều chỉnh khi việc suy tư về thần học mạng phát triển ở một mức có hệ thống hơn. Tuy nhiên, ở thời điểm này, theo tác giả thì định nghĩa này là tạm đủ để giúp chúng ta hiểu về thần học mạng một cách phổ quát.



tư về mối quan hệ đối với các khía cạnh khác nhau của cuộc sống con người, đặc biệt là mối tương quan của con người với Thiên Chúa và đồng loại. Mục đích là để xem các mối tương quan này có thể được nhận thức và duy trì như thế nào trong bối cảnh kỹ thuật số hiện đại.

### Phân loại Thần học mạng

Vấn đề tiếp theo cần xem xét một cách ngắn gọn là Thần học mạng thuộc loại thần học nào? Như đã đề cập, có khá ít công trình trực tiếp đề cập hoặc thảo luận một cách rõ ràng về thần học mạng. Nhiều tài liệu về internet và tôn giáo thường bàn đến ảnh hưởng của internet đến niềm tin tôn giáo hoặc những hoạt động mục vụ mà công nghệ này đem đến cho Giáo hội. Suy tư thần học về thời đại kỹ thuật số dường như vẫn còn là một hoạt động mới lạ, có lẽ do thực tế là hầu hết những nhà thần học được đào tạo đầy đủ và nhiều kinh nghiệm không thể nắm bắt hết được những ngụ ý mà môi trường kỹ thuật số đem lại cho chúng ta trong hiện tại cũng như tương lai. Một số thần học gia lão thành, trước những phát triển về công nghệ kỹ thuật số, cũng chỉ biết dùng một số ít công cụ để hỗ trợ cho đời sống và công việc giảng dạy. Nhiều người chưa nắm được những thuật ngữ mới trong công nghệ thông tin để có thể thấu hiểu những gì người ta muốn nói khi sử dụng nó trong việc truyền đạt ý tưởng. Có thể hiểu rằng nhiều người trong chúng ta còn đang cố gắng làm quen và thích ứng trong môi trường mới này như là “những người nhập cư kỹ thuật số” (*digital immigrants*), trong khi những người được gọi là “bản xứ kỹ thuật số” (*digital natives*)<sup>29</sup> lại có vẻ như chưa đủ tuổi hoặc chưa được trang bị những công cụ cần thiết để suy tư một cách sâu xa về môi trường xã hội, văn hóa và thiêng liêng do công nghệ mới mang đến.

---

<sup>29</sup> Thuật ngữ “cư dân kỹ thuật số” và “người nhập cư kỹ thuật số” được Marc Prensky đề ra trong bài báo nổi tiếng của ông “Digital Natives, Digital Immigrants,” *On the Horizon*, 9.5 (2001):1-2 để phân biệt giữa thế hệ sinh ra và lớn lên sau sự ra đời của công nghệ kỹ thuật số và thế hệ những người sinh trước đó.

Vì thế dựa trên những gì đã bàn luận, chúng ta có thể khẳng định rằng thần học mạng là một nền thần học đề cập đến một thực tại quan trọng – mối tương quan giữa thần học và kỷ nguyên truyền thông kỹ thuật số và công nghệ internet. Đây là một nền thần học có bối cảnh là môi trường kỹ thuật số vốn phản ánh bản chất của nền văn hóa hiện đại toàn cầu. Dù là một thần học theo bối cảnh, thần học mạng vẫn khác biệt với những thần học tập trung vào hoặc ưu tiên đề cập đến những lãnh vực hoặc nhóm đặc trưng trong xã hội như đã nêu trên. Bối cảnh của thần học mạng không liên quan đến một thực tại dân tộc hay nền văn hóa, nhưng là một sự thay đổi xã hội rộng lớn do công nghệ kỹ thuật số hiện đại mang lại.

Dựa vào bản chất của thần học nói chung, chúng ta có thể xem Thần học mạng như là một loại thần học theo bối cảnh (*contextual theology*). Ngày nay, người ta không còn tranh cãi khi phát biểu rằng thần học không được hình thành trong chân không nhưng nhất thiết phải đặt trong bối cảnh cụ thể về thời gian và địa điểm. Stephen Bevans, thần học gia thuộc Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời, là một trong những người ủng hộ quan điểm này mạnh mẽ nhất. Trong cuốn sách *Models of Contextual Theology (Những mô hình của Thần học theo bối cảnh)* và các bài báo liên quan được tham khảo rộng rãi, Bevans chỉ ra bản chất bối cảnh của thần học ngay từ những ngày đầu tiên của Do Thái giáo. Bevans nhấn mạnh rằng các cuốn sách trong Kinh Thánh đã được viết và biên tập bởi những người mang những kinh nghiệm rất đặc trưng của vùng miền Palestine. Thế giới quan của họ ảnh hưởng sâu xa đến quan niệm về Chúa và mối tương quan với Người.

Chiều kích bối cảnh của thần học tiếp tục trong truyền thống Tân Ước với nền thần học được trình bày bởi các tác giả của bốn sách Phúc Âm và các thánh thư.<sup>30</sup> Nếu các nền thần học trình bày trong các sách khác nhau của Cựu Ước và Tân Ước đều mang chiều kích bối cảnh, thì không có gì sai nếu nói rằng: nền thần học mà chúng ta nhận là quy chuẩn, theo truyền thống do các Giáo phụ và những người kế tiếp trình bày cũng phải chứa

---

<sup>30</sup> Stephen B. Bevans, *Models of Contextual Theology [Những mô hình thần học theo bối cảnh]* (New York: Orbis Books, 2012), 7-8.

đựng chiều kích bối cảnh. Trong trường hợp thần học chính thống của Giáo hội, gốc rễ sâu xa chính là triết học Hy Lạp và văn hóa châu Âu.

Trong thời hiện đại, nhiều thần học nảy sinh như một sự đáp ứng cho những điểm chưa thỏa đáng của nền thần học Công giáo truyền thống. Các thần học này chủ trương xem xét hoàn cảnh của con người trong các bối cảnh khác nhau bao gồm cả những người nghèo ở châu Mỹ Latin, người nữ, người gốc Phi ở vùng hạ Sahara, người Á châu và nhiều nhóm khác nữa. Các thần học cố gắng đáp ứng trước những bối cảnh đặc thù đôi khi được gọi là Thần học địa phương (*local theology*) hoặc Thần học của việc hội nhập văn hóa (*theology of inculturation*). Chúng hàm chứa ít nhiều biên giới về văn hóa hoặc địa lý, tuy nhiên thuật ngữ *Thần học theo bối cảnh* có một viễn cảnh rộng lớn hơn bao hàm các thực tại xã hội vượt ra ngoài văn hóa, chủng tộc hoặc địa lý. Bevans khẳng định rằng bản chất bối cảnh của những thần học này tạo thành một “mệnh lệnh thần học” (*theological imperative*) vì không có một nền thần học nào có thể được xây dựng mà không lấy bối cảnh làm chất liệu cho việc suy tư.<sup>31</sup> Mệnh lệnh thần học này tồn tại vì các tôn giáo tự nhiên mang tính bối cảnh. Nhà xã hội học tôn giáo Otto Maduro nhận định:

Không có tôn giáo hoạt động trong chân không. Tất cả các tôn giáo – bất kể là tôn giáo nào mà chúng ta nhìn nhận – đều là một thực tại định vị trong một bối cảnh nhân sinh đặc thù: không gian địa lý, khoảnh khắc lịch sử, môi trường xã hội cụ thể và xác định. Tất cả các tôn giáo – bất kể là tôn giáo nào mà chúng ta nhìn nhận – trong mỗi trường hợp cụ thể, đều luôn luôn là tôn giáo của những con người nào đó.<sup>32</sup>

Vì vậy, thần học tìm được giá trị và sự xác đáng khi được trình bày trong bối cảnh thực tế của thời gian, nơi chốn và môi trường xã hội. Thần học gia Bernard Lonergan khẳng định, thần học “làm trung gian giữa

<sup>31</sup> Bevans, *Models of Contextual Theology*, 15.

<sup>32</sup> Quoted in Carlos Mondragon, *Like Leaven in the Dough: Protestant Social Thought in Latin America, 1920-1950* (Plymouth, UK: Rowman and Littlefield Publishing House, 2011), 28.

khuôn mẫu văn hóa với ý nghĩa và vai trò của tôn giáo trong chính khuôn mẫu ấy” (*Method in Theology*, xi).<sup>33</sup>

Việc xác định tính bối cảnh của thần học không có nghĩa là đi tìm một hình thức mới của thần học. Nhưng hơn thế, khi thêm cụm từ “*theo bối cảnh*” sau từ “*thần học*” như một bổ ngữ, mục đích là làm rõ và minh chứng một tiến trình đã có ngay từ ban đầu. Một thần học đặc thù không nhất thiết phải mang tính quy chuẩn và áp dụng phổ quát cho mọi người trong mọi hoàn cảnh. Thần học “chính thống” thực sự là thần học theo bối cảnh. Tuy nhiên, bối cảnh trong nền thần học này có thể bị che giấu một cách cố ý hoặc vô ý nhằm làm nổi bật tính ứng dụng và hợp lý phổ quát cho toàn Giáo hội trên thế giới.

Thần học cổ điển được xem là khoa học khách quan của đức tin, sử dụng hai nguồn là Thánh Kinh và Thánh Truyền. Cả hai nguồn này được nhìn nhận vượt trên lịch sử và văn hóa. Tuy nhiên, qua việc khẳng định thần học mang tính bối cảnh, các thần học gia muốn nói rằng kinh nghiệm hiện tại của loài người được phản ánh qua nền văn hóa, các biến cố đời sống và những thay đổi xã hội đáng kể,... tạo thành một nguồn quan trọng cho suy tư thần học. Do đó, cả quá khứ chứa đựng trong Thánh Kinh và Thánh Truyền lẫn hiện tại trong bối cảnh hôm nay đều là chất liệu cho việc suy tư thần học.<sup>34</sup> Trong Tông huấn *Evangelii Gaudium*, Đức Thánh Cha Phanxicô khẳng định tầm quan trọng của bối cảnh như sau:

Chúng ta sẽ không công bằng với *logic* nhập thể nếu chúng ta nghĩ về Kitô giáo là đơn văn hoá và đơn điệu. Tuy đúng là một số nền văn hoá đã được liên kết mật thiết với việc rao giảng Tin Mừng và sự phát triển tư tưởng Kitô giáo, nhưng sứ điệp mặc khải không bị đồng hoá với bất cứ nền văn hoá nào; nội dung của sứ điệp mang tính xuyên văn hoá. Thế nên trong việc loan báo Tin Mừng cho các nền văn hoá mới, hay các nền văn hoá chưa tiếp nhận sứ điệp Kitô giáo, không nhất thiết phải áp đặt cùng với Tin

---

<sup>33</sup> Elizabeth A. Morelli and Mark D. Morelli, Ed., *The Lonergan Reader* (Toronto: University of Toronto Press, 1997), 443.

<sup>34</sup> Bevans, *Models of Contextual Theology*, 5-6.

Mừng một hình thức văn hoá nhất định, dù nó đẹp hay lâu đời ra sao.<sup>35</sup>

Đức Thánh Cha Phanxicô tiếp tục cho rằng thật là vô lý khi muốn mọi người ở mọi nơi “bắt chước cách diễn tả của các nước châu Âu đã phát triển vào một thời điểm nhất định trong lịch sử của họ.”<sup>36</sup> Theo Đức Thánh Cha, không một nền văn hóa riêng biệt nào có thể bày tỏ trọn vẹn mâu nhiệm của Thiên Chúa. Do đó, khi bối cảnh đặc trưng của một thời gian và địa điểm nào đó được đưa vào thần học, người ta có thể xem chúng là thần học được căn tính văn hóa truyền cảm hứng, như trường hợp thần học châu Á, thần học châu Phi; thần học dùng kinh nghiệm về giới tính như chất liệu suy tư như thần học nữ quyền; thần học xem xét về vị trí xã hội như thần học giải phóng hay thần học đồng tính. Theo đó, chúng ta có thể nói về một thần học lưu tâm đến những kinh nghiệm nảy sinh từ sự thay đổi xã hội, đặc biệt do quá trình hiện đại hóa công nghệ dẫn đến sự ra đời của thời đại kỹ thuật số. Dựa trên ánh sáng kinh nghiệm của tiến bộ kỹ thuật ngày nay, chúng ta có đủ lý do để bắt đầu thảo luận một cách nghiêm túc về một thần học theo bối cảnh tạm gọi là *Thần học mạng*.

## Tìm kiếm Thiên Chúa trong môi trường kỹ thuật số

Thần học khởi đầu trước hết và trên hết bằng sự suy gẫm về việc con người tìm kiếm và tri nhận Thiên Chúa. Theo truyền thống, các Kitô hữu định vị Thiên Chúa trong khuôn khổ thời gian và không gian như được diễn tả trong “Kinh Lạy Cha”, nghĩa là Thiên Chúa ở trên “trời”. Thiên Chúa cũng là Thượng đế vĩnh cửu và tối cao của Vương Quốc sẽ đến vào thời viên mãn. Như Vịnh gia công bố: “Muôn lạy Chúa, lời Ngài bền vững; đến ngàn đời, trên cõi trời cao.”<sup>37</sup> Con người hiểu về vĩnh cửu như

<sup>35</sup> Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium*, 117, [https://w2.vatican.va/content/dam/francesco/pdf/apost\\_exhortations/documents/papa-francesco\\_esortazione-ap\\_20131124\\_evangelii-gaudium\\_en.pdf](https://w2.vatican.va/content/dam/francesco/pdf/apost_exhortations/documents/papa-francesco_esortazione-ap_20131124_evangelii-gaudium_en.pdf).

<sup>36</sup> *Evangelii Gaudium*, 118.

<sup>37</sup> Psalm 119:89 (NIV).

tưởng tượng ngàn năm của Chúa ví như một ngày trong kinh nghiệm loài người: “Anh em thân mến, một điều duy nhất, xin anh em đừng quên: đối với Chúa, một ngày ví thể ngàn năm, ngàn năm cũng tựa một ngày.”<sup>38</sup> Bằng cách tưởng tượng thiên đàng là một nơi chốn cụ thể, còn vĩnh cửu là một ngày kéo dài vô tận, việc xác định Thiên Chúa hiện hữu ở đâu và thế nào có vẻ dễ hơn. Mặc dù các thần học gia khẳng định rằng thiên đàng không phải là một địa điểm vật lý, các tín hữu vẫn ngược mắt lên trời cao, vượt qua các vì sao để nghĩ tưởng về một nơi nào đó Thiên Chúa đang âu yếm nhìn xuống con cái của Người, trông thấy những niềm vui, nỗi buồn cũng như những thách đố và yếu đuối của họ. Điều này mang lại cho người ta cảm nhận có phương hướng và sự an toàn trong cuộc sống. Lavinia Byrne viết: “Không có gì đánh động trái tim con người cách mãnh liệt bằng lời hứa rằng họ sẽ được sống đời đời trên thiên đàng. Không có gì có thể an ủi bằng ý thức thêm ngày tháng nghĩa là có thêm cùng một loại thời gian, với bình minh và hoàng hôn đều đặn mỗi ngày để tính toán ngày giờ.”<sup>39</sup>

Tuy nhiên, khoa học hiện đại đã làm nhiều việc để xâm nhập vào các khái niệm được hiểu trước đây về Thiên Chúa và thiên đàng, ít nhất là đối với những người coi trọng sự phát triển khoa học. Có thuyết khoa học tuyên bố rằng không gian trên thực tế là vô hạn, do đó loại bỏ khả năng thiên đàng có một vị trí cụ thể.<sup>40</sup> Điều này gây hoang mang đối với linh đạo bình dân, vì làm sao Thiên Chúa có thể ngự trên trời nếu một nơi như thế không tồn tại về mặt *logic*?<sup>41</sup> Các thần học gia cố gắng giải thích thực tại này bằng cách đưa ra sự hiện hữu của thế giới tinh thần siêu vượt không gian thông thường, hay giới thiệu khái niệm về “không gian bí tích” (*sacramental space*) ngay trong thế giới này hay trong cộng đồng Kitô

---

<sup>38</sup> 2 Peter 3:8 (NIV).

<sup>39</sup> Lavinia Byrne, “God in Cyberspace,” [Thiên Chúa trên không gian mạng,] (2000), <http://www.ed.ac.uk/files/imports/fileManager/godper cent20inper cent20cyberspace.pdf>.

<sup>40</sup> Singh, “Overview of Cybertheology.”

<sup>41</sup> Byrne, “God in Cyberspace.”

giáo, nơi đó sự hiện diện của Thiên Chúa là thật và có thể cảm nhận được.<sup>42</sup>

Môi trường kỹ thuật số cũng tạo nên những cơ hội mới để đào sâu việc tìm hiểu về Thiên Chúa và hình dung Ngài hiện diện ra sao trong thế giới này. Lavinia Byrne lưu ý rằng khái niệm về vũ trụ bao gồm các nguyên tử khả giác tụ lại với nhau để tạo thành vật chất không còn là loại vũ trụ duy nhất mà con người có thể quan niệm nữa. Với không gian mạng tạo thành từ những con số phi vật lý, chúng ta được biết đến các chiều kích không gian mới tồn tại song song với thế giới các hạt nguyên tử. Byrne đặt câu hỏi:

Nếu thế giới kỹ thuật số có thể thâm nhập vào máy tính của chúng ta, vậy tại sao không có sự tương tự về tâm linh? Bỗng nhiên khái niệm về Thiên Chúa là hợp lý vì có nơi mà Thiên Chúa có thể hiện hữu. Ý tưởng về các thiên thần nhảy múa trên đầu chiếc đỉnh ghim được khơi lại, bởi lẽ có gì đó hơn cả không gian và thời gian mà chúng ta có thể nhìn thấy hay thông truyền.<sup>43</sup>

Theo Singh, thế giới kỹ thuật số cung cấp một ẩn dụ về sự hiện diện của Thiên Chúa và cách thức hình dung về mọi sự trong một ý nghĩa mới của thời gian và không gian, trong đó những thông tin được cung cấp thông qua những dữ liệu kỹ thuật số.<sup>44</sup> Thực tại của thế giới kỹ thuật số giúp chúng ta vượt qua những giới hạn và thách đố mà khoa học nêu lên. Như thế, ẩn dụ này trình bày một hiểu biết sâu xa và một câu trả lời mới mẻ đối với câu hỏi: “Lạy Thầy, Thầy ở đâu?”.

Trong khi môi trường kỹ thuật số với những khả thể mới có thể giúp vượt qua những giới hạn trước đây do khoa học đặt ra, thì nó không hứa hẹn việc tìm hiểu về Thiên Chúa sẽ đơn giản và dễ dàng hơn. Trong quá khứ, người ta tìm đến những người có thẩm quyền như các linh mục, tu sĩ khi thắc mắc về Thiên Chúa, những vấn đề liên quan đến đạo, cũng như những điều trong đời sống thường nhật. Bởi lẽ các linh mục không chỉ

<sup>42</sup> Byrne, “God in Cyberspace.”

<sup>43</sup> Byrne, “God in Cyberspace.”

<sup>44</sup> Singh, “Overview of Cybertheology.”

được nhìn nhận là những hình tượng đáng tin cậy trong các vấn đề tâm linh, nhưng còn được xem như thuộc về nhóm những người có học thức cao, thậm chí có thể là cao nhất ở trong làng xóm hay thị trấn. Tại nhiều nơi ở châu Á, nhất là ở vùng quê, trường hợp này vẫn khá phổ biến. Tuy nhiên, ngày càng có nhiều người tham gia vào internet, truyền hình và các loại hình truyền thông khác để tìm kiếm câu trả lời cho họ, nhất là ở các nước phát triển.<sup>45</sup> Trong kỷ nguyên kỹ thuật số, ảnh hưởng của các thể chế và cá nhân có thẩm quyền ngày càng giảm bớt.<sup>46</sup> Đồng thời, có quá nhiều thông tin trên internet khiến người ta dễ bị choáng ngợp bởi những gì bày ra trước mắt họ. Từ khóa “*God*” trên Google có thể cho ra hơn 2,5 tỷ kết quả.<sup>47</sup> Nếu tìm từ “พระเยซู” (tiếng Thái), có thể cho ra gần 17 triệu mục, và từ “Thiên Chúa” (tiếng Việt) cũng cho kết quả hơn 41 triệu mục. Khi tìm kiếm hình ảnh bằng từ khóa “*God*”, kết quả là những hình ảnh hỗn hợp về Thiên Chúa của Do Thái giáo – Kitô giáo và Chúa Giêsu xuất hiện trên màn hình, cùng với các vị thần của các tôn giáo khác cũng như hình ảnh của các nhân vật khác nhau trong những trò chơi điện tử. Hiện tượng bị tấn công bởi thông tin dư thừa như thế được gọi là quá tải thông tin. Antonio Spadaro bình luận: “Vấn đề ngày nay không phải là tìm được một thông điệp có ý nghĩa, nhưng là biết giải mã chúng, nhận ra nó trên cơ sở của biết bao thông điệp chúng ta nhận được.”<sup>48</sup> Do đó, mặc dù có dư thừa thông tin, nhưng trở trêu thay, trong kỷ nguyên kỹ thuật số, việc tìm kiếm Thiên Chúa lại có thể trở thành một kinh nghiệm đòi hỏi rất nhiều kiên nhẫn và sàng lọc qua vô số các loại dữ liệu mới tìm ra được điều mà người ta cần.

Mặc dầu vậy, người ta vẫn có thể không chắc rằng, nội dung mình đã tìm thấy có thực sự chính thống và bổ ích cho việc nuôi dưỡng tâm linh hay không. Như Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI nhận xét:

---

<sup>45</sup>Philip Clayton, “Theology and the Church after Google,” *Princeton Theological Review* 17, No. 2 (2010): 8

<sup>46</sup>Philip Clayton, “Theology and the Church after Google,” 14.

<sup>47</sup>Việc tìm kiếm này được thực hiện ngày 25/8/ 2020.

<sup>48</sup>Spadaro, *Cybertheology*, 23.



Thông thường xảy ra với các phương tiện truyền thông xã hội, ý nghĩa và hiệu quả của các hình thức biểu đạt khác nhau được quyết định bởi sự thịnh hành hơn là tầm quan trọng nội tại và giá trị của chúng. Và sự ưa chuộng thường gắn liền với người có danh tiếng hoặc với các chiến lược thuyết phục hơn là *logic* của biện luận.<sup>49</sup>

Hệ quả là nhận thức của một cá nhân về Thiên Chúa và mối tương quan với Ngài có thể bị định hình bởi một blog mà người đó theo dõi hơn là từ những trang web chính thức của Giáo hội, cho dù của Vatican hay giáo hội địa phương. Tuy nhiên, các ứng dụng internet đã tạo mẫu một cách thức để chúng ta tập trung hơn vào việc tìm hiểu về Thiên Chúa. Trong khi Google là một công cụ tìm kiếm theo cú pháp, nghĩa là dựa trên một số từ ngữ cụ thể có trong bản văn và hiển thị vô số kết quả, thì công cụ tìm kiếm theo ngữ nghĩa lại hoạt động trên một *logic* khác. Công cụ tìm kiếm theo ngữ nghĩa có xét đến mục tiêu và ngữ cảnh của thuật ngữ được sử dụng.<sup>50</sup> Nó cố gắng giải nghĩa suy nghĩ của người đang tìm kiếm và cung cấp thông tin họ cần. Ví dụ, khi đánh câu “*Who is Jesus*” vào công cụ tìm kiếm Google, kết quả xuất hiện trên đầu danh sách là những trang web có những từ khóa tương ứng. Tuy nhiên, khi cũng tìm kiếm như thế bằng ứng dụng WolframAlpha, một công cụ tìm kiếm theo ngữ nghĩa thì kết quả xuất hiện không phải là một danh sách các trang web, nhưng là một tấm hình và một loạt thông tin căn bản về Chúa Giêsu như ngày sinh, nơi sinh, ngày và nơi qua đời. Từ thông tin sẵn có trên web, nó cũng kê khai những biến cố quan trọng trong cuộc đời Chúa Giêsu. Lối hoạt động của ứng dụng WolframAlpha cũng như các công cụ tìm kiếm dựa trên ngữ nghĩa khác xem ra tiết kiệm công sức và thời gian hơn cho người sử dụng.

Tuy nhiên, không may là trong khi Google thường cho quá nhiều thông tin, thì công cụ tìm kiếm theo ngữ nghĩa thì không thể cung cấp câu trả lời cho mọi câu hỏi của người dùng. Ví dụ khi tìm kiếm “*Where can I find God*” (Tôi có thể tìm thấy Thiên Chúa ở đâu?) thì ứng dụng cho

<sup>49</sup> Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI, Sứ điệp ngày Thế giới Truyền thông 2013.

<sup>50</sup> Wikipedia, “Semantic Search,” [https://en.wikipedia.org/wiki/Semantic\\_search](https://en.wikipedia.org/wiki/Semantic_search).

thông báo “Wolfram/Alpha không hiểu câu hỏi của bạn”, chứ không có câu trả lời đại loại như “Bạn có thể tìm thấy Chúa trên thiên đàng” hay “Bạn có thể gặp Chúa trong tâm hồn”. Cũng vậy, khi hỏi “*Does God exist?*” (Thiên Chúa có hiện hữu không?) thì nhận câu trả lời sau: “Xin lỗi, một công cụ tri thức máy tính nghèo nàn, dù mạnh đến đâu cũng không thể trả lời cho câu hỏi này được.”

*Logic* của hai loại công cụ tìm kiếm cho thấy những cách thức khác nhau để con người có thể tìm hiểu về Chúa – một cái mang tính ngẫu nhiên, phụ thuộc chủ yếu vào sự tình cờ, cái còn lại có chủ đích, tập trung và chính yếu. Không may là một hình thức thì có thể cho quá tải thông tin; nhưng hình thức còn lại thì chẳng có thông tin gì cả. Thực tế của thời đại kỹ thuật số nhắc chúng ta nhớ rằng việc tìm kiếm về Thiên Chúa trong môi trường này có thể vừa thú vị vừa gây hoang mang. Một hành trình tìm Chúa sinh hoa kết trái dường như phụ thuộc vào năng lực của người biết cân bằng giữa việc để mọi thứ diễn ra một cách ngẫu nhiên với việc đặt ra những câu hỏi quá hạn hẹp làm mất đi khả năng có những khám phá bất ngờ.

Kỷ nguyên kỹ thuật số không chỉ giúp đưa ra những cách thức mới để tìm gặp Chúa hiện diện trong thế giới, mà còn cung cấp những phương tiện để tìm kiếm Người bằng những cách vượt ra khỏi kênh truyền thống (như hàng phẩm trật hay cha xứ). Trong bối cảnh châu Á, internet tạo sự dễ dàng cho việc tìm hiểu về Chúa với những cách thức phong phú hơn, không chỉ ngang qua cha xứ hoặc các tu sĩ. Ở châu Á, Kitô giáo là một nhóm nhỏ, chiếm khoảng 4,5%.<sup>51</sup> Công giáo chỉ chiếm khoảng 3% dân số châu Á,<sup>52</sup> hơn 115 triệu người.<sup>53</sup> Hơn 63% người Công giáo châu Á sống ở Philippines và Đông Timor,<sup>54</sup> trong khi ở các nước khác thì Công giáo

---

<sup>51</sup> FABC Papers No.131, “A Glimpse at Dialogue in Asia,” 3.

<sup>52</sup> *Ibid.*

<sup>53</sup> James H. Kroeger, “An ‘Asian’ Dialogue Decalogue: Principles of Interreligious Dialogue from Asia’s Bishops,” <http://www.lst.edu/academics/landas-archives/353-an-qasianq-dialogue-decalogue-j-kroeger-mm>.

<sup>54</sup> FABC Papers No.131, 3.

chiếm chưa đầy 1% dân số.<sup>55</sup> Thái Lan có khoảng 300,000 người Công giáo<sup>56</sup> trong số 67 triệu dân, còn Campuchia có khoảng 20,000 người Công giáo<sup>57</sup> trên tổng số 15 triệu dân. Việc tìm hiểu về Chúa và duy trì mối tương quan thân thiết với Người ở châu Á không chỉ bị thách đố bởi phương tiện giới hạn của Giáo hội nhưng còn vì ảnh hưởng sâu rộng của môi trường văn hóa tôn giáo nơi mà các Kitô hữu sinh sống.

Tiếp cận với internet tạo cơ hội để việc tìm kiếm này được thuận lợi hơn và mối tương quan với Chúa được nuôi dưỡng bằng những cách thức mới, khác với những gì sẵn có. Người Công giáo ở các vùng quê xa xôi có thể tìm được những tài liệu thiêng liêng hữu ích, khác với những bài giảng mà cha xứ lặp đi lặp lại, nhất là những vị không chỉ giảng Lời Chúa nhưng còn bỏ ra thêm thời giờ trong Thánh Lễ để dạy dỗ đủ điều về các vấn đề trong xứ đạo. Trong đợt dịch Covid-19 đầu tiên ở Việt Nam, khi các nhà thờ buộc phải đóng cửa, người Công giáo Việt Nam ở mọi lứa tuổi phải dự lễ online. Và nó trở thành một cơ hội cho nhiều người Công giáo lớn tuổi ở các vùng xa đã quen với việc dự lễ hằng ngày ở nhà thờ xứ được dự lễ trực tuyến lần đầu tiên qua điện thoại hay truyền hình thông minh. Có thể thấy nhiều người không chỉ dự lễ trực tuyến của giáo phận hay giáo xứ mình, nhưng cũng xem lễ được cử hành bởi các giáo xứ và giáo phận khác nữa.

Ngoài việc tạo cơ hội cho người Công giáo ở những làng quê nhỏ bé tiếp cận nhiều hơn với tài liệu thiêng liêng, internet cũng giúp các linh mục, tu sĩ, chủng sinh có thêm các nguồn tài liệu cho sứ vụ. Tôi từng được mời đi dạy học một số môn trong Đại chủng viện của Lào tại thành phố Thakhek. Khi vào trong thư viện, tôi nhận thấy nguồn tài liệu Kinh Thánh và thần học bằng tiếng Anh hay tiếng Lào đều rất giới hạn. Vì thế, các chủng sinh có nhu cầu học tập hay chuẩn bị bài suy niệm Lời Chúa để chia sẻ với người dân buộc phải dùng internet như công cụ hỗ trợ. Tại

---

<sup>55</sup> Kroeger, “An ‘Asian’ Dialogue Decalogue.”

<sup>56</sup> Udomsarn, “How Many Thai Catholics Are There Really?”  
<http://www.thaicath.net/diarybible/cathsuebsiri/word/ewnew05.htm>.

<sup>57</sup> Wikipedia, “Roman Catholicism in Cambodia,”  
[https://en.wikipedia.org/wiki/Roman\\_Catholicism\\_in\\_Cambodia](https://en.wikipedia.org/wiki/Roman_Catholicism_in_Cambodia).

Thái Lan, nhiều Phật tử và những người muốn theo đạo Kitô giáo tham gia vào nhóm Facebook và các diễn đàn do một số giáo dân lập ra để trao đổi những vấn đề về đức tin.<sup>58</sup> Với sự hỗ trợ của internet, người ta có thể dễ dàng tiếp cận với Thiên Chúa hơn và các hình ảnh về Chúa được giới thiệu phong phú, đa dạng hơn.

Vì thế, người châu Á tìm kiếm, nhận thức và duy trì mối tương quan với Thiên Chúa ra sao có lẽ chịu ảnh hưởng nhiều bởi môi trường kỹ thuật số hiện đại giúp cho những việc đó thuận lợi hơn. Tuy nhiên, việc tìm hiểu về Thiên Chúa trong thời đại kỹ thuật số chẳng hứa hẹn dễ tiếp cận được chân lý hơn khi mà trên mạng có sẵn cả kho thông tin, và không phải dữ liệu nào cũng dẫn ta đi đúng hướng hay cung cấp nguồn dinh dưỡng cần thiết cho đời sống đức tin. Hơn bao giờ hết, việc tìm kiếm Thiên Chúa và vun trồng mối tương quan với Ngài đòi hỏi sự chủ động, cẩn trọng và kiên trì. Hình ảnh và cách tương quan mà một người xây dựng với Thiên Chúa không thể được chỉ định từ cấp trên như trong quá khứ nữa. Trong thời đại số, mỗi người phải biết trách nhiệm hơn với nhiệm vụ tâm linh của mình. Bên cạnh đó qua sự hiện diện và tham dự của từng người vào môi trường kỹ thuật số, họ cũng có thể góp phần vào cách người khác nhận ra và hiểu biết về Thiên Chúa.

## **Tương quan liên vị trong thời đại kỹ thuật số**

Kể từ khi loại hình Web 2.0 ra đời, người dùng được trải nghiệm chuyển đổi từ việc xem thông tin cách thụ động sang việc tạo nội dung, tương tác và cộng tác với những người dùng khác,<sup>59</sup> không chỉ tập trung nhận hoặc trao đổi thông tin nhưng hướng đến tương quan nhân bản.

---

<sup>58</sup> Theo người quản trị diễn đàn “New Manna”, có hàng chục người đã theo Kitô giáo một phần vì tham gia diễn đàn này. <http://www.newmana.com/phpbb/index.php>.

<sup>59</sup> Thuật ngữ Web 2.0 được Tim O'Reilly và Dale Dougherty đưa ra tại Hội nghị O'Reilly Media năm 2004. Những điển hình của Web 2.0 là mạng xã hội, blog, wiki, folksonomies, web chia sẻ video, các dịch vụ lưu trữ, các ứng dụng Web và mashup

Không giống các trang web truyền thống dựa trên chữ, trong đó các nhóm tin tức, danh sách thư từ không làm nổi bật được khía cạnh tương quan của người dùng, các nền tảng mạng xã hội nhắm đến việc đặt mối tương quan ở trung tâm. Trong mô hình mới này, khái niệm sự hiện diện (*presence*) được thay bằng kết nối (*connection*) hay kết nối hỗ tương (*interconnection*). Nếu không có sự kết nối hỗ tương giữa chúng ta và người khác trên internet, chúng ta chỉ là những thực thể đơn lẻ trên không gian mạng. Thật ra trên Facebook, người dùng có tùy chọn hoặc trở thành “bạn bè” của người khác nếu người đó có trang cá nhân (*profile page*), hoặc trở thành “người hâm mộ” của ai đó nếu họ có *fan page*. Mặc dù Facebook, Tiktok và WeChat thuộc nhóm những mạng xã hội phổ biến nhất hiện nay, vẫn có hàng trăm mạng xã hội khác được xây dựng để đáp ứng các mục đích, sở thích và văn hóa khác nhau...<sup>60</sup>

Dẫu rằng mô hình web mới nhấn mạnh đến tương quan, nhưng các tương quan trong môi trường này luôn luôn bị giới hạn, vì tính đa chiều của các tương quan luôn bị “san phẳng” cách nào đó bởi bản chất của công nghệ. Hệ quả là trên Facebook, bạn cùng lớp, ông bà, cha xứ ở ngoài đời thực cũng như những người ở một quốc gia mà chúng ta chưa gặp bao giờ cũng đều bị thu gọn trong một danh mục “bạn bè”. Còn trên Twitter, tất cả những người chúng ta nối kết đều là “người theo dõi” chúng ta. Cách nào đó những từ ngữ này không chỉ bỏ qua bản chất thực sự của mối tương quan giữa chúng ta và một người nào đó cụ thể nối kết với chúng ta, nhưng chúng còn làm sai lệch và bóp méo ý nghĩa của từ “bạn bè” hay “người theo dõi”. Theo Brett McCracken, trong thế giới Facebook, người ta chọn “bạn bè” như một thứ đồ sưu tầm để xây dựng hình ảnh và vị thế xã hội của chính mình. Người ta “kết bạn” trên Facebook hay “theo dõi” ai đó trên Twitter với chủ đích và theo chiến lược, và chúng ta đăng gì đó lên

---

<sup>60</sup> Wikipedia cung cấp một danh sách vô tận những mạng xã hội đang hiện hành hoặc không còn tồn tại trên toàn thế giới, [https://en.wikipedia.org/wiki/List\\_of\\_social\\_networking\\_trang\\_webs](https://en.wikipedia.org/wiki/List_of_social_networking_trang_webs).

tường của họ hay gắn thẻ họ trong một bài đăng để công khai hóa mối tương quan đó cho mọi người đều biết.<sup>61</sup>

McCracken bình luận rằng cách người ta đưa các mối tương quan công khai lên thế giới trực tuyến, chia sẻ rộng rãi những thông tin đáng lẽ nên giữ “nội bộ”, và quản lý vi mô các mối tương quan xã hội bằng các bài đăng trên tường của mình hay trạng thái của người khác tạo nên những hành động giả tạo, “mang tính biểu diễn”, làm giảm giá trị các mối tương quan.<sup>62</sup> Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI cảnh báo trong Sứ điệp ngày Thế giới Truyền thông năm 2009: “Tình bạn đích thực là một trong những điều tốt đẹp nhất mà con người được trải nghiệm. Vì thế cần phải cẩn trọng, đừng bao giờ tầm thường hóa khái niệm hay kinh nghiệm về tình bạn.”<sup>63</sup> Cũng trong sứ điệp ấy, Đức Thánh Cha nhắc đến nguy cơ đầu tư thời gian và năng lực vào những mối quan hệ trực tuyến trong khi quên sót việc nuôi dưỡng các mối tương quan khác trong đời sống:

Thật đáng buồn nếu cái giá phải trả để duy trì và phát triển tình bạn trực tuyến lại là hy sinh sự gắn kết với gia đình, láng giềng và những người chúng ta gặp gỡ trong đời thường, nơi chúng ta làm việc, học hành và giải trí. Nếu bị ám ảnh bởi ước muốn kết nối ảo, người ta có thể cô lập chính mình khỏi những tương tác xã hội thực sự, đồng thời làm xáo trộn thời gian nghỉ ngơi, thỉnh lặng và suy tư cần thiết cho sự phát triển nhân bản cách lành mạnh.<sup>64</sup>

Quan điểm này dựa trên tư tưởng rằng việc nuôi dưỡng các mối tương quan thực sự cần đến chiều kích tiếp xúc cá nhân và thể lý mà không gian mạng không thể cung cấp. Cả Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI và vị tiền nhiệm của ngài là Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đều nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc tiếp xúc trực tiếp giữa con người trong mỗi tương

<sup>61</sup> Brett McCracken, “The Separation of Church and Status: How Online Social Networking Helps and Hurts the Church,” *Princeton Theological Review* 17, No. 2 (2010): 26

<sup>62</sup> *Ibid.*, 27

<sup>63</sup> Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI, Sứ điệp ngày Thế giới Truyền thông 2009, [http://w2.vatican.va/content/benedict-xvi/en/messages/communications/documents/hf\\_ben-xvi\\_mes\\_20090124\\_43rd-world-communications-day.pdf](http://w2.vatican.va/content/benedict-xvi/en/messages/communications/documents/hf_ben-xvi_mes_20090124_43rd-world-communications-day.pdf).

<sup>64</sup> *Ibid.*

quan hằng ngày, như đề cập trong các sứ điệp Ngày Thế giới Truyền thông của các ngài.<sup>65</sup> Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II nhận định: “Các mối tương quan qua trung gian điện tử không bao giờ có thể thay thế sự tiếp xúc trực tiếp giữa người với người.”<sup>66</sup>

Bất chấp những giới hạn của các mối tương quan qua web, thực tế và sự phổ biến của các tương quan đó mời gọi chúng ta không loại bỏ chúng hoàn toàn, nhưng cố gắng nhận biết sự tồn tại của chúng, cũng như tìm cách mở rộng những phạm vi hiện tại để thấu hiểu ý nghĩa đích thực của việc xây dựng mối tương quan với người khác cũng như gọi ai đó là người thân cận của mình. Mặc dù ba vị Giáo Hoàng gần nhất đều mời gọi cảnh giác với các mối quan hệ trực tuyến, tất cả ba vị đều hiểu rõ hoàn cảnh thực tế cũng như những cơ hội do những tương quan này có thể tạo ra. Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI khẳng định rằng hình thức “chuyển tải thông tin và kiến thức này làm nảy sinh cách thức mới để học hỏi và tư duy, với những cơ hội bất ngờ để thiết lập các tương quan và xây dựng tình bằng hữu.”<sup>67</sup> Nó không chỉ tạo điều kiện cho người ta đến với nhau, nhưng còn hỗ trợ việc loan báo Tin Mừng. Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI kêu gọi các linh mục đang đứng “trước ngưỡng cửa của thời đại mới khi những công nghệ mới tạo ra các hình thức tương quan sâu xa hơn và vượt qua những khoảng cách lớn hơn, hãy đáp ứng mục vụ bằng cách sử dụng truyền thông cách hữu hiệu hơn bao giờ hết cho việc phục vụ Lời Chúa.”<sup>68</sup>

---

<sup>65</sup> Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI, Sứ điệp ngày Thế giới Truyền thông 2011, [https://w2.vatican.va/content/benedict-xvi/en/messages/communications/documents/hf\\_ben-xvi\\_mes\\_20110124\\_45th-world-communications-day.html](https://w2.vatican.va/content/benedict-xvi/en/messages/communications/documents/hf_ben-xvi_mes_20110124_45th-world-communications-day.html).

<sup>66</sup> Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, Sứ điệp ngày Thế giới Truyền thông 2002, [http://w2.vatican.va/content/john-paul-ii/en/messages/communications/documents/hf\\_jp-ii\\_mes\\_20020122\\_world-communications-day.html](http://w2.vatican.va/content/john-paul-ii/en/messages/communications/documents/hf_jp-ii_mes_20020122_world-communications-day.html).

<sup>67</sup> Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI, Sứ điệp ngày Thế giới Truyền thông 2011.

<sup>68</sup> Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI, Sứ điệp ngày Thế giới Truyền thông 2010, [https://w2.vatican.va/content/benedict-xvi/en/messages/communications/documents/hf\\_ben-xvi\\_mes\\_20100124\\_44th-world-communications-day.html](https://w2.vatican.va/content/benedict-xvi/en/messages/communications/documents/hf_ben-xvi_mes_20100124_44th-world-communications-day.html).

Từ một góc nhìn cởi mở, chúng ta có thể nhận ra rằng các tương quan trực tuyến không luôn có nghĩa là ước muốn thoát khỏi những mối tương quan thực sự của đời sống, nhưng ngược lại, nói lên khát vọng sâu xa của con người là được giao tiếp với người khác. Các ứng dụng internet đa dạng giúp mọi người tham gia xây dựng các mối tương quan, chia sẻ thông tin, trao đổi ý tưởng, tạo ra các hình thức giải trí mới, có thể nói được là phản ánh khát vọng nối kết có gốc rễ sâu xa trong tâm hồn con người.<sup>69</sup> Chúng cũng thể hiện nhu cầu mở lòng ra với người khác và tìm sự hiệp thông với họ, một hành động giúp hoàn thành nhân tính của chúng ta.<sup>70</sup> Thời đại kỹ thuật số và các loại tương quan có thể xây dựng trong môi trường này buộc chúng ta tái duyệt xét và định nghĩa thế nào là một người bạn và thân cận.

Dụ ngôn về người Samari nhân hậu của Chúa Giêsu cho chúng ta thấy rằng việc xem ai là người thân cận không dựa trên chủng tộc hay địa vị xã hội, nhưng dựa trên sự mở lòng của chúng ta trước người khác. Trong dụ ngôn, một người Do Thái bị tấn công và bị cướp trên đường từ Giêrusalem đi Giêricô. Mặc dù anh ta nằm dờ sống dờ chết bên vệ đường, cả thầy tư tế và Lêvi đều đi ngang qua mà không đoái hoài. Cuối cùng, một người Samari tình cờ đi ngang qua chỗ nạn nhân và đã sẵn sàng tiến lại gần để chăm sóc và cứu nạn nhân khỏi nguy kịch. Trong xã hội Do Thái, người Samari bị coi thường và tương quan với họ là điều cấm kỵ, trong khi đó các thầy tư tế và Lêvi lại được rất kính trọng, vì họ thuộc tầng lớp người có học thức và quyền lực. Tuy nhiên, trong dụ ngôn, họ đã thất bại trong việc giúp đồng loại của mình, còn người Samari lại biểu tỏ được lòng trắc ẩn và thương xót với nạn nhân, vượt xa những gì người ta mong đợi nơi anh.

Dụ ngôn người Samari tốt lành trình bày một mô hình tương quan không bị giới hạn bởi những biên giới nhân tạo do các chuẩn mực văn hóa, xã hội, đạo đức hay tôn giáo áp đặt. Hơn nữa, dụ ngôn ấy còn nhấn mạnh đến những khả năng tạo tương quan của một con tim thấm nhuần

---

<sup>69</sup> Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI, Sứ điệp ngày Thế giới Truyền thông 2013.

<sup>70</sup> Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI, Sứ điệp ngày Thế giới Truyền thông 2009.



lòng bác ái, trắc ẩn và xót thương. Mặc dù câu chuyện được Chúa Giêsu kể từ hai thiên niên kỷ trước, mô hình tương quan mà Ngài đề nghị vẫn không mất đi giá trị của nó qua mọi thời đại, ngay cả trong thời đại kỹ thuật số hiện nay. Nếu có khác thì chỉ là thời đại kỹ thuật số với những cơ hội và giới hạn có thể giúp chúng ta suy nghĩ về mô hình tương quan trong những cách thức mới. Không gian mạng là nơi mọi người trên thế giới với các bối cảnh văn hóa, tôn giáo và xã hội đa dạng có thể đến với nhau và tham gia vào sự trao đổi và chia sẻ hỗ tương; việc xây dựng rộng rãi các mối tương quan trên mạng cũng có thể biện minh cho lập luận rằng, nhu cầu hiệp thông của con người có khả năng và buộc phải vượt qua mọi trở ngại và rào cản. Nếu tương quan không nên bị giới hạn bởi yếu tố văn hóa, giới tính hay xã hội thì chúng cũng không nên bị kìm hãm bởi khoảng cách dù là vật lý hay kỹ thuật số.

Thời đại kỹ thuật số làm nổi bật mong muốn có người thân cận dù ở bất cứ tuổi nào. Có một số người cho rằng bạn tâm với các mối tương quan trực tuyến cản trở chúng ta tìm hiểu về những người sống trong cùng khu phố và ngay cả người đang sống cạnh nhà chúng ta. Tuy nhiên, cũng cần phải đặt câu hỏi: Liệu mối bạn tâm với tương quan trực tuyến là nguyên do gây ra khoảng cách với người hàng xóm bên cạnh, hay đó chỉ là kết quả phản ánh về một xã hội mà có nhiều người không hay biết tên người hàng xóm dù đã sống nhiều năm bên cạnh họ? Và vì thế người ta buộc phải đi tìm mối tương quan ở môi trường khác để thay thế cái mà người ta không tìm ra được trong không gian vật lý?

Đây là vấn đề được gọi là “con gà và quả trứng” – cái nào có trước? Vào những năm cuối của thập kỷ vừa qua, các ứng dụng mạng xã hội dựa trên vị trí Foursquare và Gowalla đã được phát hành. Foursquare là một ứng dụng thông qua mô tả của chính người dùng về sở thích và những nơi thường lui tới cũng như phản hồi của người dùng khác để đưa ra đề xuất về các địa điểm trong khu vực hiện hành.<sup>71</sup> Gowalla, ra đời năm 2007 và đóng lại năm 2012, là một ứng dụng cho phép người dùng check-in những

---

<sup>71</sup> Wikipedia, “Foursquare,” <https://en.wikipedia.org/wiki/Foursquare>.

địa điểm mà họ đến.<sup>72</sup> Gowalla sau đó đã được Facebook mua lại,<sup>73</sup> và từ khi đó chức năng check-in đã trở thành một trong những chức năng thịnh hành nhất của Facebook. Việc check-in trên mạng xã hội tiết lộ rõ ràng cho tất cả “bạn bè” của chúng ta biết sự hiện diện của chúng ta ở một địa điểm cụ thể, tạo điều kiện cho những cuộc gặp gỡ trực tuyến và cả thể lý nữa.<sup>74</sup> Do đó, việc check-in có thể giúp những người bị xa cách về địa lý hay thiếu thông tin đến với nhau để cùng uống cà phê, xem phim hay hẹn hò nữa. Antonio Spadaro đặt vấn đề: “Cái gì khiến cho người ta liên tục xâm phạm quyền riêng tư của mình để đưa thông tin về sự di chuyển của mình lên thế giới kỹ thuật số của họ?”<sup>75</sup> Spadaro tự trả lời: “Dĩ nhiên điều này diễn tả ước muốn gần gũi, một ước muốn đem thế giới các mối tương quan của chính mình lên mức độ tiếp xúc *thực sự*” (tác giả thêm chữ in nghiêng).<sup>76</sup> Thật vậy, các ứng dụng mạng xã hội khai thác chức năng định vị và check-in cho thấy rằng trong nền văn hóa đương đại, mong muốn sâu xa có những tương quan ý nghĩa và hiệp thông với người khác tiếp tục định hướng cho sự phát triển công nghệ. Cách nào đó, những tiến bộ kỹ thuật này giúp chúng ta đương đầu với và bù đắp cho thực trạng ngày càng khó tìm được cơ hội để dừng lại trước sân nói chuyện với người hàng xóm hay quy tụ bạn bè, gia đình thường xuyên sau giờ làm việc hay vào dịp cuối tuần.

Mô hình tương quan trong dụ ngôn người Samari nhân hậu nhắc nhở một điều quan trọng là trở nên người thân cận đòi chúng phải hành xử cách thân cận. Trở nên thân cận rõ ràng là nói về một điều sâu xa hơn là sự gần gũi về mặt thể lý hay sự tham gia vào các cuộc tiếp xúc trực tiếp. Nó nói đến cách chúng ta đối xử với nhau, đặc biệt trong lúc khó khăn hoạn nạn. Môi trường kỹ thuật số không chỉ giúp chúng ta có thể giữ liên lạc với nhiều người hơn trong xã hội truyền thống, mà còn biết nhiều hơn về đời sống của biết bao người trên thế giới. Thuật ngữ “từ thiện lan

---

<sup>72</sup> Wikipedia, “Gowalla,” <https://en.wikipedia.org/wiki/Gowalla>.

<sup>73</sup> *Ibid.*

<sup>74</sup> Spadaro, *Cybertheology*, 33.

<sup>75</sup> *Ibid.*, 34

<sup>76</sup> *Ibid.*

truyền” (*viral philanthropy*) hay “bác ái lan truyền” (*viral charity*) ra đời trong thời đại internet để mô tả những sáng kiến bác ái trên thế giới trực tuyến, dù có kế hoạch hay tự phát, đã quyên góp được những số tiền khổng lồ cho cá nhân và nhóm người, đôi khi hơn rất nhiều so với mục tiêu ban đầu của kế hoạch. Trong đại dịch Covid-19, một khách hàng nữ của cà phê Starbucks ở San Diego, California cố tình hạ nhục nhân viên pha chế tên là Lenin Gutierrez trên tài khoản Facebook sau khi anh ta từ chối phục vụ cô, vì cô không đeo khẩu trang theo quy định của công ty. Bài đăng của cô ấy đã thu hút hàng trăm nghìn lượt bình luận, nhưng hầu hết để bảo vệ Gutierrez. Cùng lúc đó, vào ngày 22/06/2020, một cư dân mạng tên là Matt Cowan thuộc Irvine, California, người không biết nhân viên pha chế kia, đã quyết định lập một hộp tiền thưởng trên trang mạng xã hội GoFundMe với tiêu đề “Thưởng cho Lenin đã đấu tranh với San Diego Karen.”<sup>77</sup> Dù mục tiêu ban đầu là quyên góp số tiền thưởng 1.000 USD, nhưng trên thực tế, số tiền thu được cho đến ngày 20/08/2020 lại lên đến 105.000 USD.<sup>78</sup> Nhận được sự hỗ trợ đầy bất ngờ từ những người hoàn toàn xa lạ, Gutierrez cảm thấy vô cùng biết ơn. Trong một video đăng trực tuyến, nhân viên pha chế trẻ tuổi cho biết anh sẽ dùng số tiền đó để thực hiện ước mơ trở thành một vũ công và dạy múa cho các trẻ em. Sự việc kể trên xem ra đáng ngạc nhiên; tuy nhiên, trong thời đại mạng xã hội, sự việc các chiến dịch từ thiện bất ngờ lan truyền, thu góp được số tiền khổng lồ cho cá nhân và tổ chức ngày nay khá phổ biến.

Trong khi thời đại kỹ thuật số chứng minh sức mạnh và khả năng của tình đồng loại, nó vẫn chưa thể đáp ứng mô hình tương quan mà Chúa Giêsu đặt ra. Trong dụ ngôn, trước khi người Samari trả tiền nhà trọ cho

---

<sup>77</sup> Theo Wikipedia, “Karen” là từ mang tính tiêu cực được dùng ở Hoa Kỳ và các quốc gia nói tiếng Anh, để nói về một người nữ yêu cầu hay đòi hỏi điều gì vượt quá sự hợp lý hoặc cần thiết. Thường là người nữ da trắng dùng vị thế xã hội của mình để đòi hỏi cho mình những điều không thỏa đáng.  
[https://en.wikipedia.org/wiki/Karen\\_\(pejorative\)#:~:text=Karenper cent20isper cent20aper cent20pejorativeper cent20term,atper cent20theper cent20expenseper cent20ofper cent20others.](https://en.wikipedia.org/wiki/Karen_(pejorative)#:~:text=Karenper%20isper%20aper%20pejorativeper%20term,atper%20theper%20expenseper%20ofper%20others.)

<sup>78</sup> “Tips for Lenin Standing up to a San Diego Karen,”  
<https://www.gofundme.com/f/tips-for-lenin-standing-up-to-a-san-diego-karen>

nạn nhân giúp anh phục hồi, thì câu chuyện cho chúng ta biết rằng người Samari “đã nhìn thấy nạn nhân và động lòng trắc ẩn. Người đó lại gàn, băng bó những vết thương, xúc dầu và rượu, rồi đỡ nạn nhân lên lừa của mình, đưa về quán trọ săn sóc.”<sup>79</sup> Từ hành động của người Samari nhân hậu, chúng ta nhận ra rằng việc thực hiện hành động mang tính thân cận có ý nghĩa sâu xa hơn đơn thuần việc bỏ tiền ra để trợ giúp người túng thiếu. Chiếu theo những gì người Samari nhân hậu đã làm, rõ ràng tiền bạc không được xếp đầu tiên trong hệ thống thứ tự. Trở nên thân cận trong mô hình của Chúa Giêsu nghĩa là nhận biết sự hiện diện của ai đó, là nhìn thấy nỗi đau khổ của họ, là động lòng thương với họ. Hơn nữa, nó đòi hỏi cả chiều kích thể lý, như trong dụ ngôn thể hiện qua những hành động *đến gàn, băng bó vết thương, xúc dầu và rượu, đỡ nạn nhân lên lừa và đem về quán trọ*. Những hành động cụ thể, gàn gũi và trực tiếp này ngụ ý rằng những tương quan đích thực đòi hỏi các khía cạnh thể hiện khác ngoài các khía cạnh như tình cảm và tinh thần.

Theo Đức Thánh Cha Phanxicô, hình ảnh của người Samari chăm sóc người bị thương đã biểu lộ được ý nghĩa thực sự của tình thân.<sup>80</sup> Còn Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI nhắc chúng ta “Luôn luôn phải nhớ rằng tiếp xúc trực tuyến không thể và không được thay thế việc tiếp xúc trực tiếp giữa người với người ở mọi cấp độ của đời sống.”<sup>81</sup> Bởi lẽ chỉ trong giao tiếp trực tiếp, con người mới xúc dầu và rượu lên được vết thương của người khác, như trong trường hợp người Samari nhân hậu và nạn nhân người Do Thái, hay mới có thể rửa chân cho người khác như Chúa Giêsu rửa chân cho các môn đệ trong Bữa Tiệc Ly. Sự nối kết tình cảm và tinh thần giữa các cá nhân trong môi trường kỹ thuật số phải được bổ sung, cụ thể hóa và hiện thực hóa qua những biểu lộ diễn ra trong không gian thể lý.

<sup>79</sup> Luke 10:33-34 (NIV).

<sup>80</sup> Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Sứ điệp ngày Thế giới Truyền thông 2014, [https://w2.vatican.va/content/francesco/en/messages/communications/documents/papa-francesco\\_20140124\\_messaggio-comunicazioni-sociali.html](https://w2.vatican.va/content/francesco/en/messages/communications/documents/papa-francesco_20140124_messaggio-comunicazioni-sociali.html).

<sup>81</sup> Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI, “Sứ điệp ngày Thế giới Truyền thông 2011.”

Như chúng ta thấy, mặc dù môi trường kỹ thuật số đem lại những khía cạnh mới cho các tương quan liên vị, chúng vẫn có những giới hạn trong việc thể hiện các tương quan đó trong đời sống thực tế. Hơn nữa, khi các tương quan phụ thuộc nhiều vào sự phát triển của công nghệ và khả năng của con người được tiếp cận với nó, thì sẽ luôn luôn có nguy cơ sự tiếp cận ấy không được bình đẳng, dẫn đến chênh lệch giàu nghèo. Trong kỷ nguyên kỹ thuật số này, sự chênh lệch trong việc tiếp cận được gọi là “khoảng cách kỹ thuật số”, là một vấn đề thực tế trên thế giới cũng như tại Á châu. Người ta ước tính đến tháng 07 năm 2020, số người dùng internet trên thế giới là 4,7 tỷ, chiếm 59% dân số toàn cầu. Tuy nhiên vẫn còn có 41% dân số thế giới không tiếp cận được internet.<sup>82</sup> Những lý do dẫn đến thiếu tiếp cận internet bao gồm thiếu phủ sóng 4G, không thể trả phí dịch vụ, không có nội dung bằng ngôn ngữ mà người dùng có thể hiểu được. Khoảng cách kỹ thuật số dễ thấy trong bối cảnh châu Á. Trong khi Hàn Quốc, Brunei và Nhật Bản có tỷ lệ người dùng internet lần lượt là 96%, 95,3% và 93,8%, dẫn đầu cả ở châu Á lẫn thế giới, thì Bắc Hàn có tỷ lệ chỉ khoảng 0,1%. Afghanistan và Turmenistan có tỷ lệ người dùng internet là 18,8% và 20,9%.<sup>83</sup> Trong khi Singapore xếp thứ hai trên thế giới về Chỉ số sẵn sàng kết nối (NRI), Yemen lại xếp cuối danh sách. Pakistan, Nepal, Campuchia và Lào thuộc số 20 nước có điểm số NRI thấp nhất.<sup>84</sup>

Không chỉ có khoảng cách kỹ thuật số trong dân chúng nói chung, còn có khoảng cách lớn liên quan đến giới tính. Tại châu Á, tỷ lệ nam giới truy cập internet là 54,6% vượt nữ giới chỉ có 41,3%.<sup>85</sup> Khoảng cách kỹ thuật

---

<sup>82</sup> We Are Social, “Digital use around the world in July 2020,”

<https://wearesocial.com/blog/2020/07/digital-use-around-the-world-in-july-2020>.

<sup>83</sup> “Sử dụng Internet ở châu Á, 31 tháng Năm năm 2020”

<https://www.internetworldstats.com/stats3.htm>.

<sup>84</sup> “Chỉ số sẵn sàng kết nối NRI năm 2019 của các quốc gia,”

<https://networkreadinessindex.org/nri-2019-countries/#complete-ranking>.

<sup>85</sup> “Working towards closing the digital denger gap in Asia,” [Nỗ lực xóa bỏ khoảng cách kỹ thuật số theo giới tính ở châu Á], *Web Foundation* (03/04/2020), <https://webfoundation.org/2020/04/working-towards-closing-the-digital-gender-gap-in-asia/>

số theo giới tính không được cải thiện, mà còn tệ hơn trong những năm vừa qua. Theo Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU), từ 2013 – 2017, sự chênh lệch tăng từ 17% lên 24%. Indonesia, một trong các quốc gia thành viên ASEAN, có độ chênh lệch kỹ thuật số về giới tính cao nhất trong khối kinh tế APEC.<sup>86</sup> Độ chênh lệch này không chỉ do nghèo đói nhưng còn vì thái độ và hạn chế mang tính thể chế và văn hóa – xã hội gây cản trở người nữ tiếp cận và truy cập internet.

Những con số thống kê nêu trên cho thấy rằng các tương quan liên vị được hình thành và duy trì bằng công nghệ kỹ thuật số có liên quan đến công bằng xã hội, vì khoảng cách trong xã hội được thể hiện dưới hình thức mới – sự khác biệt giữa người có điều kiện và không có điều kiện để tiếp cận với công nghệ. Khoảng cách kỹ thuật số là khoảng cách giữa “giàu thông tin” và “nghèo thông tin”. Do đó, nếu công nghệ là trung gian đầu tiên cho các tương quan liên vị của chúng ta, thì rất có thể chúng ta chỉ tương tác với những người có tình trạng tương tự về xã hội và công nghệ như chúng ta. Những người “nghèo kỹ thuật số” trở thành những người ở đâu đó mà chúng ta có lẽ chỉ biết qua các bản báo cáo hay tin tức, nhưng không có cơ hội để biết về họ cách cá vị sâu xa hơn. Vì vậy, khoảng cách kỹ thuật số cản trở tiềm năng đưa mọi người thuộc mọi bối cảnh lại gần nhau của internet, nhất là ở lục địa Á châu.

\*\*\*

Bài viết này đào sâu hai khía cạnh cơ bản của thần học mạng ngang qua phần thảo luận về những cách chúng ta tương quan với Chúa và với anh em đồng loại trong kỷ nguyên số. Những bàn luận cho thấy internet và thần học mạng tạo điều kiện cho chúng ta thấu hiểu rằng, chúng ta có thể nhận thức về sự hiện diện của Thiên Chúa theo nghĩa ẩn dụ, thay vì giới

---

<sup>86</sup> “Digital divide is getting wider” [Khoảng cách kỹ thuật số theo giới tính ngày càng rộng], *Bangkok Post* (11 May 2020), <https://www.bangkokpost.com/opinion/opinion/1915812/digital-gender-divide-is-getting-wider>

hạn Ngài trong thời gian lẫn không gian. Trong khi khoa học với những khám phá về thời gian và không gian dường như loại trừ khả năng có thiên đàng như một nơi chốn xa xôi nào đó và khiến cho tín ngưỡng bình dân trở nên phi lý, thì công nghệ mới với không gian mạng được tạo ra bởi những con số vô hình, không đụng chạm được, lại cho chúng ta thấy rằng sự hiện diện thực sự và đích thực không đòi hỏi phải mang tính chất vật lý.

Phát minh mạng internet cũng giúp cho hình ảnh về Thiên Chúa trở nên phong phú hơn cho những người mong muốn tìm hiểu về Ngài, bởi lẽ nhận thức về Chúa thế nào không nhất thiết được định hình từ một nguồn tài liệu chính thức duy nhất của Giáo hội, hay theo tư tưởng của một cá nhân nào đó trong Giáo hội, nhưng đến từ vô số nguồn chính thống lẫn không chính thống. Bên cạnh những gì chúng ta hiểu về Chúa qua những bài giáo lý truyền thống, nhận thức của chúng ta về Chúa và mối tương quan với Ngài có thể chịu ảnh hưởng bởi các bài viết của những thần học gia chuyên môn và cả người viết blog nghiệp dư, các bài đăng của Đức Giáo Hoàng trên Twitter cũng như chứng từ của một người bạn trên mạng xã hội. Nếu như kỷ nguyên kỹ thuật số xác nhận thực tế rằng Thiên Chúa không thể bị giới hạn trong bất cứ yếu tố vật lý nào, thì nó cũng làm cho việc đóng khung Chúa trong bất kỳ tín điều hay học thuyết cụ thể nào trở nên khó thực hiện hơn bao giờ hết.

Bối cảnh mới cũng làm cho các biên giới truyền thống quanh các mối tương quan liên vị cũng được biến đổi đáng kể. Thời đại kỹ thuật số cho chúng ta thấy tinh thần không chỉ vượt trên điều kiện xã hội, văn hóa và tôn giáo, nhưng còn siêu vượt cả không gian vật lý và tự thể hiện trên không gian mạng bằng những cách rất chân thực và ý nghĩa. Không thể phủ nhận rằng những tương quan liên vị được nuôi dưỡng thực sự cần phải có một số mức độ biểu hiện. Như đã được chứng minh, khi được sử dụng cách nghèo nàn, môi trường kỹ thuật số sẽ cô lập con người và tạo ra một hình thức thoát ly; còn nếu được sử dụng cách khôn ngoan, nó lại trở thành những công cụ vô cùng hữu hiệu cho con người thực hiện ước vọng sâu xa nhất là được hiệp thông với người khác.

Đối với người Công giáo tại châu Á, môi trường kỹ thuật số có tiềm năng tác động đến mối tương quan của chúng ta với Thiên Chúa và với người khác cách sâu xa. Là thành phần tôn giáo thiểu số trong lục địa rộng lớn của các tôn giáo lớn trên thế giới, sống chung với những người thuộc các tín ngưỡng khác, việc tìm hiểu về Chúa và nhận thức về Ngài của người châu Á sẽ được phong phú hóa nhờ những gì internet cung cấp, thêm vào những điều kiện hiện nay hình thành nên niềm tin và tâm linh của chúng ta. Tuy nhiên, người châu Á phải nỗ lực để vượt qua thách đố về khoảng cách kỹ thuật số đang tách biệt người giàu – người nghèo, nam và nữ có nguy cơ làm mất đi tiềm năng của những tương quan liên vị. Thay vì giúp xóa bỏ những biên giới đang tồn tại giữa các cá nhân, khoảng cách kỹ thuật số có thể lại trở thành một hình thức khác làm người ta xa cách nhau.

Việc suy tư về những khía cạnh thần học đa dạng có nguồn cảm hứng và gắn liền với kỷ nguyên kỹ thuật số còn là một nhiệm vụ khá mới. Tuy nhiên, hoạt động này sẽ phát triển khi thế hệ các thần học gia mới là “những người nhập cư kỹ thuật số”, và đặc biệt là những “cư dân kỹ thuật số bản xứ” suy tư sâu xa hơn về ý nghĩa thần học của bối cảnh mới này. Dù vậy, nghiên cứu này đã cố gắng góp phần vào tiến trình suy tư có hệ thống khi xem xét môi trường kỹ thuật số do công nghệ tạo ra đã tích hợp vào đời sống con người ra sao, từ đó kêu gọi và cổ vũ cho nỗ lực hình thành nền thần học mạng trong tương lai một cách rõ nét hơn.



## Chương 5

# ĐỐI THOẠI LIÊN TÔN

Vào tháng 7 năm 2016, giữa chiến dịch tranh cử tổng thống ở Hoa Kỳ, khi mà Donald Trump và Hillary Clinton đang tranh giành một cách quyết liệt vị trí hàng đầu trong chính phủ của cường quốc số một thế giới, một bài báo xuất hiện dưới dạng một mẩu tin đã được phổ biến rộng rãi trên các phương tiện mạng xã hội nói rằng, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã gây chấn động thế giới khi tuyên bố ủng hộ Trump, ứng cử viên của Đảng Cộng hòa. Bài báo dẫn lời Đức Thánh Cha Phanxicô nói rằng, ngài cảm thấy phải thể hiện lập trường này vì nhận thức về trách nhiệm của người đứng đầu Tòa Thánh. Trên thực tế, cái gọi là tin tức này có nguồn gốc từ trang web *WTOE 5 News*, một trong vô số trang báo giả mạo thường tung ra các nội dung để phổ biến và gây nhầm lẫn cho công chúng. Mặc dù chỉ cần thực hiện việc kiểm chứng đơn giản thì có thể dễ dàng xác định rằng bài báo là một câu chuyện tin tức thất thiệt về một nhà lãnh đạo tôn giáo quan trọng, nhưng nó vẫn nhận được vô số lượt chia sẻ, dẫn đến việc đã có nhiều người Mỹ cũng như ở các nước khác tin rằng, người đứng đầu Giáo hội Công giáo La Mã sẽ thực sự đứng về một phía nào đó trong một chiến dịch chính trị ở Hoa Kỳ. Trong một cuộc họp báo ngày 2/10/2016, chính Đức Thánh Cha đã lần đầu tiên lên tiếng về chiến dịch tranh cử tổng thống tại Hoa Kỳ. Ngài nói, “Tôi không bao giờ nói một lời gì về các cuộc tranh cử.” Đức Thánh Cha cũng nói rằng, ngài cảm thấy một số “khó khăn” với cả hai ứng viên.<sup>1</sup> Tuy nhiên, đến tháng 11 năm 2016 thì bài tin giả này đã

---

<sup>1</sup> Hannah Ritchie, “Read all about it: The biggest fake news stories of 2016,” *CNBC* (30/12/2016), <https://www.cnbc.com/2016/12/30/read-all-about-it-the-biggest-fake-news-stories-of-2016.html>.

nhận được 960.000 tương tác, vượt xa số lượng tương tác của những bài tin tức thịnh hành nhất của các hãng thông tấn chính thống và có uy tín.

Việc có tin giả về Đức Thánh Cha Phanxicô ủng hộ ông Trump trong cuộc tranh cử tổng thống không phải là trường hợp cá biệt. Trước vụ liên quan đến ông Trump chỉ vài tháng, Hội đồng Giám mục Philippines đã phải lên tiếng bác bỏ thông tin lan truyền trên mạng xã hội cho rằng, Đức Thánh Cha đã bày tỏ sự ủng hộ đối với ông Rodrigo Duterte trong cuộc tranh cử tổng thống Philippines. Trong bài viết, Đức Thánh Cha được cho là “hâm mộ” ông Duterte và khen ông là người “thành thật”.<sup>2</sup> Tuy nhiên, đây không phải là lần duy nhất có tin giả về Đức Thánh Cha Phanxicô và vị tổng thống gây tranh cãi của Philippines. Tháng 6 năm 2018, trên trang blog *realspotnews.info* xuất hiện một bài viết trích dẫn lời của Đức Thánh Cha ca tụng ông Duterte rằng: “*He is the most popular leader, he did the right thing for your country and a blessing*” (Ông ta là một lãnh đạo được ưa chuộng nhất, ông đã làm điều đúng cho đất nước của bạn và là một hồng ân).<sup>3</sup> Trên thực tế, Tòa Thánh Vatican chưa bao giờ đưa ra bất cứ lời bình luận nào của Đức Thánh Cha về ông Duterte như được thuật lại trong bài viết.

Có một điều trở trêu là trong khi thời đại kỹ thuật số mang lại cho chúng ta rất nhiều phương tiện để giao tiếp và trao đổi thông tin, thì xu hướng tri thức của công chúng dường như lại hướng về những điều không đúng sự thật, những thông tin xuyên tạc và những cảm giác chủ quan hơn là hướng tới chân lý và sự thật khách quan. Các nhà xã hội học và triết học đã đặt cho lối tư duy trí tuệ hiện nay một cái tên là “hậu sự thật” (*post-truth*). Thuật ngữ “hậu sự thật” đã được Bộ từ điển *Oxford* công nhận là “từ của năm” vào năm 2016 sau khi tổ chức này nhận thấy sự gia tăng

---

<sup>2</sup> Aries Hegina, “CPCP: Pope Francis not endorsing Duterte,” *Inquirer* (24/3/2016), <https://newsinfo.inquirer.net/776078/cbcp-pope-francis-not-endorsing-duterte>

<sup>3</sup> Rappler, “HOAX: ‘Pope Francis called Duterte a blessing, a good leader,’” (27/6/2018),

<https://www.rappler.com/newsbreak/fact-check/hoax-pope-francis-calling-duterte-blessing-good-leader>

đáng kể trong việc sử dụng từ ngữ này vào năm 2015, với một con số đáng kinh ngạc là 2.000 phần trăm.<sup>4</sup> Hậu sự thật được định nghĩa là “liên quan đến hoặc biểu thị những trường hợp mà sự thật khách quan ít ảnh hưởng đến việc định hình dư luận so với việc hấp dẫn cảm xúc và niềm tin cá nhân.”<sup>5</sup> Định nghĩa này cho thấy rằng mặc dù sự thật không ngừng tồn tại, nhưng sự liên quan và ăn nhập của nó đối với suy nghĩ và cân nhắc của con người đã bị tổn hại nghiêm trọng. Thay vào đó, mọi người được khuyến khích đưa ra kết luận về các vấn đề không dựa trên những chứng cứ khách quan mà chủ yếu dựa trên cảm xúc cá nhân.

Các nhà xã hội học cho rằng một biểu hiện của tình trạng hậu sự thật là sự phổ biến vô số tin tức giả mạo về đủ loại vấn đề, từ chính trị đến tôn giáo, xã hội. Một số tin tức giả nhằm mục đích điều khiển dư luận theo hướng của một nhóm hoặc cá nhân nào đó, trong khi những tin tức khác chỉ đơn giản là những lời kích động, được đăng bởi những người bịa đặt ra để kiếm tiền (càng có nhiều người truy cập bài viết thì sẽ có thêm tiền từ quảng cáo trên trang). Có thể nói, khuynh hướng hậu sự thật có tác động quan trọng đối với sự hợp nhất của Giáo hội Công giáo và các mối quan hệ đại kết và đối thoại liên tôn của Giáo hội. Bài viết này bàn luận về cách ứng phó của Giáo hội Công giáo đối với tư duy hậu sự thật đang lan tràn trên thế giới như một loại dịch bệnh về mặt tri thức. Cụ thể, bài viết trình bày quan điểm rằng, sứ mệnh đối thoại liên tôn phải được Giáo hội tích cực thực hiện một cách có chủ động để chống lại tác động tiêu cực của tình trạng hậu sự thật trong xã hội thời nay.

---

<sup>4</sup> Amy B Wang, “‘Post-truth’ named 2016 word of the year by Oxford Dictionaries,” *Washington Post* (16/11/2016), <https://www.washingtonpost.com/news/the-fix/wp/2016/11/16/post-truth-named-2016-word-of-the-year-by-oxford-dictionaries/>.

<sup>5</sup> Oxford Dictionary, <https://languages.oup.com/word-of-the-year/2016/>.

## **Tin tức giả mạo trong kỷ nguyên hậu sự thật**

Một trong những đặc điểm nổi bật của thời kỳ hậu sự thật là sự tràn lan tin giả trên các phương tiện truyền thông, đặc biệt là trên các nền tảng trực tuyến. Khi tôn giáo là chủ đề của tin giả, nội dung thường liên quan đến một số vấn đề gây tranh cãi, chẳng hạn như sự xung đột giữa tôn giáo và xã hội thế tục, hoặc tôn giáo này chống lại tôn giáo khác. Chẳng hạn, tại Nigeria, quốc gia đông dân nhất châu Phi, các nhà phê bình và nhà nghiên cứu về truyền thông chỉ ra tin tức giả mạo và các chiến dịch truyền thông sai sự thật, là một trong những yếu tố chính góp phần vào sự phân chia dân tộc - tôn giáo đang diễn ra ở quốc gia này. Một đường ngăn cách đã được vẽ ra giữa miền bắc, chủ yếu là người Hồi giáo, và miền nam theo đạo Thiên Chúa; cả hai phía được giới truyền thông mô tả là đang cực lực đấu tranh nhằm giành quyền lực chính trị, xã hội và tôn giáo. Các nhà nghiên cứu nói rằng những mô tả sai trái như vậy không chỉ ảnh hưởng đến kết quả của các vấn đề chính trị như bầu cử quốc gia, mà còn đe dọa loại bỏ các phương tiện truyền thông chính thống, đáng tin cậy mà trước đây thường được người dân dựa vào để tìm thông tin.<sup>6</sup>

Chuyện diễn ra ở Nigeria không phải là cá biệt. Việc phổ biến tin tức giả đã được tạo điều kiện rất nhiều nhờ sự phát triển của công nghệ internet với những ứng dụng của nó, đặc biệt là các phương tiện truyền thông mạng xã hội. Với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT-TT), người ta có khả năng biến hóa tin tức giả mạo trở nên đáng tin cậy một cách nhanh chóng và tinh tế. Bên cạnh đó, cộng với sự thiếu nhận thức về truyền thông của một bộ phận công chúng là một phần nguyên do dẫn đến nhiều sự nhầm lẫn trong việc đánh giá thông tin. Năm 2016, Viện Giáo dục Sau đại học Stanford tại Hoa Kỳ (SHEG) đã tiến hành một nghiên cứu đối với các học sinh trung học và sinh viên đại học Mỹ về khả năng nhận biết các tin tức đáng tin cậy và không đáng tin cậy.

---

<sup>6</sup> AFP, “‘Fake News’ driving ethno-religious crisis in Nigeria” (14/4/2019), <https://www.france24.com/en/20190414-nigeria-buhari-fake-news-azikwe-islam-muslim-christianity>.

Các kết quả, theo lời nhận định của nhóm nghiên cứu, cho thấy rằng tình hình là rất "âm ảm". Trong phần tóm tắt của bài báo cáo, các nhà nghiên cứu đã viết:

“Những người bản xứ kỹ thuật số” (*digital natives*) của chúng ta có thể lướt qua lại giữa Facebook và Twitter, đồng thời tải ảnh tự chụp lên Instagram và nhắn tin cho bạn bè. Nhưng khi đánh giá thông tin truyền qua các kênh truyền thông mạng xã hội, họ rất dễ bị đánh lừa. Chúng tôi không thiết kế các bài thử thách của mình để loại bỏ điểm số hoặc khắt khe cho điểm để phân loại câu trả lời “tốt” và câu trả lời “tốt hơn”. Thay vào đó, chúng tôi đã cố gắng thiết lập một mức độ hợp lý, một mức hiệu suất mà chúng tôi hy vọng là trong tầm tay của hầu hết học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông và đại học... Nhưng trong mọi trường hợp và ở mọi cấp độ, chúng tôi đã rất ngạc nhiên vì sự thiếu chuẩn bị của các học sinh.<sup>7</sup>

Sau khi kết quả nghiên cứu đầu tiên được công bố rộng rãi, các nhà nghiên cứu của Đại học Stanford đã thực hiện một công trình nghiên cứu khác với 3.446 học sinh trung học Mỹ từ năm 2018 đến năm 2019. Trong nghiên cứu lần này, nhóm SHEG nhận thấy rằng kiến thức số (*digital literacy*) ở nhóm tuổi này vẫn ở mức quá thấp. Sam Wineburg, một trong những tác giả của báo cáo do SHEG phát hành đã nhận xét: “Nếu các kết quả có thể được tóm tắt trong một từ, tôi sẽ nói rằng học sinh của chúng ta rất đáng quan ngại (*troubling*).” Trong quá trình nghiên cứu, các học sinh đã được cho xem một số tin tức giả liên quan đến gian lận bầu cử để đánh giá. Việc các bạn trẻ đã không làm tốt công việc phân biệt giữa thông tin giả và thông tin thật khiến các nhà nghiên cứu lo ngại rằng, họ sẽ dễ dàng bị lừa gạt trong quá trình tiếp cận thông tin để thực hiện nghĩa vụ công dân trong cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ năm 2020.

---

<sup>7</sup> “Evaluating Information: The Cornerstone of Civic Online Reasoning,” *Stanford History Education Group*, <https://stacks.stanford.edu/file/druid:fv751yt5934/SHEG%20Evaluating%20Information%20Online.pdf> (22/11/2016).

Khả năng con người có thể đưa ra phán đoán chính xác về tính xác thực của các thông tin cũng gặp nhiều trở ngại do khối lượng thông tin khổng lồ được sản xuất trong từng giây phút. Vào năm 1982, R. Buckminster Fuller đã ước tính trong cuốn sách *Critical Path* của mình rằng, ở thời điểm năm 1900, phải mất khoảng một thế kỷ để kiến thức nhân loại tăng gấp đôi. Vào thời điểm cuốn sách được xuất bản, thời gian cho kiến thức nhân loại tăng gấp đôi đã giảm mạnh, chỉ còn khoảng một năm. Tuy nhiên, tập đoàn công nghệ IBM đã đưa ra một ước tính đáng kinh ngạc về tốc độ tăng gấp đôi vào năm 2020, đó là chỉ 12 giờ.<sup>8</sup> Điều này không khó hiểu khi chỉ riêng nền tảng Facebook mỗi phút có tới 317.000 lượt cập nhật trạng thái, 400 người dùng mới, 147.000 bức ảnh được tải lên và 54.000 liên kết được chia sẻ.<sup>9</sup> Điều gì đang gây ra sự bùng nổ kiến thức này trong xã hội hiện đại? Marc Rosenberg đưa ra 4 lý do chính:<sup>10</sup>

1. *Mạng lưới internet.* Với khoảng 50 tỷ thiết bị được kết nối với nhau, thông tin do những cỗ máy này tạo ra có thể vượt trội hơn hẳn thông tin do con người tạo ra.

2. *Dữ liệu lớn (Big Data).* Thông tin về mọi người và mọi thứ đang được thu thập và phân tích bằng các phương pháp phân tích dữ liệu hiện đại, với mục đích là tạo ra những hiểu biết quan trọng giúp đưa ra quyết định về tất cả các loại vấn đề liên quan đến nhân loại và thế giới.

3. *Tiến bộ của khoa học và phát minh.* Tốc độ bùng nổ của các khám phá và phát minh khoa học cũng góp phần rất lớn vào việc tăng tốc độ sản xuất thông tin.

---

<sup>8</sup> Modern Work Place Learning 2019 (14/5/2019), <https://www.modernworkplacelearning.com/cild/mwl/the-effect-of-information-explosion-and-information-half-life/>.

<sup>9</sup> Omnicore, “Facebook by the Numbers: Stats, Demographics, and Fun Facts,” (4/9/2019), <https://www.omnicoreagency.com/facebook-statistics/>.

<sup>10</sup> Marc Rosenberg, “The Knowledge Explosion,” Learning Solutions (10/10/2017), <https://learningsolutionsmag.com/articles/2468/marc-my-words-the-coming-knowledge-tsunami>

4. *Một xã hội hợp tác, chia sẻ tri thức.* Bản chất hợp tác của các cá nhân và nhóm làm việc trên toàn thế giới dẫn đến việc chia sẻ và sản xuất thông tin nhiều hơn.

Cần lưu ý rằng bên cạnh sự bùng nổ thông tin, các chuyên gia cũng đã chỉ ra sự sụt giảm tương ứng trong chu kỳ bán rã (*half-life*) của kiến thức, được định nghĩa là “khoảng thời gian mà một nửa kiến thức hoặc dữ kiện trong một lãnh vực cụ thể được thay thế hoặc chứng minh là không còn đúng sự thật.”<sup>11</sup> Trong cuốn sách có tựa đề *Nửa đời của sự thật: Tại sao mọi thứ chúng ta biết đều có ngày hết hạn*, Samuel Arbesman giải thích:

Các dữ kiện, khi được xem như một khối kiến thức lớn, cũng có thể dự đoán được [như chất phóng xạ]. Dữ kiện có chu kỳ bán rã: Chúng tôi có thể đo lường thời gian để lật lại một nửa kiến thức của một chủ đề. Tồn tại một môn khoa học khám phá tốc độ mà dữ kiện mới được tạo ra, công nghệ mới được phát triển và thậm chí cả cách các dữ kiện được lan truyền. Sự thay đổi kiến thức có thể được hiểu một cách khoa học.<sup>12</sup>

Các dữ kiện, khi được xem xét trong các lĩnh vực cụ thể của chúng, có “chu kỳ bán rã” (*half-life*) khác nhau. Ví dụ, các dữ kiện toán học sẽ duy trì chu kỳ bán rã dài hơn các dữ kiện y học. Ngược lại, các dữ kiện trong lĩnh vực khoa học xã hội có xu hướng phân rã với tốc độ nhanh hơn nhiều so với các dữ kiện khoa học vật lý.<sup>13</sup> Một số dữ kiện như số lục địa trên trái đất không thay đổi qua hàng triệu năm trong khi các dữ kiện khác, chẳng hạn như tổng dân số của các thành phố và quốc gia thì thay đổi liên tục. Tuy nhiên, khi xem xét tổng thể, không thể phủ nhận rằng kiến thức cũng có ngày hết hạn.

Trước tốc độ phát triển không thể tưởng tượng của thông tin, một số trong số đó là sai sự thật trắng trợn, và một số trong số đó có thể được coi

<sup>11</sup> Wikipedia, “Half-Life of Knowledge,” (21/9/2019), [https://en.wikipedia.org/wiki/Half-life\\_of\\_knowledge](https://en.wikipedia.org/wiki/Half-life_of_knowledge).

<sup>12</sup> Samuel Arbesman, *The Half-Life of Facts: Why Everything We Know Has an Expiration Date* (New York: Penguin Group, 2013): Kindle

<sup>13</sup> The Economist, “The Half-Life of Facts: Q&A with Samuel Arbesman,” (28/11/2012), <https://www.economist.com/babbage/2012/11/28/the-half-life-of-facts>.

là sự thật ngay lúc này và sau đó sẽ bị coi là sai sự thật, không khó để nhận thấy những nguy cơ to lớn đối với sự hài hòa xã hội và tôn giáo do thực tế đó gây ra. Thách thức còn phức tạp hơn bởi thực tế là hầu hết thông tin này được loan truyền trên mạng và có thể được thực hiện theo ý thích của bất kỳ ai. Diễn đàn Kinh tế Thế giới cảnh báo rằng thế giới siêu kết nối của chúng ta có thể bị “cháy rừng kỹ thuật số” (*digital wildfire*) do lượng “thông tin sai lệch quá lớn”.<sup>14</sup> Hiện tượng này giống như sự kiện những người Mỹ nghe đài phát thanh làm nghẽn mạng đường dây điện thoại của đồn cảnh sát vào năm 1938, do chương trình phát thanh cuốn tiểu thuyết *The War of the Worlds* (*Thế giới đại chiến*) của HG Wells, khiến các thính giả nghĩ rằng trái đất đang thật sự bị tấn công bởi người sao Hỏa. Các chuyên gia cho rằng các đợt hoảng loạn có thể xảy ra trong các cộng đồng mới tiếp cận với phương tiện internet, vì nhiều người chưa đủ kiến thức số để đưa ra đánh giá sáng suốt về nội dung mà họ nhận được.

Một điều có thể khẳng định: tin tức giả mạo có thể mang lại những tác động thật trên các lĩnh vực trong đời sống con người và xã hội. Điều này đã được nhìn thấy rõ ràng trong vụ Brexit ở Anh. Quốc gia này đã rút khỏi Cộng đồng châu Âu do thông tin sai lệch được cung cấp cho công chúng hằng ngày đã ảnh hưởng đến kết quả cuối cùng của cuộc trưng cầu dân ý. Hiện tượng người ta tự điều chỉnh thực tế để trở nên phù hợp với ý kiến cá nhân, thay vì ngược lại, dường như đang là xu hướng trên khắp thế giới. Người ta bình thản quảng bá thông tin đã bị sàng lọc, bị làm sai lệch, phóng đại hoặc thậm chí bị làm giả, nhằm thúc đẩy một phiên bản nào đó của sự thật mà họ muốn mọi người đón nhận và tin theo.

Không chỉ ở phương Tây, tin tức giả trên mạng cũng đã làm bùng phát các cuộc xung đột giữa các tôn giáo và giữa các sắc tộc ở các khu vực khác trên thế giới. Vào năm 2016, Basuki Tjahaja Purnama, một người theo đạo Thiên Chúa người Indonesia gốc Hoa, đang tranh cử lại vào vị trí thống đốc Jakarta, thành phố thủ đô của Indonesia. Ông Purnama có triển

---

<sup>14</sup> <http://reports.weforum.org/global-risks-2013/risk-case-1/digital-wildfires-in-a-hyperconnected-world/>



vọng thành công cao, cho đến khi ông quyết định nhắc nhở một số khán giả nhỏ đừng để bị lừa bởi những người trích dẫn kinh Qur'an rằng, người Hồi giáo không nên bỏ phiếu cho một người không theo đạo Hồi làm lãnh đạo của họ. Các đối thủ của Purnama đã nắm lấy cơ hội để tấn công ông, họ tải lên các phiên bản có nội dung khác nhau của các đoạn trích trong bài phát biểu của ông lên mạng xã hội và kêu gọi đưa ra cáo buộc chống lại ông ta.

Tiếp sau chiến dịch truyền thông mạng xã hội nhằm bôi nhọ Purnama là các cuộc biểu tình có tổ chức, trong đó có tới 500.000 người biểu tình Hồi giáo, chủ yếu là nam giới, tham gia. Từ một bài phát biểu dài 6.000 giây, một đoạn clip dài 13 giây đã được cắt ra rồi tải lên YouTube và các phương tiện truyền thông mạng xã hội khác; và ngay cả những clip bị cắt xén này cũng hầu như không được xem bởi những người cho rằng Purnama mắc tội báng bổ. Một cuộc khảo sát chỉ ra rằng, chỉ có 13% trong số 45% những người nghĩ rằng Purnama có tội khi được hỏi đã trực tiếp xem đoạn trích video. Cuối cùng, “chế độ đám đông chủ” (*mobocracy*), theo thuật ngữ của tạp chí chính trị Indonesia *Tempo*, đã thắng thế, Purnama bị kết tội báng bổ vào tháng 5 năm 2017. Bản kịch Purnama có thể nói là một “vụ cháy rừng kỹ thuật số”, đã bị thổi bùng lên bởi các đối thủ chính trị và được đổ thêm dầu vào lửa bởi các nền tảng mạng xã hội như WhatsApp, Facebook và YouTube.

Một vụ khác đã chịu tác động lớn từ mạng xã hội là trường hợp diệt chủng người Ronghinya ở Miến Điện (Myanmar). Tại quốc gia đang trải qua nhiều sóng gió chính trị trong thời gian gần đây, tỷ lệ sử dụng internet đã tăng vọt từ 1% năm 2012 lên 33% năm 2018. Đến tháng 1 năm 2021, tỷ lệ sử dụng Internet ở Myanmar đã đạt 43,3%.<sup>15</sup> Sự bùng nổ việc sử dụng internet diễn ra nhờ vào những thay đổi chính trị được tiến hành ở Myanmar trong thời gian đó, trước khi xảy ra cuộc đảo chánh ngày 1 tháng 2 năm 2021. Bên cạnh những thay đổi trong cơ chế chính trị, việc có rất nhiều điện thoại di động giá rẻ có cài đặt Facebook sẵn tràn ngập khắp đất nước cũng là một yếu tố quan trọng thúc đẩy người dân tiếp cận với

<sup>15</sup> <https://datareportal.com/reports/digital-2021-myanmar>

công nghệ kỹ thuật số.<sup>16</sup> Khi người dân Miến Điện sử dụng internet ngày càng nhiều hơn, đặc biệt truyền thông mạng xã hội Facebook, các cá nhân và các nhóm cực đoan đã nhận ra phương cách lợi dụng mạng xã hội để kích động lòng căm thù dân tộc và tôn giáo trong nhân dân, trong đó có một nhà sư Phật giáo tên Ashin Wirathu. Mặc dù là một người tu trì, nhưng Wirathu lại theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Sau khi Wirathu bị chính phủ Miến Điện cấm giảng thuyết nơi công cộng vào năm 2016, ông ta đã tìm tới mạng xã hội Facebook để đăng tải những bài viết và hình ảnh mang tính kích động, thúc đẩy bạo lực chống lại người thiểu số Hồi giáo Rohingya. Trong các bài đăng, Wirathu thường miêu tả người Rohingya như là những kẻ ngoại đạo hung hãn và bạo lực. Ông cho rằng họ là những kẻ gây rối và so sánh họ với những con chó điên. Nhà sư này cũng từng đăng ảnh và video về các thi thể đang phân hủy mà ông cho rằng là nạn nhân của các vụ tấn công của người Rohingya.<sup>17</sup> Tự hào gọi mình là một "Phật tử cấp tiến", Wirathu tuyên bố: "Bạn có thể đầy lòng nhân ái và tình yêu thương, nhưng bạn không thể ngủ cạnh một con chó điên."<sup>18</sup>

Bất chấp phát ngôn gây thù hận dẫn đến nhiều người Rohingya bị giết chết hoặc phải di tản để lánh nạn, Wirathu không bị Facebook kiểm duyệt. Việc Facebook không hành động kịp thời đã khiến công ty công nghệ này bị nhiều tổ chức nhân quyền quy một phần trách nhiệm trong vụ diệt chủng người Rohingya. Vấn đề là Facebook đã chuẩn bị sẵn sàng để đối phó với nội dung căm thù như chữ vạ của những người theo chủ nghĩa tối cao da trắng, nhưng lại không có sự chuẩn bị về mặt nhân sự để kiểm duyệt những lời nói căm thù diễn ra ở một quốc gia nghèo nàn và lạc hậu về công nghệ ở châu Á.<sup>19</sup> Sự thiếu sót này của Facebook đã đóng góp vào

---

<sup>16</sup> Aim Sinpeng, "Southeast Asian cyberspace: politics, censorship, polarization," *New Mandala*, <http://www.newmandala.org/southeast-asian-cyberspace-politics-censorship-polarisation/> (1/11/2017).

<sup>17</sup> *Ibid.*

<sup>18</sup> "Ashin Wirathu on comparing Rohingya Muslims to dogs in Myanmar," The Berkley Center, <https://berkleycenter.georgetown.edu/quotes/ashin-wirathu-on-comparing-rohingya-muslims-to-dogs-in-myanmar>.

<sup>19</sup> Megan Specia and Paul Mozur, "A war of words puts Facebook at the center of Myanmar's Rohingya crisis," *The New York Times*,

một trong những câu chuyện bi thảm nhất trên thế giới trong những năm gần đây.

Tin tức giả và thông tin sai lệch nhắm vào các nhóm tôn giáo cũng đã xuất hiện nhiều trong cơn đại dịch Covid-19, điển hình tại đất nước Ấn Độ. Thời gian đại dịch bắt đầu bùng phát tại Ấn Độ năm 2020, người Hồi giáo trở thành đối tượng của thông tin sai lệch lan rộng trên WhatsApp với tuyên bố rằng người Hồi giáo Ấn Độ đang cố tình lây lan vi-rút trong nước.<sup>20</sup> Chiến dịch bôi nhọ người Hồi giáo bắt đầu sau khi một nhóm truyền giáo Hồi giáo có tên là Tablighi Jamaat tổ chức một buổi thuyết pháp ở thành phố New Delhi, vi phạm quy định của chính quyền địa phương về cấm tụ tập. Sự kiện này dẫn đến một điểm nóng về Covid-19, khiến nhóm Hồi giáo Tablighi Jamaat nói riêng, và người Hồi giáo nói chung trở thành tâm điểm lên án dữ dội của công chúng Ấn Độ. Sự tức giận đối với một nhóm nhỏ được định hướng để nhắm vào toàn bộ một tôn giáo thông qua WhatsApp, ứng dụng có 400 triệu người dùng ở Ấn Độ, đóng vai trò là phương tiện lan truyền các video và hình ảnh cáo buộc người Hồi giáo có hành vi sai trái.

Một ví dụ nói lên cách WhatsApp được sử dụng để bôi nhọ người Hồi giáo tại Ấn Độ là một đoạn video lan truyền được cho là mô tả một đầu bếp Hồi giáo cố tình nhỏ nước bọt vào bánh mì trước khi phục vụ cho khách hàng. Đoạn video kèm theo thông điệp cảnh báo mọi người không nhận thức ăn từ những người đeo mũ đội đầu kiểu Hồi giáo. Sau khi video lan truyền, đã có nhiều lời kêu gọi, bao gồm cả từ người phát ngôn của Ban thanh niên của Đảng cầm quyền Bharatiya Janata, đòi tẩy chay các cửa hàng thuộc sở hữu của người Hồi giáo.<sup>21</sup> Do sự thù địch lan rộng, người Hồi giáo trở nên lo sợ cho tính mạng của họ. Những người làm nghề bán rau từng vào các làng mạc bán hàng không còn dám đi vì sợ bị

---

<https://www.nytimes.com/2017/10/27/world/asia/myanmar-government-facebook-rohingya.html> (27/10/2017).

<sup>20</sup> Ankar Shar, "Indians must stop spreading anti-Muslim fake news on WhatsApp," *Nikkei Asian Review* (8/5/2020), <https://asia.nikkei.com/Opinion/Indians-must-stop-spreading-anti-Muslim-fake-news-on-WhatsApp>

<sup>21</sup> *Ibid.*

tấn công.<sup>22</sup> Nhờ một trang web xác minh tính xác thực, đoạn video sau đó được xác định là giả mạo. Trên thực tế, đoạn video đã xuất hiện trên mạng một năm trước đó khi chưa có đại dịch, và có lẽ thậm chí không được quay ở Ấn Độ. Tuy nhiên, với sự lan truyền rộng rãi, đoạn video đã gây lên rất nhiều thiệt hại cho người Hồi giáo tại Ấn Độ, vốn là thành phần thiểu số trên một đất nước đại đa số theo Ấn giáo. Chiến dịch phỉ báng người Hồi giáo của những người theo Ấn giáo cũng có sự hỗ trợ của các quan chức chính phủ cấp cao. Điều này có nguy cơ gây nguy hiểm cho người Hồi giáo Ấn Độ không chỉ trong đại dịch mà còn lâu dài sau đó.

Một nhóm tôn giáo khác chịu tác động bởi thông tin sai lệch trên quy mô toàn cầu trong đại dịch Covid-19 là Hội Thánh của Chúa Giêsu tại Shincheonji (SCJ), một phong trào tôn giáo mới ở Hàn Quốc. Chiến dịch phỉ báng nhóm SCJ bắt đầu sau khi một nhóm của giáo phái được phát hiện là nguyên nhân dẫn đến bùng phát dịch ở thành phố Daegu, khiến cho ít nhất 5.000 trường hợp nhiễm bệnh. Phong trào tôn giáo SCJ với khoảng 250.000 thành viên sau đó đã bị truyền thông Hàn Quốc đổ lỗi cho cuộc khủng hoảng Covid-19 tại đất nước này, và thậm chí đã bị thành phố Daegu kiện về những thiệt hại dân sự với số tiền lên tới 100 tỷ won.<sup>23</sup>

Tuy nhiên, một tập Sách trắng có tựa đề “*Shincheonji và Coronavirus ở Hàn Quốc: Phân loại sự thật từ hư cấu*” được xuất bản bởi một nhóm tác giả tiết lộ rằng, có rất nhiều thành kiến và thông tin sai lệch được lan truyền trên các phương tiện truyền thông về hội thánh này. Trong phần giới thiệu, các tác giả, những người tự nhận mình là “học giả, nhà hoạt động nhân quyền, phóng viên và luật sư, tất cả đều có kinh nghiệm đáng kể trong lĩnh vực các phong trào tôn giáo mới,” đồng thời không ai trong số họ là thành viên của SCJ, viết:

---

<sup>22</sup> Shruti Menon, “Coronavirus: the human cost of fake news in India,” BBC (1/7/2020), <https://www.bbc.com/news/world-asia-india-53165436>

<sup>23</sup> Rosie Perper, “A South Korean doomsday church linked to thousands of coronavirus cases is being sued for \$82 million in damages,” (25/6/2020), <https://www.insider.com/south-korea-doomsday-church-shincheonji-sued-daegu-coronavirus-damages-2020-6>

Chúng tôi lo ngại về lượng lớn thông tin không chính xác về Shincheonji và sự liên quan của hội thánh này trong cuộc khủng hoảng vi-rút corona ở Hàn Quốc. Chúng tôi đã phỏng vấn các thành viên của Shincheonji và các học giả Hàn Quốc, đồng thời xem xét các tài liệu của cả chính phủ Hàn Quốc và Shincheonji. Chúng tôi đã chuẩn bị sách trắng này để giúp các tổ chức quốc tế, giới truyền thông và các bên liên quan hiểu rõ hơn về tình hình.<sup>24</sup>

Các tác giả cho rằng thông tin sai lệch lan tràn về SCJ là một nỗ lực để biến một nhóm thiểu số tôn giáo trở nên con dê tế thần, giống như những gì đã xảy ra với người Do Thái trong Đại dịch Cái chết Đen ở châu Âu thế kỷ XIV. Một cách tương tự, trong suốt thế kỷ XVI và XVII, những người theo đạo Tin Lành ở các nước Công giáo và người Công giáo ở các nước theo đạo Tin Lành thường bị đổ lỗi cho việc lây lan bệnh dịch và bị xử tử.

Trong tài liệu Sách trắng, các tác giả chủ trương làm sáng tỏ các diễn biến liên quan đến vai trò của thành viên SCJ trong sự bùng phát dịch tại Hàn Quốc, mà không đưa ra nhận định về đức tin hay thần học của phong trào. Theo họ, thông tin lan truyền cho rằng các thành viên SCJ tin rằng họ miễn nhiễm với bệnh tật và không tìm kiếm sự trợ giúp y tế ngay cả khi bị ốm là một thông tin sai lệch. Ngoài ra, cáo buộc rằng lãnh đạo SCJ và bệnh nhân Covid-19 bất hợp tác không được chứng minh bằng các bằng chứng xác thực. Tuy nhiên, chủ tịch của SCJ, Lee Man Hee đã thừa nhận có sai sót trong quá trình hợp tác với các cơ quan chức năng và bày tỏ lời xin lỗi chân thành trong một cuộc họp báo.

Theo các tác giả, thông tin sai lệch tràn lan về SCJ trên các phương tiện truyền thông đã khiến hàng nghìn thành viên của SCJ bị phân biệt đối xử trong cộng đồng và nơi làm việc. Các tác giả cũng kết luận rằng chiến dịch phỉ báng và xóa bỏ tư cách pháp nhân của SCJ không được thực hiện bởi những người thực lòng quan tâm đến đất nước, mà bởi những thành

---

<sup>24</sup> Massimo Introvigne et al. Shincheonji and Coronavirus in South Korea: Sorting Fact from Fiction, <https://freedomofbelief.net/activities/shincheonji-and-coronavirus-in-south-korea-sorting-fact-from-fiction>

phản tự xưng là Kitô giáo chính thống, họ muốn thấy phong trào tôn giáo mới mà họ gán cho là giáo phái tà đạo sẽ bị đánh bại.<sup>25</sup>

Những trường hợp được trích dẫn ở trên chỉ nhằm minh họa cho rất nhiều bối cảnh và tình huống mà tôn giáo hay người theo đạo trở nên nạn nhân của tin giả, với những hậu quả nghiêm trọng không chỉ đối với các cá nhân và cộng đồng bị mô tả không trung thực, mà còn ảnh hưởng sâu rộng đến sự ổn định trong xã hội cũng như các quan hệ liên tôn.

Những người phổ biến tin tức giả mạo về tôn giáo biết rõ rằng niềm tin tôn giáo là một điều vô cùng riêng tư, nhạy cảm và quan trọng trong cuộc sống của con người. Vì thế, họ dễ dàng lợi dụng yếu tố tôn giáo để đạt được lợi ích chính trị, kinh tế cũng như các mưu đồ phục vụ cá nhân hoặc nhóm. Cần phải nhấn mạnh rằng tin giả về tôn giáo không nhất thiết đến từ người không có tôn giáo, mà thường là từ chính những người có theo tôn giáo. Các trường hợp đề cập trên đều có sự khởi động hoặc tham gia của thành viên tôn giáo này chống lại tôn giáo kia.

### **Bản chất của bối cảnh hậu sự thật**

Vấn nạn và náo loạn hậu sự thật đang phổ biến trong thế giới thời nay bắt nguồn từ đâu? Một số học giả đã truy tìm ra nguồn gốc của tư duy và chính trị hậu sự thật chính là một phong trào trí thức gọi là chủ nghĩa hậu hiện đại (*postmodernism*), phát triển vào giữa đến cuối thế kỷ XX trong các lĩnh vực triết học, nghệ thuật, phê bình văn học, xã hội học, v.v. Phạm vi của bài viết này không cho phép tác giả đi sâu vào chi tiết của phong trào hậu hiện đại. Tuy nhiên, nghiên cứu cho thấy những phát triển của lối tư duy này đã dẫn đến lập trường cho rằng: tất cả các khía cạnh của cuộc sống đều tràn ngập ý nghĩa. Tuy nhiên, những người trong cuộc có thể hiểu hoặc không thể hiểu được ý nghĩa đó thực sự là gì. Khi giải thích một tình huống hay giải mã về một nhân vật, chúng ta không chỉ xem xét các giả định chính trị, xã hội, lịch sử và văn hóa liên quan tới tình huống hay

---

<sup>25</sup> *Ibid.*

cá nhân đó, mà những phạm trù tương tự của người thực hiện việc phân tích và giải thích cũng được đưa vào để cân nhắc. Vì thế, không có hành động diễn giải nào sẽ giống hành động diễn giải nào, do có sự thay đổi trong nhân vật thực hiện hành động diễn giải. Mười người giải nghĩa một sự việc có thể đưa ra mười kết luận khác nhau do mỗi người xuất phát từ những bối cảnh chính trị, xã hội, văn hóa, kinh nghiệm sống...khác nhau. Trong hoàn cảnh này, sự thật không bao giờ tuyệt đối, vì sự thật còn lệ thuộc vào cách nhìn của người nhận xét. Theo Lee McIntyre, “Cách tiếp cận theo chủ nghĩa hậu hiện đại là mọi thứ đều bị chất vấn và cái giá trị bên ngoài ít được coi trọng. Không có câu trả lời đúng, chỉ có tường thuật.”<sup>26</sup>

Chủ nghĩa hậu hiện đại thể hiện một sự khác biệt rõ rệt so với tư duy chủ nghĩa hiện đại kể từ thời Khai sáng. Chủ nghĩa hiện đại cho rằng khoa học và lý luận có thể cung cấp nền tảng cho tri thức và chân lý phổ quát khách quan để tất cả mọi người và mọi nền văn hóa đều có thể tiếp nhận. Tuy nhiên, trong môi trường trí tuệ hậu hiện đại, khoa học chỉ trở thành một trong số rất nhiều câu chuyện kể, có thể lấy sự kiện thực nghiệm làm điểm xuất phát hoặc không, và tất cả đều có thể được coi là hợp lệ. Do đó, sự chắc chắn về mặt khoa học khi đề cập đến những vấn đề như biến đổi khí hậu có thể bị phủ nhận hoặc giải thích dựa trên các kiểu lý luận khác, chứ không nhất thiết phải dựa vào bằng chứng khoa học đã được chứng minh. Điều tương tự cũng có thể xảy ra đối với bất kỳ vấn đề nào khác trong cuộc sống con người, bởi vì việc đánh giá thực tế không còn phụ thuộc vào các sự kiện đã được chứng minh và chấp nhận cách khoa học.

Những trình bày trên cho thấy, những gì bắt đầu có vẻ như là một “trào lưu trí tuệ”, theo cách nói của nhà triết học Daniel Dennett, đã để lại những hậu quả cực kỳ nghiêm trọng đối với nhân loại, đặc biệt là làm xói mòn và thậm chí bác bỏ khái niệm chân lý. Dennet tuyên bố:

Đôi khi, quan điểm có thể gây ra những hậu quả đáng sợ mà có thể thực sự trở thành thật. Tôi nghĩ những gì mà những người theo chủ nghĩa hậu hiện đại đã làm thực sự là xấu xa. Họ có trách nhiệm gây nên trào lưu trí thức cho rằng, việc nghi vấn chân lý và

---

<sup>26</sup> McIntyre, *Post-Truth*, Kindle.

sự thật là điều đáng tôn trọng. Có những người xung quanh chúng ta chế giễu: "Chắc bạn thuộc về cái đám người vẫn còn tin vào sự thật."<sup>27</sup>

Trên thực tế, thông tin sai lệch và lừa dối, đặc biệt là thông tin được sử dụng trong các chiến dịch tuyên truyền của các chính phủ quốc gia, hầu như không có gì là mới trong lịch sử nhân loại. Tuy nhiên, bối cảnh hậu sự thật lại thể hiện một số đặc điểm khác biệt. Trong bối cảnh hiện nay, vấn đề không chỉ đơn giản là phổ biến thông tin sai lệch mà còn là thái độ của mọi người đối với loại thông tin này. Thứ nhất, về phía những người gieo rắc gian dối, họ dường như không bao giờ rút lời hay điều chỉnh nội dung, ngay cả khi phải đối mặt với bằng chứng hiển nhiên rằng những gì đã nói là sai lệch một cách trắng trợn. Nhiều nhà lãnh đạo chính trị trên khắp thế giới nổi tiếng với việc chuyên phát biểu thông tin sai sự thật, nhưng tuyệt đối từ chối nhận sai. Ngay cả khi những bằng chứng về sự sai trái được trình bày trước mắt, họ vẫn phớt lờ sự thật hoặc chỉ đơn giản là tìm cách biện minh cho tính chính xác của những gì đã tuyên bố.

Đặc điểm khác biệt thứ hai của não trạng hậu sự thật liên quan đến thái độ của công chúng đối với các sự kiện được trình bày. Nhiều người dân được tuyên truyền những điều sai trái, sau đó có cơ hội tiếp cận với những bằng chứng về sự giả dối. Thay vì thay đổi quan điểm, họ lại phủ nhận các bằng chứng, tiếp tục tin vào lời nói dối, nhiều khi còn chỉ trích những người cố giúp cho họ nhận thức sự việc cách chính xác hơn. Thái độ và cách xử lý của con người trong thời kỳ hậu sự thật cho thấy rằng, cái gọi là "thời đại thông tin" không hề làm cho chúng ta sáng suốt hơn trong cách tiếp nhận và đánh giá thông tin. Đáng ngạc nhiên là khi các nhà lãnh đạo bị phát hiện đã nói sai sự thật, họ dường như rất ít phải chịu hậu quả cho hành động giả dối. Trong thời đại thông tin này, sự thiếu hiểu biết trong cộng đồng không phải do thiếu dữ kiện, mà là do sự chủ tâm phủ

---

<sup>27</sup> Carole Cadwalladr, "Daniel Dennett: 'I bedgrude every hour I have to spend worrying about politics,'" *Guardian* (12/2/2017), <https://www.theguardian.com/science/2017/feb/12/daniel-dennett-politics-bacteria-bach-back-dawkins-trump-interview>



nhận những sự kiện rất cơ bản một cách lan tràn trong xã hội. Não trạng ngày nay không khuyến khích người dân đưa ra kết luận dựa trên các thông tin đáng tin cậy, mà chủ yếu dựa trên cảm nhận cá nhân. Như Lee McIntyre nhận xét, “Sự hư hỏng của quá trình mà các dữ kiện được thu thập một cách đáng tin cậy và được sử dụng một cách đáng tin cậy để hình thành niềm tin của một người về thực tế... làm xói mòn ý tưởng rằng *một số điều là đúng bất kể chúng ta cảm thấy thế nào về chúng*; sự thật có ích lợi cho chúng ta (cũng như các nhà hoạch định chính sách quốc gia) nên chúng ta phải cố tìm cho ra.”<sup>28</sup> Thật vậy, việc thúc đẩy và củng cố những lập trường dựa trên cảm xúc, bất kể chúng có phản ánh cách rõ rệt tư duy hậu sự thật, điều này có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng ở cấp độ địa phương và toàn cầu — suy thoái môi trường không còn cách khắc phục được, gia tăng chủ nghĩa cực đoan tôn giáo và thêm xung đột giữa các sắc tộc.

Từ những bằng chứng thực nghiệm được trình bày trong bài viết này cũng như từ các nguồn khác, có thể thấy tư duy hậu sự thật đã được củng cố và duy trì nhờ sự phát triển của internet và các ứng dụng liên quan. Mặc dù là một nguồn kiến thức vô biên có tiềm năng đưa nhân loại lên một đỉnh điểm mới về mặt trí tuệ, nhưng công nghệ này không may đã bị những cá nhân và tổ chức thiếu thiện chí lợi dụng để tạo ra sự chia rẽ sâu sắc trong xã hội. Các nhà phát minh và nhà phát triển công nghệ internet đã hình dung ra một thế giới được thăng tiến và công bằng nhờ vào sự đối thoại và chia sẻ thông tin một cách cởi mở và rộng rãi đến mọi người trên toàn cầu. Người ta hy vọng rằng các chân lý và giá trị cơ bản có thể được thống nhất khi mọi người chia sẻ thế giới quan của mình cũng như quan điểm văn hóa và tôn giáo. Trên thực tế, thế giới kể từ năm 1990, năm mà công nghệ World Wide Web ra đời, cho đến nay đã không diễn ra như mong đợi. Mặc dù chúng ta có thể thấy được rất nhiều lợi ích mà công nghệ internet đã mang lại cho con người, nhưng để tìm ra những bằng chứng ngược lại cũng không mấy khó khăn.

---

<sup>28</sup> McIntyre, *Post-truth*, Kindle

Nguyên do cho sự đối nghịch này là vì internet có khả năng tách biệt mọi người không kém gì khả năng đưa chúng ta đến với nhau. Trong không gian mạng, chúng ta có quyền chọn gặp gỡ, trao đổi và ủng hộ chỉ những người có cùng quan điểm và niềm tin với mình. Mặc dù chúng ta có thể chọn truy cập các diễn đàn và tham gia với những người có quan điểm chính trị, xã hội, tôn giáo và văn hóa khác với chúng ta, nhưng trên thực tế, đa số chúng ta chỉ chọn nối kết với những người mà chúng ta cảm thấy thoải mái nhất. Đó là những người có những cách nhìn trùng hợp với suy nghĩ của chúng ta, giúp cho chúng ta cảm thấy được củng cố trong thế giới quan của mình. Những người cố tình tham gia vào các diễn đàn có người mang quan điểm đối lập tham gia, không ít khi là các dư luận viên được chính phủ hoặc tổ chức nào đó trả tiền để bảo vệ ý thức hệ của họ hoặc để đánh lạc hướng dư luận. Chính phủ Nga, Trung Quốc và Philippines đã bị cáo buộc sử dụng số lượng lớn người cho nhiệm vụ này.

Trong công nghệ internet ngày nay, việc sử dụng các thuật toán để xử lý và giới thiệu thông tin đến người dùng càng dẫn đến tình trạng chúng ta chỉ tiếp cận được thông tin một chiều, loại thông tin mà chúng ta muốn nhận được, đặc biệt là loại thông tin giúp củng cố các lập trường sẵn có của chúng ta. Mặc dù ở trong thế giới mạng bao la không biên giới ngăn cách, nhưng chúng ta ngày càng tự cô lập mình trong những bong bóng kỹ thuật số (*digital bubble*). Những gì không phù hợp với sở thích của mình sẽ bị lọc ra bên ngoài với sự hỗ trợ của các lập trình thuật toán. Vì thế, trải nghiệm trực tuyến của một người theo chủ nghĩa chính thống Hindu chống Hồi giáo phần lớn sẽ là một sự trấn an và củng cố rằng thế giới quan của họ là một thế giới quan đúng đắn. Những người chống chính phủ đương nhiệm ở Thái Lan sẽ dễ dàng gặp được vô số người trên mạng có cùng quan điểm cho rằng, thủ tướng hiện tại, Prayut Chan-o-cha, người lên nắm quyền vào năm 2014 do một cuộc đảo chính quân sự, nên được thay thế bằng một nhà lãnh đạo khác có năng lực hơn. Đó cũng là trường hợp của những người ủng hộ hoặc phản đối Tổng thống Jair Bolsonaro ở Brazil và Tổng thống Rodrigo Duterte ở Philippines. Vì thế, hành động tự tách biệt này dẫn đến việc tiếp cận thông tin chỉ là để củng cố quan điểm của một

cá nhân hoặc của một nhóm người, dẫn đến sự phân cực tôn giáo, xã hội và chính trị ngày càng thêm nghiêm trọng. Giáo sư Cass Sunstein nhận xét:

Nếu nguồn cấp dữ liệu Twitter của bạn chỉ bao gồm những người nghĩ như bạn, hoặc nếu bạn bè trên Facebook của bạn có cùng niềm tin với bạn, thì việc tranh luận sẽ bị hạn chế rất nhiều. Thật vậy, những biến chuyển sẽ xảy ra với những cá nhân không tham gia thảo luận mà thay vào đó chỉ tham khảo ý kiến — trên đài phát thanh, truyền hình hoặc internet — những nguồn mà họ quen thuộc. Xu hướng của các cuộc tham vấn như vậy là để cố thủ và củng cố các quan điểm đã có sẵn, điều này thường dẫn đến chủ nghĩa cực đoan.<sup>29</sup>

### Phản ứng của Giáo hội

Bất chấp những lời phàn nàn về tư duy hậu sự thật đang tràn ngập trong xã hội hiện đại, khi nhìn kỹ vào vấn đề, chúng ta nhận thấy bản thân thuật ngữ này đã tiết lộ rằng, “sự thật” vẫn là điểm tham chiếu chính trong việc suy tư và lý luận của con người. Mặc dù nạn tin giả, thông tin sai lệch và sự dối trá trắng trợn nhiều khi gây ra những hậu quả rất tiêu cực, bằng cách đánh lạc hướng hoặc định hướng dư luận của công chúng trong các vấn đề quan trọng trong xã hội, nhưng trong thực tế, nó đã không thể loại bỏ sự hiểu biết ngầm rằng, tính trung thực vẫn là tiêu chí tối hậu để đánh giá một thông tin.

---

<sup>29</sup> Cass R. Sunstein, *#Republic: Divided Democracy in the Age of Social Media* (Princeton, N.J.: Princeton University Press, 2017), Kindle edition. “If your Twitter feed consists of people who think as you do, or if your Facebook friends share your convictions, the argument pool will be sharply limited. Indeed, shifts should occur with individuals not engaged in discussion but instead consulting only ideas—on radio, television, or the Internet—to which they are predisposed. The tendency of such consultations will be to entrench and reinforce preexisting positions—often resulting in extremism.”

Trong khi thuật ngữ “hậu sự thật” phản ánh một thái độ tri thức tiêu cực, thậm chí cực đoan, đang hiện hành trên thế giới, nó cũng nhắc nhở chúng ta về vai trò của “sự thật” trong quá trình xem xét và cân nhắc các vấn đề trong cuộc sống. Do đó, chúng ta không nên đơn giản xem thuật ngữ này như là bằng chứng phản ánh một lối tư duy đầy hoài nghi và thất bại đang lan tràn trong xã hội loài người. Đối mặt với tư duy hậu sự thật, chúng ta cũng không nên chỉ phản ứng bằng việc hoài niệm về một thời đã xa, khi mà chúng ta luôn cảm thấy an tâm và chắc chắn vào những nguồn tin có thẩm quyền và đáng tin cậy, hầu giúp chúng ta vững trí và vững lòng chèo lái giữa muôn ngàn giông bão trong cuộc sống.

Thực trạng này còn nhắc nhở và mời gọi chúng ta phải nỗ lực duy trì và cổ võ cho giá trị của những gì được coi là sự thật, ngăn cản không để cho những chân lý bị đào thải khỏi cuộc sống cá nhân và tập thể con người. Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI trong Thông điệp *Caritas in Veritate* (*Bác Ái Trong Chân Lý*) kêu gọi “tìm kiếm, khám phá và diễn đạt” về chân lý qua đức ái. Điều này “không những chúng ta phục vụ tình yêu được chân lý soi sáng, mà còn mang lại tính khả tín cho chân lý, chứng minh sức thuyết phục và minh xác của chân lý trong bối cảnh thực tiễn của đời sống xã hội. Đây không phải là vấn đề nhỏ ngày nay, trong bối cảnh văn hóa và xã hội đang tương đối hóa chân lý, ít quan tâm tới chân lý, lại còn không muốn nhìn nhận sự hiện hữu của chân lý.”<sup>30</sup>

Khi nói về chân lý hay sự thật, chúng ta nên ý thức rằng, bản thân sự thật không có nghĩa là một thực thể nguyên khối. Thật vậy, Julian Baggini trong cuốn sách *A Short History of Truth: Consolations for a Post-Truth World* (*Lịch sử vắn tắt về sự thật: Những an ủi cho thế giới hậu sự thật*) đã liệt kê 10 loại sự thật khác nhau bao gồm: sự thật vĩnh cửu, sự thật có thẩm quyền, sự thật bí truyền, sự thật lý luận, sự thật thực nghiệm, sự thật sáng tạo, sự thật tương đối, sự thật mạnh mẽ, sự thật đạo đức và sự thật

---

<sup>30</sup> Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (*Bác ái trong Chân lý*), số. 2.

toàn diện.<sup>31</sup> Ngoài những loại sự thật nói trên, chúng ta có thể thêm vào danh sách này "sự thật đời thường", đó là sự thật liên quan đến cuộc sống hằng ngày mà chúng ta dựa vào để hoạt động và tồn tại. Chẳng hạn, chúng ta lên kế hoạch cho các sinh hoạt thường nhật với niềm tin rằng sẽ luôn có 24 giờ trong một ngày, đủ cho chúng ta làm việc, dùng bữa, hẹn uống cà phê với một người bạn thân và nghỉ ngơi. Khi chúng ta tham khảo lịch phát sóng truyền hình, thấy có một chương trình thú vị sẽ diễn ra vào giờ nào đó, chúng ta tin rằng, đến giờ ấn định, bật TV lên sẽ được thưởng thức chương trình đó. Chúng ta hoạt động với niềm tin rằng, thời gian trong ngày của chúng ta sẽ không bỗng nhiên bị trừ đi một tiếng, hoặc đài truyền hình sẽ chủ ý đăng lịch phát sóng sai chỉ để lừa đảo chúng ta.

Mặc dù sự thật cần phải được hiểu trong các lĩnh vực cụ thể của chúng, nhưng hiểu biết trực quan của chúng ta về bản chất của sự thật không khác xa với định nghĩa của Aristotle rằng: "*Nói cái phải là không phải, hoặc cái không phải là phải, là sai; còn nói cái phải là phải, và cái không phải là không phải, ấy là sự thật.*"<sup>32</sup> Nói một cách đơn giản hơn, có thì nói có, không thì nói không, không được bóp méo, xuyên tạc, thêm thắt (x. Mt 5,37).

Nhận thức được điều này, chúng ta sẽ nhận ra rằng não trạng hậu sự thật không ngụ ý đến một tình trạng mà chúng ta không còn hiểu chân lý nghĩa là gì, hoặc rằng sự thật đã mất đi vị trí hay vai trò của nó trong quá trình suy luận của chúng ta. Thiết nghĩ nếu chúng ta không tin sự thật hiện hữu hoặc cho rằng nó không còn vai trò gì trong đời sống của chúng ta, thì việc chỉ để sống cuộc sống hằng ngày với những sinh hoạt cơ bản nhất như ăn uống, đi lại cũng không thể thực hiện nổi. Vì thế, chính xác hơn, bối cảnh hậu sự thật phản ánh một tình trạng đầy thách đố, đó là nhiều người trong chúng ta không thể chắc chắn về tính hợp lý của một số điều được cho là sự thật được trình bày với chúng ta, cũng như mức độ đáng tin

---

<sup>31</sup> Julian Baggini, *A Short History of Truth: Consolations for a Post-Truth World* (London: Quercus Editions Ltd, 2017): Kindle

<sup>32</sup> Aristotle, *Metaphysics*, 1011b. "To say of what is that it is not, or of what is not that it is, is false, while to say of what is that it is, and of what is not that it is not, is true."

cậy của cá nhân hay tổ chức truyền đạt điều đó. Vấn đề cốt lõi nằm ở sự khúc mắc trong quá trình xác lập sự thật do thiếu sự tin tưởng giữa bên cung cấp thông tin và bên tiếp nhận thông tin. Sự chán chường và thái độ ngờ vực của nhiều người đối với sự thật không phải do họ không có nhu cầu tìm ra sự thật hoặc họ chê ghét sự thật, mà là do nhiều lý do khiến khả năng phân định và phân biệt giữa sự thật chân chính và sự thật giả mạo đã bị suy giảm. Đứng trước sự ngờ vực và bối rối về tính đích thực của cái được cho là sự thật, nhiều người lựa chọn phương pháp đi theo điều hấp dẫn họ nhất về mặt cảm xúc, thay vì phải phán đoán dựa trên lý luận. Tuy vậy, quan điểm cho rằng thế giới hiện nay không còn chỗ cho sự thật là một ngộ nhận. Như Baggini đã quan sát:

Chính những dữ liệu cho thấy sự suy giảm trong hơn một thế kỷ vừa qua liên quan tới việc sử dụng từ “sự thật” cũng chỉ ra sự phục hưng của thế kỷ XXI về khái niệm này. Chúng ta thậm chí sẽ không nói về hậu sự thật nếu chúng ta không nghĩ rằng sự thật quan trọng. Thế giới chưa sẵn sàng cũng như không muốn nói lời tạm biệt với sự thật, ngay cả trong chính trị, là lĩnh vực mà đôi khi dường như sự thật đã ra đi.<sup>33</sup>

Thật vậy, đối với mỗi "lời nói dối" mà một nhà lãnh đạo chính trị nổi tiếng phát biểu hoặc *tweet*, các phương tiện truyền thông chính thống phải mất hàng giờ để mổ xẻ sự trung thực hay sai trái của nó. Nếu vấn đề chính không phải là sự coi thường hoàn toàn sự thật, mà là sự nhầm lẫn về độ tin cậy của sự thật, điều này đặt ra cho chúng ta – đặc biệt là các thể chế tôn giáo – một trọng trách phải chủ động ứng phó với tình trạng hiện nay. Vì Kitô giáo, cũng như các tôn giáo khác, luôn quan tâm đến hạnh phúc của nhân loại trong tất cả các khía cạnh của cuộc sống, nên Giáo hội sẽ mất mát rất nhiều, nếu những gì Giáo hội truyền dạy chỉ có sức nặng ngang với một vlogger hoặc một người có ảnh hưởng trên mạng xã hội với số

---

<sup>33</sup> Baggini, *A Short History*, Kindle. “The same data that shows a century-and-a-half decline in the use of the word “truth” also points to a twenty-first-century revival in the concept. We wouldn’t even be talking about post-truth if we didn’t think truth mattered. The world is neither ready nor willing to say goodbye to truth, even in politics where it sometimes seems as though it has already taken its leave.”

lượng người theo dõi cao. Thách thức đối với Giáo hội là phải hiểu sâu sắc tính phức tạp của tình hình xã hội hiện nay, đặc biệt là não trạng và lối tư duy của con người thời đại mới. Ngày càng nhiều người cảm thấy các niềm tin truyền thống và kiến thức khoa học hiện đại dường như mâu thuẫn với nhau. Nhiều người, đặc biệt là sinh viên đại học ở Tây phương cho rằng giữa khoa học và tôn giáo không thể hòa giải hoặc hòa hợp với nhau. Theo các nghiên cứu thì sự ngộ nhận về xung đột một cách không thể giải hòa giữa tôn giáo và khoa học là nguyên do lớn nhất khiến nhiều người trẻ tại Hòa Kỳ trở nên người “không theo bất cứ đạo gì”. Bậc thang giá trị, lối suy nghĩ và truyền thống địa phương đang ngày càng bị giới trẻ xem thường. Sự phát triển công nghệ thông tin và truyền thông tạo nên nhiều kênh thông tin tự do, khó bị kiểm soát bởi các cơ chế chính quyền. Chúng trở nên nguồn cung cấp các thông tin phôi bày sự lừa dối ở những lãnh đạo chính trị, xã hội, tôn giáo...mà trước đây dường như nằm ngoài sự giám sát của công chúng.

Nhưng không chỉ tôn giáo mới bị con người thời nay ngờ vực và đưa lên mổ xẻ. Ngay cả sự chính thống trong khoa học như sự đồng thuận về biến đổi khí hậu và sự nóng lên toàn cầu cũng có thể bị bác bỏ bởi một số tổ chức và cá nhân chủ trương phủ nhận hiện tượng này vì lợi ích riêng. Gần đây nhất chúng ta thấy ở Hòa Kỳ việc tiêm chủng vắc-xin để phòng ngừa bệnh Covid-19 đã trở nên một vấn đề đầy tranh cãi vì nhiều người không tin rằng, những lời khuyên và phát biểu của các nhà khoa học, bác sĩ chính thức của chính quyền đáng tin cậy. Ngay cả giữa thành phần người Công giáo (trong đó có cả giới linh mục, tu sĩ), nhiều người khẳng định rằng việc tiêm chủng hay không là vấn đề của lương tâm cá nhân mà không ai có thể can thiệp, mặc dù chính Đức Thánh Cha và các hồng y, giám mục tại châu Mỹ đã từng lên tiếng kêu gọi mọi người tiêm vắc-xin. Đức Thánh Cha cho rằng đây là “một hành động yêu thương.”<sup>34</sup>

---

<sup>34</sup> Hồng Thủy, “ĐTC cùng các Hồng y và giám mục ở châu Mỹ kêu gọi mọi người tiêm vắc-xin ngừa Covid-19,” *Vatican News* (18/8/2021),

<https://www.vaticannews.va/vi/pope/news/2021-08/dtc-phanxico-keu-goi-chich-vac-xin-hanh-dong-yeu-thuong.html>

Đứng trước thực trạng này, Giáo hội cần khiêm tốn chấp nhận rằng tôn giáo truyền thống và chính thống cũng ngày càng bị xem như là những “món hàng” được rao bán trên thị trường, có thể được đón nhận hoặc có thể bị từ chối nếu không hợp với thị hiếu người tiêu dùng. Với bối cảnh hiện tại, tất cả các trụ cột của xã hội hiện đại đều có cơ hội bị đánh gục bởi những người cảm thấy rằng họ muốn xây dựng xã hội dựa trên các chất liệu khác. Nói tóm lại, khía cạnh then chốt nhất của bối cảnh hậu sự thật là bất kỳ phiên bản nào của sự thật, kể cả những phiên bản từng được coi là vững bền, không thể tranh cãi, đều có thể bị thách thức bởi bất kỳ ai bất cứ lúc nào. Điều đáng nói là ngày nay sự thách thức các thể chế có lịch sử hàng nghìn năm có thể được thực hiện chỉ với một chiếc điện thoại thông minh có kết nối internet.

### **Sứ mệnh đối thoại**

Đối mặt với vấn nạn hậu sự thật, Giáo hội có thể chọn đi theo dòng chảy, chấp nhận thực tế này như một sự việc không thể tránh khỏi của quá trình tục hóa và dân chủ hóa đang diễn ra trên toàn cầu; hoặc Giáo hội có thể nghiêm túc nhìn nhận vấn đề, suy tư và phân định, đồng thời tìm được tiếng nói nhằm vượt ra khỏi tình trạng hỗn độn trong xã hội. Trong thời đại quá tải thông tin, có những tiếng nói trái ngược nhau, cũng như những thông điệp không nhất quán xuất phát từ hoặc nói về Kitô giáo, Giáo hội phải đương đầu với tình trạng này bằng cách dẫn thân mạnh mẽ vào một chương trình đối thoại với các tôn giáo bạn cũng như với các giáo phái Kitô giáo khác. Theo nhà thần học Công giáo người Mỹ gốc Việt Peter C. Phan, đối thoại giữa các tôn giáo là điều bắt buộc trong thế giới toàn cầu hóa hiện đại được định hình bởi sự di cư quốc tế, công nghệ truyền thông và các sự kiện chính trị và xã hội. Phan nhận xét, "Tôn giáo không thể hoạt động một cách xác thực và thực sự, và không thể đạt được mục tiêu



của mình nếu không tham gia đối thoại với các tôn giáo khác.”<sup>35</sup> Đối với Phan, các truyền thống tôn giáo thường xuyên giao tiếp với nhau thông qua các hình thức đối thoại khác nhau là một phần tự nhiên và thiết yếu của tôn giáo trong thế giới đương đại. Tuy nhiên, đó là một thế giới đầy rẫy những nguy cơ xung đột giữa các tôn giáo và ngay cả trong nội bộ của mỗi tôn giáo.

Tư duy hậu sự thật được đặc trưng bởi vô số tin tức giả mạo không được kiểm soát đòi hỏi các tôn giáo không chỉ mạnh dạn đối thoại với tín đồ của mình, mà còn phải đối thoại một cách cởi mở với nhau để tạo ra sự hiểu biết lẫn nhau, giải quyết các xung đột giữa các tôn giáo, đồng thời ngăn chặn ảnh hưởng xấu từ những người theo chủ nghĩa cơ yếu (*fundamentalism*) và chủ nghĩa cực đoan (*extremism*). Để đối phó với những nhóm hoặc người cố tình tạo xung đột giữa các tôn giáo nhằm đạt được lợi ích cá nhân, các truyền thống tôn giáo cần có tiếng nói chung, thông qua quá trình đối thoại liên tôn để duy trì sự hòa hợp tôn giáo, đồng thời đạt được những mục tiêu cao cả mà tất cả các tôn giáo đặt ra cho các tín đồ của mình cũng như cho toàn thể nhân loại.

Về phía Giáo hội Công giáo, đối thoại liên tôn không phải là một khái niệm hoặc hoạt động mới lạ. Từ lâu, Giáo hội đã ý thức được rằng đối thoại liên tôn gắn liền với sứ mạng cũng như chính sự tồn vong của Giáo hội. Năm 1964, Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã tuyên bố trong Thông điệp *Ecclesiam Suam* rằng: “Đối thoại là một phương thức mới để trở thành Giáo hội” (*Dialogue is a new way of being Church*).<sup>36</sup> Hơn năm thập kỷ sau, phải nói rằng, đối thoại không còn là điều gì mới mẻ, cũng không phải chỉ là một phương thức, nhưng thật ra, đó chính là cách để Giáo hội trở thành Giáo hội và thực hiện sứ mệnh truyền giáo của mình. Điều này được chứng kiến qua hàng loạt văn kiện của Giáo hội bàn thảo về đối thoại và thái độ đối với các tôn giáo bạn như: – Sắc lệnh *Ad Gentes* (*Hoạt*

<sup>35</sup> “Peter C. Phan – being religious as being interreligious,” *Rumiforum*, <https://youtu.be/YrSCMZu47HM>.

<sup>36</sup> Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, Thông điệp *Ecclesiam Suam* [http://w2.vatican.va/content/paul-vi/en/encyclicals/documents/hf\\_p-vi\\_enc\\_06081964\\_ecclesiam.html](http://w2.vatican.va/content/paul-vi/en/encyclicals/documents/hf_p-vi_enc_06081964_ecclesiam.html), 63.

*động Truyền giáo*); Tuyên ngôn *Nostra Aetate (Giáo Hội Với Các Tôn Giáo Ngoài Kitô Giáo)* của Công Đồng Vatican II; Tông thư *Missio Redemptoris (Sứ Vụ Đấng Cứu Thế)* (1990) của Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II ; Tông huấn *Ecclesia in Asia (Giáo Hội Tại Châu Á)* của Thượng Hội Đồng Giám mục Á châu (1999); Tông thư *Dialogue and Mission (Đối Thoại Và Truyền Giáo)* (1984) và Tông thư *Dialogue and Proclamation (Đối Thoại Và Công Bố Tin Mừng)* (1991) của Đức Giáo Hoàng Phaolô II.

Về mặt lý thuyết, nội dung từ tất cả những văn kiện này chứng tỏ đối thoại là một hoạt động không thể tách rời khỏi đời sống và sứ mạng của Giáo hội Công giáo. Bên cạnh những tuyên bố mang tính lý thuyết, Giáo hội cũng đã có rất nhiều những thực hành để thúc đẩy đối thoại liên tôn và xây dựng tinh thần liên đới giữa các tôn giáo. Tại Vatican vẫn thường xuyên tổ chức những buổi gặp gỡ giao lưu giữa Công giáo và các tôn giáo bạn. Ngoài ra các vị giáo hoàng trong các chuyến tông du luôn chú tâm đến việc gặp gỡ các vị lãnh đạo tôn giáo bạn ở quốc gia mà các ngài tới thăm. Đây chỉ là những hoạt động bề nổi của vô số hoạt động liên tôn cụ thể khác đang diễn ra ở mọi cấp độ của Giáo hội trên toàn thế giới.

Vì thế, đối thoại không phải là một lựa chọn trong nhiều lựa chọn khác nhau, nhưng là lựa chọn thiết yếu không thể bỏ qua trong việc thực thi sứ mạng mà Thiên Chúa đã giao phó cho Hội Thánh. Sứ mạng của Giáo hội như đã được khẳng định là “loan báo Nước Thiên Chúa được thiết lập trên trần gian này trong Chúa Giêsu Kitô, qua sự sống, cái chết và sự phục sinh của Người.”<sup>37</sup> Sứ mạng này bắt nguồn từ sứ mạng và sứ vụ của chính Chúa Giêsu, đó là công bố vương quốc của Đức Chúa Trời – kêu gọi mọi người ăn năn sám hối, tham dự vào vương quốc và làm việc cho vương quốc của Đức Chúa Trời. Như Hiến Chế Mục Vụ *Gaudium et*

---

<sup>37</sup> Pontifical Council for Interreligious Dialogue, *Dialogue and Proclamation*, [http://www.vatican.va/roman\\_curia/pontifical\\_councils/interelg/documents/rc\\_pc\\_interelg\\_doc\\_19051991\\_dialogue-and-proclamatio\\_en.html](http://www.vatican.va/roman_curia/pontifical_councils/interelg/documents/rc_pc_interelg_doc_19051991_dialogue-and-proclamatio_en.html), 58.

*Spes* tuyên bố: “Giáo hội chỉ có một mục đích duy nhất – đó là Nước Trời có thể trị đến và sự cứu rỗi loài người có thể được hoàn thành.”<sup>38</sup>

Nước Trời mà Chúa Giêsu đã công bố và Giáo hội luôn cố vũ hết sức nhiệt tình trong mọi thời đại là gì? Thứ nhất, đó là nơi hòa bình vượt thắng mọi xung đột và bạo lực, như nhà tiên tri Isaia đã minh họa tuyệt vời bằng những hình ảnh con sói sống cùng cừu con, và trẻ thơ sẽ chặn dắt cả sư tử và bò tơ (Is. 11,6). Trong Vương quốc này, những con người và nhóm người trước đây trải qua những cuộc xung đột và đổ máu, nay có thể đến với nhau trong tình bằng hữu và sự hòa hợp. Thứ hai, Nước Trời là một nơi mà sự hòa nhập được coi trọng hơn sự loại trừ hay sự ưu tiên cho những người giàu có, tri thức, quyền lực. Chúa Giêsu đã luôn thiên về lối hòa nhập này suốt thời gian Ngài thực hiện sứ vụ, bằng những hành động như dùng bữa với nhiều đối tượng khác nhau – những người thuộc thành phần thượng lưu trong xã hội Do Thái cũng như các tội nhân. Ngài trò chuyện với những người bình thường cũng như các thành viên của tầng lớp chính trị. Ngài vượt qua các rào cản văn hóa, tôn giáo, giới tính để trò chuyện với một phụ nữ Samari, và thậm chí chạm vào một người bị bệnh phong. Thứ ba, Nước Trời là nơi dành sự quan tâm ưu tiên cho những người nghèo và những người bị gạt ra ngoài lề xã hội. Nhà thần học giải phóng người Sri Lanka Aloysius Pieris, S.J. khẳng định rằng giữa Đức Chúa Trời và người nghèo có một hiệp ước bảo vệ giúp đảm bảo quyền tự do và chiến thắng cuối cùng của họ.<sup>39</sup> Chính vì sự quan tâm ưu tiên này đối với những người thấp cổ bé họng mà ngay từ đầu sứ vụ của mình, Chúa Giêsu đã tuyên bố rằng Ngài đã được xức dầu và được sai đi để loan báo Tin Mừng Nước Trời cho người nghèo, công bố tự do cho các tù nhân, và giải thoát những người bị áp bức (Lc 4,18).

Viễn tượng tốt đẹp của Chúa Giêsu về Nước Trời là một nơi hòa bình, công lý và lòng trắc ẩn tiếp tục là viễn tượng của Giáo hội khi Giáo hội

<sup>38</sup> Vatican II, *Gaudium et Spes*,

[http://www.vatican.va/archive/hist\\_councils/ii\\_vatican\\_council/documents/vat-ii\\_const\\_19651207\\_gaudium-et-spes\\_en.html](http://www.vatican.va/archive/hist_councils/ii_vatican_council/documents/vat-ii_const_19651207_gaudium-et-spes_en.html), 45.

<sup>39</sup> Aloysius Pieris, *Fire and Water: Basic Issues in Asian Buddhism and Christianity* (Maryknoll, NY: Orbis Books, 1993): 151.

tìm cách loan báo Nước Trời thông qua sứ vụ đối thoại giữa các tôn giáo. Cuộc đối thoại liên tôn này, như Hội đồng Giáo Hoàng về Đối thoại Liên tôn đã khẳng định, không chỉ dành riêng cho các chuyên gia mà là trách nhiệm của toàn thể Giáo hội. “Được hướng dẫn bởi giáo hoàng và các giám mục của họ, tất cả các giáo hội địa phương và tất cả các thành viên đều được kêu gọi đối thoại.”<sup>40</sup> Các thành viên của Giáo hội thực hiện các hình thức đối thoại khác nhau — về cuộc sống, hành động, trao đổi thần học, kinh nghiệm tôn giáo — tùy thuộc vào chuyên môn, trách nhiệm của họ trong Giáo hội và tình trạng đời sống của họ.

Dù là thông qua hình thức này hay hình thức khác, hay kết hợp giữa bốn hình thức đối thoại nêu trên, mục đích của đối thoại liên văn hóa và liên tôn trong sứ mạng của Giáo hội không chủ trương thuyết phục tất cả mọi người gia nhập Kitô giáo, mà là hoán cải lòng người để phục vụ Vương quốc hòa bình, hòa hợp và đầy lòng thương xót của Chúa. Paul F. Knitter nhận xét rằng, “Cho dù một nhà truyền giáo không có trường hợp rửa tội nào để báo cáo, nhưng người đã giúp người Hồi giáo, Ấn giáo, Phật giáo và Cơ đốc giáo sống với nhau và làm việc với nhau một cách yêu thương và công bình, người ấy là một môn đệ thành công của Đức Kitô.”<sup>41</sup> Tuy nhiên, việc đối thoại liên tôn không loại trừ khả năng các thành viên của các tôn giáo khác quyết định gia nhập Kitô giáo khi họ được Chúa Thánh Thần thúc đẩy và lương tâm tự do của họ quyết định làm điều đó. Dù sao đi chăng nữa thì việc cải đạo không cần và không nên là chủ trương, cho dù là ngấm ngấm hay công khai, của công việc đối thoại liên tôn, một hoạt động mà sự cởi mở và tin tưởng lẫn nhau là quy tắc không thể thiếu được.

*Đối thoại là cách thức để trở thành Giáo hội*, tức là để thực hiện sứ mạng của Giáo hội bởi vì, theo lời của Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, đối thoại “ở mức độ sâu xa nhất của nó luôn luôn là một cuộc đối thoại của ơn cứu độ, bởi vì nó tìm cách khám phá, làm sáng tỏ và hiểu rõ hơn

---

<sup>40</sup> Dialogue and Proclamation, 43.

<sup>41</sup> Paul F. Knitter, “Mission and Dialogue,” *Missiology: An International Review*, Vol. 33, no.2, April 2005: 209

những dấu hiệu của cuộc đối thoại lâu đời mà Đức Chúa Trời duy trì với nhân loại."<sup>42</sup> Giáo hội chứng tỏ mình trung thành với sáng kiến thiêng liêng này khi tham gia vào cuộc đối thoại với mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoán cải mọi dân tộc về Nước Thiên Chúa. Paul F. Knitter chỉ ra rằng đối thoại không chỉ đơn giản là lắng nghe và học hỏi từ / về người khác.

Khía cạnh khác của đối thoại là nói, tức là công bố và làm chứng về những gì chúng ta cho là sự thật. Chia sẻ niềm xác tín của chúng ta vào Chúa Giêsu là Đường, Sự thật và Sự sống, cũng là một nhiệm vụ quan trọng không kém việc kiên nhẫn lắng nghe người khác nói về niềm tin tôn giáo của họ. Trong Tin Mừng của Gioan, khi ông Tôma vốn là người có tính hay nghi ngờ, hỏi Chúa Giêsu: “Lạy Chúa, chúng con không biết con đang đi đâu, vậy làm sao chúng con biết đường?” Chúa Giêsu đã trả lời: “Ta là đường, là sự thật và là sự sống (Ga 14,5-6). Câu trả lời ngắn gọn của Chúa Giêsu đảm bảo với Tôma rằng bất kỳ sự ngờ vực và băn khoăn nào về tương lai đều có thể được giải quyết một cách triệt để khi ông nhận ra và thấu hiểu cách chính xác về Chúa Giêsu.

*Chúa Giêsu là đường đi.* Khi Chúa Giêsu Kitô tuyên bố chính Ngài là con đường dẫn đến Đức Chúa Cha, nguồn sống đích thực, Ngài đang nói về một phương thức mới để hiện diện và hoạt động trong đời. Thời giáo hội sơ khai, những người đi theo Chúa Giêsu thường được biết đến là những người theo *Đạo*, hay *thuộc về Con Đường* (*belonged to the Way*) (Cv 9,2; 11,26; 19,9; 24,22). Chẳng hạn, Thánh Phaolô đã tự giới thiệu mình với Tổng trấn Rôma rằng: “Nhưng điều này tôi thú nhận với ngài, rằng theo Đường, mà người ta gọi là một giáo phái, tôi thờ phượng Đức Chúa của tổ phụ chúng tôi, tin mọi điều do Luật pháp quy định và được chép trong các sách Tiên tri” (Cv 24,14). Mặc dù trong tiếng Anh, các

---

<sup>42</sup> Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, “Address to the Pontifical Council for Interreligious Dialogue,” 13/11/1992, [https://w2.vatican.va/content/john-paul-ii/en/speeches/1992/november/documents/hf\\_jp-ii\\_spe\\_19921113\\_dialogo-interreligioso.html](https://w2.vatican.va/content/john-paul-ii/en/speeches/1992/november/documents/hf_jp-ii_spe_19921113_dialogo-interreligioso.html), 2.

Kitô hữu ngày nay không tự gọi mình và cũng không được coi là người thuộc về “Con đường”, nhưng người Việt Nam chúng ta vẫn tự xưng hoặc được gọi là những người “theo đạo” hoặc người “có đạo”, mà đạo chính là đường đi tới hạnh phúc đích thực, sự sống sung mãn. Người Công giáo Việt Nam xác tín rằng, “đạo/đường” của chúng ta là Chúa Giêsu, là Con Đường dẫn đến sự sống vĩnh cửu.

Việc mô tả các Kitô hữu thời kỳ đầu như những người “bước theo Con Đường” rất có thể bắt nguồn từ chính cách Chúa Giêsu đã nói về mình như được minh chứng trong tuyên bố ở trên. Bằng cách tự đề cập đến mình cách tương tự, các Kitô hữu đã nêu bật một lối sống đặc biệt khác với những lối sống của những người xung quanh, đặc biệt là các dân ngoại. Đối với các Kitô hữu, đó là một lối sống bao gồm thành tâm ăn năn tội lỗi, mến Chúa yêu người (ngay cả kẻ thù), và loan báo Nước Trời chan chứa tình yêu, sự hòa hợp, hòa bình và công lý. Con đường do Chúa Giêsu vạch ra và được nhiều thế hệ Kitô hữu noi theo phải tiếp tục là con đường mà các Kitô hữu đương thời can đảm bước theo cũng như công bố trong đời sống và trong hoạt động đối thoại giữa các tôn giáo.

*Sự thật.* Khi Chúa Giêsu tuyên bố mình là Đường đi, Ngài cũng cùng cố niềm tin của các môn đệ vào Ngài bằng cách xác nhận rằng Ngài chính là “Sự thật”. Trong cuộc sống, con đường để bước đi có rất nhiều lối với những khúc quanh co, gồ ghề, gian nguy, người ta có thể dễ dàng bị dẫn vào con đường sai lầm do thiếu hiểu biết, si mê và lừa dối. Chọn con đường sai lầm có thể dẫn đến bất hạnh, tù đày, hoặc thậm chí là cái chết và sự đau khổ đời đời. Tuy nhiên, theo Chúa Giêsu, chúng ta tin rằng Ngài sẽ dẫn chúng ta đi trên con đường dựa trên lẽ thật, sẽ dẫn chúng ta đến tự do (Ga 8,32), tình yêu đích thực và sự sống sung mãn. Chúa Giêsu cũng khẳng định Ngài đến thế gian này không gì ngoài mục đích “làm chứng cho sự thật” (Ga 18,37). Giáo hội và các tín hữu trong Hội Thánh sẽ thể hiện rõ nét và đúng đắn bản chất của mình, khi chúng ta can đảm công bố những chân lý mà Chúa đã mặc khải cho chúng ta. Theo Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI,

Chân lý là LOGOS – LỜI, Lời tạo nên DIA-LOGOS – ĐỐI THOẠI và do đó, kiến tạo truyền thông và hiệp thông. Khi giúp con người thoát khỏi những ý kiến và ấn tượng chủ quan, chân lý giúp họ có khả năng vượt lên trên những giới hạn văn hóa và lịch sử, giúp nhau xác định giá trị và bản chất của mọi vật. Chân lý khai mở và kết hợp tâm trí của chúng ta với LOGOS của tình yêu: đó là sứ điệp và chứng tá của tình yêu Kitô giáo. Trong môi trường văn hóa xã hội hiện hành có xu hướng tương đối hóa chân lý, việc sống bác ái trong chân lý giúp người ta hiểu rằng việc gắn bó với các giá trị Kitô giáo không những hữu ích, nhưng còn là một yếu tố tất yếu để xây dựng một xã hội tốt đẹp và giúp phát triển con người cách toàn vẹn và đích thực.<sup>43</sup>

Trong việc này, chúng ta không thể bỏ qua việc công bố Chúa Giêsu là hiện thân tối hậu của chân lý mà nhân loại từng biết. Tác giả và nhà tâm lý học nổi tiếng Jordan Peterson chỉ ra rằng, trong sách Sáng thế ký, qua Logos (Ngôi Lời) mà Thiên Chúa đã tạo nên trật tự tốt lành từ tình trạng hỗn loạn.<sup>44</sup> Theo Peterson, trật tự được kiến tạo khi có sự hiện diện của Lời nói yêu thương và can đảm của Chân lý. Đức Kitô – Ngôi Lời nhập thể – đã tự nguyện hy sinh chính mình vì chân lý, vì sự tốt lành, vì Thiên Chúa.<sup>45</sup> Nếu như Chúa Giêsu – Ngôi Lời nhập thể, Lời nói sự thật – chính là phương thức kiến tạo nên trật tự trong vũ trụ từ thời nguyên thủy, vai trò của Ngài vô cùng thiết yếu trong bối cảnh hậu sự thật ngày nay. Trong một thế giới ngày càng hỗn loạn, sự thật ngày càng bị phớt lờ, không được tôn trọng, việc công bố Chúa Giêsu là “Sự thật” không thể thiếu được trong chương trình Phúc Âm hóa của Giáo hội. Trong điều này, Giáo hội không thể nhân nhượng hay dè dặt, bất kể xã hội đang ưa chuộng những trào lưu tư duy nào.

---

<sup>43</sup> *Caritas in Veritate*, Số 4.

<sup>44</sup> Jordan Peterson, *Beyond Order: 12 More Rules for Life* (New York: Penguin, 2021): Epub version.

<sup>45</sup> *Ibid.*

*Sự sống.* Chúa Giêsu đã tuyên bố, “Tôi đến để cho chiêm được sống và sống dồi dào” (Ga 10,10). Tuyên bố này của Chúa Giêsu khẳng định nguồn gốc Kinh Thánh đối với truyền thống nhân văn Kitô giáo đã được phát triển suốt chiều dài lịch sử của Giáo hội. Chủ nghĩa nhân văn Kitô giáo được xây dựng theo mẫu gương của Con Người nhập thể là Chúa Giêsu Kitô, Người chính là sự hợp nhất hoàn hảo giữa Thiên Chúa và con người. Lấy cảm hứng từ mẫu nhiệm nhập thể, các Kitô hữu cũng được kêu gọi để kết hợp với Thiên Chúa qua việc trở nên hợp nhất với Con Nhập Thể của Người là Chúa Giêsu Kitô. Chính Chúa Kitô trở thành thước đo cho sự phát triển đạo đức, xã hội và tâm linh của con người, và chính Chúa Kitô là Đấng giúp con người chiến thắng sức mạnh của tội lỗi, thâm nhuần trái tim viên mãn công lý, và biểu lộ những chiều kích cao quý của bản chất con người.<sup>46</sup>

Hiến Chế Mục Vụ *Gaudium et Spes*, một trong những tài liệu quan trọng nhất của Giáo hội Công giáo, tuyên bố rằng chủ nghĩa nhân văn Kitô giáo được định nghĩa bởi "sự trưởng thành về tinh thần và đạo đức của loài người" và được đặc trưng bởi "trách nhiệm với anh em của mình và với lịch sử."<sup>47</sup> Ngược với chủ nghĩa nhân văn Kitô giáo là sự suy đồi đạo đức khiến thế giới bị bao trùm bởi “cấu trúc tội lỗi thực sự” và “nền văn minh sự chết” được phản ánh trong sự thiếu tôn trọng sự sống con người, xung đột ở cấp khu vực và toàn cầu, nạn nghèo đói và suy thoái môi trường, và nhiều vấn nạn khác nữa.

Những biểu hiện này phản ánh rõ rệt tình trạng thiếu phát triển con người một cách toàn diện. Do đó, chủ nghĩa nhân văn Kitô giáo kêu gọi học hỏi Chúa Giêsu trong cách chúng ta đối xử với đồng loại cũng như tạo vật, nhằm thăng tiến trọn vẹn trong mọi lĩnh vực trong đời sống chúng ta.

---

<sup>46</sup> Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptor Hominis* (1979), [http://w2.vatican.va/content/john-paul-ii/en/encyclicals/documents/hf\\_jp-ii\\_enc\\_04031979\\_redemptor-hominis.html](http://w2.vatican.va/content/john-paul-ii/en/encyclicals/documents/hf_jp-ii_enc_04031979_redemptor-hominis.html), số 10

<sup>47</sup> Công đồng Vatican II, Hiến Chế Mục Vụ Về Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay *Gaudium et Spes*, [http://www.vatican.va/archive/hist\\_councils/ii\\_vatican\\_council/documents/vat-ii\\_const\\_19651207\\_gaudium-et-spes\\_en.html](http://www.vatican.va/archive/hist_councils/ii_vatican_council/documents/vat-ii_const_19651207_gaudium-et-spes_en.html), no.22.



Chủ nghĩa nhân văn Kitô giáo khẳng định rằng để thành con người đích thực, đạt tới sự hưng thịnh và hạnh phúc viên mãn, phụ thuộc trực tiếp vào hành động của chúng ta đối với bản thân, với người khác và cả với các loài thụ tạo. Nói cách khác, mục tiêu tối hậu của mỗi chúng ta là đạt được sự sống vĩnh cửu trực tiếp phụ thuộc vào việc tuân thủ một chủ nghĩa nhân văn Kitô giáo, mà Giáo hội đã phát triển và truyền đạt cho chúng ta qua các giáo huấn của Hội Thánh suốt hai nghìn năm qua.

Ba ý niệm mà Chúa Giêsu mô tả về chính Ngài là “Đường”, “Sự thật” và “Sự sống” diễn đạt đầy đủ sứ điệp Kitô giáo mà Giáo hội phải công bố bằng cả lời nói và việc làm. Với tư cách là Nhiệm thể của Chúa Kitô, Giáo hội và các thành viên của mình có nhiệm vụ công bố nhân danh Chúa Kitô, đồng thời noi gương Ngài trong các hành động của mình. Không thể đánh giá thấp giá trị truyền thông của các hành động được nhìn thấy từ các vị lãnh đạo và các thành viên trong Hội Thánh, bên cạnh những lời nói mà người ta được nghe.

Thật vậy, nếu người dân tin vào những gì họ nghe được, đó là bởi vì họ đã quan sát thấy rằng những lời nói đó đã được chuyển thành những hành động cụ thể, trung thực, mang lại sự sống. Liên quan đến sứ mệnh đối thoại liên tôn mà bài viết bàn luận tới, những hành động xác thực nhằm củng cố cho những lời lẽ được công bố cũng là điều bắt buộc. Như Đức Thánh Cha Phanxicô đã khẳng định: “Chúng ta không áp đặt bất cứ điều gì, chúng ta không áp dụng bất kỳ chiến lược tinh vi nào để thu hút các tín hữu; thay vào đó, chúng ta làm chứng cho những gì chúng ta tin và việc chúng ta là ai với niềm vui và sự đơn sơ.”<sup>48</sup>

---

<sup>48</sup> Đức Giáo Hoàng Phanxicô, “Address to the Pontifical Council for Interreligious Dialogue,” 28/11/2013, [https://w2.vatican.va/content/francesco/en/speeches/2013/november/documents/papa-francesco\\_20131128\\_pc-dialogo-interreligioso.html](https://w2.vatican.va/content/francesco/en/speeches/2013/november/documents/papa-francesco_20131128_pc-dialogo-interreligioso.html).

## **Đối thoại trong kỷ nguyên kỹ thuật số**

Các tài liệu của Giáo hội đã giới thiệu bốn hình thức đối thoại liên tôn mà tất cả mọi người có thể thực hiện với những mức độ khác nhau, như đã đề cập ở trên. Trong khi các hình thức đối thoại cơ bản có thể không thay đổi, việc áp dụng dĩ nhiên phải được điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh kỹ thuật số ngày nay. Trong kỷ nguyên số, đối thoại không còn bị giới hạn trong không gian vật lý. Như đã thấy, ngày nay, phần lớn nội dung trình bày ý tưởng và quan điểm của mọi người thường diễn ra trong không gian mạng. Không gian mạng là nơi người ta dùng để truyền bá chủ nghĩa cơ yếu tôn giáo, xuất bản các bản tuyên ngôn cực đoan, tuyển mộ những kẻ khủng bố tiềm năng và đăng tải hướng dẫn cách chế tạo bom để thực hiện các chiến dịch bạo lực. Internet không chỉ là một nền tảng truyền thông đại chúng truyền thống như báo và sách được in trên giấy. Không gian mạng ngày nay đã biến thành một không gian không thể thiếu được trong cuộc sống con người, nó là nơi mọi người được kết nối và tương tác với nhau. Nó là nơi người ta có thể dùng để gây chiến, gieo rắc chia rẽ, hận thù, bạo lực, nhưng cũng có thể là nơi để xây dựng hòa bình, tình liên đới và sự hiệp thông. Vì vậy, đối thoại phải được thực hiện một cách có chủ đích và hệ thống trong không gian này. Như Đức Bênêđictô XVI đã khẳng định trong Thông điệp cho Ngày Truyền thông lần thứ 47,

Những không gian này, khi được tham gia một cách khôn ngoan và cân bằng, sẽ giúp thúc đẩy các hình thức đối thoại và tranh luận, nếu được tiến hành một cách tôn trọng và quan tâm đến quyền riêng tư, trách nhiệm và sự trung thực, có thể củng cố mối dây đoàn kết giữa các cá nhân và thúc đẩy hiệu quả sự hòa thuận của gia đình nhân loại.<sup>49</sup>

---

<sup>49</sup> Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI, Sứ điệp ngày Thế giới Truyền thông 2013, [http://www.vatican.va/content/benedict-xvi/en/messages/communications/documents/hf\\_ben-xvi\\_mes\\_20130124\\_47th-world-communications-day.html](http://www.vatican.va/content/benedict-xvi/en/messages/communications/documents/hf_ben-xvi_mes_20130124_47th-world-communications-day.html).

Nếu những người trong Giáo hội đã từng bước vào các nhà thờ Hồi giáo và giáo đường Do Thái để thực hiện đối thoại và xây dựng tình liên đới, thì điều tương tự cũng phải được thực hiện đối với các nền tảng trực tuyến nơi tụ họp của những người thuộc các truyền thống tôn giáo và hệ tư tưởng khác nhau. Tuy nhiên, khi nhìn sâu sắc vào sứ mệnh này, có thể thấy rằng đối thoại trong môi trường không gian mạng thách thức hơn nhiều so với không gian vật lý, một phần bởi vì các thực thể bên trong môi trường này là vô số. Mặc dù cơ hội đối thoại là vô hạn, nhưng không thể phủ nhận làm tốt sứ vụ thực sự rất là khó khăn.

Đối thoại trong kỷ nguyên kỹ thuật số đòi hỏi một nhận thức mới về ý nghĩa của khái niệm “cuộc sống hằng ngày”. Cái gọi là cuộc sống hằng ngày không còn chỉ là chuyện gặp gỡ mọi người ở chợ, ở quán cà phê, hay nơi làm việc. Cuộc sống hằng ngày còn bao gồm tất cả các cuộc gặp gỡ trên phương tiện mạng xã hội, trong đó có “bạn bè” trên Facebook, “những người theo dõi” trên Instagram và Twitter, và những người đồng nghiệp trên các diễn đàn thảo luận. Thuật ngữ “chuyên gia” trong việc đối thoại liên tôn không còn chỉ dành để nói về những người có bằng Thần học, Kinh Thánh, hay Tôn giáo học. Không gian hội thảo các vấn đề không chỉ là các phòng máy lạnh được bài trí đẹp đẽ tại các nhà thờ, học viện, thậm chí cả các phòng hội nghị của khách sạn cao cấp. “Chuyên gia” trong bối cảnh ngày nay còn bao gồm những người có khả năng thâm nhập vào các nền tảng khác nhau trên internet để tham gia đối thoại với các “chuyên gia” khác trong môi trường trực tuyến, trong các diễn đàn mà các nhóm người khác nhau tìm đến để bày tỏ suy nghĩ và cảm xúc.

Do đó, như Đức Bênêđictô XVI khẳng định, bối cảnh mới đòi hỏi “sự cam kết của tất cả những ai ý thức về giá trị của đối thoại, tranh luận có lý trí và lập luận hợp lý; của những người cố gắng trau dồi các hình thức diễn đạt và diễn đạt thu hút những nguyện vọng cao quý nhất của những người tham gia vào quá trình giao tiếp.”<sup>50</sup> Sứ mệnh đối thoại của Giáo hội hiện nay đòi hỏi một cái nhìn hoàn toàn mới về các hình thức đối thoại khác nhau từng được Giáo hội đưa ra trước đây. Trong thời đại kỹ thuật số, việc

---

<sup>50</sup> *Ibid.*

phải thực hiện các hình thức đối thoại liên tôn trong không gian trực tuyến yêu cầu nơi mỗi thành viên trong Giáo hội sự sáng tạo để đáp ứng tốt hơn những thay đổi trong lối sống và cách giao tiếp trong xã hội ngày nay. Thiết nghĩ các chuyên gia về đối thoại liên tôn cần nghiên cứu và tìm ra những phương cách thiết thực, hiệu quả để đối thoại trong không gian mạng, bên cạnh những hình thức đối thoại trong không gian vật lý.

\*\*\*

Trong kỷ nguyên kỹ thuật số, Giáo hội phải đương đầu với nhiều thách thức khi thực hiện sứ mệnh của mình. Một trong những thách thức lớn nhất của xã hội ngày nay là tư duy hậu sự thật có nguy cơ phá vỡ sự hiệp nhất trong Giáo hội cũng như các mối quan hệ giữa các tôn giáo. Trước bối cảnh đáng quan ngại này, các vị lãnh đạo Giáo hội phải chủ động và sáng tạo trong sứ mệnh đối thoại nhằm thúc đẩy sự đoàn kết bên trong Hội Thánh cũng như sự hòa hợp giữa các tôn giáo. Đối thoại giữa các tôn giáo phải tiếp tục là yếu tố chủ chốt của Giáo hội và tất cả các thành viên của Giáo hội. Đây không phải là một cách thức *mới* để thể hiện bản chất và sứ vụ của Giáo hội, nhưng là *cách thức thiết yếu*, nhất là trong bối cảnh ngày nay, sứ mệnh phục vụ Nước Trời của Giáo hội đang bị cản trở bởi chủ nghĩa bè phái, cố chấp, chủ nghĩa cơ yếu tôn giáo và chủ nghĩa cực đoan. Những hiện tượng và trào lưu tiêu cực này lại được hỗ trợ và được kích động bởi các công cụ và chiến dịch tuyên truyền thông tin xuyên tạc, sai lệch, ác ý. Sự trung thành của chúng ta với sứ mệnh này có nghĩa là chúng ta tiếp tục cam kết với các giá trị hòa bình, công lý và lòng nhân ái – những giá trị chỉ có thể được thực hiện thông qua đối thoại với những người thuộc các nền văn hóa và tôn giáo khác. Như Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã tuyên bố, các Kitô hữu phải “cam kết đối thoại với các tín đồ của tất cả các tôn giáo” và “sẽ chung tay với tất cả nam và nữ thiện

chí và làm việc cùng nhau để mang lại một xã hội công bằng và hòa bình hơn, trong đó người nghèo sẽ là người đầu tiên được phục vụ."<sup>51</sup>

Truyền bá sứ điệp Tin Mừng và loan báo Nước Thiên Chúa luôn là ưu tiên lớn nhất trong suốt lịch sử của Giáo hội. Sự tiến bộ về công nghệ thông tin và truyền thông đã được chứng minh có tiềm năng mang lại lợi ích to lớn trong sứ mệnh truyền bá Phúc Âm. Tuy nhiên, thời đại kỹ thuật số và tư duy hậu sự thật hiện nay cũng gây ra những trở ngại cho tính hiệu quả của công việc mà Giáo hội đang thực hiện. Bài viết này khẳng định mạnh mẽ rằng đối thoại liên tôn là điều cần thiết cho đời sống và sứ mạng của Giáo hội trong bối cảnh xã hội hiện nay. Trước những thế lực xã hội trực tiếp hoặc gián tiếp nhắm mục tiêu loại bỏ tôn giáo ra khỏi đời sống con người hoặc gây bất ổn cho nhân loại bằng cách gieo rắc sự hiểu lầm và xung đột tôn giáo, Giáo hội cần phải nỗ lực gấp đôi trong việc đối thoại giữa các tôn giáo ở mọi cấp độ và trong mọi môi trường bất kể vật lý hay kỹ thuật số. Tuy nhiên, hành động đối thoại đó được thực hiện như thế nào là điều mà các vị lãnh đạo trong Giáo hội cần nghiêm túc nghiên cứu, phân định và thử nghiệm nhằm đáp ứng được bối cảnh xã hội và lối tư duy của con người thời nay.

---

<sup>51</sup> Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, Sứ điệp ngày Thế giới Truyền thông 1981, [https://w2.vatican.va/content/john-paul-ii/en/speeches/1981/february/documents/hf\\_jp-ii\\_spe\\_19810221\\_manila-auditorium.html](https://w2.vatican.va/content/john-paul-ii/en/speeches/1981/february/documents/hf_jp-ii_spe_19810221_manila-auditorium.html), 5.

## Chương 6

# GIAO THOA VĂN HÓA

Từ năm 2008–2013, tôi được bề trên Dòng Ngôi Lời bổ nhiệm chăm sóc một giáo xứ nhỏ ở tỉnh Nong Bua Lamphu, vùng Đông Bắc Thái Lan. Nong Bua Lamphu là một tỉnh lẻ được tách ra khỏi tỉnh Udon Thani, cách thủ đô Bangkok khoảng 600km, và cách sông Mekong khoảng 100 km. Giáo xứ Thánh Micae được thành lập vào năm 2002 sau khi Su huynh Damien Lunders, một nhà truyền giáo Ngôi Lời người Mỹ đến đây để mở mang sứ vụ của hội dòng sau 25 năm truyền giáo tại Papua New Guinea. Ngoài việc quyên góp tiền để xây ngôi nhà thờ Công giáo đầu tiên tại tỉnh Nong Bua Lamphu, Thầy Damien còn thực hiện dự án xây dựng Trung tâm chăm sóc bệnh nhân HIV – cả người lớn lẫn trẻ em mồ côi. Sau khi nhà chăm sóc các trẻ em mồ côi bị nhiễm HIV phía sau nhà thờ được hoàn tất, Đức Giám mục Giáo phận lúc đó là Đức Cha George Yod Phimphisan, CSsR đã mời các Nữ tu Thừa Sai Bác Ái (Dòng Mẹ Têrêsa Calcutta) đến để đảm trách công việc.

Tôi bắt đầu sứ vụ của mình tại Nong Bua Lamphu sau khi đã trải qua chương trình học tiếng Thái căn bản trong vòng 6 tháng tại Bangkok và có thêm một thời gian ngắn để thực tập trong Giáo phận Udon Thani. Đang trong thời gian thực tập thì Đức Cha George gọi tôi vào văn phòng để nói chuyện. Ngài báo cho tôi biết là ngài sẽ bổ nhiệm tôi làm quản xứ Giáo xứ Thánh Micae vì cha quản xứ đương nhiệm, Dòng Chúa Cứu Thế được bề trên chuyển chuyên nhiệm vụ khác. Trong cơ cấu tổ chức Giáo hội tại Thái Lan, nhiều nơi người ta gọi là “giáo xứ”, nhưng trên thực tế có nơi chỉ có vài chục tới vài trăm giáo dân. Đó là trên danh sách, còn số lượng thực tế đến nhà thờ còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác. Trong

dan sách của Giáo xứ Thánh Micae có khoảng trên 100 giáo dân, nhưng thời gian đầu tới phục vụ tôi chỉ thấy vài chục người đi tham dự Thánh lễ Chúa Nhật. Thấy nhà thờ đã nhỏ mà nhiều hàng ghế còn trống, tôi quyết định tìm cách thế để kêu gọi bất cứ ai là người Công giáo tới nhà thờ tham dự Thánh lễ. Sau một thời gian tìm hiểu, tôi mới vỡ lẽ ra trong tỉnh có những người Công giáo là người Thái (Isan), người Thái gốc Việt, người Thái gốc Hoa, người Philippines đang dạy tiếng Anh ở một số trường trong tỉnh, người nước ngoài (chủ yếu đàn ông Tây) kết hôn với người Thái, và một số lao động di dân Việt Nam. Khởi đầu con số lao động di dân Việt Nam chỉ khoảng 15 người, sau một thời gian lên tới trên 30 người. Đối với một tỉnh thuộc “vùng sâu vùng xa” của Thái Lan, đây là con số đáng kể.

Sau khi gặp gỡ với những giáo dân này, tôi đã mời họ đến nhà thờ tham dự Thánh lễ Chúa Nhật. Dần dần số người đến nhà thờ mỗi ngày Chúa Nhật đông hơn. Các hàng ghế không những không còn chỗ trống, mà còn phải đặt thêm ghế ở cuối nhà thờ để cho mọi người có chỗ ngồi. Mặc dù Thánh lễ được cử hành bằng tiếng Thái, nhưng trong giáo dân có nhiều sắc tộc khác nhau. Ngay cả các sơ Dòng Mẹ Têrêsa cũng có thành viên đến từ nhiều quốc gia – Ấn Độ, Hàn Quốc và Philippines. Để giúp cho các giáo dân nước ngoài không cảm thấy bị lạc lõng khi đến tham dự Thánh lễ, tôi thường nói vài câu vắn tắt bằng tiếng Anh/Việt sau bài giảng chính bằng tiếng Thái. Tôi cũng làm một bản powerpoint với các câu thưa đáp trong nghi thức phụng vụ bằng tiếng Thái đã được phiên âm để mọi người có thể đọc theo.

Sau Thánh lễ, thành phần giới trẻ (cả người Thái, người Việt và các em bị nhiễm HIV trong trung tâm) ở lại sinh hoạt với nhau – tham gia các trò chơi, tập hát, học kỹ năng sống, chia sẻ Lời Chúa song ngữ, và dùng bữa trưa với nhau trước khi ra về. Tôi cũng thường xuyên tổ chức các sinh hoạt thiện nguyện như thăm viếng người già neo đơn, làm vệ sinh môi trường, quyên góp giúp nạn nhân thiên tai... Ngoài ra còn có các sinh hoạt khác như cắm trại, tĩnh tâm, hành hương v.v....mà cả giới trẻ người Thái lẫn người Việt đều tham dự chung với nhau.

Vào những dịp Lễ Giáng Sinh, tôi đưa toàn bộ nhóm giới trẻ đi hát thánh ca Giáng Sinh bằng tiếng Anh, tiếng Thái và tiếng Việt để chúc mừng Đức Giám mục, các sơ Dòng kín Capuchin, các người già trong viện dưỡng lão của Giáo phận, và những người già neo đơn trong các làng lân cận giáo xứ. Trong những sinh hoạt chung này, mặc dù có sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ và hoàn cảnh sống, nhưng các bạn trẻ rất hòa đồng, họ không phân biệt chủng tộc - địa vị xã hội, không phân biệt giữa người có cha mẹ với người mồ côi cha mẹ, không phân biệt giữa người có sức khỏe bình thường với người bị nhiễm HIV. Các bạn trẻ bất kể hoàn cảnh sống nào đều giao lưu, tương tác và gắn bó với nhau một cách cởi mở, chia sẻ và yêu thương. Trong nhóm mang một tinh thần và lối sinh hoạt riêng biệt, đặc trưng của nhóm mà tôi chưa tìm thấy ở bất cứ nơi nhóm nào mà tôi từng sinh hoạt trước đó hoặc sau này, kể từ ngày tôi chuyển lên Bangkok để đảm nhiệm sứ vụ mới. Trong đời sống truyền giáo của tôi, có thể nói một trong những kỷ niệm đẹp nhất là sinh hoạt giới trẻ tại giáo xứ nhỏ bé mà tôi từng đảm trách ở vùng Đông Bắc Thái Lan này.

Tất cả chúng ta đều sinh ra, lớn lên và trải qua ở trong một môi trường văn hóa cụ thể. Có người từ khi chào đời cho tới khi lià đời chỉ trải nghiệm một nền văn hóa duy nhất do họ không có cơ hội để đi ra ngoài môi trường sinh sống của mình, hoặc do nơi họ sinh sống chỉ có một nền văn hóa mà thôi. Có người tiếp xúc được với nhiều nền văn hóa khác nhau do họ sống trong xã hội đa văn hóa, có cơ hội đi du lịch hoặc công tác đến nhiều nơi trên thế giới, hoặc vì họ di cư từ nơi này qua nơi khác để sinh sống.

Ngày nay, với sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông kỹ thuật số, những người ở các vùng xa xôi cũng có cơ hội để “trải nghiệm” các nền văn hóa khác nhau qua các nội dung có thể truy cập trên mạng internet. Chỉ riêng nền tảng mạng xã hội YouTube có chứa hàng tỷ video với nội dung phong phú. Hiện nay YouTube đã có mặt ở trên 100 quốc gia và có thể duyệt bằng 80 ngôn ngữ. Mạng xã hội này



cũng có trên hai tỷ người sử dụng hàng tháng.<sup>1</sup> Vì thế việc được tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp với nhiều nền văn hóa khác nhau trên thế giới không còn là điều hiếm xảy ra với đa số người trong thời đại mới. Điều mà chúng ta quan tâm là làm thế nào để cho việc tiếp xúc với một nền văn hóa trở nên những trải nghiệm tốt đẹp, thú vị, cũng như mang lại sự thăng tiến cho cá nhân và cộng đồng. Làm thế nào để thúc đẩy sự hòa hợp và hiệp thông trong gia đình nhân loại, đồng thời hạn chế những xung đột, đổ kỵ và chia rẽ.

Thời đại toàn cầu hóa được thúc đẩy bởi sự di dân trên diện rộng và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và truyền thông đã tạo điều kiện cho nhiều cuộc gặp gỡ trực tuyến và ngoại tuyến giữa các cá nhân, cộng đồng và dân tộc. Trong bối cảnh này, “giao thoa văn hóa” (*interculturality*) là một khái niệm ngày càng trở nên ý nghĩa và được quan tâm đến. Trong công ước “Bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa” của UNESCO năm 2005, tổ chức này đã định nghĩa khái niệm ‘giao thoa văn hóa’ là “sự tồn tại và sự tương tác công bằng của các nền văn hóa đa dạng và khả năng tạo ra các biểu đạt văn hóa chung thông qua đối thoại và tôn trọng lẫn nhau.”<sup>2</sup> Tuy nhiên, giao thoa văn hóa không chỉ được xem như là một khái niệm xã hội học hay nhân chủng học, mà còn có thể được hiểu từ góc nhìn của thần học. Ý nghĩa thần học của giao thoa văn hóa đã được đào sâu bởi các thần học gia Công giáo nổi tiếng như Anthony G. Gittins và nhiều nhà truyền giáo của Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời, đặc biệt qua những bài viết được xuất bản trong tạp chí *Verbum SVD* cũng như qua các tập sách chuyên đề.

Mục đích của bài viết này là để bổ sung vào cuộc thảo luận về đề tài giao thoa văn hóa, không phải từ quan điểm thần học hay suy tư Kinh Thánh, nhưng với việc xem xét bối cảnh xã hội hiện nay được đặc trưng bởi những tiến bộ to lớn trong công nghệ thông tin và truyền thông

<sup>1</sup> Omnicore, “YouTube by the numbers: Stats, Demographics and Fun Facts,” <https://www.omnicoreagency.com/youtube-statistics/>

<sup>2</sup> UNESCO, “Công ước bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa,” [http://www.unesco.org/new/fileadmin/MULTIMEDIA/FIELD/Hanoi/pdf/Convention\\_2005.pdf](http://www.unesco.org/new/fileadmin/MULTIMEDIA/FIELD/Hanoi/pdf/Convention_2005.pdf). English version: <https://en.unesco.org/creativity/interculturality>

(CNTT-TT). Đặc biệt bài viết sẽ tập trung vào những câu hỏi sau: 1) Thế giới kỹ thuật số hiện đại mang lại những cơ hội nào trong việc thúc đẩy giao thoa văn hóa? 2) Trái lại, những thách thức nào đối với giao thoa văn hóa được đặt ra trong bối cảnh hiện nay? 3) Sự hiểu biết đúng đắn về giao thoa văn hóa trong thời đại CNTT-TT là gì? (4) Và làm thế nào để sự giao thoa văn hóa có thể được cổ vũ và thúc đẩy xa hơn trong bối cảnh xã hội - văn hóa ngày nay?

Tuy chúng ta có thể dễ dàng nhận ra giá trị của khái niệm giao thoa văn hóa trong môi trường kỹ thuật số hiện đại như là một lý tưởng về xã hội học và truyền giáo học, nhưng việc thực hiện mô hình này đòi hỏi nhiều hiểu biết đúng đắn về bối cảnh thời đại cũng như việc sử dụng các phương thế giao tiếp phù hợp để duy trì và thúc đẩy tầm nhìn về giao thoa văn hóa cách hiệu quả nhất. Tuy mô hình giao thoa văn hóa đã trở nên phổ biến và được ưa chuộng trong những năm gần đây ở giới học thuật như các nhà xã hội học cũng như các nhà thần học, mô hình này sẽ khó thành công nếu không có những biện pháp để giải quyết cách hiệu quả các vấn đề mà CNTT-TT đặt ra cho xã hội ngày nay.

### **Định nghĩa giao thoa văn hóa**

Giao thoa văn hóa đã trở thành một khái niệm ngày càng quan trọng đối với Giáo hội trong những thập kỷ gần đây. Hiện tượng này phần nào phản ánh sự ‘nhạy cảm văn hóa’ nơi Giáo hội trước môi trường thế giới đa văn hóa hiện nay. UNESCO định nghĩa văn hóa là “tập hợp các đặc trưng tiêu biểu về tinh thần, vật chất, tri thức và xúc cảm của xã hội hoặc một nhóm người trong xã hội; văn hóa không chỉ bao gồm văn học và nghệ thuật, mà còn cả phong cách sống, phương thức chung sống, các hệ giá trị, truyền thống và niềm tin.”<sup>3</sup> Với định nghĩa này, có thể thấy được trên thế giới có hàng ngàn nền văn hóa khác nhau. Tuy nhiên, trong quá

---

<sup>3</sup> UNESCO, “UNESCO Universal Declaration on Cultural Diversity” (Paris: UNESCO, 2001).

khứ cũng như hiện tại, do con người từ các nền văn hóa khác nhau có nhu cầu đi lại để giao thương, mưu sinh, tránh tai ương... nên các nền văn hóa có cơ hội để gặp gỡ nhau và chịu ảnh hưởng của nhau. Ngày nay, hiện tượng toàn cầu hóa và di cư liên quốc gia khiến cho con người dễ dàng di chuyển từ nơi này đến nơi khác để học tập, làm việc, du lịch, và định cư. Vì thế, các xã hội đương thời mang tính đa văn hóa hơn bao giờ hết. Ngay cả ở các làng quê vùng Đông Bắc Thái Lan mà tôi đã từng phục vụ, trước đây chỉ có người Thái Isan, thì nay vùng này đã có rất nhiều người nước ngoài đến cư trú – như tôi đã chia sẻ ở đầu bài viết.

Khi nói đến đa văn hoá, hiện tượng này không chỉ được thấy ở các thành phố lớn đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế của quốc gia, mà ngày càng có thể chứng kiến sự đa văn hóa ở các thị trấn và làng mạc trên khắp thế giới. Tình trạng con người xuất phát từ những quốc gia và nền văn hóa khác nhau tìm đến sống chung với nhau trong cùng một môi trường tạo cơ hội cho sự gặp gỡ, trao đổi giữa các nền văn hóa trong cuộc sống hằng ngày. Những sự trao đổi và gặp gỡ này có thể tích cực hoặc tiêu cực tùy thuộc vào tính cách và tâm thái cảm xúc của những người trong cuộc. Đó có thể là những dịp thuận tiện để mọi người thể hiện sự tôn trọng lẫn nhau, để trao đổi, chia sẻ và tương trợ lẫn nhau, hoặc cũng có thể là những sự kiện bộc lộ những hiểu lầm, sợ hãi và những định kiến mà người ta mang trong lòng trước những người khác biệt với mình.

Ở cấp độ cộng đồng, sự tương tác giữa các nhóm văn hóa khác nhau, đặc biệt là người nhập cư, có thể dẫn đến sự đồng hóa (*assimilation*). Sự đồng hóa xảy ra khi nhóm thiểu số được đồng hóa vào nhóm đa số đến mức một phần hoặc toàn bộ sự đa dạng ban đầu sẽ được thay thế bằng tính đồng nhất, phản ánh nền văn hóa của nhóm đa số. Điển hình ở Thái Lan, người Hoa và người Việt đã di cư đến Đất Nước Chùa Vàng hàng trăm năm trước. Trong quá trình xây dựng đất nước và thúc đẩy sự hòa hợp dân tộc, cả người Hoa và người Việt đều bị buộc phải lấy tên Thái (cả họ và tên) nếu họ muốn nhập tịch Thái Lan. Trong nhiều năm trước đây, người Việt di cư sang Thái Lan không được học và nói tiếng Việt;

những người muốn học cách đọc, viết và nói ngôn ngữ của mình thì phải lén lút học. Vì thế, thế hệ người Thái gốc Việt sinh ra và lớn lên tại Thái Lan từ 80 năm trở lại có rất ít người nói được tiếng Việt. Điều này phản ánh chủ trương của các nhà lãnh đạo Thái Lan trong quá khứ muốn tạo ra một bản sắc “Thái” đồng nhất nhằm loại bỏ các nguy cơ chia rẽ và xung đột trong xã hội.

Bên cạnh sự đồng hóa, "hội nhập" (*integration*) là một cách tiếp cận khác có thể được áp dụng trong môi trường đa văn hoá, theo đó nhóm đa số sẽ cố gắng hòa nhập hoặc kết hợp với nhóm thiểu số để tạo ra một xã hội tương đối bình đẳng. Đối với nhiều người di dân Việt Nam tại Hoa Kỳ, song song với lối sống và cách làm việc theo văn hóa bản địa của người Mỹ, họ cũng giữ được nhiều nét văn hóa truyền thống của mình như thói quen ăn uống, lễ hội truyền thống và cách xưng hô với nhau trong đời sống hằng ngày, v.v. Nhiều khi những nét văn hóa này lại trở thành một phần trong nền văn hóa của toàn thể cộng đồng. Chính vì thế mà ở Hoa Kỳ, việc ăn bằng đũa không còn là chuyện nhóm người thuộc văn hóa nào dùng, mà là vấn đề bạn đang ăn món gì. Một người da trắng vào một quán phở hay một quán sushi thì hiển nhiên sẽ dùng đũa để gắp thức ăn. Ngược lại, một người gốc Hoa vào nhà hàng steak thì dĩ nhiên phải dùng dao và nĩa. Hội nhập là một cách tiếp cận được xem là toàn diện và bình đẳng hơn “sự đồng hóa” để ứng xử với các cuộc “gặp gỡ văn hóa”. Khác với cách đồng hoá, phương cách “hội nhập” không chủ trương loại bỏ và triệt tiêu các nét văn hóa của nhóm thiểu số. Ngoài sự đồng hóa và hội nhập còn có những cách tiếp cận khác để đối phó với sự đa dạng văn hoá, nhưng chúng ta sẽ không đào sâu vì giới hạn của bài viết này.

Tuy nhiên, giao thoa văn hóa là cách mà các nhà xã hội học, các thần học gia cũng như nhà truyền giáo đã và đang đề cao và hướng tới như một mô hình thể hiện sự nhận thức đầy đủ về giá trị của mỗi nền văn hóa. Trong Giáo hội Công giáo, nhận thức về những giá trị của giao thoa văn hóa đã được nhìn thấy vào năm 1993 khi Đức Hồng y Joseph

Ratzinger đề cập đến khái niệm này trong bài phát biểu của ngài với các giám mục đến từ Á châu:

Chúng ta không nên nói về sự "hội nhập văn hóa" (*inculturation*) nữa mà là sự gặp gỡ của các nền văn hóa hoặc "giao thoa văn hóa" – nói theo một cụm từ mới. Đối với sự hội nhập văn hoá, giả định rằng một đức tin bị tước bỏ về văn hóa được cấy ghép vào một nền văn hóa thờ ơ về mặt tôn giáo, và theo đó, hai chủ thể không quen biết nhau về mặt hình thức sẽ gặp gỡ và dung hợp. Nhưng quan niệm như vậy trước hết là giả tạo và phi thực tế, vì ngoại trừ nền văn minh công nghệ hiện đại, không có cái gọi là đức tin không có văn hóa hoặc văn hóa không có đức tin. Trên tất cả, thật khó để hình dung làm thế nào mà hai thực thể xa lạ với nhau, lại có thể đột nhiên trở thành một tổng thể khả thi trong một cuộc cấy ghép mà nơi đó tiềm ẩn sự nguy hại cho cả hai. Chỉ khi tất cả các nền văn hóa đều có khả năng phổ cập và cởi mở với nhau thì sự giao thoa văn hóa mới có thể dẫn đến sự phát triển mạnh mẽ của những hình thái mới.<sup>4</sup>

Giao thoa văn hóa đã được một số thần học gia nhận định là một sự chuyển biến tự nhiên từ khái niệm "hội nhập văn hóa" (*inculturation*) vốn phổ biến vào cuối thế kỷ trước. Theo Samuel Neceno Agcaracar, SVD:

Sự hội nhập văn hóa về cơ bản được coi là một phản ứng đối với lời kêu gọi trao trả nền độc lập cho các thuộc địa và trao quyền cho các Giáo hội địa phương, vốn đang được xây dựng vào thời kỳ đầu của Công đồng Vatican II. Do đó, nó là một mô hình được sinh ra từ sự cần thiết đáp ứng một nhu cầu thiết yếu khác trong bối cảnh thời đó.<sup>5</sup>

Nhà truyền giáo học người Hà Lan Franz Wijssen cho rằng sứ vụ của Giáo hội Công giáo hiện đại đã được đánh dấu bởi ba mô hình chính yếu:

---

<sup>4</sup> Joseph C. Ratzinger, "Christ, Faith and the Challenge of Meeting Cultures," Address to the presidents of the Asian Bishops' Conferences and the chairmen of their doctrinal commissions (Hongkong, 2-5/3/1993), pt. 1.

<sup>5</sup> Samuel Neceno Agcaracar, *Interculturality in the Service of Communion: Exploring New Pathways of Mission* (Manila: Logos Publications, 2019), 17.

1) Sự xâm nhập của Kitô giáo sang các nền văn hóa khác, dẫn đến việc các giáo hội địa phương lấy người châu Âu làm trung tâm; 2) Sự hội nhập văn hóa của Kitô giáo vào các nền văn hóa khác, vốn thống trị vào cuối thế kỷ XX; và 3) Sự giao thoa văn hóa trong hiện tại và tương lai của Giáo hội.<sup>6</sup>

Trong những năm gần đây, thuật ngữ giao thoa văn hóa đã được nhiều học giả giải thích và đào sâu ý nghĩa rõ ràng hơn. Tất cả những diễn giải dường như đều nhấn mạnh sự tương tác diễn ra trong các cuộc gặp gỡ giữa những người đến từ các nền văn hóa khác nhau. Daniel Pietrzak định nghĩa “giao thoa văn hóa” như sau:

Giao thoa văn hóa, như được hiểu cách rộng rãi ngày nay, bao gồm một quá trình phát triển đầy thách thức và có lẽ không bao giờ kết thúc thông qua sự tương tác giữa các thành viên của những nhóm văn hóa khác nhau. Nó chắc chắn không chỉ đơn thuần là tình trạng “sống trong hòa bình” hoặc “bình đẳng nhưng riêng biệt”. Nó cũng không thể được hiểu cách hạn hẹp như một số tương tác văn hóa tượng trưng như ẩm thực, âm nhạc hoặc những biểu hiện dân gian khác. Giao thoa văn hóa không thể áp đặt bằng cách tạo ra một sự đồng nhất giả tạo để bóp nghẹt mọi khác biệt. Việc phủ nhận sự tồn tại của những khác biệt không thúc đẩy sự thống nhất cũng không bảo vệ những gì vốn có. Trên thực tế, giao thoa văn hóa là kết quả của việc kết nối các đóng góp từ các nét văn hóa khác nhau để tạo thành một cái gì đó MỚI mà không làm giảm đi giá trị thực của mỗi thành phần văn hóa.<sup>7</sup>

Từ định nghĩa này, chúng ta có thể thấy rằng mô hình giao thoa văn hóa đề cao và nhấn mạnh đến tính tương hỗ trong các cuộc gặp gỡ có yếu tố văn hóa. Mô hình giao thoa văn hóa bác bỏ các quan điểm cho rằng “tất cả mọi người đều giống nhau”. Quan điểm này có thể khiến nhóm

---

<sup>6</sup> Frans Wijsen, “Mission in a New Key: From Inculturation to Interculturation,” in *The Future of Missio Ad Gentes* (Rome: SMA Generalate, 2006).

<sup>7</sup> Daniel Pietrzak, “Interculturality and Internationality: A Utopia or a Constructive Tension for a Franciscan Missiology,” Paper given at the International Missionary Congress OFM Conv, 2006, Cochin, India.

thiếu số phải từ bỏ bản sắc văn hóa của mình để trở nên giống như nhóm đa số. Ngược lại, mô hình giao thoa văn hóa cũng bác bỏ giả định cho rằng “*mọi nền văn hóa về cơ bản là khác nhau*”, vì thế không thể tìm thấy điểm chung giữa các nền văn hóa hoàn toàn khác biệt. Mô hình giao thoa văn hoá nhận thức sự khác biệt của các nền văn hoá, nhưng đồng thời cũng nhấn mạnh sự chòng chéo văn hoá (sự tương đồng), điều này làm cho các nền văn hóa vừa mang tính khác biệt vừa mang tính giống nhau. Theo Robert Kissala, SVD:

Khái niệm giao thoa văn hóa nhấn mạnh và làm rõ hơn tính tương hỗ thiết yếu của quá trình giao thoa xảy ra ở cả hai cấp độ cá nhân và xã hội. Nó cũng cho thấy cách rõ ràng rằng, mục tiêu của quá trình này không phải là sự đồng hóa cũng không phải là sự cô lập một số người hoặc một nền văn hóa nào đó, mà là sự nhận thức và chấp nhận những điểm tương đồng lẫn khác biệt.<sup>8</sup>

Khi nghĩ về sự đang dạng về văn hóa, người ta thường nghĩ đến hai thực tại: tính quốc tế (*internationality*) và tính đa văn hóa (*multiculturality*). Tuy nhiên, những gì trình bày ở trên về khái niệm giao thoa văn hóa chứng tỏ rằng mô hình này vượt ra ngoài tính “quốc tế” hay “đa văn hóa”. Cả hai khái niệm này chỉ mô tả thực tại ở bề ngoài, nhưng không phản ánh bất cứ điều gì đang diễn ra bên trong cộng đồng, cụ thể liên quan đến mối tương quan giữa các thành viên trong cộng đồng với nhau.<sup>9</sup> Nói cách khác, khi dùng thuật ngữ “quốc tế” để chỉ về một nhóm người, chúng ta chỉ biết rằng nhóm người đó bao gồm các thành viên xuất thân từ các quốc gia khác nhau. Ví dụ, nếu như trong một cộng đoàn tu sĩ ở Nhật Bản có 20 thành viên đến từ 6 quốc gia khác nhau, thì cộng đoàn đó được coi là cộng đoàn quốc tế.

Tôi thuộc Dòng Truyền giáo Ngôi Lời, một hội dòng quốc tế hay hội dòng đa quốc gia. Đã từ lâu, Hội Dòng có chủ trương thành lập các cộng

---

<sup>8</sup> Robert Kisala, “Formation for Intercultural Life and Mission,” *Verbum SVD* 50, no.3 (2009), 335.

<sup>9</sup> Anthony Gittins, *Living Mission Interculturality: Faith, Culture and the Renewal of Praxis* (Minnesota: Collegeville Liturgical Press, 2006), xiii-xiv.

đoàn quốc tế với các thành viên đến từ các quốc gia khác nhau, nếu không gặp trở ngại về mặt luật pháp ở đất nước sở tại hoặc về mặt nhân sự. Đường lối hoạt động này của Dòng Ngôi Lời khởi nguồn từ những ngày đầu tiên thành lập Hội Dòng. Mặc dù điều này không phải là hiếm thấy trong các dòng tu mang tính quốc tế, nhưng đối với các thành viên Dòng Ngôi Lời, cách hoạt động này không phải do ngẫu nhiên hoặc đơn thuần là vì sự thuận tiện, mà vì đường lối này thể hiện một khía cạnh đặc biệt và thiết yếu trong đặc sủng Ngôi Lời.

Thuật ngữ “đa văn hóa” cũng được hiểu và sử dụng cách tương tự, nhưng thay vì lấy quốc tịch thì lấy văn hóa làm trọng tâm. Trong cộng đoàn được đề cập ở trên, 20 thành viên có thể đến từ 6 quốc gia khác nhau nhưng lại xuất thân từ 10 nền văn hóa khác nhau. Điều này khả thi là vì trong một quốc gia, chúng ta có thể tìm thấy nhiều nền văn hóa khác nhau. Vì thế, hai người có thể cùng mang một quốc tịch nhưng lại không cùng văn hóa. Tại Đại chủng viện Quốc gia Lux Mundi ở Thái Lan – nơi tôi hiện đang giảng dạy – tất cả sinh viên đều mang quốc tịch Thái Lan. Tuy nhiên, có thể có năm hoặc sáu nền văn hóa khác nhau trong mỗi lớp vì các chủng sinh đến từ các nhóm dân tộc thiểu số khác nhau như Thái, Hmong, Pakinyo, v.v.. Ngay cả khi đến từ cùng một nhóm dân tộc nhưng từ các vùng miền khác nhau của đất nước, họ sẽ mang những khác biệt về văn hóa, ẩm thực và ngôn ngữ. Vì vậy, "văn hóa" là một cách gọi linh hoạt hơn nhiều so với quốc tịch.

Theo cách này, các từ như “quốc tế” và “đa văn hóa” khi được dùng để mô tả một cộng đồng nào đó chỉ cho chúng ta thấy cách khách quan rằng, cộng đồng đó có các thành viên đến từ các quốc gia và nền văn hóa khác nhau. Tuy nhiên, hai từ này không phản ánh bất cứ điều gì về bản chất thật sự của các mối tương quan giữa các thành viên trong cộng đồng đó. Khi nói về tính đa văn hóa, Anthony Gittins khẳng định rằng:

Từ “đa văn hóa” có thể áp dụng cho một xã hội trên thực tế nhưng nó không tiết lộ bất cứ điều gì về các phẩm chất hoặc nét đặc trưng của các mối tương quan bên trong. Hàng triệu người sinh sống trong các thành phố đa văn hóa hoặc các vùng lân cận, bên



ạnh những người đến từ nhiều nền văn hóa khác nhau, nhưng dường như họ không bao giờ cố gắng học một ngôn ngữ khác hoặc gặp gỡ những người hàng xóm của mình mà không theo cách chiếu lệ hời hợt. Chủ nghĩa đa văn hóa đã được mô tả là “sống với nhau riêng biệt”.<sup>10</sup>

Nhận xét của Gittins rất chính xác với bối cảnh của xã hội đương đại. Ngày nay, nhiều người sống trong các môi trường đa văn hóa là do hoàn cảnh của cuộc sống nhiều hơn là do sự tự do tích cực tìm kiếm một môi trường như vậy để định cư. Tại thủ đô Bangkok, Thái Lan và các vùng phụ cận có hàng triệu người nước ngoài đang sinh sống và làm việc – cả các chuyên gia lẫn những lao động phổ thông. Có rất nhiều dấu hiệu chỉ ra tính quốc tế và đa văn hóa của thành phố lớn nhất Xứ Chùa Vàng, như thức ăn được bán trong các trung tâm mua sắm và ngôn ngữ nghe thấy trên đường phố, nhưng rất ít bằng chứng xác thực về sự giao thoa văn hóa. Tôi đã thấy con cái của những người ngoại quốc giàu có làm việc tại Thái Lan và lớn lên ở đất nước này; tuy nhiên, họ đến học tại các trường quốc tế với đa số sinh viên là con cái của giới thượng lưu và những người nước ngoài khác, với ngôn ngữ giảng dạy là tiếng Anh. Vì vậy những đứa trẻ này không bao giờ được học cách nói tiếng Thái. Điều này thật đáng tiếc vì những người trẻ tuổi bỏ qua cơ hội tốt để tiếp nhận một ngôn ngữ mới, đặc biệt là khi họ đang sống ở một quốc gia sử dụng chính ngôn ngữ ấy.

Khác với hai khái niệm trên, mô hình giao thoa văn hóa không chú trọng đến cấu trúc văn hóa trong cộng đồng hay xã hội, mà chú trọng đến sự tương tác diễn ra giữa những người thuộc các nền văn hóa khác nhau trong xã hội hoặc cộng đồng đó. Nó biểu thị sự trao đổi lẫn nhau giữa các nền văn hóa để có thể dẫn đến sự biến đổi và thăng tiến ở những người tham gia vào quá trình giao thoa này.<sup>11</sup> Một cộng đồng đa dạng về văn hóa được đặc trưng bởi sự giao thoa văn hóa sẽ không chỉ thể hiện tình

---

<sup>10</sup> Gittins, *Living Mission Interculturality*, xiv.

<sup>11</sup> Lazar Stanislaus and Martin Ueffing, eds. *Intercultural Living*. Vol.1 (Sankt Augustin: Steyler Missions-wissenschaftliches Institut-ISPCK, 2015), xxiv.

trạng mọi người cùng sống chung với nhau mà thay vào đó, họ “tương tác với nhau, học hỏi và phát triển cùng nhau, xây dựng các mối quan hệ và trở nên biến đổi, định hình và hun đúc từ những kinh nghiệm của nhau. Trọng tâm của nó không chỉ là sự sống nhưng quan trọng hơn còn là sự kết nối sâu sắc, tương tác và giúp đỡ lẫn nhau, tôn trọng và học hỏi lẫn nhau.”<sup>12</sup> Nói cách khác, giao thoa văn hóa bao gồm sự tương hỗ, hiểu rõ giá trị và tôn trọng nền văn hóa của nhau. Mô hình này thúc đẩy đi xa hơn những hành động tối thiểu như “thừa nhận tính độc đáo của một nền văn hóa” hay “chấp nhận chịu đựng một nền văn hóa khác.” Mô hình kêu gọi tận dụng các nguồn lực văn hóa của cả hai bên trong cuộc gặp gỡ như một phương tiện hướng tới sự biến đổi và phát triển cá nhân cũng như cộng đồng. Do đó, trong thế giới đa văn hóa và toàn cầu hóa hiện nay, việc mở rộng tính quốc tế hoặc đa văn hóa trong cộng đồng hoặc xã hội là chưa đủ; những gì chúng ta cần cổ vũ và hướng tới là sự giao thoa văn hóa, bởi vì mô hình này không nhấn mạnh thành phần văn hóa - quốc tịch của một nhóm, mà tập trung vào chất lượng của các mối quan hệ được hình thành và nuôi dưỡng trong quá trình giao thoa.

Việc áp dụng giao thoa văn hóa làm khuôn mẫu cho cách chúng ta tương tác với nhau trên bình diện cá nhân cũng như tập thể có ý nghĩa to lớn đối với công việc mục vụ và sứ vụ của Giáo hội. Là các thành viên trong một Giáo hội hoàn vũ trong kỷ nguyên kỹ thuật số, việc sống và làm việc trong các môi trường đa văn hóa đã trở nên điều bình thường cho phần lớn trong chúng ta. Cách chúng ta liên kết với những người từ các nền văn hóa khác sẽ quyết định đến chất lượng của các mối quan hệ của chúng ta cũng như đời sống của Giáo hội. Lối hành xử của giáo dân sẽ ảnh hưởng đến cách một cộng đồng giáo xứ đối xử với một cha xứ mang quốc tịch nước ngoài, và ngược lại. Nó sẽ định hình cách một cộng đồng tiếp đón những người di dân đến xin gia nhập giáo xứ và xem giáo xứ là ngôi nhà mới của họ. Giao thoa văn hóa sẽ định hướng cách các thành viên trong một hội dòng tu trì tương quan với nhau trong đời sống cộng đồng. Ngay cả ở một đất nước như Việt Nam, nơi hầu hết các thành

---

<sup>12</sup> *Ibid.*, xxiv-xxv.

viên trong các cộng đoàn tu sĩ đều là người Việt, nhưng vẫn có sự đa văn hóa trong cộng đoàn do có những người đến từ các vùng miền khác nhau của đất nước. Việc một cộng đoàn ở Sài Gòn có thành viên đến từ Lâm Đồng, Vũng Tàu, Nghệ An, Nam Định... đòi hỏi giao thoa văn hóa trong cách các thành viên tương tác với nhau. Bên cạnh đời sống cộng đoàn và giáo xứ, điều quan trọng không kém là mô hình giao thoa văn hóa sẽ ảnh hưởng như thế nào đến sứ vụ truyền giáo của Giáo hội trên khắp thế giới.

Những gì đã trình bày ở trên cho thấy tầm quan trọng của giao thoa văn hóa như một mô hình về sự tương tác giữa con người với nhau trong một Giáo hội và một thế giới đa văn hóa. Tuy nhiên, viễn tượng về một xã hội bao gồm những mối tương quan được hình thành và nâng cao qua sự giao thoa văn hóa gặp không ít thách đố trong kỷ nguyên kỹ thuật số. Trong phần tiếp theo, chúng ta sẽ xem xét vai trò của công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT-TT) trong việc thúc đẩy hoặc cản trở sự giao thoa văn hóa trong xã hội ngày nay.

## **Cơ hội**

Sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT-TT) tạo nhiều cơ hội để hiện thực hóa mô hình giao thoa văn hóa, đặc biệt là khả năng loại bỏ nhiều rào cản truyền thống khiến cho những cuộc gặp gỡ không thể diễn ra. Vì sự gặp gỡ giữa con người với con người là điều không thể thiếu trong quá trình giao thoa, bất kể yếu tố gì giúp thúc đẩy sự gặp gỡ đều được xem như là đóng góp làm cho mô hình được hiện thực hóa nhanh chóng hơn. Sau đây chúng ta xem qua một số rào cản mà CNTT-TT giúp loại bỏ:

### **1. Không gian**

Vấn đề giao thoa giữa các nền văn hóa không còn bị cản trở bởi khoảng cách vật lý giữa người này với người kia. Dù ở các thành phố,

quốc gia hay lục địa khác nhau, mọi người đều có thể dễ dàng kết nối với nhau nhờ sự trợ giúp của CNTT-TT. Tính đến tháng 1 năm 2020, 59 phần trăm dân số thế giới (4,54 tỷ người) đã tiếp cận được với internet.<sup>13</sup> Mặc dù vẫn còn vài quốc gia như Triều Tiên, internet không được sử dụng rộng rãi trong dân chúng, nhưng hầu như tất cả các quốc gia trên thế giới đều có kết nối internet ở nhiều mức độ khác nhau. Vì vậy, ngày nay, mặc dù nhiều người vì lý do nào đó không thể ra khỏi tỉnh, thành phố hoặc quốc gia của mình, thậm chí không thể ra khỏi nhà, nhưng điều này không ngăn cản họ kết nối với gia đình, bạn bè và ngay cả những người hoàn toàn xa lạ từ các quốc gia khác trên thế giới. Nhiều trẻ em sinh ra trong kỷ nguyên kỹ thuật số đã biết giao tiếp với những người ở xa nửa vòng trái đất trước khi chúng đi được những bước đầu tiên.

Một phần công việc của Trung tâm Nghiên cứu Á châu về Tôn giáo và Truyền thông Xã hội (Asian Research Center for Religion and Social Communication, ARC, Đại học St. John's - Thái Lan), nơi tôi đang làm giám đốc điều hành, là tổ chức các hội nghị quốc tế bàn tròn thường niên. Một trong những hội nghị gần đây của chúng tôi đã diễn ra vào ngày 9-12 tháng 3 năm 2020 tại Đại học St. Louis, Bangkok, Thái Lan. Tuy nhiên, trước khi hội nghị được diễn ra, đại dịch Covid-19 đã bắt đầu bùng phát ở nhiều quốc gia. Tại Thái Lan, vào những ngày đầu tháng 3, diễn biến phức tạp của dịch bệnh cũng đang leo thang khiến cho du luận xôn xao và người dân trở nên hoang mang.

Trước tình trạng ngày càng thêm nghiêm trọng, một số học giả tham gia hội nghị từ các quốc gia, trong đó có Ấn Độ, Philippines và Đài Loan v.v đã phải hủy bỏ những vé máy bay đã đặt sẵn đến Thái Lan tham dự chương trình, trong đó một số trường hợp vì các nước bắt đầu ban hành các hạn chế về xuất nhập cảnh. May mắn thay là một số ít tham dự viên vẫn có thể thực hiện chuyến đi, trong khi một số khác đã có mặt ở trong nước.

Sau nhiều cuộc thảo luận với hội đồng quản trị của Trung tâm Nghiên cứu và ban lãnh đạo của trường Đại học St. Louis, chúng tôi quyết định

---

<sup>13</sup> Statista, <https://www.statista.com/statistics/617136/digital-population-worldwide/>

tiến hành hội nghị bàn tròn theo kế hoạch đã định. Những người không thể trực tiếp đến Bangkok đã được tạo điều kiện thuyết trình trực tuyến thông qua ứng dụng Google Meet. Kết quả là, chúng tôi đã có một hội nghị “*hybrid*” trong đó một nửa số thành viên tham dự thuyết trình trực tiếp các bài báo cáo của họ, trong khi nửa còn lại tham gia và trình bày trực tuyến thông qua Google Meet. Những gì đã xảy ra trong chương trình hội nghị của ARC như một lời tiên báo về thực trạng của thế giới trong suốt thời gian đại dịch Covid-19 diễn ra trên khắp thế giới.

Trong thời đại dịch, hầu như ‘trực tuyến’ là lựa chọn ưu tiên, nếu không phải là bắt buộc, cho nhiều hội nghị và sự kiện diễn ra vì đa số các quốc gia hoàn toàn đóng các cửa khẩu đường không cũng như đường bộ. “Hội thảo trên web” (*Webinar*) qua các nền tảng Zoom và Google Meet đã trở thành thuật ngữ quen thuộc dùng để chỉ các chương trình tọa đàm và hội nghị diễn ra trong không gian mạng. Vì vậy, mặc dù bị chia cắt về mặt vật lý do đại dịch, các cuộc thảo luận và gặp gỡ vẫn tiếp tục diễn ra nhờ sự trợ giúp của CNTT-TT. Dĩ nhiên, người ta không chỉ hội thảo trên mạng mà còn tổ chức vô số sinh hoạt khác theo hình thức trực tuyến như dạy học, họp giao ban trong các tổ chức và công ty, tổ chức các chương trình ca nhạc hoặc giao lưu bạn bè. Về phía Giáo hội thì tổ chức các Thánh Lễ, các lớp học giáo lý, giờ cầu nguyện, tĩnh tâm, học hỏi Kinh Thánh... trên mạng cho người giáo dân có thể “tham dự”.

## 2. Thời gian

Một mạng internet tốt, ổn định có thể hoạt động 24 trên 24. Vì thế cho dù chúng ta ở bất cứ múi giờ nào thì chúng ta cũng vẫn có thể kết nối với nhau và gặp gỡ nhau qua các diễn đàn trực tuyến, cũng như qua các ứng dụng *voice chat* hoặc *video chat*. Với tốc độ mạng internet ngày càng nhanh và ổn định trên khắp thế giới, nói kết và nhận được các thông tin từ nhau có thể được thực hiện gần như ngay lập tức. Nếu như trước đây, chúng ta phải chờ nhiều ngày, thậm chí nhiều tuần để nhận được một lá thư từ người thân ở nước ngoài, thì ngày nay việc các thành viên trong gia

đình liên lạc với nhau qua các thiết bị được kết nối internet như điện thoại thông minh, đồng hồ thông minh hay ipad, v.v. có thể diễn ra tức thì. Bởi vì nhiều người không chỉ sử dụng một mà nhiều thiết bị điện tử có kết nối internet, nên ngày nay không dễ gì để chúng ta vô tình “bỏ lỡ” các cuộc gọi hay tin nhắn, ngoại trừ chúng ta cố tình thấy tin nhắn đến mà không mở ra đọc hay thấy cuộc gọi vào mà không bắt máy. Có người vì không muốn bị quấy rầy nên đành phải hoàn toàn tắt nguồn internet để tìm cho mình sự bình yên. Vì thế, các thông tin liên lạc có thể được thực hiện gần như ngay lập tức trong hầu hết mọi trường hợp ở mọi nơi và các email hoặc tin nhắn ‘thất lạc’ thường có thể tìm lại được nếu chúng chưa hoàn toàn bị xóa khỏi bộ nhớ của thiết bị.

Có thể thấy rằng giảm thiểu rào cản về thời gian tạo điều kiện thuận lợi cho mô hình giao thoa văn hóa, đặc biệt là khi những người sinh sống cách nhau hàng ngàn cây số có thể kết nối với nhau bất kể giờ nào một cách nhanh chóng. Những sự kiện văn hóa đang diễn ra ở một nơi nào đó có thể được live stream và xem trực tiếp bởi những người từ một nền văn hóa khác. Sự tương tác với nhau có thể thực hiện qua phần bình luận mà các nền tảng phát trực tuyến thường tạo nên cho người dùng. Nếu biết tận dụng những công nghệ này, nhiều cuộc gặp gỡ thú vị với những người từ khắp nơi trên thế giới có thể được thực hiện ngay từ nơi ở của mình.

### **3. Điều kiện kinh tế**

Trước đây, để thực hiện một chuyến đi ra khỏi quê hương hoặc đất nước đòi hỏi một khoản đầu tư lớn về thời gian và tiền bạc đối với rất nhiều người trên thế giới. Tuy nhiên, nhờ vào sự tân tiến và sẵn có của CNTT-TT mà ngày nay, ngay cả ở những vùng xa xôi hẻo lánh trên trái đất, chúng ta vẫn có vô số cơ hội để tiếp xúc và học hỏi về các nền văn hóa khác mà không cần phải rời khỏi ngôi nhà của mình. Chi phí cho các thiết bị CNTT-TT giảm đáng kể trong những năm gần đây cũng giúp tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thoa giữa các nền văn hóa. Ở nhiều nước đang phát triển, tỷ lệ người kết nối internet còn cao hơn tốc độ đô thị hóa.

Đông Nam Á là một trường hợp điển hình. Sau khi Thomas Edison phát minh ra bóng đèn điện vào năm 1879, một số đường phố ở thành phố New York bắt đầu tận hưởng thành quả của công nghệ mới này vào năm 1882 khi trạm phát trung tâm quy mô lớn đầu tiên được lắp đặt trên phố Pearl cho 85 khách hàng. Sau phát minh vĩ đại này, đất nước Mỹ tiếp tục trải qua những phát minh công nghệ to lớn khác như xe ô-tô chạy bằng xăng (1892), máy bay (1903), truyền hình (1927), bom nguyên tử (1945), máy tính mini (1965), phi thuyền (1981) và nhiều tiến bộ công nghệ khác... Nhưng mãi 115 năm sau khi người Mỹ có bóng đèn điện thì họ mới có thể truy cập internet thông qua trình duyệt web Netscape Navigator là công cụ duyệt web đầu tiên được sử dụng cho mục đích thương mại, phát hành đại trà vào năm 1994. Tất nhiên, công nghệ internet đã được phát triển trong nhiều thập kỷ, nhưng phải đến năm 1994, công nghệ này mới thực sự được phổ biến rộng rãi tại các nước phát triển và sau đó lan truyền qua các quốc gia khác.

Việt Nam được hòa mạng vào năm 1997,<sup>14</sup> một năm sau Thái Lan.<sup>15</sup> Vì sự phát triển về mặt công nghệ diễn ra nhanh chóng tại Hoa Kỳ nên đến năm 1920 thì quốc gia này đã đạt được mức độ đô thị hóa 50%.<sup>16</sup> Nếu so với Hoa Kỳ, Đông Nam Á có tốc độ phát triển công nghệ chậm hơn rất nhiều. Ở một số vùng cao nguyên hẻo lánh và hải đảo ở khu vực này, điện dân dụng vẫn chưa thực sự phổ biến. Người dân nhiều nơi vẫn sử dụng củi để đun nấu và đi lại trên các con đường đất. Ở các vùng núi, nhiều người dân phải băng qua sông trên những chiếc cầu dã chiến, thậm chí phải đu dây qua sông để đi chợ, đi học. Trên thực tế, vùng Đông Nam Á được ước tính chỉ đạt được mức đô thị hóa 50% vào năm 2019 – 99 năm sau Hoa Kỳ.<sup>17</sup>

<sup>14</sup> Wikipedia, “Internet tại Việt Nam.”

<sup>15</sup> [https://en.wikipedia.org/wiki/Internet\\_in\\_Thailand](https://en.wikipedia.org/wiki/Internet_in_Thailand)

<sup>16</sup> US Census, “Urban and Rural Areas,”

[https://www.census.gov/history/www/programs/geography/urban\\_and\\_rural\\_areas](https://www.census.gov/history/www/programs/geography/urban_and_rural_areas).

<sup>17</sup> Bharat Dahiya, “Southeast Asia and Sustainable Urbanization,” *Global Asia*, [https://www.globalasia.org/v9no3/feature/southeast-asia-and-sustainable-urbanization\\_bharat-dahiya](https://www.globalasia.org/v9no3/feature/southeast-asia-and-sustainable-urbanization_bharat-dahiya).

Bất chấp sự khác biệt lớn về lịch sử phát triển công nghệ giữa Hoa Kỳ và Đông Nam Á, khu vực này đang nhanh chóng theo sau để phát triển trong lĩnh vực kỹ thuật số. Với tổng số dân gần 700 triệu người tính đến tháng 8 năm 2020,<sup>18</sup> Đông Nam Á là khu vực địa lý đông dân thứ ba trên thế giới chỉ sau Nam Á và Đông Á. Mặc dù đô thị hóa ở Đông Nam Á chỉ đạt khoảng 50%, nhưng trên thực tế, tỷ lệ sử dụng internet đã đạt gần 66% vào đầu năm 2020<sup>19</sup> với mức tăng trưởng hai con số ở hầu hết các tầng lớp và hầu hết các quốc gia trong khu vực.<sup>20</sup> Brunei là nước dẫn đầu khu vực về tỷ lệ sử dụng internet với 95%.<sup>21</sup> Tuy nhiên, sự phát triển kỹ thuật số trong khu vực vẫn chưa thực sự đồng đều. Trong khi tỷ lệ sử dụng internet cao hơn mức trung bình toàn cầu (57%), một số quốc gia trong khu vực lại thấp hơn khá xa so với mức này, cụ thể như Đông Timor,<sup>22</sup> Myanmar<sup>23</sup> và Lào<sup>24</sup> ở mức tương ứng 39%, 41% và 43%. Dù sao, tốc độ tăng trưởng trong việc kết nối internet trên toàn khu vực là khá cao, khiến cho Đông Nam Á được ước tính là thị trường lớn thứ ba trên toàn cầu. Theo các chuyên gia, nền kinh tế internet của khu vực dự kiến sẽ đạt 300 tỷ USD vào năm 2025.<sup>25</sup>

---

<sup>18</sup> “Southeast Asian Population,” *Worldometers*, <http://www.worldometers.info/world-population/south-eastern-asia-population/>

<sup>19</sup> We Are Social, 01/2020, <https://wearesocial.com/blog/2020/01/digital-2020-3-8-billion-people-use-social-media>

<sup>20</sup> Atzlan Othman, “Facebook most popular social mediate platform in the Sultanate,” *Borneo Bulletin* (19/5/ 2018), <https://borneobulletin.com.bn/facebook-most-popular-social-media-platform-in-the-sultanate/>.

<sup>21</sup> “Digital 2020: Brunei,” (18/02/2020), <https://datareportal.com/reports/digital-2020-brunei-darussalam>.

<sup>22</sup> “Digital 2020: Timor Leste,” *Datareportal* (18/02/2020), <https://datareportal.com/reports/digital-2020-timor-leste>

<sup>23</sup> “Digital 2020: Myanmar,” *Datareportal* (18/02/2020), <https://datareportal.com/reports/digital-2020-myanmar>

<sup>24</sup> “Digital 2020: Laos,” *Datareportal* (18/02/2020), <https://datareportal.com/reports/digital-2020-laos>

<sup>25</sup> “Southeast Asia’s internet economy to hit \$300 billion by 2025: report,” *Reuters* (3/10/2019), <https://www.reuters.com/article/us-southeast-asia-internet/southeast-asias-internet-economy-to-hit-100-billion-this-year-report>.



#### 4. Các chuẩn mực văn hóa và xã hội

Trong môi trường vật lý, con người thường bị giới hạn bởi các chuẩn mực văn hóa và xã hội chi phối những người mà họ có thể gặp gỡ và trao đổi. Ở một số nền văn hóa, những điều cấm kỵ khi giao tiếp, trò chuyện hoặc ở gần một người không cùng nền văn hóa, tôn giáo, giới tính, hoặc giai cấp xã hội được thực thi cách nghiêm ngặt. Tại trường đại học Jeppiar tại Chennai, Tamil Nadu, Ấn Độ, các sinh viên nam và nữ bị cấm giao tiếp với nhau dường như tuyệt đối.<sup>26</sup> Trong trường còn có những nhóm đàn ông được giao trách nhiệm theo dõi để xử lý những trường hợp vi phạm. Quy định cấm giao tiếp giữa các sinh viên nam nữ không chỉ xảy ra ở một vài nơi mà ở rất nhiều các trường đại học tại Ấn Độ. Có trường buộc sinh viên nam nữ phải đi các lối và cầu thang khác nhau. Các vi phạm, đặc biệt là vi phạm nói chuyện với người khác giới dẫn đến bị kỷ luật nặng nề từ ban lãnh đạo nhà trường.

Ngoài vấn đề giới tính, người ta còn bị buộc phải giữ khoảng cách vì các lý do khác. Cũng tại Ấn Độ, các bé gái và phụ nữ thuộc các nhóm dân tộc Gond và Madiya khi trải qua kỳ kinh nguyệt bị buộc phải ở trong những túp lều bên ngoài ngôi làng trong 5 ngày để khiến họ không thể tiếp xúc với những người xung quanh.<sup>27</sup> Việc bị đày trong những túp lều tồi tàn ở bìa rừng và tiếp xúc với thời tiết xấu cũng như động vật nguy hiểm là những trải nghiệm gây không ít tổn thương cho người phụ nữ thuộc văn hóa này. Sự xa cách xã hội do các hủ tục cực đoan, như bị trục xuất trong thời kỳ kinh nguyệt hoặc các quy tắc chi phối cách mọi người thuộc các giới tính và tầng lớp kinh tế - xã hội khác nhau tương tác ở nơi công cộng, có thể được khắc phục phần nào với sự trợ giúp của CNTT-TT. Môi trường kỹ thuật số loại bỏ các trở ngại này vì việc sử dụng

---

<sup>26</sup> Vesudha Venugopal and Lavanya M. "Where boys and girls don't talk to each other," *The Hindu* (24/6/2016), <https://www.thehindu.com/news/cities/chennai/where-boys-and-girls-dont-talk-to-each-other/article3321558.ece>

<sup>27</sup> "Banished for menstruating: the Indian women isolated while they bleed," *The Guardian* (22/12/2015), <https://www.theguardian.com/global-development/2015/dec/22/india-menstruation-periods-gaokor-women-isolated>

CNTT-TT của một người có thể được thực hiện trong không gian riêng tư, tránh được sự chú ý của những con mắt tò mò cũng như sự kiểm soát của những cá nhân hoặc tổ chức có quyền lực. Đối với nhiều người trên thế giới, điện thoại di động thường được cài đặt sẵn các ứng dụng mạng xã hội để có thể dễ dàng kết nối trực tuyến với người khác. Có không ít người mặc dù không biết cách gửi và nhận thư điện tử (*email*), nhưng họ vẫn sử dụng thành thạo các nền tảng mạng xã hội như Facebook, YouTube và Zalo. Điển hình tại Myanmar, từ ‘Facebook’ được người dân sử dụng như từ đồng nghĩa với internet vì tất cả những nơi bán điện thoại đều đã cài sẵn nền tảng này cho khách hàng, cũng như hướng dẫn khách hàng cách tạo tài khoản và sử dụng nếu họ chưa có tài khoản.

## 5. Tư duy toàn cầu

Tư duy toàn cầu có thể được hiểu như là khả năng để nhận thức, cảm nhận, và thích ứng với những vấn đề xảy ra ở cấp độ toàn cầu, không bị gò bó bởi những định kiến thiếu căn cứ và những kiến thức dựa trên kinh nghiệm hạn hẹp của cá nhân. Một người có lối tư duy toàn cầu, đặc biệt là một người đóng vai trò lãnh đạo có khả năng đọc ra và thích ứng với những khác biệt văn hóa nhằm tương tác với người khác cách hài hòa và hiệu quả. Theo Gary Ranker, tác giả của cuốn sách *Global Mindset*, một người có tư duy toàn cầu sẽ hội tụ những tính chất: 1) Cởi mở để học hỏi; 2) Biết thích nghi với văn hóa mới; 3) Biết ứng xử với các văn hóa khác; 4) Hiểu rằng không có một cách duy nhất là đúng; 5) Thích tìm tòi nhiều điều thú vị; 6) Biết tận dụng sự đa dạng cách chủ động; và 7) Không bị hạn chế bởi tính địa phương.<sup>28</sup> Có thể thấy được từ định nghĩa trên, yếu tố văn hóa đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển tư duy toàn cầu. Đặc biệt, chúng ta phải sẵn sàng loại bỏ những lối suy nghĩ vị chủng, cục bộ, và khép kín đối với các nền văn hóa khác. Ngoài ra, chúng ta phải dám

---

<sup>28</sup> “Global Mindset Definition: What It Really Means,” *Global Mindset Strategies Group*, <https://www.garyranker.com/global-mindset/global-mindset-leadership-what-it-really-means/>

mạo hiểm để tìm kiếm, học hỏi và thích ứng với những điều mới lạ ở nơi các nền văn hóa mà chúng ta trải nghiệm. Chỉ như vậy chúng ta mới có thể nối kết với những người không cùng phong tục tập quán, ý thức hệ và truyền thống với mình.

Sự phát triển về công nghệ kỹ thuật số có khả năng thúc đẩy sự hình thành tư duy toàn cầu nhanh chóng và hiệu quả hơn. Trong bối cảnh mới, chúng ta không chỉ là công dân của một quốc gia, hay là thành viên của một bộ tộc, hay tín đồ của một tôn giáo, mà chúng ta có cơ hội để trở nên công dân toàn cầu (*world citizen*), thành viên trong gia đình nhân loại. Cho dù chúng ta sống ở đâu trên thế giới, chúng ta đều có thể tiếp cận được với những thông tin liên quan không chỉ đến chính mình mà còn đến các thành phần khác trong gia đình nhân loại. Thiên tai, chiến tranh, đại dịch không chỉ là vấn đề của ai đó, hay nhóm người nào đó, mà là vấn đề của chính chúng ta trong một thế giới được kết nối chặt chẽ với nhau.

Trong kỷ nguyên kỹ thuật số, với sự hỗ trợ của CNTT-TT, chúng ta biết nhiều hơn về thế giới mà chúng ta đang sống, đồng thời có khả năng để quan tâm về những vấn đề không chỉ ở cấp độ địa phương mà còn ở cấp độ toàn cầu. Một bạn trẻ như Greta Thunberg, người Thụy Điển có thể đấu tranh vì môi trường sinh thái không phải chỉ vì sự hủy hoại môi trường ảnh hưởng đến cuộc sống của bạn ấy ở Thụy Điển, vốn là một đất nước phát triển, nhưng vì khủng hoảng môi trường là vấn đề ảnh hưởng đến toàn thể nhân loại, đặc biệt các thế hệ mai sau. Tư duy toàn cầu được hỗ trợ bởi CNTT-TT khiến cho một người ở Myanmar không nhất thiết phải tận mắt thấy rừng Amazon để biết rằng khu rừng đó đang bị tàn phá do nạn khai thác gỗ và chăn nuôi gia súc. Một người dân tận Zimbabwe cũng có thể dễ dàng hiểu được mức độ làm tổn hại đến môi trường của Trung Quốc vì các nhà xưởng và con đập khổng lồ của họ mà không cần đặt chân đến Đại lục. CNTT-TT tạo điều kiện cho mọi người trở thành những công dân toàn cầu và có ý thức về trái đất là ngôi nhà chung mà mỗi thành viên cần chăm sóc ngôi nhà ấy cách tận tình.

Ngoài vấn đề khủng hoảng môi trường, các vấn đề khác như chiến tranh, bạo lực, di dân, tị nạn, sự bất công... mang chiều kích toàn cầu đều

có thể được chúng ta nhận thức một cách đầy đủ và rõ ràng hơn qua nhiều nguồn thông tin mà chúng ta có thể tiếp cận được nếu chúng ta chỉ cần bỏ ra một ít thời giờ để tìm hiểu về các vấn đề một cách nghiêm túc. Trong đại dịch Covid-19, có thể nói chưa bao giờ nhân loại trải qua một cơn đại dịch mà chúng ta có thể hiểu được tường tận hậu quả của nó đối với nhân loại ở khắp năm châu như trong cơn khủng hoảng này, giúp chúng ta không chỉ nắm rõ các chiều kích của vấn đề mà còn có cơ hội để thể hiện sự tương thân tương trợ lẫn nhau để cùng nhau vượt qua những khó khăn của đại dịch.

## Những thách đố

Mặc dù sự phát triển của CNTT-TT mang lại nhiều cơ hội cho sự giao thoa văn hóa, nhưng trên thực tế, vẫn có không ít trở ngại mà đường lối phát triển và xu hướng sử dụng CNTT-TT trong cuộc sống hàng ngày đặt ra đối với mô hình giao thoa văn hóa. Trong phần này, chúng tôi xin trình bày một số thách đố mà môi trường kỹ thuật số hiện nay đã và đang gây nên:

### 1. Tính liên kết không hữu hình (*non-embodied interconnectedness*)

CNTT-TT nhấn mạnh tính liên kết không hữu hình khiến cho mức độ và trải nghiệm về giao thoa văn hóa bị hạn chế. Giao thoa văn hóa trước hết là một trải nghiệm về sự tương tác giao tiếp giữa con người với con người. Giao tiếp không chỉ được thực hiện thông qua các tin nhắn hay các từ được phát âm một cách máy móc (như có thể được thực hiện bởi các ứng dụng đọc văn bản trong máy tính thông minh), mà còn kèm theo ngôn ngữ cơ thể như các cử động tay chân, cử động cơ thể, chớp mắt, cau mày, v.v.. Ngoài ra còn các hành động khác như bắt tay, cúi chào, đứng lên và quỳ xuống, v.v. diễn ra trong bối cảnh đời thực. Trong văn hóa Thái Lan, khi chào hỏi nhau, người Thái không chỉ nói lời chào

“*Sawatdee*,” mà còn chấp hai lòng bàn tay vào nhau trước ngực như một cử chỉ thể hiện sự tôn trọng. Cử chỉ này trong tiếng Thái gọi là “*wai*” – được dùng không chỉ trong việc giao tiếp hằng ngày mà còn trong hoạt động thờ phượng. Vị trí chính xác của tay trước ngực (cao hoặc thấp hơn) thể hiện địa vị xã hội/tôn giáo hoặc độ tuổi của người chào và người đang được chào. Cách mọi người bày tỏ sự “tôn trọng” nhau cũng có thể khác biệt tùy theo nơi cuộc gặp gỡ được diễn ra — ở nhà, ở quán bar, ở chùa hoặc ở nơi làm việc. Yếu tố văn hóa cũng được thể hiện trong giọng điệu cũng như ngữ điệu của một người. Tất cả những đặc điểm cụ thể này tạo thêm sắc thái, sự phong phú và ý nghĩa trong việc giao tiếp.

Giao tiếp thông qua tin nhắn bằng văn bản trên các loại màn hình máy tính thông minh sẽ làm mất đi khả năng nhận biết về một người thông qua giọng nói và ngôn ngữ cơ thể của họ. Có lẽ ai cũng đã từng trải qua trường hợp lời viết của mình bị đối phương hiểu lầm dẫn đến mất lòng vì những từ ngữ trên tin nhắn không thể truyền đạt đầy đủ suy nghĩ và cảm xúc của mình. Như Đức Thánh Cha Phanxicô nhận xét trong Thông điệp *Fratelli Tutti*, các mối quan hệ và giao tiếp thông qua kỹ thuật số làm trung gian sẽ loại bỏ những chi tiết nhỏ nhưng quan trọng mà chỉ có những cơ thể sống mới có thể truyền đạt cho nhau.<sup>29</sup> Nói cách khác, do việc loại bỏ nhiều yếu tố văn hóa trong các giao tiếp trên không gian mạng, tiềm năng của việc giao thoa văn hóa thông qua trung gian kỹ thuật số có thể giảm đi đáng kể, đặc biệt là trong các giao tiếp không thấy được hình ảnh video. Nếu các cuộc gặp gỡ trong đời thực vốn đã có nhiều thách thức do sự khác biệt về văn hóa thì điều này lại càng khó khăn hơn khi nhiều cử chỉ và hành động dùng để giao tiếp bị loại bỏ ra khỏi sự kiện gặp gỡ.

## 2. Bất bình đẳng về quyền lực

Thống kê về mức độ phổ biến internet trên thế giới được đề cập ở trên cho thấy rằng có sự bất bình đẳng vì còn một số người không nhỏ

---

<sup>29</sup> Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Fratelli Tutti*, số 43.

trên thế giới vẫn chưa kết nối được với mạng internet để hưởng lợi từ CNTT-TT. Tuy nhiên, ngay cả khi đã được kết nối thì sự bất bình đẳng vẫn còn tồn tại, cho dù ở vấn đề khác. Sự bất bình đẳng này sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng hiện thực hóa mô hình giao thoa văn hóa như mong muốn.

Sự bất bình đẳng này chính là sự vượt trội của một số ngôn ngữ trên không gian mạng. Thống kê chỉ ra rằng ba ngôn ngữ được sử dụng nhiều nhất trên internet theo tỷ lệ người sử dụng internet là: tiếng Anh (25,9%), tiếng Trung (19,4%) và tiếng Tây Ban Nha (7,9%).<sup>30</sup> Tuy nhiên, về mức độ phổ biến của ngôn ngữ, trong số 10 triệu trang web hàng đầu trên thế giới, 60,6% là tiếng Anh.<sup>31</sup> Do đó, nếu một người không thông thạo tiếng Anh sẽ hầu như không thể truy cập một lượng lớn thông tin và kiến thức có giá trị trên internet. Ở một khía cạnh khác, vì tiếng Anh là ngôn ngữ trực tuyến thống trị cả về số lượng người dùng và mức độ phổ biến của các trang mạng, nên mọi người ở khắp mọi nơi cảm thấy buộc phải học và biết ngôn ngữ này để có thể truy cập thông tin và tương tác với những người khác ngôn ngữ. Tuy nhiên, một người không thông thạo tiếng Anh sẽ bị thiệt thòi trong các cuộc giao tiếp bởi vì họ không thể nào diễn tả đầy đủ và chính xác suy nghĩ của mình. Kém may mắn hơn nữa, họ có thể bị hiểu lầm và đánh giá thấp vì không đủ vốn từ để truyền đạt những gì mình muốn nói. Mặc dù có một số ngôn ngữ phổ biến làm phương tiện giao tiếp với nhau, nhưng điều đó cũng cho thấy rằng rất nhiều ngôn ngữ khác vẫn chưa được biết đến, hay được sử dụng và đầu tư đúng mực trong không gian mạng. Việc sử dụng một vài ngôn ngữ thống trị dĩ nhiên sẽ làm các nền văn hóa từ quê hương của những ngôn ngữ này được nổi bật hơn, trong khi các nền văn hóa khác sẽ bị làm mờ đi và ít được quan tâm đến.

---

<sup>30</sup> [https://en.wikipedia.org/wiki/Languages\\_used\\_on\\_the\\_Internet](https://en.wikipedia.org/wiki/Languages_used_on_the_Internet)

<sup>31</sup> *Ibid.*

### **3. Sự thống trị của “văn hóa mạng”**

Trong quá trình thực hiện mô hình giao thoa văn hóa, CNTT-TT có thể gây khó khăn vì nó có khả năng làm lu mờ các nền văn hóa cụ thể bởi vì trên thực tế, internet có văn hóa riêng của nó. Nếu như internet được xem như là lục địa thứ sáu, thì không quá bất ngờ khi lập luận rằng lục địa đó sẽ có những tính chất đặc thù của nó, mà chúng ta có thể xem như là một “văn hóa” riêng biệt. Dĩ nhiên lục địa là một vùng đất rộng mênh mông, nên có thể chứng kiến sự đa dạng tồn tại trên lục địa internet với hàng tỷ cư dân. Điều này không khác những gì chúng ta thấy được trong các lục địa vật lý, vì thế sẽ rất sai lầm nếu cho rằng có một nền văn hóa mạng thống nhất. Tuy nhiên, khi xem toàn cảnh, chúng ta có thể chỉ ra một “nền văn hóa mạng phổ biến” được đặc trưng bởi các mẫu ngôn ngữ riêng, phong cách giao tiếp và thậm chí là các dấu hiệu và biểu tượng đặc biệt đại diện cho các ý tưởng.

Những ai thường xuyên lên mạng để truy cập thông tin và giao tiếp với người khác, đặc biệt qua các ứng dụng như Facebook Messenger, WhatsApp, Line, Viber... có lẽ đã trở nên quen thuộc với những dấu hiệu và biểu tượng ngôn ngữ được phát minh bởi các kỹ sư phần mềm thuộc các công ty công nghệ. Người sử dụng mạng thường xuyên không sớm thì muộn sẽ bị cuốn sâu vào văn hóa internet này cũng như những cách thức giao tiếp này.

Bất kể chúng ta đến từ Phi châu hay Á châu, một khi đã sử dụng Facebook thì chúng ta buộc phải làm quen với bộ biểu tượng cảm xúc do Facebook phát triển. Qua các biểu tượng này, chúng ta truyền đạt các trạng thái cảm xúc đối với nội dung được đăng, như thích, yêu, mỉa cười v.v. Qua những biểu tượng cảm xúc mà thường là những hình vẽ mang tính hoạt hình dễ thương và nhí nhảnh, sự khác biệt văn hóa trong thực tế dường như bị xóa bỏ hẳn.

Không chỉ sự khác biệt văn hóa nơi người dùng bị gạt qua một bên từ việc sử dụng chung một bộ dấu hiệu và biểu ngữ, mà sự khác biệt về tuổi tác và giới tính cũng không thể nhận ra. Thật vậy, sự đa dạng trong cách

giao tiếp xuất phát từ sự khác biệt về văn hóa, giới tính, thế hệ... dường như bị xóa bỏ bởi một tập hợp các dấu hiệu và biểu tượng mà người phát triển nền tảng tạo ra cho tất cả người sử dụng. Các biểu tượng cảm xúc với sự thể hiện dễ thương và cường điệu này khiến người dùng dễ dàng chia sẻ và biểu lộ những gì khó thể hiện trong đời thực như “niềm vui” và “nỗi buồn.”

Khi hầu hết mọi người dùng internet đều bị chi phối bởi ‘văn hóa mạng’ trong các tương tác của họ, các nét đặc trưng văn hóa cá nhân không được thể hiện trong việc giao thoa giữa các nền văn hóa. Điều này làm giảm cơ hội tiếp xúc và học hỏi lẫn nhau từ các nền văn hóa riêng biệt. Điều đáng lo ngại hơn là một số cử chỉ cường điệu hay được thấy trên mạng đã tác động vào hành động của mọi người trong đời thực, chẳng hạn như mọi người ở mọi nơi trên thế giới thực hiện cử chỉ “thích” hoặc “trái tim nhỏ” trong khi chụp ảnh.

Rõ ràng, theo nhiều cách, thay vì internet trở nên đa dạng và phong phú từ việc có nhiều người từ nhiều nền văn hóa tham gia vào thế giới trực tuyến, thì xem như văn hóa internet đang làm cho thế giới thực ngày càng trông giống nó hơn.

#### 4. Sự nguy hiểm của tin giả mạo

Giao thoa văn hóa phải đối mặt với những thách thức lớn trong kỷ nguyên kỹ thuật số do sự tràn ngập tin tức giả liên quan trực tiếp đến các nền văn hóa và tôn giáo. Tin giả (*fake news*) là thuật ngữ chung để chỉ các loại tin sai sự thật (*misinformation*), tin đánh lạc hướng (*disinformation*) và tin nguy hại (*mal-information*). Các loại thông tin này được sản xuất và truyền đi với những mục đích khác nhau. Trong thời đại này, mọi cá nhân có thể vừa là người tiêu dùng (*consumer*) vừa là nhà sản xuất (*producer*) tin tức. Vì thế những năm gần đây thấy có xuất hiện một thuật ngữ tiếng Anh là “*prosumer*” được ghép từ hai từ trên để chỉ thực trạng mới này. Bất kỳ ai cũng có thể đăng tải thông tin trên mạng trong một cái nhấp chuột mà không cần phải trải qua bất kỳ hệ thống kiểm duyệt nào để



xác định giá trị và mức độ đáng tin cậy của thông tin. Phần lớn việc kiểm tra nếu có, đều chỉ diễn ra sau khi thông tin đã được công bố rộng rãi, và đã được chuyển đến hàng triệu người trên mạng. Ngoài ra, cho dù có kiểm duyệt hay xác nhận về độ chính xác đi chăng nữa, thì không có gì đảm bảo rằng sự thật sẽ đến được tay những người đã tiếp xúc với tin tức giả mạo. Với tốc độ sản xuất thông tin nhanh quá sức tưởng tượng đang diễn ra như hiện nay trên không gian mạng, việc ngăn chặn tin tức giả mạo và thông tin sai lệch là điều không thể, đặc biệt ở các quốc gia đang phát triển, người dân mới tiếp cận được với internet chưa được lâu, và thiếu kiến thức kỹ thuật số.

Vấn đề này không chỉ liên quan nghiêm trọng đến các nền văn hóa, tôn giáo mà dường như ở mọi khía cạnh của đời sống chính trị, xã hội, kinh tế... Tin tức giả mạo và thông tin sai lệch về các nền văn hóa gây tổn hại vì nó không chỉ có thể tuyên truyền nhận thức sai lệch về các nền văn hóa khác, mà còn để củng cố những thành kiến đã ăn sâu về các nền văn hóa và dân tộc khác. Nhiều người có thể không thực sự trải nghiệm các nền văn hóa khác trong cuộc sống hằng ngày cách trực tiếp, nhưng họ có thể nhận thức về chúng thông qua những gì được đọc hoặc xem trên mạng. Chắc chắn tại Việt Nam, đa số người Việt chưa từng gặp gỡ hoặc có mối quan hệ gần gũi với người theo Hồi giáo. Nhưng khi hỏi bất cứ người Việt nào về cảm nhận của họ về người Hồi giáo thì dường như ai cũng có thể bày tỏ quan điểm của mình. Lý do là vì nhiều người Việt đã xây dựng suy nghĩ của mình dựa trên những nội dung mà họ đã tiếp cận được từ các nguồn tin tức, báo chí, phim ảnh... Đó là lý do tại sao sẽ vô cùng tai hại khi các nhà lãnh đạo chính trị hoặc tôn giáo lỗi lạc đưa ra những nhận xét miệt thị về một nhóm người hoặc một dân tộc nào đó. Những lời nói tiêu cực này sẽ được lan truyền khắp thế giới chỉ trong vài phút, thậm chí là vài giây. Nếu như hình ảnh quen thuộc ngày xưa về một ly nước đã đổ xuống đất không thể lấy lại được, thì ngày nay, có thể nói một câu nói hay một hình ảnh đã được số hóa và truyền đi cũng không thể hoàn toàn rút lại được.

## 5. Tác hại từ các thuật toán

Sự giao thoa văn hóa tiếp tục đối mặt với những thách thức lớn hơn từ các thuật toán (*algorithms*) được phát triển để xử lý thông tin trên internet. Một trong những việc mà các thuật toán được dùng là giúp cung cấp nội dung được cá nhân hóa (*personalized content*) cho người dùng internet, đặc biệt là các ứng dụng mạng xã hội như Facebook và YouTube. Mục tiêu của nội dung cá nhân hóa là để mọi người dễ dàng truy cập vào những thông tin và tài liệu mà chúng ta quan tâm. Đó là lý do tại sao một người thích nghe nhạc trữ tình trên YouTube mỗi lần bật nền tảng này lên sẽ thấy các gợi ý về những bài hát theo thể loại này. Người khác thích nghe bà Phương Hằng bóc phốt các ca sĩ hay bất kể nhân vật của công chúng nào đó thì mỗi lần vào mạng xã hội cũng sẽ được giới thiệu những video cũ cũng như mới liên quan đến bà. Ngược lại, nếu chúng ta thích nghe những gì bổ ích hơn cho đời sống thiêng liêng, chẳng hạn các bài giảng của Đức Cha Phêrô Nguyễn Văn Khảm thì mỗi lần thao tác ứng dụng cũng sẽ thấy các video có nội dung bài giảng của ngài. Điều này tiết kiệm thời giờ cho người dùng mạng xã hội bởi vì chương trình thuật toán giúp chúng ta tiếp cận được với những nội dung mà chúng ta quan tâm nhưng có thể chưa biết tới. Chức năng của thuật toán trong cách xử lý nội dung trên YouTube cũng được áp dụng cách tương tự đối với các mạng xã hội khác như Facebook và Instagram. Ngoài ra phương thức này cũng được sử dụng cho những nền tảng mua hàng online như Amazon và Lazada. Google cũng sử dụng thuật toán để đưa các thông tin và các mục quảng cáo đến người duyệt trang web.

Mục đích trên nhìn thoáng qua là một điều đáng trân trọng vì thời buổi này có quá nhiều thông tin và nội dung trên mạng, chúng ta không muốn lãng phí thời gian phân loại mọi thứ trước khi tìm thấy thứ mà mình quan tâm. Các công ty công nghệ phát triển các thuật toán để giúp cung cấp nội dung tìm kiếm mà chúng ta thích thú theo nhiều cách hiệu quả hơn. Nếu xem các clip về động vật và em bé đáng yêu là sở thích của bạn, thì thuật toán sẽ biết điều đó và cung cấp cho bạn nhiều hơn

những gì bạn thích. Thuật toán của Amazon theo dõi thói quen mua sắm của người tiêu dùng và đề xuất các sản phẩm mà họ cho rằng người tiêu dùng muốn có. Kindle (ứng dụng mua và đọc sách online) gợi ý những cuốn sách mà người đọc có thể sẽ muốn đọc dựa trên những gì người đó đã mua trong quá khứ. Netflix cũng làm điều tương tự với những bộ phim mà người dùng đã từng xem trong dịch vụ của nó.

Đánh giá về mặt xử lý lượng thông tin, các thuật toán rất thuận tiện cho người tiêu dùng. Tuy nhiên, từ góc nhìn của mô hình giao thoa văn hóa, các thuật toán là một mối nguy hại cực kỳ to lớn. Chính vì chức năng của thuật toán mà hai người ở cùng một nhà có thể tiếp cận với thông tin hoàn toàn khác nhau, từ đó dẫn đến những quan điểm về các vấn đề đối nghịch nhau. Sự khác biệt đó có thể lần lượt nhân rộng ra toàn cộng đồng, toàn xã hội và toàn thế giới. Vì thế, hai người ở hai quốc gia khi vào Google gõ cùng một từ khóa như “hiện tượng biến đổi khí hậu” hoặc “chủ nghĩa cực đoan” có thể sẽ tìm thấy những nội dung khác nhau, có khi đối nghịch nhau, dựa trên cách xử lý của thuật toán đối với các thông tin như người dùng là ai và họ sống ở đâu.

Ngoài việc chúng ta tiếp cận với thông tin không giống nhau, trừ khi một người chủ động tìm kiếm nội dung liên quan đến các nền văn hóa, tôn giáo và giao thoa văn hóa, trải nghiệm internet của một người về cơ bản sẽ xoay quanh những thứ người đó quan tâm. Nếu chúng ta thích tìm hiểu về các nền văn hóa hoặc tôn giáo thì thuật toán sẽ mang đến cho chúng ta nhiều nội dung phong phú và thú vị cho chúng ta xem và đọc. Tuy nhiên, nếu ai đó tỏ ra quan tâm đến những vấn đề có khuynh hướng phản văn hóa hoặc chống đối tôn giáo, v.v. các thuật toán máy tính sẽ lưu ý đến những sở thích này và cung cấp cho người đó nhiều hơn những gì họ thích. Bạn có thể bắt đầu từ một chút tin tưởng mù quáng nhưng dần dần sẽ đến lúc cố chấp bởi tiếp cận ngày càng nhiều cùng một thể loại thông tin để rồi củng cố nó thành một quan điểm nhất quán. Xu hướng chi tiếp xúc với một loại thông tin cụ thể có thể dễ dàng dẫn đến chủ nghĩa cá nhân và phân cực.

Các công trình nghiên cứu cho thấy lập trường mà mỗi người đã có trong mình, cho dù thoạt đầu chỉ mới ở mức thấp hoặc trung bình, sẽ trở nên mạnh mẽ và cứng rắn hơn sau khi đã có cơ hội gặp gỡ và trao đổi với những người khác có cùng lối suy nghĩ.<sup>32</sup> Điều này nhận thấy ở cả trường hợp suy nghĩ tích cực lẫn tiêu cực. Hoạt động của thuật toán thúc đẩy sự phân cực trong suy nghĩ bởi vì nó tạo cơ hội cho người dùng nhanh chóng tiếp cận với những nội dung và con người đồng quan điểm, khiến cho những gì họ đã nghĩ trong đầu sớm được củng cố. Ngược lại, họ ít có cơ hội để tiếp cận với những suy nghĩ và quan điểm đa chiều hoặc khác biệt.

Tuy nhiên, một điều đáng tiếc là những nội dung kích động cảm xúc tiêu cực trong chúng ta thường được người dùng quan tâm hơn là những nội dung tích cực. Tháng 10 năm 2021, cựu nhân viên của công ty Facebook Frances Haugen đã tố giác rằng, thuật toán của Facebook ưu tiên những nội dung nhận được nhiều tương tác từ người dùng vì điều này sẽ giúp cho công ty thêm lợi nhuận từ quảng cáo. Tuy nhiên, những nội dung nhận được nhiều tương tác thường là những nội dung kích động sự tức giận, sợ hãi và thành kiến. Vì thế nội dung thúc đẩy sự chia rẽ, hiểu lầm và phân cực lại là nội dung được tương tác và lan truyền nhiều nhất.<sup>33</sup> Liên quan đến mô hình giao thoa văn hóa, hoạt động của thuật toán hiện nay là rất bất lợi cho những lý tưởng mà giao thoa văn hóa hướng đến.

### **Thúc đẩy giao thoa văn hóa trong thời đại kỹ thuật số**

Giao thoa văn hóa là một mô hình đáng được thúc đẩy vì nó có thể giúp cho nỗ lực xây dựng hòa bình và hòa hợp trong xã hội, hạn chế sự xung đột giữa các văn hóa với nhau. Tuy nhiên, những gì đã trình bày ở trên cho chúng ta thấy rằng sự phát triển công nghệ kỹ thuật số theo chiều

---

<sup>32</sup> Cass Sunstein, *Conformity: The Power of Social Influences* (New York: New York University, 2019).

<sup>33</sup> Jennifer Rubin, "What Facebook's Whistle Blower Achieved," *Washington Post* (06/10/2021), <https://www.washingtonpost.com/opinions/2021/10/06/what-facebooks-whistleblower-achieved/>.

hướng hiện nay đặt ra nhiều thách đố nghiêm trọng khiến cho các cơ hội có thể bị vô hiệu hóa nếu không được tận dụng một cách có hệ thống. Phần cuối của bài viết này sẽ trình bày một số đề xuất mà Giáo hội và các thành viên của Giáo hội có thể thực hiện để khai thác tiềm năng của CNTT-TT nhằm mang lại điều bổ ích cho cuộc sống hằng ngày, và đặc biệt để phục vụ cho sứ mệnh truyền bá Phúc Âm của Giáo hội.

## 1. Kiến thức kỹ thuật số

Vì CNTT-TT đóng một vai trò quan trọng trong giao thoa văn hóa, việc sử dụng CNTT-TT cách am hiểu, khôn ngoan và thận trọng là điều cần thiết để thúc đẩy mô hình này trong việc phát triển xã hội và sứ vụ truyền giáo của Giáo hội. Chúng ta được cho là có kiến thức số căn bản nếu chúng ta có các khả năng như sau:

*Biết phân biệt tin tức và thông tin xác thực đáng tin cậy với tin tức và thông tin giả mạo, sai lệch.* Xã hội con người được hình thành bao lâu thì thông tin giả mạo cũng đã tồn tại bấy lâu, vì vậy tin giả không phải là một phát minh của thời đại kỹ thuật số. Như Đức Thánh Cha Phanxicô nhận định trong Sứ điệp Ngày Truyền thông Thế giới năm 2018, con rắn trong vườn Địa đàng đã sử dụng thông tin giả để lừa ông Adong và bà Eva ăn trái cấm dẫn đến con người mất đi ân sủng của Chúa.<sup>34</sup> Tuy nhiên, một trong những điều đặc biệt trong thời đại kỹ thuật số là số lượng khổng lồ tin tức giả và thông tin sai lệch được tạo ra hầu như mỗi giây trên khắp thế giới một cách rất chuyên nghiệp và tinh vi. Với sự hỗ trợ của CNTT-TT, loại thông tin này có thể được sản xuất, phổ biến và chia sẻ cực kỳ nhanh chóng. Hơn thế nữa, với sự hỗ trợ của CNTT-TT, loại thông tin này có thể được “đóng gói và trình bày” theo hình thức có thể khiến mọi người tin rằng những gì họ đang nói là chính xác, đáng tin cậy và cần

---

<sup>34</sup> Đức Giáo Hoàng Phanxicô, World Communication Day Message 2018, [https://www.vatican.va/content/francesco/en/messages/communications/documents/papa-francesco\\_20180124\\_messaggio-comunicazioni-sociali.html](https://www.vatican.va/content/francesco/en/messages/communications/documents/papa-francesco_20180124_messaggio-comunicazioni-sociali.html)

được chia sẻ rộng rãi. Công nghệ trí tuệ nhân tạo đang giúp tạo ra các video “diễn sâu” (*Deepfake*) những người nổi tiếng đang nói chuyện, trông giống thật đến nỗi một người bình thường không được đào tạo về công nghệ sẽ không thể phân biệt được sự khác biệt giữa thật và giả. Những hình thức lừa đảo bằng công nghệ kỹ thuật số ngày càng tinh vi hơn. Vì vậy, để tránh chọn phải tin tức giả mạo và thông tin sai lệch kích động xung đột văn hóa và tôn giáo, cần phải có những cách thức ‘đào tạo kỹ thuật số’ để hỗ trợ các cá nhân phân biệt đâu là thông tin xác thực và đâu là thông tin gây chia rẽ, phá hoại. Khi mọi người có thể phân biệt được đâu là thông tin có giá trị và đâu là thông tin sai sự thật có tính chất phá hoại, hoặc ít nhất là biết cách để kiểm tra tính xác thực của các thông tin, chúng ta sẽ hạn chế chia sẻ và phổ biến những nội dung có hại cho nền hòa bình và hòa hợp xã hội.

*Biết đánh giá các quan điểm về tôn giáo và văn hóa được tìm thấy trên các trang mạng.* Internet chứa đầy những góc nhìn về mọi vấn đề, từ những vấn đề tầm thường vụn vặt nhất đến những vấn đề sâu sắc nhất trong cuộc sống của con người. Trong bối cảnh hiện tại, mọi người và bất kỳ ai đều có thể là nhà sản xuất và quản lý thông tin. Tất cả đều có tiềm năng trở thành người có tầm ảnh hưởng (*influencer*) bằng cách trình bày quan điểm cá nhân của mình về chính trị, tôn giáo, văn hóa, nghệ thuật v.v. Tuy nhiên, những người có sức ảnh hưởng rộng rãi nhất hoặc thể hiện các quan điểm mạnh mẽ nhất không hẳn là những người hội đủ các yếu tố để bàn luận về các đề tài mang tính chuyên môn. Nhưng vì thông qua khả năng tạo những video thú vị, hoặc danh tiếng và ngoại hình, hoặc khả năng sử dụng ngôn ngữ và kỹ thuật công nghệ khéo léo v.v, một số người có thể thu hút lượng lớn người theo dõi và gây ảnh hưởng lớn đến người xem mặc dù họ không thực sự am hiểu sâu sắc về chủ đề mà họ đang đề cập.

Bà Melinda Gates, vợ cũ của nhà tỷ phú Bill Gates, là một người đã nhờ vào danh tiếng và số tài sản khổng lồ của mình để đưa ra rất nhiều nhận định về các giáo huấn của Giáo hội trong các vấn đề như ngừa thai

hoặc phụ nữ làm linh mục. Vì bà là người nổi tiếng và quyền lực, được mời tham dự rất nhiều sự kiện quốc tế, nên bà có nhiều cơ hội để bày tỏ những suy nghĩ của mình trên tư cách là một người theo đạo Công giáo. Bởi vì bà Gates tạo cho mình một hình ảnh như là chuyên gia về đạo Công giáo, nên bà hay được báo giới yêu cầu thể hiện quan điểm về các vấn đề giáo huấn. Tuy nhiên, báo Công giáo *National Catholic Register* bình luận rằng, bà Gates dường như không chỉ tự xưng mình là người Công giáo, mà còn tự cho mình là một tín hữu am hiểu hơn cả Giáo hội trong cách giải nghĩa các giáo huấn của Hội Thánh.<sup>35</sup>

Trong thời đại kỹ thuật số, người ta không cần phải giàu có như Melinda Gates cũng có thể đưa ra những phát biểu cá nhân về xã hội và tôn giáo, miễn sao họ biết cách sản xuất nội dung đánh động vào tâm lý của người tiêu dùng, cũng như biết cách để sử dụng CNTT-TT để phổ biến nội dung đó. Do đó, điều quan trọng là mỗi người, khi lắng nghe một quan điểm về văn hóa hoặc tôn giáo nào đó, cần đặt ra những câu hỏi phản biện cần thiết để đánh giá xem điều họ đang nói có đáng tin cậy và mang tính xây dựng hay không. Mặc dù internet là một diễn đàn mà bất kỳ ai cũng có thể thể hiện quan điểm, nhưng người tiếp cận nội dung có trách nhiệm đưa ra những đánh giá sáng suốt để tránh chạy theo những tư tưởng sai lầm, lệch lạc và gây chia rẽ.

*Không để bản thân trở nên người cực đoan.* Như đã nói trên, các thuật toán máy tính quả thực rất tiện lợi khi giúp “cá nhân hóa” nội dung trực tuyến cho từng người dùng. Các thuật toán này tiết kiệm thời gian của người dùng bằng cách loại bỏ tất cả những thứ mà nó nghĩ rằng người dùng sẽ không quan tâm đến. Trong khi điều này có một số lợi thế, đặc biệt khi thuật toán giúp một người hỏi đầu không phải xem quảng cáo dầu gội đầu hay thuốc nhuộm tóc mỗi lần anh ta lướt mạng. Nhưng việc phụ

---

<sup>35</sup> Patti M. Armstrong, “Once Again, Melinda Gates is Wrong About Catholic Teaching,” *National Catholic Register* (21/05/2019), <https://www.ncregister.com/blog/once-again-melinda-gates-is-wrong-about-catholic-teaching>.

thuộc quá nhiều vào các thuật toán sẽ làm gia tăng đáng kể nguy cơ phân cực xã hội, chính trị và chủ nghĩa cực đoan. Nếu một người có định kiến tiềm ẩn đối với Hồi giáo truy cập vào một bài viết với nội dung bày tỏ những quan điểm tiêu cực về đạo Hồi, thay vì thuật toán sẽ giới thiệu những bài viết với những quan điểm đa chiều trong những lần sau, thì nó lại liên tục gợi ý những nội dung tương tự để đáp ứng “thị hiếu” và “sở thích” của người dùng. Thuật toán chỉ biết người dùng thích tiếp cận nội dung củng cố quan điểm chống đối, miệt thị đạo Hồi, nhưng nó không suy tư, đánh giá xem việc nó tiếp tục “chiếu cố” người dùng như vậy là điều tốt hay xấu. Thuật toán không có lương tâm đạo đức. Con người mới có lương tâm, nhưng vì chạy theo lợi nhuận nên nhiều khi đã đánh mất lương tâm đối với xã hội. Nếu chúng ta không thể dựa vào các công ty công nghệ để làm những việc đúng đắn cho nhân loại, thì chúng ta phải tự bảo vệ mình với kiến thức cần có để nhận ra phương cách hoạt động của các thuật toán máy tính để tránh bị lôi kéo vào con đường của trào lưu chủ nghĩa cơ yếu, chủ nghĩa cực đoan và phân cực. Nếu không chủ động kiểm soát bản thân, chống cự lại sự dẫn dắt của thuật toán, để cho mình lệ thuộc vào những gợi ý của thuật toán một cách mù quáng, chúng ta sẽ tự đặt mình vào những con đường cực đoan, là một tình trạng hoàn toàn đi ngược với sự đối thoại, hợp tác lẫn nhau, tình huynh đệ và giao thoa văn hóa.

*Tạo cơ hội cho những cuộc gặp gỡ tình cờ.* Một số trải nghiệm đáng nhớ nhất trong cuộc đời của chúng ta nhiều khi là những điều xảy đến hoàn toàn ngoài kế hoạch hoặc sự chờ mong nơi mình. Có khi đó là một món quà sinh nhật bất ngờ, hay một cuộc gọi bất ngờ từ một người bạn cũ, một lời đề nghị cộng tác đột ngột từ một đồng nghiệp, một cuộc gặp gỡ tình cờ với một người lạ, một con thú hoặc một phong cảnh thiên nhiên. Trong khi những cuộc gặp gỡ tình cờ trong cuộc đời là không thể đếm được, và hầu hết chúng dường như không ảnh hưởng đến cuộc sống của chúng ta một cách đáng kể, thì những cuộc gặp gỡ khác có thể thay đổi hoàn toàn cuộc sống của chúng ta. Có lẽ, ai cũng có thể nhớ lại ít nhất



một vài sự kiện như vậy trong cuộc đời mình. Theo định nghĩa, “sự tình cờ” được hiểu là bất cứ điều gì xảy ra “ngoài dự kiến,” “không thể lường trước,” hoặc “ngẫu nhiên.” Tuy nhiên, sự tình cờ chỉ có thể xảy ra khi chúng ta chọn một lối sống mà những cuộc gặp gỡ và những điều tình cờ thú vị có cơ hội xảy đến với chúng ta nhiều hơn.

Một người dành toàn bộ thời gian của mình trong nhà, không thích ra khỏi cửa ngoại trừ việc mua hàng tạp hóa, thì tỷ lệ khả năng trải qua những cuộc gặp gỡ có ích sẽ rất thấp. Một người trẻ suốt ngày “tương tác” với màn hình online game thì sẽ ít có cơ hội để gặp gỡ và trở nên thân quen với những người bạn trong xóm hoặc trong trường học. Một người chuyên mua hàng online giao tận nhà, thậm chí thức ăn “ship tận răng” thì sẽ tự mình hạn chế cơ hội để trải nghiệm những điều tình cờ như gặp một nhân viên phục vụ người Việt tại một nhà hàng Nhật, được giới thiệu một món ăn mới của đầu bếp vừa chế biến, hay tình cờ gặp một người bạn cũ đang ngồi ăn ở bàn gần bên. Một người chỉ truy cập một loại nội dung trên truyền hình hoặc trên internet chắc chắn sẽ giảm cơ hội tiếp xúc với các quan điểm và góc nhìn khác.

Vì vậy, để tạo cơ hội cho những cuộc gặp gỡ bất ngờ nhưng bổ ích và có khả năng thay đổi cuộc sống của chúng ta theo hướng tích cực, ngay cả trong không gian kỹ thuật số, chúng ta phải sẵn sàng tận tâm bước vào những không gian xa lạ để đọc và lắng nghe những tiếng nói mới, để cởi mở với những trải nghiệm khác nhau và sẵn sàng chia sẻ những câu chuyện của chúng ta với người khác. Kiến thức kỹ thuật số là cần thiết để giúp mỗi người chúng ta tự tin dấn thân vào những không gian kỹ thuật số khác nhau để tìm hiểu, lắng nghe, học hỏi, và đóng góp những suy tư của mình, tạo thêm điều kiện cho những cuộc gặp gỡ và trao đổi mới nhằm phong phú hóa suy nghĩ và cách nhìn của chúng ta về thế giới cũng như những người xung quanh.

## **2. Đối thoại liên tôn**

Tôn giáo là một phần thiết yếu của văn hóa. Ở nhiều nước trên thế giới, người ta không coi tín ngưỡng và thực hành tâm linh như một tôn giáo mà là “văn hóa” hay “lối sống.” Ví dụ như ở Thái Lan, dường như không có bất kỳ sự phân biệt thực sự nào giữa Phật giáo với tư cách là một tôn giáo và Phật giáo với tư cách là một nền văn hóa. Cả hai liên kết mật thiết với nhau trong đời sống hằng ngày của người dân, và bất kỳ nỗ lực nào để tách hai phạm trù này ra sẽ là giả tạo. Ở Việt Nam, việc thờ tổ tiên không chỉ là một truyền thống tâm linh mà còn là một lối sống văn hóa của người Việt nói chung. Vì vậy, chúng ta không thể nói về giao thoa văn hóa mà không đề cập đến đối thoại giữa các tôn giáo.

Đối thoại giữa các tôn giáo cần phải diễn ra cả trong không gian vật lý lẫn không gian kỹ thuật số. Đối thoại liên tôn là một hoạt động căn bản và không thể thiếu trong sứ mệnh truyền giáo của Giáo hội ở mọi cấp độ. Các văn kiện của Giáo hội hơn nửa thế kỷ qua đều luôn nhấn mạnh và đề cao việc đối thoại liên tôn như là hoạt động mà toàn thể Giáo hội, từ hàng giáo phẩm cho đến giáo dân đều phải chung tay tham gia tích cực qua các hình thức khác nhau tùy theo hoàn cảnh, khả năng và chức vị của mình. Các vị giáo hoàng thời gian qua đã luôn đề cao tầm quan trọng của đối thoại liên tôn không chỉ qua những văn kiện mà còn qua những hành động cụ thể nhằm thúc đẩy sự nhận thức trong Giáo hội và thế giới về sự hòa hợp tôn giáo.

Chuyến tông du của Đức Thánh Cha Phanxicô tới Iraq vào tháng 3 năm 2021 là một ví dụ tuyệt vời về cách các nhà lãnh đạo tôn giáo thế giới sử dụng vị trí của các ngài để thực hiện việc đối thoại liên tôn. Trong bài phát biểu tại Dinh tổng thống, để chào mừng Đức Thánh Cha Phanxicô, Tổng thống Iraq Barham Salih nói:

Chúng ta phải tiếp tục nỗ lực chống lại tư tưởng cực đoan, và diệt trừ tận gốc chủ nghĩa khủng bố. Chúng ta cần đảm bảo sự chiến thắng của những ý tưởng cùng tồn tại và đa dạng vốn là niềm tự hào của các quốc gia chúng ta, và biến chúng thành nguồn sức

manh và sự gắn kết. Vì việc thiết lập những niềm tin này đã trở thành một mệnh lệnh trong thế giới của chúng ta ngày nay, và đó là món quà quý giá nhất mà chúng ta có thể dành tặng cho tương lai của con cháu chúng ta sau này.<sup>36</sup>

Tổng thống Salih nhìn nhận rằng những người theo Kitô giáo ở Iraq cũng như các nước láng giềng “là những người bản xứ và là muối men của vùng đất này.” Việc các tín hữu Kitô giáo buộc phải di cư đến các quốc gia khác để sinh tồn do nhiều cuộc khủng hoảng khác nhau “sẽ gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với các khái niệm về đa nguyên và khoan dung. Nó cũng sẽ gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với khả năng chung sống của các quốc gia trong khu vực. Không thể tưởng tượng được một phương Đông không có người Kitô hữu.”

Thật vậy, rất cần thiết cho các tín hữu Kitô giáo ở Iraq và các quốc gia Hồi giáo khác được nghe những lời khẳng định này từ một nhà lãnh đạo chính trị Hồi giáo. Những lời nói tích cực thể hiện sự tôn trọng cũng như sự nhận thức về giá trị của người Kitô hữu mang lại cho họ niềm hy vọng về một tương lai tươi sáng và ít cô độc, đau khổ hơn trong việc sống đạo của họ trên vùng đất Hồi giáo. Ngược lại, các tín đồ Hồi giáo tại Iraq và ở các nước khác cũng muốn được nghe lời tuyên bố của Đức Giáo Hoàng Phanxicô rằng, “Cầu Chúa ban cho chúng ta cùng hành trình với tư cách là anh chị em với nhau trong ‘niềm tin chắc chắn rằng những lời dạy đích thực của các tôn giáo mời gọi chúng ta tiếp tục bám rễ vào các giá trị của hòa bình... hiểu biết lẫn nhau, tình huynh đệ và sự chung sống hài hòa của toàn nhân loại.’”<sup>37</sup>

Trong chuyến tông du của Đức Thánh Cha, các cuộc gặp gỡ giữa các tôn giáo diễn ra ở thời đại internet và truyền thông mạng xã hội không bị giới hạn trong phạm vi vật lý mà đã được phát sóng rộng rãi trên các phương tiện truyền thông khác nhau – đài phát thanh, truyền hình và vô số nền tảng internet. Mọi người trên khắp thế giới – người Hồi giáo, Kitô

---

<sup>36</sup> <https://www.thenationalnews.com/mena/iraq/pope-in-iraq-barham-salih-s-welcome-speech-in-full-1.1178379>

<sup>37</sup> (*Document on Human Fraternity*, Abu Dhabi, 4/2/2019).

giáo và bất kỳ ai khác theo dõi – có thể thấy Đức Thánh Cha và các nhà lãnh đạo Hồi giáo nói chuyện hòa nhã với nhau, thể hiện rõ rệt sự tôn trọng và tin cậy lẫn nhau. Các ngài không ngừng nhấn mạnh nguồn gốc chung của Kitô giáo và Hồi giáo, và luôn đề cao các giá trị hòa bình và hợp tác giữa các tôn giáo. Chắc chắn sức ảnh hưởng của hành động này là không thể coi thường đối với người xem và người nghe.

Khi Đức Giáo Hoàng gặp một trong những nhà lãnh đạo tinh thần hàng đầu của người Hồi giáo dòng Shia ở Iraq – Ayatollah Sayyid Ali al-Husayni al-Sistani – mặc dù cuộc gặp diễn ra sau cánh cửa đóng kín, hình ảnh của hai nhà lãnh đạo tôn giáo ngồi gần nhau đã được lan truyền rộng rãi trên tất cả các phương tiện truyền thông đại chúng và các nền tảng truyền thông kỹ thuật số. Dù không tiếp cận được nội dung cuộc trò chuyện, nhưng chỉ cần nhìn cách hai vị lãnh đạo khiêm tốn và có tâm hồn sâu sắc này ngồi cạnh nhau đã tạo nên ấn tượng mạnh mẽ trong tâm trí các tín đồ Hồi giáo và Thiên Chúa giáo trên toàn thế giới. Theo thông cáo từ Văn phòng Báo chí Tòa Thánh, trong chuyến thăm xã giao kéo dài khoảng 45 phút, “Đức Thánh Cha nhấn mạnh tầm quan trọng của sự hợp tác và hữu nghị giữa các cộng đồng tôn giáo đối với việc đóng góp – thông qua việc vun đắp sự đối thoại và tôn trọng lẫn nhau – vào lợi ích của Iraq, khu vực và toàn thể gia đình nhân loại.”<sup>38</sup>

Tuy nhiên, những gì đang được thực hiện bởi vị lãnh đạo cao nhất trong Giáo hội phải được các nhà lãnh đạo Giáo hội địa phương và các Kitô hữu trên khắp thế giới nhân rộng ở quy mô nhỏ hơn. Thật vậy, sứ mạng của Giáo hội không thể phát triển nếu mọi thành phần trong Giáo hội không nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ ‘đối thoại liên tôn.’ Đối thoại giữa các tôn giáo cũng có thể xuất hiện trên các diễn đàn trực tuyến, nơi diễn ra các cuộc thảo luận về tôn giáo. Thật không may, khi có nhiều cuộc thảo luận về các vấn đề tôn giáo diễn ra trong không gian mạng, phần lớn trong số đó là các lời nói công kích, giả định vô căn cứ, định

---

<sup>38</sup> “Pope stresses fraternity in meeting with Iraq’s Grand Ayatollah,” *Vatican News* (06/03/2021), <https://www.vaticannews.va/en/pope/news/2021-03/pope-francis-stresses-importance-of-cooperation-fraternity-in-m.html>

kiến và chế nhạo, v.v. hơn là đối thoại và hiểu biết lẫn nhau. Ngày nay chúng ta không lạ lẫm với thành phần gọi là “dư luận viên” mà các chính phủ trả tiền để đại diện cho họ trên các diễn đàn trực tuyến nhằm đối phó với những thế lực chống lại họ hoặc để định hướng dư luận theo chiều của chính phủ. Chính phủ Trung Quốc được cho là đã tuyển một số lượng lớn các dư luận viên mà người dân gán cho cái biệt hiệu là “Đội quân dư luận viên 50 Xu” để làm bình luận viên trên các diễn đàn trực tuyến nhằm thao túng dư luận và phổ biến thông tin theo hướng mang lại lợi ích cho chính quyền Trung Quốc.

Nếu như nhiều quốc gia trên thế giới rất tích cực điều phái lực lượng con người nhằm điều khiển dư luận thì Giáo hội không hề có một chủ trương tương tự. Phải chăng Giáo hội không cần những tiếng nói đại diện cho Giáo hội trên không gian mạng, đặc biệt là để đối phó với những thông tin sai lệch về Giáo hội cũng như các giáo huấn? Mặc dù Giáo hội không nên hành động giống như các thể chế chính trị, nhưng chiến thuật của các chính phủ trên khắp thế giới chứng tỏ rằng, việc Giáo hội có đại diện trực tuyến là một điều cần thiết. Giáo hội cần có những tiếng nói nhằm phòng ngừa cũng như khắc phục những dư luận và phát biểu sai lầm về Giáo hội, chống lại những luận điệu xuyên tạc về các giáo lý của Giáo hội, và chống lại các thế lực với chủ trương gây chia rẽ trong Giáo hội và xung đột giữa các tôn giáo. Việc có đại diện trực tuyến này sẽ đóng vai trò là một sự nối tiếp với những gì Giáo hội đã và đang thực hiện ngoại tuyến. Nếu không có các nhà truyền thông đức tin được đào tạo để lên tiếng bênh vực Giáo hội trước những tấn công và xuyên tạc, những hoạt động mà Giáo hội thực hiện ngoại tuyến sẽ không đủ để thúc đẩy tình huynh đệ và giao thoa văn hóa trong kỷ nguyên mới này.

### 3. Chống lại mô hình kỹ trị

Trong Thông điệp *Laudato Si*, Đức Thánh Cha Phanxicô phê phán điều mà ngài gọi là “mô hình kỹ trị” đang được sử dụng rộng rãi để phát triển kinh tế và xã hội với những hậu quả tiêu cực to lớn đối với hệ sinh

thái tự nhiên và con người. Đức Thánh Cha Phanxicô mô tả mô hình kỹ trị là “một mô hình thực dụng đồng nhất và một chiều hướng duy nhất” nhằm mục đích “tăng trưởng vô thời hạn hoặc vô hạn” bằng cách làm chủ, sở hữu, kiểm soát, thao túng và biến đổi người khác.<sup>39</sup> “Việc phát triển này dựa trên một sự dối trá rằng các tài nguyên trên hành tinh này là vô hạn, đưa đến việc sử dụng và 'o ép' chúng đến kiệt quệ vượt quá ranh giới.”<sup>40</sup> Thật không may, công nghệ đã ăn sâu vào đời sống con người đến mức “ngày nay, không thể tưởng tượng nổi ý tưởng quảng bá một mô hình văn hóa mà không sử dụng công nghệ như một công cụ đơn thuần. Mô hình công nghệ đã trở nên thực dụng đến mức sẽ rất khó thực hiện điều gì nếu không có nguồn lực của nó và thậm chí còn khó hơn để sử dụng chúng mà không bị chi phối bởi logic bên trong của chúng.”<sup>41</sup>

Tuy nhiên, Đức Thánh Cha Phanxicô nhấn mạnh rằng cần phải có một cái nhìn mới, một cách tiếp cận mới đối với cuộc sống, giáo dục, hoạch định chính sách, và sự duy linh mới để chống lại sự thống trị ngày càng tăng của mô hình kỹ trị. Mặc dù công nghệ có thể hoặc buộc phải được sử dụng để giải quyết các vấn đề nan giải về xã hội và môi trường đang diễn ra trên thế giới, nhưng công nghệ không thể là phương pháp chữa trị khi nó thường là nguyên nhân từ đầu của vấn đề. Đức Thánh Cha Phanxicô khẳng định, “Chỉ tìm kiếm một giải pháp kỹ thuật cho mỗi vấn đề môi trường nảy sinh là tách những gì trong thực tế được liên kết với nhau và che đậy những vấn đề thực sự sâu xa của hệ thống toàn cầu.”

Do đó, điều cần thiết không phải là cách tiếp cận ‘kỹ trị’ nhằm giải quyết các vấn đề xã hội mà là cách tiếp cận hỗ trợ “hệ sinh thái sâu rộng và sự phát triển toàn diện của nhân loại.”<sup>42</sup> Một hệ sinh thái toàn vẹn hỗ trợ sự phát triển đích thực của con người và lợi ích chung ảnh hưởng đến mọi khía cạnh của đời sống con người như kinh tế, xã hội, chính trị và

---

<sup>39</sup> Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si*, số 106.

<sup>40</sup> *Ibid.*

<sup>41</sup> *Laudato Si*, số 108.

<sup>42</sup> *Laudato Si*, số 62.

tâm linh. Các vấn đề xã hội, môi trường cũng như các loại vấn đề khác xuất hiện khi có sự mất cân bằng trong “hệ sinh thái con người”.

Như Đức Thánh Cha Phanxicô nhận xét:

Nhiều người cảm thấy một sự mất quân bình sâu xa thúc đẩy họ làm nhiều việc một cách vội vã, cảm thấy bận rộn trong việc đảo lộn tất cả những gì chung quanh. Đó là thái độ họ xử sự với môi trường. Một khoa sinh thái toàn diện đòi hỏi phải có thời gian để tìm lại được sự đồng cảm với tạo hoá, để chiêm ngắm Đấng Sáng Tạo, Đấng đang sống giữa chúng ta và xung quanh chúng ta.<sup>43</sup>

Theo cách tương tự, các nhà phê bình truyền thông đã chỉ ra rằng các công ty công nghệ có trụ sở tại Thung Lũng Silicon như Google và Facebook thường trình bày về bản thân và triết lý của họ với những ngôn từ mang âm hưởng tôn giáo, những “chân lý” họ đưa ra xem có vẻ như những điều giáo lý riêng. Kevin Healey và Robert H. Woods Jr. trong cuốn sách "*Ethics and Religion in the Age of Social Media: Digital Proverbs for Responsible Citizens*" (2019) mô tả thế giới quan của các công ty công nghệ bao gồm ba khía cạnh: chủ nghĩa công nghệ là trung tâm (*techno-centrism*), chủ nghĩa dữ liệu cơ yếu (*data fundamentalism*) và chủ nghĩa thông tin (*informationism*). Thế giới quan này được đặc trưng bởi những điều giáo lý riêng của nó. Các nguyên lý chính của bộ giáo lý này bao gồm: (1) Thông tin là sự khôn ngoan (*Information is wisdom*); (2) Tính minh bạch là tính xác thực (*Transparency is authenticity*); (3) Hội tụ là tính toàn vẹn (*Convergence is integrity*); (4) Xử lý là phán đoán (*Processing is judgment*); và (5) Lưu trữ là ký ức (*Storage is memory*).<sup>44</sup>

Healey và Woods bác bỏ những nguyên tắc ‘giáo lý’ này và chỉ ra cách mà các công ty công nghệ tại Thung Lũng Silicon cố gắng tuyên truyền về những khía cạnh của văn hóa công nghệ như những phẩm chất đạo đức. Trong sự phản đối lối tư duy này, các tác giả cho rằng, thay vì

---

<sup>43</sup> *Laudato Si*, số 225.

<sup>44</sup> Kevin Healey and Robert H. Woods Jr., *Ethics and Religion in the Age of Social Media: Digital Proverbs for Responsible Citizens* (New York, NY: Routledge, 2019).

được xem như là những điều tốt lành, đạo đức, các chiêu kích của công nghệ có thể cực kỳ có hại cho sự hưng thịnh và hạnh phúc của con người. Trích lời nhà thần học Công giáo và nhà xã hội học người Pháp Jacques Ellul, các tác giả viết, “Dữ liệu không khai sáng cho người đọc hoặc người nghe nhưng dim chết họ.” Thông tin dữ liệu riêng lẻ, theo lời tác giả, là một điều khác xa so với sự khôn ngoan. Thông tin có liên hệ đến trí tuệ, nhưng trí tuệ không chỉ đơn thuần là có quyền truy cập vào dữ liệu một cách không giới hạn, mà còn là khả năng sử dụng thông tin một cách thận trọng và đóng góp cho lợi ích chung.

Một cách tương tự, các công ty công nghệ kêu gọi sự minh bạch và đánh đồng nó với tính xác thực. Theo cái nhìn của các công ty công nghệ, minh bạch có nghĩa là chia sẻ nhiều hơn về bản thân mình trên không gian mạng với gia đình và thậm chí những người hoàn toàn xa lạ. Trong cái gọi là giáo lý của giới công nghệ, chúng ta càng chia sẻ về bản thân thì mọi người càng nhận ra đầy đủ hơn về con người thật của mình. Tuy nhiên, thể hiện sự minh bạch bằng cách đăng tải hàng loạt thông tin cá nhân trên mạng không thể nào dẫn đến một cuộc sống đích thực. Để sống cuộc sống đích thực, chúng ta cần giữ cho mình một mức độ riêng tư và bí mật, giúp cho chúng ta duy trì quyền tự quyết, là điều cần thiết cho sự phát triển con người một cách đích thực. Ngay cả nhà sáng lập Facebook Mark Zuckerberg, trong khi ông ta kêu gọi mọi người chia sẻ về mình thật nhiều trên nền tảng Facebook để kết nối với nhau, thì bản thân ông ấy đã bảo vệ sự riêng tư của mình bằng cách mua 4 căn nhà trong khu phố của mình, để đảm bảo rằng người khác sẽ không tới mua hoặc xây nhà gần chỗ ở của gia đình ông. Zuckerberg vẫn thấy rằng ông ta cần duy trì sự riêng tư cho cá nhân và cho gia đình ông để mọi người trong gia đình có được một cuộc sống yên bình.

Bên cạnh những giáo lý lệch lạc trên, cách thức hoạt động của các công ty công nghệ luôn thể hiện sự ngạo mạn cũng như mang những chủ trương ích kỷ. Điều này được nhìn thấy qua cách các công ty công nghệ luôn quảng bá chức năng xử lý dữ liệu của các thuật toán như là điều hiệu quả hơn và tốt hơn so với khả năng đánh giá của con người. Chúng luôn



tuyên truyền nhằm thuyết phục mọi người tin rằng: dữ liệu thô là khách quan và chúng luôn mang lại lợi ích tốt nhất cho người dùng; các nền tảng mạng xã hội như Google, Facebook, Instagram và Twitter cũng xem có vẻ như chúng có phục vụ lợi ích và giá trị của chúng ta thông qua “nội dung cá nhân hóa”. Trên thực tế, người am hiểu về thuật toán internet sẽ nhận ra rằng mình đã bị chúng gán cho những cái mác bất kể mình có đồng ý với những cái mác đó hay không. Qua các thông tin mà các thuật toán thu thập về mỗi người dùng, chúng dựng lên một căn tính kỹ thuật số (*digital identity*) cho từng người. Khi truy cập vào các nền tảng này, người dùng được nhận dạng dưới nhãn mác mà thuật toán đã ấn định và gán cho họ, và sẽ được tiếp cận các nội dung và các mục quảng cáo phù hợp với nhãn mác đó. Như đã trình bày ở trên về hoạt động của thuật toán, thì cái thoát đầu xem như là một hành động tạo nên sự thuận tiện cho chúng ta, thực ra là điều mang đến vô số tác hại, bởi vì khi thuật toán cá nhân hóa nội dung mà nó mang đến cho chúng ta, nó cũng có thể vô tình chiều theo những định kiến vô căn cứ của chúng ta, phục vụ cho những thành kiến sai trái, củng cố những nỗi sợ hãi, cũng như giúp làm thỏa mãn những ham muốn thiếu lành mạnh trong chúng ta.

Theo Đức Thánh Cha Phanxicô, để vượt qua mô hình kỹ trị với sự tin tưởng mù quáng vào công nghệ, chúng ta “cần phải chậm lại và nhìn vào thực tại theo cách khác để phù hợp với những tiến bộ một cách tích cực và bền vững cho những điều đã đạt được, nhưng đồng thời cũng để phục hồi những giá trị và những mục tiêu vĩ đại bị cuốn đi bởi những ảo tưởng không kiểm soát của chúng ta.”<sup>45</sup> Mặc dù chúng ta sẽ không bao giờ quay trở lại thời kỳ tiền CNTT-TT, nhưng chúng ta “cần tạo một cách nhìn khác, một suy tư, một chính sách, một chương trình giáo dục, một lối sống và một tinh thần cùng nhau chống lại sự tiến triển của thực dụng kỹ thuật (mô hình kỹ trị).”<sup>46</sup> Một phần của giải pháp là vận động và xây dựng “chủ nghĩa nhân văn kỹ thuật số” (*digital humanism*). Điều này đòi hỏi các thể chế truyền thống về chính trị, kinh doanh, thương mại, giáo

---

<sup>45</sup> *Laudato Si*, số 114.

<sup>46</sup> *Laudato Si*, số 111.

dục, các tổ chức dân sự và chuyên nghiệp phải có tầm nhìn chiến lược để tạo ra sự thay đổi. Khi các nhóm và cá nhân truyền thống như các nhà lãnh đạo xã hội và tôn giáo giành lại quyền lực uy thế truyền thống, họ có thể chống lại các trào lưu công nghệ hiện nay để duy trì tính xác thực của con người trong bối cảnh kỹ thuật số ngày càng phát triển.

Trước nguy cơ bị làn sóng kỹ thuật số làm sai lệch các giá trị đạo đức và tinh thần truyền thống, “chủ nghĩa nhân văn kỹ thuật số” có thể giúp:

- \* Thúc đẩy việc sử dụng CNTT-TT một cách thận trọng và khôn ngoan nhằm phục vụ lợi ích chung;

- \* Thúc đẩy sự phát triển toàn diện để đạt được quyền tự quyết và tính xác thực của con người;

- \* Thúc đẩy niềm tin vào Thiên Chúa thay vì niềm tin vào công nghệ; ưu tiên phẩm giá con người hơn lợi nhuận và năng suất;

- \* Thúc đẩy một nền giao thoa văn hóa năng động hơn là một nền văn hóa kỹ thuật.

\*\*\*

Giao thoa văn hóa đã trở thành một mô hình được các nhà khoa học xã hội lẫn các nhà thần học công nhận, đặc biệt là đối với sứ mạng truyền bá Phúc Âm của Giáo hội. Những ý nghĩa sâu sắc trong mô hình này có thể khó được hiện thực hóa trong thời đại kỹ thuật số với sự thống trị của mô hình kỹ trị. Phải thừa nhận rằng CNTT-TT có tiềm lực hỗ trợ mô hình giao thoa văn hóa rất nhiều vì nó loại bỏ nhiều rào cản đối với giao thoa văn hóa như thời gian, không gian và các trở ngại về kinh tế - xã hội - văn hóa - chính trị. Tuy nhiên, trong khi một số thách thức được giảm bớt, thì lại nảy sinh các thách thức khác thậm chí còn có hại hơn và gây suy nhược hơn đối với xã hội và các nền văn hóa. CNTT-TT gây ra và củng cố sự cực đoan, phân cực và chia rẽ trong xã hội là những thách thức to lớn đối với những lý tưởng của mô hình giao thoa văn hóa, là mô hình dựa trên

tinh thần cởi mở, lắng nghe và học hỏi lẫn nhau, tôn trọng lẫn nhau, và sẵn sàng thăng tiến và chuyển hóa. Đối mặt với hai trạng thái đối lập này, Giáo hội cần tiếp tục kiên trì cất lên tiếng nói ngôn sứ của mình qua nhiều phương tiện và phương cách để kêu gọi nhận thức đúng đắn về những yếu tố trong cuộc sống cá nhân và cộng đồng phù hợp với mô hình giao thoa văn hóa.

## Chương 7

# XÂY DỰNG TÌNH HIỆP THÔNG QUA TRUNG GIAN MẠNG

Những ngày trong tháng 3 năm 2020, đại dịch Covid-19 đang leo thang ở nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt tại các nước châu Âu như Anh Quốc, Tây Ban Nha và Ý, là quốc gia Tây phương đầu tiên đại dịch bùng phát. Vào ngày 9/3/2020, Thủ tướng Ý Giuseppe Conte đã ra lệnh phong tỏa trên toàn quốc do mỗi ngày có hàng nghìn ca nhiễm; số người tử vong cũng gia tăng ở mức độ báo động. Dưới lệnh phong tỏa, người dân không được đi lại nếu không có lý do chính đáng như đi làm việc hoặc đi bệnh viện. Nhịp sống tại Vatican và khu vực xung quanh, cũng như trên toàn nước Ý hoàn toàn bị khựng lại, mọi thứ trở nên âm đạm, hiu quạnh. Nỗi hoang mang, lo âu và buồn phiền bao phủ toàn xã hội và đè nặng lên tinh thần của mọi người.

Ngày nước Ý đi vào phong tỏa toàn quốc cũng là ngày Đức Giáo Hoàng Phanxicô bắt đầu phát sóng trực tuyến các Thánh lễ hằng ngày từ chỗ ở của ngài là Casa Santa Marta. Trong Thánh lễ trực tuyến đầu tiên, Đức Giáo Hoàng giải thích rằng, “Trong những ngày này, tôi sẽ dâng Thánh lễ cầu nguyện cho những bệnh nhân của đại dịch, cho các bác sĩ, y tá, tình nguyện viên đã giúp đỡ rất nhiều, cho các thành viên trong gia đình, cho người già đang ở các nhà dưỡng lão, cho các tù nhân đang bị giam giữ.”<sup>1</sup> Hơn hai tháng liên tục, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã dùng

---

<sup>1</sup> “First anniversary of Pope’s lockdown Masses broadcast live from Santa Marta,” *Vatican News* (9/3/2021), <https://www.vaticannews.va/en/pope/news/2021-03/one-year-ago-the-first-live-broadcast-of-mass-at-santa-marta.html>

Thánh lễ hằng ngày của ngài để kết nối với đàn chiên đang tàn mát và bị cô lập ở khắp nơi trên thế giới.

Nhằm đối phó với những thách đố mục vụ do đại dịch Covid-19 gây nên, Giáo hội toàn cầu cũng như địa phương đã phải đưa ra hàng loạt những hành động thích ứng để duy trì sự liên đới và hiệp thông giữa con khùng hoảng. Một trong những công cụ được nhiều lãnh đạo Giáo hội chọn là công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT-TT), cụ thể các phương tiện internet như mạng xã hội và ứng dụng chat, và các thiết bị có kết nối với internet, như máy vi tính và điện thoại thông minh. Tuy nhiên, thời tiền đại dịch, khi vi-rút corona chưa xâm nhập và chưa làm chao đảo đời sống của con người, đối với không ít lãnh đạo trong Giáo hội, các phương tiện CNTT-TT nói trên chưa được xem là “các nhu yếu phẩm”, mà chỉ là “các phụ kiện” hỗ trợ thú vị cho sứ vụ truyền giáo của Giáo hội mà thôi.

Tuy nhiên, những công cụ trước đây tưởng chừng như chỉ đóng vai trò hỗ trợ thì nay đã trở thành một trong những thứ không thể thiếu được trong bối cảnh của đại dịch Covid-19. Đối với các giáo xứ trên toàn thế giới, đại dịch đã nhiều khi bùng phát mạnh vào những thời điểm quan trọng như Tuần Thánh và mùa Giáng Sinh. Đây là những dịp linh thiêng nhất trong lịch Phụng vụ Kitô giáo. Đối với một giáo xứ, trong những dịp đặc biệt như vậy, cộng đoàn sẽ có rất nhiều hoạt động như tĩnh tâm, các chương trình từ thiện, công tác chuẩn bị cũng như việc cử hành các nghi thức Phụng vụ. Nhưng khi đại dịch xảy đến, bầu không khí tại các nhà thờ bỗng trở nên u ám và yên tĩnh đến lạ thường. Các nhà thờ phải đóng cửa. Các sinh hoạt cộng đồng bị hủy bỏ. Thậm chí, Thánh lễ cũng chỉ được cử hành một cách riêng tư hoặc bị giới hạn với chỉ một ít người tham dự trực tiếp. Trong thời gian đại dịch bùng phát, biện pháp cách ly toàn vùng hoặc toàn quốc được áp dụng, tất cả mọi người được khuyến khích hoặc buộc phải ở nhà để làm giảm bớt sự lây nhiễm. Các nghi thức Phụng vụ cũng như các sinh hoạt tâm linh khác không được tổ chức như trước, nên các cử hành Phụng vụ được đưa lên internet để các tín hữu có thể tham dự trực

tuyển tại gia nhằm đảm bảo sự an toàn cho cá nhân cũng như tập thể.

Trong tiếng Anh, những buổi cử hành Phụng vụ trực tuyến (*online*) thường được gọi là những sự kiện “*virtual*” (trong tiếng Việt thường được dịch là “ảo”),<sup>2</sup> cho dù đó là những buổi cử hành thực tế, mục đích chính là phục vụ những tín hữu không thể có mặt tại nơi diễn ra nghi thức Phụng vụ. Thay vào đó, họ “tham gia” trực tuyến thông qua chương trình phát trực tiếp (*livestream*) hoặc dưới hình thức video được phát lại. Ngoài các Thánh lễ trực tuyến, còn có các sinh hoạt đạo đức khác như Châu Thánh Thể, lần Chuỗi Mân Côi, và Lectio Divina.

Những sinh hoạt có tính cộng đồng như các lớp học Kinh Thánh, các lớp học giáo lý, thậm chí cả các buổi tĩnh tâm cũng được đưa lên mạng để giáo dân có thể tham dự. Trong bối cảnh Giáo hội ngày càng tăng cường các hoạt động qua trung gian kỹ thuật số, đặc biệt trong hoàn cảnh của đại dịch Covid-19, bài khảo luận này nêu lên một vài vấn đề và gợi ý về bản chất của cách thức truyền thông này, nhằm giúp chúng ta có cái nhìn đầy đủ và toàn diện hơn về hình thức hiện diện trong không gian mạng, trong cũng như sau thời đại dịch. Đặc biệt, bài viết tập trung trình bày về mối liên hệ giữa sự hiện diện trực tuyến (*online presence*) và sự hiệp thông trong Giáo hội (*ecclesial communion*) được hiểu và đánh giá như thế nào.

### Phân biệt giữa ‘ảo’ (*virtual*) và ‘thực’ (*real*)

Mặc dù các cử hành Phụng vụ trực tuyến thường được gọi là “*virtual/ảo*”, nhưng thuật ngữ này không chỉ được dùng để nói về các sinh hoạt tôn giáo trên internet, mà còn được dùng để diễn tả mọi hoạt động đang diễn ra và được phát trên mạng. Chẳng hạn, các vận động viên đang tập luyện tại nhà và trao đổi với nhau qua internet thì được coi là đang có

---

<sup>2</sup> Trong khi từ “*virtual*” thường được dịch là “ảo” thì từ “*online*” thường được dịch là “trực tuyến”. Theo ý kiến của người viết thì từ “*virtual*” được dịch ra tiếng Việt là “ảo” chưa thực sự chính xác. Tuy nhiên, đây là từ đang được sử dụng phổ biến để chỉ về nhiều sinh hoạt trên mạng.

các “bài tập ảo” (*virtual workouts*). Các nhạc sĩ và ca sĩ biểu diễn cho khán giả trực tuyến được cho là đang có những “buổi hòa nhạc ảo” (*virtual concert*).

Một trong những sự kiện như vậy là chương trình ca nhạc chủ đề “Một thế giới” (*One World*), do nhóm Global Citizen và ca sĩ Lady Gaga thực hiện nhằm quyên góp tiền cho WHO (Tổ chức Y tế Thế giới) để chống lại đại dịch Covid-19. Sự kiện kéo dài 8 giờ, “quy tụ” các phần trình diễn của các nghệ sĩ nổi tiếng như Rolling Stones, Lizzo, Camila Cabello, Sir Paul McCartney, John Legend và Billie Eilish. Chương trình đã quyên góp được gần 128 triệu đô-la Mỹ để hỗ trợ cho hoạt động của WHO.<sup>3</sup>

Việc áp dụng thuật ngữ “*virtual/ảo*” cho các hoạt động trực tuyến này có chủ đích phân biệt giữa hai hình thức hiện diện: “hiện diện thể lý” (*physical presence*) với “hiện diện phi thể lý” (*non-physical presence*). Theo đó, sự hiện diện thể lý thường được đánh giá là “thực/thật” hay “xác thực” hơn, trong khi sự hiện diện phi thể lý được coi là “ít thực hơn” (*less-than-real*) hoặc chỉ đơn thuần là “mô phỏng” (*simulation*) những gì là thật. Chắc chắn đối với người Công giáo, việc xem Thánh lễ Chúa Nhật trực tuyến, ngay cả khi được truyền hình trực tiếp, sẽ không được coi là đã hoàn thành nghĩa vụ tham dự Thánh lễ Chúa Nhật, vì để hoàn thành nghĩa vụ đòi hỏi người tín hữu phải tham dự Thánh lễ trực tiếp, tức là cả người cử hành và người tham dự Phụng vụ đều ở trong cùng một không gian vật lý. Vì thế, không có gì ngạc nhiên khi trong bài giảng Lễ Minh Mầu Thánh Chúa, năm 2020, Đức Tổng Giám mục Broderick Pabillo của Tổng Giáo phận Manila, Philippines, đã nhận xét rằng: “Chúng ta có những Thánh lễ trực tuyến, nhưng đây không phải là Bí tích Thánh Thể [đối với những người tham dự trực tuyến]... Chúng ta cử hành Thánh lễ trực tuyến tạm thời vì hoàn cảnh bất thường của chúng ta, nhưng bản thân nó không

---

<sup>3</sup> Kelli Dungan, “Coronavirus: star-studded ‘One World’ virtual concert raises \$128M for front-line pandemic workers,” *WSB-TV* (19/4/2020), <https://www.wsbtv.com/news/trending/coronavirus-star-studded-one-world-virtual-concert-raises-128m-front-line-pandemic-workers/WUOMI63245DTTO7VVV67OVCKVA/>.

phải là Thánh lễ.”<sup>4</sup> Trong một phần khác của bài giảng, ĐTGM Pabillo nhấn mạnh: “Các việc cử hành của chúng ta dâng lên Thiên Chúa và sự tương quan với Ngài là điều gì đó mang tính chất thật, thực tế và không thể bị kéo xuống thành ảo. Tất cả chúng ta đều mong mỏi được trở lại để tham dự Thánh lễ trong nhà thờ. Ảo thôi không đủ, chúng ta muốn cái thật.”

Đối diện với thực tế truyền thông qua trung gian kỹ thuật số, đang ngày càng trở thành một phần quen thuộc trong các hoạt động của Giáo hội, và đại dịch Covid-19 đã thúc đẩy điều này hơn, chúng ta cần phải suy nghĩ như thế nào về bản chất và giá trị của sự hiện diện trực tuyến của Giáo hội và của các vị lãnh đạo Giáo hội trong kỷ nguyên kỹ thuật số? Chắc chắn, đại dịch Covid-19 đã cho thấy tầm quan trọng và cần thiết về sự hiện diện liên tục của Giáo hội trong mọi lúc, bất kể nhân loại đang ở trong hoàn cảnh nào. Trong đại dịch, một cách để thực hiện sự hiện diện là qua trung gian công nghệ kỹ thuật số, vì việc mọi người gặp gỡ nhau trong các không gian vật lý rõ ràng mang lại nhiều nguy cơ lây nhiễm bệnh dịch, nhiều khi còn vi phạm luật pháp của chính quyền sở tại. Tuy nhiên, ngay cả sau khi đại dịch đã lắng xuống, mức độ phổ biến của CNTT-TT sẽ không giảm trong cuộc sống của con người nói chung, cũng như các tín hữu nói riêng. Do đó, việc suy tư nghiêm túc hơn về ý nghĩa và tính chất của hình thức hiện diện trực tuyến là cần thiết, đồng thời sẽ mang lại nhiều ích lợi hơn cho đường hướng mục vụ thời hậu đại dịch.

Để việc suy tư được rõ ràng và lôgic, điều chúng ta cần phải làm là định nghĩa hay xem xét cách sử dụng thuật ngữ "*virtual/ảo*" để chỉ các hành động và sự kiện trực tuyến. Theo nhận xét của tác giả, việc mô tả các sự kiện truyền thông trên mạng là *virtual/ảo* có thể gây ra sự ngộ nhận. Mặc dù có sự khác biệt về phẩm chất giữa sự hiện diện trực tuyến và sự hiện diện vật lý, nhưng cách diễn tả này có thể gây hiểu sai bản chất của sự hiện diện trực tuyến, vì nó phủ định giá trị tiềm năng và làm suy yếu

---

<sup>4</sup> Evelyn Macairan, "Online masses not enough, bishop says," *Philstar* (15/6/2020), <https://www.philstar.com/headlines/2020/06/15/2020955/online-masses-not-enough-bishop-says>.



tính đích thực của sự hiện diện trực tuyến. Điều mà thoạt đầu chỉ xem như là vấn đề ngữ nghĩa, thì trên thực tế, nó có những hệ quả quan trọng đối với cách nhận thức của Giáo hội và các người lãnh đạo Giáo hội về nhu cầu và giá trị của sự tương tác với các tín hữu trong không gian mạng.

Việc sử dụng thuật ngữ “*virtual/ảo*” để chỉ các sự kiện trực tuyến có thể dẫn đến sự ngộ nhận, vì có nhiều cách hiểu cũng như ý nghĩa được gán cho từ này, tùy thuộc vào ngữ cảnh mà từ này được sử dụng. Ví dụ, khi được sử dụng như một thuật ngữ chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ thông tin, “*virtual/ảo*” hoặc “*thực tế ảo*” (*virtual reality*) nói đến việc sử dụng đồ họa tương tác không gian thực 3D và các thiết bị công nghệ để tạo ra một mô phỏng hoặc một bản sao của thực thể vật lý. Đây là một công nghệ chuyên biệt nhằm mục đích giúp người dùng đạt được một trải nghiệm nhất định. Bất cứ điều gì có thể được mô tả là thực tế ảo phải có những tính chất: đáng tin cậy, có tính tương tác, do máy tính tạo ra, có thể khám phá và nhập vai. Việc sử dụng công nghệ thực tế ảo tạo ra một “*sự hiện diện ảo*” (*virtual presence*), khiến cho người dùng cảm tưởng rằng, họ không chỉ đang thực sự ở một nơi nào đó, mà còn có thể chia sẻ trải nghiệm đó cùng với những người khác đang tham gia vào sinh hoạt của công nghệ thực tế ảo.

Một khái niệm có liên quan nhưng không đồng nhất, đó là “*viễn vọng*” (*telepresence*), tức là trải nghiệm nhập vai và hiện diện với người khác, nhưng không phải ở một nơi ảo mà trong thế giới thực, chẳng hạn như trong phòng họp hoặc phòng hội nghị của một tòa nhà nào đó. Qua công nghệ này, các tham dự viên ở nhiều nơi khác nhau có thể cảm thấy như mình đang ngồi họp với nhau trong cùng một phòng hội thảo thực để trao đổi và bàn luận những vấn đề của cuộc họp. Trong bối cảnh của đại dịch Covid-19, khi các thành viên của một công ty hoặc tổ chức phải làm việc từ nhà và không thể tổ chức những cuộc họp mặt đối mặt được, công nghệ này có thể giúp cho họ cảm thấy như mình đang tụ họp ở trong một phòng họp truyền thống của công ty như trước đây, mặc dù trên thực tế mọi người đang ở cách biệt nhau.

Dựa trên cách giải nghĩa này, thì việc xem một buổi hòa nhạc hoặc

tham dự một cử hành Phụng vụ trực tuyến không đủ điều kiện để được cho là một trải nghiệm về thực tế ảo. Trong sinh hoạt này, cả người làm chương trình lẫn người xem đều không sử dụng bất kỳ công nghệ đặc biệt nào để khuếch đại thực tế. Hơn nữa, trừ khi người ta sử dụng nhiều trí tưởng tượng, chẳng hạn một người nào đó xem Thánh lễ trực tuyến của Đức Thánh Cha Phanxicô tại Vương cung thánh đường Thánh Phêrô, sẽ không cảm thấy như thể mình đang ở cùng với Đức Thánh Cha trong ngôi thánh đường nguy nga này. Một cách tương tự, trừ khi một người đang tham dự buổi học Kinh Thánh trực tuyến cùng với một số thành viên trong gia đình hoặc bạn bè, họ sẽ không cảm thấy như đang ở cùng một không gian vật lý với những người khác cũng đang theo dõi. Do đó, trải nghiệm các chương trình trực tuyến thực sự không phải là một trải nghiệm thực tế ảo theo nghĩa chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật số.

Trên thực tế, thuật ngữ “*virtual/ảo*” có thể được hiểu theo một cách đơn giản là “đang diễn ra hoặc được mô phỏng trên máy tính hoặc mạng máy tính” (*being on or simulated on a computer or computer network*).<sup>5</sup> Theo cách định nghĩa này, khi đề cập đến ảo là ám chỉ về một sự kiện gì đó diễn ra trên máy tính hoặc trên mạng máy tính thì không có gì đáng tranh cãi, và dường như đó là nghĩa đang được sử dụng rộng rãi để mô tả vô số hoạt động và sự kiện được thực hiện trực tuyến hiện nay. Tuy nhiên, khía cạnh khác của định nghĩa này đề cập đến sự kiện ảo như một hoạt động mô phỏng (*simulation*), do đó nó gợi lên ấn tượng về một điều gì đó không có thật.

Trong từ điển *Merriam-Webster Online*, ấn tượng này lại được củng cố thêm bởi một định nghĩa khác về “*ảo*” rằng: “Tương tự như vậy về bản chất hoặc hiệu quả mặc dù không được chính thức công nhận hoặc thừa nhận” (*being such in essence or effect though not formally recognized or admitted*). Do đó, khi sử dụng một cách trung lập, mặc dù thuật ngữ

---

<sup>5</sup> Theo định nghĩa của từ điển Merriam-Webster Online. Mặc dầu sẽ có những khác biệt giữa cách hiểu và áp dụng thuật ngữ “*virtual/ảo*” trong tiếng Việt và tiếng Anh, nhưng việc phân tích này sẽ giúp độc giả nhận ra tính đối lập giữa hai thực tế: *virtual/ảo* và *real/thực*. <https://www.merriam-webster.com/dictionary/virtual>.

“virtual/ảo” đơn thuần chỉ về một việc gì đó xảy ra qua mạng máy tính, nhưng các cách hiểu và cách sử dụng khác về thuật ngữ lại gọi lên những quan niệm có ý xem thường, cho rằng điều đó không có thực. Trong nhận thức của người Việt, thuật ngữ “virtual” được dịch là “ảo” lại càng gọi lên những cách hiểu tiêu cực nói lên sự giả tạo, giả dối, thậm chí là lừa đảo. Chẳng hạn, một người “sống ảo” là sống cách biệt với thực tế, xây dựng hình ảnh trên mạng một cách thiếu trung thực với mục đích đánh bóng chính mình để tìm kiếm sự hâm mộ từ những người khác.

### Tính đích thực của sự hiện diện trực tuyến

Vậy thì chúng ta nên nhận thức thế nào về sự hiện diện trực tuyến của Giáo hội hoặc qua các nghi thức Phụng vụ hoặc qua các hoạt động mang tính tương tác khác? Về cơ bản, các cử hành Phụng vụ, các buổi chia sẻ tĩn tâm hoặc học Kinh Thánh trực tuyến là các hoạt động truyền thông sử dụng internet như một phương tiện trung gian. Việc truyền thông được xem như là một quá trình, bao gồm mối quan hệ đối thoại liên tục giữa hai hoặc nhiều người, họ trao đổi các tín hiệu mang ý nghĩa nhằm hướng đến sự hiểu biết lẫn nhau.<sup>6</sup> Theo nghĩa rộng nhất, bởi vì đại đa số loài người không giao tiếp với nhau bằng thần giao cách cảm, nên mọi việc truyền thông của con người đều qua trung gian một cái gì đó – có thể là cử chỉ (ngôn ngữ cơ thể), lời nói (ngôn ngữ bằng lời), văn bản, thiết bị công nghệ, hoặc sự kết hợp của những thứ này. Nhà vật lý nổi tiếng thế giới Stephen Hawkins, bị mất khả năng nói do bệnh suy nhược thần kinh vận động, đã cố gắng giao tiếp “bằng lời nói” bằng cách sử dụng một bộ tổng hợp giọng nói và một phần mềm có tên SwiftKey, do hãng vi tính Intel tạo ra đặc biệt dành riêng cho ông. Mặc dù tiếng phát ra là từ thiết bị vi tính chứ không phải từ thanh quản của Hawkins, nhưng người giao tiếp với ông ấy sẽ không phủ nhận rằng, ông đã thực sự “nói” với họ. Bất kể bằng

---

<sup>6</sup> Josef-Franz Eilers, *Communicating in community: an introduction to social communication* (Manila, Philippines: Logos Publications, Inc., 2009), 24.

phương tiện gì đi chăng nữa, trong mọi trường hợp, hành động truyền thông và nội dung truyền đạt luôn xảy ra trong một môi trường cụ thể, bao gồm cả những yếu tố bên trong và bên ngoài. Bối cảnh văn hóa và xã hội quyết định truyền thông từ bên ngoài, trong khi bối cảnh tâm lý chỉ đạo truyền thông từ bên trong.<sup>7</sup>

Việc truyền thông qua trung gian CNTT-TT, mặc dù có những đặc điểm riêng biệt, nhưng cũng có chung những động lực và nguyên lý cơ bản như các hình thức truyền thông khác. Truyền thông dựa trên ác ý và lừa dối sẽ dẫn đến hận thù, chia rẽ và phân cực, trong khi truyền thông xuất phát từ các nguyên lý của chân lý và tình yêu sẽ thúc đẩy sự kết nối và hiệp thông. Thật vậy, sự hiệp thông luôn là mục đích tối hậu của truyền thông xã hội. Theo cách nhìn của Giáo hội, các phương tiện và tiện ích công nghệ được sử dụng trong truyền thông xã hội luôn được đánh giá dựa trên khả năng đóng góp của chúng vào việc xây dựng sự hiệp thông trong Giáo hội cũng như toàn thể gia đình nhân loại.

Huấn thị mục vụ về truyền thông xã hội *Communio et Progressio* (1971) khẳng định rằng, các phát minh kỹ thuật thúc đẩy truyền thông giữa con người với nhau, “phục vụ cho việc xây dựng các mối quan hệ mới và tạo ra một ngôn ngữ mới cho phép con người hiểu rõ bản thân hơn và hiểu nhau dễ dàng hơn. Bằng cách này, con người dẫn đến sự hiểu biết lẫn nhau và chia sẻ tham vọng. Và điều này, đến lượt họ, hướng họ đến công lý và hòa bình, thiện chí và bác ái tích cực, giúp đỡ lẫn nhau, yêu thương và cuối cùng hướng đến hiệp thông.”<sup>8</sup> Đó là lý do tại sao mặc dù thỉnh thoảng vẫn có một số hoài nghi từ bên trong các góc nhìn của Giáo hội, các vị lãnh đạo Giáo hội luôn cởi mở và dễ dàng tiếp nhận các tiến bộ của công nghệ truyền thông, bao gồm cả công nghệ kỹ thuật số, trong đó có CNTT-TT.

Thời Giáo hội sơ khai, một trong những cách mà các vị lãnh đạo Hội

---

<sup>7</sup> *Ibid.*, 25-26.

<sup>8</sup> Vatican Council II, *Communio et Progressio* (1971),

[http://www.vatican.va/roman\\_curia/pontifical\\_councils/pcps/documents/rc\\_pc\\_pccs\\_doc\\_23051971\\_communio\\_en.html](http://www.vatican.va/roman_curia/pontifical_councils/pcps/documents/rc_pc_pccs_doc_23051971_communio_en.html).

Thánh xây dựng và nuôi dưỡng sự hiệp thông là qua việc viết thư. Chẳng hạn, Thánh Phaolô đã viết nhiều lá thư quan trọng gửi cho các Giáo hội địa phương. Nội dung các bức thư đề cập đến nhiều vấn đề: các xung đột và suy đồi đạo đức trong cộng đoàn, sự đàn áp từ những người ngoại đạo và các nhà lãnh đạo chính trị, và bao gồm cả những bất đồng về thần học liên quan đến yêu cầu đối với dân ngoại muốn gia nhập Hội Thánh. Những bức thư do Thánh Phaolô viết đã được đọc trước cộng đoàn Phụng vụ như một phần của buổi nhóm họp chính thức của các tín hữu.<sup>9</sup> Tuy nhiên, việc đọc các thư của Thánh Phaolô trong các buổi cử hành Phụng vụ còn có một mục đích sâu xa hơn. Với vai trò “thay thế cho sự hiện diện cá nhân của mình, những lá thư của Thánh Phaolô khiến thánh nhân hiện diện với nhiều khán giả khác nhau trong và qua những lời quý mến của ngài được coi là ‘hành vi lời nói’ (*speech acts*) mang tính nghi thức, nghĩa là những lời thực sự mang tính hành động, những lời truyền đạt không chỉ để thông báo mà còn được thực hiện.”<sup>10-11</sup> Vì vậy, mặc dù Thánh Phaolô không hiện diện trực tiếp, mặt đối mặt, nhưng ngài vẫn có thể dẫn dắt các tín hữu, “quy tụ lại như một cộng đoàn Phụng vụ, trong một hành động thờ phượng để chúc tụng sự vĩ đại của Thiên Chúa về những gì Ngài đã làm trong việc cho Chúa Giêsu sống lại từ cõi chết.”<sup>12</sup>

Tuy nhiên, Thánh Phaolô không phải là người lãnh đạo Giáo hội duy nhất viết thư cho các cộng đoàn Kitô hữu; Tân Ước cũng như vô số tài liệu lịch sử của Giáo hội đã chứng thực điều này. Mặc dù không phải tất cả những bức thư này đều phải được sử dụng trong cộng đoàn Phụng vụ như các thư của Thánh Phaolô, nhưng không ai có thể phủ nhận sự đóng góp của chúng trong việc nuôi dưỡng sự hiệp thông trong Giáo hội non trẻ với muôn vàn khó khăn. Khi công nghệ tiên tiến, các hình thức truyền

---

<sup>9</sup> John Paul Heil, *The letters of Paul as rituals of worship* (Eugene, Oregon: Cascade Books, 2011), 1.

<sup>10</sup> *Ibid.*, 3.

<sup>11</sup> Serving “as substitutes for his personal presence, the letters of Paul make him present to his various audiences in and through his words of worship considered as ritual ‘speech acts,’ that is, words that actually do what they say, words that communicate by not only informing but performing” (tr. 3)

<sup>12</sup> *Ibid.*, 41.

thông mới (máy in Gutenberg, điện thoại, tivi, vi tính...) đã được đưa vào sử dụng để duy trì và củng cố ý thức hiệp thông trong Giáo hội.

Trong kỷ nguyên kỹ thuật số, CNTT-TT đã trở thành một công cụ không thể thiếu trong truyền thông của con người nói chung và truyền thông của Giáo hội nói riêng. Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã đề cao giá trị của CNTT-TT khi tuyên bố rằng: “Giống như các phương tiện truyền thông khác, nó là một phương tiện, không phải là mục đích tự thân. Internet có thể mang đến những cơ hội tuyệt vời cho việc truyền giáo nếu được sử dụng đúng khả năng và nhận thức rõ ràng về điểm mạnh và điểm yếu của nó.”<sup>13</sup>

Nhiều nhận xét về internet của ba vị Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, Bênêđictô XVI và Phanxicô đều phản ánh một cách nhìn rất thực tế về những lợi ích và chạm bẫy của công nghệ kỹ thuật số. Trong Sứ điệp nhân Ngày Truyền thông Thế giới năm 2010, Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI nhắc nhở các linh mục rằng, họ đang đứng “trước ngưỡng cửa của một kỷ nguyên mới: khi các công nghệ mới tạo ra các hình thức quan hệ sâu sắc hơn xuyên qua những khoảng cách xa hơn, họ được kêu gọi đáp ứng mục vụ bằng cách tận dụng các phương tiện truyền thông nhiều hơn để phục vụ Lời Chúa một cách hiệu quả.” Hơn nữa, Đức Thánh Cha cũng kêu gọi các linh mục hãy “hiện diện trong thế giới truyền thông kỹ thuật số với tư cách là nhân chứng trung thành cho Tin Mừng, thực hiện vai trò thích hợp của họ với tư cách là người lãnh đạo các cộng đồng ngày càng thể hiện mình bằng những 'tiếng nói' khác nhau được cung cấp bởi thị trường kỹ thuật số.”<sup>14</sup>

Trên thực tế, không phải chỉ có các linh mục được kêu gọi thực hiện sự hiện diện trong thế giới kỹ thuật số, mà tất cả các thành phần của Giáo

---

<sup>13</sup> Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, Sứ điệp Ngày Truyền thông Thế giới 2002, [http://w2.vatican.va/content/john-paul-ii/en/messages/communications/documents/hf\\_jp-ii\\_mes\\_20020122\\_world-communications-day.html](http://w2.vatican.va/content/john-paul-ii/en/messages/communications/documents/hf_jp-ii_mes_20020122_world-communications-day.html)

<sup>14</sup> Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI, Sứ điệp Ngày Truyền thông Thế giới 2010, [http://www.vatican.va/content/benedict-xvi/en/messages/communications/documents/hf\\_ben-xvi\\_mes\\_20110124\\_45th-world-communications-day.pdf](http://www.vatican.va/content/benedict-xvi/en/messages/communications/documents/hf_ben-xvi_mes_20110124_45th-world-communications-day.pdf).

hội bao gồm cả vị đứng đầu Hội Thánh. Kể từ những ngày đầu tiên được bầu làm Giáo Hoàng, tháng 3 năm 2013, Đức Giáo Hoàng Phanxicô bắt đầu đăng tweet thường xuyên qua tài khoản @Pontifex, do Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI lập, vào tháng 12 năm 2012.<sup>15</sup> Sự hiện diện của Đức Thánh Cha Phanxicô trên Twitter, Facebook, Instagram và các mạng xã hội khác ngày càng tăng đều đặn, bằng nhiều ngôn ngữ trong suốt nhiệm kỳ giáo hoàng của ngài. Điều này chứng tỏ ngài nhận thức về sự cần thiết của các phương tiện truyền thông kỹ thuật số trong việc truyền bá những suy tư về tôn giáo và tâm linh nhằm thúc đẩy đức tin, hòa bình, đại kết, sự hòa hợp trong Giáo hội và giữa các nền văn hóa. Vào năm 2019, Vatican cũng đã ra mắt ứng dụng “Nhấp chuột để cầu nguyện” (*Click to Pray*) như một phần của Mạng lưới cầu nguyện trên toàn thế giới của Đức Thánh Cha Phanxicô. Theo Thánh bộ Truyền thông, ứng dụng này cho phép các tín hữu “đồng hành cùng Đức Giáo Hoàng trong sứ mệnh bày tỏ lòng nhân hậu cho thế giới,” vì người dùng sẽ được thông báo về những mối quan tâm của Đức Giáo Hoàng mỗi ngày.<sup>16</sup>

Tại Hoa Kỳ, Đức Giám mục Robert Barron, Giám mục phụ tá của Tổng Giáo phận Los Angeles, đã đầu tư nhiều thời gian và công sức vào việc loan báo Tin Mừng bằng phương tiện kỹ thuật số. Các video “Lời bùng cháy” (*Word on Fire*) của ngài trên mạng YouTube đã nhận được hàng triệu lượt xem bởi cả những người Công giáo và không Công giáo. Theo ĐGM Barron, thực tế của bối cảnh hiện nay là nhiều người đã rời bỏ Giáo hội và trở nên những người không thuộc về bất cứ tôn giáo nào (*religiously unaffiliated*). Trong thực trạng này, mạng xã hội đóng vai trò như một phương tiện tốt để tìm kiếm và bước vào thế giới của những “người không theo gì cả”.<sup>17</sup> Trước khi ngài được thăng chức Giám mục

---

<sup>15</sup>Juan Narbona, “Digital leadership, Twitter and Pope Francis,” *Church, Communication and Culture* 1, no 1 (2016): 97.

<sup>16</sup> “Pope launches his click to pray app profile,” *Vatican News* (20/1/2019), <https://www.vaticannews.va/en/pope/news/2019-01/pope-launches-click-to-pray-app.html>

<sup>17</sup> Linda Bordona, “Bishop Barron on the Synod, 'nones', existential peripheries and social media,” *Vatican News* (17/10/2018), <https://www.vaticannews.va/en/church/news/2018-10/synod-youth-2018-interview-bishop-barron0.html>

phụ tá, ĐGM Barron đã bắt đầu sự hiện diện trực tuyến của ngài trong một thời gian dài. Chúng ta không quá ngạc nhiên khi vị Giáo Hoàng sử dụng mạng xã hội nhiều nhất trong lịch sử Giáo hội đã chọn một trong những linh mục hiểu biết về mạng xã hội nhất ở Hoa Kỳ vào vị trí lãnh đạo Giáo hội địa phương.

Đức Giáo Hoàng Phanxicô và Đức Giám mục Barron đã đi trước nhiều vị lãnh đạo Giáo hội khác trong sự hiện diện trực tuyến. Đối với nhiều giám mục và linh mục, cho đến khi đại dịch Covid-19 bùng phát khiến các nhà thờ đóng cửa trên khắp thế giới, mới "đổ xô" sử dụng CNTT-TT để hiện diện trực tuyến với giáo dân của mình, bởi vì chủ chiên thì phải sát cánh với đoàn chiên. Tuy nhiên, khi con chiên không thể đến nhà thờ, thì nơi mà các chủ chăn chắc chắn sẽ gặp gỡ được họ là trên internet, đặc biệt trên các mạng xã hội thịnh hành như Facebook và YouTube. Đối với những vị lãnh đạo như ĐGH Phanxicô và ĐGM Barron, sự hiện diện trực tuyến của các ngài, mặc dù thường xuyên hơn so với thời gian trước đại dịch, chỉ đơn giản là sự tiếp nối những gì các ngài đã làm trong quá khứ theo chức vụ của mình. Tuy nhiên, nhiều nhà lãnh đạo Giáo hội khác có thể được xem là "lính mới" khi nói đến sự hiện diện trong không gian mạng. Tất nhiên, việc bị chụp ảnh hoặc quay video/phát trực tiếp các Thánh lễ long trọng hoặc nghi thức truyền chức không phải là điều gì mới mẻ đối với đại đa số các giám mục và linh mục. Tuy nhiên, sự hiện diện trực tuyến, trong đó vị mục tử chủ ý và chủ yếu giao tiếp và tương tác với khán giả trên internet, trong một nghi thức Phụng vụ hoặc một sinh hoạt tâm linh, không hẳn là điều mà nhiều vị lãnh đạo Giáo hội đã có dồi dào kinh nghiệm.

Đại dịch Covid-19 khiến các vị mục tử phải điều chỉnh bản thân trong một thời gian rất ngắn, để đối mặt với một máy quay đơn độc, phải nói chuyện với một khán giả bao gồm nhiều thành phần khác nhau về giới tính, tuổi tác, chủng tộc, vị trí kinh tế, xã hội... Mặc dù không thấy được khuôn mặt của khán giả, nhưng vị mục tử biết rằng bên kia đường giây là những con người thực với những cuộc sống và lo toan thực. Đối với một số linh mục, việc thuyết giảng, chia sẻ với một khán giả "vô hình" là một



trải nghiệm đầy lo lắng. Tuy nhiên, đối với cả hai đối tượng của hành động truyền thông qua trung gian công nghệ kỹ thuật số, tính đích thực của sự việc phụ thuộc hoàn toàn vào thái độ nghiêm túc, cởi mở và sẵn sàng đón nhận của người truyền đạt cũng như người tiếp nhận thông tin. Tính xác thực của sự việc còn dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau, rằng ở nơi được gọi là không gian kỹ thuật số hay không gian mạng này, có sự hiện diện thực sự, theo nghĩa là có những con người thực, sống động và hoạt động, đang nối kết và tương tác với nhau qua hành động truyền thông.

Trong thực tế, không gian mạng không chỉ có những “cư dân” thật, mà họ còn làm những việc vốn thuộc về bản chất con người thật – chia sẻ và tranh luận, kinh doanh buôn bán, xung đột và hòa giải, chửi bới và thờ phượng, phạm tội và tìm kiếm sự tha thứ. Theo Domenico Pomili, trước thực tế không gian mạng đang ngày càng trở thành một thực thể liền mạch với thế giới vật lý trong đời sống con người, môi trường kỹ thuật số nên được xem là môi trường có thật, và hội tụ đủ tiêu chuẩn để có thể được nhìn nhận như là một không gian nhân học (*anthropological space*).<sup>18</sup> Những gì diễn ra trong môi trường này phản ánh tất cả các khía cạnh của đời sống con người – tâm linh, xã hội, chính trị, đạo đức... Thật vậy, Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI nhận xét rằng: “Môi trường kỹ thuật số không phải là một thế giới song song hay hoàn toàn ảo, mà là một phần trong trải nghiệm hằng ngày của nhiều người, đặc biệt là giới trẻ.”<sup>19</sup> Nhưng chắc chắn thế giới mạng không còn chỉ là nơi hội tụ của những người trẻ, vì như chúng ta thấy trong đại dịch Covid-19, những cụ già ở các vùng thôn quê Việt Nam, những người thậm chí chưa từng sở hữu một chiếc điện thoại thông minh, cũng đã cung kính xem Thánh lễ hằng ngày trên các thiết bị này. Họ không chỉ xem các Thánh lễ được cử hành bởi các giám

---

<sup>18</sup> Domenico Pomili, *Il nuovo ell'antico: comunicazione e testimonianza nell'era digitale* [The new in the old: communication and witnessing in the digital era] (San Paolo, Italy: Cinisello Balsamo, 2011), 62.

<sup>19</sup> Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI, Sứ điệp Ngày Truyền thông Thế giới 2013, [http://www.vatican.va/content/benedict-xvi/en/messages/communications/documents/hf\\_ben-xvi\\_mes\\_20130124\\_47th-world-communications-day.html](http://www.vatican.va/content/benedict-xvi/en/messages/communications/documents/hf_ben-xvi_mes_20130124_47th-world-communications-day.html).

mục hay linh mục địa phương, mà còn tìm xem các Thánh lễ được phát từ các giáo xứ và vùng miền khác, hầu được thưởng thức với những món ăn tinh thần đa dạng và mới mẻ hơn. Cha Joshy Xavier, SJ, ở Ấn Độ, cho biết rằng, trong một số gia đình, các thành viên của họ chỉ dùng chung một chiếc điện thoại thông minh. Vào ban ngày, những đứa trẻ sử dụng để học trực tuyến; vào buổi tối thì người lớn dùng để xem các cử hành Phụng vụ.<sup>20</sup>

### "Sáng tạo truyền giáo" trong đại dịch

"Sáng tạo truyền giáo" (*missionary creativity*) là cụm từ được Đức Giáo Hoàng Phanxicô sử dụng hai lần trong Tông huấn *Evangelii Gaudium (Niềm Vui Của Tin Mừng)* (số 28) và *Amoris Laetitia (Niềm Vui Của Tình Yêu)* (số 57). Trong *Evangelii Gaudium*, ngài viết:

Giáo xứ không phải là một thiết chế lỗi thời; chính vì nó có tính linh hoạt cao, nó có thể mang những đường nét khá khác nhau tùy thuộc vào sự cởi mở và khả năng sáng tạo truyền giáo của mục tử và cộng đoàn. Mặc dù chắc chắn không phải là cơ sở duy nhất truyền giáo, nhưng nếu giáo xứ chứng tỏ được khả năng tự đổi mới và thích nghi liên tục, thì giáo xứ đó vẫn tiếp tục là "Giáo hội sống giữa nhà của những người con trai và con gái của mình."<sup>21</sup>

Mặc dù trong đoạn này, Đức Thánh Cha nói về môi trường giáo xứ trong những thời điểm bình thường khi các cánh cửa nhà thờ không bị đóng kín, nhưng tinh thần của lời khuyến dụ của ngài có thể áp dụng cho bất kỳ thời điểm hay hoàn cảnh nào của giáo xứ hoặc Giáo hội. Khả năng sáng tạo truyền giáo, khi được các vị lãnh đạo ở các cấp độ khác nhau trong Hội Thánh khai thác mục vụ cách tích cực, có thể thích ứng và đáp

---

<sup>20</sup> Anthony Le Duc and John Mi Shen, *Pastoral Creativity amid the Covid-19 Pandemic: Global Experiences* (Manila, Philippines: Logos Publications, Inc., 2021).

<sup>21</sup> Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium*, [http://www.vatican.va/content/francesco/en/apost\\_exhortations/documents/papa-francesco\\_esortazione-ap\\_20131124\\_evangelii-gaudium.html](http://www.vatican.va/content/francesco/en/apost_exhortations/documents/papa-francesco_esortazione-ap_20131124_evangelii-gaudium.html), số 28.

tra với vô số thách đố này sinh từ các biến cố khác nhau đang diễn ra trên thế giới, bất kể tự nhiên hay nhân tạo.

Vào tháng 05 năm 2020, một số nhà lãnh đạo chính trị ở Hoa Kỳ đã kêu gọi các thống đốc tiểu bang mở cửa các nhà thờ để cho các tín hữu có thể trở lại với sinh hoạt tôn giáo. Mặc dù tại thời điểm ấy, đại dịch chưa có dấu hiệu lắng xuống, nhưng lời kêu gọi nói trên có ý nói rằng, sinh hoạt tôn giáo là một sinh hoạt thiết yếu (*essential*), tương đương với việc đi chợ, đi bệnh viện... nên không thể cấm cản được. Nhằm đáp lại quan điểm này, cha Edward Beck, một linh mục Dòng Thương Khó Chúa Giêsu, đã đăng bài viết trên trang web của thông tấn xã CNN với lời bình luận rằng, trong suốt đại dịch, cha và các tổ chức tôn giáo khác không ngừng cung cấp các dịch vụ “thiết yếu” cho các tín hữu. Cha Beck viết: “Trong đại dịch này, tôi đã chôn cất người chết tại các nghĩa trang – với số lượng các thành viên gia đình có mặt bị hạn chế. Tôi đã cầu nguyện với mọi người qua FaceTime và Zoom. Tôi thậm chí còn giải tội trong bãi đậu xe của một siêu thị.”<sup>22</sup> Thật vậy, các nhà lãnh đạo Giáo hội và các thừa tác viên mục vụ đã thích nghi với tình hình, tìm cách hỗ trợ tinh thần cho các tín hữu qua sự hiện diện trực tuyến, hoặc nếu điều kiện cho phép, thì hiện diện một cách trực tiếp. Các vị mục tử cũng như các thừa tác viên mục vụ khác không ngừng thi hành sứ vụ hay vắng khỏi đời sống của giáo dân, mặc dầu các nhà thờ buộc phải cửa khóa then cài, vì họ đã làm trách nhiệm của mình qua những hình thức và phương cách mới, đặc biệt qua trung gian CNTT-TT.

Như cha Beck, các mục tử và thừa tác viên mục vụ trong Giáo hội đã sử dụng khả năng sáng tạo truyền giáo của họ để hiện diện và đáp ứng các nhu cầu mục vụ của giáo dân theo nhiều cách khác nhau. Tại Hoa Kỳ, Cha Antôn Phạm Hữu Tâm, một bác sĩ y khoa, hưởng ứng lời kêu gọi của Thống đốc New York đã đóng cửa văn phòng của ngài ở Houston trong ba tuần, để tình nguyện giúp đỡ nạn nhân của đại dịch, tại Bệnh viện

---

<sup>22</sup> Edward Beck, “Priest: Mr. President, we don't need to open churches to practice our faith,” *CNN* (23/5/2020), <https://edition.cnn.com/2020/05/22/opinions/churches-reopening-trump-covid-19-beck/index.html>.

Elmhurst, ở Queens. Sau đó, cha cũng tổ chức các chương trình xét nghiệm Covid-19 cho cộng đồng Việt Nam, tại các nhà thờ và chùa trong khu vực Houston bang Texas. Tháng 7 năm 2021, khi ở Việt Nam và Thái Lan tái bùng phát dịch với hàng nghìn người bị nhiễm mỗi ngày, nhiều lao động di dân Việt Nam tại Thái Lan không được nhập viện vì nhiều lý do khác nhau, tác giả đã liên lạc với Cha Tâm xin ngài đăng bài viết chỉ dẫn cách phòng ngừa và điều trị Covid-19 tại nhà. Ngài đã đáp lại bằng cách đăng một số bài viết với những thông tin thiết thực trên trang Facebook cá nhân, nhận được lượng chia sẻ rất cao.

Tại Thái Lan, Cha Somkiat Trinikorn, nguyên Tổng đại diện của Tổng Giáo phận Bangkok và là một học giả Kinh Thánh, đã thường xuyên xuất hiện trên mạng xã hội Công giáo Thái Lan từ rất lâu, trước đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, phải đến khi đại dịch xảy ra, Cha Trinikorn mới phát trực tuyến các bài nói chuyện và bài thuyết giảng về Kinh Thánh của mình — không phải dành cho các đại chủng sinh tham gia các khóa học của ngài, mà dành cho tất cả những người Công giáo Thái Lan. Khi thực hiện các bài giảng thuyết, Cha Trinikorn luôn ngồi bên cạnh màn hình tivi hiển thị nội dung bài giảng trên phần mềm *Powerpoint*. Mỗi lần chương trình của ngài được phát trực tiếp, đã có rất nhiều người theo dõi cũng như chia sẻ vào các trang cá nhân hoặc các trang mạng xã hội Công giáo khác trong cộng đồng Thái Lan.

Cha John Mi Shen, một linh mục người Trung Quốc đang giảng dạy tại Học viện Hoàng gia và Giáo hoàng Học viện Santo Tomas (UST) ở Manila, Philippines chia sẻ: Kể từ tháng 1 năm 2020, ngài bắt đầu cử hành Thánh lễ trực tuyến hằng ngày cho một nhóm khoảng 100 người Công giáo đến từ thành phố Vũ Hán, Trung Quốc, tâm chấn ban đầu của đại dịch toàn cầu. Theo Cha Mi Shen, ngài đã chọn cử hành Thánh lễ trực tuyến “riêng tư” với nhóm này thay vì Thánh lễ “công khai”, nơi mọi người có thể theo dõi, vì cha muốn duy trì một bầu không khí ấm áp để có thể đồng hành và chia sẻ với giáo dân Công giáo tại Vũ Hán. Từ việc dâng lễ trực tuyến mỗi ngày cho các gia đình Công giáo Vũ Hán, Cha Mi Shen cho biết ngài đã có thể xây dựng mối tương quan với tất cả các gia đình

một cách thân mật. Cha nói, “Nhiều người trong số họ đã tiếp cận tôi để được tư vấn trực tuyến, vì vậy tôi có thể biết hầu hết các gia đình trong nhóm và những mối quan tâm của họ.”<sup>23</sup>

Các giáo dân trong nhóm cũng đã trở thành những người cộng tác vào hoạt động giúp đỡ người nghèo của Cha Mi Shen ở Philippines, vì ngoài việc cử hành Thánh lễ trực tuyến cho nhóm người Công giáo Vũ Hán, Cha Mi Shen còn sử dụng các diễn đàn mạng xã hội của Trung Quốc để chia sẻ về những khó khăn mà người dân Philippines phải gánh chịu trong đại dịch. Kết quả của việc chia sẻ những câu chuyện đáng thương đó, Cha Mi Shen đã nhận được những khoản quyên góp đáng kể từ giáo dân tại Trung Quốc, trong đó có cả “cộng đoàn Kitô hữu trực tuyến” của cha, để giúp đỡ các nạn nhân Covid-19 ở Philippines. Cha Mi Shen cho biết, các giáo dân ở Trung Quốc rất đồng cảm với các nạn nhân tại Philippines, vì chính họ đã trải qua cuộc khủng hoảng trước đó, nên họ có thể thấu hiểu những khó khăn mà người Philippines đang phải đối diện.

Các câu chuyện mục vụ thời Covid-19 trên cho thấy, từ cách nhìn của các nhà lãnh đạo Giáo hội, không có gì phải bất đồng với quan điểm cho rằng, Giáo hội đóng một vai trò thiết yếu cho cuộc sống của các tín hữu. Tuy nhiên, việc thi hành sứ vụ thiết yếu đó không nhất thiết phải “ngừng” trong thời gian đại dịch xảy ra, ngay cả trong lúc các cơ sở của Giáo hội buộc phải đóng cửa. Trong mọi hoàn cảnh, Giáo hội luôn thi hành sứ vụ của mình bằng khả năng và sự sáng tạo dưới sự linh ứng của Chúa Thánh Thần. Ngày nay, khi nói về Giáo hội, chúng ta liên tưởng đến Giáo hội như một sự hiệp thông của dân Chúa với nhau và với Thiên Chúa. Cách nhìn này về Giáo hội nhấn mạnh đến những cách thức thúc đẩy việc xây dựng các mối tương quan và tính cộng đồng hơn là sự giàu có và vẻ uy nghi bề ngoài, hoặc thể hiện sức mạnh và quyền lực của một thể chế. Vì thế, việc các nhà thờ bị đóng cửa để phòng chống dịch sẽ không gây tác hại đến tinh thần hiệp thông trong Giáo hội, nếu sự lãnh đạo và sự hiện diện của Giáo hội tiếp tục được thực hiện theo những cách sáng tạo cả trực

---

<sup>23</sup> Các thông tin này đến từ những lần tác giả đã nói chuyện với Cha John Mi Shen qua ứng dụng WhatsApp.

tuyển và ngoại tuyển.

Trên thực tế, không nên xem các chiêu kích trực tuyến và ngoại tuyển như hai điều tồn tại tách biệt với nhau hoặc đối nghịch nhau. Khi xem trực tuyến Đức Giáo Hoàng Phanxicô đơn độc đứng tại Quảng trường Thánh Phêrô cầu nguyện cho thế giới ngày 27 tháng 03 năm 2020, trong tâm thức của chúng ta, chúng ta đang hiệp thông cầu nguyện với một con người thật, đó là vị lãnh đạo của Giáo hội, đại diện của Đức Kitô ở thế gian. Tương tự như vậy, các buổi cầu Thánh Thể mà chúng ta theo dõi trực tuyến thực sự được cử hành, Mình Thánh Chúa thực sự đã được đặt trên bàn thờ bởi một thừa tác viên, để mọi người chiêm ngắm và thờ phượng Chúa Kitô trong Mình Thánh Chúa.

Do đó, không gian kỹ thuật số nơi những sự việc này được nhìn thấy, nghe biết và cảm nhận, chúng ta không thể phủ nhận thực tế rằng, mọi hành động và lời nói được truyền đạt đã thực sự được thể hiện và đón nhận bởi những người ở hai đầu của đường giây truyền. Không thể gọi một Thánh lễ trực tuyến là “*virtual/ảo*” khi bánh và rượu thực sự đã biến thành Mình và Máu Chúa Kitô. Một buổi hòa nhạc trực tuyến không phải là “*virtual/ảo*” khi mà trên thực tế, những bản nhạc hay đã được trình diễn cho hàng triệu người nghe và thưởng thức. Một chương trình cầu nguyện trực tuyến không thể nào là “*virtual/ảo*” khi nhiều trái tim đã đắm chìm trong tâm tư cầu nguyện và thờ phượng. Với sự liên kết ngày càng chặt chẽ giữa không gian kỹ thuật số và không gian vật lý, bất kỳ sự hiện diện nào xây dựng sự hiệp thông và gia tăng việc thờ phượng Chúa đều có giá trị cũng như tính đích thực của nó.

### **Ưu tiên sự hiện diện thể chất**

Trong phần cuối này, thiết nghĩ cần nhấn mạnh một điều rằng, việc khẳng định giá trị và tính xác thực của trải nghiệm truyền thông trực tuyến không nên được hiểu như một luận cứ đánh đồng tính chất giữa hai hình thức trực tuyến và trực tiếp. Trở lại với Hội Thánh sơ khai, chúng ta đừng

quên rằng mặc dù Thánh Phaolô gửi cho tín hữu Côrintô những bức thư đầy tâm huyết, nhưng không phải mọi vấn đề đều nhanh chóng được giải quyết. Một phần của quá trình giải hòa đòi hỏi Thánh Phaolô phải trực tiếp đến thăm người Côrintô “để anh em được lợi gấp đôi” (2 Cr 1,15). Thực ra, trước khi Thánh Phaolô thực hiện chuyến đến thăm cộng đoàn để giải quyết những vấn đề khúc mắc, ngài đã viết những lá thư dọn đường rồi, để khi đến nơi, cuộc gặp gỡ mặt đối mặt sẽ có kết quả hơn và dễ dàng hơn cho cả hai bên (2,1-3).

Việc Thánh Phaolô mong muốn và thừa nhận sự cần thiết phải trực tiếp đến thăm các giáo đoàn Kitô hữu, không chỉ giao tiếp bằng thư từ, cũng được thể hiện rõ ràng trong lá thư gửi cho tín hữu Rôma. Mặc dù tại thời điểm viết thư, Thánh Phaolô chưa bao giờ đến Rôma, ngài cũng không phải là người có vai trò thành lập giáo đoàn ở đó, nhưng Thánh Phaolô bày tỏ rằng: “Tôi rất ước ao được gặp anh em để chia sẻ với anh em phần nào ân huệ Thánh Thần, nhờ đó anh em vững mạnh, nghĩa là để anh em chúng ta cùng khích lệ nhau, bởi vì cả anh em lẫn tôi, chúng ta đều chung một niềm tin” (Rm 1,11-12).

Cách nhìn về giá trị của những chuyến thăm trực tiếp không chỉ thấy ở riêng Thánh Phaolô. Trong các giáo đoàn của Thánh Gioan, vị lãnh đạo Giáo hội, khi viết thư cho người đứng đầu một giáo đoàn nhỏ, ngài cũng bày tỏ mong muốn được gặp gỡ để trao đổi trực tiếp về các vấn đề liên quan đến giáo đoàn. Khi kết thúc bức thư, ngài viết: “Tôi còn có nhiều điều phải viết cho anh em, tôi không muốn dùng giấy mực. Nhưng tôi hy vọng có thể đến với anh em và nói chuyện trực tiếp, để niềm vui của chúng ta được nên trọn vẹn” (2 Ga 12). Những tâm tư của Thánh Phaolô và người đứng đầu giáo đoàn của Gioan đều chứng minh rằng, những cuộc gặp gỡ trực tiếp không chỉ mang lại niềm vui và ân sủng lớn hơn cho các tín hữu, mà còn đáp ứng nhu cầu tình cảm và tâm linh của chính người lãnh đạo Hội Thánh.

Qua sự ao ước được hiện diện trực tiếp của các vị lãnh đạo Giáo hội với các tín hữu cho thấy, đây cũng là khao khát mà chính Thiên Chúa đã thể hiện với con người. Từ sự hiện diện của Thiên Chúa giữa dân Israel

dưới nhiều hình thức khác nhau (tiếng gió, ngọn lửa, các biến cố thiên nhiên...), cũng như việc Ngài sử dụng các ngôn sứ để truyền thông với dân Israel, cuối cùng Thiên Chúa đã nhập thể làm người, qua Đức Giêsu, để liên kết với con người một cách chặt chẽ và cụ thể. Qua biến cố Nhập Thể của Đức Giêsu, Thiên Chúa trực tiếp làm người, mang thân phận con người, để bày tỏ cho con người biết về chính Ngài một cách sâu xa hơn. Biến cố Nhập Thể đã mang lại giá trị và hiệu quả cho kế hoạch cứu chuộc của Thiên Chúa vượt xa những gì có thể làm được qua những phương cách truyền thông khác đã được thực hiện trước đó.

Trong bối cảnh của đại dịch Covid-19, sự khác biệt về phẩm chất giữa hình thức hiện diện trực tuyến và trực tiếp có thể nhận thấy qua những sự việc cụ thể. Chẳng hạn, nhiều sinh viên đại học ở Hoa Kỳ đã yêu cầu các trường đại học phải hoàn trả hoặc giảm học phí sau khi buộc phải tham gia các lớp học trực tuyến dài hạn. Họ cho rằng hình thức học trực tuyến không thể nào so sánh với việc học trực tiếp trên lớp. Tương tự, nhiều trẻ em trên khắp thế giới sau nhiều ngày bị cô lập trong nhà, có nguy cơ bị bệnh trầm cảm; chúng ao ước được ra ngoài để vui chơi, gặp gỡ bạn bè, thay vì chỉ liên lạc với nhau qua tin nhắn hoặc cuộc gọi bằng hình ảnh (*video chat*).

Vào ngày 14 tháng 6 năm 2020, nhóm nhạc nổi tiếng toàn cầu, BTS, đến từ Hàn Quốc, đã biểu diễn một buổi hòa nhạc trực tuyến có số lượng khán giả theo dõi kỷ lục 650.000 người hâm mộ trên khắp thế giới. Mặc dù được coi là một thành công lớn về mặt doanh thu (gần 20 triệu Mỹ kim) cũng như lượng khán giả, nhưng Suga, một thành viên của ban nhạc, bày tỏ: “Nói thật là chúng tôi muốn biểu diễn [trong chuyến lưu diễn] rất nhiều. Thật kỳ lạ khi không có tất cả các bạn cổ vũ chúng tôi trực tiếp. Mặc dù chúng ta không thể nhìn thấy nhau về mặt thể lý, nhưng chúng ta nên tin tưởng vào thực tế là chúng ta sẽ sớm gặp nhau.”<sup>24</sup>

Những ví dụ trên cùng với kinh nghiệm của chính chúng ta trong thời

---

<sup>24</sup> Ellie Bate, “BTS' virtual concert 'bang bang con' proved their biggest strength is their connection with their fans,” *Buzzfeed.Com* (16/6/2020), <https://www.buzzfeed.com/eleanorbate/bts-bang-bang-con-live-concert-army>



gian phải giãn cách xã hội khẳng định rằng, việc thừa nhận giá trị và tính xác thực của trải nghiệm trực tuyến không cần và không nên hàm ý rằng, hai trải nghiệm gặp gỡ và truyền thông trực tiếp và trực tuyến đều mang phẩm chất ngang nhau; hình thức này có thể thay thế hình thức kia cách tuyệt đối. Trên thực tế, những cuộc gặp gỡ trực tuyến hiệu quả nhất chính là những lần khơi lên trong tâm tư mỗi người chúng ta ao ước muốn kết nối với nhau mật thiết hơn nữa qua những cuộc gặp gỡ mặt đối mặt, vai kề vai, “tay bắt mặt mừng”. Cũng như Thiên Chúa đã không chỉ muốn truyền thông với nhân loại qua những dấu chỉ thiên nhiên hay qua lời các ngôn sứ, nhưng qua chính Con Một của Ngài, hầu nhân loại được cứu rỗi.

\*\*\*

Khi các vị lãnh đạo Giáo hội ứng phó với đại dịch Covid-19, tìm cách thực hiện “sáng tạo truyền giáo” như Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã thúc giục bằng cách hiện diện trực tuyến, các ngài không thể cùng một lúc dựa vào CNTT-TT để thi hành sứ vụ mà lại cho rằng hình thức này là “ảo”, “kém chân thực” hoặc “không hoàn toàn chân thực”, và vì thế không phải là một ưu tiên. Thái độ này không chỉ xem thường và bỏ qua sức mạnh tiềm tàng của CNTT-TT cho công việc rao giảng Tin Mừng, mà còn hạ thấp giá trị của chính truyền thông đang nỗ lực thực hiện nhằm mục đích nuôi dưỡng sự hiệp thông trong Giáo hội.

Do đó, Giáo hội trong thời hậu đại dịch, các vị lãnh đạo, đặc biệt là những người đã sử dụng phương tiện trực tuyến trong cuộc khủng hoảng, không nên rút lui hay từ bỏ cách đột ngột khỏi không gian mạng. Nếu CNTT-TT và không gian mạng được Giáo hội công nhận là “thành quả của sự khéo léo của con người, phải được đặt để phục vụ lợi ích toàn diện của cá nhân và toàn thể nhân loại,”<sup>25</sup> thì sự hiện diện trực tuyến và việc

---

<sup>25</sup> Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI, Sứ điệp Ngày Truyền thông Thế giới 2011, [http://www.vatican.va/content/benedict-xvi/en/messages/communications/documents/hf\\_ben-xvi\\_mes\\_20110124\\_45th-world-communications-day.pdf](http://www.vatican.va/content/benedict-xvi/en/messages/communications/documents/hf_ben-xvi_mes_20110124_45th-world-communications-day.pdf).

lãnh đạo trong lĩnh vực kỹ thuật số không thể chỉ là một giải pháp tạm thời để cầm cự trong khi đại dịch đang hoành hành, mà nó phải được đưa vào chương trình truyền giáo một cách quy mô và lâu dài của Giáo hội.

Nếu đại dịch Covid-19 dạy chúng ta một điều, thì điều đó chính là nhân loại, trong đó bao gồm cả Giáo hội, có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Theo cách tương tự, cuộc sống trực tuyến và ngoại tuyến của chúng ta ngày càng được kết nối liền mạch với nhau trong kỷ nguyên kỹ thuật số. Việc xây dựng và duy trì sự hiệp thông trong Giáo hội cũng như trong toàn thể gia đình nhân loại đòi hỏi chúng ta phải sử dụng mọi phương tiện có sẵn. Bên cạnh đó, sự hiện diện và hướng dẫn của Giáo hội luôn cần thiết trong mọi bối cảnh. Do đó, Giáo hội sau đại dịch sẽ phục vụ tốt cho Thiên Chúa và nhân loại khi có thể điều hướng và sử dụng CNTT-TT một cách hợp lý, ưu tiên thích đáng cho các hình thức truyền thông có lợi cho việc nuôi dưỡng tinh thần của các tín hữu, luôn đặt lên hàng đầu mục đích tối hậu là sự hiệp thông giữa con người với Thiên Chúa và với toàn thể thụ tạo trong “Ngôi nhà chung” mà Chúa đã ban cho chúng ta.

## Chương 8

# LÃNH ĐẠO TÔN GIÁO VỚI TRUYỀN THÔNG MẠNG XÃ HỘI

Trong thời điểm âm ảm của đại dịch tại Ý dưới lệnh phong tỏa toàn quốc, vào 6 giờ tối ngày 27/3/2020 giờ Vatican, Đức Thánh Cha Phanxicô đã chủ sự buổi cầu nguyện tại Quảng trường Thánh Phêrô để Châu Thánh Thể cầu nguyện đặc biệt cho thế giới trước đại dịch ngày càng leo thang. Sau giờ Châu Thánh Thể, Đức Thánh Cha đã ban phép lành Minh Thánh *Urbi et Orbi* cho các tín hữu đang tham dự nghi thức qua các phương tiện truyền thông khác nhau. Quảng trường Thánh Phêrô là nơi bình thường có hàng nghìn người tới tham quan mỗi ngày cũng như tham dự những nghi thức do Đức Thánh Cha chủ sự. Nhưng tối hôm đó, trong khuôn viên quảng trường hoàn toàn trống vắng; cơn mưa nhẹ kéo dài suốt thời gian diễn ra nghi thức càng làm cho khung cảnh càng hiu quạnh và buồn sâu hơn.

Tuy nhiên, giữa sự thê lương đó, Đức Thánh Cha đã chia sẻ một thông điệp để hướng mọi người đến niềm hy vọng và sự tin thác vào Chúa cách mãnh liệt hơn. Ngài nói: “Giữa bão tố của chúng ta, Chúa mời gọi chúng ta hãy đánh thức và khởi động tình liên đới và hy vọng, có khả năng mang lại sự vững chắc, nâng đỡ và mang lại ý nghĩa cho những lúc này, trong đó tất cả dường như bị chìm.” Đức Thánh Cha cũng nhắc nhở các tín hữu về sức mạnh cứu độ của Thập giá:

Chúng ta có một cái neo; trong thập giá của Chúa chúng ta được cứu độ. Chúng ta có một hoa tiêu: trong thập giá của Ngài chúng ta được cứu chuộc. Chúng ta có một niềm hy vọng: trong thập giá của Chúa, chúng ta được chữa lành và ấp ủ vì không có gì và

không một ai có thể tách biệt chúng ta ra khỏi tình thương cứu độ của Chúa. Giữa tình trạng cách ly, trong đó chúng ta đang thiếu thốn tình cảm quý mến và những cuộc gặp gỡ, chịu đựng bao nhiêu thiếu thốn, một lần nữa chúng ta nghe lời loan báo cứu độ: Chúa đã sống lại và Ngài sống cạnh chúng ta. Chúa kêu gọi chúng ta, từ trên thập giá của Ngài, hãy tìm lại cuộc sống đang chờ đợi chúng ta, và hãy nhìn đến những người đang kêu chúng ta, hãy củng cố, nhìn nhận và khởi động ơn thánh đang ở trong chúng ta. Đừng dập tắt tim đèn còn ngún khói (Xc Is 42,3), không bao giờ yếu liệt và hãy để cho niềm hy vọng được bùng lên.<sup>1</sup>

Những lời nói và hành động của Đức Giáo Hoàng Phanxicô giữa cơn đại dịch cho thấy rằng, sự lãnh đạo tốt là điều rất cần thiết trong tất cả các thời điểm của xã hội loài người, và càng không thể thiếu trong những thời kỳ khủng hoảng như thiên tai, chiến tranh và đại dịch. Tương lai của một quốc gia hay một tổ chức phụ thuộc rất nhiều vào tài năng và sự nhạy bén của người lãnh đạo. Một cuộc khủng hoảng trầm trọng có thể nâng cao hoặc làm sụp đổ vị thế của vị lãnh đạo đương nhiệm.

Đại dịch Covid-19 đã mang đến nhiều cơ hội cũng như thách thức cho các nhà lãnh đạo thuộc mọi lĩnh vực trên toàn thế giới. Các nhà lãnh đạo phải chứng minh khả năng của mình khi đối diện với một trong những trận đại dịch có sức tàn phá và lan rộng khủng khiếp nhất trong suốt 100 năm qua. Người ta có thể thấy rằng nhiều nhà lãnh đạo đã không thể vượt qua được thách đố này bởi họ còn thiếu sự khôn ngoan, nguồn lực hoặc các kỹ năng lãnh đạo cần thiết để đáp ứng với những bài toán khó mà đại dịch đặt ra. Sự kém thực lực của họ gây ra những thiệt hại to lớn đối với người dân cũng như quốc gia mà họ lãnh đạo. Những mất mát đó có cả thiệt hại về mạng sống con người lẫn nền kinh tế của đất nước.

Giống như nhiều vấn đề khác đã và đang xảy ra trên thế giới ngày nay, đại dịch Covid-19 đã chứng tỏ được bản chất cốt lõi của xã hội loài

---

<sup>1</sup> Vatican News, “Bài giảng của ĐTC trong giờ cầu nguyện và ban phép lành Urbi et Orbi,” (27/3/2020), <https://www.vaticannews.va/vi/pope/news/2020-03/dtc-phanxico-bai-giang-trong-gio-cau-nguyen-phep-lanh-urbi-et-or.html>

người là liên kết chặt chẽ và hoàn toàn phụ thuộc lẫn nhau. Những biện pháp đóng cửa biên giới, hay phong tỏa các tỉnh thành cũng chỉ là những phương cách mang tính đối phó tạm thời. Nó không thể ngăn chặn vi-rút corona xâm nhập vào xã hội cách triệt để, đồng thời cũng không thể kéo dài hết năm này qua năm khác. Nước Úc là một điển hình. Mặc dù chính phủ Úc đã rất cố gắng với nhiều biện pháp nghiêm khắc để ngăn cản vi-rút corona lây lan trong cộng đồng, nhưng khi biến chủng Omicron xuất hiện thì dường như bao nhiêu nỗ lực trước đây cũng không đủ để ngăn chặn nó được nữa.

Tình trạng phong tỏa hoặc đóng cửa các cơ sở kéo dài sẽ khiến người dân không chết vì dịch bệnh thì cũng chết vì nghèo đói do nền kinh tế suy sụp. Mặc dù mức độ tổn thất mà đại dịch đã gây ra cho con người còn tùy thuộc vào tuổi tác và địa vị kinh tế - xã hội, nhưng nhìn chung, tất cả đều là nạn nhân của nó, cho dù người đó thuộc bất kỳ sắc tộc, giới tính, địa vị xã hội hoặc tôn giáo nào.

Khi mà cả thế giới phải nỗ lực để vượt qua cơn đại dịch, thì bất kỳ ai cũng có thể dễ dàng nhận ra rằng cách duy nhất để có thể giải quyết thành công cuộc khủng hoảng chính là bằng phương cách phối hợp liên ngành đối với tất cả các lĩnh vực như xã hội - chính trị, khoa học, sức khỏe cộng đồng, tôn giáo, kinh tế, v.v... Đối với những người bám chặt vào hệ tư tưởng cố hữu, luôn khăng khăng muốn loại trừ hơn là hợp tác, thích chủ nghĩa bè phái thay vì cộng tác, thì chỉ có thể làm xáo trộn tiến trình phát triển mà các cá nhân và cộng đồng đã không ngừng nỗ lực để đạt được cho xã hội và thế giới.

Riêng các nhà lãnh đạo tôn giáo trên thế giới nói chung, cách riêng các vị lãnh đạo Giáo hội Công giáo, bối cảnh cấp thiết của đại dịch Covid-19 đòi hỏi họ phải cộng tác với nhau trong việc đáp lại dấu chỉ thời đại bằng cách thực hiện vai trò của mình trong cuộc chiến chống lại cơn đại dịch. Dĩ nhiên các nhà lãnh đạo tôn giáo có thể làm được nhiều điều khác nhau trong vị trí của mỗi người và mỗi cấp bậc. Ở đây, chúng ta sẽ tìm hiểu một lĩnh vực duy nhất, đó là việc họ sử dụng phương tiện truyền thông xã hội như thế nào trong thời kỳ đại dịch. Cụ thể, chúng ta sẽ xem

xét cách các lãnh đạo tôn giáo dùng mạng xã hội để truyền đạt những thông điệp tâm linh, các thông tin khoa học và động viên tinh thần để tạo ra những ảnh hưởng tốt trong suy nghĩ và hành vi ứng xử của các tín đồ trong cộng đồng.

Tuy nhiên, các ví dụ được trích dẫn ở đây thực ra chỉ giới hạn trong việc nêu lên một số nhà lãnh đạo tôn giáo nổi tiếng trong các truyền thống tôn giáo lớn, vì chúng ta không thể nào điều tra hết những thông tin về các nhà lãnh đạo tôn giáo từ mọi truyền thống, ngôn ngữ và văn hóa. Tuy vậy, những ví dụ được trình bày trong chương này vẫn có thể chỉ ra được thông điệp mà hầu hết các nhà lãnh đạo tôn giáo lớn trên thế giới đã và đang cố gắng truyền đạt cho các tín đồ của họ.

### **Các nhà lãnh đạo tôn giáo và truyền thông xã hội kỹ thuật số**

Ngay cả trước khi đại dịch bùng phát, rất nhiều nhà lãnh đạo tôn giáo đã quen thuộc với các phương tiện truyền thông mạng xã hội. Chẳng hạn, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã bắt đầu tham gia vào Twitter từ tháng 2 năm 2010. Chỉ trong hai ngày đầu, tài khoản của ngài đã thu hút được 55.000 người theo dõi.<sup>2</sup> Các dòng tweet của ngài luôn ngắn gọn, súc tích nhưng không kém sự sâu sắc, và thường hướng vào việc thúc đẩy các giá trị nhân văn và tinh thần vượt qua ranh giới của các nền văn hóa cũng như tôn giáo. Vì thế, các thông điệp được đón nhận trên khắp thế giới và được nhiều người theo dõi tweet lại (*retweet*). Một trong những dòng tweet được chia sẻ nhiều nhất của Đức Đạt Lai Lạt Ma đăng vào ngày 6 tháng 1 năm 2020 nhắc nhở mọi người rằng:

Đã là con người, tất cả 7 tỷ người trong chúng ta đều được sinh ra và chết đi theo cùng một cách. Chúng ta đều giống nhau về mặt thể chất, tinh thần cũng như tình cảm. Tất cả chúng ta đều muốn sống một cuộc sống hạnh phúc và tránh những rắc rối. Thế nhưng,

---

<sup>2</sup> “Dalai Lama to “Tweet” on Tibet,” (23/2/2020), <https://www.dalailama.com/news/2010/dalai-lama-to-tweet-on-tibet/amp>

chúng ta thường coi nhẹ tầm quan trọng của tình yêu và tình cảm trong nền văn hóa duy vật chất.<sup>3</sup>

Cũng giống như phần lớn các dòng tweet khác của ngài, dòng tweet này không nhắm đến một tôn giáo hoặc dân tộc cụ thể nào, mà chỉ hướng đến các vấn đề, mối quan tâm và các nguyện vọng chung của con người. Thế nên, ý tưởng chứa đựng trong những dòng chữ ngắn ngủi dễ dàng chạm đến trái tim của các độc giả trên toàn thế giới. Chiến lược thu hút mọi người thuộc tất cả các tôn giáo (và phi tôn giáo) cũng như văn hóa của Đức Đạt Lai Lạt Ma rất hữu ích cho việc thúc đẩy sự giao thoa giữa các nền văn hóa và hệ tư tưởng khác nhau. Các dòng tweet của ngài truyền cảm hứng cho nhiều người, và giúp mọi người liên kết với nhau trong tư cách là con người với các điểm tương đồng sâu sắc, vượt xa những khác biệt bên ngoài.

Tương tự như Đức Đạt Lai Lạt Ma, Đức Thánh Cha Phanxicô đã hoạt động tích cực trên Twitter kể từ những ngày đầu tiên trên ngôi vị giáo hoàng. Vào tháng 3 năm 2013, ngài bắt đầu tweet thường xuyên bằng cách sử dụng một tài khoản có tên @Pontifex. Ba năm sau, Đức Thánh Cha Phanxicô đã cho ra mắt tài khoản Instagram cá nhân của mình. Ngay từ khi công bố tài khoản, nó đã phá vỡ kỷ lục của Instagram tại thời điểm đó khi tích lũy được một triệu lượt người theo dõi chỉ trong 12 giờ đầu tiên.<sup>4</sup> Kỷ lục trước đó được cầu thủ bóng đá người Anh David Beckham nắm giữ, nhưng để đạt được mốc một triệu người, anh đã cần gấp đôi thời gian so với Đức Thánh Cha. Đức Giáo Hoàng Phanxicô hiện tại đã có một vị trí ổn định trên nhiều nền tảng truyền thông xã hội bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau.

Trên các nền tảng truyền thông mạng xã hội cũng có rất nhiều lãnh đạo Hội Giáo, trong đó có không ít người là các học giả nổi tiếng, có nhiều uy tín. Chẳng hạn, vị giáo sĩ Hội giáo Ismail Menk ở Zimbabwe là người được xếp vào danh sách những nhà lãnh đạo Hội Giáo sở hữu một

<sup>3</sup> <https://twitter.com/DalaiLama/status/1214132094646935552>

<sup>4</sup> “Pope Francis breaks speed record on Instagram,” *Cathnews* (4/4/2016), <https://cathnews.com/cathnews/24768-pope-breaks-speed-record-on-instagram>.

lượng khá lớn người theo dõi trên các trang truyền thông mạng xã hội. Ngài có gần 6,5 triệu người theo dõi trên Twitter, 4 triệu trên Facebook, 2,5 triệu trên Instagram và 1,2 triệu người đăng ký trên kênh YouTube. Mức độ phủ sóng mạnh mẽ trên các mạng xã hội của vị giáo sĩ này minh chứng rằng những việc ngài làm đã được thế giới công nhận, đặc biệt các loạt bài giảng của ngài luôn có sẵn trên kênh YouTube. Trên kênh YouTube của mình, giáo sĩ Ismail Menk đăng nhiều video ngắn có nội dung đề cập đến các vấn đề mà xã hội ngày nay đang phải đối mặt. Ngài bàn luận về những khía cạnh tiêu cực của các nền tảng mạng xã hội như TikTok, việc đăng hình khiêu dâm của người khác để bôi nhọ và trả thù. Dĩ nhiên, ngài cũng đăng các video bàn về những vấn đề liên quan đến đại dịch Covid-19.

Có thể nói Đức Đạt Lai Lạt Ma, Đức Giáo Hoàng Phanxicô và Giáo sĩ Ismail Menk thuộc nhóm các nhà lãnh đạo tôn giáo nổi tiếng nhất đã xuất hiện trên các nền tảng mạng xã hội thịnh hành. Tuy nhiên, cũng có rất nhiều nhà lãnh đạo tôn giáo khác có ảnh hưởng trên mạng xã hội với những mức độ lan tỏa khác nhau. Trong đó, có một số nhà lãnh đạo chỉ chủ trương nói chuyện với các tín đồ của mình, nhưng cũng có nhiều người muốn chia sẻ và gửi các thông điệp đến các nhóm tôn giáo khác. Bên cạnh đó, cũng phải kể đến nhiều người chỉ thích âm thầm hiện diện trên một hoặc hai nền tảng mạng xã hội. Họ sử dụng công nghệ này không phải như một phương tiện để truyền giáo hoặc quảng bá các giáo huấn, nhưng là để chia sẻ những bức hình cho gia đình và bạn bè, hoặc đơn giản chỉ để giữ liên lạc với người thân cận. Phải thừa nhận rằng thái độ của các nhà lãnh đạo tôn giáo đối với các phương tiện truyền thông mạng xã hội không đồng nhất. Có người tham gia một cách nhiệt tình vì họ cảm nghiệm được tiềm năng truyền giáo tiềm ẩn của công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT-TT). Tuy nhiên, cũng có các nhà lãnh đạo tôn giáo lo sợ rằng CNTT-TT có thể làm cho họ mất đi đời sống riêng tư hoặc nhận được sự chú ý quá mức từ cộng đồng.



## Nhu cầu phát sinh từ đại dịch

Đại dịch Covid-19 đã tạo ra một nhu cầu đặc biệt cấp bách buộc các nhà lãnh đạo tôn giáo trên toàn cầu phải sử dụng tất cả các phương tiện truyền thông có sẵn để cộng tác vào nỗ lực ứng phó với cuộc khủng hoảng. Vào tháng 5 năm 2020, Liên hiệp quốc đã tổ chức một hội nghị cấp cao trực tuyến với chủ đề “Vai trò của các nhà lãnh đạo tôn giáo trong việc giải quyết vô vàn thách thức trong đại dịch Covid-19”. Trong hội nghị này, Tổng thư ký Antonio Guterres đã lên tiếng với các nhà lãnh đạo tôn giáo tham dự cuộc họp rằng: “Theo quan điểm của tôi, các nhà lãnh đạo tôn giáo có thể đóng vai trò then chốt trong việc đưa ra các giải pháp không chỉ để giải quyết đại dịch này, nhưng còn giúp quá trình phục hồi được diễn ra tốt đẹp hơn.”<sup>5</sup>

Cũng trong bài thuyết trình này, Guterres còn yêu cầu các nhà lãnh đạo tôn giáo “tận dụng khả năng của các mạng lưới và truyền thông nhằm hỗ trợ chính phủ và Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) thúc đẩy việc áp dụng các biện pháp y tế được khuyến nghị, như việc giãn cách xã hội và giữ vệ sinh sạch sẽ, để bảo đảm rằng các sinh hoạt tôn giáo căn bản như phụng tự, các nghi lễ tôn giáo và các nghi thức an táng tuân theo các khuyến nghị này.”<sup>6</sup> Trước đó, vào tháng 4 năm 2020, Tổ chức Y tế Thế giới đã cho xuất bản tài liệu có tựa đề “Những cân nhắc và khuyến nghị thiết thực dành cho các nhà lãnh đạo tôn giáo và các cộng đồng đức tin trong bối cảnh đại dịch Covid-19”. Trong tài liệu này, WHO đã công nhận rằng các nhà lãnh đạo tôn giáo và cộng đồng đức tin “là nguồn quan trọng cho việc nâng đỡ, an ủi, hướng dẫn và chỉ đạo chăm sóc sức khỏe và dịch vụ xã hội cho cộng đồng mà họ đang phục vụ.” WHO kêu gọi các tổ chức tôn giáo “quảng bá những thông tin hữu ích về Covid-19, ngăn ngừa và loại bỏ nỗi

---

<sup>5</sup> UN Secretary-General Remarks, 13/5/2020, <https://foreignaffairs.co.nz/2020/05/13/mil-osi-united-nations-shared-vulnerability-to-covid-19-reveals-common-humanity-secretary-general-tells-faith-leaders-stressing-their-key-role-in-fighting-intolerance-disinformation/>.

<sup>6</sup> *Ibid.*

sợ hãi và nạn kỳ thị, củng cố sự an tâm cho mọi người, và thúc đẩy các thực hành bảo vệ sức khỏe trong cộng đồng của họ.”<sup>7</sup>

Việc LHQ và WHO đều kêu gọi sự tham gia tích cực của các nhà lãnh đạo tôn giáo trong nỗ lực khắc phục dịch bệnh trên toàn cầu là một quyết định khôn ngoan và thiết thực. Lý do là vì trong thời đại truyền thông mạng xã hội, nhiều thông tin về Covid-19 được chia sẻ trên mạng không có nguồn gốc rõ ràng. Thêm vào đó, các nhân vật nổi tiếng trong giới chính trị, giải trí, và thậm chí cả tôn giáo cũng dính líu đến việc phổ biến thông tin sai lệch hoặc những thuyết âm mưu.

Nhiều chuyên gia nhận định rằng, diễn ra đồng thời với đại dịch Covid-19 là một “thứ dịch bệnh” khác, đó là dịch bệnh thông tin sai lệch. Diễn hình, trên Twitter ngày 14 tháng 3 năm 2020, người ta thấy Bộ trưởng Bộ Y tế Pháp, ông Oliver Véran có dòng tweet rằng: “Việc uống thuốc chống viêm (ibuprofen, cortisone, ...) có thể là yếu tố làm cho triệu chứng nhiễm vi-rút corona nặng hơn. Nếu bạn bị sốt, hãy uống acetaminophen. Nếu bạn đã uống thuốc chống viêm hay còn nghi ngờ, hãy hỏi ý kiến tư vấn từ bác sỹ của bạn.”<sup>8</sup>

Chỉ trong vài ngày ngắn ngủi, thông điệp này đã được tweet lại hơn 40.000 lần, và thậm chí còn tác động vào quan điểm của các tổ chức y tế nổi tiếng như Bệnh viện Đại học Vaud ở Lausanne và *The British Medical Journal* (*Tap Chí Y Khoa Anh Quốc*). Tuy nhiên, sau khi các chuyên gia kiểm tra vấn đề này thật kỹ càng, họ đã khẳng định rằng, không có cơ sở rõ ràng để cho rằng uống thuốc chống viêm sẽ có những tác dụng nguy hại đến người mắc bệnh Covid-19.

Trên thực tế, không chỉ thông tin sai lệch đến từ những người nổi tiếng mới lây lan như một thứ vi-rút; những đăng tải từ các nguồn không rõ ràng cũng được chia sẻ đầy giẫy trên mạng internet. Những bài đăng này đưa ra đủ lời khuyên để phòng ngừa bị lây nhiễm bằng cách ăn khoai

---

<sup>7</sup> WHO, “Practical considerations and recommendations for religious leaders and faith-based communities in the context of Covid-19,” (7/4/2020).

<sup>8</sup> Daniele Orso et al., “Infodemic and the Spread of Fake News in the Covid-19 Era,” *European Journal of Emergency Medicine* (20/3/2020): 1

lang, nhai tỏi, hoặc uống các loại nước thảo dược....<sup>9</sup> Về mặt tâm linh, thông tin sai lệch và bóp méo thông tin là nguyên nhân gây ra việc người theo đạo Ấn giáo tại Ấn Độ uống nước tiểu của những con bò để phòng ngừa bị nhiễm,<sup>10</sup> còn những người Hồi giáo tại Iran thì lại liếm và hôn công của đền Masumeh tại Qom.<sup>11</sup> Nạn tin giả trên truyền thông mạng xã hội đã tràn lan trong suốt thời kỳ đại dịch. Một báo cáo trình bày rằng chỉ riêng trong tháng 4 năm 2020, Facebook đã gỡ bỏ cho gần 50 triệu mẫu tin có liên quan đến Covid-19 với nhãn cảnh báo về thông tin sai lệch. Cũng trong tháng đó, Twitter đã cảnh báo hơn 1,5 triệu người sử dụng bởi vì các bài đăng của họ bị cho là chứa đựng thông tin sai lệch và có “hành vi thao túng.” Cùng lúc ấy, Google bị buộc phải chặn lại hàng chục triệu thư điện tử có nội dung lừa đảo về Covid-19.<sup>12</sup>

## Tiếng nói đáng tin cậy

### 1. Truyền thông bằng sự hiện diện mang tính cá nhân

Đứng trước nạn tin giả lan tràn về đại dịch Covid-19, xã hội cần phải có những tiếng nói có thẩm quyền và đáng tin cậy từ các nhà lãnh đạo tôn giáo ở các cấp bậc để giúp người dân có thêm những hiểu biết đúng đắn về thực trạng. Vì thế việc kêu gọi sự cộng tác của các nhà lãnh đạo tôn giáo để hạn chế sự gian dối, bất hợp tác và hiểu nhầm trong cộng đồng là

---

<sup>9</sup> Jackied Powder, “Covid-19 Myths vs. Realities,” *John Hopkins Bloomberg School of Public Health* (20/3/2020), <https://www.jhsph.edu/covid-19/articles/coronavirus-facts-vs-myths.html>.

<sup>10</sup> Danish Siddiqui, “Hindu group offers cow urine in a bid to ward off coronavirus,” *Reuters* (14/3/2020), <https://www.reuters.com/article/us-health-coronavirus-india-cow-urine-pa/hindu-group-offers-cow-urine-in-a-bid-to-ward-off-coronavirus-idUSKBN2110D5>

<sup>11</sup> Rozina Sini and Armen Shabhbazian, “Coronavirus: Iran holy-shrine-lickers face prison,” *BBC* (3 March 2020), <https://www.bbc.com/news/blogs-trending-51706021>

<sup>12</sup> “Fake News in the time of Covid-19,” *UNESCO* (1/6/2020), <https://bangkok.unesco.org/index.php/content/press-provides-antidote-fake-news-time-covid-19>

điều dễ hiểu. Một cuộc điều tra về các tài khoản mạng xã hội của các nhà lãnh đạo tôn giáo nổi tiếng cho thấy rằng thông điệp mà các vị này truyền đạt đến công chúng mang tính đa chiều, thể hiện vai trò phức tạp và phong phú của họ trong mối quan hệ với các tín đồ.

Sự hiện diện cá nhân với các tín đồ là một trong những ưu tiên hàng đầu của các nhà lãnh đạo tôn giáo. Sự hiện diện tích cực của các nhà lãnh đạo thể hiện sự quan tâm và lo lắng cho cộng đồng. Chỉ thông qua sự hiện diện tích cực và liên tục, các nhà lãnh đạo mới có thể nhận ra các vấn đề quan trọng trong cộng đồng cần phải được giải quyết. Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã sử dụng câu nói “đời sống của người mục tử phải nhuốm mùi chiên” để mô tả sự liên kết chặt chẽ giữa người lãnh đạo Giáo hội và các tín hữu. Người lãnh đạo của Giáo hội Công giáo không thể là những nhà lãnh đạo ẩn mặt, nhưng họ phải gắn bó mật thiết với cộng đồng mà họ phục vụ, đồng thời tham gia tích cực vào những sự kiện diễn ra hằng ngày nơi cộng đoàn đó.<sup>13</sup> Chính sự hiện diện và sự quan tâm của người lãnh đạo tạo động lực cũng như đường hướng cần thiết để cộng đoàn hành động hướng tới sự thắng tiến toàn diện.

Tuy nhiên, sự hiện diện của các nhà lãnh đạo tôn giáo không chỉ mang ý nghĩa tinh thần mà còn mang ý nghĩa quan trọng về mặt tâm linh. Chẳng hạn như trong một số trường phái của Ấn giáo, vị *Guru* được xem như là một nhân vật được thần thánh hóa, hoặc được nhân cách hóa như một vị thần. Kinh thánh Ấn giáo mang tên *Guru-Gītā* (Bài ca của vị *Guru*) có một câu tuyên bố *guru* là “*sākshāt Parabrahman*”, mang hình dạng của một đấng tối cao.<sup>14</sup> Theo nghĩa này, sự hiện diện của *guru* cũng biểu thị sự hiện diện của thần thánh giữa mọi người. Trong Giáo hội Công giáo, Đức Giáo Hoàng thường được gọi là “Vị Đại Diện của Chúa Kitô” bởi vì điều

---

<sup>13</sup> Carol Glatz, “Pope Francis: Priests should be ‘shepherds living with the smell of the sheep,’” *The Catholic Telegraph* (28/3/2013), <https://www.thecatholictelegraph.com/pope-francis-priests-should-be-shepherds-living-with-the-smell-of-the-sheep/13439>

<sup>14</sup> Rebecca Irons, “God’s daily briefings: Religious leadership in a global pandemic,” *Medical Anthropology at UCL* (19/5/2020), [https://medanthucl.com/2020/05/19/gods-daily-briefings-religious-leadership-in-a-global-pandemic/#\\_edn2](https://medanthucl.com/2020/05/19/gods-daily-briefings-religious-leadership-in-a-global-pandemic/#_edn2)

này “thể hiện vị thế tối cao của ngài đối với Hội Thánh hoàn vũ mà ngài nhận lãnh từ sự ủy thác của Chúa Kitô và với quyền đại diện bắt nguồn từ Chúa Kitô.”<sup>15</sup> Nói một cách tổng quát hơn, khái niệm về Vị Đại Diện của Chúa Kitô nghĩa là một người nào đó được chỉ định làm đại diện của Chúa Kitô trên trái đất. Vì vinh dự và trách nhiệm đặc biệt này, chúng ta có thể dễ dàng hiểu rằng tại sao sự hiện diện cá nhân của Đức Giáo Hoàng đối với các tín hữu sẽ có ý nghĩa sâu sắc cho Giáo hội. Tương tự như vậy, các linh mục Công giáo thường được gọi là “*alter Christus*” (một Đức Kitô khác), để nhấn mạnh rằng Chúa Kitô hiện diện trong linh mục một cách đặc biệt nhờ việc truyền chức thánh. Theo giáo lý của Hội Thánh Công giáo:

Chính Đức Kitô hiện diện với Hội Thánh Người trong việc phục vụ của các thừa tác viên có chức thánh; Người hiện diện với tư cách là Đầu của thân thể Người, là Mục Tử của đoàn chiên của Người, là Thượng Tế của hy lễ cứu chuộc, là Thầy dạy chân lý. Đó là điều Hội Thánh muốn diễn tả khi xác quyết rằng vị tư tế, nhờ bí tích Truyền Chức Thánh, hành động trong cương vị Đức Kitô là Đầu (*in persona Christi Capitis*): Cùng một vị Tư Tế là chính Đức Kitô Giêsu, còn thừa tác viên của Người thật ra đảm nhận cương vị thánh thiêng của Người. Bởi vì vị này, nhờ sự thánh hiến linh mục mà ngài đã lãnh nhận, ngài được đồng hoá với Vị Thượng Tế, và ngài được quyền hành động với quyền năng và cương vị của chính Đức Kitô (*virtute ac persona ipsius Christi*).<sup>16</sup>

Sự hiện diện cá nhân của các nhà lãnh đạo tôn giáo luôn quan trọng trong đời sống của cộng đồng. Tuy nhiên, sự hiện diện thể lý một cách tích cực không phải lúc nào cũng có thể xảy ra dễ dàng. Thực trạng đại dịch Covid-19 đã chứng minh điều đó một cách rõ ràng. Khi vi-rút corona lây lan nhanh chóng, chính quyền các thành phố và quốc gia đã phải đóng

---

<sup>15</sup> “Vicar of Christ,” *New Advent Catholic Encyclopedia*, <https://www.newadvent.org/cathen/15403b.htm>

<sup>16</sup> Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo, số 1548.

cửa các trường học, các cơ sở kinh doanh, các địa điểm vui chơi giải trí và những nơi thờ phượng. Các nhà lãnh đạo tôn giáo không còn có thể xuất hiện trực tiếp với một nhóm người đang tụ họp hoặc đến thăm mọi người tại nhà riêng, vì những hoạt động như vậy sẽ vi phạm các quy định của địa phương. Trong hoàn cảnh này, các nhà lãnh đạo tôn giáo sử dụng phương tiện truyền thông xã hội như là một cách thiết thực và an toàn để tiếp tục thể hiện sự hiện diện cá nhân giữa hoàn cảnh xã hội bị giãn cách.

Sự hiện diện trực tuyến này nhằm truyền đạt thông điệp rằng cả Thiên Chúa lẫn những vị đại diện của Ngài trên trái đất sẽ không bỏ rơi nhân loại trong thời gian thử thách và hoạn nạn. Trong trường hợp này, sự hiện diện trực tuyến không phải là "ảo" theo cách mọi người vẫn thường nghĩ là "không xác thực" hoặc không có "thực". Phải thừa nhận rằng sự hiện diện trực tuyến thông qua các phương tiện truyền thông xã hội vẫn có nhiều hạn chế, nhưng sự hiện diện này được coi là thực và mang tính cá nhân theo nghĩa là quá trình giao tiếp này thực sự đang diễn ra giữa các cá nhân — cả người truyền tải lẫn người nhận thông tin. Quá trình giao tiếp này có sức mạnh giúp an ủi, biến đổi và tạo động lực tích cực cho các tín đồ trong lúc nguy nan. Các phương tiện truyền thông mạng xã hội đã cho phép sự hiện diện có tính cá nhân, bù đắp sự vắng mặt về thể lý vì hoàn cảnh dịch bệnh. Mặc dù sự hiện diện trực tiếp luôn là ưu tiên đối với một nhà lãnh đạo tôn giáo, nhưng sự hiện diện qua trung gian kỹ thuật số trong thời đại dịch vẫn là một nguồn an ủi lớn cho những người muốn duy trì kết nối với các nhà lãnh đạo tinh thần của họ.

## **2. Truyền thông giáo huấn**

Mỗi khi con người trải qua những biến cố đau thương, thiên tai và thảm họa, nhiều người thường đặt ra những câu hỏi với mong muốn tìm được sự lý giải về những sự việc xảy đến trong cuộc sống. Những câu hỏi được đặt ra sẽ khác nhau phụ thuộc vào kinh nghiệm tôn giáo của người đó. Tuy nhiên, những câu hỏi này nhìn chung có thể quy về: Có phải sự việc này xảy ra bởi vì tội lỗi của tôi? Phải chăng Thiên Chúa trừng phạt

thế giới vì sự sa đọa của con người? Làm sao Thiên Chúa lại có thể để cho sự đau khổ này diễn ra trên thế giới? Thiên Chúa muốn nói gì với chúng ta qua những sự kiện đang diễn ra? Thiên Chúa đang ở đâu giữa con đại dịch? Đây có phải là dấu hiệu của ngày tận thế chăng? Có phải các vị thần đang tức giận về vấn đề gì đó? Phải chăng đây là biểu hiện của nghiệp chướng của các cá nhân và tập thể mà nhân loại phải trả giá?

Bất kỳ nhà lãnh đạo tôn giáo nào cũng mang trong mình nhiệm vụ chính yếu đó là trình bày các nguyên tắc tâm linh và thần học có tính thẩm quyền và chính thống để giúp các tín đồ hiểu rõ hơn về những sự kiện đang diễn ra trong cuộc sống của họ và trên thế giới. Trách nhiệm hướng dẫn các tín đồ là một công việc phải thi hành một cách liên tục bởi vì cuộc sống con người đầy giã những sự việc diễn ra mỗi ngày, chuyện lớn có, chuyện nhỏ có, sự việc này nối tiếp sự việc kia. Những biến cố xảy đến trong cuộc sống đó có thể mang đến cho chúng ta niềm vui và hy vọng, hoặc làm cho chúng ta trở nên lo âu, hoang mang, hoảng sợ và tuyệt vọng.

Công việc hướng dẫn và giáo dục của các nhà lãnh đạo tôn giáo rõ ràng không chỉ phát sinh từ khi xảy ra đại dịch. Tuy nhiên, sự trầm trọng của cuộc khủng hoảng đã làm cho những câu hỏi trên trở nên cấp bách và được các tín đồ đặt ra nhiều hơn những thời điểm bình thường. Điểm mấu chốt trong nhiệm vụ của các tôn giáo chính là giúp các tín đồ thấu hiểu và nắm bắt được ý nghĩa của các sự kiện xảy ra trong cuộc sống con người, cũng như tìm ra phương cách để vượt qua nỗi tuyệt vọng và đau khổ mà những biến cố đau thương mang lại cho từng người. Các nhà lãnh đạo tôn giáo suy tư và phân định về những vấn đề trong cuộc sống một mặt cho chính cá nhân mình, nhưng đồng thời cho cả nhân loại đang phải gánh chịu đau khổ. Đây là lý do tại sao sau khi Đức Phật Thích Ca đã khám phá ra con đường dẫn đến giác ngộ 2.500 năm trước, thì chính bản thân ngài cũng không đành lòng thoát khỏi vòng luân hồi cho đến khi ngài đã truyền dạy những Chân Lý Cao Quý lại cho các đệ tử và nhiều người khác nhằm giúp những người đến sau cũng có cơ hội đạt đến sự siêu thoát. Đây cũng là lý do tại sao các vị Bồ Tát siêu việt trong truyền thống Phật Giáo Đại Thừa, đã hoàn toàn bất thối chuyển trên con đường thành Phật, nhưng lại

nguyên trì hoãn nhập Niết Bàn cho đến khi tất cả chúng sinh trong vũ trụ cũng được cứu thoát.<sup>17</sup>

Các nhà lãnh đạo tôn giáo trên thế giới không phải là những người đã đạt tới tình trạng “giác ngộ”, thậm chí đạt tới sự thánh thiện cần có, nhưng họ là những người tham gia một cách đặc biệt vào hành trình tìm kiếm tâm linh, cũng như được giao phó trách nhiệm hướng dẫn và đồng hành cùng với mọi người trên hành trình này. Bất kể thông qua việc tự chỉ định hay được giao trách nhiệm từ những người trong cộng đồng đức tin, các nhà lãnh đạo tôn giáo có bổn phận phục vụ mọi người dưới sự chăm sóc của họ.

Trong thời kỳ đại dịch Covid-19, nhiều nhà lãnh đạo tôn giáo xem việc sử dụng mạng xã hội như một nhu cầu cấp thiết để truyền đạt các ý tưởng về thần học và tâm linh cho các tín đồ vì người dân cần thấu hiểu đúng đắn về cơn khủng hoảng từ cách nhìn của tôn giáo. Ngoài ra, các nhà lãnh đạo tinh thần cũng phải làm rõ những khái niệm tâm linh lệch lạc về đại dịch được lan truyền trong cộng đồng qua các phương tiện truyền thông, đặc biệt trên mạng xã hội. Những ý kiến cho rằng đại dịch Covid-19 sẽ biến lời tiên đoán về ngày tận thế trong sách Khải Huyền ở Kinh Thánh thành hiện thực, có thể gây nên cảm giác hoang loạn và tuyệt vọng cho những người nhẹ dạ. Bên cạnh đó, ý tưởng phát xuất từ niềm tin tôn giáo dẫn đến hành động uống nước tiểu của bò và liếm điện thờ để chống lại Covid-19 lại tạo cơ hội cho những người chống đối tôn giáo, coi những người theo tôn giáo như những kẻ ngu muội và mê tín dị đoan, có cơ để khinh thường và nhạo báng các tôn giáo và những người theo đạo. Đó là chưa nói đến việc nhiều người liếm cùng một cửa điện thờ thì mất vệ sinh và nguy hiểm đến chừng nào.

Ý tưởng cho rằng đại dịch Covid-19 là hình phạt của Thượng Đế giáng xuống trên một xã hội hoặc một nền văn hóa nào đó có thể làm bùng lên ngọn lửa nung nấu sự chia rẽ trong xã hội và giữa các tôn giáo. Đối mặt với những tình huống có nguy cơ dẫn đến nhiều tư tưởng và hành vi

---

<sup>17</sup> Randall L. Nadeau, *Asian Religions: A Culture Perspective* (Oxford: UK, John Wiley & Sons, Ltd, 2014), 181.



cực đoan, các nhà lãnh đạo tôn giáo có thể truyền cảm hứng, sự tinh táo và niềm hy vọng cho các tín đồ thông qua các giải thích thần học và tâm linh đúng đắn. Nhờ đó, các giáo dân có thể duy trì sự cân bằng tinh thần và tình cảm, không để cho những suy nghĩ lệch lạc và dư luận tiêu cực gây xáo trộn đến đời sống vốn đã gặp nhiều thách đố trong hoàn cảnh phong ba bão táp của dịch bệnh.

Một điều có thể chứng kiến được là trong thời gian dịch bệnh, đặc biệt giai đoạn đại dịch vừa bùng phát ở những nơi trên thế giới, nhu cầu về mặt tâm linh nơi các tín đồ rất cao. Vì thế, các nhà lãnh đạo tôn giáo phải tìm mọi phương cách để nâng đỡ người dân, mặc dù những hình thức giao tiếp trước đây đã bị hạn chế trầm trọng. Nhiều nơi, sự hiện diện cách trực tiếp bằng thể lý bị ngăn cấm tuyệt đối. Trong hoàn cảnh này, mạng xã hội trở nên một phương tiện hữu ích để cho các nhà lãnh đạo tôn giáo tiếp tục duy trì liên lạc và kết nối với tín đồ, không để cho lệnh phong tỏa và cách ly làm mất đi sự đoàn kết và hiệp thông trong cộng đồng. Tại Vatican, các Thánh lễ hằng ngày do Đức Giáo Hoàng Phanxicô chủ tế trước thời đại dịch thường diễn ra âm thầm. Nhưng thời gian cả nước Ý bị phong tỏa, các Thánh lễ đã được phát trực tiếp trên mạng truyền thông xã hội. Trong Thánh lễ, Đức Giáo Hoàng thường xuyên kêu gọi các tín hữu trên toàn thế giới hiệp ý cầu nguyện cho tất cả những ai đang bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, cũng như cho các bác sỹ, y tá và tình nguyện viên đang can đảm hy sinh phục vụ ở tuyến đầu. Trong các bài giảng của ngài, Đức Thánh Cha nói kết các bài đọc trong Thánh Kinh với các sự kiện đang diễn ra trên thế giới, nhằm củng cố niềm tin cho các tín hữu dựa trên nền tảng các nhân đức đối thần – đức tin, đức cậy và đức mến. Vào ngày 15/3/2020, trong giờ kinh Truyền Tin, Đức Giáo Hoàng Phanxicô cũng gửi thông điệp đến các tín hữu đang lắng nghe ngài thông qua các phương tiện truyền thông hãy ở lại trong mối liên kết mật thiết với Đức Kitô. Ngài nói:

Trong hoàn cảnh của đại dịch, chúng ta nhận ra rằng nhiều hay ít chúng ta đang phải sống cô lập. Chúng ta được mời gọi để khám phá và đi sâu vào các giá trị của mối hiệp thông vốn liên kết tất cả con cái của Giáo hội. Vì được liên kết trong Đức Kitô, chúng ta

không bao giờ phải bị đơn độc, nhưng chúng ta trở nên một trong Thân Thể Chúa Kitô, và Ngài chính là Đầu. Sự kết hợp này được nuôi dưỡng trong cầu nguyện, và với việc rước lễ thiêng liêng, một thực hành rất được Giáo hội khuyến khích khi các tín hữu không thể lãnh nhận Bí Tích Thánh Thể. Cha nói lên điều này cho tất cả mọi người, nhất là cho những ai đang sống một mình.<sup>18</sup>

Trong bài giảng của Thánh Lễ Lá, Chúa Nhật ngày 5/4/2020, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã khích lệ các tín hữu cảm nhận được sự can đảm và nguồn an ủi trong tình yêu Chúa:

Trong tám thảm kịch của thời đại dịch, trong khi chúng ta phải đối diện với bao nhiêu điều an toàn giả tạo đã bị vỡ vụn, khi chúng ta phải đương đầu với bao nhiêu niềm hy vọng đã bị phản bội, trước cảm giác bị ruồng bỏ đang đè nặng tâm hồn chúng ta, Chúa Giêsu nói với mỗi người chúng ta: “Hãy can đảm lên, mở rộng quả tim con để đón nhận tình yêu của Ta. Con sẽ cảm nhận được nguồn an ủi từ Thiên Chúa, Đấng hằng đỡ nâng con.”<sup>19</sup>

Có thể nói trong suốt thời kỳ đại dịch, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã duy trì một sự hiện diện đều đặn trên các phương tiện truyền thông xã hội. Ngài đã có các bài giảng và thông điệp chứa đựng những giáo huấn sâu sắc nhằm khích lệ tinh thần và nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng của đoàn chiên trên toàn thế giới. Tương tự như Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Đức Đạt Lai Lạt Ma tiếp tục chuyển tải các nội dung tích cực một cách đều đặn trên trang Twitter của ngài trong suốt thời gian đại dịch. Vào ngày 30/3/2020, Đức Pháp Vương đã chia sẻ vào tài khoản Twitter của ngài bài phát biểu được đăng trên trang web của ngài về cuộc khủng hoảng. Trong bài viết, ngài đưa ra những lời khuyên thiết thực cho tất cả mọi người khi phải đương đầu với những nỗi khổ đau hiện tại:

Khi phải đối mặt với những điều không mong muốn về sức khỏe và hạnh phúc, chúng ta cảm thấy lo lắng và sợ hãi là điều rất tự

---

<sup>18</sup> Pope Francis, *Strong in the Face of Tribulation: A Sure Support in Time of Trial* (Vatican: Libreria Editrice Vaticana, 2020), 99.

<sup>19</sup> Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Strong*, 162.

nhien. Tuy thế, tôi đã tìm được nguồn an ủi to lớn trong lời khuyên khôn ngoan sau đây để rà soát lại những vấn đề đang diễn ra trước mắt chúng ta: Nếu có điều gì đó mà chúng ta có thể làm được – hãy làm nó, không cần phải đắn đo; nếu có những điều nằm ngoài tầm với của chúng ta, thì việc lo lắng quá mức về nó sẽ không giúp ích gì cho chúng ta.<sup>20</sup>

Trong một dòng tweet ngắn gọn được đăng ngày 14/4/2020, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã đặt đại dịch vào một viễn cảnh rộng lớn hơn. Ngài khuyến khích mọi người có cái nhìn vượt ra khỏi những khó khăn và trắc trở của hiện tại. Ngài viết:

Là một Phật tử, tôi tin vào nguyên lý vô thường. Cuối cùng thì virus sẽ biến mất như các cuộc chiến tranh mà tôi từng chứng kiến, cũng như những mối đe dọa khủng khiếp tôi trải qua trong kiếp sống của tôi. Chúng ta sẽ có cơ hội để xây dựng lại cộng đồng nhân loại toàn cầu như chúng ta đã làm biết bao nhiêu lần trước đây.

Nếu xem toàn bộ các dòng tweet của Đức Đạt Lai Lạt Ma thời gian qua thì thấy chỉ có một số ít các tweet đề cập một cách trực tiếp về vấn đề đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, những lời vàng ngọc mang tính tâm linh trong các thông điệp của ngài được truyền tải đến 20 triệu người theo dõi vẫn có thể được áp dụng vào trong bất cứ tình huống nào của cuộc sống con người, trong mọi nền văn hóa lẫn thời đại. Tweet của ngài vào ngày 10/8/2020 là một ví dụ. Ngài cho rằng:

Khi tôi thức dậy vào buổi sáng, điều trước tiên tôi nhắc nhở mình đó là không có gì tồn tại như cách chúng xuất hiện. Sau đó, tôi nghĩ đến chúng sinh là những người khát khao hạnh phúc, nhưng lại phải trải nghiệm đau thương. Tôi nảy sinh lòng trắc ẩn đối với

---

<sup>20</sup> Dalai Lama, “A special message from His Holiness the Dalai Lama,” (30 March 2020), <https://www.dalailama.com/news/2020/a-special-message-from-his-holiness-the-dalai-lama>

họ, quyết định nâng đỡ họ hết sức có thể để loại bỏ cảm giác tiêu cực trong lòng họ.<sup>21</sup>

Dòng tweet này nhắc nhở chúng ta rằng, trong cái nhìn lâu dài và rộng lớn của lịch sử cũng như tương lai của nhân loại, thì đại dịch Covid-19 có thể được xem như là một biến cố để cho chúng ta có cơ hội bày tỏ lòng trắc ẩn đối với tha nhân. Trong thực tế, những cơ hội như thế vẫn đến với chúng ta mỗi ngày cho dù có hay không có đại dịch.

Ngoài những vị lãnh đạo tầm cỡ quốc tế như Đức Giáo Hoàng Phanxicô và Đức Đạt Lai Lạt Ma thì còn có các vị lãnh đạo tôn giáo phục vụ những cộng đồng nhỏ ở các địa phương. Họ chính là những người sát cánh với các tín đồ của mình và hiểu rõ nhất về những thách đố mà mỗi người đang phải đối mặt. Tại khu ngoại ô của thành phố Grenoble thuộc nước Pháp, trước những ý kiến trong cộng đồng Hồi giáo cho rằng, đại dịch là một sự trừng phạt đến từ Thiên Chúa, vị lãnh tụ Hồi giáo Yassine Farhi đã nhấn mạnh với các tín đồ không nên tin theo lối suy nghĩ này. Giáo sĩ Farhi nhắc nhở họ rằng thời xưa Ngôn sứ Môhamét đã hiện diện “ở giữa những tín đồ sùng đạo nhất từ xưa tới nay”, nhưng bản thân những người tốt lành đó cũng từng phải trải qua dịch bệnh.<sup>22</sup> Không phải chỉ có người tội lỗi mới gặp đau khổ, mà chính người chân chính cũng thường phải nếm trải những nỗi khổ kinh khủng trong cuộc sống.

Một vị lãnh đạo khác của Hồi giáo là Omar Ricci cũng là vị chủ tọa của Trung tâm Hồi giáo Nam California, một trong những đền thờ Hồi Giáo lâu đời nhất và có tầm ảnh hưởng nhất tại Mỹ. Giáo sĩ Ricci đã dùng một trong những bài giảng ngày thứ Sáu được đăng tải trên kênh YouTube để giải thích về mối liên hệ giữa loài người với Thiên Chúa trong bối cảnh đại dịch. Giáo sĩ Ricci chia sẻ rằng, từ cách nhìn thiêng liêng, đại dịch cho thấy, con người không điều khiển được mọi sự, nhưng phải phụ thuộc vào Thiên Chúa. Trong thời điểm gian nan này, chúng ta phải tạ ơn Thiên

---

<sup>21</sup> Dalai Lama, <https://twitter.com/DalaiLama/status/1292755129410625538>.

<sup>22</sup> Mélinée Le Priol, “Islam and coronavirus: trial or punishment?” *LaCroix International* (25/04/2020), <https://international.la-croix.com/news/religion/islam-and-coronavirus-trial-or-punishment/12240#>

Chúa vì chúng ta có cơ hội để tập trung nhiều hơn vào việc chăm sóc bản thân và sức khỏe, sống chậm lại và nghỉ ngơi giữa những bận bịu của cuộc sống. Chúng ta cũng cần phải tạ ơn Chúa đã ban cho chúng ta cơ hội để củng cố những mối quan hệ cũ cũng như xây dựng những mối quan hệ mới với người khác. Ngoài ra, những cái kệ trống không trong hàng tạp hóa của nhiều siêu thị cũng là một lời nhắc nhở mọi người hãy có lòng biết ơn về những thức ăn mà chúng ta đã rất dễ dàng để kiếm được trước đây.<sup>23</sup>

### 3. Truyền thông qua các nghi lễ tôn giáo

Trong nhiều truyền thống tôn giáo, các nghi lễ đóng vai trò quan trọng trong đời sống của các tín đồ. Ngoài những dịp lễ lớn như Giáng Sinh (Kitô giáo), Vesak (Phật giáo), Eid al-Fitr (Hồi giáo)... có các nghi thức được tổ chức cách long trọng thì còn có những sinh hoạt tôn giáo hằng ngày để nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng cho các tín đồ. Theo truyền thống Ấn giáo, các tín đồ cử hành nghi thức cầu nguyện trong lễ *Puja* nhằm bày tỏ tâm tình cầu nguyện, sùng kính và tôn vinh một vị thần hoặc một vị thánh vĩ đại. Nghi lễ *Puja* là hình thức thờ phượng phổ biến nhất trong cộng đồng Ấn giáo. Để thực hiện nghi lễ này, các cá nhân hoặc nhóm tín đồ thường đi đến các đền thờ để xin thầy tư tế cử hành nghi lễ tạ ơn, xin ơn, hoặc đơn giản chỉ để bày tỏ lòng sùng kính đối với một vị thần Ấn giáo. Nghi lễ *Puja* có thể được cử hành vào bất kỳ ngày nào cũng như trong các lễ hội văn hóa và tôn giáo đặc biệt. Một trong những đặc điểm then chốt của hành động đạo đức này chính là những người thờ phượng có cơ hội “nhìn thấy” (*darshan*) vị thần của họ. Người theo đạo Ấn giáo tin rằng nếu việc tương tác trực tiếp *darshan* diễn ra sẽ mang lại cho họ nguồn năng lượng cũng như các phúc lành của vị thần. Nếu thầy tư tế cử hành những nghi lễ một cách đúng đắn, điều này sẽ khiến cho các vị thần hiện diện một cách chân thực thông qua những ảnh tượng được vẽ hoặc

---

<sup>23</sup> Omar Ricci, “Friday Khutba: Omar Ricci - Alhamdulillah for the Coronavirus 03.2020,” *YouTube* (14/8/2020), <https://www.youtube.com/watch?v=N0pDFtFcU2o>

điều khác, tạo cơ hội cho các tín đồ được tương tác trực tiếp với vị thần mà họ sùng kính.<sup>24</sup>

Nếu lễ *Puja* đóng một vai trò thiết yếu trong đời sống của những người theo Ấn giáo, thì đối với những tín hữu Công giáo, Thánh lễ lại đóng một vai trò không kém phần quan trọng trong cuộc sống của họ. Theo giáo huấn của Hội Thánh Công giáo, các tín hữu có nghĩa vụ buộc phải tham dự Thánh lễ Chúa Nhật và những ngày lễ trọng khác theo lịch phụng vụ đã được Hội Thánh ấn định. Tuy nhiên, nhiều người Công giáo cũng tham dự Thánh lễ hằng ngày để nuôi dưỡng đời sống đức tin của mình. Theo Hiến chế Phụng vụ của Giáo hội về Phụng vụ Thánh (CSL),

Chúa Kitô hằng hiện diện trong Giáo hội, nhất là trong các hoạt động phụng vụ. Người hiện diện thực sự trong Hy Lễ, không những trong con người của thừa tác viên, vì “như xưa chính Người đã tự dâng mình trên thập giá thì nay chính Người cũng dâng mình nhờ thừa tác vụ của các linh mục”, đặc biệt là trong Thánh Thể ... Người hiện diện thiết thực trong lời của Người vì chính Người nói khi người ta đọc Thánh Kinh trong Giáo hội. Sau hết, Người hiện diện khi Giáo hội khẩn cầu và hát Thánh Vịnh, như chính Người đã hứa: “Đâu có hai, ba người nhân danh Thầy mà họp lại, Thầy sẽ ở giữa họ” (Mt 18,20).<sup>25</sup>

Đối với người Công giáo, sự hiện diện của Chúa Kitô trong Thánh Thể giúp họ cảm nghiệm mối liên hệ mật thiết nên một với Ngài, đặc biệt trong việc lãnh nhận Thánh Thể như của ăn nuôi dưỡng linh hồn.

Hai ví dụ về nghi lễ *Puja* trong Ấn giáo và Thánh lễ trong Công giáo cho thấy việc tham dự các nghi lễ đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống của những người theo tôn giáo. Tuy nhiên, trong thời kỳ đại dịch Covid-19, nhiều lúc các tín đồ được yêu cầu không tham gia tụ tập ở các đền thờ, chùa chiền, nhà thờ... Các nơi thờ tự khác như các trung tâm

---

<sup>24</sup> “Hinduism and the practice of faith,” Khan Academy (2020), <https://www.khanacademy.org/humanities/art-asia/beginners-guide-asian-culture/hindu-art-culture/a/hinduism-and-the-practice-of-faith>

<sup>25</sup> CSL, số 7.

hành hương cũng bị buộc phải đóng cửa theo đúng quy định giãn cách xã hội của chính quyền. Họ cũng thường phải ở yên trong nhà khi có lệnh phong tỏa toàn thành phố hay cả nước. Để các nghi lễ tôn giáo vẫn được thực hiện đều đặn nhằm đáp ứng khát vọng tâm linh của các tín đồ, các nhà lãnh đạo tôn giáo thường cử hành các nghi lễ một mình hoặc chỉ với ít người tham dự, nhưng phát sóng trực tiếp hoặc đăng tải video lên các kênh truyền thông cho mọi người có thể xem.

Tại Ấn Độ, thời gian phong tỏa, nhu cầu tham dự lễ *Puja* trực tuyến đã tăng vọt, vì thế một số dịch vụ đã mọc lên nhằm giúp kết nối các tín đồ với các vị tư tế để tổ chức nghi lễ này trong phòng lễ riêng của đền thờ. Tuy nhiên, các tín đồ không thể có mặt tại đền thờ, nên phải tham dự trực tuyến thông qua ứng dụng Facebook Messenger hoặc WhatsApp.<sup>26</sup> Ngoài việc sắp xếp cử hành lễ *Puja*, nhà cung cấp dịch vụ còn phát trực tuyến lễ *darshan* tại các đền thờ. Lễ *Puja* trực tuyến không chỉ thuận tiện cho những người theo Ấn giáo ở Ấn Độ trong thời kỳ đại dịch, mà còn giúp các tín đồ ở nước ngoài không ở gần đền thờ Ấn giáo cũng có thể tổ chức các nghi lễ *Puja* với sự hỗ trợ của các dịch vụ trong nước. Vì thế một người theo Ấn giáo ở bất cứ nơi nào trên thế giới, vào thời điểm nào cũng có thể yêu cầu những nghi thức tôn giáo ở một đền thờ Ấn giáo trong nước mà họ muốn. Qua CNTT-TT, đặc biệt trong thời điểm đại dịch, khi những người theo đạo Ấn giáo đang sợ hãi, lo lắng và đau bệnh, thì các lễ *Puja* trực tuyến đã giúp họ tìm thấy sự bình an qua sự hiện diện của vị thần mà họ tôn thờ.

Lễ *Puja* được xem như là nghi lễ mang tính cách riêng tư, vì nghi lễ này được cử hành theo yêu cầu của các cá nhân hay một nhóm. Nghi lễ cũng chỉ được xem bởi những người đã yêu cầu và bỏ ra chi phí liên quan đến việc tổ chức. Không giống như lễ *Puja*, các Thánh lễ Công giáo thường là các sự kiện công cộng và được tổ chức hằng ngày tại các nhà

---

<sup>26</sup> Shreya Ganguly, "Religious services startups help devotees seek divine intervention online amid coronavirus lockdown," *Your Story* (5/4/2020), <https://yourstory.com/2020/04/coronavirus-demand-online-puja-religious-startups-soars-covid-19>

thờ cũng như nhà nguyện trên khắp thế giới. Từ Vatican đến các khu rừng rậm Amazon, các Thánh lễ được cử hành mỗi ngày bởi Đức Giáo Hoàng, các giám mục và linh mục. Trong suốt thời gian đại dịch, tại những quốc gia đang thực hiện lệnh giới nghiêm hoặc hạn chế tụ tập đông người, nhiều vị chủ chăn trong Giáo hội đã phát trực tuyến các Thánh lễ do họ cử hành trên nhiều trang web và nền tảng mạng xã hội khác nhau. Tuần Thánh là thời điểm quan trọng nhất chiếu theo lịch Công giáo. Tuy nhiên, tại những quốc gia mà đại dịch bùng phát nghiêm trọng khiến nhiều nơi thờ phượng buộc phải đóng cửa, các giám mục cũng như linh mục phải cử hành tất cả các nghi lễ phụng vụ một mình hoặc với một số ít người hiện diện. Các nghi thức phụng vụ đó cũng được phát trực tuyến dưới dạng chương trình phát sóng trực tiếp hoặc dưới dạng video. Mặc dù các tín hữu không thể rước lễ như khi tham dự Thánh lễ ở nhà thờ, nhưng họ được khuyến khích “rước lễ thiêng liêng”. Đây là hình thức rước lễ mà Thánh Tôma Aquinô đã mô tả là tâm hồn “Ước ao cháy bỏng lãnh nhận Chúa Giêsu trong Bí tích Thánh Thể và triu mến ôm lấy như thể chúng ta đã nhận lãnh chính Ngài.” Do đó, bằng việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số và các phương tiện truyền thông xã hội, các vị mục tử trong Giáo hội đã cố gắng truyền đạt sự hiện diện của Thiên Chúa thông qua các cử hành phụng vụ. Các tín hữu có thể tham dự các cử hành một cách dễ dàng và an toàn từ chính nơi ở của mình. Maria Lee Albento, một người Công giáo sống ở Hồng Kông đã bày tỏ cảm nghiệm của mình khi tham dự Thánh lễ trực tuyến như sau:

Khi tham dự Thánh lễ trực tuyến, tôi cảm thấy rất hạnh phúc và tôi luôn cho rằng đây quả là một phúc lành. Như tất cả chúng ta đều biết, Thiên Chúa hiện diện ở khắp mọi nơi, nên tôi đã cảm nhận được sự hiện diện của Ngài như khi tôi tham dự thánh lễ tại nhà thờ. Tuy nhiên, một điều đáng buồn duy nhất đó là chúng ta không thể rước lễ thực sự mà chỉ có thể rước lễ thiêng liêng. Vốn đã quen với việc được rước Mình và Máu Thánh Chúa vào mỗi lễ Chúa nhật, nay tôi cảm thấy như thiếu vắng một điều gì đó. Thế nhưng, vì hiện tại chúng ta đang phải đối mặt với tình trạng đại



dịch, nên chúng ta không thể làm gì hơn. Do đó, cứ vào mỗi ngày Chúa nhật, tôi lại tham dự Thánh lễ trực tuyến, điều đó đã giúp tôi nuôi dưỡng và củng cố đức tin của mình hơn. Chúng ta biết rằng mọi thứ sẽ trở lại bình thường nhờ những lời cầu nguyện của chúng ta dâng lên Thiên Chúa. Chúng ta chỉ cần cầu xin Ngài chữa lành quê hương chúng ta khỏi cơn đại dịch kinh hoàng này.<sup>27</sup>

Trong thực tế, những cảm nghiệm của việc tham dự thánh lễ trực tuyến không thể thay thế cho việc tham dự trực tiếp. Tuy nhiên, trong suốt thời kỳ đại dịch, một trong những điểm son đáng ngạc nhiên của các Thánh lễ phát trực tuyến chính là việc những người tín hữu Công giáo không thường xuyên đến nhà thờ cũng đã tham dự vào các Thánh lễ này.

#### **4. Truyền tải thông tin**

Một điều chúng ta chứng kiến trên toàn thế giới là các nhà lãnh đạo tôn giáo thường không chỉ có vị thế trong lĩnh vực tôn giáo và tâm linh, mà họ còn nhận được sự tôn trọng và tín cậy từ các tín đồ ở các vấn đề khác trong cuộc sống. Trong suy nghĩ của các tín đồ, những người đứng đầu các tôn giáo luôn mong muốn điều tốt đẹp nhất cho họ, vì thế, tiếng nói của họ luôn được đón nhận cách đặc biệt. Tiếng nói từ các vị lãnh đạo tinh thần nhiều khi còn được coi trọng hơn những lời phát biểu của các nhà lãnh đạo chính trị, kể cả các nhà khoa học. Chính vì vậy mà bên cạnh việc thực thi trách nhiệm về mặt tâm linh, các nhà lãnh đạo tôn giáo từ lâu đã tham gia vào các hoạt động khác như phát triển kinh tế và xã hội, kêu gọi công lý và hoà bình, bảo vệ môi trường... Tuy các nhà lãnh đạo tôn giáo có thể không có chuyên môn trực tiếp trong các lĩnh vực này, nhưng những gì họ góp ý đều được tôn trọng và tin tưởng từ các tín đồ. Học giả Hồi giáo lỗi lạc Seyyed Hossein Nasr nhận định:

---

<sup>27</sup> “How do you feel while attending Mass online?” *Sunday Examiner* (20/3/2020), <http://www.examiner.org.hk/2020/03/20/how-do-you-feel-while-attending-mass-online/features/noticeboard/>

Thực tế chỉ ra rằng phần lớn con người trên thế giới chỉ chấp nhận những chuẩn mực đạo đức được xây dựng trên nền tảng tôn giáo. Điều này có nghĩa là trong những trường hợp thực tiễn, chúng ta hãy đưa ra một ví dụ cụ thể, nếu một nhân vật tôn giáo mẫu mực nào đó, như một vị giáo sỹ *mulla* của Hồi Giáo hoặc giáo sỹ Bà-la-môn ở Ấn Độ hoặc Pakistan, đi đến một làng và nói cho những người trong làng rằng theo quan điểm của luật Hồi giáo *Shariah* hay luật của *Manu* của Ấn Độ giáo rằng, mọi người không được chặt cây trong làng thì nhiều người sẽ chấp nhận điều đó. Nhưng nếu một người nào đó tốt nghiệp từ trường đại học Delhi hoặc Karachi, là một công chức nhà nước, đến trình bày những lý do dựa trên lý luận, triết lý và khoa học rằng, không nên chặt cây thì sẽ có ít ai nghe theo lời khuyên của anh ta.<sup>28</sup>

Trong thực tế, những người lãnh đạo tôn giáo khôn ngoan và khiêm tốn luôn ý thức rằng, cho dù họ có được sự tin tưởng và lòng trung thành từ phía người dân, thì họ cần phải biết cộng tác với các chuyên gia với những kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực khoa học. Các chuyên gia đóng vai trò giúp trình bày những thông tin khoa học đúng đắn, cũng như giúp định hướng các chính sách và hoạt động bổ ích và hiệu quả cho cộng đồng. Điều này đã được chứng minh rõ ràng trong Thông điệp về môi trường *Laudato Si* của Đức Giáo Hoàng Phanxicô. Chương đầu tiên trong thông điệp trình bày về thực trạng suy thoái của hệ sinh thái dựa trên sự đồng thuận của khoa học hiện đại liên quan đến cuộc khủng hoảng.

Vì thế, khi Tổng thư ký Liên hợp quốc và Tổ chức Y tế Thế giới yêu cầu các nhà lãnh đạo tôn giáo hợp tác trong nỗ lực đẩy lùi đại dịch Covid-19, họ đã rõ ràng nhận ra và công nhận tầm ảnh hưởng lớn lao mà các nhà lãnh đạo tôn giáo có được trên cộng đồng của mình, không chỉ ở trong phạm trù tôn giáo và tâm linh, nhưng còn vượt ra tới những vấn đề mang tính thế sự. Quan sát cho thấy các hoạt động mang tính tiếp cận cộng đồng của tôn giáo không chỉ mang lại lợi ích cho cộng đồng các tín đồ, nhưng

---

<sup>28</sup> S.H. Nasr, "Religion and the Environmental Crisis," trong *The Essential Seyyed Hossein Nasr*, ed. W.C. Chittick (Bloomington: World Wisdom Inc., 2007), 31.

còn ảnh hưởng tích cực đến toàn xã hội. Trong văn kiện gửi đến các nhà lãnh đạo tôn giáo, WHO đã khẳng định rằng, “Các nhà lãnh đạo tôn giáo là những cầu nối quan trọng tạo nên mạng lưới an toàn cho những người dễ bị tổn thương trong phạm vi cộng đồng đức tin của họ cũng như cộng đồng rộng lớn hơn.”<sup>29</sup>

Vì thế, trong nỗ lực trình bày những thông tin chính xác cho cộng đồng,

Các nhà lãnh đạo đức tin cũng có trách nhiệm đặc biệt trong việc chống lại và giải quyết những thông tin sai lệch, những giáo huấn lầm lạc và những tin đồn có thể lan truyền nhanh chóng và gây ra thiệt hại to lớn cho đời sống con người. Các bài giảng và thông điệp có thể được xây dựng dựa trên những thông tin căn cứ theo sự thật được cung cấp bởi WHO và các cơ quan y tế cộng đồng có thẩm quyền của quốc gia hoặc địa phương. Những thông tin này cũng cần phải phù hợp giáo huấn và thực hành theo truyền thống đức tin tương ứng của tôn giáo đó. Các nhà lãnh đạo tôn giáo có thể thực hiện việc hướng dẫn theo cách thức và ngôn ngữ mà tất cả các thành viên trong cộng đồng của họ đều có thể hiểu được.<sup>30</sup>

Ngoài việc thỉnh cầu các nhà lãnh đạo tôn giáo giúp chống lại nạn thông tin sai lệch và bóp méo thông tin, Tổng Thư ký Liên hiệp quốc António Guterres còn kêu gọi họ “khuyến khích tất cả các cộng đồng thúc đẩy bất bạo động và từ chối bài ngoại, phân biệt chủng tộc và tất cả các hình thức khác liên quan đến việc phân biệt đối xử.”<sup>31</sup> Chia sẻ cùng một tinh thần giống như WHO và Guterres, Chủ tịch Khóa họp thứ 74 của Đại hội đồng Liên hiệp quốc, ông Tijjani Muhammad Bange bày tỏ trong một tuyên bố vào ngày 12/5/2020 rằng:

Với sự nguy hiểm chưa từng có của đại dịch Covid-19 và tác động tàn phá khủng khiếp của nó đối với các cộng đồng và quốc gia trên toàn thế giới, các nhà lãnh đạo tôn giáo và các tổ chức đức tin

<sup>29</sup> WHO, “Practical considerations.”

<sup>30</sup> *Ibid.*

<sup>31</sup> UN Secretary General Remarks, 13/5/2020.

sẽ đóng một vai trò lớn hơn nữa trong việc cứu sống và giảm thiểu sự lây lan của dịch bệnh. Trong thời gian này, chúng tôi nhờ vào họ để chia sẻ thông tin đáng tin cậy và cùng họ đứng lên chống lại các tin đồn, bạo lực, kích động sự thù ghét, cũng như trợ giúp những nhu cầu thiết yếu cho những người dễ bị tổn thương trong xã hội.<sup>32</sup>

Đề cộng tác vào nỗ lực chống lại nạn thông tin giả và thông tin sai lệch lan tràn khắp nơi, nhiều nhà lãnh đạo tôn giáo đã tìm cách truyền bá thông tin đúng đắn và hữu ích được cung cấp bởi các chuyên gia. Mạng xã hội đã trở nên công cụ thiết yếu cho hoạt động này, vì vào thời điểm các nơi thờ tự bị đóng cửa thì mạng xã hội là nơi mà các nhà lãnh đạo tôn giáo chắc chắn sẽ tìm thấy các thành viên trong cộng đồng của họ. Đức Đạt Lai Lạt Ma đã chia sẻ bài phát biểu từ trang web của ngài trên tài khoản Twitter của mình. Một phần của bài phát biểu này nhắc nhở mọi người rằng:

Cuộc khủng hoảng này cho thấy rằng tất cả chúng ta phải lãnh lấy trách nhiệm ở những nơi mà chúng ta có thể. Chúng ta phải phối hợp với sự can đảm của các bác sĩ và y tá mà họ đang thể hiện với khoa học thực nghiệm để bắt đầu xoay chuyển tình thế này cũng như bảo vệ tương lai của chúng ta khỏi những mối đe dọa như vậy.”<sup>33</sup>

Thật vậy, những nhà lãnh đạo tôn giáo nào hiểu rõ mức độ nghiêm trọng của đại dịch đều nhắc nhở mọi người, để vượt qua dịch bệnh do vi-rút corona không chỉ phụ thuộc vào đức tin mà thôi, mà cần có những hành động mang tính khoa học rõ ràng và đúng đắn. Do đó, trong một video đăng trên kênh YouTube vào tháng 8 năm 2020, vị Giáo sĩ Hồi giáo Ismail Menk đã phát biểu thẳng thắn rằng:

---

<sup>32</sup> H.E. Tijjani Muhammad Bange, “The role of religious leaders in addressing the challenges of Covid-19,” <https://www.un.org/pga/74/2020/05/12/the-role-of-religious-leaders-in-addressing-the-challenges-of-covid-19/>

<sup>33</sup> The Dalai Lama, “Why we need to fight the coronavirus with compassion.”

Không ai qua đời ngoại trừ khi họ nhận được chiếu chỉ của Đấng Allah. Chúng ta biết điều đó. Nhưng đồng thời, chúng ta được dạy phải hết sức, hết sức cẩn thận với Covid-19. Chúng ta được dạy phải đề phòng. Chúng ta được dạy phải có trách nhiệm và chúng ta nên ... thực hiện điều đó một cách nghiêm túc! Thực hiện nó một cách nghiêm túc không phủ nhận đức tin của bạn vào Đấng Allah ... Bạn đề phòng cẩn thận với vi-rút corona, sau đó bạn hãy tin cậy vào Allah. Bạn không thể chỉ nói, "Tôi tin thác vào Allah" và sau đó bạn làm theo ý bạn muốn. Điều đó thật là ngu ngốc! Thật là dốt nát! Đó là đỉnh cao của sự thiếu hiểu biết, ngay cả khi những người đàn ông với những bộ râu (*ám chỉ các giáo sĩ*) có nói điều đó với bạn. Đó là đỉnh cao của sự thiếu hiểu biết khi nói, "Đừng làm bất cứ điều gì với Covid-19!"<sup>34</sup>

Những lời khuyến cáo từ các nhà lãnh đạo tôn giáo, như Giáo sĩ Ismail Menk đã thể hiện trong video được đăng trên nền tảng YouTube, đóng vai trò thiết yếu đối với nỗ lực đẩy lùi sự lây lan của dịch bệnh trong cộng đồng. Tại ngôi đền Neasden nổi tiếng của người Ấn giáo ở Anh, vị ẩn sĩ trưởng giáo Yogvivekdas Swami trong những tháng đầu của đại dịch đã phát sóng các nghi lễ Ấn giáo vào mỗi buổi tối. Sau khi phần nghi lễ kết thúc, vị giáo trưởng dành thêm 10 phút để trình bày ngắn gọn cho khán giả đang xem trực tuyến (6.000-10.000 người) về tin tức và thông tin liên quan đến sức khỏe cộng đồng. Từng là một bác sĩ hành nghề trước khi gia nhập đời sống tu trì, ẩn sĩ Yogvivekdas Swami có thể linh động giữa việc trình bày thông tin khoa học y tế nhằm hướng dẫn sức khỏe cộng đồng với việc giảng dạy giáo lý Ấn giáo. Trong một lần phát sóng, ẩn sĩ Yogvivekdas Swami nhắc nhở các tín đồ đang theo dõi trên mạng xã hội bằng tiếng Gujarati rằng, “Bây giờ không phải là lúc để triết học hóa hoặc áp dụng sai các ý tưởng kinh thánh; bây giờ là lúc chúng ta phải làm theo

---

<sup>34</sup> Mufti Ismail Menk, “He infected me with the virus! A new crisis,” *YouTube* (12/8/2020), <https://www.youtube.com/watch?v=9nqHEUwfiL0>

hướng dẫn của chính quyền, vì thực sự đó là mong muốn của các bậc *guru* và của Chúa chúng ta."<sup>35</sup>

Ấn sĩ Yogvivekdas Swami cho thấy phương cách của ngài không khác biệt với các nhà lãnh đạo Ấn giáo khác trong việc sử dụng vị trí và chức năng của mình để truyền thông với các tín đồ. Họ luôn trình bày một thông điệp đa chiều bao gồm kêu gọi các tín đồ suy tư cầu nguyện, đoàn kết và hỗ trợ lẫn nhau, cũng như hành xử đúng đắn trong việc tuân thủ các biện pháp nhằm ngăn ngừa dịch bệnh. Tại Ấn Độ, nhà lãnh đạo Ấn giáo nổi tiếng là Giáo sĩ HH Mahant Swami Maharaj đã đăng lên YouTube một video để kêu gọi những người theo Ấn giáo thực hành tất cả những điều cần thiết theo khuyến nghị của các chuyên gia cũng như thực hiện lòng đạo đức, duy trì niềm tin kiên định vào Chúa và duy trì sự hợp nhất.<sup>36</sup>

Qua những sự việc đã trình bày ở trên, chúng ta thấy trong mọi truyền thống tôn giáo, các nhà lãnh đạo tâm linh đã sử dụng các nền tảng truyền thông mạng xã hội để kêu gọi trách nhiệm cá nhân và cộng đồng để khắc phục các vấn đề của đại dịch, nhưng cũng không quên tận dụng cuộc khủng hoảng để suy tư, thay đổi lối sống và đạt được sự thăng tiến trong đời sống tâm linh.

## **5. Truyền đạt những hành động chuẩn mực**

Tại Việt Nam, khi làn sóng vi-rút corona lần đầu tiên diễn ra từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2020, toàn bộ các nhà thờ Công giáo đã bị đóng cửa để phối hợp với cơ quan nhà nước trong việc nỗ lực đẩy lùi loại vi-rút nguy hại này. Không khác những gì được chứng kiến trên khắp toàn thế giới, các Thánh lễ được phát sóng trên mạng, đặc biệt là hai nền tảng thịnh hành nhất tại Việt Nam, đó là Facebook và YouTube. Trong một số Thánh lễ trực tuyến, chúng ta thấy các vị chủ tế, cho dù là giám mục hay

---

<sup>35</sup>Irons, "God's daily briefings."

<sup>36</sup> Mahant Swami, "Coronavirus Public Announcement," *YouTube* (15/03/2020), <https://www.baps.org/News/2020/Global-Activities-Ongoing-Update---Coronavirus-Public-Announcement-18578.aspx>

linh mục, vẫn đeo khẩu trang, mặc dù ngài không đứng gần những người thừa tác viên đang phục vụ trong Thánh lễ. Vì là Thánh lễ trực tuyến nên trong các hàng ghế cách xa cung thánh cũng chỉ có một ít người tham dự. Trong những tháng đầu của đại dịch, việc đeo khẩu trang vẫn còn là điều mới lạ so với không ít người. Bên cạnh đó, hành động che nửa mặt của vị chủ tế trong một nghi lễ trang trọng có vẻ như kỳ quặc và không mấy cần thiết, vì chủ tế dường như không có nguy cơ bị nhiễm vi-rút từ người khác hoặc sẽ lây lan nó cho bất kỳ người nào.

Trước hành động đeo khẩu trang của các vị chủ tế trong các Thánh lễ trực tuyến đã có một số người đặt câu hỏi nhất thiết phải thận trọng tới mức như vậy không. Trên một số diễn đàn mạng xã hội cũng có bàn luận về hành động này. Dựa trên những ý kiến thu thập được, có thể nhận thấy rằng, đại đa số người phát biểu cho rằng, xét về mặt nguy cơ lây nhiễm thì vị chủ tế trong Thánh lễ không nhất thiết phải đeo khẩu trang trong khi cử hành nghi thức. Tuy nhiên, việc đeo khẩu trang của các ngài không hẳn để ngăn ngừa lây bệnh, mà còn có mục đích truyền đạt và làm gương sáng về cách hành xử chuẩn mực cho các tín hữu. Qua hành động của mình, các ngài muốn khuyến khích giáo dân tích cực đeo khẩu trang khi đi lại, giao tiếp với người khác trong sinh hoạt hằng ngày. Các ngài biết rằng một số tín hữu có thể bất cẩn trong vấn đề phòng ngừa dịch bệnh, hoặc có ác cảm với việc đeo khẩu trang, nhất là khi đi dự lễ. Bằng cách đeo khẩu trang trong các cử hành phụng vụ, các vị mục tử muốn khẳng định tính đúng đắn của việc đeo khẩu trang ở nơi công cộng, cho dù là trong nhà thờ hay bất cứ nơi nào khác. Đối với những bàn thảo trên các diễn đàn mạng xã hội thì các vị mục tử không tham gia hay đưa ra bất kỳ bình luận nào, nên chúng ta không thể xác định chủ ý thực sự của các ngài. Tuy nhiên, một điều mà chúng ta có thể khẳng định được là nhiều người xem đã giải thích hành động của các vị mục tử theo hướng tích cực. Họ tin rằng, qua hành động đeo khẩu trang khi cử hành phụng vụ, các ngài muốn truyền đạt thông điệp cho các tín hữu về cách hành xử chuẩn mực trong hoàn cảnh đại dịch.

Không chỉ riêng Việt Nam, nhưng tại Thái Lan nơi mà đa số người dân theo đạo Phật giáo Nam Tông, các nhà sư Phật giáo cũng luôn đeo khẩu trang khi xuất hiện trên các phương tiện truyền thông hay trong đời thực. Cho dù các ngài đang chủ trì một buổi cầu nguyện, thuyết pháp, cử hành nghi lễ hay đi khất thực vào mỗi sáng trên những con đường vòng quanh các thị trấn và làng mạc, thì các vị sư luôn đeo khẩu trang và thậm chí thêm một tấm chắn che mặt. Trên mạng, người ta còn có thể thấy những tấm ảnh chụp các bức tượng Đức Phật đang đeo khẩu trang cũng như những bức tranh vẽ các nhà sư và các Phật tử đeo khẩu trang khi họ cùng tham gia các nghi lễ. Những hình ảnh này giúp tuyên truyền và củng cố ý thức bảo vệ bản thân và cộng đồng trong thời kỳ dịch bệnh. Chúng cũng giúp truyền tải cho mọi người về “tính bình thường” của việc đeo khẩu trang và sự cần thiết để thực hiện các hành động đã được khuyến nghị, nhằm giúp ngăn ngừa sự lây lan của vi-rút. So với một số nơi trên thế giới, việc đeo khẩu trang đối với các nhà lãnh đạo tôn giáo cũng như các tín đồ tại Việt Nam và Thái Lan không phải là một vấn đề gây tranh cãi. Mọi người thích ứng với hoàn cảnh một cách dễ dàng và nghiêm túc, được phản ánh thông qua cách thức mà họ xuất hiện trước công chúng cũng như trên mạng. Ngược lại, chúng ta thấy ở một số quốc gia trên thế giới, việc đeo khẩu trang dường như là một đề tài gây không ít chia rẽ. Sự bất đồng chính kiến không chỉ được thấy trong thành phần các lãnh đạo chính trị, mà còn ngay cả trong cộng đồng tôn giáo.

### **Đánh giá sự hiệu quả**

Tại thời điểm này, chưa có những nghiên cứu đánh giá một cách có hệ thống về hiệu quả truyền thông mà các nhà lãnh đạo các tôn giáo đã thực hiện liên quan đến đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, chúng ta cũng không bảo đảm là có một công cụ nào đó có thể đánh giá chính xác dạng hoạt động này vì không dễ dàng gì xem xét một cách đầy đủ tất cả các lãnh đạo tôn giáo ở các cấp độ và nhiều truyền thống tôn giáo, văn hóa ngôn ngữ



khác nhau. Bài viết cũng không có ý định đưa ra những nhận xét về tính hiệu quả của việc truyền thông qua mạng xã hội được các lãnh đạo tôn giáo thực hiện trong thời kỳ đại dịch. Ở đây chúng ta chỉ tập trung vào việc phân tích các nội dung truyền thông mà các nhà lãnh đạo tôn giáo truyền tải trên các nền tảng mạng xã hội. Những trình bày ở trên cho thấy các nội dung truyền thông có thể được chia ra thành năm loại khác nhau. Điều này chứng tỏ rằng các nội dung mà các vị lãnh đạo tôn giáo truyền đạt trên mạng xã hội mang tính đa dạng và phức tạp, liên quan đến nhiều khía cạnh của cuộc sống người dân, kể cả về mặt tâm linh lẫn xã hội.

Truyền thông được thực hiện bởi các nhà lãnh đạo tôn giáo đã giải quyết những vấn đề tâm linh nảy sinh từ đại dịch, cũng như khẳng định sự hiện diện của các ngài trong cuộc sống của các tín đồ một cách gần gũi, liên tục. Nội dung truyền thông của các lãnh đạo tôn giáo cho thấy rõ ràng sự khác biệt giữa lối truyền thông của họ với các hoạt động truyền thông được thực hiện bởi các nhà lãnh đạo chính trị, xã hội hoặc các nhà khoa học. Khác với các nhà lãnh đạo tôn giáo, những người này thường chỉ tập trung vào việc đưa ra các thông tin khoa học nhắm đến những cách thức để kiểm soát và chiến đấu chống lại đại dịch. Tuy nhiên, họ không tìm cách để tiếp cận với đời sống nội tâm của các tín đồ cũng như duy trì sự liên kết và hiệp thông giữa hoàn cảnh cô lập và cách ly.

Mặc dù không thể kiểm tra được mức độ hiệu quả của việc các nhà lãnh đạo tôn giáo sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội, nhưng hiệu quả trong việc truyền thông có thể sẽ gia tăng nếu những người làm truyền thông cân nhắc đến các vấn đề sau:

1. *Kiên định trong các chiến lược truyền thông*: Các tín đồ nên biết họ có thể mong đợi điều gì từ phía các vị lãnh đạo của mình về mặt nội dung và thông điệp mà các ngài tải lên mạng. Ngoài ra, họ cũng cần tự tin vào mức độ chính xác của thông tin mà họ tiếp cận. Ví dụ như tại đền thờ Ấn giáo Neasden, cùng với việc cử hành các nghi lễ tôn giáo, vị ẩn sĩ trưởng giáo Yogvivekdas Swami đã rất trung thành trong việc cung cấp “ngắn gọn” những tin tức hằng ngày. Ngài giúp

các tín đồ nhận ra giá trị của việc xem các chương trình phát sóng của ngài; đó là không chỉ nuôi dưỡng đời sống tâm linh mà còn tìm thấy những kiến thức bổ ích giữa mùa dịch bệnh. Điều này đặc biệt quan trọng đối với cộng đồng Ấn giáo tại Anh vì nhiều thành viên trong cộng đồng là người cao niên. Họ không có đủ vốn liếng tiếng Anh để theo dõi và nắm rõ thông tin từ các kênh tiếng Anh, nên phải nương tựa vào ngài Yogvivekdas Swami để cập nhật thông tin thường xuyên bằng ngôn ngữ mẹ đẻ mà họ có thể hiểu được.

Trong lối truyền thông mang tính xuyên văn hóa của Đức Đạt Lai Lạt Ma, chúng ta thấy rõ chiến lược của ngài để thu hút khán giả đến từ nhiều nền văn hóa và tôn giáo khác nhau. Những người theo dõi Đức Đạt Lai Lạt Ma trên Twitter luôn biết rằng mỗi liều thuốc linh dược mà ngài chia sẻ với mọi người luôn là những thứ bổ ích cho đời sống tinh thần bất kỳ họ là người có tôn giáo hay không theo tôn giáo. Đối với vị Giáo sĩ Hồi giáo Menk, chiến lược truyền thông bằng lối nói bình dân, nhẹ nhàng và đề cập đến nhiều vấn đề thời thượng giúp cho những giáo huấn mà ngài truyền đạt thu hút được số lượng lớn khán giả ở khắp nơi trên thế giới, trong đó có cả thế hệ trẻ. Ngoài ra, các video clip của ngài cũng thường ngắn gọn, phù hợp với thị hiếu của người dùng internet thời nay.

2. *Cập nhật thông tin chính xác về các khía cạnh của vấn đề để nắm chắc tình hình:* Nếu các nhà lãnh đạo tôn giáo không chuyên cần tìm hiểu cẩn thận về những vấn đề thời đại và cập nhật các diễn biến mới nhất, họ dễ dàng trở thành nguồn cội của những thông tin sai lạc và xuyên tạc. Điều này vô cùng nguy hiểm khi xét đến vị thế quan trọng của họ trong các cộng đồng đức tin. Đáng tiếc thay, từ Bắc Mỹ cho đến châu Phi, chúng ta thấy rằng có nhiều nhà lãnh đạo tôn giáo đã trở thành nguồn cung cấp thông tin sai lạc trực tuyến cũng như ngoại tuyến. Mục sư Chris Oyakhilome thuộc Hội Thánh Tin Lành LoveWorld Incorporated tại vùng Lagos thuộc Nigeria là một ví dụ cụ thể. Trong một bài giảng trên mạng xã hội YouTube, vị mục sư này đã

thuyết giáo rằng nguyên do gây ra đại dịch Covid-19 là công nghệ 5G được giới thiệu thời gian gần đây. Ngoài ra, thứ vắc-xin mà người ta đang kêu gọi mọi người tiêm thực ra nằm trong âm mưu thiết lập một trật tự thế giới mới do những người chống lại Chúa Kitô dẫn đầu.<sup>37</sup> Vào tháng 9 năm 2020, Tổng Giáo phận Denver thuộc tiểu bang Colorado của Hoa Kỳ đã mở một cuộc điều tra Linh mục Daniel Noland sau khi Cha Daniel xuất hiện trên YouTube và quả quyết với người Công giáo rằng: “Tôi khuyến khích tất cả mọi người không phải mang khẩu trang gì cả. Và tôi bảo cho anh chị em hay: đừng vâng lời Đức Giám mục, đừng vâng lời vị thống đốc [tiểu bang]. Đó là điều tôi khẳng định với anh chị em.”<sup>38</sup> Theo Cha Daniel, mang khẩu trang “đi ngược lại với việc bảo vệ sức khỏe, trái với lẽ thông thường, và chống lại lợi ích chung.”

Không cần phải bàn cãi, trong vai trò phục vụ cộng đồng, các nhà lãnh đạo tôn giáo sẽ thực hiện trách vụ này một cách hữu hiệu hơn khi họ lưu tâm đến các thông tin khoa học và sử dụng bực giảng để truyền đạt những thông tin chính xác cho các tín đồ. Rất may khi bên cạnh những tiếng nói lệch lạc bắt nguồn từ một số lãnh đạo tôn giáo, còn có những người biết sử dụng các phương cách và sự ảnh hưởng của mình để giúp đẩy lùi dịch bệnh. Ở một số nơi, người ta thấy các vị chủ trì đền thờ Hồi giáo dùng những chiếc loa phóng thanh không chỉ để kêu gọi mọi người cầu nguyện, nhưng còn để phổ biến các thông tin quan trọng về sức khỏe cho cộng đồng.<sup>39</sup> Ngày nay, các lãnh đạo tôn giáo không chỉ còn có hệ thống âm thanh của nhà thờ hay đền thờ, mà còn

---

<sup>37</sup> Nwachukwu Egbunike, “Nigerian pastor spreads Covid-19 conspiracies and disinformation,” *Global Voices* (15/5/2020), <https://globalvoices.org/2020/05/15/nigerian-pastor-spreads-covid-19-conspiracies-and-disinformation/#>

<sup>38</sup> JD Flynn, “Church officials evaluating priest who told Catholics to ‘disobey’ bishop on mask wearing,” *Catholic News Agency* (2/9/2020), <https://www.catholicnewsagency.com/news/denver-archdiocese-fssp-evaluating-priest-who-told-catholics-to-disobey-bishop-on-mask-wearing-59756>

<sup>39</sup> UNICEF, “Religious leaders play key role in battle against Covid-19,” UNICEF (24/5/2020), <https://www.unicef.org/rosa/stories/religious-leaders-play-key-role-battle-against-covid-19>

có các nền tảng mạng xã hội để tiếp cận với hàng trăm triệu người mỗi ngày. Tuy nhiên, những người thực hiện việc truyền thông cần hiểu biết về các vấn đề mà họ bàn tới. Đặc biệt, họ phải tránh lấy thông tin từ những nguồn cung cấp tin giả, tin xuyên tạc, hoặc những tổ chức chủ trương tung ra các thuyết âm mưu nhằm gây xáo trộn trong xã hội. Nếu không thận trọng và ý tứ trong cách truyền thông, chắc hẳn các nhà lãnh đạo tôn giáo sẽ gây tác hại không nhỏ đến cộng đồng, nhất là trong cộng đồng tín đồ của họ.

3. *Hoạt động tích cực trên các mạng truyền thông xã hội*: Truyền thông mạng xã hội là một thế giới hết sức phức tạp, năng động, luôn thay đổi. Môi trường mạng xã hội luôn có vô số nội dung liên tục cạnh tranh với nhau nhằm thu hút sự chú ý của người dùng. Vì thế để nhận được sự quan tâm trên mạng xã hội đòi hỏi người làm truyền thông phải hiện diện một cách tích cực và liên tục. Các nhà lãnh đạo tôn giáo thỉnh thoảng lên mạng để đăng tải thông điệp hoặc video clip sẽ khó có thể mong chờ có được nhiều lượt xem, trừ khi họ có mạng lưới phân bố rộng rãi có thể giúp nhân rộng lượng người tương tác với nội dung. Nếu các nhà lãnh đạo tôn giáo không hoạt động hoặc hoạt động lác đác trên mạng thì sẽ ít được mọi người biết đến, đồng thời nội dung đăng tải không có nhiều tương tác và tầm ảnh hưởng.

Đĩ nhiên, các nhà lãnh đạo tôn giáo không phải là những nhà kinh doanh, họ sẵn sàng đầu tư công sức, thời gian và tài chính để quảng bá các dịch vụ hay hàng hóa. Tuy nhiên, thực tế nếu các nhà lãnh đạo tôn giáo muốn lôi cuốn số lượng lớn người xem và nhiều khán giả trung thành, họ phải sẵn sàng đầu tư những gì cần thiết để cho nội dung của họ không bị đắm chìm giữa bao thứ nội dung khác đang được đăng tải lên mạng xã hội trong từng giây phút. Cơ hội được “*trending*” trên mạng xã hội dẫn đến việc được có thêm nhiều lượt chia sẻ phần lớn phụ thuộc vào mức độ hoạt động của cá nhân hoặc doanh nghiệp đó trên mạng xã hội. Thừa nhận các nhà lãnh đạo tôn giáo không phải là người làm kinh tế, nên họ không cảm thấy áp lực

phải cạnh tranh với các đối thủ để sinh tồn trong thế giới mạng. Tuy nhiên, chúng ta cũng nên nhớ rằng mục đích của bất kỳ quá trình truyền thông xã hội nào cũng là để tiếp cận khán giả nhiều nhất có thể. Mục tiêu này sẽ đạt được kết quả tốt hơn nếu người làm truyền thông thấu hiểu về tính chất của mạng xã hội, cách vận hành các nền tảng khác nhau, và cầu tiến trong việc tận dụng công nghệ để truyền tải những thông điệp bổ ích cho cộng đồng.

\*\*\*

Cách thức mà các nhà lãnh đạo tôn giáo sử dụng phương tiện truyền thông mạng xã hội như một công cụ giao tiếp trong đại dịch Covid-19 cho thấy hình thức giao tiếp này có thể không chỉ là một phương pháp tạm thời để thích ứng với hoàn cảnh hiện tại cho đến khi thế giới trở lại “bình thường.” Trên thực tế, có nhiều dấu chỉ cho thấy thế giới sẽ không trở lại như lúc dịch bệnh chưa bùng phát sau những tác động to lớn mà cuộc khủng hoảng đã gây ra đối với hệ thống kinh tế, chính trị và xã hội toàn cầu. Phương tiện mạng xã hội mà các lãnh đạo tôn giáo đã dùng như một công cụ truyền thông trong thời đại dịch sẽ còn tiếp tục đóng vai trò thiết yếu trong hoạt động truyền thông trong tương lai gần cũng như tương lai xa. Vì thế, các nhà lãnh đạo tôn giáo gần đây đã làm quen với mạng xã hội nên tiếp tục sử dụng một cách thuần thục cách thức truyền thông mới này nhằm giữ được sự liên kết với các tín đồ và với thế giới một cách sâu rộng hơn.

Cho dù đại dịch có qua đi, thật khó để mọi thứ có thể trở lại bình thường như trước đây. Bằng chứng cho thấy rằng những thói quen mà mọi người vẫn hay làm trong thời đại dịch, kể cả thói quen sử dụng internet, sẽ tiếp tục kéo dài ngay cả khi các lệnh cấm và những hạn chế nghiêm ngặt được bãi bỏ. Điều hợp lý đối với các nhà lãnh đạo tôn giáo đã làm quen với các phương tiện truyền thông suốt thời đại dịch Covid-19, thì họ nên tiếp tục khám phá những phương cách mới để kết hợp công nghệ kỹ thuật

số vào trong công việc, nhất là để giao tiếp và liên lạc với những người trong và ngoài cộng đoàn của họ.

Do đó, các nhà lãnh đạo tôn giáo sẽ không chỉ vào mạng internet để theo dõi tin tức hằng ngày, xem các sự kiện xảy ra trên thế giới, mà còn phải hiểu rõ về chính công cụ truyền thông này trong đời sống và sứ vụ của họ. Trong những năm gần đây, nhiều học giả tôn giáo và các nhà lãnh đạo tôn giáo đã bắt đầu suy tư và phản ánh một cách có hệ thống hơn về mối tương quan giữa công nghệ kỹ thuật số và đời sống đức tin. Chắc chắn rằng, tình hình thực tế của đại dịch đã chứng minh công nghệ kỹ thuật số không chỉ là một công cụ mà còn là nhu cầu thiết yếu đối với hoạt động và đời sống tôn giáo. Thực trạng này đòi hỏi các lãnh đạo tôn giáo phải tích cực suy tư nhằm định hình cách thức mà họ sẽ sử dụng công nghệ kỹ thuật số trong tương lai.

## Chương 9

# MỤC VỤ VÀ CNTT-TT TRONG VÀ SAU THỜI ĐẠI DỊCH

Được sự hỗ trợ của công nghệ kỹ thuật số, hiện tượng toàn cầu hóa ngày càng gia tăng, nhất là trong lĩnh vực kinh tế. Tuy nhiên, hiếm có một biến cố nào đó xảy ra thực sự có thể làm cho con người trên khắp các lục địa của trái đất liên hệ và nối kết với nhau một cách chặt chẽ. Khi những hình ảnh đau khổ và tang thương do chiến tranh và nạn đói đang diễn ra tại một nơi xa xôi nào đó trên thế giới được cập nhật và chuyển tải tới những người ở các quốc gia khác, họ có thể bày tỏ sự cảm thông và trăn ẩn đối với những nạn nhân không may mắn. Thế nhưng, xét cho cùng, những tấm thảm cảnh đó dường như không mấy ảnh hưởng gì đến cuộc sống hằng ngày của họ. Ngay cả khi những tác động của hiện tượng biến đổi khí hậu và trái đất nóng lên đang ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống nhân loại, thì vẫn có nhiều người chưa cảm nhận và ý thức về điều này, đặc biệt là những người đang sống tại các nước giàu có. Lý do một phần là họ được trang bị tốt hơn nhờ vào các cơ chế sẵn có để đối phó với những bất lợi mà các biến đổi trên gây ra.

Có thể nói đại dịch Covid-19 là một trường hợp ngoại lệ, bởi vì đại dịch đã đảo lộn hoàn toàn trật tự thế giới bằng cách phá đổ và làm đình trệ mọi lĩnh vực – cơ cấu chính trị, xã hội, kinh tế và tôn giáo toàn cầu. Có thể nói rằng, nhân loại đang trải qua một thời kỳ hiếm có trong lịch sử. Hai năm qua, một con vi-rút mắt thường không nhìn thấy, lại có sức mạnh hủy diệt ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến tất cả mọi người, không bỏ sót một ai. Vi-rút corona đã cướp đi sinh mạng hàng triệu nạn nhân thuộc mọi tầng lớp và địa vị chính trị xã hội, không phân biệt tuổi tác hay giới

tính. Sự lây lan của Covid-19 tại Hoa Kỳ là một trong những bằng chứng rõ ràng nhất. Hoa Kỳ là quốc gia hùng mạnh nhất trên thế giới cả về chính trị lẫn kinh tế, nhưng lại là đất nước có số ca nhiễm và tử vong cao nhất (tính đến thời điểm bài viết này được thực hiện).

Bên cạnh việc để lại những hậu quả khôn lường cho sức khỏe cộng đồng và nền kinh tế toàn cầu, đại dịch còn tác động lớn đến lĩnh vực tôn giáo. Các cá nhân và cộng đồng tôn giáo đã đặt ra nhiều câu hỏi trong khi chứng kiến con người khắp nơi trên thế giới đang phải đối mặt với sự hỗn loạn và đau khổ do đại dịch gây ra. Tùy vào quan điểm tôn giáo của mỗi người, họ có thể chất vấn rằng liệu đại dịch có phải là sự trừng phạt của Thiên Chúa đối với tội lỗi nhân loại, hay đại dịch sinh ra bởi nghiệp chướng của những hành động tiêu cực xuất phát từ con người. Người khác lại hỏi phải chăng đại dịch là hậu quả của sự bất hạnh, hay là dấu hiệu của ngày tận thế mà nhân loại cần phải lưu tâm.

Những câu hỏi quen thuộc trong lịch sử nhân loại cũng được nhắc lại để nói về thực trạng đại dịch: Thiên Chúa ở đâu trong cuộc khủng hoảng này? Tại sao sự dữ lại tồn tại? Và nếu Thiên Chúa hiện hữu thì tại sao sự dữ được phép xảy ra? Mặc dù trong thực tế, vô số các thế hệ của ngành thần học và triết học đã quan tâm đến những câu hỏi này, nhưng bối cảnh đại dịch hiện nay đang làm sống dậy những câu hỏi mang tính tâm linh mà con người luôn đặt ra khi trải qua các biến cố lớn lao trong cuộc sống. Điều này dẫn đến việc xuất hiện các bài báo, bài giảng thuyết, buổi nói chuyện, video YouTube và ngay cả việc xuất bản một số cuốn sách gần đây cũng với mục đích bàn thảo về những ưu tư nảy sinh từ cuộc khủng hoảng Covid-19.

Những chất vấn trên cho thấy tôn giáo luôn đồng hành với đời sống con người, vì tôn giáo đóng vai trò giúp cho con người thấu hiểu và cảm nhận một cách đúng đắn về đại dịch cũng như tất cả các biến cố khác xảy ra trong đời sống cá nhân và xã hội. Trên phương diện là một thực thể mang tính chất xã hội và văn hóa, tôn giáo cũng được xem là nạn nhân của vi-rút corona. Giáo hội Công giáo, một trong những tôn giáo lớn và lâu đời nhất trên thế giới, cũng không thể thoát khỏi trận cuồng phong hủy



diệt mang tên Covid-19. Từ Vatican cho đến các vùng nông thôn châu Á, các nhà thờ phải đóng cửa. Các sinh hoạt cộng đoàn thường ngày vốn là nguồn lực duy trì đời sống Giáo hội và bồi dưỡng đời sống tinh thần cho giáo dân trên khắp thế giới đều phải bị hủy bỏ, hay phải chuyển qua các cách thức khác. Không cần biết đó là các ngày lễ trọng thể hàng năm của giáo xứ hay là các nghi lễ quan trọng trong lịch Phụng vụ như lễ Phục Sinh và Giáng Sinh, tất cả các Thánh lễ này đều được tổ chức dưới những hình thức mà trước đây các Kitô hữu chưa từng chứng kiến.

Thêm vào đó, các vị mục tử trong Giáo hội là người thường được mời gọi “trở thành những vị mục tử nhuộm mùi chiên”. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh đại dịch, họ bị yêu cầu phải giữ khoảng cách với giáo dân, đặc biệt là những người già, bệnh tật và những người có nguy cơ bị nhiễm bệnh Covid-19 cao. Dù vậy, không chỉ riêng các con chiên có thể mất đi mạng sống do tiếp xúc với người chần chiêng, nhưng bản thân các chủ chăn cũng có thể phải hy sinh tính mạng khi phải sống gần gũi với đàn chiên. Thực tế cho thấy rằng, nhiều vị linh mục đã hăng hái nhiệt tình phục vụ cộng đoàn cho đến hơi thở cuối cùng.

Tính đến thời điểm tháng 1 năm 2021, chỉ riêng ở Ý đã có hơn 200 linh mục thiệt mạng do đại dịch.<sup>1</sup> Đây quả là một tấn bi kịch đối với Giáo hội Ý, vì họ đang phải đối mặt với sự khủng hoảng khan hiếm nghiêm trọng về ơn gọi tu trì. Tại Ấn Độ, tình hình cũng bi đát không kém. Từ giữa tháng 4 năm 2021 đến giữa tháng 7 năm 2021, Ấn Độ đã có hơn 500 linh mục và nữ tu tử vong do bệnh Covid-19 – phần lớn nằm trong hai tháng 4 và tháng 5, khi đại dịch bùng phát một cách dữ dội trên đất nước này.<sup>2</sup> Ở đây, chúng ta cũng chưa nhắc đến các linh mục và tu sĩ ở các quốc gia khác. Bên cạnh đó còn phải kể đến các thừa tác viên mục vụ là giáo dân vốn chưa có những thống kê rõ ràng.

<sup>1</sup> Carol Glatz, “Covid-19 claims lives of over 200 priests in Italy since start of pandemic,” *Catholic Philly* (07/01/2021), <https://catholicphilly.com/2021/01/news/world-news/COVID-19-claims-lives-of-over-200-priests-in-italy-since-start-of-pandemic/>.

<sup>2</sup> Luis Andres Henao và Jessie Wardarski, “Covid-19 takes toll on Catholic clergy in hard-hit countries,” *AP News* (16/07/2021), <https://apnews.com/article/europe-health-religion-coronavirus-pandemic-7a1c85ae32750c4a255312360fb6cf3>.

Tuy nhiên, Giáo hội chưa bao giờ và không thể lùi bước trước các mối nguy hiểm. Giáo hội càng không thể rụt rè, đặc biệt khi đại dịch đe dọa tới sự an toàn của các tín hữu và toàn thể nhân loại. Ngay từ câu mở đầu trong Hiến Chế Mục Vụ Về Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay *Gaudium et Spes*, Giáo hội nhấn mạnh rằng: “Vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo âu của con người ngày nay, nhất là của người nghèo và những người đau khổ, cũng là vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo âu của môn đệ Đức Kitô.” Vì thế, đại dịch Covid-19 không chỉ là thời điểm để Giáo hội làm sống lại lời tuyên bố trên, mà còn là dịp để Giáo hội đáp lại dấu chỉ thời đại với những hành động cụ thể với lòng can đảm, quyết tâm, tin tưởng và tín thác. Khi đối diện với thực trạng của đại dịch toàn cầu đang tung hoành, Giáo hội sẽ không khó để nhận ra vai trò và sứ mạng của mình, đó là đồng hành, liên kết và chia sẻ với nhân loại đang đau khổ.

### Mục vụ thời đại dịch

Vào tháng 9 năm 2020, khi đại dịch vẫn đang tiếp tục hoành hành trên toàn thế giới, tôi đã hợp tác với Cha John Mi Shen để thực hiện một tập sách chuyên đề về phương cách mục vụ trong thời đại dịch. Cha Mi Shen là một linh mục người Trung Quốc đang giảng dạy tại Học viện Hoàng gia và Giáo hoàng Học viện Santo Tomas ở Manila, Phillipines. Ý tưởng thực hiện tập sách này đến một cách khá tình cờ vài ngày sau một cuộc họp giữa các thành viên trong Ban Kỹ thuật số của tổ chức truyền thông Công giáo SIGNIS mà tôi và Cha John đều là thành viên. Buổi họp đó được diễn ra trên hệ thống Zoom, là phương tiện mà ban của chúng tôi đã sử dụng để thực hiện các cuộc họp từ trước đến nay, ngay cả trước khi có đại dịch. Lý do là vì 7 thành viên trong ban đến từ các quốc gia và châu lục khác nhau, nên không thể họp trực tiếp mà phải chọn một nền tảng trực tuyến cho việc này.

Trong cuộc họp diễn ra vào tháng 9 năm 2020, các thành viên trong Ban Kỹ thuật số đã chia sẻ với nhau về những sinh hoạt của mình trong

thời gian dịch bệnh và giãn cách xã hội. Các trải nghiệm mọi người chia sẻ về đời sống cũng như hoạt động mục vụ của mình rất thú vị và ý nghĩa, khiến cho tôi nảy ra một ý tưởng thực hiện một tập sách chuyên đề về mục vụ thời đại dịch. Một vài ngày sau, tôi gọi cho Cha John qua ứng dụng WhatsApp và đề nghị hai người cộng tác với nhau để thực hiện tập sách. Trước lời gợi ý của tôi, Cha John rất tán thành và nói rằng, ngài sẵn sàng cộng tác trong dự án này. Sau khi đã thống nhất về nội dung chính của tập sách, chúng tôi đã soạn một thư ngỏ và gửi đi đến nhiều nơi để kêu gọi sự tham gia viết bài từ những người làm mục vụ – bất kể là linh mục, tu sĩ hay giáo dân.

Sau 3 tháng, chúng tôi đã nhận được các bài viết từ hàng chục tác giả đến từ nhiều quốc gia trên thế giới. Nội dung của các bài viết chia sẻ về những trải nghiệm trong công tác mục vụ giữa những làn sóng dịch bệnh theo chủ đề của tập sách. Các thừa tác viên mục vụ không chỉ bao gồm các linh mục mà còn là tu sĩ nam nữ, đại chủng sinh và giáo dân. Đa số các tác giả bài viết không phải là các học giả hay nhà văn chuyên nghiệp. Tuy nhiên, tất cả đều có chung nhiệt huyết phục vụ Giáo hội trong những vai trò khác nhau tùy theo khả năng của mình. Công tác mục vụ bình thường của họ đều bị cản trở nghiêm trọng bởi con vi-rút vô hình bắt nguồn từ thành phố Vũ Hán của Trung Quốc, sau đó lan rộng tới tất cả lục địa khác trên thế giới. Thậm chí cả vùng Nam Cực cũng không thoát khỏi sự hiện diện của nó. Tuy nhiên, đối diện với đại dịch, những người thi hành công tác mục vụ đã không tỏ ra hoảng loạn, tuyệt vọng hay có những lời nói, hành động đổ lỗi cho người khác về những gì đang xảy ra. Thay vào đó, họ thực hiện công tác mục vụ theo những phương cách khả thi nhất có thể, sử dụng những nguồn lực có sẵn như năng khiếu, tài chánh hoặc công cụ công nghệ thông tin. Họ cũng dựa vào sự sáng tạo của mình để tiếp tục thi hành sứ vụ trong hoàn cảnh nguy hiểm ngay cả cho chính bản thân họ. Những trải nghiệm đó đã được các tác giả thuật lại trong bài viết nhằm phản ánh những biện pháp thích ứng với bối cảnh đại dịch mà những người làm mục vụ đã thực hiện.

Sau khi đọc qua tất cả các bài viết, chúng tôi đã chọn ra 23 bài để đưa

vào tập sách. Các bài viết chia thành 3 phần như sau: Phần thứ nhất của sách tập trung vào cách tổ chức những công tác mục vụ mà từng giáo xứ nỗ lực thực hiện nhằm đối phó với cuộc khủng hoảng. Phần thứ hai nhấn mạnh về công tác giáo dục và đào tạo mục vụ bao gồm việc dạy giáo lý, và các cơ sở giáo dục khác như các trường đại học, chủng viện và nhà đào tạo chủng sinh. Phần thứ ba chủ yếu mô tả mục vụ tiếp cận người nghèo, người di dân và những người ở bên lề xã hội. Những công tác mục vụ này có thể được tiến hành trong bối cảnh hoạt động của một giáo xứ nào đó, hoặc có thể là một chương trình mục vụ xã hội của giáo phận hoặc của hội đồng giám mục địa phương. Thực ra, có nhiều chi tiết trùng lặp trong các bài viết, nhưng chúng không ảnh hưởng đến ý hướng chính của chúng tôi, đó là trình bày những kinh nghiệm này xung quanh một số chủ đề chung. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc đánh giá và so sánh những trải nghiệm mục vụ khác nhau.

Ngoài 3 phần trình bày các trải nghiệm mục vụ thực tế, chúng tôi cũng đã mời thêm một số thần học gia và chuyên gia như Linh mục Stephen Bevans, SVD (Hoa Kỳ), Linh mục Gnana Patrick (Ấn Độ), Tiến sĩ Christina Kheng (Singapore), và Linh mục John Prior, SVD (Vương quốc Anh) để viết nên những bài có tính thẩm định thần học, nhằm phân tích và đối thoại với những trải nghiệm thực tế được mô tả trong các bài viết. Cuối cùng, trước khi phát hành tập sách, chúng tôi cũng đã gửi toàn bộ nội dung đến một số người để xin lời nhận xét, trong đó có Giáo sư Nataša Govekar (Bộ Truyền thông, Tòa Thánh Vatican) và Cha George Plathotam, SDB (Thư ký Văn phòng Truyền thông Xã hội trực thuộc FABC). Tập sách mang tựa đề *Pastoral Creativity Amid the Covid-19 Pandemic (Sự Sáng Tạo Trong Công Tác Mục Vụ Giữa Đại Dịch Covid-19)*, đã được xuất bản vào tháng 6/2021.<sup>3</sup>

Tuy các tác giả trong tập sách nêu lên nhiều đề tài đáng lưu tâm, nhưng trong bài viết này, chúng tôi chỉ trình bày một vấn đề nổi bật nhất được những người làm công tác mục vụ đề cập đến trong hầu hết các bài

---

<sup>3</sup> Anthony Le Duc và John Mi Shen, *Pastoral Creativity amid the COVID-19 Pandemic: Global Experiences* (Manila, Logos Publications, Inc: 2021).

viết. Đó là vai trò của công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT-TT) đối với công tác mục vụ trong suốt thời kỳ đại dịch. Đối với nhiều tác giả, CNTT-TT chỉ mới bắt đầu được áp dụng vào công việc mục vụ của họ do hoàn cảnh đại dịch, chứ không đóng vai trò quan trọng nào trước khi đại dịch xảy ra. Các sinh hoạt mục vụ như cử hành Thánh lễ, dạy giáo lý, các buổi suy niệm lời Chúa, mục vụ cho những người tàn tật, v.v... là những hoạt động vốn luôn được thực hiện trực tiếp. Trong khi CNTT-TT có thể được sử dụng phần nào trong khâu tổ chức công tác mục vụ, nhưng trong thực tế, bản thân các hoạt động này luôn diễn ra trực tiếp, mặt đối mặt. Chẳng hạn như một vị mục tử có thể dùng CNTT-TT để tìm tài liệu để soạn bài giảng; ca trưởng có thể gửi các bài hát trong Thánh lễ tới các thành viên ca đoàn qua email; hay những người phục vụ bàn thánh có thể gửi lịch giúp lễ cho nhau qua Facebook Messenger. Tuy nhiên, Thánh lễ là một sự kiện được cử hành trực tiếp với sự tham dự của các tín hữu tụ họp với nhau trong cùng một không gian mà không cần đến vai trò trung gian của công nghệ kỹ thuật số. Thế nhưng, trong bối cảnh đại dịch, CNTT-TT không những đóng vai trò trong công tác tổ chức như trước đây, mà chính CNTT-TT còn giữ vai trò như một phương tiện trung gian nhằm giúp các tín hữu “tham dự” Thánh lễ trực tuyến khi họ bị buộc phải thực hiện giãn cách xã hội.

CNTT-TT không chỉ được sử dụng cho việc tổ chức các Thánh lễ trực tuyến, mà còn hữu ích cho các nghi thức Phụng vụ và các sinh hoạt mục vụ khác như việc dạy giáo lý, thăm hỏi giáo dân, v.v... Trong bài viết này, chúng tôi sẽ trình bày kinh nghiệm của những người làm mục vụ chia sẻ về cách họ tiếp cận CNTT-TT trong sứ vụ giữa thời đại dịch thông qua các đoạn trích từ các bài viết của họ. Những trải nghiệm này xoay quanh những chủ đề mục vụ quan trọng như Thánh lễ, giảng dạy và các mục vụ bác ái xã hội. Mặc dù trong Giáo hội có rất nhiều sinh hoạt mục vụ khác nhau, nhưng bằng cách tập trung vào những mảng cụ thể này, chúng ta có thể hiểu rõ hơn về vai trò của CNTT-TT trong thời đại dịch. Nhờ việc suy tư về những trải nghiệm này, chúng ta sẽ khám phá ra được những điểm mới lạ và tầm quan trọng của việc sử dụng một cách đúng đắn CNTT-TT

trong các chương trình mục vụ của Giáo hội sau thời đại dịch.

## **Vai trò của CNTT-TT qua những trải nghiệm của những người làm mục vụ**

### **1. Thánh lễ trực tuyến**

Việc phải đóng cửa nhà thờ đối với các giáo xứ là điều rất đáng tiếc, đặc biệt vào những dịp lễ quan trọng trong lịch Phụng vụ như Tuần Thánh, Lễ Giáng Sinh và các buổi lễ trọng thể khác tại các giáo xứ địa phương. Thực trạng của đại dịch đã buộc các vị lãnh đạo Giáo hội trên toàn thế giới phải chấp nhận thực tế rằng, họ không thể cử hành Thánh lễ hằng ngày và Chúa Nhật như trước thời dịch bệnh. Vì thế, các giáo phận và các giáo xứ phải tìm đường hướng mục vụ mới để tiếp tục nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng cho các tín hữu. Nhiều giáo hội địa phương xem việc tổ chức Thánh lễ trực tuyến là quyết định thiết thực và tối ưu nhất trong tình thế đại dịch. Điều này sẽ giúp các tín hữu có thể hiệp thông một cách an toàn từ nhà của mình.

Tuy nhiên, nhiều giáo xứ và giáo phận chưa bao giờ tổ chức phát sóng Thánh lễ trực tuyến, nên không thể tiến hành một cách nhanh chóng. Chỉ vài nơi có sẵn những thiết bị cần thiết để phục vụ cho công việc phát sóng. Kỹ năng về công nghệ phải được học hỏi trong một thời gian ngắn, và các trang thiết bị cũng phải được mua sắm để đáp ứng đầy đủ hơn cho nhu cầu truyền thông kỹ thuật số. Một số linh mục truyền giáo ở nước ngoài, khi dâng lễ bằng tiếng địa phương, gặp một số khó khăn vì không phải là tiếng mẹ đẻ. Thế nên, việc phải cử hành nghi thức trực tuyến bằng ngôn ngữ mà họ không thông thạo trở nên một thách thức lớn hơn nữa.

Những đoạn trích dưới đây từ các bài viết của các vị mục tử và thừa tác viên mục vụ cho thấy có nhiều thách đố và vấn đề phải cân nhắc khi chuyển sang Thánh lễ trực tuyến. Tuy nhiên, đó lại là một phương thức cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh của các tín hữu trong thời đại

dịch.

***Linh mục Joshy Xavier, SJ và Linh mục Lawrence Devin Noronha***

**(Ấn Độ):** Bởi vì tình trạng phong tỏa hoàn toàn, mọi người phải ở trong nhà, và nhiều người không biết phải sử dụng thời gian rảnh rỗi như thế nào, thế nên, chúng tôi cảm thấy rằng chúng tôi cần phải gắn gũi và liên kết với họ, nhằm giúp họ tiếp tục sống trong mối tương quan với Thiên Chúa. Khi suy nghĩ về vấn đề này, chúng tôi nhận ra hầu hết mọi người trong thành phố Lucknow đều có kết nối mạng internet. Đa số các hãng dịch vụ điện thoại di động cung cấp ít nhất 1 hoặc 2 GB dữ liệu cho hầu hết các gói cước di động. Nếu chúng tôi không hướng dẫn và không có những nội dung mục vụ bổ ích cho giáo dân, thì họ có thể lãng phí những gói dữ liệu này bằng việc xem phim hay các chương trình giải trí vô bổ khác trên mạng. Trong thời gian này, bởi vì giáo dân không thể đi đâu được, nên điện thoại di động đóng vai trò quan trọng trong việc giúp họ sử dụng thời gian rảnh rỗi.

Một ngày nọ, có một giáo dân nói với chúng tôi rằng, một số giáo xứ và vài tổ chức khác đang phát trực tiếp các chương trình cho giáo dân qua các trang mạng xã hội như Facebook và YouTube. Chúng tôi bắt đầu suy nghĩ về ý tưởng này, nhưng chúng tôi chưa bao giờ có kinh nghiệm trong lĩnh vực trực tuyến. Quả thực đây là một khó khăn lớn cho chúng tôi trong việc tạo ra những chương trình trực tuyến.

Thêm vào đó, việc thiếu hiểu biết về công nghệ kỹ thuật số và thiếu các thiết bị công nghệ, cùng với lệnh phong tỏa đã khiến cho chúng tôi không thể ngay lập tức thành lập được một đội ngũ hoạt động chuyên nghiệp. Trong hoàn cảnh này, ngay cả nhiều kênh truyền hình cũng không thể chạy được, và họ phải phát lại các chương trình cũ. Tuy nhiên, ý tưởng làm một điều gì đó trong bối cảnh đại dịch ngay lập tức thôi thúc chúng tôi. Vì thế, chúng tôi quyết định lên kế hoạch và hành động. Khi bắt đầu suy nghĩ về việc này, chúng tôi cảm nhận được sự soi sáng của Thiên Chúa trong các chương trình mà chúng tôi lập nên. Ngay lúc này, chúng tôi vẫn cảm nhận được Thiên Chúa quan phòng luôn đồng hành với chúng

tôi trong hành trình mới lạ và đầy thách thức này.

Tại thời điểm khởi đầu, chúng tôi chỉ đơn giản sử dụng những thiết bị có sẵn, bởi vì các cửa hàng đều đóng cửa. Chúng tôi đã có được một máy tính xách tay, một máy xử lý âm thanh và một máy ghi hình kỹ thuật số. Sau đó, chúng tôi phải tìm cách để phát trực tiếp trên kênh YouTube mà chúng tôi lập ra trước đó vào ngày 29/3/2020.<sup>4</sup> Chúng tôi nhận được thông báo rằng để có chương trình phát sóng trực tuyến trên thiết bị di động, kênh của chúng tôi cần phải có ít nhất 1.000 người đăng ký theo dõi. Vì thế, chúng tôi thông báo và mời gọi giáo dân đăng ký. Chỉ trong vòng một ngày, chúng tôi đã đạt được mục tiêu về số lượng người đăng ký. Sự hưởng ứng nhiệt tình của giáo dân chứng tỏ họ rất háo hức đón nhận chương trình mục vụ của chúng tôi.

Quả thật, động lực chính để tạo ra các chương trình trực tuyến chính là để làm dịu cơn khát trong đời sống thiêng liêng của giáo dân trong mùa Chay thánh. Chúng tôi nhận ra rằng, chúng tôi cần phải đồng hành với giáo dân về mặt tinh thần, để giúp họ tiếp tục liên kết với Thiên Chúa và nối kết với nhau.

***Linh mục Anthony Liew (Malaysia):*** Thực tế cho thấy rằng không phải tất cả giáo dân có thể đến tham dự Thánh lễ tại cộng đoàn chúng tôi. Cho đến bây giờ, chúng tôi đã phát trực tuyến các Thánh lễ Chúa Nhật được ba tuần. Chúng tôi cũng phát Thánh lễ trực tuyến công khai qua kênh SMC YouTube từ tháng 9 năm 2020. Chúng tôi tin rằng Thánh lễ trực tuyến rất quan trọng để cộng đoàn giáo xứ Thánh Michael (SMC) cùng nhau tiếp tục lớn lên về mặt tâm linh, và tương trợ lẫn nhau như trong cùng một gia đình qua việc cầu nguyện, sinh hoạt với nhau, lắng nghe các bài giảng và những thông báo liên quan trong Thánh lễ.

Việc thiết lập công nghệ trực tuyến trong công tác mục vụ của giáo xứ quả là một thử thách, bởi lẽ chúng tôi không biết nhiều trong cách tiến hành các chương trình trực tuyến. Tuy nhiên, tôi tạ ơn Chúa đã chỉ dạy cho chúng tôi cách thức để thực hiện bằng cách trao ban cho chúng tôi

---

<sup>4</sup> X. <https://www.youtube.com/channel/UC4yPADjIgJdGcHtY4nBWwEQ>



những nguồn lực cần thiết, bao gồm cả yếu tố nhân lực để thực hiện chương trình này. Mặc dù đang vấp phải những khó khăn trong việc thi hành sứ vụ mới này, nhưng chúng tôi sẽ tiếp tục cố gắng thực hiện. Lý do đó là chúng tôi nhận ra tầm quan trọng của sứ vụ này trong việc tiếp tục liên kết giáo dân với cộng đoàn SMC, cũng như hiệp thông với các tín hữu khác trong đoàn chiên Giáo hội.

**Thạc sĩ John Uhal (Hoa Kỳ):** Sau khi chúng tôi cảm thấy không hài lòng về chất lượng của những giờ cầu nguyện đã ghi hình sẵn bằng video, vào Thứ Năm Tuần Thánh năm 2020, một trong những người điều hành văn phòng giáo xứ đã mua một máy ghi hình di động, một máy tính xách tay với tính năng cao, phần mềm và các phụ kiện cần thiết. Bằng việc kết hợp giữa những hiểu biết của tôi về hệ thống âm thanh và phụng vụ cùng với sự khéo léo sáng tạo của mọi người, chúng tôi đã phát Thánh lễ trực tuyến lần đầu tiên. Trong những tuần trước đó, tôi đã cập nhật những thông tin về đại dịch và cách phòng chống vi-rút corona trên trang mạng của giáo xứ. Giờ đây, trang web còn có thêm chức năng là phương tiện để phát sóng các chương trình trực tuyến. Vì mỗi Thánh lễ chỉ có dưới 10 người được hiện diện trong nhà thờ, nên chúng tôi phải phát sóng trực tuyến toàn bộ các nghi thức phụng vụ Tam Nhật Thánh và mỗi Thánh lễ Chúa Nhật trong mùa Phục Sinh. Số lượng người tham gia trực tuyến tăng lên mỗi ngày, và hiện tại, chúng tôi có khoảng 1.000 người tham dự phụng vụ vào mỗi cuối tuần. Chúng tôi còn sử dụng các thiết bị đơn giản mà chúng tôi có được để phát sóng trực tuyến nghi thức ban Bí tích Thêm sức, nghi thức trao tác vụ đọc sách của Tổng Giáo phận, nghi thức ban Bí tích Rửa tội hàng năm cho một số người, và Thánh lễ tốt nghiệp cho các học sinh trong trường học của giáo xứ.

**Linh mục Napoleon James (Bỉ):** Các đường lối mục vụ và những ý tưởng sáng tạo mới được Giáo hội đề ra nhằm tái truyền bá Phúc Âm hay Tân Phúc Âm hóa ở châu Âu tăng lên gấp đôi trong thời đại dịch. Tại nơi tôi đang thi hành công tác mục vụ, chúng tôi khuyên mọi người nên hoãn

lại Bí tích Rửa tội và Hôn Phối, nhưng chúng tôi phát sóng Thánh lễ trực tuyến và trao Mình Thánh Chúa cho những ai yêu cầu. Tôi thực sự ngưỡng mộ tinh thần hăng hái và sẵn sàng dấn thân của những người thi hành công tác chăm sóc mục vụ cùng những người phụ tá trong giáo xứ. Họ đã nồng nhiệt tiếp nhận những đề xuất tôi đưa ra, điển hình là phát sóng Thánh lễ trực tuyến. Mặc dù chúng tôi chưa có máy ghi hình chuyên nghiệp, nhưng chúng tôi sử dụng điện thoại thông minh để phát sóng. Chúng tôi quay Thánh lễ trước rồi phát lại vào 10 giờ 30 sáng Chúa Nhật, đúng vào giờ lễ Chúa Nhật hàng tuần được cử hành trước đây. Hiện tại, các thành viên trong ban Hội đồng mục vụ đang có ý định mua một máy quay chuyên nghiệp nhằm nâng cao chất lượng video để phát trực tiếp các Thánh lễ.

***Linh mục Gioan Baotixita Trịnh Đình Tuấn, SVD (Chilê):*** Việc dâng lễ online quả là không dễ chút nào. Tôi thật sự không hứng thú gì với việc dâng lễ online. Bạn cứ tưởng tượng một mình đứng trong nhà thờ trống không, nói và giảng với chỉ những hàng ghế. Đó là một kinh nghiệm buồn của đời mục tử! Hơn nữa, vì là người ngoại quốc, ngôn ngữ bản địa còn chưa thông, nên tôi bị áp lực về khả năng diễn đạt và lời nói của mình, vì khi đã phát qua internet thì nó không còn trong khuôn khổ của giáo xứ nữa mà lan rộng trên toàn thế giới, chính vì thế tôi cũng bị áp lực rất nhiều trong việc soạn bài giảng, việc dùng ngôn ngữ của mình. Tuy nhiên, vì nhu cầu mục vụ nên tôi cũng phải cố gắng thi hành và mong rằng với ơn Chúa giúp, mình có thể chu toàn được sứ vụ và những người dù tham dự ở gia đình họ hoặc ở một nơi nào đó trên thế giới cũng đang hiệp thông với chủ tế, đồng thời lãnh nhận được những ơn lành cần thiết cho đời sống đức tin của họ. Tạ ơn Chúa là cho đến thời điểm này mọi sự đang diễn ra tốt đẹp và chưa nhận được phản hồi tiêu cực nào.

## **2. Giáo dục trực tuyến**

Các cơ sở giáo dục Công giáo và chương trình giáo lý ở một số nước

phải thay đổi từ lớp học truyền thống qua không gian mạng trong thời gian đại dịch. Việc giảng dạy và học tập trực tuyến là một thách đố lớn đối với nhiều nơi về mặt kiến thức kỹ thuật số cũng như điều kiện kinh tế. Trong thực tế, không phải tất cả các giáo viên đều thông thạo về công nghệ và nhanh chóng thích nghi với phương thức giảng dạy trực tuyến. Một số lượng lớn giáo viên thuộc vào nhóm được gọi là “những người di dân kỹ thuật số” (*digital immigrants*),<sup>5</sup> vì thế các thiết bị công nghệ và cách sử dụng chúng vẫn còn mới lạ đối với họ. Họ thường vấp phải các lỗi do thiếu kỹ năng cần thiết trong việc sử dụng các ứng dụng kỹ thuật số. Theo một bài báo được đăng tải, một giáo sư ở Singapore giảng dạy trong khoảng 2 tiếng đồng hồ trên hệ thống Zoom. Mãi đến khi kết thúc lớp học, ông mới phát hiện ra micro của mình bị tắt trong suốt thời gian thuyết trình. Khi sự cố đang diễn ra, các sinh viên đã cố gắng báo cho vị giáo sư qua Zoom rằng họ không thể nghe được tiếng, nhưng đã không thành công. Chính điện thoại của ông cũng bị tắt âm thanh nên không thể liên lạc được.<sup>6</sup>

Bên cạnh việc giáo viên không có đủ kỹ năng cần thiết để xử lý các thiết bị công nghệ cũng như vận hành các nền tảng trực tuyến, học sinh, sinh viên cũng gặp phải những khó khăn với hình thức học qua mạng. Tại các nước phát triển, công nghệ internet đã thịnh hành ở mức cao, nên việc học trực tuyến đối với học sinh không phải là vấn đề về mặt kỹ thuật và kinh tế. Học sinh có máy tính xách tay và máy tính bàn để đáp ứng yêu cầu cho việc học trực tuyến. Tuy nhiên, tại một số nước đang phát triển, những gia đình đang sống trong cảnh túng thiếu không có đủ khả năng tài chính để mua những máy vi tính với màn hình rộng, hay đăng ký những gói mạng internet với tốc độ đủ cao cho việc học qua mạng. Vì thế, nhiều học sinh phải tham gia các lớp học trực tuyến qua màn điện di động. Tuy

---

<sup>5</sup> “*Digital immigrants*” là thuật ngữ chỉ những người không sinh ra trong thời kỳ công nghệ kỹ thuật số đã được phổ biến rộng rãi.

<sup>6</sup> Joseph Wilkinson, “Singapore professor lectures for 2 hours on mute, only realizes at end of class,” *New York Daily News* (09/02/2021), <https://www.nydailynews.com/news/world/ny-singapore-professor-mute-lesson-20210210-pm24owto3rh5xho52fwa575zi4-story.html>.

nhien, việc sử dụng một điện thoại thông minh có màn hình nhỏ không mang lại hiệu quả cao so với máy tính xách tay hay máy tính bàn vốn có kích thước màn hình lớn hơn, nên nội dung được chuyển tải hiển thị rõ ràng và đầy đủ hơn. Ngoài ra, phải nói đến trường hợp các thành viên trong cùng một gia đình không thể có riêng cho mình một chiếc điện thoại để sử dụng. Trong những gia đình có thu nhập thấp, một chiếc điện thoại có thể được chia sẻ giữa các thành viên, thậm chí giữa các thế hệ là chuyện thường ngày. Vào ban ngày, trẻ em sử dụng điện thoại cho việc học trực tuyến; trong khi vào buổi tối, người lớn dùng điện thoại để tham dự Thánh lễ và các buổi cầu nguyện trực tuyến.

Bất chấp những hạn chế vừa nêu ra, đối với nhiều giáo xứ và các trường học Công giáo trên thế giới, việc giảng dạy trực tuyến là điều cần thiết để duy trì chương trình giáo dục. Tại các giáo xứ, trẻ em cần có cơ hội để được lãnh nhận Bí tích Xưng tội và Rước lễ lần đầu cũng như Bí tích Thêm sức. Các cặp đã đính hôn cần phải có được sự chuẩn bị để hoàn thành chương trình giáo lý hôn nhân, và hướng tới lãnh nhận Bí tích Hôn phối. Các trường học Công giáo và chủng viện cần tiếp tục các chương trình giáo dục để việc học tập của sinh viên và chủng sinh không bị gián đoạn.

Bản thân tôi đã giành nhiều thời gian giảng dạy cho các chủng sinh trên ứng dụng Zoom vào những thời điểm mà tình hình dịch bệnh tại Thái Lan bùng phát mạnh, buộc các cơ sở giáo dục phải đóng cửa. Ngay cả sau khi trường học được mở cửa trở lại, tôi vẫn tiếp tục dạy trực tuyến để có được những trải nghiệm giống như các giáo viên khác trên toàn thế giới. Tôi muốn thấy được những thuận lợi và hạn chế của việc giảng dạy trực tuyến. Ngoài ra, tôi cũng muốn xem kết quả học tập của các sinh viên của mình như thế nào khi phải học online. Kinh nghiệm dạy học trực tuyến giúp tôi có thể đồng cảm với những điều mà các tác giả đã phản ánh trong các bài viết về mục vụ giáo dục (*education ministry*) trong thời gian đại dịch.

**Thầy Camillo Pornsann Singchai (Thái Lan):** Là một chủng sinh

thuộc Tổng Giáo phận Bangkok, tôi được giao nhiệm vụ điều hành chương trình giáo lý mùa hè tại Giáo xứ Thánh Raphael, thuộc Pak Nam, tỉnh Samut Prakan. Ngoài tôi ra, linh mục quản xứ còn nhờ hai chú tiểu chủng sinh tham gia cùng với tôi trong tư cách là nhóm lãnh đạo chương trình. Sau khi bàn luận và tham khảo với nhau, chúng tôi quyết định chọn phương pháp giảng dạy trực tuyến với hình thức truyền thông một chiều. Đây là lần đầu tiên tôi có cơ hội học hỏi và trải nghiệm phát sóng trực tuyến. Bằng cách sử dụng chương trình OBS Studio, chúng tôi có thể tạo ra được hình nền đẹp, chia sẻ hình ảnh từ màn hình máy tính, cũng như đưa vào những âm thanh và hình ảnh một cách thuận tiện và nhanh chóng trong khi đang phát sóng trực tuyến. Những tính năng công nghệ này giúp cho việc thuyết trình trở nên hiệu quả và hấp dẫn hơn đối với người học. Bài thuyết trình được phát sóng trực tuyến trên nhóm Facebook với quyền riêng tư, được đặt tên là “Hội trại trực tuyến cầu nối yêu thương”. Nhóm Facebook này chỉ dành riêng cho những ai đã đăng ký tham gia vào chương trình giáo lý mùa hè.

Mặc dù sử dụng hình thức truyền thông một chiều, nhưng chúng tôi vẫn có thể giải quyết những câu hỏi theo lối thông thường như trong thời gian thực bằng việc cho phép người xem đặt câu hỏi trong hộp bình luận bên dưới video. Dĩ nhiên, thỉnh thoảng, việc lớp học bị gián đoạn là điều không thể tránh khỏi do vấn đề tốc độ internet, nhưng nhìn chung thì phương pháp này cho phép việc giảng dạy và học tập có mức độ sống động và vui nhộn hơn nhiều so với phương pháp truyền thống. Ngoài ra, chúng tôi cũng đưa ra những câu trắc nghiệm trực tuyến cho học sinh nhằm đánh giá hiệu quả của việc học tập. Chúng tôi cũng tổ chức các sinh hoạt trực tuyến khác như lần Chuỗi Mân Côi, đọc kinh Tuần Cửu Nhật Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, lần Chuỗi Lòng Thương Xót và đi Đàng Thánh Giá vào thứ Sáu Tuần Thánh vốn nằm trong chương trình giáo lý mùa hè.

Theo ý kiến của tôi, mặc dù không phải tất cả mọi người đều có cơ hội truy cập internet như nhau, nhưng giảng dạy giáo lý trực tuyến theo cách mô tả trên là một cách thức mới mang tính khả thi, nhằm giúp quảng bá cho trẻ em phương thức sử dụng không gian mạng một cách lành mạnh để

gặp gỡ và kết nối với nhau dễ dàng hơn. Phương pháp này cũng tiềm ẩn khả năng dẫn dắt giới trẻ đến gần hơn với Đức Kitô và Giáo hội. Điều quan trọng nhất ở đây là bằng mọi giá, Giáo hội phải cố gắng hết sức để đem Tin Mừng đến với giới trẻ.

**Tiến sĩ Leo-Martin Ocampo (Philippines):** Tôi phải học cách thích nghi với phương pháp giảng dạy mới này. Các kế hoạch của khóa học phải được điều chỉnh lại, và các giáo viên cần phải nghĩ ra cách mới để chuyển tải nội dung cho phù hợp với các tiêu chí của môn học. Bên cạnh sự mệt mỏi gây ra do mỗi bài giảng kéo dài liên tục 3 tiếng đồng hồ, bối cảnh không gian mạng cũng tạo ra hiện tượng “Zoom fatigue” – “mệt mỏi vì Zoom” khi người dùng phải dán mắt hàng giờ trên ứng dụng Zoom. Việc chuyển sang học trực tuyến không chỉ đòi hỏi cần phải có sự thay đổi trong phương thức mà còn trong tư duy. Chúng tôi phải đưa ra các hoạt động có thể mang lại hiệu quả, thú vị, và phải khả thi giữa những hạn chế của phương thức học tập mới này. Việc sử dụng trí sáng tạo chính là sự lựa chọn tốt đẹp nhất trong hoàn cảnh này. Đồng thời, những phẩm cách nội tâm như tính cởi mở, sự khiêm tốn và lòng kiên nhẫn cũng rất quan trọng. Như trong dụ ngôn về hình ảnh “rượu mới và bầu da mới” của Chúa Giêsu, chúng ta cũng cần có một bầu da mới cho thứ rượu mới của mùa đại dịch. Vì thế, chúng ta cần phải luôn luôn có không gian cho sự đổi mới và cập nhật.

Quả thật, có nhiều điều bất ngờ thú vị đã xảy ra trong cuộc hành trình này. Đầu tiên, việc làm quen với các thiết bị khác nhau cho việc giảng dạy và học tập trực tuyến có thể rất khó khăn, nhưng tôi đã nhanh chóng bắt đầu cảm thấy thú vị với phương pháp mới này. Sự khó chịu ban đầu nhường chỗ cho cảm hứng sáng tạo khi tôi trải qua những kinh nghiệm mới mà trước đây tôi chưa từng cảm nhận được. Tôi học cách tin tưởng nhiều hơn vào học trò của mình, ngay cả khi tôi không thể thấy, không thể quản lý và kiểm soát được chúng. Vượt lên trên tất cả, tôi vô cùng ngạc nhiên trước sự sáng tạo và nhiệt tình của các sinh viên, những người may mắn có được khả năng sử dụng thành thạo công nghệ hơn cả tôi. Sau tất cả

những điều trên, tôi nhận ra rằng sự sáng tạo không thể có được ngay tức khắc một sớm một chiều. Chúng ta được Chúa Thánh Thần linh hứng để khơi nguồn sáng tạo, thế nên, miễn là chúng ta có đủ lòng quảng đại và sẵn sàng học hỏi.

***Linh mục Đình Anh Minh (Hoa Kỳ):*** Có nhiều lợi ích trong việc học tập trực tuyến, nhưng cũng không thể tránh khỏi những hạn chế nhất định. Ban đầu, các em rất hào hứng vì được trở lại lớp học giáo lý sau một thời gian dài nghỉ học. Mặc dầu hình thức trực tuyến đòi hỏi nhiều thời gian hơn để chuẩn bị cho buổi học hàng tuần, nhưng hình thức này lại giúp giáo viên kết nối và chia sẻ nhiều nguồn hỗ trợ từ mạng internet cho các học sinh. Chúng tôi có thể dùng những video, những bản nhạc và những câu chuyện Kinh Thánh trực tuyến để cho các em xem. Những tài liệu sáng tạo này giúp rất nhiều trong việc thu hút sự chú ý của học sinh. Là các giáo lý viên, chúng tôi hiểu rằng học sinh khó có thể tập trung hơn khi tham gia lớp học trực tuyến nếu so sánh với lớp học truyền thống. Hầu như các giáo lý viên gặp phải khó khăn khi phải duy trì sự chăm chú của học sinh trong suốt giờ học. Thêm vào đó, họ không thể biết được các em có đang thực sự tham gia vào lớp học trực tuyến, hay chúng đang vào một trang web khác trong khi lên lớp. Tôi thường kiểm tra sự chú ý của học sinh bằng cách nhờ các em đọc hoặc trả lời các câu hỏi mà tôi đặt ra trong giờ học. Đây là một trong những lý do tại sao chúng tôi cần có sự đồng hành của các bậc phụ huynh trong chương trình học trực tuyến, để giúp học sinh giữ sự tập trung trong các giờ học.

Cho dù học sinh không trực tiếp phản hồi ý kiến với chúng tôi về việc học trực tuyến, nhưng chúng tôi có thể cảm nhận được sự thất vọng nơi các em khi chúng tôi bỏ qua một số hoạt động mà các em không thể tham gia trực tiếp như trong lớp học truyền thống. Đây chính là lúc mà giáo lý viên cần thể hiện sự sáng tạo và tìm ra những sinh hoạt thích hợp để thay thế cho các em. Tuy nhiên, chúng tôi cũng nhận được những phản hồi tích cực từ phía các phụ huynh, vì đây là lần đầu tiên họ được tham gia lớp học cùng với con cái của mình. Với việc sát cánh cùng chúng tôi cũng như sự

hiện diện quý báu của họ, các bậc phụ huynh cũng gợi ý và đóng góp nhiều ý tưởng sáng tạo bổ ích cho lớp học. Sự hiện diện và hỗ trợ này của các bậc phụ huynh trong lớp học thực sự là món quà quý giá đối với các giáo lý viên. Chẳng hạn như các bậc cha mẹ đề xuất rằng họ sẽ giúp đỡ chúng tôi trong việc tạo điều kiện cho các sinh hoạt và trò chơi được diễn ra trực tiếp tại nhà. Các phụ huynh còn mời các thành viên khác trong gia đình, như ông bà, anh em và họ hàng cùng tham gia với các em. Điều này không chỉ làm cho các bài học ở nhà trở nên thú vị và sống động hơn đối với học sinh, mà còn tạo nên sự đoàn kết vững bền giữa các thành viên trong gia đình với nhau.

Các giáo lý viên đều có chung nhận định rằng từ xưa tới nay, đây là lần đầu tiên các bậc cha mẹ hiện diện tích cực trong việc truyền bá đức tin cho con cái họ như vậy. Đối với tôi, điều này quả là một hồng ân tuyệt vời của Thiên Chúa giữa cơn đại dịch. Với ơn đặc sủng của mình, các bậc cha mẹ luôn được mời gọi đóng góp vai trò tích cực của mình như là những chứng nhân đức tin sống động cho con cái bằng nhiều cách thế khác nhau.

***Thầy James Phillip M. Monserate, OHF (Philippines):*** Thời gian đầu khi mới chuyển qua hình thức dạy trực tuyến, tôi cảm thấy mình kiệt sức và rất mệt mỏi trước trải nghiệm mới mẻ lạ lẫm của việc giảng dạy và học tập trực tuyến. Đối với tôi, mọi thứ dần dần trở nên không còn hấp dẫn, thay vào đó là sự máy móc, vô cảm và trống rỗng. Sự phấn khởi, lòng nhiệt huyết, niềm vui vẻ và say mê nơi tôi dường như bị suy sụp hoàn toàn. Ánh sáng “cầu vồng” mà tôi ước ao được nhìn thấy dường như trở nên nhạt nhòa.

Tuy nhiên, tôi đã suy đi nghĩ lại sau khi lắng nghe những chia sẻ về trải nghiệm của các sinh viên đang học tại nhà. Một số sinh viên cảm thấy thất vọng về các giáo sư của họ, trong khi đó, một số khác gặp phải những khó khăn trong việc kết nối internet. Theo như tôi được biết, một số sinh viên khác vẫn còn ham học, mặc dầu họ đang phải trải qua thời gian cách ly hoặc bị phong tỏa. Tôi nhận ra rằng cuộc sống của các sinh viên vẫn còn có sự hiện diện của tôi, thế nên, hai cụm từ “tôi” và “bạn” tạo nên đại



từ “chúng ta”. Và môn học mà tôi đang đảm trách đúng ra phải mang lại cho họ niềm hy vọng mà họ mong đợi, vì môn học này nói về một Đấng siêu hình, thánh thiêng và quyền năng – đó chính là Thiên Chúa. Từ đó, tôi nhận ra trong tình thế này, tôi không chỉ là một giảng viên, một giáo sư hay một cố vấn cho sinh viên, mà còn là một người bạn đồng hành của họ trong dáng dấp của Chúa Giêsu – Người mà tôi đang chia sẻ trong lớp học thần học của mình.

### **3. Mục vụ xã hội trực tuyến**

Đường lối mục vụ của Giáo hội luôn nhấn mạnh đến các hoạt động hướng tới người nghèo, bệnh nhân, những người tàn tật, những người bị gạt ra bên lề xã hội, những người bị áp bức và bị lãng quên. Mặc dù trong thời gian đại dịch, hệ thống quản trị mục vụ của Giáo hội bị hạn chế bởi việc đóng cửa nhà thờ và giãn cách xã hội xảy ra trên diện rộng, nhưng nhu cầu mục vụ vẫn luôn cần được đáp ứng. Bằng cách này hay cách khác, thực trạng của đại dịch đã khiến số lượng người cần được hỗ trợ ngày càng gia tăng do nhiều người gặp phải khó khăn trong vấn đề kinh tế, đời sống gia đình, cũng như đời sống tinh thần. Có thể khẳng định rằng, thực tế của đại dịch là cơ hội để Giáo hội thực hiện vai trò và sứ vụ quan trọng của mình trong tư cách là Nhiệm Thể của Chúa Kitô, đó là đưa Thiên Chúa đến với những người đang gánh chịu đau khổ, đang ở bờ vực của sự tuyệt vọng, buồn sầu và hồ nghi. Có lẽ không có thời điểm đáng ghi nhớ nào gần đây mà Giáo hội cần phải vượt lên nỗi sợ hãi, lo lắng, tủi thân và tự vệ, để đối mặt với những thử thách lớn lao, hầu dẫn dắt các tín hữu và an ủi con người trên khắp toàn cầu. Quả thực, đại dịch đã tạo ra một cuộc khủng hoảng cho Giáo hội. Thế nhưng, đại dịch cũng mở ra cơ hội giúp cho Giáo hội sống đúng với ơn gọi và sứ mạng đích thực của mình trong thế giới hôm nay.

Những đoạn trích trong loạt bài chia sẻ dưới đây của những người làm công tác mục vụ cho thấy rằng, họ không ngừng tìm tòi đường hướng để tiếp cận những người mà họ đã phục vụ trong thời gian đại dịch, mặc dù

họ phải đối mặt với rất nhiều hạn chế. Bên cạnh những công tác mục vụ truyền thống, những nhu cầu mục vụ mới nảy sinh từ đại dịch cũng cần phải được quan tâm. Tất cả những kinh nghiệm này chứng tỏ CNTT-TT có một vai trò quan trọng trong nỗ lực hướng tới việc tiếp cận mọi người trong thời kỳ khủng hoảng. CNTT-TT không những giúp duy trì các sinh hoạt mục vụ mà còn trợ giúp triển khai các sáng kiến mới để đáp ứng những nhu cầu mà đại dịch tạo nên.

***Linh mục Shiju Paul, SVD (Hoa Kỳ):*** Những thành viên và nhân viên của trung tâm HIV mà tôi phục vụ đã đề nghị tôi tiếp tục hướng dẫn họ cách thiền, để giúp họ đối mặt với thời kỳ khó khăn và những thăng trầm do đại dịch. Trước những ngày cuối tháng 3 năm 2020, các buổi thiền vẫn diễn ra trực tiếp tại trung tâm. Tuy nhiên, sau đó không lâu, tôi phải chuyển việc hướng dẫn các buổi thiền qua hình thức trực tuyến trên ứng dụng Zoom. Tôi chủ yếu giúp họ thực hành các buổi thiền hướng vào nội tâm sâu thẳm và lòng thương xót đối với người khác. Các buổi thiền giúp chúng ta cảm nhận được sự liên đới sâu sắc với vũ trụ, với người khác và với chính mình bằng tình yêu thương, nhằm giúp chúng ta nhận thức được ý nghĩa tròn đầy về bản tính con người. Tôi gọi đây là trạng thái nhận thức trọn vẹn như việc chúng ta cảm nghiệm sự hiện diện của Đức Kitô trong thời điểm hiện tại qua sự kết nối và tình hiệp thông. Thực hành thiền bao gồm nhiều phương pháp và cách thức khác nhau nhằm giúp cá nhân trải qua quá trình thay đổi cuộc sống, trong lúc đang phải đối mặt với những điều không chắc chắn xảy ra. Nó bao gồm việc nhìn lại bản thân, quá trình thiền, chia sẻ cá nhân, và nếu cần thiết thì sử dụng các nghi thức. Phương pháp thiền sử dụng toàn bộ các kỹ thuật như hít thở sâu, cảm nhận từng bộ phận của cơ thể, chú ý đến các trung tâm năng lượng, tập trung vào việc thư giãn, và lặp đi lặp lại câu chú, v.v... để nhận thức và tích hợp những suy nghĩ, cảm xúc, cảm nhận và hành vi liên quan tới đại dịch. Trong thời gian đại dịch, vòng xoáy suy nghĩ của sự sợ hãi, tức giận và buồn phiền lặp đi lặp lại liên tục, tạo ra cảm xúc lo lắng và căng thẳng trong tâm hồn con người. Tôi tạo lập chương trình này như một phương

thể cầu nguyện nhằm giúp những người dễ bị tổn thương và những ai đang phải đối mặt với vòng xoáy cảm xúc. Cách cầu nguyện trên giúp họ có khả năng thích ứng với những cảnh huống khó khăn đang thay đổi do đại dịch, thay vì phản ứng bằng thái độ sợ hãi như trước đây.

**Giáo lý viên Joseph Richard Quane (Hoa Kỳ):** Trong thời gian đại dịch, chương trình giáo lý cho người bị khuyết tật của Giáo phận Chicago phải tạm ngưng sinh hoạt cách trực tiếp. Tuy nhiên, một số người khuyết tật sống chung với bố mẹ có thể tham gia vào các cuộc gặp gỡ trực tuyến mà chúng tôi tổ chức. Chúng tôi tổ chức sinh hoạt giao lưu trực tuyến khoảng 4-6 tuần một lần, để những người bạn khuyết tật có thể gặp gỡ và trò chuyện với chúng tôi. Mỗi cuộc gặp gỡ có một chủ đề khác nhau. Ví dụ, chúng tôi tổ chức ăn kem với nhau vào mùa hè. Tất cả các giáo lý viên và các bạn khuyết tật gặp nhau trực tuyến, ăn kem với nhau, và bàn tán về mùa hè khá kỳ lạ mà mọi người đang trải qua. Chúng tôi chia sẻ về những hương vị kem mà mình yêu thích, và hát cho nhau nghe những bài quen thuộc. Những chương trình giao lưu trực tuyến đơn thuần chỉ là thời gian để gặp gỡ, hiện diện và hàn huyên với nhau trên không gian mạng. Trong khi một số người bạn khuyết tật có thể tham gia cuộc gặp gỡ vào khoảng 45 phút, thì vài người lại tỏ ra mất hứng thú chỉ sau vài phút. Mặc dầu các bạn ấy không tham gia được lâu vì khả năng tập trung bị hạn chế, nhưng tôi có thể thấy niềm hạnh phúc dâng trào trên nét mặt của họ, vì họ được nhìn thấy những người bạn khác trong nhóm và nghe được giọng nói của nhau.

Nhiều người bạn này của chúng tôi gặp khó khăn bởi sự chi phối ngay tại nhà họ; một số khác cảm thấy khó tập trung vào màn hình trong thời gian dài, và một số khác dường như đang khổ sở với bệnh “mệt mỏi vì Zoom”. Trong một lần gặp gỡ trực tuyến, một người bạn nữ khuyết tật dường như không muốn tham gia trên Zoom, cho đến khi cô thoáng thấy một số thành viên của nhóm. Vào đầu buổi họp, cô cố tình đẩy chiếc máy tính bảng ra xa khi người mẹ đang động viên cô chào hỏi mọi người trong nhóm. Trong khi người mẹ đang nói chuyện với nhóm, nét mặt của cô

bỗng nhiên trở nên vui hẳn lên khi cô bắt chợt nhìn thấy một số gương mặt thân quen của nhóm trên màn hình. Cô bạn này nhanh chóng cầm lấy máy tính bảng và bắt đầu vẫy tay chào tất cả các thành viên. Trong 10 phút tiếp theo, người bạn trẻ nhìn chằm chằm vào máy tính bảng với một nụ cười nở tươi trên môi. Tôi tin rằng cô bạn ấy đã cảm nhận được sự kết nối đặc biệt đối với nhóm, và cảm thấy mình là một phần của cuộc giao lưu trực tuyến đó.

**Chị Maria Phan Thị Thùy Tiên (Thái Lan):** Trong làn sóng dịch bùng phát lần thứ 3 tại Thái Lan, bởi vì người lao động di dân Việt Nam lâm vào tình trạng ngày càng sợ hãi và lo lắng, nên họ cần được cập nhật thông tin thường xuyên có liên quan đến đại dịch. Từ đó, những người này có thể nắm bắt được tình hình chung nhằm giảm bớt sự sợ hãi cũng như loại bỏ việc lan truyền những tin đồn thất thiệt và thông tin sai lệch. Ngoài ra, họ cũng cần những nơi tư vấn cơ bản khi họ muốn biết rõ về địa điểm xét nghiệm Covid-19 và chi phí điều trị đối với người nước ngoài. Đối với nhiều lao động di dân Việt Nam ở Thái Lan, việc nắm bắt tiếng Thái vẫn còn bị hạn chế, và họ không thể luôn luôn theo dõi và cập nhật tình hình dịch bệnh một cách chính xác. Họ thường phải phụ thuộc vào những tin tức được đăng tải bởi những cá nhân khác trong cộng đồng vốn có thể hiểu biết hơn về sự việc. Thật không may, những tin tức như thế được đăng lên Facebook không phải lúc nào cũng chính xác, và chúng có thể dẫn tới sự lo lắng và căng thẳng không cần thiết đối với người đọc. Cần lưu ý rằng, mặc dù nhiều lao động nhập cư Việt Nam tại Thái Lan có thể giao tiếp bằng tiếng Thái để làm việc, nhưng việc không thông thạo tiếng Thái khiến họ khó có thể nắm bắt chính xác và toàn diện về cuộc khủng hoảng đại dịch.

Tại thời điểm này, một linh mục làm việc cho Ủy ban Mục vụ Di dân Việt Nam thuộc Hội đồng Giám mục Thái Lan đã nhờ tôi tạo ra “đường dây nóng” Facebook Covid-19, với mục đích là đăng tải những thông tin hữu ích liên quan đến đại dịch Covid-19 nhằm giúp đỡ cộng đồng di dân Việt Nam. Ngoài việc được ủy thác để tạo nên trang mạng này, tôi còn

đảm nhiệm vị trí quản lý và trả lời những câu hỏi từ những người theo dõi. Khi được nhờ làm công việc này, tôi cảm thấy đây là một trách vụ khó khăn để gánh vác, và tôi cũng không chắc chắn là có nên nhận một công việc khá quan trọng như vậy. Mặc dù việc chuyển dịch những thông tin liên quan từ các phương tiện truyền thông Thái Lan qua tiếng Việt và đăng lên trang mạng không thực sự khó, nhưng việc trả lời các câu hỏi liên quan đến tất cả các vấn đề đến từ nhiều người khác nhau quả thực không dễ dàng. Tuy nhiên, cảm nhận được nhu cầu cấp bách của tình trạng hiện tại, tôi đã đồng ý đón nhận nhiệm vụ khó khăn này.

Sau khi lập ra trang mạng và đảm nhiệm vị trí quản lý trong vài tháng, tôi cảm thấy mình thành thạo hơn trong công việc. Tôi đã cố gắng lắng nghe các câu hỏi thuộc đủ loại vấn đề mà người theo dõi đặt ra cho tôi. Tôi đã học cách kiên nhẫn với những người đặt ra các câu hỏi dường như nằm ngoài khả năng và trách nhiệm của tôi. Tuy nhiên, tôi vẫn luôn cố gắng đưa ra những câu trả lời căn cứ vào vốn hiểu biết của mình.

***Seour Shen Shuangying (Trung Quốc):*** Để hạn chế các vấn đề từ cuộc khủng hoảng đại dịch, chúng tôi đã lập nên nhóm trực tuyến mang tên “Đoàn kết yêu thương trong thời kỳ đặc biệt”, nhằm hỗ trợ các gia đình Công giáo. Chúng tôi tận dụng mọi nguồn lực sẵn có trong nhóm. Ví dụ, các giáo viên trong nhóm tình nguyện dành thời gian để giúp đỡ học sinh trong việc học hành. Đây là một sự hỗ trợ lớn lao đối với các bậc phụ huynh không có khả năng giúp con cái của họ hoàn thành các bài tập về nhà. Ngoài ra, các thành viên trong nhóm cũng hợp tác để nghiên cứu những phương pháp giúp cải thiện mối quan hệ gia đình giữa vợ và chồng, giữa bố mẹ và con cái.v.v.. Chúng tôi đã thảo luận và đưa ra phương thức thực hành “Năm cách yêu thương”. Chính những cách này đã giúp các cặp vợ chồng thương yêu nhau sâu đậm hơn, và tìm thấy nhiều điểm tương đồng khi sống chung với nhau. Hơn nữa, họ cũng cố gắng học hỏi phải nên làm như thế nào để tạo ra bầu không khí yêu thương và lành mạnh cho con cái trong gia đình.

Quả thực, Giáo hội là một đại gia đình. Thật ngạc nhiên khi thấy

những bạn trẻ Công giáo, đặc biệt là các chị em phụ nữ hoạt động tích cực trong các nhóm trực tuyến. Giáo hội thực sự trở nên giống như một đại gia đình hiệp nhất. Nơi đây, mọi người có thể trao đổi kinh nghiệm nuôi dạy con cái với nhau, cùng suy niệm Lời Chúa với nhau, cùng phục vụ giáo xứ và cải thiện mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình với nhau. Mặc dầu đại dịch đã gây ra nhiều khó khăn, nhưng Giáo hội tại miền bắc Trung Quốc luôn tìm cách để đến với Chúa và tha nhân. Không có gì có thể ngăn cản chúng tôi giúp đỡ lẫn nhau. Điều này đã mang lại cho chúng tôi một chiều hướng mới trong công tác mục vụ hiện tại của giáo xứ. Ngay cả tại những thời điểm khó khăn, công tác mục vụ của chúng tôi đã tiếp cận đến những người cần được giúp đỡ bằng mọi cách có thể. Trong Thiên Chúa, chúng ta sẽ luôn luôn tìm ra được lối đi cho mọi vấn đề.

***Linh mục Đaminh Nguyễn Quốc Thuận (Nhật Bản):*** Theo Báo *Japan Times* số ra ngày 9 tháng 10, cho biết số vụ tự tử ở Nhật Bản trong tháng 8 đã gia tăng đột biến. Điều đáng lo ngại là trong đó có nhiều phụ nữ và trẻ em đang còn độ tuổi đi học. Đây có thể là hậu quả do những căng thẳng liên quan đến sức khỏe tâm thần từ đại dịch Covid-19 gây ra. Với con số trên 13.000 người tự tử, trong khi tổng số ca tử vong do Covid-19 chưa đến 2.000 người đã làm cho chính phủ và các nhà xã hội học quan ngại trước tình trạng tự tử vì bế tắc trong cuộc sống do đại dịch gây ra.

Từ thực trạng trên, giáo xứ tôi cũng đã tổ chức đường dây lắng nghe chia sẻ, tư vấn tâm lý cho cha mẹ hay con cái với các thiện nguyện viên là giáo dân trong giáo xứ. Đồng thời, giáo xứ dùng trang web để truyền thông, không chỉ giới thiệu Chúa và Giáo hội, nhưng còn là nơi nâng đỡ tinh thần cho mọi người trong Giáo xứ và những ai cần đến. Mặc dù bị hạn chế về nhân sự cũng như tài chính, nhưng giáo xứ đã cố gắng thực hiện các hoạt động nhằm giảm bớt nỗi khó khăn và đau khổ của một số anh chị em. Đồng thời, những công việc mục vụ này khẳng định bản chất và sứ vụ của Giáo hội là hướng tới tất cả mọi người. Đồng thời những hoạt động trên cũng thể hiện bản chất và sứ mạng của Giáo hội.

Hướng đến hoạt động mục vụ trong tương lai, tôi cảm nghĩ, người làm

mục vụ sẽ phải vất vả hơn với những hoạt động không chỉ trong phạm vi giáo xứ mà còn phải mở rộng ra với những hoạt động bác ái xã hội bên ngoài. Bên cạnh đó là nỗ lực không chỉ cho những hoạt động thực tế trong giáo xứ mà còn nên quan tâm đến những hoạt động ảo trên mạng xã hội. Bởi lẽ, trong Kinh Thánh, Thiên Chúa được mô tả luôn là một Thiên Chúa thích gặp gỡ và đối thoại với con người. Ngay cả trở thành “LỜI” (Ga 1,14) như và cho con người. Không những thế, Ngài còn dùng mọi phương cách để ngỏ với con người. Giáo hội cũng học theo cách thế này để đến gần, chia sẻ và đồng hành với con người.

Bằng những công cụ hiện thể vật lý hữu hình như máy tính, Iphone, Ipad, Ipod...; các ứng dụng Facebook, Twitter, Instagram, Zalo, Viber ... Giáo hội không những đã cố gắng chuyển tải những sứ điệp vô hình về Thiên Chúa và về chính mình, nhưng còn đồng hành, lắng nghe và gặp gỡ mọi người. Nhất là giữa con đại dịch, khi con người dường như cô đơn vì bị cô lập, thì các phương tiện truyền thông là lối thoát duy nhất để con người gặp nhau an toàn, và thế giới giao dịch với nhau nhanh nhất, giảm thiểu được mọi rủi ro và nguy cơ lây nhiễm dịch.

Bên cạnh đó, khi các vị mục tử sử dụng các phương tiện công nghệ thời đại, họ không chỉ để mình khỏi bị biệt lập, tách rời với thế giới, nhưng họ sẽ còn bắt nhịp hơn với thời đại; không để mình bị trở thành “người mù thời đại” khi không biết các phương tiện truyền thông. Tích cực hơn, các mục tử dùng các phương tiện truyền thông để hiện diện trên thế “giới ảo”, “mạng xã hội” hầu biến “ảo” thành “thật”, “giả tạo” thành “chân lý”... nhất là làm cho môi trường thông tin ngập rác với những *fake news* thành diễn đàn ý nghĩa, giá trị với các “GOOD NEWS”. Sâu xa là các mục tử làm giảm bớt “cái khổ” trong thân phận người.

### Những vấn đề cần lưu tâm

Những trải nghiệm thực tiễn được trình bày trong bài viết này chứng tỏ rằng vai trò của CNTT-TT trong thời đại dịch vô cùng quan trọng. Từ

những kinh nghiệm trong công tác mục vụ nói chung, và việc sử dụng CNTT-TT trong công tác mục vụ thời đại dịch nói riêng, chúng ta có thể nêu lên một số điểm nổi bật như sau:

1. *Thừa tác viên mục vụ ở mọi cấp bậc đều là những “lao động thiết yếu” (essential workers) của Giáo hội.* Trong thời gian đại dịch diễn ra, chính quyền ở các quốc gia đã đưa ra các biện pháp như hạn chế người dân đi lại, đóng cửa một số cơ sở kinh doanh. Chỉ những nơi được cho là “thiết yếu” mới được tiếp tục hoạt động. Đối với những ngành nghề khác được cho là không thiết yếu, như thợ làm đẹp, nhân viên mát-xa, nhân viên phục vụ quán bar... đều buộc phải nghỉ việc vì công việc của họ không được đánh giá là thiết yếu.

Khác với nhận định của xã hội, Giáo hội dùng những phương cách phân loại riêng của mình. Đại dịch Covid-19 là một biến cố làm nảy sinh các thách đố mục vụ vốn cần đến sự cộng tác và hỗ trợ của mọi thừa tác viên bao gồm hàng giáo sĩ, tu sĩ nam nữ và giáo dân. Tất cả mọi người đều thực hiện vai trò của mình để góp phần tiếp tục sứ mạng của Giáo hội và đáp ứng những nhu cầu mục vụ mới do thảm họa toàn cầu gây nên. Những kinh nghiệm được kể trên chứng minh và tái khẳng định Giáo huấn của Giáo hội rằng, trong mọi hoàn cảnh, tất cả các thành phần của Giáo hội đều phải tiếp tục đảm nhận vai trò của mình trong Giáo hội, để duy trì đời sống Hội Thánh cũng như xây dựng tinh thần hiệp nhất trong Nhiệm Thể Chúa Kitô. Thế nên, tất cả đều là “lao động thiết yếu” tùy theo khả năng riêng và trọng trách khác nhau mà họ được giao phó trong Giáo hội. Và cuối cùng, mỗi người cần nhận ra vai trò của mình trong đời sống Giáo hội, nhất là trong khi phải đối mặt với những hoàn cảnh vô cùng khó khăn.

Các linh mục phải làm quen với việc giảng thuyết trước ống kính và những bàn quý trống không, để đưa tình yêu và lòng thương xót của Thiên Chúa đến các tín hữu đang bị tổn mất vì đại dịch. Giáo lý viên phải giảng dạy trực tuyến để việc giáo dục đức tin cho giới trẻ không bị gián đoạn. Giáo dân trở thành các tình nguyện viên cho các đường dây nóng và trang mạng, nhằm cung cấp các thông tin cần thiết cho những người cần được



giúp đỡ. Thực ra, việc thực hiện vai trò thừa tác viên của các công việc mục vụ quan trọng trong Giáo hội chưa bao giờ dừng lại. Họ chỉ là tiếp tục trách nhiệm trước đây theo các hình thức khác nhau, hầu như cầu lợi ích cho Nhiệm Thể Chúa Kitô và phần rỗi các linh hồn vốn đang bị đè bẹp dưới sức nặng khổng lồ của đại dịch toàn cầu. John Uhal đã phản ánh về những nỗ lực của cá nhân và cộng đoàn trong bài viết của anh: “Tôi ghi nhận những đóng góp tận tâm và sáng tạo của tất cả mọi người, bao gồm các mục tử và giáo dân. Họ đã sẵn sàng hành động và đối mặt với những sự thay đổi này.”

Anh Võ Công Dũng, một giáo dân tại Việt Nam khẳng định: “Tôi tin rằng, tôi được mời gọi trở thành khí cụ của lòng Chúa thương xót qua những hành động nhỏ mà tôi có thể làm để xoa dịu những nỗi đau và sự thống khổ của tha nhân.” Quả thật, điều đáng lưu ý trong những bài chia sẻ đó là không ai đưa ra những lý giải thần học đơn giản và rõ ràng về những nguyên nhân gây ra đại dịch. Họ không cho rằng đại dịch xảy ra là do ý Chúa muốn, hay đó là sự trừng phạt của Chúa đối với nhân loại. Hơn nữa, họ cũng không khuyên nhủ rằng mọi người nên cầu nguyện nhiều hơn, hay nên cầu nguyện đúng cách hơn sẽ làm cho Thiên Chúa kết thúc đại dịch. Thay vào đó, họ chỉ đơn giản tiếp tục con đường mục vụ mà họ đảm trách. Và khi thực trạng đại dịch khiến công việc mục vụ trực tiếp không thể tiếp diễn như trước đây, thì họ nỗ lực hoạt động qua trung gian CNTT-TT.

**2. Không gian ảo trở thành thực.** Chúng ta không thể phủ nhận một thực tế rằng, ở tất cả mọi nơi trên thế giới, các vị chủ chăn của Giáo hội và những người làm công tác mục vụ đã sử dụng không gian kỹ thuật số để kết nối với đàn chiên, dạy giáo lý, hỗ trợ tư vấn và ban phúc lành, v.v. Mặc dù các nhà thờ phải đóng cửa do các biện pháp cấm tụ họp đông người nghiêm ngặt, nhưng các mối tương quan vẫn được duy trì, đời sống thiêng liêng tiếp tục được nuôi dưỡng, và sự hiệp thông trong Giáo hội không bị mất đi. Nhờ không gian kỹ thuật số được tạo ra bởi mạng xã hội, công nghệ thông tin và các hình thức truyền thông khác, mà mọi người có

thể cầu nguyện với nhau, chia sẻ kinh nghiệm sống và an ủi lẫn nhau.

Trên thực tế, cái bị cho là không gian “ảo” đã trở thành “thực”, bởi vì không gian đó đã tạo điều kiện cho con người nối kết và giao tiếp với nhau. Nó còn tác động cách cụ thể tới cảm xúc, tinh thần và đời sống xã hội của mỗi con người. Quả thật, không gian ảo trở thành thực bởi vì chúng đã trở thành một phần không thể thiếu của xã hội đương đại. Chúng cũng đã trở thành yếu tố vô cùng quan trọng trong đại dịch Covid-19 được thể hiện qua những kinh nghiệm của các vị chủ chăn và những người làm mục vụ trên thế giới nói chung, và trong bài viết này nói riêng. Việc phủ nhận hay không tán thành tính xác thực và tính “thực tế” của không gian mạng đồng nghĩa với việc phủ nhận giá trị và tính đích thực của những điều mà những người làm mục vụ đã nỗ lực thực hiện trong thời gian dịch bệnh diễn ra.

**3. Sự sáng tạo nảy sinh từ khó khăn.** Câu ngạn ngữ quen thuộc của người Việt Nam “Cái khó ló cái khôn” một lần nữa được tỏ sáng trong thời đại dịch. Do hậu quả của việc phong tỏa, các biện pháp giãn cách xã hội và vô số hạn chế khác đối với sinh hoạt thường ngày, những người làm công tác mục vụ phải sử dụng nhiều cách khác nhau để thực hiện công việc của họ. Nhưng họ không chỉ cậy dựa vào khả năng của bản thân. Cha James McTavish (Vương quốc Anh) cho rằng, các vị mục tử và thừa tác viên mục vụ đã cộng tác với Chúa Thánh Thần để có được những ý tưởng mục vụ sáng tạo trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn như đại dịch Covid-19.

Một số đã đưa ra các chương trình tiếp cận cộng đồng mới lạ nhằm đáp ứng các nhu cầu mục vụ cụ thể phát sinh từ đại dịch. Nhiều người phải học hỏi những kỹ năng mới và tìm nhiều cách để xoay sở trong các cảnh huống khác nhau. Theo lời chia sẻ của Cha Đinh Anh Minh, SVD, các lớp giáo lý trực tuyến trong thời đại dịch đã được các bậc cha mẹ hỗ trợ nhằm giúp con cái họ học hành hiệu quả hơn. Đối với Cha GB. Trịnh Đình Tuấn, SVD đang phục vụ tại Chilê, ngài phải “mạo hiểm” cử hành Thánh lễ trực tuyến bằng tiếng Tây Ban Nha, mặc dù ngài vẫn chưa thành

thạo tiếng bản địa. Các sinh hoạt trực tuyến mới như thi đố vui Kinh Thánh, các chương trình dịch thuật Kinh Thánh, đố vui giáo lý, văn nghệ thánh ca online v.v... được tạo nên để tiếp cận những người bị cô lập tại nhà trong thời gian đại dịch đang hoành hành.

Các thừa tác viên mục vụ trong các bài viết này đều trực tiếp hoặc gián tiếp khẳng định quan điểm của Linh mục Shiju Paul rằng: “Đừng cố chấp chống lại những lời kêu gọi thức tỉnh và lời mời gọi thổ lộ tâm hồn sáng tạo mới vào làn gió của thời đại dịch.” Các thừa tác viên mục vụ trong Giáo hội cần phải thoát khỏi nỗi trạng bảo thủ và các cách thức tiến hành lỗi thời trong công tác mục vụ, hầu đem Chúa đến cho mọi người một cách hiệu quả hơn. Đại dịch là một cuộc khủng hoảng, nhưng nó cũng tạo ra cơ hội cho việc khám phá ra những đường hướng mục vụ mới. Nó khơi nguồn sự sáng tạo và lòng can đảm trong việc thử nghiệm các miền đất mới, các mô hình mục vụ mới, và sử dụng các phương tiện truyền thông mới. Với mức độ thành công khác nhau, các thừa tác viên mục vụ nói trên đã mạo hiểm tiếp cận lĩnh vực và các phương thức mục vụ mới. Vấn đề là không phải họ có thành công hay không, nhưng điều quan trọng, đó là họ đã sẵn sàng thử nghiệm.

**4. Thiên Chúa luôn ở cùng chúng ta.** Qua các sinh hoạt của Giáo hội hay qua những lời cầu nguyện và suy niệm cá nhân, đại dịch này đã chứng tỏ cho nhân loại thấy rằng Thiên Chúa không ngừng hiện diện với con người mà Ngài đã dựng nên. Ngài ẩn mình trong linh mục, người cử hành Thánh lễ trực tuyến cho các giáo dân tham dự an toàn từ nhà. Ngài nói qua các tình nguyện viên đang điều khiển các đường dây nóng để tư vấn mọi người trong những lúc trầm cảm, hoang mang, hoặc trong những người đang quản lý các trang mạng để cung cấp những thông tin đại dịch cần thiết cho các lao động di dân. Ngài ở giữa mọi người trong các buổi thiền trên ứng dụng Zoom để giúp họ tìm thấy Ngài giữa lúc nguy nan. Ngài cũng còn hiện diện qua nhiều cách khác nhau khi các mục tử và người làm công tác mục vụ nỗ lực nối kết với cộng đồng dân Chúa để duy trì tinh thần hiệp thông. Tất cả những điều trên chứng tỏ rằng Thiên Chúa không

hề bỏ rơi con người bơ vơ giữa thế giới trong lúc họ đang phải chèo chống với cơn cuồng phong mang tên Covid-19.

Như Joseph Quane khẳng định trong bài viết của anh:

Trong những khoảnh khắc tôi nhìn thấy những người bạn thiếu năng trí tuệ và chậm phát triển gặp gỡ nhau và có những phản ứng tích cực trên Zoom, tôi cảm nhận rằng Thiên Chúa quả thực đang ở cùng chúng ta. Khi tôi thấy những nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt và cảm nhận được sự phấn khích qua giọng nói của họ, tôi biết rằng tình bạn của chúng tôi vẫn còn bền vững, và nhờ chính tình bạn bền vững đó mà chúng tôi cũng có thể lớn mạnh lên trong mối tương quan với Thiên Chúa.

Ngoài ra, bởi vì chính Con Thiên Chúa đã sẵn sàng chịu đau khổ cho nhân loại, nên Ngài hiện diện trong những đau khổ của nhân loại và đồng hành với những đau khổ của tạo vật. Quả thực, Thiên Chúa chịu đau khổ với tất cả mọi loài thụ tạo, ngay cả với vi-rút corona mà nhân loại đang nỗ lực loại bỏ nó. Thiên Chúa đồng hành với mọi nỗi thống khổ của thụ tạo bằng cách hiện diện trong yêu thương khi con người cũng như các loài thụ tạo đang phải đối mặt với khổ đau. Tương tự như ý niệm trên, Hội nghị Giáo hội châu Phi khẳng định rằng:

Thần học phải nhìn nhận thực tế một cách nghiêm túc rằng ngay cả khi Covid-19 đang hoành hành, ngay cả khi nhiều người chết, và một số được chữa lành, thì sự hiện diện của Đấng Emmanuel là Thiên Chúa chắc chắn ở cùng chúng ta. Chúng ta cầu xin Thiên Chúa tuôn đổ hồng ân giúp chúng ta có thể “uống chén đắng này” mà không đánh mất đức tin. Ngay cả trong cái chết, chúng ta được Ngài hứa ban cho sự phục sinh, bởi vì “khi cái thân phải hư nát này mặc lấy sự bất diệt, khi cái thân phải chết này mặc lấy sự bất tử, thì bây giờ sẽ ứng nghiệm lời Kinh Thánh sau đây: Từ thần đã bị chôn vùi. Đây giờ chiến thắng!” (1 Cr 15,54).<sup>7</sup>

---

<sup>7</sup> Global Ministries, “Ten Theological Theses on COVID-19 in Africa - All Africa Conference of Churches,” [https://www.globalministries.org/ten\\_theological\\_theses\\_on\\_covid\\_19\\_in\\_africa/](https://www.globalministries.org/ten_theological_theses_on_covid_19_in_africa/).

5. *Cần xem xét sâu sắc hơn về các tác động thần học của các mô hình mục vụ được thực hiện trong thời đại dịch, để xây dựng đường hướng mục vụ của Giáo hội sau thời đại dịch.* Mặc dù dịch bệnh hiện vẫn đang tiếp tục hoành hành ở nhiều nước với các làn sóng lây nhiễm mới, công tác mục vụ của Giáo hội vẫn tiếp tục được thực hiện. Tuy nhiên, việc những người làm công tác mục vụ phải sử dụng CNTT-TT như một phương tiện thiết yếu trong công tác mục vụ thời đại dịch cũng đặt ra những câu hỏi về tác động tâm linh và thần học của phương thức mục vụ này khi họ phải dựa quá nhiều vào CNTT-TT. Như các chuyên gia công nghệ nhận định, thói quen trực tuyến của mọi người đã được định hình trong thời gian đại dịch không thể dễ dàng bị mất đi, ngay cả sau khi đại dịch đã bị dập tắt. Một số người cho rằng thế giới sẽ không bao giờ trở lại giống thời trước đại dịch. Chúng ta sẽ chứng kiến những thay đổi mới trong tương lai, mặc dù bây giờ, chúng ta có thể chưa hình dung được nó sẽ trở nên như thế nào. Trước tình trạng CNTT-TT ngày càng xâm nhập vào đời sống con người và đóng vai trò quan trọng trong các công tác mục vụ của Giáo hội, một số câu hỏi sau đây được đặt ra để nghiên cứu và bàn thảo nhằm hiểu thấu đáo hơn về bối cảnh mới này:

- Đây là bản chất và giá trị của “sự hiện diện” của các vị chủ chăn trong Giáo hội trên không gian mạng, trong các buổi cử hành Phụng vụ hay các sinh hoạt khác như lớp học về Kinh Thánh hoặc buổi giảng thuyết về đời sống tâm linh?
- Hơn bao giờ hết, khi sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ kỹ thuật số giúp nhân loại xích lại gần nhau hơn, thì các nhà lãnh đạo Giáo hội nên phản ứng thế nào trước việc ngày càng có thêm nhiều người yêu cầu các vị tiến hành một số công việc mục vụ qua hình thức trực tuyến? Ví dụ, một số người ngỏ lời yêu cầu được xưng tội qua những ứng dụng công nghệ như video chat, đặc biệt là những người sinh sống tại những nơi mà họ không thể tiếp cận được các linh mục.
- Làm thế nào để có thể triển khai thực hiện đường hướng

mục vụ qua trung gian CNTT-TT mà vẫn trung thành với cốt lõi thần học Nhập Thể vốn là nền tảng của thần học mục vụ Kitô giáo?

- Với bản chất dường như vô hạn của công nghệ kỹ thuật số và nhiều cơ hội mục vụ trực tuyến và ngoại tuyến, làm thế nào để các thừa tác viên mục vụ có thể phân biệt được đâu là ranh giới giữa các hoạt động thích hợp vốn nằm trong phạm vi của công tác mục vụ, và đâu là điều vượt ra ngoài giới hạn mục vụ?
- Đây là tiêu chuẩn để đánh giá giữa sự sáng tạo trong công tác mục vụ và những sáng kiến không phù hợp cho công tác mục vụ trong kỷ nguyên kỹ thuật số?
- Làm thế nào để có thể sử dụng CNTT-TT như một công cụ đắc lực trong việc xây dựng một Giáo hội mang tính đồng nghị<sup>8</sup> (*synodal Church*), trong đó mọi thành phần dân Chúa lắng nghe, học hỏi và cộng tác với nhau trong sứ vụ loan báo Tin Mừng?
- Làm thế nào để CNTT-TT trở thành một công cụ hữu ích giúp các vị lãnh đạo Giáo hội và các mục tử lắng nghe các suy nghĩ, tâm tư nguyện vọng của các thành phần trong Giáo hội, đặc biệt giới trẻ, để nhận ra cảm thức đức tin (*sensus fidelium*) của dân Chúa trong kỷ nguyên kỹ thuật số?

\*\*\*

Khi đọc qua những dòng chia sẻ của những người làm mục vụ ở nhiều nơi trên thế giới, chúng ta thấy rằng, quả thực, trong thời gian đại dịch, nhiều người đã nỗ lực hết mình để duy trì đời sống Giáo hội trong mọi

---

<sup>8</sup> Hội đồng Giám Mục Việt Nam sử dụng từ “hiệp hành”, dịch từ từ tiếng Ý “*sinodale*”, chỉ một Giáo hội “đi cùng nhau”. X. *Vatican News* (26/10/2019), <https://www.vaticannews.va/vi/vatican-city/news/2020-03/cong-bo-chu-de-thuong-hdgm-lan-xvi-2022.html>; x. Trần Huỳnh Tâm Anh, “‘Synodality’- một thuật ngữ, một hành trình,” *Youth Magazine*, <https://ymagazine.net/vn/bai-viet/synodality-mot-thuat-ngu-mot-hanh-trinh>. Tuy nhiên, từ “*synodal*” còn có những cách dịch khác, ví dụ “tính liên hiệp” (Tông huấn *Christus Vivit*, số 206, bản dịch của LM Lê Công Đức, PSS).

lĩnh vực. CNTT-TT đóng vai trò quan trọng đối với những nỗ lực này. Tuy nhiên, nếu chúng ta hướng tới Giáo hội sau thời đại dịch, thì điều quan trọng là phải xem xét cách CNTT-TT đã được áp dụng như thế nào trong công tác mục vụ, đặt ra những câu hỏi liên quan về cách thức CNTT-TT nên được sử dụng, bàn thảo và đề xuất những đường hướng thích hợp đối với việc kết hợp sử dụng CNTT-TT trong công tác mục vụ của Giáo hội ở tất cả lĩnh vực và cấp bậc trong tương lai.

CNTT-TT là một phát minh có giá trị của nhân loại, là một công cụ và là một món quà của Thiên Chúa ban tặng cho con người, nhưng nó cần phải được sử dụng đúng cách để phục vụ cho sứ mệnh yêu thương và hiệp nhất của Giáo hội. Sau khi nhân loại đã trải qua một thời gian đại dịch, Giáo hội đã tiến hành nhiều thử nghiệm trong việc sử dụng CNTT-TT trong công tác mục vụ. Thế nên, điều cần phải làm tiếp theo đó là đầu tư thời gian, công sức và chất xám dưới ánh sáng Tin Mừng và sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần để suy tư, phân định và đánh giá về những phương thức mục vụ trong thời đại dịch. Bên cạnh đó, chúng ta cần hướng đến việc tìm ra phương án áp dụng CNTT-TT vào chương trình mục vụ của Hội Thánh một cách đúng đắn và hợp lý cho thời kỳ hậu đại dịch.

## Chương 10

# MẠNG XÃ HỘI VỚI MỤC VỤ DI DÂN

Vào tháng 4 năm 2020, trong thời gian cao điểm của làn sóng đầu tiên của đại dịch Covid-19 ở Thái Lan, chính phủ đã ra lệnh phong tỏa trên toàn quốc với giờ giới nghiêm được ban hành bắt đầu từ 7 giờ mỗi tối. Một ngày nọ, tôi nhận được tin nhắn qua ứng dụng Facebook Messenger từ một di dân lao động trẻ Việt Nam sống ở vùng đông bắc Thái Lan. Tài khoản Facebook của người nhắn tin tên H. quen thuộc đối với tôi, vì trước đây khi tôi quản nhiệm một giáo xứ ở tỉnh Nong Bua Lamphu thì H. đã từng tham gia trong nhóm sinh hoạt dành cho người Việt trong giáo xứ. Trong tin nhắn, H. nói với tôi rằng vợ anh vừa sinh con được vài ngày. Họ buộc phải sinh con ở Thái Lan vì không kịp hồi hương về huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An trước khi lệnh phong tỏa được ban hành. Nhưng không may, đứa trẻ không chỉ sinh non mà còn có vấn đề về hô hấp, nên phải được chuyển đến phòng chăm sóc đặc biệt của bệnh viện trung tâm ở tỉnh Udon Thani.

Như hầu hết những người Việt Nam đang lao động tại Thái Lan, H. và vợ của anh nhập cảnh theo diện du lịch và tiếp tục cư trú như là những người du lịch nước ngoài suốt thời gian mưu sinh tại đất nước này. Vì được xem là khách du lịch nước ngoài nên khi nhập viện, bệnh viện áp dụng mức phí khác với mức phí dành cho người bản xứ, theo luật là gấp đôi phí bình thường. Vì thế, mặc dù được điều trị tại bệnh viện nhà nước, nhưng chi riêng tiền viện phí trong hai ngày đầu tiên đã gần bằng số tiền H. có thể kiếm được trong một năm lao động vất vả ở Thái Lan. H. chia sẻ với tôi rằng, trong hoàn cảnh hiện tại, anh không có cách nào có thể thanh



toán được các chi phí nên rất cần được giúp đỡ. Vì H. biết tôi đã từng đăng tin về những trường hợp người Việt tại Thái Lan qua đời, bị tai nạn, bệnh tật cần sự giúp đỡ trên trang Facebook của tôi, nên H. hỏi tôi, liệu tôi có thể kêu gọi sự giúp đỡ từ cộng đồng được không.

Sau khi tìm hiểu chi tiết hoàn cảnh khó khăn của hai vợ chồng H., tôi quyết định thực hiện một bài đăng để nhờ sự giúp đỡ từ những người Việt Nam đang sinh sống và làm việc tại Thái Lan. Nhưng vì biết rằng giữa lúc đại dịch, nhiều người cũng đang gặp khó khăn nên tiền quyên góp từ cộng đồng sẽ không được nhiều như trước thời dịch bệnh, nên cần phải có thêm những biện pháp khác. Tôi đã liên hệ với chị Ness nhân viên của Tòa giám mục Giáo phận Udon Thani, và chị Fon là người quản lý Trung tâm chăm sóc bệnh nhân HIV/AIDS của Dòng Ngôi Lời tại tỉnh Nong Bua Lamphu, nhờ họ tiếp cận Ban giám đốc bệnh viện, xin giảm giá cho cặp vợ chồng bất hạnh này. Sau một tuần làm việc thì cuối cùng cha mẹ của đứa trẻ sơ sinh đã có thể chi trả viện phí, một phần nhờ vào số tiền quyên góp từ những người xem bài đăng của tôi trên mạng xã hội, và một phần đáng kể nhờ vào sự cảm thông của ban lãnh đạo bệnh viện đã giảm phí điều trị cho bệnh nhân. Đến nay đứa trẻ sơ sinh mà bác sĩ từng cho là khả năng sống sót chỉ 50-50 đã khỏe mạnh. Thỉnh thoảng, tôi thấy H. đăng hình ảnh và video clip của con mình trên Facebook để chia sẻ niềm vui khi thấy con ngày càng lớn khôn.

Câu chuyện về gia đình anh H. minh họa một trong những cách mà người di dân lao động Việt Nam tại Thái Lan (DDLĐVN) – phần lớn trong độ tuổi từ 16 đến 30 – sử dụng mạng xã hội để đối phó và giảm thiểu những khó khăn cũng như giảm bớt cảm giác bị bỏ rơi trong cuộc sống bấp bênh trên xứ người. Bên cạnh đó, câu chuyện cũng cho thấy cách mà những người đồng hành với cộng đồng di dân, đặc biệt những người làm mục vụ di dân, có thể sử dụng mạng xã hội như một công cụ để hỗ trợ cho công việc, đặc biệt là trong những thời điểm khủng hoảng trong đời sống của người di dân.

Câu chuyện được đưa ra ở trên cũng minh họa cách gửi và nhận thông tin qua mạng xã hội, đặc biệt là Facebook và ứng dụng Messenger của nó

đã trở thành một phần thiết yếu trong cuộc sống của DDLĐVN ở Thái Lan. Nghiên cứu chi tiết về các ứng dụng mạng xã hội này cho thấy, mạng xã hội không chỉ là một công cụ giải trí, giao tiếp, chia sẻ về cuộc sống, mà còn là một phương tiện hỗ trợ quan trọng cho đời sống của người di dân, có khi còn ảnh hưởng đến sự sinh tồn của họ nơi xứ người. Vì thế, mạng xã hội không thể thiếu được trong hoạt động của người làm mục vụ di dân nhằm lắng nghe, thấu hiểu, tiếp cận, và tạo nên những hoạt động cần thiết đáp ứng những nhu cầu mục vụ của mỗi cộng đồng di dân.

Trong bài viết này, tôi chỉ trình bày về hoàn cảnh của người DDLĐVN ở Thái Lan, xuất phát từ kinh nghiệm cá nhân đồng hành với cộng đồng này gần 15 năm qua. Tuy nhiên, tôi tin rằng những gì được thuật lại và bàn tới trong bài viết này sẽ nhận được nhiều sự đồng cảm từ các cộng đồng DDLĐVN tại các quốc gia khác, đặc biệt là tại các quốc gia Á châu, nơi có hàng trăm nghìn DDLĐVN đang sinh sống.

### **Các yếu tố khiến người Việt Nam đến sống tại Thái Lan**

Hiện tượng toàn cầu hóa đã gây ra mức độ di cư chưa từng có trên khắp thế giới và sẽ tiếp tục diễn ra theo những cách thức phức tạp trong thời gian tới, đặc biệt hiện tượng biến đổi khí hậu toàn cầu sẽ có những tác động to lớn vào đời sống của người dân ở các quốc gia đang phát triển. Các chuyên gia cho hay, các quốc gia thiếu chính sách để ứng phó hiệu quả với hiện tượng biến đổi khí hậu sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề nhất, khiến cho nhiều người dân phải di cư đến các vùng khác để sinh sống.

Người Việt Nam không nằm ngoài xu hướng này, đặc biệt với dân số hiện đạt tới gần 100 triệu người, Việt Nam trở thành quốc gia đông dân thứ 15 trên thế giới. Đồng thời, mỗi năm thêm gần một triệu người Việt Nam đến tuổi lao động khiến nhu cầu tạo việc làm đã trở thành vấn đề cấp thiết đối với chính phủ.<sup>1</sup>

---

<sup>1</sup> “Thực trạng lực lượng lao động Việt Nam và một số vấn đề đặt ra,” *Tạp Chí Tài Chính* (9/2/2019), <http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/thuc-trang-luc-luong-lao-dong-viet-nam-va-mot-so-van-de-dat-ra-302133.html>

Trong hai thập kỷ qua, chính sách khuyến khích lao động xuất khẩu của chính phủ Việt Nam đã dẫn đến một số lượng lớn người Việt Nam rời khỏi đất nước mỗi năm để tìm việc làm ở các nước khác. Một báo cáo của Bộ Ngoại giao Việt Nam cho biết, năm 2011, có trên 500.000 công dân Việt Nam đang làm việc tại hơn 40 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.<sup>2</sup> Đến năm 2013, con số đó đã lên tới khoảng 600.000.<sup>3</sup> Riêng năm 2017, có 134.751 người Việt đi lao động ở nước ngoài.<sup>4</sup> Năm 2018, gần 143.000 người đã đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, chủ yếu đến các nước Nhật Bản, Đài Loan và Hàn Quốc.<sup>5</sup> Năm 2019, con số này là 134.482, trong đó Nhật Bản tiếp nhận hơn 80.000 lao động trong khi Đài Loan là điểm đến của 54.480 người.<sup>6</sup> Theo thống kê của Chính phủ Việt Nam, hiện có gần 230.000 người Việt Nam đang làm việc tại Đài Loan và gần 50.000 người làm việc tại Hàn Quốc.<sup>7</sup> Lao động Việt Nam là nhóm tăng trưởng nhanh nhất tại Nhật Bản, phần lớn họ nhập cảnh vào nước này theo chương trình thực tập sinh kỹ thuật do chính phủ Nhật Bản thiết lập nhằm cung cấp cho đất nước họ nguồn lao động ‘cổ xanh’.<sup>8</sup> Tính đến năm 2020 có 412.000 người Việt Nam đang sinh sống tại Nhật Bản, đại đa số là công nhân. Người Việt Nam là nhóm người nước ngoài lớn thứ ba ở

---

<sup>2</sup> Bộ Ngoại Giao Việt Nam, *Báo cáo tổng quan về tình hình di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài* (Hà Nội: Cty ADN, 2011), 917.

<sup>3</sup> Việt Nhân Lực, “Xuất khẩu lao động Việt Nam ra nước ngoài,” <http://vietnhanluc.com/xuat-khau-lao-dong-viet-nam-ra-nuoc-ngoai>.

<sup>4</sup> “Nâng cao chất lượng lao động xuất khẩu,” *Bộ Lao Động – Thương Binh – Xã Hội* (1/1/2019), <http://www.molisa.gov.vn/Pages/tintuc/chitiet.aspx?tintucID=219367>

<sup>5</sup> VOV News, “Năm 2018: Lao động Việt Nam đi xuất khẩu nhiều nhất ở nước nào?” (4/1/2019), <https://vov.vn/tin-24h/nam-2018-lao-dong-viet-nam-di-xuat-khau-nhieu-nhat-o-nuoc-nao-859599.vov>.

<sup>6</sup> “Japan, Taiwan dominate Vietnamese labor imports in 2019,” *Thời Đại* (3/1/2020), <https://vietnamtimes.org.vn/japan-taiwan-dominate-vietnamese-labor-imports-in-2019-17486.html>

<sup>7</sup> “South Korea and Taiwan have decided to renew visas for foreign workers including Vietnamese to fill a labor shortage amid the coronavirus outbreak,” *Mekong Immigration Network* (7/5/2020), <http://www.mekongmigration.org/?p=8500>

<sup>8</sup> “Japan considering re-opening door to some foreigners: media,” *Reuters* (1/6/2020), <https://www.reuters.com/article/us-health-coronavirus-japan-travel/japan-considering-re-opening-door-to-some-foreigners-media-idUSKBN238145>

Nhật Bản sau Trung Quốc và Hàn Quốc.<sup>9</sup> Trong năm 2020 vì tình trạng dịch bệnh nên xuất khẩu lao động dường như bị khựng lại. Tuy nhiên, sang năm 2021 thì số người xuất cảnh ra nước ngoài đã tăng đáng kể, có 29.541 người xuất cảnh chỉ trong ba tháng đầu của năm, hầu hết đi Nhật Bản và Đài Loan.<sup>10</sup>

Việc đưa người Việt Nam đi làm việc tại các quốc gia khác đã có tác động tích cực đến nền kinh tế của đất nước. Trong các năm 2017, 2018 và 2019, người lao động ở nước ngoài đã gửi về nước tổng cộng lần lượt là 13,8 tỷ USD, 15,9 tỷ USD và 16,7 tỷ USD,<sup>11</sup> đóng góp khá lớn vào GDP (tức là tổng sản phẩm quốc nội) hàng năm của đất nước (269,92 tỷ USD vào năm 2019).<sup>12</sup> Tuy nhiên, số liệu thống kê chính thức không thể hiện toàn bộ bức tranh vì có rất nhiều người ra nước ngoài làm việc với visa du lịch hoặc sinh viên. Điều này thường thấy trong trường hợp người Việt Nam đi Úc, Mỹ, Singapore, Hàn Quốc, và hầu như luôn thuộc về trường hợp này khi người Việt đến làm việc ở Thái Lan.

Bên cạnh việc đi ra nước ngoài mưu sinh dưới hình thức du lịch hoặc du học, có những cách thức khác nguy hiểm hơn mà người Việt Nam sử dụng để xuất ngoại. Theo Hội đồng Kinh tế và Xã hội của Liên hợp quốc, khoảng 18.000 người Việt Nam bị buôn lậu vào châu Âu mỗi năm qua các đường dây buôn người.<sup>13</sup> Vụ việc 39 thanh niên Việt Nam tử vong trong

---

<sup>9</sup> “Vietnamese community in Japan reached almost 412,00,” *Thời Đại* (29/3/2020), <https://vietnamtimes.org.vn/vietnamese-community-in-japan-reached-almost-412000-18873.html#:~:text=The%20number%20of%20Vietnamese%20in,and%20the%20Republic%20of%20Korea>.

<sup>10</sup> Phan Hoạt, “Xuất khẩu lao động tiếp tục vượt khó,” *Công An Nhân Dân* (13/05/2021), <https://cand.com.vn/doanh-nghiep/Xuat-khau-lao-dong-tiep-tuc-vuot-kho-i605338/>

<sup>11</sup> Giang Lê, 16,7 tỉ USD kiều hối về Việt Nam năm 2019, cao gấp 10 lần thu nhập của các hộ gia đình,” *Forbes Vietnam* (17/12/2019), <https://forbesvietnam.com.vn/tin-cap-nhat/167-ti-usd-kieu-hoi-ve-viet-nam-nam-2019-cao-gap-10-lan-thu-nhap-cua-cac-ho-gia-dinh-8552.html>

<sup>12</sup> “Vietnam GDP,” Trading Economics, <https://tradingeconomics.com/vietnam/gdp>

<sup>13</sup> “People smuggling from Vietnam to Europe: The facts,” *Infomigrants* (28/10/2019), <https://www.infomigrants.net/en/post/20423/people-smuggling-from-vietnam-to-europe-the-facts#:~:text=Human%20trafficking%20networks%20are%20smuggling,Nations%20Economic%20and%20Social%20Council>.

chiếc xe tải đông lạnh ở Anh khi bị đưa lậu vào nước này năm 2019 đã cho thấy hoàn cảnh của hàng nghìn người Việt Nam sẵn sàng chấp nhận những phương tiện thực sự nguy hiểm để ra nước ngoài kiếm sống.<sup>14</sup> Trong số đó, có không ít người ở tuổi vị thành niên. Mặc dù các quốc gia như Hoa Kỳ, Anh, Nhật Bản và Hàn Quốc là những nước mà nhiều người Việt rất mong muốn di cư đến để hy vọng có được một tương lai tốt hơn cho bản thân và gia đình về kinh tế, nhưng đó là những nơi mà người Việt lao động bình thường khó mà đến được. Do đó, nhiều người phải chấp nhận tìm đến các nước dễ tiếp nhận hơn như Đài Loan, Malaysia, Lào và Thái Lan.

Phần lớn các DDLĐVN ở Thái Lan không có giấy tờ làm việc. Trước thời đại dịch Covid-19, mỗi ngày có rất nhiều xe đò chở người Việt Nam từ các tỉnh sang Lào hoặc Campuchia, sau đó đi đến các tỉnh và thành phố khác nhau ở Thái Lan. Tuy không có con số chính thức về số lượng DDLĐVN ở Thái Lan, nhưng người ta tin rằng trong những thời điểm bình thường, tổng số lên đến hàng chục nghìn.<sup>15</sup> Trên thực tế, con số thực liên tục thay đổi, tùy theo các yếu tố khác nhau, chẳng hạn như tình trạng của nền kinh tế Thái Lan, chính sách của chính phủ Thái Lan với người di dân, hoặc các thời điểm trong năm; ví dụ, rất nhiều người lao động Việt Nam về nước vào dịp Tết Nguyên đán để sum họp với gia đình. Số lượng người Việt sống ở Thái Lan cũng phụ thuộc vào việc chính phủ Thái có ban hành chiến dịch để truy quét lao động nước ngoài bất hợp pháp hay không.

Tại sao người Việt chọn đến lao động ở Thái Lan cũng có rất nhiều lý do. Xét về mặt quốc gia xuất phát, thì theo báo cáo của Bộ Ngoại giao Việt Nam, khuyến khích công dân Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài là

<sup>14</sup> “39 Vietnamese Died in a U.K. Truck. 18,000 More Endure This Perilous Trip,” *The New York Times* (1/11/2019), <https://www.nytimes.com/2019/11/01/world/europe/vietnamese-migrants-europe.html>

<sup>15</sup> “Vietnamese workers in Thailand: lesser known but valuable labour source,” *Bangkok Post* (21/07/2016), <https://www.bangkokpost.com/business/1040741/vietnamese-workers-in-thailand-lesser-known-but-valuable-labour-source#:~:text=According%20to%20a%20recent%20study,estimated%2050%2C000%20are%20in%20Thailand.>

một chính sách quan trọng và tích cực của chính phủ vì Việt Nam hiện chưa đáp ứng được toàn bộ nhu cầu việc làm trong nước.<sup>16</sup> Đa số DDLĐVN có tay nghề thấp và đến từ nông thôn. Tạo công ăn việc làm cho tất cả những người này là một thách thức khó vượt qua trong hoàn cảnh phát triển của đất nước hiện nay. Mặc dù tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam đã vượt qua Thái Lan trong những năm gần đây, nhưng sự phát triển kinh tế nói chung của Thái Lan vẫn đi trước Việt Nam nhiều năm. GDP bình quân đầu người của Thái Lan năm 2018 gấp ba lần Việt Nam.<sup>17</sup> Trong khi người Việt Nam ra nước ngoài tìm việc làm đến từ mọi vùng miền của đất nước, thì những người đến kiếm sống ở Thái Lan chỉ đến từ một số tỉnh, phần lớn ở nửa phía Bắc Việt Nam, cụ thể là các tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Phú Thọ, Hòa Bình. Trong số này, chủ yếu đến từ hai tỉnh Hà Tĩnh và Nghệ An.

Bên cạnh những yếu tố liên quan đến Việt Nam, ta không thể bỏ qua những lý do chính yếu khiến Thái Lan trở thành điểm đến hấp dẫn đối với nhiều DDLĐVN. Thái Lan là một trong những nền kinh tế mạnh nhất trong khu vực với GDP bình quân đầu người năm 2019 đứng thứ 4 trong khối ASEAN, hơn Việt Nam 3 bậc. Cho dù nền kinh tế của Thái Lan phát triển hơn Việt Nam nhưng Thái Lan đang đối mặt với tình trạng thiếu lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực tay nghề thấp. Do sự gia tăng thu nhập cá nhân cũng như gia tăng trình độ học vấn và kỹ năng chuyên môn của người dân Thái Lan, số lượng lao động có kỹ năng thấp đã giảm xuống. Các chủ lao động ngày càng khó tìm được lao động địa phương cho những công việc đòi hỏi lao động nặng nhọc với mức lương thấp, ít ổn định và điều kiện làm việc có khi không an toàn.<sup>18</sup>

Tình hình càng đáng quan ngại hơn khi dân số Thái Lan ngày càng già đi. Theo Ủy ban Phát triển Kinh tế và Xã hội Quốc gia (NESDC) của Thái Lan, người cao niên (từ 60 tuổi trở lên) vào năm 2020 là 12 triệu người,

---

<sup>16</sup> Bộ Ngoại giao Việt Nam, *Báo cáo*, tr.17.

<sup>17</sup> “Countries comparison, Vietnam vs. Thailand,”

<https://countryeconomy.com/countries/compare/vietnam/thailand>

<sup>18</sup> Watcharee Srikham, “UVMWs in Ubon Ratchathani Municipality,” *Journal of Mekong Societies* 10, No.1 (2014): 140.

chiếm 18% tổng dân số. NESDB dự báo số người cao tuổi sẽ đạt 20,42 triệu người, tương đương 31,28% tổng dân số vào năm 2040. Đồng thời, số người trong độ tuổi lao động (từ 15 đến 59 tuổi) cũng giảm tương tự, từ 43,26 triệu năm 2020 xuống 36,5 triệu năm 2040. Con số này giảm từ 65% xuống chỉ còn 56% tổng dân số.<sup>19</sup> Cùng lúc Thái Lan đối mặt với xu hướng giảm dân số trong độ tuổi lao động, nước này vẫn tiếp tục có nhu cầu về lao động để duy trì hoạt động của nền kinh tế.

Đó là những lý do mang tính khách quan, còn về mặt chủ quan thì lao động Việt Nam tại Thái Lan cũng được người chủ Thái ưa chuộng vì có tính nhanh nhẹn, cần cù, ít xin nghỉ. Đối với các cơ sở kinh doanh như nhà hàng, quán bar, vũ trường... thì các nhân viên phục vụ người Việt được cho là nói được tiếng Thái tốt, có ngoại hình dễ nhìn, làm hài lòng khách hàng.

Ngoài lý do kinh tế của Thái Lan phát triển cao hơn so với Việt Nam, còn có những lý do khác thu hút các DDLĐVN đến nước này. Ví dụ, trong khi quá trình xin việc ở các nước như Úc, Hàn Quốc và Nhật Bản phải thông qua các công ty môi giới vừa tốn kém vừa mất thời gian, chưa kể đối mặt với nguy cơ bị lừa đảo bởi những cá nhân và công ty vô đạo đức, thì việc sang Thái Lan lại đơn giản và ít rủi ro hơn rất nhiều. Mặc dù mức lương ở các quốc gia Úc, Hàn Quốc và Nhật Bản khá cao, nhưng không phải ai cũng có đủ số tiền lên tới hàng chục nghìn USD để có được một công việc tại những nước này. Mặt khác, việc sang Thái Lan không phải thực hiện thông qua trung gian. Khoảng 15-20 năm trước, khi làn sóng DDLĐVN đến Thái Lan mới ở giai đoạn đầu, nhiều người đã trả tiền cho những cá nhân gọi là “người đưa quân” để họ giúp sắp xếp chuyến đi, hướng dẫn tới Thái Lan, thậm chí giúp tìm việc làm. Ngày nay, dịch vụ “người đưa quân” vẫn còn tồn tại, nhưng chỉ để giúp đưa khách vào Thái Lan an toàn và ít gặp rắc rối tại cửa khẩu nhập cảnh. Đây là nơi người Việt Nam thường bị các nhân viên xuất nhập cảnh từ chối, không cho

---

<sup>19</sup> “Working-age population decreasing: NESDC,” *The Nation Thailand* (15/1/2020), <https://www.nationthailand.com/news/30380560>

nhập cảnh khi bị nghi ngờ là không thực sự đến Thái Lan với mục đích du lịch.

Đến Thái Lan cũng là một lựa chọn hấp dẫn một phần vì chuyến đi tương đối dễ dàng. Trong những năm sau này, điều kiện đường xá đã được cải thiện rất nhiều ở cả Việt Nam cũng như Lào và Campuchia, khiến cho chuyến đi trở nên ít tốn thời gian và cực nhọc hơn trước đây. Những năm gần đây, các công ty du lịch tổ chức cho người Thái Lan đi du lịch tới Việt Nam bằng đường bộ rất nhiều, đặc biệt đến các tỉnh miền Trung. Còn từ Việt Nam sang Thái Lan, thì một người rất có thể ăn sáng ở Việt Nam, sau đó ăn trưa ở Lào, và cuối cùng là thưởng thức bữa tối ở Thái Lan.

Chuyến trở về Việt Nam cũng thuận lợi không kém. Vào những dịp đặc biệt như Tết Nguyên đán, các dịp lễ, Châu lượ, khánh thành nhà thờ và các sự kiện gia đình như đám cưới, đám tang, người Việt có thể dễ dàng về quê để tham dự. Khi có chuyện khẩn cấp hoặc các vấn đề gia đình phát sinh mà họ phải có mặt để giải quyết, hầu hết có thể di chuyển bằng xe đò để trở về nhà trong vòng 24 giờ. Trừ thời kỳ đại dịch, việc đi lại bằng đường hàng không giữa Thái Lan và Việt Nam cũng rất thuận lợi trong những năm gần đây với sự phổ biến của các hãng hàng không giá rẻ bay một chiều Bangkok - Hà Nội với giá chỉ từ 50 - 100 USD.

Bên cạnh khoảng cách gần và phương tiện đi lại thuận tiện giữa Việt Nam và Thái Lan, một yếu tố quan trọng khác là chính sách miễn thị thực cho công dân các nước thành viên ASEAN đi du lịch trong khu vực. Người Việt Nam nhập cảnh vào Vương quốc Thái Lan được lưu trú tối đa 30 ngày mà không cần xin thị thực. Sau đó, họ phải rời khỏi Vương quốc này. Tuy nhiên, đối với đa số DDLĐVN, họ giải quyết vấn đề thị thực bằng cách đi xe đò đến biên giới, xuất cảnh (nhập cảnh vào Lào hoặc Campuchia), sau đó quay lại với một con tem mới để ở lại thêm 30 ngày nữa. Quy trình này lặp đi lặp lại đối với phần lớn các DDLĐVN. Riêng với một số ít người lao động không muốn mất thời giờ và cực nhọc đi đóng dấu hộ chiếu hàng tháng, họ chọn chấp nhận rủi ro để thị thực hết hạn, và không chỉ trở thành những người làm việc bất hợp pháp ở Thái Lan mà còn trở nên những người cư trú bất hợp pháp.



Yếu tố tiếp theo thu hút DDLĐVN đến Thái Lan là mức thu nhập tương đối cao mà họ có thể nhận được tại đây. So với các công việc đòi hỏi kỹ năng thấp ở Việt Nam như bán trái cây và kem, làm việc tại nhà hàng và quán rượu, may vá, v.v. thu nhập ở Thái Lan có thể lớn hơn gấp đôi hoặc gấp ba so với những gì có thể kiếm được ở quê hương. Với một công việc ổn định, một người lao động có thể tiết kiệm khoảng 10.000 - 20.000 baht (280 - 560 USD) mỗi tháng để gửi về quê giúp đỡ kinh tế cho gia đình. Đây là một số tiền không hề nhỏ đối với những người xuất thân từ vùng nông thôn, hầu hết chưa học hết cấp III. Điều này càng đáng chú ý hơn khi năm 2018 và 2019, Việt Nam lần lượt có 142.300 và 124.500 người có trình độ đại học thất nghiệp.<sup>20</sup>

Tóm lại, các yếu tố làm phát sinh hiện tượng DDLĐVN đến Thái Lan phản ánh tình hình cả hai đất nước: nơi rời đi và nơi đến. Mặc dù lao động Việt Nam đang kiếm sống bất hợp pháp tại Thái Lan và kế hoạch hợp tác lao động Thái - Việt vẫn đang trong giai đoạn đầu triển khai, nhưng thực tế cho thấy Thái Lan tiếp tục là điểm đến hấp dẫn của các DDLĐVN cả trong hiện tại và tương lai.

Trong thời gian đại dịch, số người Việt Nam hồi hương rất lớn. Tuy nhiên, chúng ta hoàn toàn có cơ sở để khẳng định rằng, khi tình trạng dịch bệnh lắng xuống, các nước Thái Lan, Lào, Campuchia và Việt Nam mở các cửa khẩu đường bộ và đường hàng không trở lại thì làn sóng di dân từ Việt Nam sang Thái Lan sẽ hồi phục trở lại như trước. Trên thực tế, ngay khi đại dịch còn đang diễn ra thì vẫn có nhiều người Việt Nam đã sẵn sàng bỏ ra một số tiền không nhỏ để “đi chui” qua Thái Lan ở những thời điểm mà tình trạng dịch ở Thái Lan có phần ổn định, trong khi ở quê nhà thì không có việc làm.

---

<sup>20</sup> “Hơn 100.000 cử nhân thất nghiệp và sự lãng phí tiền bạc, tuổi trẻ,” *Zing News* (13/10/2019), <https://zingnews.vn/hon-100000-cu-nhan-that-nghiep-va-su-lang-phi-tien-bac-tuoi-tre-post1000476.html>

## Bên lề xã hội tại Thái Lan

Lao động nhập cư cảm thấy bị gạt ra ngoài lề xã hội – đây không phải là một chủ đề mới được nghiên cứu, mà đã được nhiều học giả đề cập đến trong nhiều bối cảnh khác nhau trên toàn thế giới. Mặc dù đã có một số bài nghiên cứu viết về kinh nghiệm của các DDLĐVN ở Thái Lan, nhưng những bài viết này không tập trung vào cảm nhận bị gạt ra ngoài lề xã hội của các DDLĐVN không có giấy tờ và phần lớn là các DDLĐVN trẻ tuổi. Tuy nhiên, để hiểu tường tận hơn về hoàn cảnh của DDLĐVN ở Thái Lan, chúng ta không thể bỏ qua những trải nghiệm thiết thời mà họ phải đối phó trong công việc cũng như đời sống hằng ngày. Những thách đố cho người DDLĐVN ở Thái Lan mang nhiều hình thức khác nhau.

### 1. Cách gọi người lao động nhập cư

DDLĐVN ở Thái Lan, giống như những người lao động Campuchia, Lào và Myanmar hầu như luôn được nhắc đến – ngay cả trên các phương tiện thông tin đại chúng và các tuyên bố của chính phủ – bằng một danh từ “*khon tang dao*” (*alien/ngoại kiều*) hoặc “*reng ngan tang dao*” (người lao động nước ngoài). Tuy nhiên, khi nói về những người nước ngoài khác, đặc biệt là người phương Tây, người Thái không dùng các thuật ngữ này, mà dùng các từ “*tang chart*” hoặc “*tang prathet*”.

Mặc dù các thuật ngữ “*tang dao*”, “*tang chart*” và “*tang prathet*” là các từ được cho là đồng nghĩa trong từ điển tiếng Thái, nhưng theo kinh nghiệm thực tế hằng ngày của người nước ngoài ở Thái Lan, thuật ngữ “*tang dao*” mang một hàm ý hơi tiêu cực, coi thường và gièm pha. Việc sử dụng ngôn từ mang tính phân biệt đối xử này được phản ánh rõ nét khi tìm kiếm từ khóa “*khon tang dao*” nơi Google: Google sẽ cho xuất hiện nội dung và hình ảnh các quan chức chính phủ và pháp luật tổ chức họp báo về lao động nước ngoài, hoặc hình ảnh những người lao động chân tay đang trình giấy phép lao động, hoặc bị cảnh sát kiểm tra và bắt giữ. Trong khi đó, khi tìm kiếm từ khóa “*khon tang chart*” nơi Google, sẽ thấy xuất

hiện hình ảnh các du khách và chuyên gia ăn mặc đẹp đẽ, vui vẻ đến từ nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới.

Có thể thấy cách gọi các lao động di dân, trong đó có DDLĐVN, phần nào phản ánh thái độ thiếu tôn trọng của chính phủ và xã hội Thái Lan với cộng đồng lao động phổ thông nước ngoài đang mưu sinh ở đất nước họ.

## **2. Khó khăn về kinh tế**

Hầu hết các DDLĐVN ở Thái Lan đến từ các tỉnh phía Bắc Việt Nam. Trừ một vài trường hợp ngoại lệ, phần lớn xuất thân từ các gia đình nông thôn, có trình độ học vấn hạn chế. Phần lớn các DDLĐVN nằm trong độ tuổi từ 16 đến 30 của cả hai giới tính. Khi đến đất nước này, họ làm những công việc như phục vụ trong nhà hàng và quán bar, làm việc trong ngành công nghiệp may mặc và bán các loại như trái cây, rau và kem, v.v. Phần lớn lao động nhập cư làm việc từ 10 đến 15 giờ một ngày, cả ngày và đêm tùy thuộc vào loại hình công việc mà họ tham gia. Họ cũng có rất ít ngày nghỉ ngoài thời gian họ phải đi gia hạn thị thực hàng tháng hoặc vào những ngày nghỉ lễ quan trọng khi một số doanh nghiệp quyết định đóng cửa.

## **3. Chi phí nặng nề cho việc làm bất hợp pháp**

Muốn có việc làm ở Thái Lan thì phải trả một cái giá theo đúng nghĩa đen. Khi các công dân Việt Nam đến các trạm kiểm soát xuất nhập cảnh như Nong Khai và Nakhon Phanom ở biên giới Thái - Lào, họ không được xếp hàng như những khách du lịch khác mà phải xếp hàng riêng để đi vào một không gian kín đáo hơn. Tại đó, họ được yêu cầu trả một khoản phí không chính thức để được phép nhập cảnh, khoản phí này không áp dụng cho bất kỳ ai khác muốn nhập cảnh vào Thái Lan với tư cách là khách du lịch chân chính. Tuy nhiên, đối với người Việt thì các cán bộ hải quan dễ dàng nhận ra rằng họ không phải đến Thái Lan để du lịch, điều này được chứng minh bởi hồ sơ được lưu lại trên hệ thống vi tính của ngành di trú

Thái Lan, cũng như hàng loạt những con dấu ra vào được đóng trên quyền hộ chiếu do phải đi gia hạn hàng tháng.

Người lao động Việt Nam không những phải trả tiền cho các nhân viên cửa khẩu ngay từ lúc nhập cảnh, mà còn phải chi cho nhân viên của các đơn vị cảnh sát khác nhau – trực tiếp hoặc thông qua những chủ lao động của họ để được phép làm việc. Mỗi người phải trả từ 500 đến vài ngàn baht cho một viên chức hoặc một bộ phận cảnh sát. Một DDLĐVN có quầy bán trái cây tại một khu chợ chiều ở tỉnh Nonthaburi gần Bangkok cho biết, mỗi tháng họ phải trả tổng cộng cho 7 bộ phận khác nhau để được duy trì công việc buôn bán. Tuy nhiên, cho dù đã trả tiền cho các quan chức địa phương, nhiều người vẫn bị bắt khi cảnh sát từ cấp trên hoặc từ sở lao động đến truy quét. Một số quan chức cảnh sát bắt công nhân Việt Nam không nhất thiết để thực thi luật pháp, mà chỉ đơn giản là để tống tiền trước khi thả họ đi. Việc tống tiền và hối lộ, dao động từ 1.000 baht đến 20.000 baht/người, không chỉ giao dịch tại địa điểm nơi xảy ra vụ bắt giữ, mà nhiều khi ngay cả lúc họ đã bị đưa đến đồn cảnh sát.

Khi làm việc mà không có giấy phép ở Thái Lan, các DDLĐVN không được hưởng bất kỳ quyền lợi nào của người lao động. Một số người kể lại rằng họ bị lạm dụng hoặc buộc phải làm việc nhiều giờ mà không được đền bù xứng đáng. Nhiều người bị chủ lao động đánh lừa, không chịu trả tiền cho công việc mà họ đã hoàn thành. Khi bị đối xử bất công, người lao động Việt Nam không thể dùng đến các biện pháp pháp lý để đòi lại công bằng cho mình. Khi đối mặt với bệnh tật, các DDLĐVN phải tự lo mọi chi phí y tế, có thể lên đến hàng trăm ngàn baht trong trường hợp bệnh nặng hay gặp tai nạn.

#### **4. Thiếu thốn trong đời sống tinh thần**

Cho dù cư trú hợp pháp với visa du lịch hay bất hợp pháp thì các DDLĐVN ở Thái Lan phải đối mặt với nhiều hạn chế trong công việc cũng như cuộc sống thường nhật. Đa số phải làm việc nhiều giờ với một hoặc thậm chí hai công việc, ít có thời gian nghỉ ngơi và thư giãn. Một số

công nhân Công giáo cho hay, họ không thể đi nhà thờ vào ngày Chúa nhật vì phải làm việc vì không đến nơi làm việc đồng nghĩa với nguy cơ bị sa thải. Mặc dù sinh sống trên đất nước có ngành du lịch phát triển hàng đầu thế giới, nhưng nhiều DDLĐVN chưa hề có dịp đi tới những địa điểm du lịch nổi tiếng của xứ sở này.

Vì những hạn chế về pháp lý và tài chính, nên nhiều DDLĐVN cũng có rất ít cơ hội để hội họp, gặp gỡ nhau. Cuộc sống của đa số DDLĐVN xoay quanh nơi làm việc và phòng trọ, và nếu có liên hoan thì thường cũng chỉ tổ chức trong không gian chật hẹp của phòng trọ. Điều này hoàn toàn khác với lối sống của họ ở quê hương. Hầu như tất cả những người Việt Nam làm việc tại Thái Lan đều đến từ các vùng nông thôn của Việt Nam, nơi đại gia đình và cộng đồng đóng vai trò đặc biệt quan trọng như là nguồn hỗ trợ xã hội và tinh thần. Ngoài ra, đối với người trẻ, gia đình và cộng đồng rất cần thiết trong việc xây dựng nề nếp và góp phần đào tạo về mặt xã hội, đạo đức và tinh thần. Các DDLĐVN Công giáo được lớn lên trong một môi trường thậm chí còn nề nếp hơn, với lịch trình hằng ngày thường bao gồm các sinh hoạt đạo đức như Thánh lễ buổi sáng và giờ cầu nguyện buổi tối. Trong những dịp lễ lớn, họ còn tổ chức đi hành hương hoặc tham dự các nghi thức ở các nhà thờ khác.

Tuy vậy, cho dù khi ở quê hương mình, các DDLĐVN đã được gia đình, cộng đồng và Giáo hội giúp họ sống có nề nếp sâu sắc đến đâu đi nữa, cũng không thể tránh những thay đổi theo lối tiêu cực khi họ đến sinh sống tại Thái Lan. Ở đây, người lao động Việt Nam chủ yếu sống độc lập với bạn bè hoặc với anh chị em, họ hàng. Trong môi trường này, hầu như họ không có sự giám sát từ những bậc trưởng thành truyền thống như cha mẹ, lãnh đạo cộng đồng và linh mục quản xứ. Điều này có thể dẫn đến sự lơ là trong đời sống đạo và có những hành vi phóng túng thường chứng kiến ở thanh thiếu niên. Sự thiệt thòi trong đời sống tinh thần một phần cũng bởi vì nhiều người trẻ di dân Việt Nam ở Thái Lan buộc phải sống trong môi trường thiếu sự hướng dẫn chặt chẽ như từng có ở quê nhà.

## **5. Bắt giữ và trục xuất**

Tình trạng khó khăn của di dân Việt Nam ở Thái Lan tăng cao nhất khi có những trường hợp bị bắt giữ trong những lần bị các nhà chức trách kiểm tra, và đặc biệt trong các chiến dịch truy quét lao động bất hợp pháp được chính quyền phát động ở địa phương hoặc toàn quốc. Một chiến dịch như vậy đã diễn ra vào tháng 6 năm 2014 sau khi chính phủ quân sự lên nắm quyền thông qua một cuộc đảo chính. Trong chiến dịch đó, hàng trăm nghìn lao động nhập cư nước ngoài buộc phải rời khỏi Thái Lan, trong số đó có người Việt Nam, Campuchia và người Miến Điện không có giấy phép lao động.

Làn sóng hồi hương lại diễn ra vào tháng 9 năm 2015 với quyết định đột ngột của chính phủ cấm việc gia hạn thị thực, điều đó có nghĩa là bất kỳ người Việt Nam nào không rời khỏi Thái Lan sẽ bị rơi vào tình trạng thị thực quá hạn. Một năm sau đó, một chiến dịch trấn áp công khai rộng rãi khác đã được phát động nhằm vào những người nước ngoài được cho là “ăn cắp” hoặc “cướp giật” những công việc dành riêng cho người Thái khi bán hàng rong trên đường phố hoặc mở quầy hàng ở chợ. Giới truyền thông đã trích dẫn lời của các nhà chức trách rằng: người nước ngoài chỉ nên làm những công việc mà người Thái không muốn.<sup>21</sup>

Theo Sunai Phasuk – nhân viên của Tổ chức Theo dõi Nhân quyền – mức độ phân đối người nhập cư ở Thái Lan ở thời điểm đó cao ở mức chưa từng thấy. “Có vẻ như ‘cảm thức về dân tộc’ đang trở dậy trong chính sách nhập cư của Thái Lan, ví dụ có lập luận cho rằng những người di cư từ Việt Nam đang lấy mất những công việc dành riêng cho công dân Thái Lan. Chúng tôi đã không thấy sự gia tăng tình trạng chống người

---

<sup>21</sup> Đến thời điểm này thì giữa Thái Lan và Việt Nam chỉ mới có ký kết MOU (Bản ghi nhớ hợp tác) cho phép người Việt Nam tham gia vào hai ngành nghề, đó là xây dựng và đánh bắt thủy hải sản. Tuy nhiên, đây là hai công việc nặng nhọc, lương thấp mà hầu hết lao động Việt Nam tại Thái Lan không thích làm. Từ khi ký kết đến nay có rất ít người Việt Nam tham gia vào hai ngành nghề này.

nhập cư như thế trong nhiều thập kỷ trước đây. Điều này liên quan rất nhiều đến tình hình kinh tế.”<sup>22</sup>

Tình trạng chống đối ngoại kiều vẫn không giảm bớt trong những năm qua. Các cuộc đột kích định kỳ lớn nhỏ vẫn được thực hiện liên tục, một phần là do chiến dịch toàn quốc nhằm ngăn chặn lao động nhập cư bất hợp pháp hoặc truy quét tội phạm nước ngoài – những kẻ biến Thái Lan thành căn cứ hoạt động bất hợp pháp của họ. Chỉ trong hai tuần đầu tháng 6 năm 2019, cảnh sát Thái Lan đã bắt giữ 2.274 người nước ngoài ở vùng Đông Bắc Thái Lan, trong số đó có những người bị tình nghi thuộc các băng nhóm tội phạm đến từ Cameroon và Colombia.

Những người bị bắt bao gồm những người nước ngoài nhập cảnh bất hợp pháp, làm việc không phép và quá hạn visa.<sup>23</sup> Vào tháng 8 năm 2019, các quan chức trong chính phủ Thái Lan đưa ra bản thống kê: trong khoảng thời gian từ ngày 1/7/2018 đến 13/8/2019, họ đã kiểm tra 599.148 người. Gần 8.000 người trong số này bị phát hiện là bất hợp pháp, phải đối mặt với việc bị truy tố và phạt tiền. Cuối cùng, hơn 7.000 người đã bị trục xuất và tổng cộng hơn 35,5 triệu baht tiền phạt đã được thu thập.<sup>24</sup>

Nhiều cuộc truy quét cùng với các chiến dịch truyền thông miệt thị người lao động nhập cư không có giấy tờ đã gây nhiều thiệt hại cho cuộc sống của người lao động Việt Nam tại Thái Lan những năm qua. Kể từ năm 2018, các DDLĐVN điều hành dịch vụ giao hàng B-B-Q đã báo cáo số lượng đơn đặt hàng sụt giảm nghiêm trọng sau khi truyền thông Thái Lan đưa tin về việc cảnh sát truy quét các “cửa hàng” của họ, nói rằng: thị

<sup>22</sup> “Thailand cracks down on migrant workers as anti-immigration feelings rise,” *Reuters* (30/9/2016), <http://www.voanews.com/a/reu-thailand-cracks-down-on-migrant-workers/3531387.html>.

<sup>23</sup> “Immigration police arrest 2,000 in Isan,” *Bangkok Post* (16/6/2019), <https://www.bangkokpost.com/learning/easy/1696248/immigration-police-arrest-2-200-in-isan>.

<sup>24</sup> “สุขจับต่างด้าว ทำงานผิดกฎหมายมีโทษปรับตั้งแต่ 5,000 - 50,000 บาท,” *TNews* (13/8/2019), <https://www.tnews.co.th/social/518718/สุขจับต่างด้าว-ทำงานผิดกฎหมายมีโทษปรับตั้งแต่-5,000---50,000-บาท>

bán cho khách hàng là loại thấp, không đảm bảo vệ sinh.<sup>25</sup> Các chiến dịch toàn quốc, cùng với những phản ánh tiêu cực trên các phương tiện truyền thông địa phương, cũng như các vụ bắt giữ thường xuyên nhằm mục đích tống tiền, tạo ra nhiều bất ổn cho cuộc sống của các DDLĐVN, vốn bản chất của nó đã chứa đựng nhiều bấp bênh. Quả thực, các chiến dịch trấn áp cùng với lời lẽ bài ngoại của các quan chức chính phủ cũng như các phương tiện thông tin đại chúng địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên tình trạng bị gạt ra bên lề xã hội của người DDLĐVN tại Thái Lan những năm qua.

### **Khốn khó trong thời đại dịch Covid-19**

Thái Lan là quốc gia phát triển mạnh về ngành du lịch, đặc biệt là phục vụ du khách đến từ Trung Quốc đại lục. Vì vậy, không có gì ngạc nhiên khi vi-rút corona đã xuất hiện lần đầu tiên tại Vương quốc này qua đường của khách du lịch Trung Quốc đến từ thành phố Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc – tâm chấn ban đầu của đại dịch. Sau khi Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) tuyên bố rằng vi-rút corona mới là nguyên nhân gây bệnh đường hô hấp, vào ngày 12/1/2020, Thái Lan đã có trường hợp nhiễm đầu tiên được xác nhận bên ngoài Trung Quốc. Bệnh nhân là một phụ nữ 61 tuổi, vào ngày 8/1/2020, bà đã bắt đầu có các biểu hiện trước khi bay cùng một nhóm du lịch đến sân bay Suvarnaphumi - Bangkok, nơi bà được máy dò nhiệt phát hiện bị sốt. Chẩn đoán ban đầu của các quan chức y tế về bệnh viêm phổi nhẹ đã xác nhận sự xuất hiện của chủng vi-rút corona mới vào ngày 13/1/2020. Điều này không có gì quá ngạc nhiên khi vào ngày 10/1/2020, WHO đã đưa ra một tuyên bố cảnh báo về nguy cơ bệnh Covid-19 lây lan ra ngoài biên giới Trung Quốc.<sup>26</sup> Mặc dù là nơi có

---

<sup>25</sup> “เวียคนามแสบ! ลอบขายหมุกระยะเคลิเวอร์ี่ มุกสั้นแทนซ็อก สดใสโครก,” *News Monitor* (25/6/2018), [https://www.khaosod.co.th/monitor-news/news\\_1260853](https://www.khaosod.co.th/monitor-news/news_1260853).

<sup>26</sup> “Wuhan pneumonia: Thailand confirms first case of virus outside China,” *South China Morning Post* (13/1/2020), <https://www.scmp.com/news/hong-kong/health-environment/article/3045902/wuhan-pneumonia-thailand-confirms-first-case>



ca bệnh đầu tiên bên ngoài Trung Quốc, nhưng trong tháng 1 và tháng 2 năm 2020, số người được phát hiện nhiễm bệnh tương đối thấp. Phần lớn trong số 42 trường hợp tại thời điểm đó bao gồm du khách Trung Quốc, một số ít người dân từ Trung Quốc trở về, và những người Thái Lan thường xuyên tiếp xúc với du khách nước ngoài trong công việc của họ.<sup>27</sup>

Mối đe dọa của đại dịch trở nên rõ rệt hơn ở Thái Lan với việc ghi nhận ca tử vong đầu tiên vào ngày 1/3/2020, nạn nhân là một nhân viên 35 tuổi của tập đoàn bán lẻ du lịch hàng đầu King Power. Khi phát hiện nhiều trường hợp nhiễm bệnh hơn, các quan chức địa phương bắt đầu thông báo hủy bỏ các sự kiện và lễ hội, bao gồm cả những sự kiện liên quan đến lễ hội Songkran là sự kiện văn hóa hàng năm lớn nhất của Thái Lan, dự kiến diễn ra vào giữa tháng 4.<sup>28</sup> Tháng 3 chứng kiến sự khởi đầu của nhiều ca nhiễm trùng ở địa phương hơn, bao gồm một vụ bùng phát liên quan đến sân vận động *muay* Thai Lumpini dẫn đến hàng chục người nhiễm bệnh. Vào ngày 15/3/2020, các quan chức đã báo cáo có 32 trường hợp mới, mức tăng lớn nhất trong một ngày kể từ khi dịch bùng phát ở nước này.<sup>29</sup> Khi số ca nhiễm mới trong một ngày đạt mức 111 vào ngày 17/3/2020, các quan chức của nhà nước và địa phương đã đồng loạt ra lệnh đóng cửa các trường học,<sup>30</sup> địa điểm vui chơi giải trí như quán bar, câu lạc bộ đêm và cửa hàng mát-xa trong 14 ngày để đối phó với số ca lây nhiễm ngày càng tăng.<sup>31</sup>

---

<sup>27</sup> “New coronavirus infection in Thailand takes tally to 42,” *Reuters* (29/2/2020), <https://www.reuters.com/article/us-china-health-thailand-idUSKBN20N07N>

<sup>28</sup> “Khao San Songkran party cancelled,” *Bangkok Post* (9/3/2020), <https://www.bangkokpost.com/learning/easy/1875094/khao-san-songkran-party-cancelled>

<sup>29</sup> “Thailand reports 32 new coronavirus cases in the biggest single day rise,” *Bangkok Post* (15/3/2020), <https://www.bangkokpost.com/thailand/general/1879300/thailand-reports-32-new-coronavirus-cases-in-biggest-single-day-rise>

<sup>30</sup> “All schools ordered to close from Wednesday,” *The Nation Thailand* (17/3/2020), [https://www.nationthailand.com/news/30384260?utm\\_source=homepage&utm\\_medium=internal\\_referral](https://www.nationthailand.com/news/30384260?utm_source=homepage&utm_medium=internal_referral)

<sup>31</sup> “Pattaya to close all entertainment venues such as bars, night clubs and massage shops until the end of the month,” *The Pattaya News* (17/3/2020), <https://thepattayanews.com/2020/03/17/pattaya-to-close-all-entertainment-venues-such-as-bars-nightclubs-and-massage-shops-until-the-end-of-the-month/>

Ngày 18/3/2020, nước láng giềng của Thái Lan là Lào thông báo đóng cửa các trạm kiểm soát xuất nhập cảnh giáp biên giới hai nước.<sup>32</sup> Về phần mình, Thái Lan thông báo sẽ đóng cửa các trạm kiểm soát xuất nhập cảnh dọc biên giới Thái Lan - Malaysia.<sup>33</sup> Trong những ngày tiếp theo, các trạm kiểm soát xuất nhập cảnh giữa Thái Lan và Myanmar,<sup>34</sup> Thái Lan và Campuchia cũng lần lượt đóng cửa.<sup>35</sup> Campuchia cũng bắt đầu hạn chế cho người nước ngoài nhập cảnh, trong đó có người Việt Nam, nhằm ngăn chặn sự lây lan của vi-rút trong biên giới của mình. Vì thế, người Việt Nam không còn được phép vào Campuchia bắt đầu từ ngày 20/3/2020.<sup>36</sup> Giữa lúc đó, Thái Lan đã báo cáo số ca nhiễm mới hằng ngày lớn nhất tính tới thời điểm đó vào ngày 22/3/2020 với 188 ca, nâng tổng số ca nhiễm ở nước này lên 599 ca.

Khi Thái Lan đóng cửa các trạm kiểm soát nhập cảnh cùng với tất cả các quốc gia láng giềng của mình, những người lao động nhập cư đã phải đối mặt với một tình huống vô cùng khó khăn. Trước tình trạng phong tỏa toàn quốc đang chuẩn bị diễn ra cũng như các quốc gia lân cận lần lượt đóng cửa biên giới, họ phải quyết định về nước hay cố gắng vượt qua đại dịch ở Thái Lan cho đến khi mọi thứ trở lại bình thường. Do phần lớn trong số hàng triệu lao động nhập cư ở Thái Lan đến từ bốn quốc gia láng giềng trong khối ASEAN là Myanmar, Campuchia, Lào và Việt Nam; vì thế, cuộc khủng hoảng leo thang đã chứng kiến một làn sóng hồi hương

---

<sup>32</sup> “Laos shuts four border checkpoints amid Covid-19 crisis,” *The Nation Thailand* (18/3/2020), <https://www.nationthailand.com/news/30384315>

<sup>33</sup> “Thailand government announces closure of some border crossings,” *Garda World* (18/3/2020), <https://www.garda.com/crisis24/news-alerts/324136/thailand-government-announces-closure-of-some-border-crossings-march-18-update-12>

<sup>34</sup> “Border closure delayed for stranded people to cross,” *Bangkok Post* (21/3/2020), <https://www.bangkokpost.com/thailand/general/1883580/border-closure-delayed-for-stranded-people-to-cross>

<sup>35</sup> “Thailand begins closing land borders as coronavirus cases climb,” *Thai Enquirer* (23/3/2020), <https://www.thaienquirer.com/9880/thailand-begins-closing-land-borders-as-coronavirus-cases-climb/>

<sup>36</sup> “Cambodia entry restrictions expanded as of march 20,” *Garda World* (20/3/2020), <https://www.garda.com/crisis24/news-alerts/324841/cambodia-entry-restrictions-expanded-as-of-march-20-update-3>

của người lao động nhập cư về nước của họ, nơi mà vào thời điểm đó, đại dịch còn đang nhẹ hơn nhiều.

Trong số 4 nước này, Việt Nam có số ca nhiễm nhiều nhất. Tuy nhiên, tổng số được công bố chính thức vào ngày 20/3 vẫn chỉ là 85, ít hơn nhiều so với Thái Lan.<sup>37</sup> Mãi đến ngày 24/3/2020, Lào mới xác nhận có 2 trường hợp nhiễm vi-rút đầu tiên.<sup>38</sup> Cùng với thông tin từ các quan chức chính phủ Thái Lan rằng người nước ngoài bị nhiễm vi-rút sẽ phải tự bỏ tiền túi để điều trị, nhiều lao động nhập cư trở nên thêm hoang mang, và cảm thấy không có nhiều động lực để tiếp tục ở lại. Do đó, trong các ngày từ 20 đến 25/3/2020, lao động nhập cư từ 4 quốc gia lân cận Thái Lan đã tràn đến các trạm kiểm soát đường bộ giữa Thái Lan và Lào, Campuchia, Myanmar để tìm đường hồi hương, thoát khỏi đại dịch ở Thái Lan và hy vọng có nơi trú ẩn an toàn hơn ở quốc gia của họ.

Khi đại dịch Covid-19 bắt đầu leo thang vào giữa tháng 3, các DDLĐVN đã rơi vào tình thế rất khó khăn. Nhiều người trong thời điểm đó vừa mới trở lại Thái Lan sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, với hy vọng làm việc và có tiền dành dụm. Một số chỉ mới đến được một hoặc hai tuần. Tuy nhiên, trước khi họ có thể nhận được tiền lương của tháng đầu tiên, các doanh nghiệp đã buộc phải đóng cửa và đất nước đã chuẩn bị đi vào tình trạng phong tỏa nếu tình hình trở nên tồi tệ hơn.

Khi các hãng hàng không lần lượt hủy các chuyến bay rời khỏi đất nước và các trạm kiểm soát xuất nhập cảnh ở biên giới cũng chuẩn bị đóng cửa, họ phải lựa chọn có nên ở lại để rồi rơi vào nguy cơ bị hết hạn visa trong tháng tới chẵn. Thông thường, người Việt kéo dài thời gian lưu trú tại Thái Lan bằng cách xuất cảnh đến các nước láng giềng rồi tái nhập cảnh với con dấu cho phép lưu trú thêm 30 ngày. Tuy nhiên, điều này sẽ không còn khả thi nếu các quốc gia ấy đồng loạt đóng cửa biên

---

<sup>37</sup> “Dịch COVID-19 (sáng ngày 20/3): Việt Nam công bố thêm 9 ca nhiễm nâng tổng số bệnh nhân lên 85,” *Báo Đầu Thầu* (20/3/2020), <https://baodauthau.vn/thoi-su/dich-covid19-sang-ngay-203-viet-nam-cong-bo-them-9-ca-nhiem-nang-tong-so-benh-nhan-len-85-124413.html>

<sup>38</sup> “Laos confirms first Covid-19 cases,” *Laotian Times* (24/3/2020), <https://laotiantimes.com/2020/03/24/laos-confirms-first-covid-19-cases/>

giới. Vào thời điểm đó, chính phủ Thái Lan vẫn chưa đưa ra bất kỳ quyết định nào về việc sẽ làm gì đối với những người nước ngoài bị mắc kẹt ở lại trong thời kỳ đại dịch. Vì thế, người Việt Nam cũng như những người nước ngoài khác càng hoang mang khi không biết tình hình ngày mai của mình sẽ ra sao.

Một nguyên nhân khác nữa khiến các DDLĐVN hoang mang là vì không nắm rõ tình hình thực tế của đại dịch ở Thái Lan bởi nhiều người không thông thạo tiếng Thái. Mặc dù nhiều DDLĐVN có thể giao tiếp bằng tiếng Thái để có thể làm việc ở đây, nhưng hầu hết họ không nắm vững tiếng Thái chính thức, cũng như không đọc được chữ Thái mà người Việt thường mô tả là “nhìn như những con giun”. Vì thế, rất ít người theo dõi các tờ báo tiếng Thái để hiểu rõ các khía cạnh khác nhau liên quan đến đại dịch ở nước này. Họ lo ngại về mức độ nghiêm trọng của đại dịch ở Thái Lan và địa phương nơi họ đang cư trú, những vấn đề mà họ không dễ dàng có được câu trả lời do vấn đề về ngôn ngữ. Những người khác lo lắng về những dịch vụ mà chính phủ Thái Lan sẽ cung cấp cho người nước ngoài trong trường hợp họ có các triệu chứng Covid-19 hoặc nếu họ đã nhiễm vi-rút. Ngay cả những thông tin như xét nghiệm ở đâu đa số người Việt Nam cũng không nắm rõ.

Vì nhiều bất ổn về an toàn và sinh kế ở Thái Lan, phần lớn người Việt Nam quyết định đến các cửa khẩu biên giới để làm thủ tục về nước. Tuy nhiên, trong việc này họ cũng không biết liệu mình có thể đến kịp không, vì mặc dù đã có thông báo chính thức rằng các trạm kiểm soát xuất nhập cảnh giữa Thái Lan và Lào đã đóng cửa, các quan chức tại các trạm kiểm soát vẫn từng ngày cho phép mọi người đi qua cửa khẩu Nakhon Phanom, nhưng lại không cho phép xuất cảnh ở cửa khẩu Nong Khai. Do đó, hầu hết đều đã phải tìm đến trạm kiểm soát Nakhon Phanom trong một thời gian rất ngắn sau khi nhận được thông báo về hoạt động của trạm. Có người lên đường chỉ với niềm hy vọng rằng trạm kiểm soát sẽ vẫn mở cửa để họ có thể xuất cảnh vào ngày hôm sau. Trong sự việc này, họ không thể trông chờ vào bất kỳ kênh thông tin chính thức nào.

Một số người Việt Nam đã chọn đi các chuyến bay cuối cùng giữa Thái Lan và Việt Nam. Tuy nhiên, nhiều người không biết cách theo dõi lịch bay của các hãng, không biết cách đặt vé, và ngay cả khi họ đã đặt chỗ nhưng không biết cách cập nhật thông tin về tình trạng chuyến bay của mình. Vào thời điểm mà ngay cả chính các hãng hàng không cũng phải đối mặt với sự thay đổi liên tục, không thể cung cấp thông tin chính xác về tình trạng các chuyến bay của họ, thì người Việt Nam lại càng khó có được thông tin cần thiết. Cuối cùng, nhiều người đã mua vé máy bay nhưng rốt cuộc chuyến bay lại bị hủy, trong đó không chỉ có các DDLĐVN mà còn có những người Việt đến Thái Lan với mục đích du lịch. Đối với những người này, chuyến đi du lịch dự tính chỉ trong vòng một vài ngày hoặc vài tuần đã kéo dài hàng tháng trời trong tình trạng các chuyến bay thương mại giữa hai nước vẫn chưa trở lại.

Vào ngày 26/3/2020, Thái Lan đã đóng cửa khẩn cấp với lệnh giới nghiêm ban đêm được áp dụng trên toàn quốc. Những người chọn ở lại phải đối mặt với tình trạng không có việc làm, không có thu nhập, mơ hồ về nguy cơ nhiễm vi-rút và tình trạng thị thực của họ. Trong khi chính phủ Thái Lan tiến hành nhiều biện pháp hỗ trợ khác nhau để giảm thiểu những khó khăn do đại dịch gây nên cho công dân của mình, thì những người nước ngoài như các DDLĐVN về cơ bản vẫn phải tự xoay xở và chống đỡ.

Một nữ công nhân nhập cư L.T.T., thường làm hầu bàn ở Bangkok cho biết trong tháng phong toả đầu tiên, cô không có việc làm và không có tiền để mua thức ăn. “Tôi phải nhờ đến sự giúp đỡ của những khách hàng thân thiết để có thức ăn,” cô nói; “Mãi sau này, tôi mới tìm được công việc tạm thời để sống qua ngày”.

P.N.X. và chồng cô làm nghề bán trái cây. Theo chị X., trong thời gian phong toả, họ không thể làm việc và hoàn toàn không có thu nhập. Tuy nhiên, chi phí hằng ngày của họ tăng lên do ba đứa con nhỏ của họ không được đi học, đồng nghĩa với việc phải chi nhiều tiền hơn để mua thức ăn, sữa và những thứ khác cho chúng.

Một thanh niên tên B.B. cho biết, trong thời kỳ đại dịch, anh chỉ được ăn một bữa trong ngày. “Chủ nhà sắp đuổi chúng tôi đi vì chúng tôi chưa trả tiền thuê nhà trong ba tháng. Tôi đã tìm kiếm việc làm mỗi ngày, nhưng không thành công,” anh nói.

T.D.N. làm việc tại tỉnh Chacheongsao cho biết trong thời gian xảy ra đại dịch, anh thường phải ra sông đánh cá để có thêm thức ăn.

Chị B.N. đã trở lại Phuket một tháng trước khi đại dịch ập đến hòn đảo du lịch nổi tiếng ở miền nam Thái Lan. Bởi vì Phuket là một trong những tỉnh bị ảnh hưởng nặng nề nhất bên ngoài Bangkok, hòn đảo này đã bị phong tỏa và những người có sinh kế phụ thuộc chủ yếu vào du lịch đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Chị B.N. cho biết đã phải nhờ vào gạo, mì gói và trứng phát chẩn từ thiện để sống qua ngày.

Chị T.D., làm móng tay ở Bangkok, chia sẻ rằng, trong suốt thời gian cô sống ở Thái Lan, đây là lúc khó khăn nhất. Bởi vì tất cả các thẩm mỹ viện buộc phải đóng cửa trong thời gian cao điểm của đại dịch ở Thái Lan. Cô không có việc làm thường xuyên và phải làm nhiều công việc lặt vặt khác nhau để có tiền tiêu mỗi ngày. “Tôi nghĩ tôi sẽ rơi vào tình trạng trầm cảm nặng nề nếu không có ơn Chúa,” cô nói. “Tôi rất biết ơn sự giúp đỡ của các linh mục, các cha đã giúp tôi một số tiền cũng như có những lời động viên tinh thần.”

Chị N.P. không chỉ không thể làm việc trong đợt bùng phát Covid-19, mà cô còn phải chịu đựng nỗi đau mất mát người chồng đã qua đời tại Việt Nam vì bạo bệnh. Thật không may, vì không có cách nào để trở về Việt Nam từ Thái Lan, chị N.P. đã phải chịu tang chồng từ nơi xa. “Tôi rất đau đớn vì tôi không thể có mặt ở nhà để dự đám tang của chồng mình,” chị nói.

Gian khổ trong đại dịch không chỉ là hoàn cảnh của các DDLĐVN. Người Thái cũng phải đối mặt với những thách thức to lớn. Tuy nhiên, người Thái có trợ cấp xã hội khi sống ở đất nước của họ và có thể nhận được nhiều biện pháp cứu trợ khác nhau từ chính phủ, ví dụ như số tiền 5.000 baht được phát cho những người có thu nhập thấp ở một vài đợt trong thời kỳ đại dịch. Nhà nước cũng có chương trình “*khon la khrueng*”

(mỗi bên một nửa) để hỗ trợ người dân và nền kinh tế. Theo chương trình này, mỗi người dân có thể đi mua sắm, nhưng chỉ trả một nửa chi phí (tối đa 3.000 baht), phần còn lại chính phủ sẽ trả cho người bán hàng. Người dân Thái Lan cũng được hưởng lợi từ các mạng lưới hỗ trợ gia đình, cộng đồng, tôn giáo và xã hội trong thời gian khủng hoảng. Trong khi đó, các DDLĐVN không có các nguồn và phương tiện hỗ trợ này.

Giống như phần lớn người nước ngoài nhập cảnh vào Thái Lan bằng thị thực tạm thời hoặc các chương trình miễn thị thực, các DDLĐVN cũng phải giải quyết tình trạng thị thực của họ. Đầu tháng 4 năm 2020, khi lệnh cấm vận đã có hiệu lực được gần hai tuần, trong khi các quốc gia khác như Nhật Bản và Campuchia đã tuyên bố đặc xá cho người nước ngoài mắc kẹt tại nước này, thì chính phủ Thái Lan vẫn đang xem xét có nên làm điều tương tự hay không. Cơ quan xuất nhập cảnh và các quan chức chính phủ khác bày tỏ sự miễn cưỡng đối với hành động đặc xá vì lý do an ninh quốc gia. Vào cuối tháng Ba và đầu tháng Tư, những người nước ngoài có thị thực sắp hết hạn bị Cục quản lý xuất nhập cảnh Thái Lan yêu cầu phải đến đại sứ quán của họ để xin thư xác nhận không thể về nước, mặc dù thực tế là tất cả các sân bay và các giao lộ biên giới đất liền đều đã đóng cửa. Sau đó, họ phải mang giấy xác nhận đến văn phòng nhập cư để được gia hạn thời gian lưu trú tại Vương quốc Thái, tối đa được 30 ngày. Yêu cầu này là một bất tiện lớn đối với người nước ngoài nói chung và đối với các DDLĐVN nói riêng. Đối với người di cư Việt Nam, việc phải đến Đại sứ quán ở Bangkok hoặc Tổng lãnh sự quán ở tỉnh Khon Kaen (Đông Bắc Thái Lan) có nghĩa là phải tốn chi phí và thời giờ đi lại đáng kể. Đối với nhiều người, đó không phải là một chuyến đi ngắn mà là một chuyến đi kéo dài nhiều giờ bằng xe đò và taxi. Ví dụ, một người ở tỉnh Nakhon Pathom sẽ phải thực hiện một chuyến đi kéo dài sáu giờ đến tỉnh Khon Kaen để nhận được thư từ Tổng lãnh sự quán Việt Nam. Mặc dù Đại sứ quán Việt Nam đồng ý cấp thư xác nhận bằng phương thức điện tử, nhưng đa số các DDLĐVN tại Thái Lan không biết cách điền vào mẫu yêu cầu và gửi đến Đại sứ quán qua email. Sau khi có được giấy xác nhận của đại sứ quán, giấy tờ này phải được đưa đến văn phòng xuất nhập cảnh để xin

gia hạn. Đối với một người Việt Nam sống ở Bangkok, tất cả các thủ tục giấy tờ và chi phí đi lại cộng lại để được gia hạn sẽ lên tới từ 120 đến 150 USD, bằng một phần ba thu nhập một tháng của nhiều DDLĐVN. Điều đáng nói hơn là tất cả những rắc rối này đều diễn ra ở đỉnh điểm của làn sóng dịch Covid-19 ở Thái Lan. Người nước ngoài phải đổ xô đến các văn phòng xuất nhập cảnh trên khắp nước Thái để được đóng dấu giấy tờ trong khi công chúng được khuyến cáo ở nhà và thực hành giãn cách xã hội để giảm lây nhiễm.

May mắn thay, các nhà lãnh đạo Thái Lan cuối cùng cũng đã nhận ra rằng việc buộc người nước ngoài phải tụ tập đông đúc tại các văn phòng nhập cư là mối nguy hiểm cho cả người nước ngoài cũng như các nhân viên nhập cư, nên đã quyết định áp dụng biện pháp đặc xá vào ngày 8/4/2020.<sup>39</sup> Dự luật này ban đầu cho phép người nước ngoài được đặc xá cho đến ngày 30/4/2020, sau đó sẽ được gia hạn cho đến cuối tháng 7 năm 2020, và cuối cùng cho đến ngày 26/9/2020 trong đợt thứ hai.<sup>40</sup> Tuy nhiên, vào thời điểm đó, vô số người nước ngoài đã phải chi một số tiền không nhỏ, mà đáng ra số tiền đó họ có thể dùng để trang trải cho những ngày khôn khó của đại dịch đang chờ họ phía trước. Đến tháng 10 năm 2020 thì thời hạn ân xá cũng đã kết thúc, và sau đó người nước ngoài bị kẹt tại Thái Lan vẫn phải gia hạn giấy tờ hai tháng một lần tại các văn phòng của sở di trú. Hầu hết người Việt Nam sử dụng dịch vụ nhận đem hộ chiếu đi gia hạn với chi phí hơn 100 USD/1 lần.

Sau một thời gian khá thành công trong việc kiểm soát tình trạng dịch thì cuối năm 2020, dịch bắt đầu bùng phát nghiêm trọng tại Thái Lan, bắt nguồn từ khu chợ đầu mối hải sản tại tỉnh Samut Sakhon, sau đó lây lan ra trên toàn đất nước. Sang năm 2021, các ổ dịch tiếp tục được phát hiện tại các khu chợ, hãng xưởng, nhà tù và những khu dân cư có mật độ dân số

---

<sup>39</sup> “PM Prayuth signs order to grant visa amnesty to foreigners in Thailand,” *Thaivisa* (8/4/2020), <https://forum.thaivisa.com/topic/1158449-pm-prayuth-signs-order-to-grant-visa-amnesty-to-foreigners-in-thailand/>

<sup>40</sup> “Visas extended, relief measures approved,” *Bangkok Post* (21/4/2020), <https://www.bangkokpost.com/thailand/general/1904435/visas-extended-relief-measures-approved>



cao. Vào giữa năm 2021, các bệnh viện công tại Thái Lan, đặc biệt ở Bangkok trở nên quá tải khi mỗi ngày có hàng nghìn ca nhiễm.<sup>41</sup> Qua tháng 7 năm 2021, số ca nhiễm mỗi ngày tăng lên trên 10.000, và vào tháng 8 năm 2021 thì con số vượt 20.000/ngày. Ngày 13/8, các nhà chức trách báo cáo có số ca nhiễm mới là 23.418 ca, và số người tử vong là 184.<sup>42</sup> Qua tháng 9 năm 2021 thì số ca nhiễm mỗi ngày bắt đầu giảm, nhưng vẫn ở mức hàng nghìn. Ngày 16/11/2021, Bộ Y tế Thái Lan báo cáo con số ca nhiễm thấp nhất trong nhiều tháng qua là 5.947 ca. Tính đến thời điểm cuối năm 2021 thì quốc gia này đã có trên 2 triệu ca nhiễm và hơn 20.000 người tử vong.

Làn sóng thứ tư tại Thái Lan kéo dài từ đầu năm 2021 cho đến nay đã ảnh hưởng nặng nề trên đời sống của DDLĐVN. Bên cạnh việc nhiều người mất việc làm, không có nguồn thu nhập để trang trải cho cuộc sống hằng ngày do lệnh phong tỏa, đóng cửa các nhà hàng, quán bar, v.v. thì số người Việt bị nhiễm bệnh Covid-19 cũng tăng cao. Không có thống kê nào về số người Việt Nam bị nhiễm, nhưng dựa trên thông tin mà tôi nhận được từ các nhóm và cá nhân, chắc chắn con số lên hàng trăm. Có nhiều trường hợp mọi người ở chung một nhà đều bị nhiễm. Ngoài ra còn có rất nhiều người Việt Nam đang bị giam trong các nhà tù, các trung tâm giam giữ người nhập cư, lao động trái phép cũng bị nhiễm. Mặc dù tôi không có cách để xác nhận thông tin, nhưng nhiều người nhắn tin cho tôi rằng có người thân trong tù bị nhiễm, có triệu chứng rất nặng, nhưng không được đưa đi điều trị. Tuy nhiên, xét về tình hình chung là vì đa số các DDLĐVN đang ở tuổi thanh niên, nên hầu hết các trường hợp nhiễm đều có triệu chứng nhẹ, nhiều người tự hồi phục ở nhà mà không cần phải nhập viện.

Việc những người Việt bị nhiễm có thể tự hồi phục ở nhà cũng là điều đáng mừng vì sau khi phát hiện mình bị nhiễm, nhiều người đã không tiếp

---

<sup>41</sup> “Covid beds running out,” *Bangkok Post* (23/6/2021), <https://www.bangkokpost.com/thailand/general/2136647/covid-beds-running-out>

<sup>42</sup> “Record 23,418 new Covid daily cases, 184 fatalities,” *Bangkok Post* (13/8/2021), <https://www.bangkokpost.com/thailand/general/2164807/record-23-418-new-daily-covid-cases-184-fatalities>

cận được với sự hỗ trợ từ ngành y tế Thái Lan, đặc biệt trong tình trạng hệ thống đang bị quá tải. Một số người cho hay tới bệnh viện xin xét nghiệm nhưng bị từ chối vì không phải là người Thái. Một số người bị từ chối cho nhập viện cũng vì lý do trên. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh là không phải tất cả người Việt đều bị từ chối xét nghiệm hoặc nhập viện. Ở Thái Lan, việc bạn nhận được sự giúp đỡ như thế nào còn tùy thuộc vào sự may mắn nếu bạn đến một nơi mà các bác sĩ và nhân viên y tế làm việc tận tình bất kể đối với bệnh nhân thuộc quốc tịch nào. Ngoài ra, trong thời gian cao điểm của đại dịch, chính người Thái cũng gặp khó khăn để được xét nghiệm và nhập viện. Thậm chí đã có những trường hợp tử vong cách thê thảm ngay tại nhà vì không có bệnh viện nào đồng ý đưa xe đến đón đi.

Có trường hợp một người đàn ông Thái Lan biết mình có triệu chứng Covid-19, cần đi xét nghiệm, nhưng không tự đi được vì sợ lây nhiễm cho cộng đồng. Anh ta gọi điện thoại cho bệnh viện thì bệnh viện cho hay không có dịch vụ đón người đi xét nghiệm. Anh ta gọi điện thoại cho tổng đài khẩn cấp Covid-19 thì được cho hay họ chỉ điều xe đưa những người đã xét nghiệm dương tính đi nhập viện. Vì anh ấy chưa có xét nghiệm nên họ không thể điều xe tới đón đưa đi điều trị được. Sau một số ngày tự chống chọi với căn bệnh, người đàn ông này đã tử vong. Trước khi qua đời, anh đã lên Facebook để chia sẻ với mọi người về hoàn cảnh bi thảm của mình.

Xét về tình hình chung thì chúng ta không thể nói những khó khăn mà người DDLĐVN ở Thái Lan gặp phải trong thời kỳ đại dịch là cá biệt. Tuy nhiên, có thể nói rằng vì những hạn chế về ngôn ngữ, thông tin, giấy tờ và quyền lợi, mà người DDLĐVN khó tiếp cận được với những nguồn hỗ trợ hơn người bản xứ trong những vấn đề liên quan đến cuộc khủng hoảng. Điều này càng thấy rõ hơn trong trường hợp đăng ký tiêm vắc-xin. Trong khi công dân Thái Lan được ưu tiên tiêm vắc-xin khi có nguồn thuốc thì người DDLĐVN có được tiêm hay không cũng là vấn đề “hên xui”. Có người dùng trang web đăng ký tiêm vắc-xin thì được chấp nhận, nhưng người khác lại bị từ chối với lý do là không chấp nhận người nước ngoài. Về mặt thông tin thì người bản xứ sẽ dễ biết tìm tới nơi đăng ký

hơn là người Việt Nam. Ngay cả trang web mà người Việt Nam phải dùng để đăng ký thì bằng tiếng Anh, là ngôn ngữ mà ít ai trong cộng đồng DDLĐVN ở Thái Lan biết. Còn về tiếng Thái thì đa số DDLĐVN chỉ biết nói chứ ít ai biết đọc để điền mẫu đơn trực tuyến.

### Người di dân với mạng xã hội

Trước những căng thẳng tinh thần và thể chất trong cuộc sống lao động nhập cư không giấy tờ, mạng xã hội đóng vai trò quan trọng trong cách các DDLĐVN ở Thái Lan đương đầu với tình trạng thiệt thòi trong cuộc sống. Trong những năm gần đây, Facebook đã trở nên phổ biến ở Việt Nam, là một trong những thị trường phát triển nhanh nhất của Facebook trên thế giới. Tính đến tháng 1 năm 2020, tỷ lệ sử dụng internet của Việt Nam là 70% với 68,17 triệu người dùng. Trong số này, 65 triệu người cũng sử dụng mạng xã hội.<sup>43</sup> Facebook là nền tảng mạng xã hội phổ biến nhất tại Việt Nam, được 61 triệu người sử dụng. Đến tháng 7 năm 2020, con số này đã tăng lên 64 triệu, khiến cho Việt Nam đứng thứ 7 trên thế giới về số lượng người dùng Facebook.<sup>44</sup> Phần lớn người dùng Facebook ở Việt Nam là người trẻ, trong độ tuổi từ 18 đến 34 tuổi. Đa số sử dụng Facebook để đăng ảnh, xem video và trò chuyện với người khác thông qua ứng dụng Facebook Messenger. Một số người Việt Nam cũng sử dụng Facebook như một phương tiện để bán hàng trực tuyến.<sup>45</sup> Vì Facebook cũng rất phổ biến ở Thái Lan, quốc gia có 50 triệu người dùng

---

<sup>43</sup> “Digital 2020: Vietnam,” *Datareportal* (18/2/2020), <https://datareportal.com/reports/digital-2020-vietnam#:~:text=There%20were%2068.17%20million%20internet,at%2070%25%20in%20January%202020.>

<sup>44</sup> “Leading countries based on Facebook audience size as of July 2020,” *Statista*, <https://www.statista.com/statistics/268136/top-15-countries-based-on-number-of-facebook-users/>

<sup>45</sup> “Number of Vietnam Facebook users,” *Statista*, <https://www.statista.com/statistics/490478/number-of-vietnam-facebook-users/>.

trong tổng số 70 triệu dân,<sup>46</sup> nên các DDLĐVN ở Thái Lan cũng hầu hết chọn sử dụng Facebook.

Có thể nói hầu hết các DDLĐVN tại Thái Lan đều có tài khoản Facebook. Trong một cuộc khảo sát mà tôi đã thực hiện cho thấy, nhiều người sử dụng Facebook tới 5 hoặc 6 giờ một ngày trong cũng như sau giờ làm việc. Bởi vì các DDLĐVN làm việc cả ngày và đêm tùy thuộc vào loại công việc, nên người ta có thể thấy họ lên mạng vào mọi giờ trong ngày. Đối với các DDLĐVN ở Thái Lan, Facebook không chỉ là một cách để chia sẻ hình ảnh, suy nghĩ và giữ kết nối với bạn bè và gia đình, mà còn là một nguồn tin tức và giải trí vì nhiều bài báo và video clip được chia sẻ trên nền tảng này.

Việc sử dụng Facebook cách phổ biến của các DDLĐVN ở Thái Lan đã khiến mạng xã hội có một vai trò khác biệt trong đời sống của nhóm này. Nó đã trở thành cách phổ biến nhất để họ giữ liên lạc với các thành viên trong gia đình ở Việt Nam. Ngoài ra, vì một số lượng lớn DDLĐVN là cha mẹ trẻ, đã gửi con cái của họ cho ông bà, cô chú ở nhà chăm sóc, các ứng dụng nhắn tin và *video chat* là cách rẻ nhất và thuận tiện nhất để theo dõi các sinh hoạt, hành vi hằng ngày của con cái họ, cũng như duy trì, vun đắp mối quan hệ cha mẹ - con cái. Trong số các DDLĐVN, cũng có nhiều trường hợp vợ hoặc chồng ở trong nước, còn người phối ngẫu thì đi làm việc ở nước ngoài. Do đó, các ứng dụng nhắn tin di động cũng là những phương cách chính yếu mà các cặp vợ chồng sử dụng để duy trì liên lạc thường xuyên.

Ngoài việc đóng vai trò là một phương thể liên lạc với các thành viên trong gia đình, Facebook còn là một phương tiện mà các DDLĐVN có thể thu thập các thông tin mà trước đây chỉ có thể được truyền miệng. Hiện nay, có hàng chục trang Facebook cộng đồng hoặc nhóm đã được thành lập nhằm mục đích thảo luận và trao đổi thông tin trong cộng đồng và xã hội. Một nhóm có tên “Hội Người Việt tại Thái”, tính đến tháng 11 năm 2021, có hơn 108.000 thành viên và là nhóm FB lớn nhất nhắm đến các

---

<sup>46</sup> “Social Media Trends,” *Lexicon*, <https://lexiconthai.com/blog/social-media-trends-2019-facebook-in-thailand/>.

vấn đề liên quan đến cộng đồng người Việt di cư tại Thái Lan. Một trong những người tạo và quản trị viên chính của trang là Hà Văn Phúc. Theo anh Phúc, trang này được thành lập cách đây 10 năm, ở thời điểm đó trong cộng đồng người Việt di cư ở Thái Lan chưa có một diễn đàn chung nhằm phục vụ cho cả cộng đồng. Khi trang FB này ngày càng trở nên nổi tiếng và có sức ảnh hưởng trong cộng đồng, các trang khác cũng được tạo ra, dẫn đến có gần chục trang loại này.

Các thành viên chủ yếu đến với diễn đàn vì những vấn đề chung, chẳng hạn như tìm việc làm, tìm kiếm sự hỗ trợ về thị thực hoặc cách gửi tiền về nước và quảng cáo hàng hóa và dịch vụ của mình. Nhiều thành viên còn đăng tải những tin tức, thông tin ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của các DDLĐVN tại Thái Lan. Tin tức về các cuộc truy quét của cảnh sát đang hoặc có thể sẽ xảy ra, và người Việt Nam bị bắt vì sai phạm, luôn được các thành viên nhiệt tình chia sẻ và bình luận.

Các bài đăng khác nhận được sự quan tâm lớn của các thành viên là tin tai nạn giao thông trong đó có nạn nhân là người Việt Nam. Trong năm 2019, một số vụ tai nạn nghiêm trọng đã xảy ra liên quan đến xe của công ty CPS, dịch vụ đưa người đi gia hạn thị thực lớn nhất cho người lao động Việt Nam và Lào tại Thái Lan. Những vụ tai nạn này đã dẫn đến thương tích hoặc tử vong cho hàng chục hành khách của công ty, cả Việt Nam và Lào. Các clip tin tức và hình ảnh về những vụ tai nạn này đã được đăng tải trên nhiều diễn đàn khác nhau, sau đó được nhiều thành viên chia sẻ, dẫn đến việc một số thành viên lên tiếng kêu gọi tẩy chay công ty. Trước những dư luận xấu mà công ty nhận được từ khách hàng, CPS đã phản hồi bằng cách tổ chức một cuộc họp với các quản trị viên trang Facebook nổi tiếng và người lao động Việt Nam vào ngày 31/8/2019 để làm rõ những hiểu lầm và thảo luận cách cải thiện dịch vụ. CPS cũng trả lời các vấn đề thắc mắc bằng một tuyên bố chính thức sau cuộc họp, được đăng trên các trang nhóm Facebook khác nhau cũng như trang Facebook mới được tạo của họ. Theo Hà Văn Phúc, một trong những mục đích của việc thành lập ‘Hội Người Việt tại Thái’ là tạo ra một diễn đàn để gặp gỡ và hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống cũng như trong các vấn đề liên quan đến công việc.

Các mục tiêu của diễn đàn này đã được hiện thực hóa ở một mức độ nhất định vì nó đã trở thành nơi mà nhiều người tìm đến để tìm kiếm tình bạn khi họ cô đơn cũng như tìm sự trợ giúp khi họ gặp khó khăn trong cuộc sống.<sup>47</sup>

Ngoài các trang cộng đồng chung, còn có các trang Facebook của cộng đồng Công giáo Việt Nam tại Thái Lan. Quan trọng nhất là trang “Liên Hiệp Công Giáo Việt Nam tại Thái Lan”, là trang chính thức của Ủy ban Mục vụ Di dân Việt Nam trực thuộc Hội đồng Giám mục Thái Lan. Nội dung của trang chủ yếu bao gồm lịch Thánh lễ hàng tuần hoặc hình ảnh của các cử hành phụng vụ quan trọng đã diễn ra. Trước khi có hiện tượng mạng xã hội, ban tổ chức Thánh lễ đã phải phụ thuộc vào việc phổ biến bằng việc truyền miệng. Thời đại của mạng xã hội đã làm cho công việc này trở nên dễ dàng hơn nhiều, và các Thánh lễ vào những dịp quan trọng như lễ Phục sinh, Giáng sinh hoặc lễ Đức Mẹ về trời trước thời đại dịch từng quy tụ được từ 1.000 đến 2.000 người tham dự. Các Thánh lễ của nhóm nhỏ, diễn ra tại các nhà thờ khác nhau hàng tuần, có số lượng người tham dự từ vài chục đến vài trăm người.

Bên cạnh trang Facebook chính thức của Ủy ban Mục vụ Di dân Việt Nam còn có các trang Facebook của từng nhóm Công giáo ở các địa phương. Tại Tổng Giáo phận Bangkok có 12 nhóm, mỗi nhóm đều có trang Facebook riêng của mình để phổ biến những thông tin và hình ảnh liên quan đến sinh hoạt nhóm. TGP Bangkok là nơi quy tụ nhiều nhóm Công giáo nhất, số còn lại rải rác trên các giáo phận khác, tổng cộng gần 10 nhóm. Tất cả các nhóm này cũng lập cho mình trang Facebook để phục vụ các thành viên trong nhóm. Điểm này ở các nhóm Công giáo tại Thái Lan trùng hợp với các nhóm di dân Công giáo tại các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan... các nhóm này đều có những trang Facebook của mình.

Đối với các DDLĐVN Công giáo, được tiếp cận với nhà thờ và các bí tích bằng ngôn ngữ mẹ đẻ là một nguồn hỗ trợ tinh thần quý giá giữa bao vất vả trong cuộc sống thường nhật. Do không thông thạo tiếng Thái, đặc biệt là ngôn ngữ trang trọng dùng trong phụng vụ và nghi lễ, người lao

---

<sup>47</sup> Cuộc phỏng vấn anh Hà Văn Phúc diễn ra vào ngày 22/9/2019.

động Việt Nam không thể hiểu được nhiều khi tham dự các Thánh lễ bằng tiếng bản xứ. Nhiều người cũng cho biết không thể lãnh nhận Bí tích hòa giải do khó khăn về ngôn ngữ (mặc dù các linh mục người Thái vẫn sẵn sàng giải tội cho người Việt Nam). Đối với bí tích này, nhiều người chia sẻ họ cảm thấy an tâm hơn khi có thể trình bày các khúc mắc trong cuộc sống bằng ngôn ngữ của mình cũng như nhận lại được những lời khuyên từ các cha người Việt để giúp họ sống đạo tốt hơn trên xứ người. Việc sử dụng mạng xã hội để thông báo địa điểm và thời gian của các Thánh lễ ở nhiều nơi khác nhau có nghĩa là ngày càng có nhiều DDLĐVN Công giáo có thể lãnh nhận các bí tích để nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng.

Ngoài hỗ trợ cho đời sống thường nhật, có thể thấy rõ vai trò của mạng xã hội trong việc giảm thiểu thiệt thòi cho các DDLĐVN trong những lúc đối mặt với khủng hoảng. Bệnh tật đột ngột, hoặc chấn thương và tử vong do tai nạn giao thông và lao động là điều hay xảy đến với các DDLĐVN. Khi thảm kịch ập đến, họ gần như không nhận được sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương hay bất kỳ tổ chức xã hội nào ở Thái Lan. Vì là người không có giấy tờ nên người lao động Việt Nam sẽ không dám tìm đến người Thái để được giúp đỡ. Do đó, trong thời điểm khủng hoảng, mạng xã hội trở thành kênh ưu tiên để các DDLĐVN tiếp cận với nhau nhằm tìm kiếm sự hỗ trợ và giúp đỡ. Những lời chia buồn, nỗ lực quyên góp và gợi ý về cách giải quyết vấn đề đều được truyền đạt thông qua mạng xã hội. Những quyên góp như vậy có thể nhận được từ 20.000 baht đến vài trăm ngàn baht, tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của sự việc. Khi các DDLĐVN tìm đến nhau để hỗ trợ, họ thường sử dụng câu ngạn ngữ nổi tiếng của Việt Nam là “lá lành đùm lá rách”. Những người khác thêm vào câu nói quen thuộc này, “Lá rách đùm lá tả toi”, để nói lên rằng mặc dù hoàn cảnh của các DDLĐVN rất chật vật, nhưng họ luôn có thể chia sẻ với những người thậm chí còn khốn khó hơn.

## **Mạng xã hội trong thời kỳ đại dịch Covid-19**

Thời gian từ giữa tháng Ba đến nửa đầu tháng Tư năm 2020 là một trong những lúc hỗn loạn và căng thẳng nhất đối với các DDLĐVN ở Thái Lan như đã nói ở trên. Căng thẳng gia tăng do nhiều người không được tiếp cận thông tin chính thức về tình hình liên tục thay đổi cả đại dịch nói chung cũng như các vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống mưu sinh của họ tại Thái Lan. Thông tin mà họ nhận được qua mạng xã hội thường không rõ ràng hoặc mâu thuẫn. Ví dụ, trong khoảng thời gian từ ngày 20 đến 25/3/2020, một nguồn thông tin nói rằng các trạm kiểm soát nhập cư đã bị đóng cửa trong khi một nguồn khác tuyên bố rằng vẫn còn mở. Về việc gia hạn thị thực, trước khi thông báo đặc xá chính thức được công bố, cũng có nhiều thông tin trái chiều liên tục được đăng tải bởi nhiều người trong cộng đồng. Một số nguồn tin cho rằng tất cả người nước ngoài phải đến văn phòng nhập cư để gia hạn thời gian lưu trú tại Vương quốc Thái Lan trong khi những người khác tuyên bố rằng không cần làm việc này. Mọi người có thể dễ thị thực hết hạn cho đến khi các trạm kiểm soát biên giới mở cửa trở lại, sau đó có thể đi gia hạn mà không bị phạt. Đây là một vấn đề gây căng thẳng và lo lắng cho các DDLĐVN vì mặc dù họ muốn tiết kiệm thời gian và tiền bạc cũng như thực hiện việc giãn cách xã hội, nhưng một quyết định sai lầm cũng có thể khiến họ bị bắt, bị trục xuất và bị đưa vào danh sách đen của chính phủ Thái.

Trong quá trình dần thân vào mục vụ với người di dân Việt Nam tại Thái Lan, tôi cũng đã làm quen với mạng xã hội và sử dụng nó như một phương tiện quan trọng trong các hoạt động của mình, đặc biệt là hoạt động tiếp cận cộng đồng. Vì thế, nhiều người trong cộng đồng di dân, nhất là những người ngoài Công giáo, biết đến tôi nhờ vào mạng xã hội. Trong làn sóng đầu của đại dịch Covid-19 ở Thái Lan, tôi đã hết sức tích cực hiện diện trên mạng bằng cách đăng các bản cập nhật về đại dịch có liên quan nhiều nhất đến hiện trạng của các DDLĐVN. Tôi lùng sục khắp các cổng thông tin bằng tiếng Thái và tiếng Anh, theo dõi các cuộc họp báo hằng ngày từ Trung tâm Kiểm soát Dịch bệnh, giữ liên lạc với Đại sứ



quán Việt Nam tại Thái Lan và thường xuyên liên lạc với những người có thể cung cấp cho tôi những thông tin quan trọng với mục đích là có những tin tức chính xác, cập nhật và hữu ích để truyền tải đến người Việt Nam. Tôi xem hoạt động này như một trọng trách vì nhiều người từng nói với tôi rằng, họ sẽ không tin bất cứ điều gì được công bố trên các trang mạng xã hội của người Việt cho đến khi họ nhìn thấy nó trên trang mạng xã hội của tôi. Mỗi khi tôi được mời đi dâng lễ ở các nhóm Việt Nam, trong lời cảm ơn cuối lễ cũng thường hay nhắc đến việc tôi thường xuyên đăng tin tức bổ ích cho cộng đồng. Vì thế, không có gì ngạc nhiên khi trong những ngày hỗn loạn nhất của đại dịch vừa bùng phát, hộp thư đến trên Facebook của tôi tràn ngập các truy vấn liên quan đến những nội dung tôi đã đăng hoặc những vấn đề mà mọi người đọc hoặc nghe ở nơi khác và muốn nhờ tôi xác minh hoặc giải thích thêm. Các bài viết của tôi cũng được chia sẻ rộng rãi đến các trang cá nhân và cộng đồng khác. Lúc ấy tôi dường như đã trở thành một kênh tin tức riêng cho các DDLĐVN, giúp họ hiểu rõ hơn về tình hình và đưa ra quyết định về những vấn đề quan trọng đối với cuộc sống và sinh kế của họ.

Trong thời gian đại dịch tiếp diễn, nhiều DDLĐVN đã rơi vào tình huống thảm khốc mà không được giúp đỡ bao nhiêu. Một số người không còn tiền thuê nhà và tiền ăn vì không có việc làm. Vợ chồng anh H. sinh con non phải đưa vào phòng chăm sóc đặc biệt (ICU) như đã kể đầu bài. Một nam thanh niên khác làm việc ở miền nam Thái Lan bị ốm vì sốt xuất huyết và chết trong bệnh viện trên đảo Samui. Một người thứ ba cũng chết tại một bệnh viện ở Bangkok sau một vụ tai nạn hỏa hoạn xảy ra trong căn phòng trọ của anh ta. Ngoài những trường hợp này còn có những người khác chết vì tai nạn, bệnh tật, thậm chí bị Covid-19. Trong tất cả những trường hợp này, người thân và bạn bè của họ luôn liên hệ với tôi qua mạng xã hội để xin giúp đỡ. Một số trường hợp tôi đại diện gia đình kêu gọi sự giúp đỡ, hoặc tôi khuyến khích người thân và bạn bè đăng bài viết để trực tiếp kêu gọi sự hỗ trợ từ cộng đồng. Mặc dù đang ở giữa đại dịch mà phần lớn các DDLĐVN dường như chỉ đủ sống qua ngày bằng tiền tiết kiệm hoặc bất cứ thứ gì họ có thể kiếm được từ những công việc lặt vặt, nhiều

người đã đáp lại lời kêu gọi bằng những khoản quyên góp nhỏ để giúp đỡ đồng hương. Tóm lại, vì không có các kênh chính thức để được hỗ trợ, trong đại dịch Covid-19, các DDLĐVN ở Thái Lan đã tương trợ lẫn nhau thông qua nhịp cầu của mạng xã hội.

Thời kỳ khó khăn trong đại dịch còn chứng kiến việc sử dụng mạng xã hội để tương trợ lẫn nhau qua nhiều hình thức khác. Từ cuối năm 2020, khi làn sóng thứ tư của đại dịch bùng phát tại Thái Lan, nhiều người Việt bị nhiễm cần được hỗ trợ về thông tin để nắm rõ tình hình về đại dịch nói chung, đặc biệt về việc xét nghiệm, điều trị và đăng ký tiêm vắc-xin. Nhận ra nhu cầu này, Ủy ban Mục vụ Di dân Việt Nam đã lập nên một trang Facebook có tên là “Thông tin Covid-19 Thái Lan” được đảm trách bởi một tình nguyện viên là chị Phan Thị Thùy Tiên. Chị Tiên là một người con Đà Nẵng, đến Thái Lan du học cách đây hơn 10 năm. Sau khi tốt nghiệp từ một trường đại học ở tỉnh Udon Thani, chị Tiên tiếp tục ở lại Thái Lan, và hiện đang làm việc trong một trường đại học Công giáo tại Bangkok. Với kinh nghiệm sống tại Thái Lan nhiều năm, đồng thời thông thạo ngôn ngữ bản xứ, chị Tiên dễ dàng tiếp cận được với các nguồn thông tin chính thức về đại dịch để truyền đạt lại cho cộng đồng. Bên cạnh cập nhật các con số thống kê, trang còn đăng những bản tin cũng như thông báo quan trọng về đại dịch nhằm giúp cộng đồng biết cách để tiếp cận được với những nơi xét nghiệm, điều trị và tiêm thuốc. Ngoài ra, trang thông tin cũng cung cấp số điện thoại cá nhân của chị Tiên để những người cần sự giúp đỡ có thể gọi điện thoại trực tiếp để xin được tư vấn. Những người không gọi điện thoại cũng có thể xin tư vấn qua hộp thư tin nhắn của trang. Qua cổng thông tin này mà nhiều người trong cộng đồng đã tiếp cận được với những thông tin bổ ích cũng như sự tư vấn khi gặp khó khăn đối phó với dịch bệnh.

Ngoài việc “đói” thông tin rõ ràng và chính thức trong mùa dịch, cái đói về thể chất là có thật khi có rất nhiều DDLĐVN đã mất việc làm, không có nguồn thu nhập để trang trải cho cuộc sống thường nhật. Nhận thấy sự bi đát trong cộng đồng, thiếu sự giúp đỡ từ các nhà chức trách, anh Bùi Đình Anh, một giáo dân Công giáo đã nhiều năm sinh hoạt tích cực

trong cộng đồng người Việt nói chung, cách riêng cộng đồng Công giáo, đã kết hợp với một số anh chị em đồng hương để tổ chức quyên góp và hỗ trợ thực phẩm cho những anh chị em đang gặp khó khăn trên tinh thần tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách. Những lời kêu gọi sự chung tay từ cộng đồng được anh Đình Anh và các cộng sự đăng tải lên trên trang Facebook cá nhân cũng như trang Facebook “Cộng đồng người Việt tại Thái Lan” mà anh Đình Anh là quản trị viên. Khi nhận được các khoản đóng góp, anh Đình Anh cũng đăng lên trang Facebook với lời cảm ơn mạnh thường quân. Với sự hỗ trợ của các cộng sự và một số linh mục Việt Nam đang phục vụ tại Thái Lan, anh Đình Anh đã hỗ trợ hơn 2.000 phần quà cho hơn 1.000 di dân Việt Nam gặp khó khăn trong thời cao điểm của làn sóng thứ tư của đại dịch tại Thái Lan. Ngoài nhóm “tự phát” của anh Bùi Đình Anh còn có một số nhóm và cá nhân khác cũng đã thực hiện công tác hỗ trợ đồng hương qua việc quyên góp từ các lòng hảo tâm.

Trong sách Phúc Âm Mátthêu, Chúa Giêsu khẳng định rằng con người không chỉ sống bằng cơm bánh, nhưng còn cần những món ăn tinh thần để nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng. Tại Thái Lan cũng không khác ở vô số nơi khác trên thế giới, khi đại dịch xảy đến, hoặc trong những thời gian dịch bệnh tái bùng phát thì nhiều cơ sở buộc phải đóng cửa hoặc hạn chế các hoạt động tụ tập đông người. Các nhà thờ và chùa chiền không ngoại lệ. Nhìn chung, các nhà thờ Công giáo tại Thái Lan tuân thủ các biện pháp chống dịch được chính phủ ban hành rất nghiêm túc. Trước tình trạng các nhà thờ đóng cửa, các Thánh lễ bằng mọi ngôn ngữ đều bị ngừng thì các sinh hoạt của cộng đồng Công giáo Việt Nam tại Thái Lan cũng dường như bị khựng lại hoàn toàn. Tuy nhiên, khi các nhà thờ trở nên vắng vẻ thì các sinh hoạt tôn giáo trên không gian mạng xã hội lại trở nên nhộn nhịp và sinh động hơn bao giờ hết. Sự khao khát của các chủ chiên muốn gần gũi những con chiên của mình, được an ủi họ trong những lúc gian nan, được khuyến khích họ trước những nỗi tuyệt vọng, được trấn an họ trước những hoang mang của thời cuộc, chính là động lực thúc đẩy các mục tử tìm đến mạng xã hội để nối kết với giáo dân, để duy trì mối hiệp thông giữa chủ chiên và con chiên. Tại Thái Lan, trang Facebook chính thức của

Ủy ban không chỉ còn là trang để đăng lịch Thánh lễ vì tất cả các Thánh lễ đã bị tạm ngưng. Thay vào đó, trang Facebook trở nên nơi để phát sóng trực tuyến các Thánh lễ Chúa Nhật cho cộng đồng di dân tại Thái Lan. Cha Giuse Nguyễn Mạnh Hà, OP, linh mục đặc trách mục vụ di dân Việt Nam tại TGP Bangkok đã phải mua sắm những thiết bị cần thiết để đều đặn phát sóng các Thánh lễ trực tuyến suốt mùa dịch, mỗi khi các nhà thờ đóng cửa hoàn toàn hoặc khi chưa được trở lại như bình thường. Ngài kể: “Ban đầu thì tôi chỉ có một chiếc điện thoại cùi và chỗ tôi ở là chỗ mới nên chưa lắp được mạng có wifi nên tín hiệu khá yếu. Với một người không rành về công nghệ như tôi thì ban đầu cũng vất vả trong quá trình livestream. May thay có một số anh chị em rất nhiệt tình, góp ý thế này chưa được, cái kia cần chỉnh... thế là có thêm đèn chiếu sáng, thiết bị âm thanh và ngay cả chỗ dâng lễ cũng được chỉnh chu hơn.”<sup>48</sup>

Ngoài phát sóng trực tuyến Thánh lễ Chúa Nhật, Cha Hà còn đăng tải video bài giảng cho Thánh lễ Chúa Nhật trước đó vài ngày để giúp cho giáo dân có dịp suy tư Lời Chúa trước ngày lễ. Về điều này, Cha Hà cũng phải vượt qua những ái ngại cá nhân để thực hiện công việc mục vụ với người di dân dưới sự chăm sóc của ngài. Ngài tâm sự:

Khi chia sẻ bài giảng và dâng lễ online thì cũng thấy ngại và sợ. Ngại, sợ rằng không biết khán thính giả của mình là những ai, những ai có thể đón nhận, những ai sẽ là người phản biện mình... Và thực tế ấy cũng đã xảy ra, nhưng tạ ơn Chúa khi một ngày kia gặp một anh cán bộ trong Đại sứ quán Việt Nam, anh ấy nói cha chia sẻ bài giảng hàng tuần và dạy người ta những chân lý, những việc đạo đức cần làm vậy là tốt lắm, xin cha cứ tiếp tục nhé. Khi đó tôi như vớ được phao khi mình nổi trôi và hứa với lòng mình sẽ không bỏ chia sẻ chỉ trừ khi bị bệnh, hoặc không thể được nữa thì thôi như lời Thánh Phêrô đã nhắn nhủ: ‘Hãy luôn luôn sẵn sàng trả lời cho bất cứ ai chất vấn về niềm hy vọng của anh em’ (1Pr 3,15).

---

<sup>48</sup> Trao đổi trực tiếp với Cha Giuse Nguyễn Mạnh Hà qua Facebook Messenger.

Mặc dù mục đích chính yếu là để phục vụ cộng đoàn di dân, nhưng trong kỷ nguyên internet, thì các video bài giảng của ngài không chỉ được con chiên ở Thái Lan truy cập mà còn được chia sẻ đến với giáo dân ở nhiều nơi khác ngoài Thái Lan. Cha Hà cho hay:

Có một điều tôi cảm thấy hạnh phúc khi các bài chia sẻ, và các Thánh lễ online được nhiều người đón nhận. Thực tế nếu một Thánh lễ tại Thái Lan mà quy tụ được 500 người tham dự thì đã là một đại lễ rồi, thế nhưng các Thánh lễ các bài chia sẻ đã vượt con số này rất nhiều. Các Thánh lễ khi tổ chức chỉ có một số người trong giáo xứ hoặc những người lân cận tham dự, nhưng các Thánh lễ online và các bài chia sẻ thì không bị chi phối về yếu tố địa lý và đã vượt ra khỏi ranh giới quốc gia, tới nhiều nơi trên thế giới mà nếu không có thời đại 4.0 thì có mơ cũng không thể có được. Anh chị em có thể nghe bài giảng bất cứ nơi nào, thời gian nào vì bây giờ ai cũng có điện thoại, cho nên dù là đang nấu cơm, đang đi làm, đang đi trên tàu, xe buýt mở ra là đã có thể nghe được. Đây là điều tốt và ta tận dụng thời internet này để Lời Chúa có thể đến với mọi nơi và mọi người.

### **Các vấn đề cần quan tâm**

Mặc dù các DDLĐVN trẻ tuổi ở Thái Lan đã học cách sử dụng mạng xã hội một cách tích cực, đặc biệt dùng nó như nguồn hỗ trợ xã hội và tinh thần trong những hoàn cảnh khó khăn, nhưng không thể phủ nhận rằng vẫn còn nhiều lĩnh vực cần phải quan tâm. Phần lớn các vấn đề liên quan đến việc lạm dụng cũng như sử dụng mạng xã hội một cách thiếu thận trọng và khôn ngoan, gây ảnh hưởng tiêu cực trên đời sống cá nhân và cộng đồng.

## **1. Thiếu sự giám sát của người lớn trong việc sử dụng mạng xã hội**

Mạng xã hội là một thế giới tràn ngập sự lôi cuốn và vô số cơ hội cho những mối quan hệ mới, nhưng cũng đầy nguy hiểm. Những người trẻ, bất kể họ là sinh viên hay lao động nhập cư, cần có sự giám sát và hướng dẫn của người lớn để điều chỉnh việc sử dụng và tham gia vào các hoạt động mạng xã hội. Khi những người trẻ sống trong môi trường gia đình hoặc môi trường khác có sự hướng dẫn của người lớn, những nguy cơ liên quan đến việc sử dụng mạng xã hội không được kiểm soát có thể được giảm thiểu. Thật không may, trong khi nhiều DDLĐVN ở Thái Lan là thanh niên, thậm chí cả thiếu niên, họ thường không được hưởng sự giám sát của người lớn. Họ sống xa gia đình, làm việc ở một đất nước khác, thường sống với bạn bè và người quen cùng lứa tuổi. Một số sống với anh chị hay người thân lớn tuổi hơn, nhưng bản thân họ là những công nhân nhập cư cũng phải làm việc nhiều giờ và không phải lúc nào cũng có thời gian hoặc đủ kiên nhẫn để theo dõi sát những gì người trẻ đang làm. Do thiếu sự giám sát của cấp trên, nhiều lao động trẻ nhập cư dành quá nhiều thời gian trên mạng xã hội hoặc đăng các bài viết không phù hợp, có khi phát trực tiếp những sinh hoạt bị luật pháp Thái Lan cấm, chẳng hạn như mỗ chó hoang để nhậu nhẹt, tiệc tùng ồn ào với bạn bè trong phòng trọ, v.v.

## **2. Thiếu sự kiểm soát và điều tiết**

Như đã nói trên đây, có rất nhiều nhóm Facebook phục vụ cộng đồng người Việt di cư sang Thái Lan. Tuy nhiên, hầu hết các nhóm này không thuộc bất kỳ tổ chức chính thức nào, mà do chính các DDLĐVN trẻ lập ra. Do đó, các quản trị viên trẻ của các trang này trở thành người thiết lập các quy tắc cho trang FB và kiểm duyệt nội dung. Thật không may, do tính chất không chính thức của các trang FB và thiếu cơ chế rõ ràng để điều chỉnh nội dung, một số trang trở thành một nơi hỗn hợp bao gồm các bài viết tin tức cộng đồng, quảng cáo sản phẩm, tự giới thiệu tìm kiếm bạn bè, loan tin đồn thất thiệt và dùng để thực hiện các cuộc tấn công cá nhân.

Trong một số trang, các câu hỏi nghiêm túc do một thành viên đăng lại được trả lời bằng những bình luận thô lỗ và vô ích. Những lời xúc phạm và tấn công cá nhân khá phổ biến trong nhiều cuộc trao đổi của các nhóm này, khiến các trang nhiều khi trở nên như một “cái chợ hỗn loạn” hơn là một “không gian cộng đồng kỹ thuật số”.

Có trường hợp các trang nhóm Công giáo được các bạn trẻ di dân lập lên và điều hành, nhưng sau đó người quản trị trang di chuyển công việc, về lại Việt Nam, đi làm ở nước khác, bỏ sử dụng tài khoản, hoặc không thể sử dụng tài khoản vì quên mật khẩu, v.v. khiến cho trang không còn quản trị viên. Tình trạng này đã dẫn đến một số trang mang tên nhóm Công giáo Việt Nam tại Thái Lan bị kẻ xấu lạm dụng, nhập vào làm thành viên rồi đăng lên những bài viết cổ tình bôi nhọ đạo và Giáo hội Công giáo.

### **3. Sử dụng mạng xã hội không đúng cách**

Ngày càng có nhiều DDLĐVN trẻ ở Thái Lan lên các trang Facebook của nhóm hoặc trang cá nhân để đăng những bài tố cáo những người bị cho là lừa đảo. Những bài đăng này hầu như luôn bao gồm nhiều hình ảnh của người bị cáo buộc sai phạm. Đôi khi có cả ảnh photo hộ chiếu của họ nữa. Những người bị đưa lên mạng xã hội này bị buộc tội về nhiều thứ, bao gồm ăn cắp tài sản, quỵt nợ, không trả tiền cho một dịch vụ nào đó, và thậm chí là cướp người yêu của người khác. Dĩ nhiên những bài đăng này luôn thu hút được rất nhiều sự quan tâm cũng như nhiều bình luận từ cư dân mạng, phần lớn đứng về phía cá nhân thực hiện bài đăng và lên án người bị cho là sai phạm.

Mặc dù những bài đăng này rất phổ biến trên các trang cá nhân và trang nhóm của các DDLĐVN ở Thái Lan, nhưng hầu như không thể xác minh tính chính xác của những lời buộc tội này. Cho dù một số bài đăng cũng trình bày những cái được cho là bằng chứng về hành vi sai phạm, nhưng người ta khó có thể nắm được toàn bộ câu chuyện để có thể đưa ra một kết luận chắc chắn. Tuy nhiên, trong trường hợp những lời buộc tội

này sai sự thật, có thể vô cùng phương hại đến danh tiếng và đời sống của người bị buộc tội.

Thật không may, đối với các DDLĐVN trẻ ở Thái Lan, dường như có rất ít cơ chế được thiết lập để điều chỉnh và xác minh tính chính xác của những bài đăng vô cùng nhạy cảm này. Nếu trong trường hợp ai đó bị tố cáo oan thì họ cũng không biết có thể dùng biện pháp gì để minh oan và lấy lại sự công bình cho bản thân.

#### **4. Thiếu thẩm quyền để xác minh thông tin**

Từ những gì đã trình bày trên đây, có thể thấy rằng thông tin chính xác, đặc biệt là về các vấn đề liên quan đến cuộc sống và sinh kế của các DDLĐVN trẻ ở Thái Lan là một nhu cầu đặc biệt quan trọng trong cộng đồng này. Trên thực tế, có rất nhiều thông tin được đăng tải trên mạng xã hội nói về những điều đang diễn ra trong xã hội Thái Lan nói chung và về cộng đồng người Việt di cư nói riêng. Những bài viết này có được là vì có một số lao động nhập cư Việt Nam có trình độ tiếng Thái tương đối tốt, nắm rõ những thời sự đang diễn ra, điển hình hoạt động của chị Phan Thị Thùy Tiên với trang “Thông tin Covid-19 Thái Lan”.

Tuy nhiên, đây không phải là trường hợp của đại đa số các bài đăng được thực hiện trên các trang mạng xã hội khác. Ở những bài viết này, thông tin ít khi được dẫn nguồn rõ ràng, đầy đủ để người đọc có thể kiểm chứng. Kết quả là, rất nhiều thông tin được đưa ra cho cộng đồng mà không có bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền nào thực hiện vai trò xác định và điều chỉnh tin tức giả mạo cũng như những thông tin sai lệch, dẫn đến tình trạng nhiều DDLĐVN trở thành nạn nhân của nạn tin giả trên mạng xã hội.



## **Những điều cần lưu ý**

Dựa trên những gì đã trình bày về vai trò của mạng xã hội trong đời sống của DDLĐVN tại Thái Lan cũng như trong hoạt động mục vụ di dân đã trình bày phía trên, có thể đưa ra một số điểm đáng lưu ý như sau:

- Mạng xã hội có thể đóng vai trò như một nền tảng giúp cộng đồng di cư ở nước ngoài dễ dàng tìm được những thông tin liên quan đến hoàn cảnh của họ, dựa vào các nguồn tin đáng tin cậy, cho dù không chính thức, để giúp họ có những quyết định đúng đắn về các vấn đề quan trọng liên quan đến cuộc sống và sinh kế. Mạng xã hội thuận tiện và mang lại hiệu quả trong những vấn đề cấp bách vì thông tin có thể được đăng tải và truyền đạt nhanh hơn các kênh thông tin chính thống. Các phương tiện truyền thông thường chuyển tải rất nhiều thông tin, nhưng các thông tin đó không phải lúc nào cũng hướng đến những nhóm người có hoàn cảnh đặc biệt như cộng đồng lao động di dân hoặc những nhóm người hay bị xã hội lãng quên. Qua mạng xã hội, người ta không chỉ tạo ra các cộng đồng riêng biệt trên nền tảng này, mà còn có thể chủ động trong việc chia sẻ các thông tin về các vấn đề liên quan trực tiếp đến từng nhóm người đó.

- Mạng xã hội có thể đóng vai trò là kênh kêu gọi hỗ trợ về tinh thần và vật chất cho người lao động nhập cư ở nước ngoài khi không có các kênh hỗ trợ chính thức từ chính phủ hay các tổ chức xã hội. Điều này thường xảy ra đối với các lao động nhập cư ở nước ngoài vì hoàn cảnh cư trú và làm việc bất hợp pháp. Nhưng kinh nghiệm của các DDLĐVN tại Thái Lan còn cho thấy rằng: nhiều người cảm thấy họ khó có thể tìm kiếm được sự hỗ trợ từ những tổ chức của chính phủ, ngay cả khi họ không làm gì sai, chẳng hạn như khi họ là nạn nhân của tai nạn giao thông hoặc bị đối xử bất công từ chủ lao động. Thông qua nền tảng mạng xã hội, các DDLĐVN có thể giúp nhau để tìm ra

hướng giải quyết các vấn đề cũng như hỗ trợ về mặt vật chất khi gặp chuyện rủi ro trong cuộc sống.

- Mạng xã hội có thể trở thành một nguồn hỗ trợ về mặt tinh thần đối với cộng đồng di dân. Qua mạng xã hội, những người trong cộng đồng đang bị nhiều thiệt thòi cảm nhận được sự nối kết với nhau; đồng thời, họ có thể chia sẻ, thảo luận và tìm kiếm thông tin về các vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống của họ. Trên những trang này, các DDLĐVN có thể bày tỏ một cách cởi mở sự thất vọng vì không thể tìm được việc làm, sự bức xúc khi bị bắt và bị tống tiền, và thậm chí tìm kiếm lời khuyên về cách đối phó với cảnh sát và nhân viên nhập cư trong những tình huống khó khăn. Do đó, mạng xã hội có thể tạo ra một không gian riêng biệt để các DDLĐVN thảo luận và chia sẻ những vấn đề liên quan cụ thể đến hoàn cảnh của mình, thậm chí cả những vấn đề bị coi là bất hợp pháp theo luật quản lý công việc và di trú của quốc gia nơi họ cư trú. Cảm giác được thổ lộ những khúc mắc trong đời sống di dân phần nào giúp họ giải tỏa, cũng như nhận được sự đồng cảm từ những người cùng cảnh ngộ.

- Mạng xã hội có thể làm nên sức mạnh cho cộng đồng bằng cách tạo điều kiện để một số cá nhân có tinh thần và nhiệt huyết có phương tiện để chia sẻ những thông tin hữu ích cho cộng đồng cũng như khuyến khích các thành viên hành động vì lợi ích chung, đặc biệt là trong những hoàn cảnh khó khăn. Mặc dù hầu hết các DDLĐVN tập trung vào việc kiếm sống, nhưng vẫn có một số cá nhân quan tâm đến lợi ích của cộng đồng và luôn nỗ lực phục vụ cộng đồng theo khả năng của mình. Những hoạt động của anh Bùi Đình Anh và các cộng sự, cũng như một số anh chị em khác trong cộng đồng nhằm hỗ trợ những người đang túng thiếu trong đại dịch là một điển hình về cách mạng xã hội có thể trở thành công cụ để giúp thực hiện hóa những ý tưởng tốt lành vì cộng đồng và cho cộng đồng.

• Những người làm mục vụ di dân có thể nhờ vào mạng xã hội để triển khai những hình thức mục vụ sáng tạo nhằm phục vụ cộng đồng cách thiết thực hơn. Không gian mạng xã hội là nơi các mục tử có thể “gặp gỡ” những người giáo dân của mình một cách gần gũi hơn, điều này đặc biệt quan trọng khi điều kiện cuộc sống của người di dân ít cho phép họ đến nhà thờ hoặc tham gia nhiều sinh hoạt tâm linh như ở quê nhà. Nếu như ở trong môi trường truyền thống tại quê nhà, các vị mục tử có nhiều cơ hội hơn để gặp gỡ và giao tiếp với con chiên của mình trong không gian vật lý, thì ở nước ngoài, cơ hội để đến với nhau như vậy rất hiếm. Vì thế, không gian mạng xã hội là nơi mà các vị mục tử có cơ hội “hiện diện” với cộng đồng, đi sát với những biến cố xảy ra trong đời sống của người di dân và có thể tìm ra những phương cách mục vụ nhằm khắc phục những vấn đề nảy sinh trong đời sống của những đối tượng này. Bên cạnh các Thánh lễ trực tuyến, người mục tử có thể dùng không gian mạng để tư vấn và tổ chức những buổi học hỏi, hội thảo hướng tới người di dân, hoặc tổ chức những giờ cầu nguyện và chương trình tĩnh tâm Mùa Chay, Mùa Vọng cho họ.

• Khi nghiên cứu về các cộng đồng yếu thế như cộng đồng di dân, trong thời đại hiện nay, ta không thể đánh giá thấp vai trò của mạng xã hội như là một nguồn cung cấp thông tin nội bộ về kinh nghiệm, tâm tư, và thách đố trong đời sống của họ. Một nhà nghiên cứu về di dân chỉ cần theo dõi diễn đàn mạng xã hội của nhóm người này một thời gian sẽ nhận ra những biến chuyển trong cộng đồng, những hoạt động nổi trội, những nhân vật có ảnh hưởng, những ưu và khuyết điểm cùng với những trải nghiệm chung mà mọi người đang trải qua. Người nghiên cứu cũng có thể tìm được rất nhiều người trên mạng xã hội sẵn sàng chia sẻ những kinh nghiệm, trả lời những thắc mắc và cung cấp những thông tin chi tiết liên quan đến cộng đồng đó. Ngoài ra, những cuộc khảo sát và phỏng vấn người di dân có thể thực hiện dễ dàng qua mạng xã hội, đặc biệt trong tình trạng khó tiếp cận trực tiếp với họ trong không gian vật lý do những hạn chế trong công việc và đời sống.

• Mặc dù mạng xã hội đã được chứng minh là một công cụ hữu ích để nâng cao đời sống của các DDLĐVN trẻ, nhưng nó cũng mang đến nhiều mối nguy hiểm cho cộng đồng trẻ này khi họ không được hướng dẫn đầy đủ để sử dụng và tham gia mạng xã hội cách thận trọng và khôn ngoan; khi nó bị lạm dụng để tấn công người khác; khi nó trở thành kênh truyền bá thông tin sai sự thật và không chuẩn xác. Giống như mọi người trẻ ở bất cứ nơi đâu, việc sử dụng mạng xã hội vì lợi ích và thăng tiến cá nhân cần phải có sự giám sát và hướng dẫn đầy đủ từ những người có thẩm quyền. Ngoài ra, sự hiện diện của những người lớn – những người có thẩm quyền để hướng dẫn đạo đức cho những người trẻ di cư Việt Nam ở Thái Lan nói riêng và ở những nơi khác nói chung là một vấn đề quan trọng cần được các vị mục tử cũng như các chuyên gia quan tâm để giảm thiểu những hậu quả mà người trẻ đang gặp phải trong việc sử dụng mạng xã hội.

\*\*\*

Mạng xã hội đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống hiện đại; tuy nhiên, bản chất của cách thức sử dụng nó sẽ khác nhau tùy theo từng bối cảnh. Mặc dù mục đích kết nối với người khác chính là ý tưởng cơ bản của mạng xã hội, nhưng cách thức cụ thể mà phương tiện này phục vụ cho từng nhóm và từng cá nhân sẽ chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi hoàn cảnh xã hội, kinh tế, văn hóa và tôn giáo của nơi mà mỗi nhóm hoặc cá nhân đang sống. Trong trường hợp của các DDLĐVN ở Thái Lan, mạng xã hội, đặc biệt là Facebook và ứng dụng Messenger của nó có thể được coi là một phương tiện để giảm thiểu thiệt thòi và hỗ trợ họ trong hoàn cảnh khó khăn, chứ không chỉ đơn thuần là một nền tảng để giao tiếp xã hội hoặc để kết nối với gia đình và bạn bè. Việc nhận ra tiềm năng của mạng xã hội như một phương tiện có thể mang lại lợi ích to lớn cho các thành viên trong cộng đồng, đặc biệt cho các nhà hoạt động, cho các nhà lãnh đạo xã hội, và cho các vị mục tử – là những người luôn quan tâm đến quyền lợi của những người yếu thế là hết sức quan trọng và cần thiết.

## Chương 11

# TÔN GIÁO VỚI TƯƠNG LAI KỸ THUẬT SỐ

Chúng ta thử hình dung một viễn cảnh trong tương lai: Vào ngày làm việc bình thường tại một tòa nhà phức hợp hiện đại (bao gồm các căn hộ cao cấp, nhiều văn phòng đại diện của hàng chục công ty tầm cỡ, trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn, khu vực giải trí, cùng lúc có hàng chục nghìn người đang cư trú, làm việc, du lịch và mua sắm ở đó), bỗng dưng người ta nghe có nhiều tiếng nổ lớn, tiếng kính vỡ dữ dội, tiếng la hét và hoảng loạn của mọi người trong tòa nhà. Trong vài giây phút, tòa nhà rộng lớn đã bị thiệt hại nặng nề cùng hàng nghìn người bị thương và tử vong.

Hình ảnh từ hiện trường cho thấy một cuộc khủng bố kinh hoàng đã diễn ra. Vũ khí để hủy hoại tài sản và giết hại mạng sống con người chính là hàng nghìn chiếc *drone* (máy bay điều khiển từ xa) đồng loạt bị một nhóm khủng bố kích nổ trên tòa nhà với những chất nổ tự chế. Các nhà chức trách cho hay, chất nổ được dùng trong vụ khủng bố có tên gọi là *semtex*, một loại chất nổ dẻo được làm từ những vật liệu mà người ta có thể mua một cách dễ dàng từ những siêu thị bán vật liệu xây dựng và đồ nội thất. *Semtex* có khả năng nổ cao, chỉ cần 250 gram là đủ để làm nổ tung một chiếc máy bay thương mại. Kẻ khủng bố đã gắn *semtex* dưới những chiếc *drone* và đồng loạt thả xuống mục tiêu của mình.

Về giá trị, *semtex* rất rẻ, còn những chiếc *drone* được sử dụng cho hành động khủng bố cũng chỉ có giá khoảng 1.000 USD/1 chiếc. Một món đồ chơi trị giá 1.000 USD là tương đối đắt, nhưng nếu là một công cụ khủng bố thì nó vô cùng rẻ. Đối với một tổ chức khủng bố lớn, số tiền vài

triệu USD phải chi cho một vụ tấn công khủng bố quan trọng là không đáng kể. Tuy nhiên, thiệt hại mà họ đã gây ra về tài sản, mạng sống và sự bất ổn trong xã hội thì không thể đo lường được.

Vụ khủng bố đã làm cho các nhà chức trách cũng như người dân hoàn toàn bất ngờ vì trước đây, người ta đã trở nên quen thuộc với cảnh những chiếc *drone* vốn hiện diện trong đời sống thường nhật. Nhiều cha mẹ sắm *drone* cho con cái vui chơi mỗi khi đi dã ngoại ở công viên, ở biển, hay ở những nơi có nhiều khoảng trống. Điều này tương tự như trò chơi thả điều mà trẻ em thời xưa từng chơi. Bên cạnh như một đồ chơi thú vị, *drone* còn được sử dụng phổ biến để đưa thư, giao hàng và gửi quà cho người thân. *Drone* cũng thường xuyên được sử dụng để vận chuyển những thiết bị y tế và thuốc men đến cho những người cao tuổi không dễ dàng đi lại, hoặc đến những vùng sâu vùng xa, di chuyển khó khăn. Những chiếc *drone* được cài đặt để thực hiện những công việc này giúp tiết kiệm thời giờ, nhân lực và chi phí. Người ta đã không lường trước rằng, ngoài những công việc mà *drone* có thể hỗ trợ một cách rất hiệu quả, giúp ích cho xã hội, những chiếc máy này còn có thể trở nên những công cụ tàn phá và gây bất ổn cho toàn thế giới.

Mặc dù sự kiện được viết ở trên chưa xảy ra trên thực tế, nhưng những gì được diễn tả trong tình huống giả sử này hoàn toàn có thể diễn ra trong bối cảnh xã hội và xu hướng phát triển công nghệ kỹ thuật số hiện nay. Trong thực tế, mới đây một tình huống gần giống vậy đã xảy ra. Vào tháng 11 năm 2021, Thủ tướng Iraq Mustafa al-Kadhimi đã may mắn thoát chết sau khi bị ám sát hụt bằng *drone*. Ba chiếc *drone* có gắn đầy chất nổ đã được kẻ xấu phóng đi từ Cầu Cộng hòa trên Sông Tigris tới tư gia của thủ tướng. Mặc dù ông đã thoát hiểm, nhưng vụ tấn công đã khiến cho 6 cận vệ bị thương.<sup>1</sup> Và chúng ta cũng có thể dự đoán rằng sẽ còn có nhiều vụ ám sát tương tự được thực hiện bằng *drone* trong tương lai, không hẳn chỉ với các lãnh đạo quốc gia, mà còn với những đối thủ làm ăn, kẻ thù địch, và thậm chí tình địch.

---

<sup>1</sup> BBC Vietnamese, “Thủ tướng Iraq thoát hiểm trong vụ tư gia bị tấn công ở Baghdad,” (1/11/2021), <https://www.bbc.com/vietnamese/world-59198481>

Theo nhận định của một số chuyên gia, nhân loại đang ở ngưỡng cửa của một cuộc cách mạng tri thức mới và sẽ đưa con người đến một trạng thái hiện sinh hoàn toàn khác so với cuộc cách mạng về ý thức diễn ra khoảng 70.000 năm trước.<sup>2</sup> Trong lịch sử loài người, sự kiện đó đã cho phép Người Tinh Khôn (*Homo Sapiens*) có những thay đổi lớn về cách giao tiếp và tương quan với nhau. Trong dòng lịch sử của nhân loại, sự kiện khởi đầu ấy đã dẫn con người đến sự phát triển mạnh mẽ trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, khoa học và cuối cùng là công nghệ kỹ thuật số hiện đại. Nhiều người tin rằng, hai yếu tố khoa học và công nghệ sẽ đưa nhân loại bước vào một thực tại mới. Điều này đã, đang và sẽ đặt ra nhiều vấn đề về mối liên hệ giữa con người với công nghệ. Ngoài ra, nó còn đặt câu hỏi về bản chất thực thụ của con người là gì.

Cho đến nay, các chuyên gia triết học, tôn giáo, và các nhà tư tưởng cao siêu thuộc nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác nhau như lịch sử, nhân chủng học và tâm lý... đã luôn đảm nhận trách nhiệm giải nghĩa và lượng giá về sự phát triển của con người. Tuy nhiên, trong bối cảnh mới, liệu tôn giáo có còn chỗ đứng hay không, đặc biệt trong hoàn cảnh tôn giáo phải đối mặt với một *ý thức hệ mới* về khoa học và công nghệ có vẻ như đi ngược lại với cảm quan tôn giáo và tâm linh truyền thống? Ở đây, chúng ta đặc biệt đặt ra câu hỏi: liệu tôn giáo có thể có được tiếng nói khi phải đối mặt với những thay đổi to lớn của khoa học và xã hội do kỹ thuật số mang đến hay không?

Không thể phủ nhận thực tế ngày càng có những ý kiến cho rằng, tôn giáo không nên xen vào những vấn đề trong lĩnh vực khoa học và công nghệ bởi vì tôn giáo không những không cần thiết và không phù hợp, mà còn phản tác dụng trong việc định hình tương lai kỹ thuật số.

---

<sup>2</sup> Yuval Noah Harari, *Homo Deus: A Brief History of Tomorrow* (Harpers Collin Publishers, 2016), 260, epub version.

## Những thay đổi lớn trong công nghệ

Trước khi đào sâu vào câu hỏi về vai trò của tôn giáo đối với sự phát triển về khoa học và công nghệ, chúng ta có thể điểm qua một số tiến bộ kỹ thuật số đang được mong đợi trong tương lai ngắn cũng như dài hạn. Theo nhà tương lai học Gerd Leonhard, có nhiều “thay đổi ngoạn mục” (*megashifts*) đang và sẽ diễn ra trong những thập kỷ tới.<sup>3</sup> Trong phạm vi của bài thảo luận này, chúng ta không thể đi quá sâu vào những phát triển đang chờ đợi. Tuy nhiên, chúng ta có thể chia những tiến bộ công nghệ thành các lĩnh vực chính như sau:

### 1. Số hóa (*Digitalization*)

Thuật ngữ “số hóa” khác với “số liệu hóa” (*digitization*). “Số liệu hóa” là quá trình chuyển đổi một nội dung từ dạng *analog* sang hình thức số, mà sau đó máy vi tính có thể xử lý nó. Các kiểu số liệu hóa phổ biến nhất là các loại chuyển đổi văn bản đánh máy, video VHS và nhạc LP sang các định dạng số.<sup>4</sup> Trong khi đó, “số hóa” chỉ về những cách mà nhiều khía cạnh của cuộc sống hiện đại được tái định hình nhằm thích ứng với cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông kỹ thuật số.<sup>5</sup> Trong thuật ngữ kinh doanh, Gartner định nghĩa “số hóa” là “việc sử dụng các công nghệ kỹ thuật số để thay đổi mô hình kinh doanh và cung cấp thêm nhiều cơ hội, để kiếm thêm doanh thu và giá trị sản xuất mới; đó là quá trình của việc chuyển sang kinh doanh kỹ thuật số.”<sup>6</sup> Mô hình kinh doanh mới này ảnh hưởng đến mọi lĩnh vực, nên các mô hình kinh doanh cổ điển bắt buộc phải chuyển đổi nếu không muốn bị hủy diệt.

---

<sup>3</sup> Gerd Leonhard, *Technology Vs. Humanity: The Coming Clash Between Man and Machine* (UK: Fast Future Publishing Ltd., 2016).

<sup>4</sup> Jason Bloomberg, “Digitization, digitalization, and digital transformation: confuse them at your peril,” *Forbes* (29/4/2018), <https://www.forbes.com/sites/jasonbloomberg/2018/04/29/digitization-digitalization-and-digital-transformation-confuse-them-at-your-peril/#1b48dc022f2c>

<sup>5</sup> *Ibid.*

<sup>6</sup> Gartner, <https://www.gartner.com/en/information-technology/glossary/digitalization>



## 2. Di động hóa (*Mobilization*)

Hiện tượng này nói lên thực trạng công nghệ kỹ thuật số luôn đồng hành cùng chúng ta ở khắp mọi nơi và trong mọi lúc. Mặc dù các thiết bị có dây sẽ tiếp tục được sử dụng trong tương lai gần, nhưng trên thực tế, lượng máy móc kết nối mạng internet có dây đang giảm mạnh. Cisco ước tính rằng vào năm 2022, lưu lượng truy cập từ các thiết bị không dây và di động chiếm khoảng 71% tổng lưu lượng mạng IP.<sup>7</sup> Di động hóa có nghĩa là các thiết bị kỹ thuật số luôn được mang bên mình mọi lúc, mọi nơi. Chúng ta cầm trên tay những chiếc điện thoại thông minh và máy tính bảng. Chúng ta đeo trên cổ tay những chiếc đồng hồ có thể kết nối mạng. Chúng ta đeo trên mặt những cặp kính hoặc kính áp tròng kỹ thuật số. Trong tương lai, ngay cả não của con người cũng có thể sẽ được gắn thêm những thiết bị giao diện giữa bộ não và máy tính (*brain-computer interfaces, BCI*) hoặc các thiết bị cấy ghép khác.

## 3. Màn hình cảm ứng hóa (*Screenification*)

Trong thế giới kỹ thuật số, các màn hình sẽ dần dần thay thế những thứ mà hiện nay vẫn còn được trình bày trên giấy như sách vở, báo chí và thực đơn nhà hàng. Những màn hình với chế độ cảm ứng sẽ thay thế tất cả những gì trước đây dùng bằng nút bấm. Những màn hình cảm ứng cũng sẽ thay thế các bảng trưng bày, biển quảng cáo trên đường phố và các bảng thông tin trong các tòa nhà và các trung tâm thương mại. Màn hình cũng sẽ được sử dụng để trưng bày những bức tranh chỉ có ở dạng file kỹ thuật số. Điển hình tác phẩm có tên “Mỗi ngày – 5.000 ngày đầu tiên” được nhà đầu giá Christie’s (London) bán với giá 69,3 triệu USD chỉ là một tập tin dưới dạng JPG.<sup>8</sup> Nếu chủ nhân muốn trưng bày tác phẩm này thì buộc

<sup>7</sup> “Cisco Annual Internet Report (2018-2023) White Paper,” <https://www.cisco.com/c/en/us/solutions/collateral/service-provider/visual-networking-index-vni/white-paper-c11-741490.html>

<sup>8</sup> Phúc Long, “Choáng váng với một file ảnh kỹ thuật số bán đầu giá lên đến 69,3 triệu USD,” *Tuổi Trẻ Online* (12/03/2021), <https://tuoitre.vn/choang-vang-voi-mot-file-anh-ky->

phải thông qua một màn hình có kết nối mạng internet vì bức tranh này chỉ tồn tại trên không gian mạng.

Tuy nhiên, các màn hình không chỉ dùng để trưng bày các bức ảnh kỹ thuật số mà còn có thể thay thế những bức tranh và bức ảnh treo tường, ví dụ như một bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp. Chúng ta có thể treo màn hình trên tường hoặc cửa sổ để tạo ra cảm giác đang nhìn ra một không gian thiên nhiên bao la thơ mộng. Điều này đặc biệt bổ ích nếu như trên thực tế, bên ngoài cửa sổ nhà hoặc căn hộ của chúng ta là một bức tường bê-tông của nhà hàng xóm.

Tuy nhiên, màn hình không chỉ sẽ được dùng để trưng bày tranh ảnh hoặc trình bày thông tin. Các chuyên gia tin rằng trong tương lai, một loại màn hình có thể được đặt vào mắt của chúng ta, để giúp chúng ta có thể thấy những chi tiết mà mắt thường không bao giờ có thể thấy được. Có thể nói mắt của chúng ta sẽ được nâng cấp từ dạng 1.0 thành 2.0 với sự hỗ trợ của công nghệ kỹ thuật số.

#### **4. Bỏ qua trung gian (*Disintermediation*)**

Ngày nay, chúng ta càng chứng kiến xu hướng thực hiện các giao dịch hoặc dự án trực tiếp thay vì qua trung gian. Ví dụ, nhiều ca sỹ không còn thực hiện các sản phẩm âm nhạc qua các trung tâm sản xuất băng đĩa mà tự thu âm và đăng tải lên không gian mạng cho người nghe có thể thưởng thức trực tuyến hoặc có thể tải xuống. Nhiều nhà văn cũng đã chọn con đường này để phổ biến các tác phẩm của họ mà không cần đến nhà xuất bản hoặc người biên tập. Người kinh doanh có thể bán hàng online với đủ các loại hàng hóa từ thực phẩm đến mỹ phẩm, quần áo, đồ điện tử... mà không cần phải thuê mặt bằng ở chợ hoặc trung tâm thương mại. Đối với khách hàng, khi thanh toán tiền có thể sử dụng các dịch vụ như Facebook Money, Paypal mà không cần đến ngân hàng. Việc loại bỏ trung gian sẽ giúp giảm các chi phí cũng như thời gian để thực hiện các giao dịch hoặc dự án.

## 5. Sự chuyển đổi (*Transformation*)

Thuật ngữ này dùng để nói lên một biến đổi sâu xa hơn là sự “thay đổi” hay “canh tân”. Ở đây ám chỉ sự biến đổi để trở thành một “hữu thể” mới, có đủ tố chất để đáp ứng với thời đại và thực tại của môi trường mới. Sự chuyển đổi diễn ra trên cấp độ cá nhân lẫn cơ cấu kinh tế - xã hội - chính trị. Đối với loài người, sự chuyển đổi trong tương lai có thể dẫn đến tình trạng con người trở thành *cyborg* (trong thân thể được đặt những thiết bị máy móc như BCI hoặc các thiết bị khác nhằm nâng cấp sức khỏe, thể lực và trí tuệ). Nếu như ngày nay, máy tạo nhịp tim (*pacemaker*) có thể được xem là một thiết bị khiến cho một người bình thường trở nên “*cyborg*,” thì trong tương lai sẽ còn có những thiết bị khác được nối kết với thân thể một cách kỳ diệu hơn nữa. Ngoài việc đặt các thiết bị điện tử vào bên trong thân thể thì các chuyên gia còn dự đoán rằng ngay cả gen của con người cũng sẽ được biến đổi để giúp chúng ta đạt được sức khỏe tốt hơn và kéo dài đời sống được lâu hơn. Khả năng sống lâu hơn luôn là khát vọng lớn của con người từ xưa đến nay. Rất có thể con người sẽ đạt được sự mong ước này nhờ vào sự phát triển của khoa học công nghệ tân tiến.

## 6. Sự thông minh hóa (*Intelligization*)

Sự chuyển giao này được thực hiện chủ yếu nhờ vào sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (*artificial intelligence, AI/TTNT*). TTNT ngày càng trở thành công cụ thiết yếu trong việc phát triển xã hội, và được xem như là chìa khóa để vận hành thế giới trong tương lai. Theo *Oxford Reference*, TTNT là “học thuyết và sự phát triển của hệ thống máy tính, có thể làm được các tác vụ mà thông thường phải dùng đến trí thông minh của con người. Ví dụ điển hình như sự nhận thức bằng giác quan, nhận diện giọng nói, đưa ra quyết định, và dịch thuật giữa các ngôn ngữ.”<sup>9</sup> Nói về TTNT, *Quartz* đưa ra một cách giải nghĩa dễ hiểu hơn như sau:

---

<sup>9</sup> *Oxford Reference*,

TTNT là một phần mềm, hoặc là một chương trình máy tính, với một cơ chế để tự học. Sau đó nó sử dụng kiến thức đã học được để đưa ra quyết định trong một tình huống mới, giống như con người vẫn thường làm. Các nhà nghiên cứu thiết lập phần mềm này cố gắng viết mật mã để cho nó có thể duyệt các hình ảnh, chữ viết, video, hoặc âm thanh, và học được điều gì đó từ những nội dung này. Kiến thức mà máy móc đã học được, sau đó có thể được sử dụng ở những tình huống khác.<sup>10</sup>

Điều này có nghĩa là nhờ vào các thuật toán, những chiếc máy điện tử sẽ có khả năng học từ những dữ liệu được cung cấp và có thể sử dụng những kiến thức đó để đưa ra quyết định tương tự như một con người sẽ làm. Tuy nhiên, máy móc khác với con người ở điểm chúng không cần nghỉ ngơi, đồng thời có thể xử lý một số lượng dữ liệu khổng lồ trong một thời gian rất ngắn. TTNT đang được sử dụng rộng rãi như nhận diện khuôn mặt trên những bức hình của Facebook, dịch thuật của Google Translate, và giới thiệu các sản phẩm đến người tiêu dùng trên mạng internet. Cách áp dụng TTNT hiện nay vẫn đang còn ở mức “hạn hẹp” (*narrow*) hay “yếu” (*weak*). TNTT hẹp/yếu cần sự can thiệp của kỹ sư và chỉ làm được một công việc như trả lời các câu hỏi, giải quyết một vấn đề, điều khiển xe ô-tô, hoặc chẩn đoán bệnh trong phạm vi của thuật toán đã được tạo nên. Sự phát triển vượt bậc của TTNT mà các chuyên gia đang hướng tới là loại TNTT mạnh (*strong*) và tổng quát (*general*). TNTT mạnh là những cỗ máy có khả năng trí tuệ như con người. Như một đứa trẻ, nó bắt đầu thu thập các kiến thức qua các dữ liệu và kinh nghiệm hằng ngày. Qua thời gian, trí tuệ của nó thăng tiến giúp nó có nhiều khả năng vượt bậc. Mặc dù hiện nay chỉ có TTNT hẹp/yếu, nhưng người ta tin rằng trong tương lai, thế giới sẽ có ngày chứng kiến sự hiện diện của loại TTNT mạnh với những cỗ máy có thể có ý thức và tự nhận biết bản thân.

---

<https://www.oxfordreference.com/view/10.1093/oi/authority.20110803095426960>.

<sup>10</sup> Dave Gershgorn, “The Quartz guide to artificial intelligence: What is it, why is it important, and should we be afraid?” *Quartz* (10/9/2017,) <https://qz.com/1046350/the-quartz-guide-to-artificial-intelligence-what-is-it-why-is-it-important-and-should-we-be-afraid/>.

## 7. Sự tự động hóa (*Automation*)

Đây là một tiến trình dẫn đến việc máy móc thay thế con người để làm nhiều công việc khác nhau. Tự động hóa được liên kết mật thiết với số hóa và sự phát triển của trí tuệ nhân tạo đã đề cập ở trên. Tự động hóa được chứng kiến không chỉ trong lĩnh vực lao động chân tay mà còn diễn ra trong các lĩnh vực lao động trí óc. Theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới, trong năm 2022, 42% công việc sẽ được thực hiện bằng máy móc, trong khi đó chỉ còn 58% sẽ do con người làm. Mặc dù vẫn còn những công việc do con người đảm nhận, Diễn đàn Kinh tế Thế giới cảnh báo rằng để có thể làm việc hiệu quả và làm tốt công việc, mọi người phải được huấn luyện kỹ càng.<sup>11</sup> Trong thời gian đại dịch Covid-19, tự động hóa đã được cấp tốc thực hiện trong nhiều ngành công nghiệp nhằm hạn chế số người tập trung ở những nơi có khả năng lây nhiễm cao.

## 8. Sự dự đoán (*Anticipation*)

Sự phát triển này cũng được liên kết mật thiết với TTNT để cho máy móc và các thuật toán xử lý tất cả các dữ liệu có sẵn nhằm dự đoán những sự kiện sẽ xảy đến trong tương lai. Ví dụ, “trợ lý” TTNT của bạn có thể lường trước được những thay đổi trong lịch trình của bạn, và có thể đặt lại lịch hẹn hoặc đặt lại vé máy bay cho bạn. “Bác sỹ” TTNT của bạn có thể kiểm tra tất cả những tài liệu bệnh án của bạn và chẩn đoán những vấn đề sức khỏe trong tương lai như bệnh ung thư hoặc tiểu đường để kịp thời ngăn ngừa hoặc điều trị. Cơ quan thực thi pháp luật có thể sử dụng các thuật toán máy tính để dự đoán nơi có thể sớm xảy ra bạo loạn bằng cách kiểm tra tất cả các dữ liệu có liên quan đến khu vực đang được theo dõi. Khả năng dự đoán của thuật toán sẽ được tăng cường bằng cách sử dụng internet vạn vật (*internet of things*), khi mọi thứ – con người, động vật và đồ vật – đều được liên kết với nhau trong một mạng lưới bao phủ khắp

---

<sup>11</sup> G. Dautovic, “Automation and job loss statistics in 2020—the robots are coming,” *Fortunly* (17/11/2019), <https://fortunly.com/statistics/automation-job-loss-statistics#gref>.

nơi. Trong mạng lưới này, tất cả các dữ liệu về bản thân cũng như môi trường xung quanh đều được thu thập để cho thuật toán xử lý và dự đoán.

## 9. Robot hóa (*Robotization*)

Việc chế tạo robot để hỗ trợ con người trong những việc hằng ngày sẽ ngày càng phổ biến hơn trong xã hội hiện đại. Với tốc độ phát triển vượt bậc của TTNT, các kỹ sư công nghệ tin rằng không bao lâu nữa, con người có thể tạo ra những máy móc siêu thông minh. Trong thời gian đại dịch Covid-19, để đảm bảo an toàn, nhiều nhà hàng sử dụng các robot để phục vụ thực khách nhằm phòng ngừa lây nhiễm.<sup>12</sup> Các robot cũng được sử dụng trong một số bệnh viện để phát thuốc cho bệnh nhân nhằm giảm bớt sự tiếp xúc giữa bệnh nhân và nhân viên y tế.<sup>13</sup>

Theo các chuyên gia, giá của robot sẽ giảm theo mức thịnh hành và sự ưa chuộng của người tiêu dùng. Để đạt được điều này các chuyên gia công nghệ phải tạo ra những robot với chức năng tiên tiến như nhanh nhẹn, hiểu biết ngôn ngữ phổ thông, nhận diện hình ảnh chính xác, và năng lượng pin lâu bền. Đó đều là những yếu tố sẽ giúp cho robot hấp dẫn và thuận tiện hơn trong đánh giá của người tiêu dùng. Tuy nhiên, chúng ta không thể bỏ qua một vấn đề vô cùng nghiêm trọng, đó là việc các robot cũng sẽ được tạo ra để tham gia chiến tranh giữa các quốc gia và chính phủ, và cũng có thể được kích hoạt để thực hiện các vụ hủy diệt hàng loạt.

---

<sup>12</sup> Joe Guzskowski, “Covid-19 clears the path for more restaurant robots,” *Restaurant Business* (17/7/2020), <https://www.restaurantbusinessonline.com/technology/covid-19-clears-path-more-restaurant-robots>.

<sup>13</sup> “Robots to deliver meal, medication to Covid-19 patients in S’pore,” *Bangkok Post* (5/3/2020), <https://www.bangkokpost.com/world/1872349/robot-to-deliver-meals-medication-to-covid-19-patients-in-spore>

## Tác động tới nhân loại

Nhà văn khoa học viễn tưởng William Gibson được cho là người tạo nên thể loại văn học “*cyberpunk*”<sup>14</sup> nói rằng: “Về mặt đạo đức, công nghệ vốn trung tính cho đến khi chúng ta sử dụng nó.”<sup>15</sup> Các cá nhân và tập thể là người quyết định việc sử dụng các sáng kiến công nghệ, nên phần lớn hậu quả xảy ra phụ thuộc vào ý hướng và ứng dụng thực tế của họ. Mặc dù công nghệ tiên tiến có nhiều hiệu quả tích cực, chẳng hạn như giúp chúng ta duy trì hoặc gia tăng sức khỏe, phát triển kinh tế - xã hội, nhưng những hệ quả xấu cũng rất nghiêm trọng như đã bàn đến trong các bài viết của tập sách này. Trong phần này, chúng ta xem qua một số hệ quả đang hoặc có thể xảy ra trong tương lai khi công nghệ kỹ thuật số ngày càng đi sâu vào tất cả ngõ ngách của đời sống con người, thậm chí đi vào bên trong bộ não của chúng ta.

### 1. Việc đánh mất quyền riêng tư

Thành thật mà nói, không ai trong chúng ta thuộc thế hệ X hoặc lớn hơn muốn trở lại thời tiền internet – không có email, *video chat*, mạng xã hội, điện thoại thông minh, Iphone, Ipad và hàng loạt các thiết bị điện tử tân tiến khác để phục vụ cho công việc cũng như sinh hoạt hằng ngày. Sống trong một thế giới liên kết kỹ thuật số, chúng ta nhận được hàng vạn lợi ích khi các thông tin, nội dung giải trí, và hàng loạt giao dịch khác nằm ở ngay đầu ngón tay của mình. Thậm chí, nếu ai không tiện dùng tay để bấm cũng có thể sử dụng tiếng nói để điều khiển nhiều thiết bị điện tử hiện đại.

Một điều mà nhiều người trong chúng ta cảm thấy phần khởi là có quá nhiều thứ để cho chúng ta dùng mà dường như không phải mất một đồng

---

<sup>14</sup> Cyberpunk là một nhánh nhỏ của thể loại văn học viễn tưởng, bối cảnh của thể loại văn học này thường xoay quanh xã hội trong tương lai, một xã hội được điều khiển hoàn toàn bởi công nghệ và các phát minh do công nghệ tạo nên, đặc biệt là những con robot.

<sup>15</sup> William Gibson Interview, <http://josefsson.net/gibson/>

nào, ngoại trừ tiền thuê bao internet. Trên thực tế, những thứ xem như hoàn toàn miễn phí có một cái giá phải trả mà nhiều người trong chúng ta chưa hoàn toàn ý thức được hoặc thấu hiểu sâu sắc. Cái giá phải trả ở đây chính là sự riêng tư của mỗi người, cho dù chúng ta sống ở trên một đất nước tư bản hay ở một quốc gia có chế độ độc tài.

Nhiều người trong chúng ta, đặc biệt là ở các quốc gia có nền công nghệ kỹ thuật số còn mới, chưa ý thức được rằng, mỗi lần chúng ta tìm kiếm các thông tin trên Google hay Internet Explorer, nhấn “like” một bức ảnh hay một trạng thái của ai đó trên Facebook và Instagram, mỗi lần chúng ta đăng một dòng trạng thái trên trang cá nhân, một lời bình luận trên một bài báo online, một bức hình đi du lịch hay việc ăn uống ở nhà hàng, mỗi lần chúng ta bấm vào một trang web hay một mục quảng cáo sản phẩm nào đó... mỗi cái nhấp chuột này của chúng ta đều được các thuật toán ghi nhận và đưa vào cái “hồ sơ” mà chương trình thuật toán tạo nên cho mỗi người dùng.

Cái “chân dung” vô cùng chi tiết của chúng ta được dựng nên bởi vô số dữ liệu mà thuật toán đã thu thập trở nên một “sản phẩm” mà các công ty công nghệ có thể khai thác nhằm tìm lợi nhuận, đặc biệt qua việc kết nối chúng ta với những hàng hóa và dịch vụ phù hợp với bức chân dung của từng cá nhân.

Đánh mất quyền riêng tư không chỉ bởi việc các công ty đang cố gắng thu thập thông tin cá nhân của chúng ta để kiếm lợi, mà còn bởi vì sự phát triển của công nghệ có thể dẫn đưa xã hội đến một tình trạng mà nơi đó chúng ta không ngừng bị theo dõi với danh nghĩa là duy trì trật tự xã hội. Tại Thái Lan, trước sự bùng phát của đại dịch Covid-19, tất cả mọi người được yêu cầu quét mã QR khi đi vào những nơi công cộng như trung tâm mua sắm, siêu thị, tòa nhà chính phủ, và thẩm mỹ viện v.v... Theo chính phủ Thái Lan, điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi những trường hợp lây nhiễm trong cộng đồng.<sup>16</sup> Hình thức theo dõi này không

---

<sup>16</sup> “New anti-Covid phone app for use when entering shops,” *Bangkok Post* (14/5/2020), <https://www.bangkokpost.com/thailand/general/1918092/new-anti-covid-phone-app-for-use-when-entering-shops>



chỉ riêng tại Thái Lan mà được áp dụng ở rất nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt ở Trung Quốc.

Theo báo cáo có tựa đề “Sự mở rộng toàn cầu của hệ thống giám sát trí tuệ nhân tạo,” sự tăng trưởng của trí tuệ nhân tạo trên thế giới đang diễn ra với tốc độ chóng mặt. “Ngày càng có nhiều chính quyền của các quốc gia đang triển khai các sản phẩm tiên tiến về TTNT để dùng giám sát, kiểm tra, theo dõi người dân, nhằm vào một loạt các mục tiêu chính sách – một số hợp pháp, một số khác vi phạm nhân quyền, và phần nhiều trong số đó rơi vào những mục tiêu mờ ám.”<sup>17</sup>

Không có gì ngạc nhiên khi Trung Quốc – một quốc gia độc tài – là nơi có nhiều thiết bị giám sát thông minh nhất trên thế giới. Các thành phố của Trung Quốc đều có lắp các máy camera giám sát nơi công cộng. Chỉ riêng thành phố Chongqing với 15,35 triệu dân số, chính quyền đã cho lắp đặt 2,58 triệu máy camera, tương đương một máy camera cho mỗi 6 người dân.<sup>18</sup> Chongqing được cho là thành phố bị giám sát nhiều nhất trên thế giới tính theo tỷ số máy camera trên dân cư. Trong tương lai sẽ còn thêm nhiều thành phố tại Trung Quốc và ở các nước khác trên thế giới bắt chước mô hình của Chongqing khiến cho người dân toàn cầu phải rơi vào sự giám sát liên tục của các cơ chế quyền lực.

Về các công ty công nghệ, chỉ riêng công ty Huawei của Trung Quốc cũng đủ cung cấp đầy đủ các công nghệ giám sát thông minh cho ít nhất 50 quốc gia. Điều này có thể so sánh với công ty liên doanh lớn nhất của Nhật Bản là NEC với 14 quốc gia, và công ty IBM lớn nhất nước Mỹ với 11 quốc gia. Vì Trung Quốc có nhiều năm kinh nghiệm trong việc xây dựng một hệ thống công nghệ giám sát đối với công dân, nên những bí

<sup>17</sup> Steven Feldstein, “The Global Expansion of AI Surveillance,” *Carnegie Endowment for International Peace* (17/9/2019), <https://carnegieendowment.org/2019/09/17/global-expansion-of-ai-surveillance-pub-79847>.

<sup>18</sup> Matthew Keegan, “Big Brother is watching: Chinese city with 2.6m cameras is world’s most heavily surveilled,” *The Guardian* (02/12/2019), <https://www.theguardian.com/cities/2019/dec/02/big-brother-is-watching-chinese-city-with-26m-cameras-is-worlds-most-heavily-surveilled>

quyết của Trung Quốc được sẵn đón bởi các quốc gia mà có khuynh hướng hạn chế quyền tự do cá nhân và dân sự.<sup>19</sup>

Trong tương lai, sự phát triển của TTNT và internet vạn vật có thể dẫn đến một mạng lưới giám sát khổng lồ mà nhân loại chưa bao giờ trải nghiệm. Trong tình trạng này, một mặt chúng ta bị theo dõi liên tục bởi các công ty thu thập dữ liệu nhằm trục lợi kinh tế; mặt khác, chúng ta bị theo dõi liên tục bởi các chính phủ và thể chế chính trị với mục đích duy trì an ninh. Cho dù ở trong nhà hay ngoài đường, mỗi hành động của chúng ta đều có ai đó ghi nhận và sử dụng dữ liệu đó cho những việc nằm hoàn toàn ngoài sự kiểm soát của chúng ta.

## 2. Mất việc làm

Tác động của sự phát triển công nghệ trên công việc của người dân là điều không thể tránh được cho dù đó là sự phát triển dưới bất cứ hình thức gì. Điều này có thể thấy được trong những biến cố to lớn cũng như những thay đổi nhỏ hơn trong lịch sử phát triển công nghệ trên thế giới hàng nghìn năm qua. Đối với sự phát triển đặc biệt quan trọng như công nghệ kỹ thuật số thì tác động của nó trên thị trường việc làm còn rõ rệt hơn. Trước việc công nghệ trí tuệ nhân tạo và tự động hóa ngày càng phổ biến, nhiều việc làm trong lĩnh vực lao động chân tay lẫn trí óc sẽ bị ảnh hưởng. Trong cuộc cách mạng kỹ thuật số, nếu robot có thể làm phần lớn các công việc và thậm chí làm tốt hơn các công việc mà con người có thể làm, thì số lượng công việc còn lại cho con người sẽ rất hạn chế. Các chủ doanh nghiệp đặt lợi nhuận của họ lên trên hết. Vì vậy, nên việc đầu tư vào robot sẽ là lựa chọn hiển nhiên với các lợi ích như: không phải trả lương cho robot và robot không nghỉ việc, nghỉ ốm, nghỉ thai sản.

Việc khẳng định sẽ có những công việc bị thay thế bởi robot là điều không khó đối với các nhà khoa học. Tuy nhiên, điều mà các chuyên gia

---

<sup>19</sup> Alina Polyakova and Chris Meserole, "Exporting digital authoritarianism: the Russian and Chinese Models," *Brookings Institute*, [https://www.brookings.edu/wp-content/uploads/2019/08/FP\\_20190827\\_digital\\_authoritarianism\\_polyakova\\_meserole.pdf](https://www.brookings.edu/wp-content/uploads/2019/08/FP_20190827_digital_authoritarianism_polyakova_meserole.pdf).

chưa có sự đồng thuận là tự động hóa sẽ ở mức độ nào. Năm 2013, hai học giả của trường Đại học Oxford Carl Benedikt Frey và Michael A. Osborne đã đứng tên một bài viết được trích dẫn rộng rãi (hơn 4.000 lần) cho rằng, vào giữa những năm 2030, 47% các công việc của người Mỹ có nguy cơ cao sẽ bị thay thế bởi TTNT. Năm công việc có nguy cơ cao nhất là bán hàng qua điện thoại, người bán bảo hiểm, trọng tài thể thao, thu ngân, và đầu bếp.<sup>20</sup> Nhiều người đã trích dẫn tài liệu này như một bằng chứng phản ánh tác động sâu xa mà TTNT gây ra cho đời sống con người, đặc biệt trong công ăn việc làm. Tuy nhiên, gần đây Frey và Osborne đã đưa ra một bài báo nhấn mạnh rằng ý tưởng một nửa công việc của người Mỹ sẽ được tự động hóa là một sự hiểu lầm về bài viết của họ. Các tác giả viết:

Nghiên cứu của chúng tôi thậm chí không phải là một dự đoán. Nó là một ước tính chỉ ra rằng các công việc hiện nay sẽ bị ảnh hưởng như thế nào bởi sự phát triển gần đây trong lĩnh vực TTNT và robot di động. Bài nghiên cứu không nói gì về tốc độ mà những công việc đó sẽ bị tự động hóa. Điều mà bài viết gợi ý là: xét theo góc nhìn của khả năng công nghệ thì sự tự động hóa có thể áp dụng được đối với 47% công việc. Những ước tính của chúng tôi thường xuyên được giải nghĩa là ngụ ý của một biến cố “mất việc làm hàng loạt” (*employment apocalypse*). Tuy nhiên, đó không phải là điều chúng tôi có ý muốn nói hay đề xuất. Chúng tôi chỉ đơn thuần chỉ ra rằng tiềm năng ảnh hưởng của tự động hóa là rất lớn, tương tự như những gì đã xảy ra trước thềm cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai, trước khi sự phát minh điện và động cơ đốt trong đã làm cho nhiều công việc từng có trước năm 1900 không còn cần thiết nữa.<sup>21</sup>

---

<sup>20</sup> Carl Benedikt Frey and Michael A. Osborne, “The future of employment: How susceptible are jobs to computerisation?” *Technological Forecasting and Social Change* 114 (2017): 254-280.

<sup>21</sup> Carl Benedikt Frey and Michael A. Osborne, “Automation and the future of work—understanding the numbers,” *Oxford Martin School* (13/4/2018), <https://www.oxfordmartin.ox.ac.uk/blog/automation-and-the-future-of-work-understanding-the-numbers/>.

Trong thực tế, ảnh hưởng của TTNT và tự động hóa đối với các công việc sẽ khác nhau tùy theo mô hình từng ngành kinh tế. Tuy nhiên, có một điều có thể khẳng định trong tương lai, rằng những lao động phổ thông không dễ gì chuyển từ một công việc tay chân này qua một công việc tay chân khác như trước đây.

Ngày xưa cũng như ở một số nơi hiện nay, khi người ta không còn việc làm ở các vùng quê thì họ có thể chuyển lên thành phố để tìm việc làm trong các hãng xưởng. Mặc dù thay đổi môi trường và công việc, nhưng tính chất của việc làm mới không đòi hỏi sự thích nghi hoặc học hỏi quá lớn. Vì thế, người lao động có thể chuyển từ sử dụng cày cuốc qua điều khiển các máy móc đơn giản để mưu sinh.

Tuy nhiên, trong bối cảnh kỹ thuật số, khi những công việc đơn giản có thể được làm bằng máy thì các lao động phổ thông không thể dễ dàng chuyển từ việc này qua việc khác. Trong tương lai, những người này phải đầu tư thời gian và công sức để học một kỹ năng chưa bị tự động hóa hoàn toàn. Điều này đòi hỏi khả năng trí tuệ và điều kiện kinh tế mà không phải ai cũng sẵn sàng đáp ứng được.

Khi nói về tình trạng công việc trong thế giới kỹ thuật số, có ba khả năng có thể xảy ra: lấy đi việc làm, nâng cao công việc hiện tại, và tạo ra những việc làm mới. Một nghiên cứu về kinh tế của 11 nước châu Á bởi *Tạp chí Công nghệ MIT* dự đoán rằng trong 5 năm tới, trung bình, tự động hóa sẽ lấy đi 12% việc làm, trong khi 8% việc làm khác sẽ tăng lên nhờ vào các khả năng của TTNT. Hầu như trong mỗi nền kinh tế, số lượng việc làm bị loại bỏ sẽ vượt xa số việc làm được tạo ra. Những thị trường mới nổi như Việt Nam và Indonesia, nơi mà ngành sản xuất đóng vai trò lớn và được tiến hành theo quy trình, số lượng việc làm bị mất sẽ cao hơn gấp 2 lần số việc làm được tạo ra.<sup>22</sup>

---

<sup>22</sup> “Asia’s AI agenda—AI and human capital,” *MIT Technology Review* (2019), <https://s3-ap-southeast-1.amazonaws.com/mittr-intl/AsiaAITalent.pdf>.

### 3. Khoảng cách kinh tế - xã hội

Mặc dù sự tiến bộ của công nghệ đang tạo ra cơ hội cho nhiều người trở nên giàu có hơn, nhưng sự tăng trưởng mất cân bằng toàn cầu là một chiều hướng đáng lo ngại. Theo tổ chức Oxfam, trong năm 2018, 26 người giàu nhất thế giới sở hữu nhiều hơn một nửa dân số toàn cầu (3,8 tỷ người). Giữa những năm 2017 - 2018, cứ mỗi 2 ngày lại có thêm một người mới được điền tên vào danh sách tỷ phú của thế giới. Tuy nhiên, gần một nửa nhân loại đồng thời phải sinh sống dưới 5.50 USD/ngày.<sup>23</sup>

Vấn nạn khoảng cách giàu nghèo không có dấu chỉ được cải thiện trong thời kỳ đại dịch, mà lại có xu hướng gia tăng. Cũng theo Oxfam, từ tháng 3 năm 2020 đến đầu năm 2022, tổng tài sản của 10 tỷ phú giàu nhất thế giới đã tăng hơn gấp đôi, trong khi 99% nhân loại mất thu nhập do cuộc khủng hoảng.<sup>24</sup> Bà Irit Tamir – đại diện của Oxfam – nói, “Khoảng cách giữa người giàu và người nghèo đang gia tăng ngay trước khi đại dịch bắt đầu. Nhưng đại dịch đã làm cho tình trạng này siêu tăng tốc bằng rất nhiều cách.”<sup>25</sup>

Sự tiến bộ của công nghệ lại là một điều đáng quan tâm. Thay vì giảm bớt khoảng cách giàu nghèo, sự tiến bộ này lại làm cho tình trạng trên trở nên trầm trọng hơn, bởi vì hầu hết sự thịnh vượng và quyền lực tập trung vào các tập đoàn khổng lồ trên thế giới trong lĩnh vực công nghệ hoặc có liên quan đến công nghệ như Microsoft, Apple, Amazon và Tencent. Sự phát triển của TTNT và tự động hóa sẽ mang lại lợi nhuận tăng vọt cho những công ty này, đặc biệt là các giám đốc của công ty, trong khi có nhiều người phải đối đầu với tình trạng mất việc và mất thu nhập.

Trong khi TTNT được cho là công cụ để giải quyết các vấn đề nhức nhối trong xã hội về môi trường sinh thái, chiến tranh và tội phạm, nhưng

---

<sup>23</sup> Oxfam, <https://www.oxfam.org/en/5-shocking-facts-about-extreme-global-inequality-and-how-even-it>

<sup>24</sup> Aimee Picchi, “10 richest billionaires doubled their wealth during pandemic, Oxfam says,” *CBS News* (16/1/2022), <https://www.cbsnews.com/news/billionaires-double-wealth-covid-pandemic/>

<sup>25</sup> *Ibid.*

trở trêu thay, liệu các công ty công nghệ có sẵn sàng phát triển TTNT để giải quyết vấn nạn khoảng cách giàu nghèo mà chính họ đóng vai trò quan trọng khiến cho vấn nạn tiếp tục tồn tại và ngày càng gia tăng? Các tập đoàn công nghệ có sẵn sàng chịu thiệt thòi về mặt thu nhập để cho vấn đề bất bình đẳng trong xã hội được thuyên giảm? Hay họ chỉ để cho TTNT giải quyết các vấn đề một cách có chọn lọc nhằm bảo đảm sự tăng trưởng và phồn thịnh của chính mình.

Có một vài viễn cảnh cho rằng sự bất bình đẳng trong xã hội sẽ trở nên nghiêm trọng hơn do việc tiếp cận các phát triển công nghệ khổng lồ không đồng đều. Nhà sử học người Israel – Yuval Noah Harari – nhận định rằng, TTNT nếu được sử dụng trong công nghệ sinh học sẽ giúp con người nâng cao sức khỏe thể chất, kéo dài tuổi thọ và nâng cao khả năng nhận thức.

Trong trường hợp này, dĩ nhiên tầng lớp giàu có sẽ là thành phần đầu tiên tiếp cận được những cơ hội này trong khi những người nghèo sẽ bị bỏ lại đằng sau. Điều này tạo nên một khoảng cách lớn giữa những người có điều kiện và không có điều kiện. Xã hội loài người có thể bị phân hóa thành những đẳng cấp sinh học với những khác biệt rõ ràng giữa giới thượng lưu và hạ lưu.<sup>26</sup> Dĩ nhiên, người giàu và người có quyền, hoặc tầng lớp ưu tú sẽ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng số dân. Tuy nhiên, họ là những người nắm quyền kiểm soát và truy cập vào tất cả dữ liệu – được coi là tài sản quan trọng nhất của kỷ nguyên công nghệ số.

Vì thế, không có gì ngạc nhiên khi những gã công nghệ khổng lồ như Google, Facebook, Baidu và Tencent đang chạy đua để tích lũy nhiều dữ liệu nhất có thể. Mỗi mảnh dữ liệu nhỏ mà chúng ta cung cấp cho những công ty này, dù tự nguyện hay vô tình, bằng cách sử dụng miễn phí các dịch vụ email, ứng dụng trò chuyện và chia sẻ hình ảnh và các nền tảng giải trí... đang đóng góp cho mục tiêu dài hạn của họ để đạt được quyền

---

<sup>26</sup> Yuval Noah Harari, *21 Lessons for the 21<sup>st</sup> Century (21 Bài học cho Thế kỷ XXI)* (New York: Spiegel & Grau, 2018): Kindle edition. Trong tập sách này, tác giả đưa ra nhiều viễn tượng về đời sống của nhân loại, đặc biệt những vấn đề xảy đến từ việc phát triển công nghệ kỹ thuật số.

làm chủ các dữ liệu. Càng nhiều dữ liệu cá nhân được cung cấp cho các chính phủ và công ty liên doanh, chúng ta càng có nhiều nguy cơ mất quyền kiểm soát về xã hội, kinh tế, và chính trị.

#### 4. Bất ổn xã hội

Sự bền vững và ổn định của xã hội trong kỷ nguyên kỹ thuật số đòi hỏi sự quản lý những phát triển công nghệ một cách khôn ngoan. Andrew Yang, cựu ứng viên tổng thống Mỹ năm 2020, từng nhận xét, “Chỉ mỗi phát minh xe hơi tự lái cũng đủ để gây bất ổn xã hội. Chỉ một vật tối tân đó cũng đủ làm náo loạn đường phố. Và chúng ta sẽ làm như thế đối với nhân viên bán hàng, nhân viên tổng đài, những người bán thức ăn nhanh, các công ty bảo hiểm và kiểm toán.”<sup>27</sup>

Viễn tượng mà ông Yang và một số người khác từng đưa ra, được mô tả là “ngày tận diệt của robot” (*robot apocalypse*); viễn tượng này cảnh báo về một cái nhìn hết sức cực đoan và bi quan cho nền kinh tế - xã hội trong những thập kỷ tới. Mặc dù những bản báo cáo đã vẽ ra những viễn cảnh lạc quan lẫn bi quan về công ăn việc làm trong tương lai do hiện tượng tự động hóa, nhưng nhiều người tỏ ra lo lắng về hành vi mang tính độc quyền mà các tập đoàn công nghệ khổng lồ ngày càng thể hiện một cách trắng trợn. Các công ty này cũng mang nhiều tham vọng sẽ chế tạo những cỗ máy siêu việt và nhiều công cụ khác nhằm nâng cao sự sống con người.

Trong khi công nghệ tiên tiến mang lại nhiều lợi ích là điều không thể chối cãi, nhưng chúng ta cũng không thể bỏ qua câu hỏi: liệu những ảnh hưởng tiêu cực của nó sẽ đưa đến hậu quả mất cân bằng xã hội khi chỉ có tầng lớp giàu có mới có thể tiếp cận các phương pháp điều trị mới giúp con người kéo dài tuổi thọ. Ngược lại, với những người nghèo khó chỉ đủ

---

<sup>27</sup> Kevin Roose, “His 2020 Campaign Message: The Robots Are Coming,” *New York Times* (10/2/2018), <https://www.nytimes.com/2018/02/10/technology/his-2020-campaign-message-the-robots-are-coming.html?rref=collection%2Fsectioncollection%2Ftechnology&fbclid=IwAR0rPXVy5qafyLiJXqKFnKiBgid3mbm45acWoDTaiIMYSkzJ3J3bNuk9oXc>

kiếm sống qua ngày thì làm sao họ có thể với tới những phương pháp tối tân như vậy để duy trì sức khỏe?

Sự ổn định trong xã hội đòi hỏi một mức độ bình đẳng giữa các tầng lớp. Nhưng nếu khả năng chi trả cho các phương pháp công nghệ hiện đại, như cấy ghép giao diện bộ não máy tính nhằm nâng cao khả năng nhận thức, chỉ có người giàu mới làm được, thì điều gì sẽ xảy ra với các tầng lớp thấp hơn? Liệu họ sẽ trở nên tức giận và tìm cách chống trả bằng những cuộc biểu tình và hành vi bạo lực?

Các dạng bất ổn xã hội như biểu tình, khủng bố và bạo loạn có thể trở nên phổ biến không chỉ do kế sinh nhai của rất nhiều người bị ảnh hưởng nghiêm trọng vì robot ngày càng lan tràn, mà còn do sự phẫn nộ trước tình trạng mất cân đối về kinh tế, xã hội, chính trị, và thậm chí cả sinh học.

## **5. Hòa bình thế giới**

Khi tìm hiểu và nghiên cứu về các vấn nạn trong xã hội con người, các chuyên gia phải thu thập dữ liệu và phân tích hàng loạt các yếu tố từ nhiều góc độ và chiều kích khác nhau để có một sự thấu hiểu đầy đủ và chính xác nhất. Tuy nhiên, sự phân tích đó được thực hiện bởi con người. Cho dù là các chuyên gia thì họ luôn gặp những thiếu sót do những hạn chế nhất định về kiến thức. Điển hình, để giải quyết khủng hoảng môi trường sinh thái đòi hỏi sự hiểu biết không chỉ về mặt khoa học, mà còn phải am hiểu về vai trò của sự phát triển kinh tế - xã hội, phương pháp lãnh đạo chính trị, và tầm ảnh hưởng của tín ngưỡng... đến hành vi của cá nhân và cộng đồng trong việc giải quyết vấn nạn toàn cầu này. Một chuyên gia khoa học không hẳn sẽ hiểu biết đầy đủ về xã hội học và ngược lại. Vì thế, một vấn đề phức tạp như khủng hoảng môi trường không thể nào chỉ giải quyết dựa trên phương pháp của một lĩnh vực duy nhất như khoa học, kinh tế, xã hội học, hay tôn giáo, mà cần phải có sự đối thoại, hợp tác và liên kết giữa các ngành khác nhau này nhằm thúc đẩy cách giải quyết đa chiều và triệt để hơn.



Như đã đề cập ở trên, vì khả năng phân tích của con người có giới hạn, đặc biệt trước tình trạng kiến thức nhân loại gia tăng một cách ngoạn mục trong từng giây phút, nên các tổ chức mang tầm quốc tế như Liên hợp quốc, Ngân hàng Thế giới và Hội Chữ thập đỏ đang đặt hy vọng vào khả năng của TTNT để xử lý số lượng lớn dữ liệu và phân tích các yếu tố phức tạp gây nên các thảm họa nhân đạo như nạn đói nghèo, các cuộc di dân lớn cũng như xung đột chính trị và tôn giáo giữa các dân tộc và quốc gia.<sup>28</sup> Với những hiểu biết do TTNT cung cấp, các nỗ lực nhằm ngăn chặn những thảm họa này có thể được thực hiện kịp thời. Người ta hy vọng rằng TTNT sẽ không chỉ giúp giải quyết những vấn nạn đang tồn tại mà còn phòng ngừa những vấn nạn chưa xảy ra bằng cách dự đoán nơi chốn và thời gian các sự việc đó sẽ diễn ra. Nếu như trong ngành y khoa, TTNT sẽ dự đoán được các bệnh trong tương lai, thì trong xã hội, TTNT cũng sẽ dự đoán được những vấn nạn có khả năng xảy ra.

Có một suy nghĩ lạc quan cho rằng các dữ liệu lớn và các công cụ để phân tích các dữ liệu đó sẽ giải quyết được nhiều vấn đề gây nhức nhối trên thế giới. Nhà nghiên cứu người Phần Lan (Finland) – Timo Honkela – là một trong những người đang tìm cách chế tạo một “cỗ máy hòa bình” để có thể làm chiếc cầu nối lại sự chia cách con người trong ngôn ngữ, văn hóa và cảm xúc,<sup>29</sup> một cỗ máy góp phần xây dựng nền hòa bình thế giới.

Tuy nhiên, không phải ai cũng có những tham vọng đáng trân trọng như Honkela. Thay vì tìm cách để xây dựng hòa bình thì nhiều người đang tham gia vào những công trình nghiên cứu nhằm chế tạo vũ khí TTNT với những chức năng siêu việt. Theo một bài báo trên tạp chí *Forbes*,

Sự phát triển nhanh chóng để vũ khí hóa TTNT đã quá rõ ràng và diễn ra trên diện rộng: sử dụng và điều khiển hải quân, không quân và bộ binh không người lái để gây ra những tổn thất ngoài

---

<sup>28</sup> “How AI could unlock world peace,” *BBC* (19/02/2019), <https://www.bbc.com/future/article/20190219-how-artificial-intelligence-could-unlock-world-peace>

<sup>29</sup> Niko Nurminen, “Could artificial intelligence lead to world peace?” *Aljazeera* (30/5/2017), <https://www.aljazeera.com/indepth/features/2017/05/scientist-race-build-peace-machine-170509112307430.html>

dự kiến; triển khai hệ thống tên lửa “phóng-và-quên” (*fire-and-forget*) cũng như sử dụng hệ thống cố định để tự động hóa mọi thứ từ hệ thống nhân sự, bảo trì thiết bị đến triển khai máy bay giám sát không người lái, robot và nhiều ví dụ khác.<sup>30</sup>

Cuộc tranh luận xung quanh vấn đề đạo đức liên quan đến TTNT và các hệ thống vũ khí tự động đã có sự tham gia của nhiều cá nhân, tổ chức và chính phủ. Tổng thư ký Liên hợp quốc António Guterres tuyên bố trên Tweet ngày 26 tháng 3 năm 2019, “Các máy móc tự động với quyền lực và quyền tự quyết để chọn lựa các mục tiêu và lấy đi những sinh mạng mà không có sự can thiệp của con người là điều không thể chấp nhận được về mặt chính trị, là điều đi ngược lại về mặt đạo đức và điều này nên bị cấm bởi luật pháp quốc tế.”<sup>31</sup> Cho đến nay, đã có 28 quốc gia kêu gọi cộng đồng quốc tế ngăn cấm hoàn toàn các vũ khí tự động được đặt tên là “những robot giết người” (*killer robot*).<sup>32</sup> Điều đáng chú ý là trong số đó có cả Tòa Thánh Vatican và Trung Quốc. Tuy nhiên, Trung Quốc chỉ kêu gọi cấm hoàn toàn việc sử dụng các vũ khí tự động nhưng không ủng hộ cấm việc phát triển và sản xuất các vũ khí này. Peter Singer, một chuyên gia về chiến tranh trong thế kỷ XXI đã bình luận rằng, “Họ vẫn đang cải tiến công nghệ trong khi cố gắng sử dụng luật quốc tế như một phương cách để hạn chế các đối thủ của họ.”<sup>33</sup> Điều này không đáng ngạc nhiên khi Trung Quốc nằm trong danh sách các quốc gia cùng với Mỹ, Nga, Anh, Israel, và Nam Hàn đang chạy đua trong việc thử nghiệm và phát triển các loại vũ khí TTNT.<sup>34</sup>

---

<sup>30</sup> Jayshree Pandya, “The weaponization of artificial intelligence,” *Forbes* (14/1/2019), <https://www.forbes.com/sites/cognitiveworld/2019/01/14/the-weaponization-of-artificial-intelligence/#7834fc433686>

<sup>31</sup> “Autonomous weapons that kill must be banned, insists UN chief,” *UN News* (/3/2019), <https://news.un.org/en/story/2019/03/1035381>

<sup>32</sup> “Campaign to stop killer robots,” 22 /11/2018, [https://www.stopkillerrobots.org/wp-content/uploads/2018/11/KRC\\_CountryViews22Nov2018.pdf](https://www.stopkillerrobots.org/wp-content/uploads/2018/11/KRC_CountryViews22Nov2018.pdf)

<sup>33</sup> Melissa K. Chan, “China and the US are fighting a major battle over killer robots and the future of AI,” *Time*, 13/9/2019, <https://time.com/5673240/china-killer-robots-weapons/>

<sup>34</sup> Justin Rohrlich, “Report: Kill the idea of killer robots before they kill us,” *Quartz*

Ngược với cuộc chạy đua nhằm nghiên cứu và phát triển vũ khí TTNT thì quá trình ngoại giao quốc tế để thiết lập các tiêu chuẩn về sự phát triển vũ khí này xem ra có vẻ chậm chạp hơn rất nhiều. Sự dẫn thân của Mỹ trong cuộc đua này chắc chắn xuất phát từ sự quyết tâm của Trung Quốc để thách thức Mỹ nhằm thay thế vị trí làm thủ lĩnh thế giới. Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đã thiết lập mục tiêu cho Trung Quốc trở thành nước đứng đầu thế giới trong lĩnh vực TTNT vào năm 2030, đặc biệt với sức mạnh quân sự tối tân hiện đại không ai sánh bằng.

Nói tóm lại, trong khi công nghệ kỹ thuật số có nhiều ảnh hưởng tích cực đối với xã hội loài người, nó cũng có nhiều tác động tiêu cực trên diện rộng. Phần này chỉ nhấn mạnh những hậu quả tiêu cực tiềm ẩn không phải vì tác giả có cái nhìn chống lại công nghệ, nhưng bởi vì một điều không thể chối cãi, đó là sự phát triển về khoa học và công nghệ nhằm mang lại sự tiến bộ cho con người luôn kèm theo vô vàn rủi ro và nguy hiểm. Ngay cả khi các nhà khoa học và các tập đoàn công nghệ có thiện chí, nhưng việc áp dụng những phát minh của họ lại diễn ra trong nhiều bối cảnh chính trị - kinh tế - xã hội mà các cá nhân và thể chế luôn tranh giành quyền lực, tiền tài, và quyền kiểm soát tài nguyên.

Những mục đích ích kỷ này đã làm vẩn đục chính nền tảng và động lực nghiên cứu của các nhà khoa học. Chúng ta đã quá quen về những chuyện xảy ra ở các thập kỷ trước, điển hình như các tập đoàn thuốc lá tại Hoa Kỳ đã sử dụng các nhà khoa học như những công cụ tung hỏa mù để đánh lừa người tiêu dùng. Thủ đoạn dùng khoa học để chống lại khoa học hoặc lấy “đức tính” hoài nghi của khoa học để khiến cho người ta nghi ngờ về sự đúng đắn của khoa học đích thực là phương cách mà người ta đã và đang dùng trong nhiều lĩnh vực, không chỉ liên quan đến sự nguy hại của thuốc lá, mà còn các vấn đề khác như an toàn thực phẩm, hay hiện tượng biến đổi khí hậu.

## Tiếng nói tôn giáo

Trong cơ cấu xã hội - kinh tế ngày càng lấy công nghệ làm trung tâm, liệu có còn chỗ cho các truyền thống tôn giáo, cụ thể Giáo hội Công giáo, đóng góp tiếng nói và sự khôn ngoan của mình hay không? Trong bối cảnh mới, những nơi gọi là “đất thánh” dường như đã bị thay đổi. Thung Lũng Silicon có thể được xem như là một Giêrusalem mới, và Google và Facebook đã trở thành những đại thánh đường của thế kỷ XXI.<sup>35</sup> Tôn giáo còn vai trò gì khi Sergey Mikhaylovich Brin, người đồng sáng lập Google, tuyên bố rằng, cỗ máy tra cứu hoàn hảo “sẽ giống như trí phán đoán của Thiên Chúa”?<sup>36</sup>

Dựa trên những gì đã chứng kiến thì chúng ta có thể tin chắc rằng Google có đủ tham vọng để đầu tư nhiều nguồn lực và kinh phí vào việc sáng tạo một thực thể “toàn năng”. Trong thế giới kỹ thuật số với những nỗ lực không ngừng của các tập đoàn công nghệ để sáng chế những công cụ công nghệ tối tân và siêu việt, dường như người ta không còn cần Thượng Đế hay các vị thần thánh. Tại sao phải chạy đến những vị thần khi đã có Google “để sắp xếp những thông tin của thế giới và làm cho những thông tin hữu ích dễ dàng cập nhật một cách rộng rãi”?<sup>37</sup>

Google được phát triển bởi tập đoàn mẹ Alphabet và được “ban tặng” nhưng không cho mọi người sử dụng không khác gì Thượng Đế đầy yêu thương ban phát hồng ân cho con người. Vì thế không có gì ngạc nhiên khi truy cập Google và tìm kiếm với từ khóa “Thượng Đế và Google” (*God and Google*) sẽ cho kết quả lên đến gần 2,3 tỷ tài liệu.<sup>38</sup> Tài liệu đầu tiên xuất hiện là một bài viết có tựa đề “Chứng minh Google là Thượng

---

<sup>35</sup> Hầu hết các công ty công nghệ lớn đều có cơ sở tại Thung Lũng Silicon tại miền Bắc California.

<sup>36</sup> Avani Venkatesh, “Limits of Human Knowledge: How Search Engines Will Never Become the Mind of God,” *The American Bazaar* (29/10/2019), <https://www.americanbazaaronline.com/2019/04/10/can-humans-know-everything-437027/>

<sup>37</sup> Siva Vaidhyanathan, *The Goolization of Everything (And Why We Should Worry)* (Berkeley, CA: University of California Press, 2011), 2.

<sup>38</sup> Thông tin này thu thập ngày 5/10/2021.

Đề” (*Proof Google is God*).<sup>39</sup> Trang web của bài viết có tên miền là “thechurchofgoogle.org” (tạm dịch “Hội Thánh Google”). Bài viết đứng vị trí thứ hai có tựa đề “Có phải Google là Thượng Đế mới không?” (*Is Google the New God?*).<sup>40</sup> Những thông tin này cho thấy có một nhận thức về vai trò của công nghệ kỹ thuật số ngày càng thay thế niềm tin tôn giáo vào một Thượng Đế cao siêu trong đời sống con người ngày nay.

Trong cuốn sách “*Đạo đức và tôn giáo trong thời đại của mạng xã hội*,” Kevin Healey và Robert H. Woods Jr. phê bình quan điểm lấy công nghệ làm trung tâm được tuyên truyền bởi những gã công nghệ khổng lồ ở Thung Lũng Silicon. Để thu hút thêm tín đồ, các tập đoàn công nghệ đã “lấn sân” bằng cách sử dụng những thuật ngữ thường thấy trong các truyền thống tôn giáo như Kitô giáo và Phật giáo để diễn tả “sứ mạng” cao siêu của mình. Tuy nhiên, đây là những tư tưởng tâm linh lệch lạc không dựa trên một hệ thống tôn giáo đích thực mà dựa trên khái niệm luân lý đạo đức công nghệ.<sup>41</sup> Họ viết rằng:

Đừng làm tưởng về nó, thứ luân lý này cũng giống như bất kỳ những luân lý khác mà hình thành ra những tập tục và nghi lễ tôn giáo để giúp tái định nghĩa chúng ta là ai, cách chúng ta nên hành động và những mẫu người nào chúng ta nên trở thành. Trong tiến trình thiết lập những điều chúng ta nên làm và không nên làm cho cuộc sống công nghệ, thứ luân lý này sai lầm khi xem các khả năng của công nghệ ngang bằng với các nhân đức riêng biệt của con người bằng cách đặt tên cho một số, ví dụ như đặt ngang hàng thông tin với đức tính khôn ngoan, và sự minh bạch với tính trung thực.<sup>42</sup>

Các tác giả trên đã tuyên bố rằng, một trong những mục đích họ viết cuốn sách này là để thể hiện “con thịnh nộ ngôn sứ” nhằm bày tỏ “một

<sup>39</sup> [https://www.thechurchofgoogle.org/Scripture/Proof\\_Google\\_Is\\_God.html](https://www.thechurchofgoogle.org/Scripture/Proof_Google_Is_God.html)

<sup>40</sup> <https://medium.com/faithtech/is-google-the-new-god-81f26b69bf8>

<sup>41</sup> Kevin Healey and Robert H. Woods Jr., *Ethics and Religion in the Age of Social Media: Digital Proverbs for Responsible Citizens* (New York, NY: Routledge, 2019), Kindle version.

<sup>42</sup> *Ibid.*

nhận thức lo âu về một điều gì đó không đúng với tư tưởng công nghệ đang ngày càng tăng trưởng. Tư tưởng này đặt chủ nghĩa cá nhân lên trên trách nhiệm luân lý, và đề cao kỹ năng và hiệu quả công nghệ hơn là những đức tính không có thước đo như tiết độ và khiêm nhường.”<sup>43</sup> Các tác giả tin rằng họ đang thay mặt “tất cả những người đang quan tâm đến việc cổ vũ hợp tác nhân văn giữa con người và máy móc. Điều này không làm biến chất phẩm giá con người cho mục đích lợi nhuận và năng suất.”<sup>44</sup>

### 1. Những câu chuyện tôn giáo không phù hợp với xã hội hiện đại

Nếu những lời bình phẩm của Healey và Woods có căn cứ – phản ánh phong trào lấy chủ nghĩa công nghệ thay thế vai trò của tôn giáo trong đời sống con người – chúng ta sẽ không bất ngờ nếu như có những quan điểm cho rằng, tiếng nói của tôn giáo trong xã hội hiện nay không còn cần thiết nữa. Khi nói về vị trí của tôn giáo ngày nay, một trong những lối tranh luận thường được đưa ra đó là thế giới quan tôn giáo không thích hợp với sự hiểu biết của khoa học hiện đại về vũ trụ. Những niềm tin tôn giáo chỉ đơn giản là những câu chuyện huyền thoại (*myths*) với cách nhìn hoàn toàn lệch lạc và lỗi thời về thế giới. Những câu chuyện đó có thể dùng để phục vụ cho những mục đích của tôn giáo trong quá khứ như: để giải thích cho các hiện tượng tự nhiên khác nhau; để giải nghĩa những sự kiện đầy hoang mang mà con người phải đối mặt trong cuộc sống; để duy trì sự gắn kết cộng đồng và xã hội; và thậm chí để hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp. Tác giả Yuval Noah Harari viết trong cuốn sách *Homo Deus*: “Trong thời xã hội nông nghiệp cổ xưa, phần lớn sự quan tâm của các tôn giáo không xoay quanh những vấn đề siêu hình và cuộc sống đời sau, nhưng lại xoay quanh những vấn đề thuộc về trần thế như sự gia tăng sản lượng nông nghiệp. Vì thế, Thiên Chúa của Cựu Ước không bao giờ hứa đến bất kỳ phần thưởng hoặc là hình phạt sau khi chết.” Thay vào đó, Harari chỉ ra rằng Thiên Chúa hứa ban cho mưa và một vụ mùa như ý cho

---

<sup>43</sup> *Ibid.*

<sup>44</sup> *Ibid.*

những ai vâng lời Ngài, ngược lại sẽ trừng phạt bằng sự thiếu thốn và đói kém cho những ai tôn thờ ngẫu tượng.<sup>45</sup>

Trong một cuộc tranh luận với tiến sĩ Rowan Williams – cựu tổng Giám Mục Canterbury – tại Cambridge về đề tài “Vai trò của tôn giáo trong thế kỷ XXI,” giáo sư vô thần nổi tiếng Richard Dawkins đã khẳng định rằng: “Tôn giáo tuyên truyền những giải thích sai lầm trong khi những giải thích đúng đắn có thể được đưa ra; những giải thích sai đó ngăn cản kế hoạch khám phá những giải thích đúng đắn.”<sup>46</sup> Đối với nhiều người, Kinh Thánh không thể là một nguồn tài liệu thích hợp để giải thích những vấn đề như suy thoái môi trường, bệnh tật và nạn đói. Thay vì tìm câu trả lời trong các trang sách Kinh Thánh với nội dung lạc hậu và phản khoa học, người ta có thể tìm được kiến thức và sự khôn ngoan từ việc phân tích những dữ liệu đang có sẵn. Kate Crawford, một nhà nghiên cứu tại Microsoft gọi não trạng này là “Chủ nghĩa cơ yếu Dữ liệu lớn” (*Big Data Fundamentalism*), là “ý tưởng cho rằng càng thu thập thêm các bộ dữ liệu, chúng ta càng nhích lại gần sự thật khách quan.”<sup>47</sup> Vì vậy, những sách tôn giáo cổ xưa không có giá trị đặc biệt gì khi bàn đến những vấn đề như công nghệ hoặc cách xây dựng các chính sách xã hội. Harari đặt câu hỏi: “Kinh Thánh có thể hữu ích trong thời Trung Cổ, nhưng làm sao nó có thể hướng dẫn chúng ta trong kỷ nguyên TTNT về công nghệ sinh học, sự nóng lên của trái đất, và chiến tranh mạng?”<sup>48</sup>

Những lời phê bình cũng như cổ võ để loại trừ tiếng nói tôn giáo khỏi xã hội hiện đại vì lý do tôn giáo có những “câu chuyện thần thoại” đã thể hiện một sự nhận thức quá nông cạn về tôn giáo. Nếu nói về giai thoại tôn giáo (*religious narratives/stories*), chúng ta không sai lầm khi nói rằng các câu chuyện không chỉ tìm thấy nơi các tôn giáo. Trên thực tế, có hàng

<sup>45</sup> Harari, *Homo Deus*, 85 (epub version).

<sup>46</sup> Ben Kendall, “Religion is redundant and irrelevant,” *Independent* (1/2/ 2013), <https://www.independent.co.uk/news/uk/home-news/religion-is-redundant-and-irrelevant-richard-dawkins-takes-on-ex-archbishop-of-canterbury-dr-rowan-8476499.html>

<sup>47</sup> C. Madsbjerg và M.B. Rasmussen, “Advertising’s Big Data dilemma.” *Harvard Business Review* (7/8/2013), <https://hbr.org/2013/08/advertising-big-data-dilemma>

<sup>48</sup> Harari, *21 Lessons*, Kindle edition.

nghìn, hàng triệu câu chuyện được tạo ra xuyên suốt lịch sử loài người. Cùng với các câu chuyện tôn giáo, chúng ta có thể xác định những câu chuyện về quốc gia, dân tộc, văn hóa, xã hội, kinh tế... Trong bối cảnh hiện nay, còn có thêm những câu chuyện được dựng lên về công nghệ. Dĩ nhiên, vai trò và chức năng của các câu chuyện trong mỗi khía cạnh cuộc sống sẽ khác nhau. Nếu chúng ta chấp nhận mô hình tự nhiên về cách thế giới vận hành và phát triển tiệm tiến – điều mà chắc hẳn những người kêu gọi loại trừ tôn giáo sẽ ủng hộ – thì chúng ta buộc phải đồng ý rằng trong tiến trình chọn lọc, một số câu chuyện xuất hiện, rồi biến mất sau đó; trong khi đó một số khác tiếp tục được phổ biến và có ảnh hưởng sâu sắc trên đời sống con người. Con người (cá nhân và tập thể) duy trì tổ chức đời sống cá nhân, xã hội và tinh thần dựa trên những giá trị được chứa đựng trong các câu chuyện đó.

Chúng ta cần đặt câu hỏi: Nếu một số câu chuyện tôn giáo vẫn tiếp tục tồn tại sau hàng nghìn năm trong sách vở cũng như trong tâm thức của cộng đồng, phải chăng điều này chứng minh rằng, các câu chuyện tôn giáo đó chất chứa những giá trị tinh thần, tâm linh, văn hóa, và nhân văn sâu sắc nói lên điều tốt, cái đẹp và chân lý mà bất kể thời gian hoặc thay đổi nào trong xã hội con người vẫn không thể loại trừ được? Những câu chuyện tôn giáo này vẫn tiếp tục được trân trọng và quý mến mặc dù có vô số câu chuyện khác được dựng lên để giới thiệu và vẽ lên một thế giới quan hay một thực tại khác. Nếu chúng ta sống trong thế giới tràn ngập các câu chuyện, tại sao chúng ta chọn một số câu chuyện trong khi loại bỏ một số khác? Ai là người đưa ra quyết định đó? Tại sao chúng ta không để cho nhiều câu chuyện khác nhau cùng đóng vai trò của chúng và xem mọi thứ diễn ra như thế nào? Đây không phải là quy luật của quá trình chọn lọc tự nhiên mà những người tự hào gọi mình là hậu duệ của Thời kỳ Khai sáng nhiệt tình cổ vũ hay sao?

Việc chúng ta nhận được kết quả hơn 2 tỷ tài liệu liên quan đến từ khóa “Google là Thượng Đế” chỉ ra rằng quá trình xây dựng các câu chuyện “tôn giáo” chưa bao giờ chấm dứt, nhưng đang tiếp tục diễn ra cách tích cực hơn bao giờ hết. Chỉ có điều Thượng Đế của kỷ nguyên kỹ



thuật số đã bị thay đổi từ một Đấng Sáng Tạo siêu việt vô hình thành một thực thể được xây dựng dựa trên các con số “1” và “0.” Mặc dù người ta có thể chỉ ra hàng loạt điểm tương đồng giữa Thiên Chúa và Google, nhưng có một sự khác biệt quan trọng, đó là Thiên Chúa thông biết mọi sự xuất phát từ chính bản tính của Ngài, trong khi đó, Google ngày càng trở nên quyền lực và hiểu biết bằng cách khai thác nguồn dữ liệu từ những người sử dụng nó. Chính Thiên Chúa hoàn hảo từ muôn đời, nhưng Google thì người ta mong rằng nó sẽ trở nên hoàn thiện theo thời gian. Vì thế, về bản chất, Google không có gì đáng được tôn bôc hoặc trao cho chức vị “thánh” mà nó đang được hưởng hiện nay. Google được gọi là “thánh” là vì có những con người đang chủ đích gán ghép cho nó một hình ảnh cao siêu, và có những người khác không đủ hiểu biết nên dễ dàng tin theo. Việc biến Google thành thánh chứng minh rằng nếu không có các câu chuyện về Thiên Chúa thì sẽ có các huyền thoại Google, huyền thoại Amazon, hoặc các loại huyền thoại khác mà người ta sẽ nhanh chóng xây dựng nhằm chụp lấy cơ hội để giành lấy vị trí ảnh hưởng trên đời sống con người mà tôn giáo đã từng có.

Cái nhìn giản hóa (*reductionist*) về những câu chuyện tôn giáo đang ngày càng trở nên chuẩn mực trong mọi môi trường. Điều này song song với việc ngày có ít người, thậm chí trong giới trí thức, cố gắng tìm hiểu về bản chất và vai trò của các câu chuyện tôn giáo trong bối cảnh văn hóa, xã hội và tâm linh đặc trưng của mỗi câu chuyện. Các học giả trong lĩnh vực tôn giáo định nghĩa các câu chuyện/huyền thoại tôn giáo theo nhiều cách khác nhau. Theo Mircea Eliade, “Mỗi thần thoại chỉ ra cách thức một thực tại đã xuất hiện như thế nào, bất kể đó là toàn bộ thực tại, vũ trụ, hay chỉ là một mảnh nhỏ – một hòn đảo, một giống cây, một tổ chức loài người ... [Nó] trở nên một khuôn mẫu cho tất cả các hoạt động của con người.”<sup>49</sup> Alan Dundes thì nhìn thần thoại tôn giáo như “một câu chuyện linh thiêng nhằm giải thích cách mà thế giới và con người đã trở nên hình dạng như

---

<sup>49</sup> Mircea Eliade, *The Sacred and the Profane: The Nature of Religion* (New York: Harcourt, Brace & World, Inc., 1957), 97-98.

hiện nay... Tính từ linh thiêng phân biệt thần thoại với các thể loại truyện kể khác như truyện dân gian vốn dĩ mang tính thể tục và hư cấu.”<sup>50</sup>

Dù bằng cách nào đi chăng nữa thì chúng ta không thể hiểu các câu chuyện tôn giáo theo nghĩa đen hoặc kiểm chứng bằng cách áp dụng các tiêu chí khoa học. Lý do là vì câu chuyện tôn giáo trình bày một quan điểm và chỉ ra các nguyên tắc giúp con người thấu hiểu về thế giới, biết cách tương quan với đấng siêu việt cũng như những cái tự nhiên (sinh học và phi sinh học) trong vũ trụ. Ngoài ra, chúng giới thiệu với người nghe cách cư xử hoạt động trong cuộc sống cá nhân và cộng đồng nhằm đạt tới sự biến đổi bản thân, hạnh phúc viên mãn và thịnh vượng, cho dù là trong thế giới hiện tại, ở đời sau, hoặc trên cõi niết bàn.

Bất chấp nhiều bản luận từ giới chuyên môn trong ngành tôn giáo học về vai trò và chức năng của các câu chuyện này trong cuộc sống con người, những người chống đối tôn giáo vẫn không bận tâm tìm hiểu, hoặc làm như không nghe không thấy. Vậy nên, khi họ nghe từ “thần thoại” hay “chuyện kể” thì ngay lập tức liền tưởng đến một thứ gì đó “viển vông,” “sai lầm,” hay “bịa đặt,” chỉ có nghe hoặc đọc với mục đích giải trí, chứ không nên đóng vai trò gì trong việc phân tích, giải thích, hay định hướng lối phát triển của khoa học công nghệ hiện đại.

Trong thực tế, mỗi câu chuyện tôn giáo được duy trì và tôn kính bởi một nhóm người hoặc một cộng đồng người nào đó có nhiều ảnh hưởng to lớn đến đời sống của họ, giúp cho họ biết cách ứng xử với nhau trong cộng đồng, cũng như thiết lập các mối tương quan đối với toàn xã hội. Người có tôn giáo chọn cách hiểu biết về thế giới của họ và chuyển tải sự hiểu biết và khôn ngoan này qua các hình ảnh, biểu tượng, và những câu chuyện thay vì dùng những công thức khoa học và phương trình toán học. Điều này không tự động khiến cho họ xung khắc với thế giới kỹ thuật số. Nó cũng không hề khiến họ mất cảm nhận hoặc khả năng tiếp nhận các quan điểm xuất phát từ thế giới nghiên cứu khoa học.

---

<sup>50</sup> Alan Dundes, *Sacred Narrative: Readings in the Theory of Myth* (Berkeley, CA: University of California Press, 1984), 1.

Trên thực tế, ở mọi cuộc hội thảo hay hội nghị của giới học thuật, chúng ta vẫn thấy có nhiều nhà khoa học, bác sĩ, luật sư và các nhà khảo cổ học có niềm tin vào tôn giáo cũng như không theo tôn giáo. Thách thức dành cho các tôn giáo không phải là chấp nhận loại bỏ các câu chuyện đặc trưng của mình khi đối mặt với thuyết khoa học vạn năng, nhưng là phải duy trì và củng cố giá trị của những câu chuyện quý giá đó trong môi trường mới bằng cách tái giải thích và diễn đạt sao cho phù hợp với bối cảnh kỹ thuật số hiện đại. Các câu chuyện sử dụng những hình ảnh đặc trưng của từng văn hóa và thời đại để truyền đạt các luân lý, giá trị đạo đức và tâm linh siêu nhiên vượt thời gian. Điều này có nghĩa là các câu chuyện có thể được chuyển dịch thành các ngôn ngữ và hình ảnh của bối cảnh hiện tại; vì thế, chúng có thể duy trì tính hợp thời và hợp lý bất chấp sự biến đổi của xã hội và phát triển của công nghệ. Quá trình khám phá những cách thức để “xây dựng lại bối cảnh” (*recontextualize*), hay diễn tả và áp dụng sự khôn ngoan thời xưa vào thời hiện đại tiếp tục là mục tiêu tối ưu cho mọi tôn giáo, nhằm tạo cảm hứng và đánh động các tín đồ và những người thiện tâm thiện chí để giúp họ tìm đến với điều Tối Thượng Tuyệt Mỹ. Như học giả là nhà sư Phật giáo Bhikkhu Bodhi khẳng định:

Nếu bất kỳ tôn giáo lớn nào muốn có được sự thích ứng trong thời đại mới, nó phải vượt qua được điểm rất tế nhị và khó khăn để dung hòa: Tôn giáo đó phải tạo ra được sự hài hòa giữa trung thành trong việc duy trì tư tưởng thâm thúy của đáng sáng lập và các bậc tiền bối, đồng thời phải có được kỹ năng và sự linh hoạt để trình bày rõ ràng những hiểu biết này theo các cách thức liên kết trực tiếp với những đòi hỏi hiện sinh. Điều này dễ dàng dẫn đến việc một trong những thái cực đi ngược lại với các thái cực khác: hoặc là tuân thủ những thể thức cổ xưa một cách kiên trì nhưng nó sẽ gây hại cho sự thích ứng hiện tại, hoặc là bẻ cong các nguyên tắc căn bản một cách quá tự do đến nỗi làm cạn kiệt sức sống tinh thần thâm thúy của chúng. Trên hết, tôi nghĩ bất cứ tôn giáo nào ngày nay cũng phải ghi nhớ một bài học quan trọng mà lịch sử đã khắc sâu như một vết thương trong chúng ta: nhiệm vụ

của tôn giáo là giải phóng hoá chứ không nô dịch hoá. Mục đích của tôn giáo cho phép các tín đồ tiến đến việc nhận ra điều Tối Thượng Tuyệt Mỹ và dùng sức mạnh của sự nhận biết này để ảnh hưởng cuộc sống trên thế giới.<sup>51</sup>

## 2. Tư tưởng của tôn giáo đã trở nên lạc hậu

Thách thức thứ hai cho các tôn giáo trong thời đại kỹ thuật số sẽ là khả năng tìm ra tiếng nói có uy tín để có thể đưa ra các bình luận về những điều không trực tiếp nằm trong phạm trù của tôn giáo. Trong giới chống đối tôn giáo có những ý kiến cho rằng, có lẽ trong quá khứ sự hiện diện của tôn giáo bao trùm và có nhiều ảnh hưởng tốt đến đời sống con người, xã hội. Tuy nhiên, đó là chuyện của quá khứ, không phải của thời đại công nghệ kỹ thuật số.

Một trong những người từng đưa ra quan điểm này là Yuval Noah Harari – một trong những tác giả được săn đón nhiều nhất trong những năm gần đây. Harari đã từng xuất hiện tại nhiều sự kiện nổi tiếng như Diễn đàn Kinh tế Thế giới, các buổi nói chuyện TED Talk, và thậm chí được mời nói chuyện trực tiếp với Giám đốc điều hành của Meta (Facebook), Mark Zuckerberg. Trong một cuộc nói chuyện tại Google, Harari cho rằng, chúng ta có thể ví Vatican như một Thung Lũng Silicon của thế kỷ XII, bởi vì nơi đây từng sở hữu hệ thống lưu trữ và xử lý thông tin tiên tiến và nhiều phát minh công nghệ nhất thời bấy giờ.<sup>52</sup> Harari cũng lặp lại quan điểm này nhiều lần trong cuốn sách *Homo Deus* của ông:

Bên cạnh các cải cách xã hội và luân lý đạo đức, Kitô giáo đã từng có trách nhiệm quan trọng trong việc đổi mới kinh tế và công nghệ. Hội Thánh Công giáo đã thiết lập hệ thống hành chính phức tạp nhất của châu Âu thời Trung cổ và tiên phong trong việc sử

---

<sup>51</sup> Bhikkhu Bodhi, “A Buddhist Response to Contemporary Dilemmas of Human Existence” (1994), <http://www.accesstoinsight.org/lib/authors/bodhi/response.html>.

<sup>52</sup> Yuval Noah Harari, “Techno-Religions and Silicon Prophets,” *YouTube* (29/1/2015), [https://www.youtube.com/watch?v=g6BK5Q\\_Dblo](https://www.youtube.com/watch?v=g6BK5Q_Dblo)

dụng văn thư lưu trữ, danh mục, lịch trình, và các kỹ thuật xử lý dữ liệu khác. Vatican ở châu Âu vào thế kỷ XII là nơi giống nhất với Thung Lũng Silicon. Giáo hội đã thiết lập các tập đoàn kinh tế đầu tiên ở châu Âu – các đan viện – nơi trong khoảng một ngàn năm đã dẫn đầu các phương pháp canh tác và quản lý nông nghiệp. Các đan viện là những tổ chức đầu tiên sử dụng đồng hồ treo tường; và trong nhiều thế kỷ, các đan viện cùng với các trường của các nhà thờ chánh tòa là những trung tâm học thuật quan trọng nhất ở châu Âu, giúp sáng lập nhiều trường đại học đầu tiên của châu Âu như Bologna, Oxford và Salamanca.<sup>53</sup>

Mặc dù từng đóng vai trò sáng tạo trong xã hội loài người, nhưng Harari lại nói rằng trong 200 năm qua, tôn giáo, kể cả Giáo hội Công giáo, đã thay đổi từ vị thế ảnh hưởng mang tính sáng tạo sang ảnh hưởng mang tính đối phó.

Giáo hội Công giáo và những tôn giáo hữu thần khác từ lâu đã biến đổi từ ảnh hưởng sáng tạo đến ảnh hưởng có tính đối phó. Họ bận rộn với những hoạt động mang tính bảo thủ hơn là việc đi tiên phong trong những công nghệ mới, những phương pháp kinh tế đổi mới hoặc những tư tưởng xã hội đột phá. Ngày nay, họ chủ yếu trăn trở về công nghệ, những phương pháp và ý tưởng được truyền bá bởi những phong trào khác. Các nhà sinh vật học phát minh ra thuốc ngừa thai, và Đức Giáo Hoàng không biết nên ứng phó với nó như thế nào. Các nhà khoa học về máy tính phát triển mạng internet – và các giáo sĩ Do Thái tranh luận liệu người Do Thái chính thống có nên được phép lướt mạng hay không.<sup>54</sup>

Harari bình luận rằng, “Hội giáo cực đoan đang ở vị trí còn tồi tệ hơn nhiều so với chủ nghĩa xã hội. Nó thậm chí còn chưa chấp nhận cuộc Cách mạng Công nghệ – không có gì ngạc nhiên khi Hội giáo không có gì xác đáng để nói về kỹ thuật di truyền và TTNT.”<sup>55</sup> Một điều rõ ràng từ ý kiến

<sup>53</sup> Harari, *Homo Deus*, 459 (epub version).

<sup>54</sup> Harari, *Homo Deus*, 460 (epub version).

<sup>55</sup> Harari, *Homo Deus*, 458 (epub version).

được trích dẫn ở trên, đó là Harari đại diện cho một quan điểm khá phổ biến trong xã hội ngày nay. Quan điểm này khẳng định rằng trong xã hội khoa học hiện đại, vị trí ảnh hưởng của tôn giáo đã bị thay thế bởi vì nó không còn đóng góp tích cực cho sự phát triển của khoa học. Không chỉ thế giới quan của tôn giáo đã bị phát hiện là hoàn toàn không tương thích với kiến thức khoa học hiện đại, các tôn giáo không còn phát minh, sáng tạo, khám phá, và dường như đã rơi khỏi chuyên tàu đưa nhân loại đi đến tương lai kỹ thuật số.

Quan điểm phiến diện của Harari ám chỉ rằng các tôn giáo đã kiệt sức về năng lượng và khả năng sáng tạo. Khi xem xét kỹ lưỡng, có thể nhận thấy đó là một nhận thức rất sai lầm. Mặc dù các tôn giáo ngày nay không đặt các khám phá khoa học như là một mục tiêu mang tính có tổ chức, nhưng để nói rằng tôn giáo thiếu sự ảnh hưởng sáng tạo là hiểu sai và đánh giá thấp ảnh hưởng sâu sắc mà các giáo huấn đang tiếp tục thể hiện trong cuộc sống và sự nghiệp của vô số nhà khoa học đang thực hiện các công trình nghiên cứu trên toàn thế giới. Ngay khi các nhà khoa học này sử dụng phương pháp khoa học như công cụ cần thiết để thực hiện các nghiên cứu của mình, thì nguồn cảm hứng và sự dẫn thân đến từ niềm tin tôn giáo thúc đẩy việc làm của họ không nên bị phớt lờ. Thật là ngây thơ và nông cạn nếu cho rằng cuộc sống của con người bị phân tách thành nhiều ngăn: người ta chỉ sống đạo khi họ đi nhà thờ hay viếng chùa chiền; còn khi ở trong phòng thí nghiệm thì đột nhiên trở thành vô thần, hoặc đơn giản hành động và nhìn mọi sự việc như một người vô thần.

Tôn giáo trên phương diện là một tổ chức có thể không đặt ra mục tiêu phát minh những thứ mới mang tính khoa học hay công nghệ. Tuy nhiên, các hệ thống tôn giáo qua các giáo huấn đóng vai trò quan trọng giúp tạo ra khuôn mẫu nhằm cổ vũ, định hướng và hỗ trợ các khám phá khoa học, đóng góp vào nỗ lực của toàn thể nhân loại trong việc phát triển và thăng tiến. Tại nhiều quốc gia trên thế giới, đại đa số người dân theo một tôn giáo nào đó. Không tính đến các tôn giáo khác, ở Ấn Độ, một quốc gia có dân số lớn thứ hai trên thế giới có gần 80% dân số theo Ấn giáo.<sup>56</sup> Chúng

---

<sup>56</sup> “India’s religions by the numbers,” *The Hindu* (26/8/2015),

ta có thể chắc chắn rằng trong số hàng trăm triệu người Ấn Độ theo Ấn giáo, thì có rất nhiều nhà khoa học và kỹ sư công nghệ. Ngay cả Sundar Pichai, Tổng giám đốc điều hành của Google, có quê hương tại Chennai, Ấn Độ theo Ấn giáo và đã trải qua thời thiếu niên trong môi trường giáo dục của tôn giáo này.<sup>57</sup> Pichai vẫn duy trì lối ăn chay như các tín đồ Ấn giáo đạo đức khác.

Thay vì mang quan điểm tiêu cực cho rằng các nhà khoa học có tôn giáo hoạt động bất chấp tín ngưỡng của mình, thì chúng ta nên có cái nhìn hợp lý và hiền hòa hơn. Đó là sự nhận thức rằng họ hoạt động trong lĩnh vực khoa học dưới sự dẫn dắt và được truyền cảm hứng từ chính niềm tin tôn giáo của họ. Trong một cuộc khảo sát của tổ chức Pew năm 2009, chỉ 41% các nhà khoa học tại Hoa Kỳ tự nhận mình là vô thần, trong khi 51% tin vào Thiên Chúa, một đấng siêu việt, hoặc một sức mạnh linh thiêng nào đó.<sup>58</sup> Alister E. McGrath nhận xét rằng quan niệm về sự xung đột giữa khoa học hiện đại và tôn giáo là một quan niệm lỗi thời. Ngoài ra, quan niệm này chỉ thấy phần lớn nơi người phương Tây. Ở châu Á, nơi 60% dân số thế giới sinh sống, mối quan hệ giữa khoa học và tôn giáo được nhìn nhận trong cộng đồng khoa học theo cách thức hợp tác và đối thoại nhiều hơn.<sup>59</sup> McGrath viết rằng:

Kiểu xung đột này ngày càng được xem như là một cách nhìn nhận đặc biệt của phương Tây được căn cứ theo lịch sử riêng biệt và các chuẩn mực văn hóa ẩn chứa bên trong các nước phương Tây, cụ thể là Mỹ. Các nhà nghiên cứu đã giải thích rằng mối quan hệ giữa khoa học và tôn giáo trong các nền văn hóa không thuộc Tây Âu – như Ấn Độ – được hiểu theo cách khác (và theo chiều hướng tích cực hơn).<sup>60</sup>

---

<https://www.thehindu.com/news/national/religious-communities-census-2011-what-the-numbers-say/article7582284.ece>

<sup>57</sup> <https://starsunfolded.com/sundar-pichai/>

<sup>58</sup> Pew, “Scientists and Belief,” <https://www.pewforum.org/2009/11/05/scientists-and-belief/>.

<sup>59</sup> Alister E. McGrath, *Science and Religion: A New Introduction*, Third Edition (Hoboken, NJ: Wiley-Blackwell, 2020), 9.

<sup>60</sup> *Ibid.*

Đối với truyền thống Công giáo – tôn giáo có khoảng 1.2 tỷ tín hữu – thì khoa học không được xem là đối lập. Trên thực tế, rất nhiều các sử gia về khoa học công nhận rằng niềm tin vào Thiên Chúa đã đóng vai trò mang tính quyết định trong sự phát triển của khoa học hiện đại trong thế kỷ XVI và XVII.<sup>61</sup> Hầu hết các học giả chỉ ra rằng, mặc dù có một số nhà khoa học hoặc thuyết khoa học thách thức niềm tin vào Thiên Chúa tại một số thời điểm trong lịch sử khoa học, nhưng ở các thời điểm khác, niềm tin tôn giáo lại chính là yếu tố thúc đẩy sự thăng tiến trong nền khoa học. Bên cạnh đóng vai trò là nguồn cảm hứng trong công việc nghiên cứu khoa học, niềm tin vào Thiên Chúa còn là khung lý thuyết để giải thích các khám phá khoa học trong thời kỳ cách mạng khoa học từ thế kỷ XV tới thế kỷ XVIII, làm cho nền khoa học hiện đại trở nên hệ thống hóa như chúng ta biết tới ngày nay. Đức Giám mục Robert Barron cho rằng:

Giáo hội từ lâu đã xác tín rằng vì Thiên Chúa là duy nhất và tất cả các chân lý đến từ Thiên Chúa, nên cuối cùng không thể có xung đột giữa chân lý mặc khải và chân lý có thể được khám phá qua việc sử dụng lý trí con người. Và do đó, Giáo hội vui mừng với bất cứ điều gì mà khoa học thực nghiệm đã khám phá ra. Giáo hội cho rằng không có bất kỳ xung đột nào giữa những khám phá và đức tin của Giáo hội, nếu các khám phá khoa học này được giải thích một cách đúng đắn.<sup>62</sup>

Giáo hội Công giáo và Kitô giáo không độc chiếm việc đóng góp cho các ngành khoa học. Trên thực tế, các nhà khoa học trên thế giới đến từ đủ màu da và tín ngưỡng khác nhau. Mọi tôn giáo đều có thể tác động vào tâm thức và sự nghiệp của các nhà khoa học theo nhiều cách riêng. Ví dụ, một nhà khoa học y khoa Phật giáo đến từ Thái Lan cố gắng tìm ra cách chữa bệnh AIDS. Mặc dù dựa vào những kiến thức khoa học để thực hiện

---

<sup>61</sup> Điển hình các học giả Herbert Butterfield, A.C. Crombie, Michael B. Foster, Loren Eiseley, David Lindberg, Owen Gingerich, Reijer Hooykaas, Robert Merton, Pierre Duhem, Colin Russell, Alfred North Whitehead, Peter Hodgson, Ian Barbour, Christopher Kaiser, Holmes Roston III, Steve Fuller, Peter Harrison, Rodney Stark.

<sup>62</sup> Robert Barron, *Seeds of the Word: Finding God in the Culture* (Skokie, US: Word on Fire Catholic Ministries, 2015), 23-24.



các nghiên cứu, nhưng ông có thể làm được điều này vì chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi những lời dạy của Đức Phật về lòng từ bi và lòng trắc ẩn đối với những người kém may mắn và đối với tất cả chúng sinh. Phương pháp khoa học mà nhà khoa học, đồng thời là một Phật tử sùng đạo, sử dụng chỉ đơn giản là phương tiện để cụ thể hóa niềm tin rằng sự phát triển tâm linh cá nhân cũng như sự giải thoát khỏi những đau khổ và vòng luân hồi có thể chỉ đạt được thông qua việc thực hành những công việc bác ái và thương xót đối với những người khác. Trong trường hợp này, hoạt động khoa học không phải là tách rời hoặc đi ngược với niềm tin Phật giáo, nhưng là một hình thức sống đạo một cách tích cực và cụ thể.

Theo cách tương tự, một nhà vật lý thiên văn Hồi giáo có thể sử dụng những công cụ khoa học để nghiên cứu các vật thể trong không gian. Tuy nhiên, sự nỗ lực của người đó có thể được lấy cảm hứng từ nỗi khao khát tìm kiếm và tôn vinh Thiên Chúa trong những khám phá mà mình đạt được. Đối với một người Hồi giáo, không có gì có thể quan trọng hơn việc phục tùng Thiên Chúa, Đấng mà những khám phá khoa học sẽ biểu lộ và chứng minh quyền năng cũng như sự vĩ đại của Ngài. Vậy thì dựa trên cơ sở nào mà người ta có thể phủ nhận vai trò của niềm tin vào Allah trong hoạt động khoa học của các nhà khoa học và công nghệ theo Hồi giáo, một tôn giáo có 1,8 tỷ tín đồ trên thế giới? Điều hợp lý và hiển nhiên hơn là giả định rằng niềm tin Hồi giáo có tác động tích cực vào sự nghiệp của các nhà khoa học Hồi giáo thay vì những lập luận ngược lại.

Có ý kiến cho rằng tôn giáo, cách riêng là Giáo hội Công giáo, ở một khía cạnh nào đó đã rút khỏi đường ray của khoa học là một lập luận cầu thả vô căn cứ trên thực tế. Gần đây nhất, vào năm 2014, một sư huynh dòng Tên và cũng là nhà thiên văn học của Vatican – Guy Consolmagno – đã nhận được huy chương Carl Sagan cao quý “vì có những cống hiến to lớn cho cộng đồng.” Thầy Guy không phải là một trường hợp cá biệt, nhưng là đại diện cho vô số các nhà khoa học đồng thời là linh mục tu sĩ Công giáo tiếp nối truyền thống hoạt động khoa học kéo dài hàng nghìn năm trong dòng lịch sử nhân loại. Trong số đó, chúng ta phải kể đến Copernicus là người đã tạo nên sự việc được gọi là cuộc Cách mạng

Copernic đề mô tả sự nhật tâm của hệ mặt trời. Hoặc Gregor Mendel được biết đến là một đan sĩ và cũng là cha đẻ của các ngành di truyền học. Khám phá của ngài đã có ảnh hưởng đáng kể đến việc nghiên cứu của nhà tự nhiên học Charles Darwin mà giới khoa học tôn vinh như đỉnh cao của tư tưởng Thời kỳ Khai sáng, và cũng là người đóng vai trò quan trọng trong việc trục xuất tôn giáo ra khỏi địa vị tối cao trong xã hội hiện đại.

Với nhiều mô tả đầy xuyên tạc về sự xung đột giữa tôn giáo và khoa học, có lẽ ít ai biết rằng Georges Lemaitre, một linh mục và là một nhà vũ trụ học người Bỉ, cũng là cha đẻ của thuyết Big Bang. Đến thời điểm hiện tại, đây là khám phá mà đại đa số các nhà thiên văn học đương đại chấp nhận như một thuyết khả thi nhất về nguồn gốc của vũ trụ. Bên cạnh các linh mục tu sĩ Công giáo, chúng ta không nên bỏ qua vô số giáo dân nam nữ trong quá khứ cũng như hiện tại đã và đang đóng góp cho sự phát triển của ngành khoa học trên toàn thế giới. Ngoài ra, Vatican cũng đang trực tiếp tham gia vào hoạt động của khoa học như hỗ trợ nhiều phòng thí nghiệm, đồng thời tham gia tích cực và thúc đẩy việc đối thoại giữa tôn giáo với khoa học. Các trường đại học Công giáo trên toàn thế giới tiếp tục là nơi mà các công trình nghiên cứu khoa học hàng đầu đang được thực hiện liên tục. Đức Thánh Cha Phanxicô, trong Thông điệp *Laudato Si* nói về môi trường, đã sử dụng các tham vấn và các dữ kiện khoa học cập nhật như là phần quan trọng không thể thiếu cho văn kiện. Đây là một ví dụ rõ ràng minh chứng cho sự tương tác giữa Giáo hội với khoa học, vì Thông điệp trình bày những giáo huấn quan trọng có ảnh hưởng đến các Kitô hữu và toàn thể nhân loại.

Vì thế, những người theo tôn giáo không phải là những người đứng bên lề trong tiến trình tạo ra sự tiến bộ công nghệ. Tương tự, họ không phải là những người đứng ngoài cuộc của những ảnh hưởng đa dạng mà sự phát triển khoa học đã, đang và sẽ mang lại. Vậy nên, các tôn giáo cũng có một vai trò quan trọng trong việc nhận xét, phê bình và giúp định hướng sự phát triển của công nghệ hiện đại. Mặc dù các tôn giáo không luôn luôn đóng vai trò trực tiếp phát minh, nhưng tôn giáo có thể sử dụng những phương pháp và khả năng suy tư vốn có để nhận ra những khám

phá khoa học sẽ tác động như thế nào vào đời sống tinh thần và xã hội của nhân loại. Tôn giáo có thể khuyến khích mỗi cá nhân trong việc phân định để đưa ra những chọn lựa khôn ngoan khi sử dụng những kiến thức khoa học cũng như những phát minh công nghệ. Việc suy tư và phân định không phải là hành động mang tính phản ứng hoặc đối phó trước sự thăng tiến của khoa học, nhưng là xem xét kỹ lưỡng về những tác động và hậu quả mà những lựa chọn mang lại cho cá nhân cũng như cộng đồng. Một kỹ sư hay một nhà khoa học công nghệ giỏi không hẳn là một người có nhận thức sâu sắc về đạo đức và luân lý. Sự phân định một cách có chủ tâm dựa trên các quy tắc tâm linh và hiểu biết thâm thúy của tôn giáo là cần thiết trong bối cảnh khoa học công nghệ ngày nay vì vô số hậu quả nghiêm trọng tiềm ẩn do việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số một cách bừa bãi thiếu khôn ngoan.

### 3. Đánh mất sự tín nhiệm vì xung đột liên tôn

Cáo buộc thứ ba chống lại tôn giáo cho rằng các tôn giáo không thể đóng góp cho các mối quan tâm của thế giới ngày nay, bởi vì chính các tôn giáo cũng không cùng quan điểm với nhau trong nhiều vấn đề. Sự xung đột giữa các tôn giáo và bất đồng quan điểm không chỉ tồn tại trong giáo huấn mà còn trong các vấn đề xã hội làm cho các tôn giáo mất đi uy tín vốn có. Trong quá khứ lẫn hiện tại, các tôn giáo thường tham gia vào các cuộc xung đột và thậm chí là nguyên nhân gây ra các cuộc chiến tranh lớn bé trên toàn thế giới. Nhìn chung, thực trạng về các mối tương quan giữa các tôn giáo ở nhiều nơi trên thế giới tồn tại nhiều khác biệt và xung đột. Chúng ta không dám hy vọng rằng các tôn giáo sẽ sớm giải quyết những vấn đề tồn đọng vô cùng phức tạp này.

Ở một số nơi, có thể nói xung đột giữa tôn giáo có xu hướng gia tăng. Trong quyển sách *“Cuộc đụng độ giữa các nền văn minh và sự tái lập trật tự thế giới,”* (*The Clash of Civilizations and the Remaking of World*) Samuel P. Huntington củng cố khái niệm về xung đột liên tôn trên quy mô lớn bằng lập luận cho rằng trong thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh mới, các

cuộc xung đột địa phương và quốc tế sẽ là hệ quả của “sự đụng độ của các nền văn minh” mang bản sắc tôn giáo và văn hóa.<sup>63</sup> Huntington nêu quan điểm cho rằng những sự mâu thuẫn này sẽ diễn ra chủ yếu giữa khối Hồi giáo và thế giới không Hồi giáo. Ở châu Âu, “sự tương tác quân sự hàng thế kỷ giữa phương Tây và Hồi giáo khó có thể chấm dứt. Ngược lại, nó có thể trở nên trầm trọng hơn.”<sup>64</sup> Huntington viết rằng mâu thuẫn giữa các nền văn minh có nguồn gốc sâu xa từ châu Á.

Sự đụng độ lịch sử giữa Hồi giáo và Ấn giáo trong tiểu lục địa này giờ đây đã lan rộng ra không chỉ trong sự thù địch giữa Pakistan và Ấn Độ mà còn trong việc gia tăng xung đột tôn giáo ở Ấn Độ giữa các nhóm chiến binh Ấn giáo và thiểu số Hồi giáo giàu có của Ấn Độ.<sup>65</sup>

Mặc dầu tất cả các hệ thống tôn giáo đều hướng tới mục đích giúp các tín đồ đạt tới sự thăng tiến và biến đổi, nhưng một số khía cạnh nhất định trong các tôn giáo lại dẫn đến xung đột. Ví dụ như bản sắc tôn giáo và cộng đồng được tạo ra từ các sách thánh kinh, các tập tục, truyền thống và các giáo điều trong mỗi tôn giáo có thể tạo nên một ý thức mạnh mẽ về “nội bộ” và “ngoại bộ”. Điều này có thể dẫn đến việc các tín đồ có thái độ và hành động phân biệt đối xử hoặc loại trừ những người không thuộc về nhóm của họ hoặc không theo chuẩn mực tôn giáo của họ. Cách cư xử này trở thành hệ thống hóa khi nó được thực hiện ở cấp độ cộng đồng một cách thường xuyên, hoặc được các nhà lãnh đạo tôn giáo đồng thuận một cách ngầm ngầm hoặc công khai. Các vụ xung đột giữa các nhóm tôn giáo thường xuất hiện khi có liên quan đến các lợi ích về xã hội, chính trị, kinh tế và lãnh thổ. Các cuộc xung đột này không hẳn leo thang trở thành các cuộc chiến tranh đẫm máu, nhưng có thể quan sát được trong cách thành viên của tôn giáo này ủng hộ hoặc phớt lờ trước các luật và chính sách mang tính phân biệt đối xử hoặc hạ bệ những người theo truyền thống tôn

---

<sup>63</sup> Samuel P. Huntington, *The Clash of Civilizations and the Remaking of World Order* (New York, NY: Simon and Schuster, 1996).

<sup>64</sup> Huntington, *The Clash*, 38.

<sup>65</sup> Huntington, *The Clash*, 39.

giáo khác. Điều này có nghĩa khi người thuộc nhóm tôn giáo này chứng kiến người trong nhóm khác bị ngược đãi, đàn áp, hoặc đối xử bất công thì họ không lên tiếng phản đối, thậm chí ủng hộ tình trạng bất công đó.

Sự khác biệt giữa các tôn giáo không hẳn sẽ dẫn đến chiến tranh và bạo lực. Tuy nhiên, vì các hệ thống tôn giáo có những thế giới quan khác nhau nên nhiều khi làm cho các tôn giáo khó đưa ra lập trường chung trong các vấn đề liên quan đến xã hội. Điển hình, tất cả các giáo phái Kitô giáo đều chia sẻ một niềm tin vào Chúa Giêsu Kitô và chấp nhận cùng một bộ Kinh Thánh; nhưng điều này không giúp cho các giáo phái Kitô giáo dễ dàng đồng ý về một vấn đề cụ thể như bảo vệ môi trường sinh thái. Trong khi Đức Giáo Hoàng Phanxicô và Đức Thượng Phụ Bartholomeo cùng nhau kêu gọi thế giới phát triển lương tâm sinh thái, thì có không ít các mục sư Tin Lành ở Mỹ lại thuyết giảng chống lại những quy định nhằm bảo vệ môi trường. Họ cho rằng điều này sẽ hạn chế quyền lực của con người đối với tự nhiên mà Thiên Chúa đã đặt dưới sự cai quản của con người. Vì thế, lời cáo buộc được đưa ra là làm thế nào để các tôn giáo có thể mong đợi tiếng nói của mình được tôn trọng và đón nhận khi chính bản thân các tôn giáo thường xuyên xung đột với nhau, nếu không phải dưới hình thức các cuộc chiến tranh liên tôn, thì qua sự bất đồng quan điểm về các vấn đề liên quan đến nhân loại?

Lập trường cho rằng mâu thuẫn liên tôn và bất đồng ý kiến giữa các tôn giáo khiến cho họ không có quyền bình luận trong những chuyện vượt ra ngoài phạm trù tín ngưỡng và tâm linh, thoát đầu được xem có vẻ thuyết phục. Tuy nhiên, trong thực tế, đó là một quan điểm vô lý. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy rằng trong xã hội loài người, sự khác nhau về nhận thức giữa các nhóm và tổ chức là điều thông thường thay vì ngoại lệ. Xung đột, cho dù là bên trong một tổ chức hoặc giữa các nhóm, không bao giờ ngăn cản các thành viên tham gia vào các cuộc thảo luận về các vấn đề mà họ quan tâm và có liên quan đến đời sống cá nhân hoặc xã hội mà họ đang sống. Việc tranh cãi giữa các đảng phái chính trị tại Mỹ không hề ngăn cản chính phủ Mỹ trong việc bình phẩm về các sự kiện đang diễn ra ở các nước khác nếu chính phủ Mỹ cảm thấy rằng những sự kiện đó ảnh

hưởng đến vấn đề an ninh quốc gia và quốc tế. Chúng ta cũng chứng kiến không ít các nhà khoa học đưa ra những lời nhận định về các vấn đề chính trị, xã hội hoặc tôn giáo. Họ cũng phê bình những điều họ cho là đi ngược lại với logic và kiến thức của khoa học. Hành động này hoàn toàn đúng đắn vì các nhà khoa học cũng là những con người đang sống trong một môi trường xã hội và văn hóa cụ thể, vì thế những gì xảy ra xung quanh họ đều ảnh hưởng đến cuộc sống của họ cũng như cả cộng đồng.

Các nhà khoa học có thể không có ý kiến về các phương pháp và nguyên tắc thần học được áp dụng để đưa ra các giáo huấn, vì hoạt động này không thuộc chuyên môn của khoa học. Tuy nhiên, các nhà khoa học dĩ nhiên có quyền đưa ra các nhận định về cách mà các giáo huấn ảnh hưởng đến tính chất và cấu trúc xã hội mà họ đang sống. Ví dụ như nếu một giáo phái tôn giáo nào đó dẫn các nguồn sách thánh và tâm linh của mình để dạy các tín đồ rằng bệnh Covid-19 là hệ quả của việc bị quỷ ám, và chỉ có một cách duy nhất để chữa khỏi đó là trừ quỷ để đuổi khỏi tà thần đang cư ngụ trong thân thể. Và nếu những giáo huấn này khiến các thành viên trong giáo phái đó không đi khám chữa bệnh dẫn đến việc vi-rút lây lan trong cộng đồng và làm cho đại dịch ngày càng gia tăng, người ta hy vọng rằng các chuyên gia sẽ dùng các bằng chứng mang tính khoa học để thuyết phục các tín đồ suy nghĩ lại về niềm tin của họ. Trước những hành vi và quan điểm rõ ràng phản khoa học, chúng ta tin rằng những tiếng nói như thế sẽ rất được hoan nghênh.

Nhưng thử hỏi, cũng trong trường hợp nói trên, liệu chúng ta có nên đặt ra tiêu chuẩn rằng, tất cả các nhà khoa học buộc phải hoàn toàn nhất trí về nguyên do và phương pháp điều trị Covid-19 cũng như tất cả các vấn đề khác trong lĩnh vực khoa học lẫn ngoài khoa học, thì họ mới có quyền bình luận về một hành vi xuất phát từ niềm tin tôn giáo? Mặc dù có sự nhất trí cao về mặt khoa học liên quan đến vi-rút corona và bệnh Covid-19, nhưng không thể phủ nhận rằng có những quan niệm khác nhau về sự nguy hiểm của Covid-19 và cách chữa trị hiệu quả. Không phải tất cả các nhà khoa học và bác sĩ đều cùng chung một quan điểm về vắc-xin hay nguồn gốc của vi-rút. Thậm chí còn có sự bất đồng ý kiến về việc đo

khâu trang giữa các chuyên gia. Như đã đề cập ở phần trước, nhiều nhà khoa học làm việc trong một cơ cấu kinh tế và chính trị khiến cho các quan điểm khoa học nhiều khi được tuyên bố đã không còn dựa trên cơ sở khoa học thực thụ nhưng lại dựa trên đường lối hoạt động và mục đích của các tổ chức tài trợ công trình khoa học đó. Các nhà khoa học làm việc cho tập đoàn thuốc lá ít nhiều sẽ bị điều khiển bởi chính sách của tập đoàn thuốc lá đó. Các nhà khoa học làm việc cho công ty xăng dầu cũng bị điều khiển bởi đường lối làm kinh tế của ngành xăng dầu. Nhà khoa học làm việc cho chính phủ cũng phụ thuộc ít nhiều vào đường hướng và chính sách của nhà lãnh đạo chính phủ đương nhiệm. Điều này cũng không khác gì đối với những nhà khoa học làm việc cho các tập đoàn công nghệ như Alphabet (Google) và Meta (Facebook).

Trên các phương tiện truyền thông, chúng ta nhận thấy rằng có các nhà khoa học, hoặc ít nhất là những người tự xưng là nhà khoa học, rao truyền những quan niệm khác nhau về đại dịch Covid-19 làm ít nhiều ảnh hưởng đến sự hiểu biết trong người dân về tính chất của đại dịch. Những thông tin trái chiều về Covid-19 không hẳn đến từ những người tung tin giả, nhưng lại xuất phát từ chính những người được cho là các nhà khoa học thực thụ. Điều này không khác mấy với điều chúng ta thường thấy nơi các tôn giáo, đặc biệt những người tự xưng mình là đại diện của tôn giáo đó. Chỉ vì có một lãnh đạo tôn giáo hoặc các nhóm tôn giáo không chấp nhận có hiện tượng thay đổi khí hậu, điều đó không có nghĩa là tất cả các tôn giáo nên bị tước đi quyền được lên tiếng về các vấn đề ảnh hưởng đến sự an sinh của nhân loại. Nếu đặt ra điều kiện như vậy thì sẽ không thể có chuyện đối thoại và hợp tác liên ngành bởi vì mỗi nhóm chỉ có thể phát biểu về những chuyện nằm trong lĩnh vực giới hạn của mình. Mỗi người hay mỗi nhóm chỉ được hoạt động trong phạm vi riêng biệt của mình để tránh “lấn sân” qua những lĩnh vực khác. Tuy nhiên, trước một thế giới ngày càng toàn cầu hóa với mọi thứ đan xen với nhau cách chặt chẽ, việc ngăn xã hội và cuộc sống ra thành những gian tách biệt nhau là điều phi thực tế và hoàn toàn đi ngược với xu hướng của xã hội hiện đại.

Mặc dù chúng ta không chấp nhận quan niệm cho rằng sự xung đột và bất đồng giữa tôn giáo khiến cho tôn giáo không đủ tư cách để tham gia vào các bình luận ngoài phạm trù đời sống đạo của mỗi nhóm, nhưng vẫn phải thừa nhận rằng, vấn đề xung đột giữa các tôn giáo rất cần được các tổ chức tôn giáo và tín đồ suy tư và cải thiện cách nghiêm túc. Ở đây, chúng ta không có điều kiện để đào sâu vào cái gọi là “xung đột tôn giáo”. Tuy nhiên, chúng ta cần nhận mạnh rằng, những nguyên nhân gây ra xung đột giữa con người hết sức phức tạp. Việc gán bắt kỳ nguyên nhân đơn lẻ nào cho các xung đột đó là quá đơn giản và không phù hợp với thực tế lịch sử. Cái được cho là “xung đột tôn giáo” nhiều khi chỉ là bề nổi của hàng loạt nguyên do khác – chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, dân tộc – thúc đẩy những nhóm người chiến đấu với nhau và gây tổn thương đến nhau.

Ngược lại, các tôn giáo không thể phủ nhận vai trò trực tiếp hoặc gián tiếp của mình trong việc gây ra bất hòa và xung đột. Bằng việc nhìn nhận những mảng tối của mình trong quá khứ cũng như hiện tại, các tôn giáo tự thể hiện mình là những người tham gia đáng tin cậy trong diễn ngôn toàn cầu và tạo điều kiện thuận lợi cho đối thoại nhằm mục đích tăng cường mối quan hệ liên tôn và giải quyết các vấn nạn ảnh hưởng đến sự thịnh vượng và phát triển của nhân loại. Nếu các truyền thống tôn giáo mong muốn thực thi vai trò của mình trong bối cảnh toàn cầu rộng lớn hơn, bản thân các tôn giáo bắt buộc phải sẵn sàng tham gia vào các cuộc đối thoại liên tôn để thúc đẩy các mối quan hệ hài hòa và hợp tác. Điều này sẽ giúp củng cố và tạo uy tín cho tiếng nói của tôn giáo đối với các vấn đề liên quan đến tương lai của nhân loại. Mặc dù sự tồn tại của mâu thuẫn liên tôn không biện minh cho chính sách loại trừ tôn giáo khỏi các cuộc bàn luận toàn cầu, nhưng các cuộc tranh cãi tôn giáo, chưa kể đến các cuộc chiến và bạo lực liên quan đến tôn giáo, đã gây tổn hại to lớn đến uy tín của tôn giáo trong mắt các tín đồ cũng những người không có niềm tin tôn giáo. Bằng việc thực thi đối thoại liên tôn, các tôn giáo thể hiện một tấm gương nói lên cách mà các nhóm, lĩnh vực, và ngành nên tương tác với nhau nhằm chung tay phát triển xã hội loài người, đồng thời bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên trong thế giới kỹ thuật số.



## Tôn giáo, khoa học và công nghệ

Công nghệ kỹ thuật số đang dần trở thành phương tiện mà con người sử dụng rất nhiều trong cuộc sống. Nếu các nhận định của chuyên gia là chính xác, chúng ta đang trên đà của nhiều thay đổi công nghệ đa dạng có thể tạo nên một xã hội loài người hoàn toàn khác so với những gì chúng ta đã từng thấy trong quá khứ. Nếu cuộc sống không chỉ của mỗi cá nhân mà còn là của cả một tập thể, đang phải đối mặt với những thay đổi lớn như vậy, thì việc khẳng định chỉ theo một cấu trúc công nghệ hay một quan niệm khoa học thuần túy sẽ là mối bất lợi cho việc nỗ lực xây dựng một xã hội vững bền và thịnh vượng. Trong vấn đề này, tiếng nói của tôn giáo là không thể thiếu, đặc biệt vì phần lớn dân số thế giới vẫn theo một niềm tin tôn giáo nào đó,<sup>66</sup> hoặc ít nhất tự xem bản thân có đời sống tâm linh. Trong cuốn sách *“Thuật toán con người: Cách TTNT đang định nghĩa chúng ta là ai”*, Flynn Coleman khẳng định:

Khi hướng tới tương lai của công nghệ, nếu muốn hội nhập, chúng ta ít hẵn phải xét đến các ý tưởng của tôn giáo và niềm tin tâm linh. Giống như hình ảnh Trái đất nhìn từ không gian, cả tôn giáo lẫn TTNT đều có thể nhắc nhở chúng ta về sự nhỏ bé và thời gian hạn hẹp của loài người trên Trái đất. Tôn giáo, niềm tin và lời cầu nguyện có vị trí quan trọng trong các cuộc hội thảo về TTNT và đạo đức. Điều này đúng vì dù cho bạn là người vô thần, người theo thuyết bất khả tri hay người có niềm tin, thì tôn giáo vẫn quan trọng ở một mức độ nào đó – có thể như là một hệ thống niềm tin, một khuôn khổ đạo đức hay một nền tảng văn hóa – đối với phần lớn dân số thế giới.<sup>67</sup>

Trên thực tế, việc góp phần đưa tiếng nói tôn giáo đến với tương lai kỹ thuật số không phải là một vấn đề khó khăn không thể hoàn thành.

<sup>66</sup> Pew Forum, “The Global Religious Landscape,”

<https://www.pewforum.org/2012/12/18/global-religious-landscape-exec/>.

<sup>67</sup> Flynn Coleman, *A Human Algorithm: How Artificial Intelligence Is Redefining Who We Are* (Berkeley, CA: Counterpoint, 2019), 224-225.

Ngược lại, việc này rất khả thi vì nhiều người làm việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ lại chính là những người có niềm tin tôn giáo. Giám đốc điều hành mới của Twitter thay thế Jack Dorsey là Parag Agrawal, cũng như CEO của Google, là một người gốc Ấn Độ và là tín đồ của Ấn giáo.<sup>68</sup> Trong Kitô giáo, như chúng ta đã biết có rất nhiều nhà khoa học đang hoạt động trong hầu hết các lĩnh vực. Các nhà khoa học theo tôn giáo đó có thể đóng vai trò cầu nối giữa hai lĩnh vực này. Chẳng hạn, Elaine Howard Ecklund, người đã dành nhiều năm nghiên cứu mối quan hệ giữa khoa học và đức tin, nhận xét rằng:

Bằng cách tập trung vào các giá trị và nhân đức mà các Kitô hữu và các nhà khoa học đều đang có, các nhà khoa học Kitô giáo có thể hoạt động như những *người tiên phong xóa bỏ ranh giới* bằng cách giúp cho các thành viên trong cộng đồng tôn giáo của họ nối kết, hợp tác và đối thoại với các thành viên của cộng đồng khoa học một cách tốt hơn, và đồng thời cũng giúp cho cộng đồng khoa học kết nối tốt hơn với các cộng đồng tôn giáo.<sup>69</sup>

Thật vậy, nếu tôn giáo, khoa học và công nghệ tập trung vào những ưu điểm chung của mình, như “sự sáng tạo, việc tôn kính, niềm vui mừng và lòng biết ơn,”<sup>70</sup> thay vì cạnh tranh, xung đột và loại trừ, thì chúng ta có thể hy vọng vào một tương lai kỹ thuật số tươi sáng và hòa bình hơn.

---

<sup>68</sup> <https://mykuwaits.com/blog/biography/who-is-parag-agrawal/>

<sup>69</sup> Elaine Howard Ecklund, *Why Science and Faith Need Each Other* (Grand Rapids, MI: Brazos Press, 2020), 33.

<sup>70</sup> *Ibid.*

## LỜI KẾT

Qua các bài viết trong tập sách này, quý độc giả có thể nhận thấy rằng toàn bộ nội dung của cuốn sách bàn luận về đề tài “*Sứ vụ của Giáo hội trong kỷ nguyên kỹ thuật số*” bằng cách trình bày các khía cạnh khác nhau có liên quan đến chủ đề. Tập sách đặc biệt quan tâm đến những vấn đề thiết yếu đối với sứ mạng của Giáo hội như: tác động của công nghệ kỹ thuật số trên Giáo hội và xã hội, mục vụ giáo dân trong kỷ nguyên mới, đối thoại liên tôn và giao thoa văn hóa trong môi trường kỹ thuật số, truyền thông tôn giáo với mạng xã hội, suy tư thần học trong bối cảnh kỷ nguyên số, và vai trò của công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động mục vụ và loan báo Tin Mừng của Giáo hội.

Những bàn luận ở trên của tác giả nhằm mục đích tìm hiểu, suy tư và phân định một cách có hệ thống về những biến đổi trong xã hội có những tác động sâu sắc vào tương lai của Giáo hội cũng như sứ vụ mà Giáo hội được giao phó để thi hành trên thế giới. Chắc hẳn sự cố gắng đó không thể dừng lại ở những trình bày và lập luận được thể hiện trong những trang giấy này, nhưng tác giả sẽ tiếp tục đào sâu suy tư nhằm khai thác thêm những chiều kích đa dạng và mới mẻ liên quan đến bối cảnh kỹ thuật số. Từ những suy tư này, các nhà nghiên cứu khác có thể đưa ra những luận điểm thực tế và sâu sắc hơn để nắm bắt những cơ hội và giải quyết những thách đố mà thực trạng mới mang lại cho chúng ta.

Bởi vì khoa học và công nghệ là những lĩnh vực mà sự phát triển và thay đổi diễn ra một cách vô cùng nhanh chóng, nên những quan điểm và đề xuất tác giả đưa ra trong tập sách sẽ cần được điều chỉnh, bổ sung theo thời gian. Khi viết về lĩnh vực này, tác giả ý thức rằng, “*chu kỳ bán rã*” của kiến thức ngày càng ngắn lại, đặc biệt là kiến thức trong lĩnh vực khoa học công nghệ. Rất có thể, nhiều dữ liệu được trình bày trong tập sách này sẽ nhanh chóng trở nên lạc hậu, không còn phản ánh thực trạng hiện tại.

Tuy nhiên, tác giả vẫn hy vọng rằng lập luận chủ yếu và quan trọng nhất mà tác giả nhấn mạnh trong tập sách này sẽ không bao giờ mất đi tính hợp lý, đúng đắn và cấp thiết. Đó là quan điểm khẳng định rằng Giáo hội (bao gồm cả hàng giáo phẩm lẫn giáo dân) phải không ngừng thao thức, suy tư và tìm cách giải nghĩa về những biến chuyển đang diễn ra trên thế giới, nhằm kịp thời bắt nhịp và ứng phó với những dấu chỉ thời đại một cách tích cực, can đảm và sáng tạo. Đây là thái độ và phương cách hoạt động không bao giờ lỗi thời hay không hợp lý cho dù ở trong bất cứ bối cảnh nào của thế giới.

Cuối cùng, tác giả xin gửi lời tri ân sâu xa đến tất cả các độc giả. Mặc dù ở trong thời đại mà nhiều người chỉ thích đọc những bài viết ngắn gọn, có nhiều hình ảnh đẹp và hấp dẫn đi kèm, nhưng quý vị đã ưu ái bỏ giờ ra để đọc tập sách khá dài này. Đây là một niềm vui và sự khích lệ rất lớn đối với người làm nghiên cứu và làm sách. Tác giả mong rằng, những tư tưởng được trình bày trong tập sách này đã phần nào khơi dậy trong quý độc giả những ưu tư về tương lai của Giáo hội cũng như toàn thể nhân loại trước những biến chuyển to lớn đang diễn ra, đồng thời tìm ra động lực và giải pháp cùng chung tay cộng tác vào sứ vụ của Giáo hội để tiếp tục rao giảng Tin Mừng về Nước Chúa trong mọi hoàn cảnh và thời đại.

# MỤC LỤC

Lời nói đầu.....	04
Chương 1: Bối cảnh xã hội và mục vụ.....	14
Chương 2: Thần học và mục vụ truyền thông.....	45
Chương 3: Ứng phó mục vụ.....	71
Chương 4: Hướng đến thần học mạng.....	101
Chương 5: Đối thoại liên tôn.....	136
Chương 6: Giao thoa văn hóa.....	173
Chương 7: Xây dựng tình hiệp thông qua trung gian mạng...219	
Chương 8: Lãnh đạo tôn giáo với truyền thông mạng xã hội .....	242
Chương 9: Mục vụ và CNTT-TT trong và sau thời đại dịch...278	
Chương 10: Mạng xã hội với mục vụ di dân.....	311
Chương 11: Tôn giáo với tương lai kỹ thuật số.....	356
Lời kết: .....	402

Các tập sách đã được xuất bản bởi  
Trung tâm Nghiên cứu Á châu về Tôn giáo và Truyền  
thông Xã hội Đại học St. John's, Thái Lan

***Đường hướng mục vụ hậu đại dịch Covid-19:***

***Các bài học từ dấu chỉ thời đại***

LM Anthony Lê Đức, SVD

biên tập

***Pastoral Creativity amid the Covid-19 Pandemic:***

***Global Experiences***

LM Anthony Lê Đức, SVD và LM John Mi Shen

biên tập

***Di dân Việt Nam tại Á châu:***

***Thực trạng & Đường hướng Mục vụ***

LM Anthony Lê Đức, SVD và LM Đaminh Nguyễn Quốc Thuận

biên tập

***Semiannual Scholarly Journal***

***“Religion and Social Communication”***

Tạp chí học thuật của ARC – Vol. 1-20, 2 số mỗi năm

Liên hệ đặt mua sách/tạp chí:

Email: [arcstjohns.bkk@gmail.com](mailto:arcstjohns.bkk@gmail.com)

Email: [anthony.leduc@divineword.com.au](mailto:anthony.leduc@divineword.com.au)